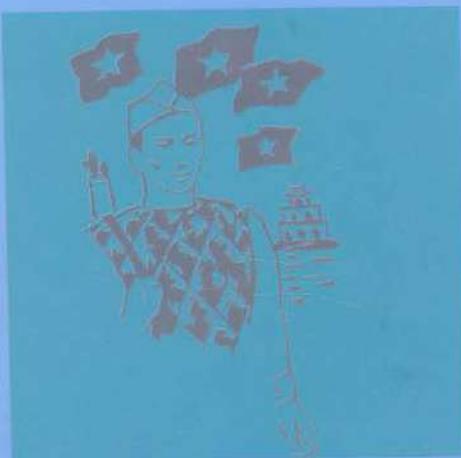


Nguyễn Đình Thi

VỀ TÁC GIA VÀ TÁC PHẨM



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

**NGUYỄN ĐÌNH THI
VỀ TÁC GIA VÀ TÁC PHẨM**

NGUYỄN ĐÌNH THI

Về tác giả và tác phẩm

HÀ MINH ĐỨC – TRẦN KHÁNH THÀNH

Giới thiệu và tuyển chọn

(Tái bản lần thứ tư, có sửa chữa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục



Nhà văn **NGUYỄN ĐÌNH THI**

LỜI NÓI ĐẦU

Nguyễn Đình Thi là nhà văn nhiều tài năng. Ông sáng tác trên nhiều lĩnh vực : thơ, tiểu thuyết, kịch, v.v. và thường như ở lĩnh vực nào ông cũng thành công. Các sáng tác của ông thường gắn với những giai đoạn lịch sử đáng nhớ của đất nước, và do vậy chúng có chỗ đứng rất lâu trong lòng bạn đọc.

Cuốn *Nguyễn Đình Thi – Vẽ tác giả và tác phẩm* tập hợp together đối đây đủ các bài nghiên cứu, phê bình bàn về nội dung tư tưởng, giá trị nghệ thuật trong các sáng tác của Nguyễn Đình Thi từ những năm sáu mươi cho đến hiện nay.

Ngoài bài khái quát *Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Thi*, cuốn sách được chia làm 5 phần :

Phần một : Nhà văn Nguyễn Đình Thi.

Phần hai : Truyện, tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi.

Phần ba : Thơ Nguyễn Đình Thi.

Phần bốn : Lý luận phê bình và kịch Nguyễn Đình Thi.

Phần năm : Vĩnh biệt nhà văn Nguyễn Đình Thi.

Các bài được chọn in trong cuốn sách này đều đã được công bố trên các báo và tạp chí.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Nhà xuất bản mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau sách được tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Trước mắt chúng ta là bộ tư liệu văn học khá đồ sộ về các tác gia tiêu biểu của lịch sử văn học Việt Nam. Trong lịch sử phát triển của văn hoá dân tộc, so với nhiều ngành nghệ thuật khác, văn học là nhân tố trội và có một vị trí quan trọng. Theo dòng lịch sử, tác phẩm văn chương luôn chịu sự thử thách, chọn lọc khắc nghiệt của thời gian và nhiều tác phẩm rơi vào lãng quên. Đường như ngược với quy luật ấy, những tác giả và tác phẩm tiêu biểu lại không ngừng được luân bàn qua các thời kỳ lịch sử. Cuộc đời và tác phẩm của họ mang nhiều tâm tư sâu sắc, quy tụ được nhiều vấn đề xã hội và có thể dự báo một điều gì cho mai hậu. Sinh thời Nguyễn Du băn khoăn :

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhán kháp Tố Nhu
(Ba trăm năm lẻ nữa ta đâu biết,
Thiên hạ ai người khóc Tố Nhu ?)*

Thế hệ kế tiếp ông, những kẻ hậu sinh thiết tha muốn hiểu và đã một phần hiểu ông. Từ ý kiến tâm huyết của Ngô Đức Kế đến những công trình nghiên cứu sâu sắc của Hoài Thanh, Xuân Diệu, của các nhà nghiên cứu Lê Đình Ky, Lê Trí Viễn,... *Truyện Kiều* đã được phân tích trên nhiều bình diện và đáng quý khi tuyệt tác này của đại thi hào Nguyễn Du đã đóng góp vào sự phát triển đời sống tình cảm của dân tộc.

Đây là trường hợp của Nguyễn Du và cũng là của nhiều nhà văn, nhà thơ tiêu biểu khác mà trước hết phải kể đến Nguyễn Trãi. Ông là người anh hùng cứu quốc, nhà tư tưởng, nhà văn hoá, nhà thơ. Hậu thế đã tìm hiểu, nghiên cứu ông trên nhiều bình diện. Đinh Gia Khánh nghiên cứu quan điểm văn chương của Nguyễn Trãi; Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Huệ Chi tìm hiểu *Quân trung từ mệnh tập* – tập luận chiến quân sự và ngoại giao rồi văn thơ chữ Hán, văn thơ quốc âm của ông cũng được nhiều nhà nghiên cứu khai thác. Đặc biệt *Bình Ngô đại cáo* được đánh giá cao qua nhiều bài viết từ Trần Văn Giàu, Vũ Khiêu đến Bùi Văn Nguyên.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi là của một thời và của muôn đời. Những ý kiến đánh giá về ông qua các thời đại giúp cho người đọc hiểu được vị trí và sự đóng góp của ông cho văn hoá và văn học nước nhà.

Văn học thời trung đại còn khơi sắc ở chặng đường cuối với nhiều nhà văn tiêu biểu. Nguyễn Đình Chiểu là một ngôi sao, một tấm gương sáng trên cả hai phương diện đạo và đời. Nhà yêu nước lớn, nhà nho giữ đạo vẹn tròn, nhà văn giàu dũng khí và tài năng, người đã giữ gìn và đưa văn chương lên vị trí cao quý. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ý kiến sáu sắc của Phạm Văn Đồng và các nhà nghiên cứu khác về sự nghiệp văn thơ Nguyễn Đình Chiểu. Trong công lao chung nghiên cứu về tác giả thời kỳ trung đại phải kể đến những công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Lê Đình Kỵ, Trần Đình Hượu, Lê Trí Viễn, Đinh Gia Khánh, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Huệ Chi, Bùi Duy Tân, Nguyễn Lộc,... đặc biệt là Xuân Diệu. Ông tự đặt cho mình nhiệm vụ phải nói cho được cái hay, cái đẹp, hương vị cao quý trong văn thơ các danh nhân của mọi thời. Ông là người nguông mộ thi hào dân tộc Nguyễn Du, "Bà chúa thơ Nôm" Hồ Xuân Hương, ca ngợi Nguyễn Khuyến, nhà thơ của "dân tình làng cảnh", cảm thương cái tài, cái phận với tiếng cười ra nước mắt của Tú Xương.

Bước sang thời kỳ hiện đại, cánh cửa lịch sử mở dần từ đầu thế kỷ XX và chỉ sau hai thập kỷ lịch sử văn học đã bước vào thời kỳ Phục hưng với phong trào Thơ mới, Tự lực văn đoàn, trào lưu hiện thực phê phán và tiếp theo là hơn nửa thế kỷ văn học cách mạng. Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tác giả lớn mở đầu cho nền văn học cách mạng. Sự nghiệp của Người bao gồm nhiều phạm vi : thơ ca, truyện ký, văn chính luận và ở lĩnh vực nào cũng nổi lên những tác phẩm tiêu biểu. Sự nghiệp văn thơ Hồ Chí Minh là niềm hứng thú của nhiều nhà nghiên cứu khoa học Việt Nam cũng như thế giới và chúng ta đã có một khối lượng tư liệu phong phú về nội dung tư tưởng cũng như nghệ thuật biểu hiện trong sáng tác của Người. Các tác giả Đặng Thai Mai, Trần Huy Liệu, Phạm Huy Thông, Hoài Thanh,... các nhà thơ Xuân Diệu, Chế Lan Viên,... đều có nhiều bài viết hay về văn thơ Hồ Chí Minh.

Tố Hữu, nhà thơ vô sản với phong cách sáng tạo độc đáo đã sớm thu hút được sự quan tâm của bạn đọc. Ngay từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Trần Minh Tước đã gọi "Tố Hữu là nhà thơ tương lai". Cách mạng tháng Tám thành công, tập thơ *Từ ấy* được giới thiệu và Đặng Thai

Mai xem là "bó hoa lửa lộng lẫy". Suốt nhiều thập kỷ, Tố Hữu vẫn là "lá cờ đầu của thơ ca cách mạng". Thơ Tố Hữu đã chinh phục được nhiều thế hệ bạn đọc qua giọng điệu trữ tình cách mạng ấm áp tình đời, tình người. Hàng trăm bài viết, công trình nghiên cứu đã khai thác khá triệt để thơ Tố Hữu với nhiều cách tiếp cận, vận dụng các phương pháp nghiên cứu thích hợp. Những nhà văn, nhà thơ lớn của thời kỳ hiện đại như Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Nam Cao đều có phong cách sáng tạo độc đáo lôi cuốn mạnh mẽ người đọc. Xuân Diệu, "nhà thơ mới nhất trong phong trào Thơ mới", nhà thơ lớn của nền thơ ca cách mạng, nhà phê bình nghiên cứu văn học uyên thâm và tinh tế đã là đề tài của nhiều công trình. Nguyễn Tuân độc đáo và tài hoa trong văn cũng như trong đời, một kiểu mẫu nhà văn lấy mình làm điểm tựa để nói về cuộc đời với nhiều ý tưởng lạ, ngôn từ chất lọc, sáng tạo. Nam Cao đến muôn, tuy chưa được biết đến trong *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan nhưng từ những năm đầu thập kỷ sáu mươi, Nam Cao đã thu hút và ngày càng nắm sâu trong ký ức từ tuổi học trò đến những người trải đời và đau đớn.

Bộ sách tham khảo khá đồ sộ về chín tác giả : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân đã được Nhà xuất bản Giáo dục tổ chức biên soạn và phát hành. Người đọc đã có một khối tư liệu và kiến thức hữu ích luận bàn về các nhà văn đó.

Điều đáng quý là chúng ta lại tiếp tục được đón nhận những tác giả mới với những bộ sách tham khảo công phu và nghiêm túc. Có thể nói đây là dàn tác giả rất đáng kính trọng và mỗi người là một thế giới tinh thần riêng không thể thay thế được.

Lê Thánh Tông là hoàng đế và cũng là nhà văn, nhà thơ thời đầu Lê. Ông có công tổ chức biên soạn *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Thiên Nam dư hạ tập*, lập Hội Tao đàn viết nhiều thơ Nôm trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, là tác giả chính của tập *Thánh Tông di thảo* nổi tiếng,... Thơ văn Lê Thánh Tông là sáng tác cung đình nên mang theo nhiều cung cách văn chương bắc học, tuy không tránh khỏi khuôn sáo nhưng cũng chứa chan cảm hứng nhân văn của một thời non nước thăng bình.

Cùng với Nguyễn Trãi, Nguyễn Du,... Nguyễn Bình Khiêm là một đỉnh cao về thi ca thời trung đại. Thơ Nguyễn Bình Khiêm là sự kết hợp từ chiều sâu chất trí tuệ và thi ca. Những kiến thức sâu sắc về triết lý phương Đông tự trong ngọn nguồn của kinh sách kết hợp với triết lý cuộc đời nhiều trải nghiệm của một thi nhân, người hành đạo đã đem lại cho thơ Nguyễn Bình Khiêm tầm vóc nhà thơ lớn của thời đại. Thơ của ông như một khu rừng thâm nghiêm linh thiêng thách thức sự tìm kiếm. Nguyễn Bình Khiêm là người trí thức trong thơ và là nhà thơ giàu tri thức, uyên bác. Bùi Văn Nguyên, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Huệ Chi, Bùi Duy Tân,... đã có nhiều đóng góp trong việc nghiên cứu cuộc đời và thơ Nguyễn Bình Khiêm. Hồ Xuân Hương là một tâm hồn thơ nữ giàu giá trị nhân văn, một giọng điệu lạ và hấp dẫn trong phong cách sáng tạo. Đến với thơ Hồ Xuân Hương là đến với tài năng và sự độc đáo. Nhà thơ này không khổ công để tạo nên bản sắc riêng mà khí chất là của trời cho, là sự chung đúc trong thơ sự hồn hậu, đa sắc điệu của tâm hồn bình dân với những tri thức của đời sống xã hội và sự kiểm nghiệm của riêng mình. Có một điệu lạ là khi viết về Hồ Xuân Hương, tất cả những người viết đều chạy theo, nói theo giọng điệu của bà và tạm quên đi điểm xuất phát của mình về giới tính, tuổi tác và cương vị xã hội. Thơ Hồ Xuân Hương được Tiến sĩ N.I. Niculin dịch ở Nga, dịch giả Huỳnh Sanh Thông dịch ở Mỹ, rồi được dịch ở Pháp và đều nhận được sự khâm phục, tán thưởng. Các nhà nghiên cứu Việt Nam như Hoàng Xuân Hãn, Xuân Diệu, Trần Thanh Mai, Lê Trí Viễn, Nguyễn Lộc, Đào Thái Tôn, Đỗ Lai Thuý,... đều góp nhiều công sức tìm hiểu, nghiên cứu tài năng của nữ thi sĩ bậc nhất tài danh này.

Nguyễn Công Trứ là mẫu nhà nho tài tử. Đời người cũng như trang viết gắn bó thống nhất. Một sự cởi mở trong tư duy tiếp nhận cũng như xử thế với đời, một phong cách tài hoa, vượt lên những gò bó quy phạm của đạo lý nhà nho, một tài năng sáng tạo nghệ thuật in đậm bản sắc cá nhân,... tất cả góp phần tạo nên phong thái riêng của văn thơ Nguyễn Công Trứ. Trong văn thơ cổ, Cao Bá Quát nổi lên như một trong những đỉnh cao của bản lĩnh và tài năng thơ. Ông là nhà thơ giàu khí phách trong đời cũng như trong thơ, là nhà thơ của trí tuệ anh minh và cảm xúc chất lọc. Thơ chữ Hán của Cao Bá Quát chưa được dịch và giới thiệu nhiều, thi tài sẽ bộc lộ và khẳng định thêm qua thời gian. Nổi lên cùng thời với Nguyễn Khuyến là một tài năng thi ca vừa giàu

chất thế sự vừa có phong vị châm biếm đặc sắc : Trần Tế Xương. Xuân Diệu cho rằng, trong các nhà thơ trào phúng "họ Tú" thì Tú Xương có cái nhìn sắc sảo hơn cả, cười ra nước mắt. Chúng ta trân trọng đón nhận những áng thơ văn của Phan Bội Châu, "những câu thơ dậy sóng" mang tâm huyết của một nhà yêu nước lớn, một nhân cách cao đẹp. Làm chính trị hay làm thơ, Phan Bội Châu cũng chỉ có một mục đích phục vụ cho dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân. Cùng với ông, Phan Châu Trinh cũng là tấm gương kiên trinh của người chiến sĩ trong đấu tranh. Lòng yêu nước sâu sắc, tâm hồn cao thượng được kí thác trong văn thơ đã gây chấn động một thời.

Khép lại thời cận đại, Tân Đà đã đến như sự báo hiệu cho những đổi thay trong thơ ở một chặng mới. Tân Đà chất chứa nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn của buổi giao thời mà ông là người quy tụ hơn là đổi thay. Thơ Tân Đà chứa đựng một tấm lòng, ông khao khát tìm một thế giới tốt đẹp ở trần giới hay nơi tiên cảnh, ông sống giữa mộng và đời nhưng cuộc đời thực vẫn day dứt tác giả khôn nguôi. Những nhà nghiên cứu về Tân Đà đã có những định hướng khác nhau. Người thì khai thác tính chất giao thời trong thơ ông. Người lại tìm hiểu chất dân gian, dân tộc qua những trang viết. Đặc biệt, nhà nghiên cứu Văn Tâm đã bỏ nhiều công sức để phân tích "khối mâu thuẫn" của Tân Đà.

Thời kỳ 1930 - 1945 với những chân dung đẹp của nhiều trào lưu văn học, chúng ta đã có Nam Cao, một nhà văn hiện thực xuất sắc, lại có thêm những tên tuổi lớn : Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Tô Hoài,... Nguyễn Công Hoan là nhà văn hiện thực xuất hiện sớm, nổi lên với tập truyện *Kép Tư Bén* và tiểu thuyết *Bước đường* cùng những sự nghiệp của ông thực ra được tạo dựng trong chiều sâu bằng hàng trăm truyện ngắn và hàng chục tiểu thuyết. Nguyễn Công Hoan là một pho sử liệu sống sinh động và chân thực về thời kỳ hiện đại. Ông đặc biệt thành công với nghệ thuật truyện ngắn, với tài châm biếm trào lộng. Tiến sĩ N.I. Niculin cho rằng : "Nguyễn Công Hoan là bậc thầy của truyện ngắn châm biếm". Ảnh hưởng của ông thật to lớn trong văn giới. Có người lại xem Ngô Tất Tố là hiện tượng độc đáo nhất của văn chương hiện thực. Từ một nhà nho "sỏi kính nấu sứ" trong "lò" của Khổng - Mạnh, ông đã trở thành một nhà văn hiện thực có tầm cỡ, một nhà báo cấp tiến. Sự kết hợp sâu sắc vốn sống của làng quê với những nhận định sắc sảo của một trí thức

Nhó học có tâm huyết, nhiệt tình đấu tranh cho lẽ phải và công bằng xã hội đã tạo cho ngòi bút của Ngô Tất Tố những phẩm chất riêng đáng trân trọng trong tiểu phẩm văn chương và báo chí cũng như trong tiểu thuyết. Các nhà nghiên cứu Phan Cự Đéc, Nguyễn Đức Đàm,... đã có chuyên luận nghiên cứu sâu về cuộc đời và văn nghiệp của Ngô Tất Tố. Vũ Trọng Phụng lại tỏ ra cập nhật với những đề tài xã hội hiện đại. Bằng năng lực khái quát hoá cao, cộng với sự hiểu biết sâu sắc mặt trái của đời sống thành thị, ông đã tạo cho mình một thế giới nghệ thuật riêng, những nhân vật giàu cá tính, những hoàn cảnh độc đáo và giọng điệu văn chương hấp dẫn. Ông là nhà văn của những trang viết giàu bản sắc và tính hiện đại. Vũ Trọng Phụng mất ở tuổi hai mươi bảy nhưng đã để lại một di sản văn học lớn,... Rồi Nguyễn Hồng, Tô Hoài đều là những cây bút sung sức, giàu sáng tạo. Một Nguyễn Hồng lực lưỡng với những trang viết về người lao động thành phố Cảng và nỗi thống khổ của họ trong cuộc đời cũ. Nguyễn Hồng cũng là nhà tiểu thuyết lịch sử với những đam mê lịch sử của dân tộc và những nỗi niềm của nhân vật quá khứ. Tô Hoài trong dòng chung của trào lưu văn học hiện thực ngày càng tạo riêng cho mình những giá trị mới. Ông viết về đất nước, con người qua những bức tranh xã hội chân thực và lắng đọng với thời gian để làm nổi lên những giá trị vật chất, tinh thần bền vững. Tô Hoài với vùng đất ven thành qua bao đời, Tô Hoài với con người và thiên nhiên xứ nhiệt đới nhiều kỳ thú, những phong tục tập quán lâu đời, các loài vật trong nhà và hoang dã. Trong dòng văn chương lăng mạn, ngoài Nguyễn Tuân, chúng ta có thêm Thạch Lam, một cây bút giàu tình cảm, tinh tế. Thạch Lam tuy ở trong nhóm Tự lực văn đoàn nhưng có định hướng và một số nội dung sáng tác khác với các nhà văn trong văn đàn. Những trang viết của ông giàu lòng nhân ái, hướng về cái đẹp, cái thiện, gợi lên ở người đọc nhiều suy nghĩ về tình yêu và nhân phẩm của con người.

Bên cạnh những tên tuổi lớn của văn xuôi lăng mạn và hiện thực, các nhà thơ của phong trào Thơ mới suốt hơn một thập kỷ vẫn lấp lánh vẻ đẹp sáng tạo. Ngoài Xuân Diệu, chúng ta lại có thêm Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính,... những nhà thơ ở vào bậc nhất nhì trong phong trào Thơ mới. Thế Lữ là người mở đầu, người góp phần khẳng định sự thăng thế của thơ mới qua những bài thơ rất hay. Tha thiết với cái đẹp, cái cao cả, tâm hồn

dây lâng du của người thi sĩ tài năng này cũng phải chịu đựng những xót xa, tủi buồn,... Thế Lữ có công đầu trong loại văn xuôi kỳ ảo, trinh thám của thời kỳ trước Cách mạng. Lưu Trọng Lư là một tên tuổi lớn trong phong trào Thơ mới. Thơ ông đậm tình và mộng. Tập *Tiếng thu* giàu cảm xúc và mộng tưởng. Ông đi tìm cái đẹp trong tình người, nhất là tình yêu và ngợi ca say đắm. Lưu Trọng Lư cũng gầy ấn tượng riêng qua một số tác phẩm văn xuôi lâng man như *Khói lam chiều* và *Chiếc cảng xanh*, *Người sơn nhân*,... Phong trào Thơ mới nổi bật lên với một "cặp song sinh", một đôi tri kỷ trong đời và trong thơ : Xuân Diệu và Huy Cận. Huy Cận trầm sâu và nhân hậu trong hơi thở trong trẻo và tha thiết với cuộc đời. Nhà thơ mang niềm tin đến với cuộc đời như ngọn "Lửa thiêng" và chỉ nhận được nỗi đau trong cuộc đời cũ. Niềm vui trong hiện tại đã thực sự đổi thay để tiếng thơ ông chín lại và có thêm một mùa hoa trái mới. Chế Lan Viên tài hoa và giàu trí tuệ. Thơ ông là một minh chứng cho sức nghĩ, sức cảm của một tâm hồn thơ không ngừng toả sáng trong suốt cuộc đời từ những văn thơ tài năng của tuổi mười sáu cho đến những trang di cảo cuối đời. Trong các nhà thơ mới, Tế Hanh là người đến muộn nhưng là bông hoa đầy hương sắc. Thơ Tế Hanh không hướng về thế giới vĩ mô, xa lạ mà tìm về những cảnh đời bình dị, gần gũi của quê hương trong cách cảm nghĩ chân thực, hồn nhiên và giàu ý vị của tuổi "hoa niên". Đời thơ Tế Hanh, nói như Xuân Diệu, là dòng suối trong thăm thỉ, róc rách đi vào những mạch thăm kín của tình đời, tình người. Nguyễn Bính thường được mệnh danh là "thi sĩ của đồng quê", nhà thơ "chân quê" nhưng chân tài. Viết về làng quê, ông đã miêu tả được cái văn hoá làng quê, tình quê, hồn quê. Nguyễn Bính vẫn là người bạn đồng hành với thời đại hôm nay. Trong các nhà thơ của phong trào Thơ mới, Hàn Mặc Tử quy tụ được nhiều lời ca ngợi về tài năng nhưng vẫn còn là một dấu hỏi, đòi hỏi nhiều sự luận bàn. Những khát vọng sáng tạo thăng hoa, lời nguyện cầu, lòng thiết tha yêu cuộc sống, những đớn đau của bệnh tật,... tất cả đã hòa quyện để tạo nên một phong cách thơ độc đáo.

Thời kỳ văn học 1930 - 1945, hoạt động lý luận phê bình nổi lên những cây bút sắc sảo. Đặng Thai Mai và Hoài Thanh là những cây bút tiêu biểu. Đặng Thai Mai với *Văn học khái luận* đã góp phần xây dựng nền văn nghệ mác xít và ông cũng có công phát triển nền văn nghệ mới trong các giai đoạn sau Cách mạng. Vững vàng về quan điểm,

tư tưởng, có chiều sâu học thuật, bút pháp diển tả độc đáo là những ưu điểm dễ thấy của Đặng Thai Mai. Hoài Thanh có công khẳng định giá trị và quy tụ thành tựu của phong trào Thơ mới qua *Thi nhân Việt Nam*. Là nhà phê bình chuyên về thơ, Hoài Thanh còn bao quát nhiều giai đoạn của thơ sau Cách mạng, đã đánh giá nhiều tác giả và tác phẩm. Với giọng điệu mềm mại, uyển chuyển, bút pháp tinh tế, Hoài Thanh là một phong cách phê bình tiêu biểu.

Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi là những tác giả mà sự nghiệp chủ yếu được hình thành từ thời kỳ sau Cách mạng. Nguyễn Huy Tưởng nổi lên thời kỳ 1940 - 1945 với vở kịch *Vũ Như Tô*. Là một trí thức có tâm huyết, gắn bó với lịch sử Hà Nội, tác phẩm của ông ngợi ca truyền thống anh hùng của dân tộc trong quá khứ, hiện tại và bày tỏ tâm sự, nêu những vấn đề của người trí thức đi theo cách mạng. Nhà văn tài hoa này đến với cuộc đời mới và có tham vọng khai thác trên bình diện lớp sâu của hiện thực qua tiểu thuyết, những xung đột giàu tính kịch và chất thơ của cuộc đời. Nguyễn Đình Thi bắt đầu bằng chính sự bắt đầu – ông ít chịu ảnh hưởng của văn chương thời kỳ trước Cách mạng. Tinh táo, thông minh, giàu tưởng tượng và liên tưởng, Nguyễn Đình Thi đã đem đến cho văn chương niềm vui, sự trong sáng của lý tưởng và cuộc đời mới.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu đều chớm vào tuổi thanh niên và sớm có mặt trong quân ngũ. Họ là những nhà văn - chiến sĩ, ngòi bút sung sức và có mặt ở nhiều giai đoạn cách mạng. Những trang viết của họ in đậm nét hình ảnh người chiến sĩ quân đội trong thời kỳ chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Nguyễn Khải giỏi phát hiện vấn đề, khai thác sâu tâm trạng nhân vật, nhạy cảm với nhiều mối quan hệ của nhân vật với thời cuộc, môi trường hoạt động, hoàn cảnh gia đình và thân phận riêng. Văn mạch tiêm ẩn nhiều câu hỏi, nhiều triết lý. Nguyễn Minh Châu gắn bó nhiều hơn với đời thường, với nhiều mẫu hình nhân vật. Ngòi bút Nguyễn Minh Châu sắc sảo khi phân tích từ hoàn cảnh hiện thực cho đến chân tướng của nhân vật để phát lộ ra bản sắc của mỗi con người. Nguyễn Minh Châu cũng có cái nhìn ưu ái, thấu hiểu cuộc đời và con người nên đã tạo được mạch tình cảm nhân ái trong tác phẩm. Anh Đức là nhà văn cách mạng miền Nam cùng thế hệ với Nguyễn Thi, Nguyễn Sáng, Nguyễn Trung Thành. Truyện ngắn và tiểu thuyết của Anh Đức

nổi lên trong phong trào Đồng khởi. Tiểu thuyết *Hòn Đất* và tập truyện ngắn *Bức thư Cà Mau* là đóng góp đáng quý cho văn xuôi cách mạng miền Nam. Anh Đức đã kết hợp được trong tác phẩm của mình chất trữ tình và sử thi anh hùng, chất hiện thực tiêu biểu của cuộc sống và phản cảm nhận tinh tế, nhân hậu.

Và cuối cùng là Lưu Quang Vũ, cây bút trẻ nhất trong các tác giả được tuyển chọn sau Cách mạng nhưng lại có thành tựu đáng trân trọng về sân khấu cách mạng. Kết hợp được tính thời đại cập nhật với giá trị lâu dài, hàng chục tác phẩm của Lưu Quang Vũ đã chiếm lĩnh sân khấu trong một thời kỳ, gây ấn tượng tích cực với khán giả.

Bộ sách tham khảo *Về tác giả và tác phẩm* được sưu tầm công phu, có hệ thống, chọn lọc. Được viết ra từ nhiều thời kỳ và những quan điểm nhận thức khác nhau nên cách đánh giá chắc chắn còn có khác biệt. Điều quan trọng là sự khẳng định đầy đủ những giá trị chủ yếu và phong cách sáng tạo riêng của từng tác giả. Trong thời gian tới, chúng ta sẽ có bốn mươi tập sách tham khảo công phu, nghiêm túc về bốn mươi tác giả văn học lớn trong văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại. Đây là công trình tham khảo hệ thống nhất về tác giả, có giá trị thâu tóm khá đầy đủ những nhận định về văn học trong thế kỷ XX – đầu thế kỷ XXI. Những nỗ lực và đóng góp trên trước hết thuộc về chủ trương của Nhà xuất bản Giáo dục, các biên tập viên và trực tiếp là các giáo sư, các nhà nghiên cứu trong và ngoài Viện Văn học.

HÀ MINH ĐỨC

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ VÀ DANH MỤC TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

Tên khai sinh : Nguyễn Đình Thi, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1924, tại Luông Phabang (Lào). Quê gốc : làng Vũ Thạch (nay là phố Bà Triệu), Hà Nội. Chỗ ở hiện nay : Hà Nội. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957).

Thuở nhỏ Nguyễn Đình Thi sống cùng gia đình ở Lào. Từ năm 1931, ông theo gia đình về nước và đi học ở Hà Nội, Hải Phòng ; tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941. Từ năm 1943, ông tham gia Hội Văn hoá cứu quốc (Phụ trách báo *Độc lập*, tham gia soạn tạp chí *Tiên phong*), là đại biểu tham dự Quốc dân đại hội Tân Trào và được cử vào Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông làm Tổng thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, Ủy viên tiểu ban dự thảo Hiến pháp và Ủy viên Ban thường trực Quốc hội (Khoá I). Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông hoạt động văn hoá phục vụ kháng chiến, đầu quân tham gia nhiều chiến dịch và sáng tác văn học. Từ năm 1948, ông là Ủy viên Ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam.

Từ năm 1955, Nguyễn Đình Thi về công tác tại Hội Văn nghệ Việt Nam, giữ trách nhiệm Tổng thư ký Hội Văn nghệ (1956 - 1958) ; Từ năm 1958, ông làm Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II và III. Hiện là Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Ông mất ngày 18 - 4 - 2003.

Tác phẩm đã xuất bản: *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951), *Thu đông năm nay* (truyện, 1954), *Người chiến sĩ* (thơ, 1956, 1958), *Máy văn để văn học* (tiểu luận, 1956 - 1958), *Bến bờ sông Lô* (truyện ngắn, 1957), *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay* (tiểu luận, 1957), *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1959, 1961), *Con nai đen* (kịch, 1961), *Cái tết của Mèo Con* (truyện thiếu nhi, 1961), *Võ bờ*, tập I (tiểu thuyết, 1962), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (tiểu luận, 1964),

Vào lửa (tiểu thuyết, 1966), *Mặt trận trên cao* (tiểu thuyết, 1967),
Võ bờ, (tập II, tiểu thuyết, 1970), *Đồng sông trong xanh* (thơ, 1974),
Hoa và Ngàn (kịch, 1975), *Tia nắng* (thơ, 1983), *Giấc mơ* (kịch, 1983),
Tiếng sóng (kịch, 1985), *Hòn cuối* (kịch, 1987).

Nhà văn đã được nhận :

- Giải nhì truyện và ký sự Giải thưởng Văn nghệ 1951 - 1952 của Hội Văn nghệ Việt Nam (*Xung kích*, tiểu thuyết).
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật (đợt I - 1996).

(Theo *Nhà văn Việt Nam hiện đại*,
NXB Hội Nhà văn, H., 1997)

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

Nguyễn Đình Thi là nhà văn mà sự nghiệp văn học được hình thành và phát triển từ sau Cách mạng tháng Tám. Trước khi đến với văn chương, ông viết sách triết học, văn chính luận và tham gia tích cực trong phong trào học sinh sinh viên yêu nước và Hội Văn hoá cứu quốc. Tuổi trẻ đấu tranh và hòa nhập trong không khí cách mạng, Nguyễn Đình Thi đã khẳng định sâu sắc tư cách công dân, tư cách của người trí thức cách mạng trước khi đến với hoạt động sáng tác văn nghệ. Nguyễn Đình Thi đã sớm gây được ấn tượng và nổi lên trong những năm đầu cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp. Chất nghệ sĩ tài hoa phát triển, tuy chưa quy tụ vào một thể loại nào, nhưng những tác phẩm đầu tay về văn xuôi, thơ, chính luận, nhạc đã bộc lộ một tài năng đa dạng của nhà văn trẻ tuổi này. Các bài ca *Diệt phát xít* và nhất là *Người Hà Nội* đã nêu lên tâm hồn nghệ sĩ đầm thắm thiết tha trước cuộc đời. Bài viết *Nhận đường* mang ý nghĩa như lời tuyên ngôn về nghệ thuật phản ánh nhiệt tâm và ý chí của đội ngũ văn nghệ sĩ một lòng đi với cách mạng và kháng chiến. "Văn nghệ phụng sự chiến đấu, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sát lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta... Sống được cuộc sống kháng chiến của dân tộc, hiếu được hướng đi của dân tộc ta hiện thời, cảm xúc được những cảm xúc mới của kháng chiến, tất cả vẫn để sáng tác quyết định ở điểm ấy". Nguyễn Đình Thi là người viết sớm tham gia lãnh đạo phong trào văn nghệ như một thành viên cốt cán, mởi mẻ, trẻ trung và có tinh thần tiên phong. Tuy có viết một số sách triết học ở thời kỳ trước nhưng ông không thuộc lớp nhà văn "tiền chiến" đi theo kháng chiến như Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Nam Cao. Ông không cùng tố chất với các nhà văn lớp trước. Sau lưng ông chưa có một điểm tựa và tác phẩm văn chương nào để khẳng định sự nghiệp. Tất cả còn ở phía trước. Vốn sống của Nguyễn Đình Thi ở thời kỳ trước Cách mạng không biểu hiện trực tiếp và gắn với vùng đất, vùng quê nào. Làng quê kháng chiến, đời sống chiến trường và

những nỗ lực của người trí thức đi theo cách mạng sẽ là đối tượng khai thác và miêu tả của Nguyễn Đình Thi trong các tác phẩm sau này. Lúc này, cũng như nhiều nhà văn kháng chiến tham gia các chiến dịch Việt Bắc, Sông Lô, Biên giới, Trung du, Nguyễn Đình Thi cũng hâm hố đến với chiến trường. Những truyện ngắn được in trong *Bến bờ sông Lô* là những trang văn xuôi nói lên những nỗ lực đầu tiên của Nguyễn Đình Thi đến với hiện thực chiến đấu của dân tộc. Nám bát được những nét đẹp và cảm động của đời sống kháng chiến, Nguyễn Đình Thi đã miêu tả với ngòi bút chân thực. Nguyễn Khải đã nhận xét đúng : "Mặc dù có một vài truyện người đọc có thể không thích lắm nhưng nói chung *Bến bờ sông Lô* là một tập truyện tốt vì đọc xong cái không hay ta quên đi còn cái hay đọng lại, thâm sâu và nhớ mãi. Những chuyện đó tuy chỉ mới phản ánh được những mảnh rất nhỏ rời rạc của dòng thác kháng chiến, nhưng nó có tác dụng gợi cho ta nhớ lại những ngày sống vĩ đại đã qua, càng thấy rõ giá trị một ngày sống hiện tại trong không khí kiến thiết, cần phải trân trọng quý mến lấy nó"⁽¹⁾. Văn xuôi Nguyễn Đình Thi lấy cuộc sống làm điểm xuất phát. Chất khoẻ khoắn mạnh mẽ của hiện thực đời sống trong những năm kháng chiến sẽ quy định và đòi hỏi cách viết khác trước. Không thể xuất phát từ ý tưởng cá nhân xa lạ mà phải dựa vào cuộc sống tuy còn có chỗ thô sơ nhưng tươi thắm và bền vững.

Tác phẩm *Xung kích* được viết sau chiến dịch Trung du là cái mốc đáng kể trong sự phát triển của văn xuôi Nguyễn Đình Thi. Sau những chuyến đi chiến dịch Trung du, Nguyễn Đình Thi viết *Xung kích*, một cuốn tiểu thuyết gọn, khoẻ, phản ánh một giai đoạn mới của chiến tranh. Những trang viết về chiến tranh ở thời kỳ đầu cầm cự, về những trận công đồn còn mang nhiều tính chất du kích đã khép lại một chapter đường. Xung kích đã về trung du, với những chiến dịch kéo dài nhiều ngày đêm. Hình ảnh lính xung kích đầu chụp mũ sắt, dáng người vạm vỡ, trang bị đầy đủ đã tạo được niềm tin cho mọi người. Những cuộc chiến đấu cũng được miêu tả quyết liệt, đánh mạnh, đánh giáp mặt kẽ thù. *Xung kích* báo hiệu cục diện chiến trường sẽ mở ra những trận đánh lớn của một thời kỳ mới. Nguyễn Đình Thi lúc này tuy chưa tạo cho mình được một phong cách trong văn xuôi nhưng rõ ràng lối viết của ông không mô phỏng theo văn chương thời kỳ trước. Văn mạch

(1) Nguyễn Khải, in trong *Văn nghệ quân đội*, tháng 10 - 1958.

khoẻ, gần với đời sống, hợp với không khí chiến trường. Những trang viết của Nguyễn Đình Thi về người lính trong chiến tranh là kết quả của những chuyến đi cảm mẫn, gắn bó và gian dặm với các chiến dịch từ Trung du (1951), Hòa Bình (1952), Thượng Lào (1953) đến Điện Biên Phủ (1954). Ông vẫn ước mong một ngày nào đó miêu tả được chân thực chiến dịch lịch sử giàu chất anh hùng ca và sử thi Điện Biên Phủ vào trang sách. Hòa bình lập lại, văn xuôi mở rộng đề tài. Một số nhà văn ngoài những trang viết trực tiếp về cuộc đời mới lại hướng về miêu tả xã hội cũ, một xã hội đã định hình và quá quen thuộc với những chất liệu đã có nhiều nhà văn khai thác. Nguyễn Hồng với *Sóng gầm* lại trở về với đề tài thơ thuyền Hải Phòng, Nam Định để khai phá và tạo dựng công trình đồ sộ : bộ *Cửa biển*, Nguyễn Công Hoan với *Tranh tối tranh sáng*, *Hồn canh hồn cù* tiếp tục khai thác vốn sống cũ và tổ chức những cốt truyện, cách đánh giá mới về cuộc sống, con người. Tô Hoài viết *Mười năm*, cuốn tiểu thuyết nằm trong bộ ba tiểu thuyết *Quê người – Mười năm – Quê nhà*. Trong không khí chung đó, Nguyễn Đình Thi viết *Võ bờ*, bộ tiểu thuyết với gần một ngàn trang phản ánh khá sâu sắc, chân thực bức tranh xã hội của thành thị và làng quê trong phong trào xã hội và đấu tranh cách mạng ở thời kỳ 1936 - 1945.

Nguyễn Đình Thi đã dựa trên trực giác giữa ba địa điểm, hai thành phố lớn Hà Nội, Hải Phòng và vùng quê Hải Dương làm cơ sở cho các nhân vật hoạt động. Hà Nội, môi trường chính trị xã hội và văn hoá lớn ; Hải Phòng, thành phố của thơ thuyền lao khổ và tinh thần kiên cường, cách mạng và vùng quê Hải Dương, nơi nuôi dưỡng phong trào cách mạng. Các nhân vật đi về hoạt động giữa thành thị và nông thôn một cách tự nhiên, hợp lý. Nguyễn Đình Thi lấy tuyển nhân vật tham gia cách mạng như Khắc, Quyên, An, Hội làm dòng chảy chính, tuyển nhân vật ở thành thị như Tư, Toàn, Phượng, Thanh Tùng,... để miêu tả môi trường văn hoá và sinh hoạt của người trí thức Hà Nội. Các nhân vật ở làng quê như Xoan, Mâm, Côi, nhất là Xoan, cũng được ghi nhận là nhân vật có bản sắc và gợi nhiều cảm mến. Bộ tiểu thuyết *Võ bờ* gồm hai tập và được xuất bản cách nhau tám năm (1961 và 1970) nên dư luận đánh giá tập sách cũng tập trung vào hai thời điểm trên. Tập I *Võ bờ* bộc lộ nhiều ưu điểm và được dư luận chào đón nhiệt tình. Tịnh Sơn với "Võ bờ", một bước tiến mới của nền tiểu thuyết Việt Nam, Nguyễn Phan Ngọc với "Võ bờ" của Nguyễn Đình Thi, Chu Nga với Hình tượng người phụ nữ trong "Võ bờ" của

Nguyễn Đình Thi, Hà Minh Đức với "Võ bờ", một thành công mới của *Nguyễn Đình Thi*. Thành công của Nguyễn Đình Thi trước hết là ở quan điểm đánh giá, nhận thức đúng đắn, sâu sắc một thời kỳ lịch sử. Nguyễn Đình Thi đã tổ chức một cốt truyện có tính hiện đại không theo cốt truyện truyền thống, một kết cấu chặt chẽ tạo điều kiện cho các nhân vật phát triển. Nhân vật nữ trong tác phẩm *Võ bờ* được xem là thành công hơn cả. Lại có ý kiến xem các nhân vật tiểu tư sản như Tư, Toàn, Hội,... được Nguyễn Đình Thi miêu tả hấp dẫn và trội lên so với các nhân vật thuộc thành phần khác. Về mặt nhược điểm, các bài phê bình đều chỉ ra sự không đồng đều của những trang viết, những mặt phản ánh hiện thực và những loại nhân vật. Dường như dễ nhận thấy là phần viết về thành thị hay hơn nông thôn, sinh hoạt văn hoá gia đình, yêu đương hay hơn đấu tranh xã hội, nhân vật trí thức tiểu tư sản hay hơn nhân vật nông dân, công nhân. Sau này, khi tập II được xuất bản lại thêm một vấn đề để so sánh : tập I hay hơn tập II. Nguyễn Đình Thi đầu tư nhiều công sức để chuẩn bị cho *Võ bờ* tập II, nhưng rồi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nổ ra với những yêu cầu xã hội bức thiết đã thôi thúc tác giả *Võ bờ* hướng về những vấn đề thời sự nóng bỏng hơn. Nguyễn Đình Thi viết hai tiểu thuyết tâm trung *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao* phục vụ kịp thời cuộc chiến đấu. Đến năm 1970, khi tập II *Võ bờ* được hoàn thành, nhiều nhà phê bình có dịp đánh giá *Võ bờ* một cách toàn diện và đầy đủ hơn. Một số nhận xét chung xem "*Võ bờ* vẫn là cuốn tiểu thuyết quy mô tương đối lớn và có giá trị về nhiều mặt"⁽¹⁾ (Phan Cự Đệ), "*Võ bờ* có những thành công không nên phủ nhận và có những chỗ yếu không thể bỏ qua"⁽²⁾ (Phong Lê). "Tiếng nói nghệ thuật của anh là tiếng nói thông minh mà hồn hậu làm cho chúng ta thêm thiết tha với lý tưởng cộng sản, thêm yêu quý tâm hồn núi sông, cây cỏ Việt Nam, biết sống thuỷ chung trong sạch và tế nhị hơn"⁽³⁾ (Nguyễn Văn Hạnh). *Võ bờ* là tiểu thuyết có giá trị nhưng vẫn tồn tại những điểm chưa thống nhất xoay quanh các vấn đề về vốn sống, về đánh giá nhân vật. Vốn sống được các nhà phê bình lưu tâm qua cách cảm nhận về khả năng phản ánh hiện thực của tác phẩm

(1) Phan Cự Đệ, *Tiểu thuyết "Võ bờ" của Nguyễn Đình Thi*, tạp chí *Học tập*, 11 - 1973.

(2) Phong Lê, *Chung quanh vấn đề "Võ bờ"*, tạp chí *Văn học*, 12 - 1972.

(3) Nguyễn Văn Hạnh, "*Võ bờ*" và nghệ thuật của *Nguyễn Đình Thi*, tạp chí *Tác phẩm mới*, 12 - 1971.

Võ bờ. Cũng dễ thấy là Nguyễn Đình Thi khi Cách mạng tháng Tám thành công mới ở vào tuổi hai mươi. Cuộc đời cũ với biết bao cảnh đời và mảnh đời khác nhau nơi làng quê hay chốn thị thành, niềm vui hay nỗi đau khó bắt hạnh liệu đã kịp trở thành vốn sống cho tác giả. Ông lại mở quá rộng phạm vi khai thác, có nông thôn và thành thị, có kẻ giàu có quyền hành như Nghị Khanh, huyện Môn, có những nông dân nghèo khổ như Xoan, Mầm, Côi, Quế, những người trí thức thành thị như Tư, Toàn, Thanh Tùng, Hội và thành viên tích cực của phong trào cách mạng như Khắc, Quyên,... Các nhân vật trên đều thành công ở mức độ khác nhau và cũng khó so sánh với các nhân vật cùng loại rất thành công của văn học giai đoạn trước Cách mạng. Có người cho rằng nhân vật Hội không thể bằng Thủ trong *Sóng mòn* của Nam Cao, Nghị Khanh không bằng Nghị Hách trong *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng, các nhân vật tư sản và tiểu tư sản thua kém nhân vật của Tự lực văn đoàn ; rồi làng quê trong *Võ bờ* mờ nhạt hơn làng quê của *Chi Phèo*, *Tắt đèn*. Cách suy nghĩ và đánh giá ấy là có căn cứ vì Nguyễn Đình Thi dù có tài năng đến mấy cũng không thể vượt qua được thành tựu cộng lại của những thành tựu trong quá khứ. Điều ấy ông không thể nghĩ tới, không dám nghĩ tới. Có lẽ ông đi theo một hướng khác, không đóng lại mà mở ra, không dồn nhân vật vào chỗ đau khổ tuyệt vọng để tố cáo xã hội cũ. Nguyễn Đình Thi muốn miêu tả các nhân vật trên dòng chảy tiếp cận với dòng chảy của cách mạng trong một phong trào và sau đó trong một cao trào. Hội không ở trong trạng thái quẩn quanh tù đọng như Thủ mà tìm đến tham gia phong trào cách mạng trong gia đình cụ Tú, Khắc là nhân vật cốt cán đã nhiệt tình tham gia cách mạng, đã có ảnh hưởng và lôi cuốn các nhân vật khác như Quyên, An,... Chính vì thế mà bức tranh tổng hợp của Nguyễn Đình Thi trong *Võ bờ* không tránh khỏi có những mảng đậm nhạt khác nhau và nhân vật với đặc thù riêng đã phải bù đắp cho nhau. Nếu đứng tách riêng ra dễ thấy phần hạn chế, nhưng chung dúc lại dễ tạo nên những quan hệ hợp lý. Tuy nhiên, có một nhân vật tạo nên nhiều ý kiến khác biệt đó là Phụng. Phụng là một cô gái đẹp, con một gia đình tư sản ở Hàng Đào, Hà Nội. Thời đi học, Phụng yêu Tư, một họa sĩ nghèo với tình yêu ban đầu trong sáng. Nhưng rồi Phụng không lấy Tư mà lấy huyện Môn theo sắp xếp của gia đình. Người con gái đẹp, thông minh này đã không thể tìm thấy hạnh phúc ở một người chồng tầm thường, tàn ác và bắt đầu bị cuốn vào vòng xoáy của đời sống thành thị của chuyên

yêu đương phức tạp. Đời tình duyên của Phượng ngày càng nặng nề không tìm được lối ra và dẫn đến hành động tuyệt vọng. Phượng được cứu thoát và dần tìm lại niềm vui của cuộc sống từ chuyện nhàn rỗi ngồi may cờ cho đoàn thể do người em gái nhờ cậy đến niềm vui trong ngày Cách mạng tháng Tám thành công. Nhìn chung, tính cách của Phượng phát triển hợp lý tuy Nguyễn Đình Thi tỏ ra nhiều lúc còn chiều chuộng và thiếu nghiêm khắc với nhân vật. Tuy nhiên, cũng không nên quá nặng nề khi cho Phượng là cô gái lảng mạn dân thành hư hỏng hoặc cho rằng Phượng không đủ tư cách để may cờ Việt Minh. *Võ bờ* là một bộ tiểu thuyết phản ánh nhiều mặt của xã hội Việt Nam thời trước Cách mạng, đặc biệt là trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong sự bê b potrà phức tạp của tình hình chính trị vẫn có một dòng chảy mạnh mẽ cuốn cả xã hội theo chiều hướng cách mạng. Nguyễn Đình Thi đã thực hiện được chủ định của mình một cách thuyết phục trong tác phẩm.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là sự kiện lịch sử vang nhất trong đời sống chính trị của dân tộc đã lôi cuốn hàng triệu người hăng hái thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Chiến trường chống đế quốc Mỹ gian nan, vất vả mà hấp dẫn, lôi cuốn. Quân đội ta vào cuộc với nhiều binh chủng mới được phát triển nhằm chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mỹ. Nguyễn Đình Thi đã đến với cao xạ pháo và không quân. Lúc này đã có nhiều tác phẩm ký ghi chép kịp thời những trận đánh và tấm gương anh hùng trong chiến đấu. Nguyễn Đình Thi muốn kết hợp giữa sự thực của cuộc sống và khả năng hư cấu sáng tạo. *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao* là hai cuốn tiểu thuyết viết kịp thời về đề tài chống Mỹ cứu nước. *Vào lửa* phản ánh một đơn vị cao xạ pháo với thế hệ những người lính trẻ có học, giàu nhiệt tình cách mạng, dũng cảm kiên cường trong chiến đấu. Nguyễn Đình Thi qua nhân vật Xuân – chỉ huy đơn vị – cũng gửi gắm được nhiều suy nghĩ của tác giả với cuộc chiến đấu lớn lao của dân tộc. *Vào lửa* là một phác thảo khoẻ gần với cuộc sống. Chất ký in đậm nét trên trang viết. Nguyễn Đình Thi đã sáng tạo nên một cốt truyện như một đường dây linh hoạt bắt đầu và quy tụ các nhân vật vào một rường mổi. Tuy nhiên, cốt truyện còn đơn sơ, lỏng lẻo, chưa phải là những quan hệ vững bền và tiêu biểu của hiện thực. *Mặt trận trên cao* cũng là một tiểu thuyết thời sự. Bình chủng không quân còn non trẻ của ta mới xuất trận đã đạt được những

thành tích đáng khích lệ. Những chiếc Mig 17 thường được gọi là én bạc đã dám đương đầu với những Thần Sám⁽¹⁾. Con ma⁽²⁾ và giành thắng lợi. Cái khó với Nguyễn Đình Thi là vấn đề cốt truyện. Phải tạo được một cốt truyện thích hợp có quan hệ giữa trời và đất, giữa hậu phương và tiền phương. Các nhân vật Lương, Đào, Tuyền gây được cảm tình với người đọc. Tuy còn thấp thoáng, chưa phải là nhân vật có bề dày, có chiều sâu, nhưng họ mang theo bóng dáng của người thanh niên mới của thời đại. Hai cuốn tiểu thuyết *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao* ghi nhận những nỗ lực rất đáng khích lệ của Nguyễn Đình Thi. Từ chân dung của người lính xung kích năm xưa trên chiến trường chống thực dân Pháp đến người lính cao xạ và không quân trong những năm chống đế quốc Mỹ đã khác đi rất nhiều về tình thế chiến tranh, vũ khí chiến đấu. Tuy nhiên, người lính vẫn mang phẩm chất của người lính năm xưa của chiến trường Đông Bắc, của Điện Biên Phủ. Nếu có khác là ở chỗ người lính thời chống Mỹ cứu nước được học tập đầy đủ dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, được trang bị những kiến thức khoa học tiên tiến trong những binh chủng hiện đại. Hình thái của cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ đánh miền Bắc diễn ra trong những thời gian và không gian không nhất định và liên tục ở một địa điểm nào mà thường gắn nhiều hơn với những trục giao thông cầu đường, bến bãi, kho tàng. Do đó, tạo một cốt truyện truyền thống vững chắc là khó khăn. Đa phần các tiểu thuyết ở thời kỳ này đều mang nhiều tính chất ký. Dựa trên một chuyến đi, một cuộc hành quân, một trận đánh chớp nhoáng của một binh chủng rồi mở rộng, thêm thắt chuyện của đời sống, của tình yêu để tạo thành cốt truyện. Nguyễn Đình Thi có thể cũng viết *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao* theo tinh thần đó. Nhưng điều mà tác giả Công việc của người viết tiểu thuyết nhấn mạnh và xem là đặc trưng chính của tiểu thuyết là tính chất hư cấu của tác phẩm. Các nhân vật trong *Vào lửa*, *Mặt trận trên cao* được hư cấu thích hợp với những công việc mà họ tham gia, những sự kiện mà họ chứng kiến. Và điều quan trọng là Nguyễn Đình Thi đã có mặt, đã phản ánh kịp thời những sự kiện lớn của đất nước trên dòng chảy của thời cuộc và qua trang viết của mình.

Đất nước, cách mạng, chiến tranh và người lính, những chủ đề, hình ảnh lớn ấy luôn ám ảnh và đặt cho tác giả những suy nghĩ,

(1), (2) Tên gọi một số máy bay hiện đại của Mỹ thời chiến tranh (BT).

trách nhiệm sáng tạo. Từ những nhân vật như Khắc trong *Võ bờ đến Kha*, Sân trong *Xung kích rồi Xuân*, Đức, Lương trong *Vào lửa và Mặt trán trên cao*, họ là những thế hệ kế tiếp nhau đến với cách mạng và kháng chiến, gánh vác những trách nhiệm lớn với non sông đất nước. Nguyễn Đình Thi muốn được nói, đối thoại, tâm tình qua những trang sách với tư cách người cùng thế hệ và nhiều lúc là đồng đội, đồng chí. Nguyễn Đình Thi xem tiểu thuyết là mảng cái trong văn học và ông đã dẫu tư nhiều cho tiểu thuyết trong suốt thời gian dài cầm bút. Tuy nhiên, Nguyễn Đình Thi rất xem trọng vị trí của thơ trong văn học ; riêng với bản thân thì ông xem đây là thể loại bộc lộ được mình nhiều nhất và thơ Nguyễn Đình Thi cũng gây ấn tượng nhiều nhất với người đọc. Ngay từ lời bài hát *Người Hà Nội* đã có thể xem là một bài thơ hay hoà hợp được nhiều chất anh hùng ca, tình ca, vừa sôi nổi hùng tráng vừa thiết tha trữ tình. Đến với thơ, Nguyễn Đình Thi đi theo một lối riêng, ông rất ít chịu ảnh hưởng của thơ mới, và thơ ông cũng không mô phỏng tiếp nối thơ cách mạng thời kỳ trước tháng Tám năm 1945. Thơ Nguyễn Đình Thi là mạch tình cảm và giọng điệu của một thế hệ mới đến với cách mạng rất hồn nhiên, trong sáng và giàu ý thức trách nhiệm. Ông muốn nói cái mới với cách nói mới, không lệ thuộc và ràng buộc nhiều những yếu tố bên ngoài. Về thơ, Nguyễn Đình Thi có những quan niệm sâu sắc : "Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ khi nó ra khỏi tình trạng bình thường, khi nó không còn chiêu theo thói quen như một dây da trong bộ máy, khi nó thức tỉnh tự soi vào nó để tự nhận thấy đang ở một độ rung chuyển khác thường, do một sự va chạm nào với thời gian bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác, rồi do sự tự soi sáng ấy mà cảm xúc thành hình được hẳn"⁽¹⁾.

Với quan điểm nhất quán về thơ từ các tập *Người chiến sĩ*, *Bài thơ Hắc Hải*, *Dòng sông trong xanh* đến *Tia nắng rồi Trong cát bụi*, cảm hứng lớn trong thơ Nguyễn Đình Thi tập trung vào cảm hứng về cách mạng, đất nước, trong chiến tranh và dựng xây trên cái nền đó là số phận, là niềm vui và hạnh phúc của cá nhân theo năm tháng của cuộc đời.

Cảm hứng về đất nước xúc động và tươi mới trong tập thơ *Người chiến sĩ*, đặc biệt, ý thơ quy tụ trong bài *Đất nước*. Tình yêu đất nước thể hiện sâu sắc trong ý thức làm chủ cuộc đời từ bầu trời xanh cho

(1) Nguyễn Đình Thi, *Tuyển tập*, tập 3. NXB Văn học, H., 1997.

đến những cánh rừng và ngả đường bát ngát. Lòng tự hào dân tộc từ truyền thống hàng ngàn năm kiên cường bát khuất cho đến những tháng năm hiện tại của quê hương chiến đấu :

*Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Đây thép gai đâm nát trời chiếu.*

Xen lẫn với những hình ảnh có phần ám đạm là cảm hứng tin cậy vào tương lai của quê hương đất nước qua những hình ảnh đẹp và khoẻ về đất nước :

*Nước Việt Nam từ máu lửa
Rẫu bùn đứng dậy súng loà.*

Nhưng rồi chiến tranh lại nối tiếp chiến tranh. Khó khăn lại chồng chất khó khăn, Nguyễn Đình Thi đã chứng kiến tận cùng những cảnh chết chóc mà kẻ thù gieo rắc khắp nơi. Nay đây là *Buổi chiều Vàm Cỏ* đau thương :

*Pháo địch đang gào hú
Phía chân trời
Bầy nòng nọc đen mang chết chóc
Sà xuống nhào lên cuồng điên
Buổi chiều ứa máu
Ngón ngang những vũng bùn.*

Đất nước trong thơ Nguyễn Đình Thi được miêu tả chân thực, thám tươi nhưng còn nhiều xót xa và được cảm nhận với tình cảm trân trọng thiêng liêng.

Khi nhận định về những trang viết của Nguyễn Đình Thi, Hoài Thanh cho rằng Nguyễn Đình Thi nhìn nhận cuộc sống từ nhiều bình diện. Trong chiến đấu, nhất là trước yêu cầu cấp bách của chiến trường, thời cuộc sẽ dễ thiên lệch, một chiều : "Có những nhà thơ chỉ nói cái vui chiến đấu và chiến thắng. Nguyễn Đình Thi thì còn nói thêm những xót xa, mất mát và có lúc hình như anh nhấn quá nhiều. Nhưng trái lại cần nói anh hiểu rõ cái giá chung ta phải trả, hiểu rõ phẩm chất cao quý của đồng bào, đồng chí chúng ta, hiểu rõ hạnh phúc to lớn chúng ta đã giành được"⁽¹⁾.

(1) Báo Văn nghệ, số 635, ngày 3 - 1 - 1976.

Có một chủ đề trong thơ được tác giả quan tâm, ấy là hạnh phúc cá nhân trong cuộc đổi thay lớn lao của cách mạng. Không thể khác được trong hoàn cảnh đất nước chìm đắm trong khói lửa chiến tranh, gia đình không dễ được đoàn tụ trong bình yên. Bài thơ *Không nói* đã nói lên bao điều : yêu thương thầm thiết và xót xa trong cảnh chia ly. Sự xa cách và nỗi nhớ trong bài thơ mùa thu năm ấy sẽ không mờ phai mà ngày càng là tâm tư, là cảnh ngộ thực của nhiều người chiến sĩ trong cuộc trường kỳ kháng chiến :

*Dừng chân trong mưa bay
Ướt đầm mái tóc
Em, em nhìn đi đâu
Mỗi em dõi mắt
Còn ôm đáy
Nhìn em nữa
Phút giây
Chiều mờ gió hút
Em
Bóng nhớ
Đường lây.*

(1948)

Buồn nhưng không quên trách nhiệm còn ở phía trước. Nguyễn Đình Thi cũng đã diễn tả sâu sắc nỗi nhớ của người chiến binh trong xa cách, nỗi nhớ thầm thầm ngày đêm âm ỉ đốt cháy trong lòng khi nghĩ đến hậu phương :

*Những đêm dài hành quân nung nấu
Bóng bón chốn nhớ mắt người yêu*

(Đất nước)

Có buồn nhưng không bi lụy, rất riêng tư nhưng luôn có ý thức gắn với cuộc đời chung. Một thế hệ chiến đấu để bảo vệ và xây dựng hạnh phúc, cái hạnh phúc của những người không nô lệ. Ông hiểu rõ mối quan hệ riêng chung gắn bó đến mức độ nào trong cuộc đấu tranh của cách mạng, nhất là trong chiến tranh. Phải chăng họ là những hạt thóc trong nắm tay cách mạng tung lên giữa mùa gió lớn và số phận gắn với chiều gió của thời đại ? Nguyễn Đình Thi vẫn hăng khao khát viết về

một tình yêu đẹp, trong sáng, có ánh sáng của lý tưởng và những tiếng nói gần gũi của trái tim yêu thương. Những giây phút như thế không nhiều nhưng thật đáng quý xiết bao :

– Anh yêu em – vậy thôi – anh có em trong đời
Em niềm thương của anh, lo lắng của anh
Đòng sông không bao giờ yên của anh

(Trên con đường nhỏ)

– Em yêu ơi, anh nhìn không mỏi về em
Em mắt trong toả đầy nắng ấm
Anh yêu tiếng gọi thầm không nguôi nỗi em.

(Núi và biển)

Nguyễn Đình Thi có nhiều cách nói gợi cảm về tình yêu, thẳm sâu, không ồn ào và có những niềm vui lặng lẽ :

Tìm thấy nhau rồi không lạc nữa
Anh dắt tay em chạy giữa mưa
Cùng vui quá và cùng run quá
Đến nơi chưa từng biết bao giờ.

(Buổi chiều ấy)

Thơ Nguyễn Đình Thi càng ở vào chặng đường sau càng nặng chất suy nghĩ và thẳm sâu tình cảm nhân đạo. Tình yêu của tuổi trẻ mờ ra và lắng sâu trong tình yêu cuộc đời và con người. Nguyễn Đình Thi nhìn cuộc đời từ nhiều phía, niềm vui hiện tại và nỗi hüz vê của mai sau, những đau khổ và giới hạn của con người. Thơ Nguyễn Đình Thi có những tâm trạng buồn nhưng không àm đạm, tuyệt vọng mà trong mạch sâu kín vẫn là lòng thiết tha yêu cuộc sống, ý thức trách nhiệm với đời.

Và trong những ý nghĩ sâu thẳm về cuộc đời và con người, tác giả vẫn tuyệt đối tin tưởng vào con người. Con người sống phải biết cần đến nhau. "Một tâm hồn cần có một tâm hồn khác", cần phải biết dựa vào nhau và biết yêu thương nhau. Cho dù là một tình cảm lớn hay "niềm nhỏ" cũng phải có hạt nhân của sự yêu thương :

Hồi người sắp đi xa, người có muốn đem theo gì không ?
Tôi chỉ mong được một vài ánh mắt nhìn quyến luyến

*Người có muốn gửi lại gì không ?
Chút nắng ấm cho người tôi yêu thương*

(Niềm nhớ)

Nguyễn Đình Thi cũng có những đóng góp quan trọng về nghệ thuật kịch. Quan niệm của ông về kịch tuy chú ý đến đặc trưng thể loại nhưng cũng không ở ngoài quan niệm chung về văn học cách mạng. Kịch cách mạng trước hết cũng phải hướng về phản ánh những vấn đề, những xung đột của hiện thực cách mạng để chỉ ra hướng vận động phát triển của phong trào, không thể gò cuộc sống lớn lao vào những khuôn mẫu chặt hẹp. Nói về kịch cổ điển Pháp vốn có ảnh hưởng nhiều đến kịch Việt Nam, ông nhận xét : "Những kịch đó phản nhiều gò bó trong những khuôn khổ chặt hẹp như những bài thơ Đường bối trí một cách đơn sơ quá, không hợp với cuộc sống mãnh liệt của xã hội ngày nay"⁽¹⁾.

Quan niệm trên đường như cũng có những thay đổi khi ông bắt tay vào sáng tác, ông vừa quan tâm tới việc phản ánh hiện thực trực tiếp qua kịch và ông cũng đặc biệt chú ý đến những vấn đề đặt ra cho muôn đời : thiên và ác, chính và tà, hạnh phúc và bất hạnh, hy vọng và tuyệt vọng, những bi kịch của kiếp người và những phẩm chất cao cả trong đời. Có thể nói phần lớn kịch Nguyễn Đình Thi đều khai thác từ những câu chuyện lịch sử, có phần chính sử và nhiều phần là những chuyện mang màu sắc dân gian. Từ kịch *Con nai đen* mô phỏng theo một câu chuyện cổ nước Ý đến *Rừng trúc tối* Nguyễn Trãi ở Đông Quan, từ *Cái hóng trên tường* đến *Người đàn bà hoá đá* đều mang đậm chất bi kịch và huyền thoại của câu chuyện chính sử hoặc dân dã đời thường. Nguyễn Đình Thi không khai thác tỷ mỷ chuyện xưa mà tiếp cận ở hai góc độ, một là ý nghĩa xã hội và nhân bản của xung đột kịch, hai là mối liên hệ giữa cuộc sống hôm nay với những vấn đề của ngày qua. Có thể bắt đầu từ truyện *Con nai đen*. Qua tác phẩm kịch này, Nguyễn Đình Thi muốn nói tới cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác muôn đời vẫn dai dẳng, quyết liệt và cái ác nhiều khi lại đội lốt cái thiện nên càng khó để phân biệt và đối phó. Nguyễn Đình Thi đã nhấn mạnh đến vai trò của nhân dân, con mắt sáng suốt và tinh tú敏锐 của nhân dân sẽ nhìn rõ sự việc. Trong *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, qua những xung

(1) *Văn nghệ*, số tranh luận, 9 - 1949, tr. 94.

đột, Nguyễn Đình Thi lại muốn miêu tả một tâm vóc của một nhân cách lớn. Trước cảnh non sông đang lâm nạn, kẻ thù nhân phái tinh tảo, Nguyễn Trãi đã phê phán những cách nghĩ, cách làm không đúng : "Một ông quay lưng lại việc đời, tìm một nơi góc vắng để chết một mình cho sạch. Một ông lầm liết nhảy vào mũi dao của chúng nó để chết cho anh hùng. Các ông muốn đánh lại chúng nó nhưng mà cái đầu của các ông chỉ nghĩ được trong vòng cái khuôn của chúng nó. (Như gầm lên) Sao lai chết (*Im lặng một lúc*). Đêm nay đất trời sao mà thăm thẳm... Non sông cách đường nghìn dặm. Sự nghiệp buôn đêm trống ba"⁽¹⁾. Những giày vò đau đớn là thế nhưng Nguyễn Trãi luôn ở trong thế chủ động tìm cách vượt lên những thúc bách của hoàn cảnh trong cách nghĩ, cách cảm : "Vắng, may mà nước ta không phải chỉ có những ông nhà nho nghĩ bằng sách Tàu. May mà chúng ta còn biết sống theo lẽ của ta, nghĩ bằng cái đầu của ta... Bây giờ bốn bên lặng lẽ, im lìm nhưng không phải vậy đâu, nghe kỹ xem rì rầm khắp cả... Hàng chim ngủ khi thuyền đỗ, nước triều lao xao còn đợi trăng lên. Mà trăng sắp mọc kia rồi. Trăng lên, nước triều sẽ dâng lớn, ông ạ..."⁽²⁾.

Chính qua những lời nói và suy nghĩ đó mà tâm vóc nhân vật được nâng cao. Nguyễn Đình Thi đã bộc lộ mặt mạnh của người bút kịch bằng những đột phá vào thế giới bên trong của nhân vật và qua đối thoại, độc thoại để đưa nhân vật vượt lên. Chất suy nghĩ, tâm vóc của sự suy nghĩ đã tạo cho nhân vật của Nguyễn Đình Thi một cốt cách riêng. Các nhân vật đều có ý thức và chủ động trong hành động. Nhân vật Chiêu Thánh trong *Rừng trúc qua nhiều lời thoại sâu sắc mạnh mẽ* đã đi đến mọi quyết định quan trọng cho cá nhân, cho triều chính.

Chiêu Thánh : "Hãy nghe : từ hôm nay Lý Chiêu Hoàng này rời bỏ ngôi báu. Người đàn bà được Đức Vua cha ta thương yêu kia, ta cho bà trở về họ Trần, từ nay bà không còn phải là bày tôi nhà Lý ta nữa. Ta cởi bỏ cho các ngươi ra khỏi thân phận một bọn tiếm quyền mà được chính danh giữ việc nước, thế thì các ngươi hãy ra khỏi cõi tối tăm, quý quyết mưu mỏ, từ nay giữa thanh thiên bạch nhật hãy hết lòng phù tá người kế nghiệp ta giữ gìn lấy giang sơn nhà Lý ta giao lại. Bờ cõi này còn chưa

(1), (2) Nguyễn Đình Thi, *Tuyển tập*, tập 1, Sđd, tr. 69, 471.

vững chắc thì các người phải ăn không ngon, ngủ không yên. Còn ta từ nay ta sẽ làm một người dân thường, xa nơi triều chính, còn được ngày tháng nào chỉ để lo hương khói thờ phụng Đức Vua cha ta cho tròn đạo làm con gọi là mong ăn năn tội lỗi của ta được phân nào. Ta đã nói, bà đã nghe. Hãy tuân theo ý ta, từ nay hãy để cho ta yên”.

Nhân vật Chiêu Thánh bộc lộ rõ tính cách và bản lĩnh. Nguyễn Đình Thi đã tạo được cho nhân vật một tư cách, một ngôn từ sang trọng của người có quyền thế và tuyên bố chấm dứt quyền thế mà không hề thất thế. Ông biết khai thác xung đột lịch sử ở thời điểm có ý nghĩa và đầy các nhân vật đến những giới hạn cao nhất để bộc lộ tính cách, vừa quyết đoán trong hành động vừa thể hiện chiêu sâu nội tâm. Các nhân vật Nguyễn Trãi, Lý Chiêu Hoàng vừa là nhân vật lịch sử, vừa là nhân vật nghệ thuật. Tác giả tôn trọng tính chân thật lịch sử và cũng phát huy khả năng hư cấu sáng tạo. *Rừng trúc và Nguyễn Trãi ở Đông Quan* là hai tác phẩm kịch có giá trị của Nguyễn Đình Thi. Với những tác phẩm này, đặc tính kịch được giữ vững trong nội dung hiện thực cũng như trong phương thức thể hiện. Nguyễn Đình Thi lại có một cách tiếp cận và khai thác linh hoạt các câu chuyện cổ trong dân gian như *Người đàn bà hoá đá*, *Cái bóng trên tường*, *Trương Chi*, *Hòn cuội*... Những vở kịch này như những khúc tình ca, bi ca. Một tình huống bi kịch, một mối tình dang dở, một nghịch lý đau lòng, một sự lâm lõng ngộ nhận, một ngẫu nhiên mang tính định hình... tất cả dẫn đến những nỗi buồn đau đớn, chết chóc. Những câu chuyện có phần dành cho kịch, có phần dành cho truyện, cho thơ. Cũng vì thế, hình thức kịch nhiều khi biến thái như một hoạt cảnh, một cảnh diễn, một hình thức kể chuyện sân khấu. Khuôn khổ câu chuyện trong đời sống mang tính xác định trong một cảnh ngộ, một tình huống. Qua lời kể của con nhỏ về cái bóng trên tường, người chồng lầm lẫn, ghen tuông và dẫn đến cái chết của vợ ; tiếng hát mê người của anh chàng Trương Chi nghèo khổ xấu trai và cô công chúa trong cung cấm đã dẫn đến mối hận tình tuyệt vọng. Với những câu chuyện và tình huống trên, Nguyễn Đình Thi không mở rộng mà giữ nguyên tính chân thực của sự việc và khuôn khổ cốt truyện. Tác giả đã vận dụng sáng tạo tri thức văn hoá và kinh nghiệm xã hội để nhận thức các vấn đề của lịch sử qua cách cảm thụ của một người yêu cái đẹp và bảo vệ cái thiện trong những hoàn cảnh bi đát ; kịch của Nguyễn Đình Thi là một thế giới mang màu sắc văn hoá, nơi mà dấu vết văn hoá được quy tụ trong một nội dung nhân bản”.

Đúng là có thể nói tới một thế giới kinh của Nguyễn Đình Thi. Ở đây cuộc đời có quá khứ, hiện tại và tương lai, chủ yếu là những vấn đề chung của lịch sử ở một thời điểm và cũng là muôn đời. Ở đây có những gương mặt hiền lành cụ thể của người con gái, bà mẹ, người chiến binh, như mới từ cuộc đời đi vào trang sách và sâu xa hơn, họ lại đến với thế giới có màu sắc huyền thoại. Xung đột kinh của Nguyễn Đình Thi không phải là những tình huống mâu thuẫn đúc lại thành xung đột có tính chất sách vở mà được khai thác từ cuộc đời thật trong thời gian và không gian khác nhau. Trong kinh của Nguyễn Đình Thi còn có những biểu tượng, những ảo ảnh, những mơ ước và huyền thoại. Đúng như nhận xét của nhà nghiên cứu kinh Tái Thắng : "Thế giới kinh của Nguyễn Đình Thi là một thế giới như hư như thật, nó kỳ ảo như một *Giác mơ* nhưng lại sờ sờ ra đây như một *Hòn cuội* và trong cái thế giới ấy, Nguyễn Đình Thi đã làm hiển hiện lên trước mắt ta, trong sự tiếp nhận của ta những con người, những cảnh đời vừa quen vừa lạ, vừa thấy đây như một dòng sông, một bến nước, một người vợ đêm đêm chờ chồng mà thoát cái đã thành cái bóng oan nghiệt..."⁽¹⁾.

Cái gốc của tất cả những câu chuyện xa xôi và gần gũi ấy đều quy tụ lại ở gốc nhân bản. Chuyện của con người, chuyện của muôn đời không có gì xa lạ mà gần gũi, xót xa, đớn đau. Ngoài những thành tựu trong các lĩnh vực thơ, tiểu thuyết, kịch, âm nhạc, Nguyễn Đình Thi có những đóng góp quan trọng cho lý luận, phê bình.

Ngay từ trước Cách mạng tháng Tám, nói chuyện ở Ngày hội sinh viên năm 1944, ông đã có bài *Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích* ca ngợi sức sống của dân tộc và biểu hiện kín đáo tình cảm yêu nước của thanh niên. Nguyễn Đình Thi viết tiểu luận và lý luận. Lý luận của Nguyễn Đình Thi không thuộc dạng thuần lý mà thường gắn với kinh nghiệm hoạt động của bản thân qua từng thể loại văn học hoặc tổng kết về phong trào. Ý kiến của Nguyễn Đình Thi về thơ, về tiểu thuyết, đặc biệt là tiểu thuyết, vừa mang đặc điểm riêng lại vừa có giá trị chung. Nói như Lê Đình Kỵ : "Đúng vững trên lập trường nguyên tắc đưa sự sống, đưa tâm hồn, đưa suy nghĩ sáng tạo vào lý luận phê bình, đó là ưu điểm nổi bật của Nguyễn Đình Thi. Ngòi bút phê bình và lý luận của anh thật là nhịp nhàng. Có người nghệ sĩ hơn trong cách nhìn nhận văn đề, có người thi sĩ hơn trong cách cảm thụ, có người uyên bác bề thế hơn trong lập luận, trước cái đúng cái sai có

(1) Tạp chí *Sân khấu*, số 219, năm 1999, tr. 15.

người dứt khoát quả quyết hơn⁽¹⁾. Cái ưu thế của Nguyễn Đình Thi là đã kết hợp và giao lưu được giữa nhà lý luận và người sáng tác. Điều ông cảm xúc, say mê trong sáng tác được đúc kết thành lý luận và trên những suy nghĩ thuần tuý lại có khả năng mở ra liên hệ với thực tế cuộc đời và sáng tác. Vũ Đức Phúc cho rằng "không phải bất cứ luận điểm nào của Nguyễn Đình Thi cũng hoàn toàn có tính khoa học" nhưng kinh nghiệm hoạt động và sáng tác của một cây bút văn xuôi có nhiều suy nghĩ, sáng tạo đã giúp cho tác phẩm lý luận về tiểu thuyết có nhiều ưu điểm : Công việc của người viết tiểu thuyết chứa chất nhiều ý kiến có đúc và sâu sắc rất có ích cho người viết tiểu thuyết và cả cho bạn đọc⁽²⁾. Tất nhiên, về mặt lý luận thể loại, chủ yếu ông viết bằng kinh nghiệm riêng của một nhà văn, nhà thơ có tri thức và thành tựu sáng tác. Cũng không dễ tìm thấy đầy đủ ở Nguyễn Đình Thi những quan niệm về tiểu thuyết, thơ ca trên thế giới. Ông tham khảo và có nhắc đến tên tuổi một số nhà lý luận quen thuộc ở nhiều nước nhưng không có điều kiện theo dõi có hệ thống sự phát triển khoa học lý luận về tiểu thuyết, về thơ. Dành rằng chân lý trước sau cũng thống nhất, những ý kiến đúng dẫn thường gặp gỡ nhau, tuy nhiên trong quá trình phát triển lý luận văn nghệ mang rất nhiều màu vé và sự hiểu biết của một nhà văn thiên về sáng tác cũng bị nhiều giới hạn, Nguyễn Đình Thi trong mảng lý luận phê bình đã thành công trong một số bài tiểu luận về các tác giả như Trần Đăng, Nam Cao, Nguyễn Tuân. Ông hiểu sâu, hiểu kỹ, nói đúng, nói hay về các tác giả hơn. Ông nhận xét về Trần Đăng với phong cách độc đáo khi viết về người lính và chiến trường : "Trần Đăng muốn thản nhiên và im lặng không lúc nào nói to lên. Anh không muốn nói thêm vào sự việc, dù là một ý nghĩ hay tình cảm tươi tốt yêu mến. Đọc Trần Đăng thấy tình cảm nén xuống trước sự thật trần trụi hiện lên rất rõ. Nhưng người đọc cũng thấy nhiều yêu mến dưới bề ngoài cõi ý lạnh lùng"⁽³⁾. Và ông có những trang viết sâu sắc, xúc động về Nam Cao. Nhận định về các tác phẩm *Sóng mòn*, *Chi Phèo* của Nam Cao, Nguyễn Đình Thi đã thâu tóm được bản chất và cái hồn của văn chương quy tụ trong tác phẩm. *Sóng mòn* tả cuộc sống thiểu não quẩn quanh, nhò nhen của mấy người trí thức tiểu tư sản nghèo, cuộc sống mù xám cứ "mốc lên, giùi đi, mòn ra, mục ra"

(1) Lê Đình Kỵ, *Cây bút lý luận phê bình Nguyễn Đình Thi*.

(2) Vũ Đức Phúc, *Nguyễn Đình Thi và việc viết tiểu thuyết*.

(3) Nguyễn Đình Thi, *Tuyển tập*, Sđd, tr. 88.

không có lối thoát. Rộng hơn là vận mệnh mấy con người ấy ta thấy đặt ra một cách ám ảnh vận mệnh chung của cả một xã hội chua xót, đau đớn, buồn thảm, tủi nhục trong đó đời sống không còn ý nghĩa, quay về phía nào cũng thấy dựng lên những bức tường bê tắc¹. Tường cũng khó có thể đánh giá đúng hơn, hay hơn về tác phẩm văn chương này. Tiếc rằng hoạt động lý luận phê bình của ông kết thúc quá sớm và sau này ông ít có dịp trở lại.

*
* *

Nguyễn Đình Thi xây dựng và gắn bó sự nghiệp văn thơ của mình với cách mạng và hai cuộc kháng chiến thần thánh. Cách mạng để giải phóng đất nước và kháng chiến để bảo vệ Tổ quốc. Suốt nửa thế kỷ, ông có mặt với tư cách là một chứng nhân của nhiều hoàn cảnh lịch sử. Ông là người thanh niên trí thức sớm đến với cách mạng, và chào đón niềm vui trong ngày Cách mạng tháng Tám thành công, là người chiến sĩ trên chiến trường Tây Bắc năm xưa, người lăn lộn gắn bó với các binh chủng cao xạ pháo, không quản trong những năm chống Mỹ cứu nước, người cán bộ lãnh đạo văn nghệ trong nhiều năm tháng.... Tất cả đã góp phần tạo nên một cốt cách tinh thần vững mạnh, thông minh và sáng tạo. Phẩm chất ấy đã tạo cho Nguyễn Đình Thi một sức nghĩ, sức cảm mạnh mẽ, sâu sắc về cuộc đời và nghệ thuật. Điểm nổi bật của tác phẩm Nguyễn Đình Thi là giá trị tư tưởng, vừa phù hợp với quy luật vận động chung của đời sống vừa mang ý nghĩa tiên phong mở đường. Bài viết *Nhận đường*, rồi những bài thơ gây nên cuộc tranh luận về thơ Nguyễn Đình Thi ở Việt Bắc, tác phẩm *Xung kích* có ý nghĩa đột phá trong văn xuôi cách mạng, những đóng góp vững chắc của tiểu thuyết *Võ bờ*, cuốn sách có tầm khái quát hiện thực rộng, rồi thế giới kịch vừa thực vừa ảo của Nguyễn Đình Thi, tất cả đều mang ý nghĩa sáng tạo phong phú. Có thể nói, ở Nguyễn Đình Thi có một thế giới tinh thần riêng. Ông bị sức mạnh của cuộc đời cuốn hút. Trong những trang văn xuôi sau Cách mạng, Nguyễn Đình Thi ghi chép, miêu tả chân thực những sự kiện và chất liệu hiện thực của cuộc đời. Tuy nhiên, ông không thụ động mà có năng lực hư cấu sáng tạo lớn. Theo tác giả cho biết thì hầu hết nhân vật trong *Võ bờ* đều là nhân vật hư cấu. Đặc biệt với thơ và kịch, Nguyễn Đình Thi có thể chủ động tái tạo, sáng tạo để tạo cho mình một thế giới riêng. Trong thơ ông đối thoại với cuộc đời

(1) Nguyễn Đình Thi, Tuyển tập, Sđd, tr.94.

nhung chính là tự đối thoại với mình, cuộc đối thoại đa diết, thiết tha, lắng sâu. Trong kịch, Nguyễn Đình Thi không có điều kiện xuất hiện cùng bình diện với các nhân vật nhưng chính ông là một nhân vật tham gia đối thoại với các nhân vật khác. Ông hiểu các nhân vật, tôn trọng họ, chia sẻ với họ. Nhiều nhân vật kịch của ông có tâm vóc lịch sử, có cốt cách và bản lĩnh. Với phẩm chất và tài năng của mình, tuy không lộ diện nhưng thực sự ông đã tạo được quan hệ gần gũi với các loại nhân vật của mình với thái độ khiêm tốn, ân cần :

*Tóc bạc trong mưa bay anh cười
Tôi không nói được mình đã trái đời
Không nói được mình đã hiểu người
Không dám nói mình đã biết yêu
Không dám nói mình đã biết sống
Mỗi bước mùa xuân đến kìa dịu dàng trên cỏ non
Cái tổ ong hồn tôi cuồng quýt rộn ràng.*

(Tóc bạc)

Nguyễn Đình Thi là một nhà văn có vốn văn hoá sâu rộng. Ông đến với văn chương từ tri thức sách vở và thiết tha trờ về với cái gốc của đời sống cách mạng. Cách nhìn cuộc sống của Nguyễn Đình Thi có dấu ấn văn hoá, mờ ra từ góc độ văn hoá, gắn với những vấn đề văn hoá mà sâu xa là những vấn đề của con người, của những giá trị tinh thần của xã hội vun đắp từ nhiều đời. Nhà văn này trên hướng lớn trở về với cuộc sống luôn tìm đến một thế giới tinh thần được nuôi dưỡng bằng những tri thức lớn của nhân loại. Cuộc sống vật chất có thể rất giản dị nhưng đời sống tinh thần phải đầy đủ, phong phú. Trong một lần chuyện trò với một nhà văn nước ngoài, ông nói : "Ở chỗ chúng tôi chỉ cần một cái áo sơ mi, hoặc một chiếc áo len, nếu trời lạnh. Tôi chỉ giữ một vài quyển sách bên mình, thư viện của tôi ở chỗ các con tôi, nếu cần gì thì tôi đến lấy. Những quyển Kinh Thánh, sách Phật, Kinh Koran, Lão – Trang, Baudelaire, Đôxitiépxki thì luôn ở bên tôi. Một quyển lịch sử thế giới nữa"⁽¹⁾.

Vốn văn hoá của Nguyễn Đình Thi thể hiện qua nhiều yếu tố của tác phẩm nhưng trước hết là ý thức khao khát vươn tới cái đẹp. Nguyễn Đình Thi không có thiên hướng miêu tả mặt phức tạp, tiêu cực của cuộc sống. Ông muốn tìm những mặt bình dị mà đẹp của cuộc sống ngay ở những cuộc đời đau khổ. Trong Vở bờ có nhiều trang viết

(1) Uédègơ Xinxexie, *Lời tặng Nguyễn Đình Thi* (In trong sách này).

về làng quê, về người nông dân nghèo khổ nhưng Nguyễn Đình Thi không nhìn đời quá tăm tối, nghiệt ngã, tuyệt vọng. Ở nhân vật Xoan, Quê, Mâm, Còi, nhất là Xoan có những nét đẹp gợi cảm, và cuộc đời của họ vừa có những đau khổ vừa có những phút giây thanh thản đáng sống. Sau Cách mạng, Nguyễn Đình Thi càng có điều kiện gặp gỡ những con người và cảnh đời đẹp, nơi chiến trường, chốn làng quê. Nhân vật của Nguyễn Đình Thi, nhất là các nhân vật nữ, đều giàu chất lý tưởng, có đạo đức nhân phẩm.

Ông theo đuổi và bắt gặp trong đời, trên trang sách cái đẹp. Cái đẹp biến hoá không cùng luôn đem tới cái lạ, cái mới mẻ :

*Tôi đi mãi vẫn lạ
Cái đẹp làm cho mỗi vật không cùng*

(Sen biếc)

Cũng vì thế mà giữa chiến trường Điện Biên dữ dội vẫn tươi nở một bông hoa nghệ :

*Ô lạ khắp mặt đời đèn trại
Hoa nghệ xôn xao nở tím hồng*

(Đoá hoa nghệ)

Và giữa chiến trường miền Nam hoang tịch và chết chóc, bên người lính vẫn có một con chim nhỏ, một ánh biếc chỉ đường :

*Từ ấy đã bao tháng ngày
Con chim cánh biếc phia trước tôi vẫn bay*

Trong cuộc đời thường ông trân trọng cái đẹp bình dị, nên thơ nhưng có thể mang lại niềm vui cho con người :

*Em đây ư? Tia nắng đến khẽ trong căn nhà nghèo nàn
của anh
Anh nhìn mỗi hạt bụi bay thành hạt vàng*

(Tia nắng)

Nguyễn Đình Thi có vốn văn hoá khá rộng. Ông chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây, văn hoá Nga, văn hoá Trung Quốc. Tư tưởng triết học của Cảng, Nítso mà ông đã giới thiệu qua những cuốn sách công phu liệu có ảnh hưởng đến tác phẩm của Nguyễn Đình Thi ? Tác phẩm của Aragông, Eluya, L. Tônxtoi, M. Gorki, Èrenbua có chi phối đến văn xuôi và thơ của Nguyễn Đình Thi. Theo ông cho biết thì Võ bờ

cũng chịu ảnh hưởng cấu trúc của những cuốn tiểu thuyết dài như *Chiến tranh và hoà bình* của L. Tônxítôi và *Sông Đông êm đềm* của Sôlôkhôp. Thơ ông đã tìm được những bài học gì từ Tago, Aragông, Nadim Hítmet? Điều đáng quý là khả năng thanh lọc của tác giả. Ông không tiếp nhận thụ động mà sáng tạo. Hiểu người để rồi hiểu mình. Cứ nhìn vào đề tài của hàng chục vở kịch cũng thấy rõ Nguyễn Đình Thi đã khơi nguồn sáng tạo từ văn hoá dân tộc với tấm lòng trân trọng biết bao. Ông yêu quý và chất chứa giá trị trong từng câu chuyện cổ, truyện dân gian, cho đến những giai thoại có ý nghĩa trong quần chúng. Trong cuộc đời mới tác giả càng thấy rõ giá trị văn hoá với sức sống của nó trong đời sống của dân tộc tiếp nối từ ngàn xưa cho đến thời kỳ hiện đại: "Có lẽ xét đến cùng một dân tộc còn tồn tại hay không là ở chỗ còn có nền văn hoá của mình hay không. Những giá trị văn hoá là cái nguồn sâu nuôi sức chiến đấu của nhân dân ta suốt mấy chục năm vừa rồi để giành lại độc lập thống nhất của đất nước"⁽¹⁾. Tuy nhiên, cũng phải nhận rằng ông chưa tạo được sự hài hoà giữa vốn văn hoá và vốn sống trực tiếp của hiện thực cách mạng. Nhiều trang viết còn nặng về kiến thức sách vở.

Trong văn chương, Nguyễn Đình Thi luôn có ý thức đi tìm cái mới, ý thức tìm tòi sáng tạo trong nội dung cũng như hình thức. Vào những năm đầu kháng chiến, khi nội dung thay đổi trực tiếp và hình thức không dễ tìm được những đổi thay kịp thời nên cũng có xu hướng dung hoà "bình cũ rượu mới". Nguyễn Đình Thi muốn đi tìm một sự hài hoà giữa nội dung mới và hình thức mới. Ông quan niệm "mỗi thể thơ có một khả năng, một thứ nhịp điệu hay của nó nhưng nếu theo dõi những thời kỳ lớn của thơ đi nhịp với những thời kỳ lớn của lịch sử thì một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới. Thơ của một thời mới trong những bước đầu ít khi chịu những hình thức đều đặn cố định. Nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức mới của nó. Rồi thời đại vững lại, thơ này nở trong những hình thức trong sáng đã tìm thấy. Những hình thức ấy gồm có những phát minh mới cùng với những hình thức cũ, nhưng bao giờ cũng đã tái tạo và nâng cao đến một độ khác hẳn xưa"⁽²⁾. Tìm cái mới cho nội dung, cho hình thức trong sáng tạo nghệ thuật văn là phẩm chất quen thuộc của ngòi bút Nguyễn Đình Thi. Tuy nhiên,

(1), (2) Nguyễn Đình Thi, *Tuyển tập*, tập 3, tr. 339, 80.

trước hết là ở cách cảm, cách nghĩ mới. Trong bài thơ *Đất nước*, Nguyễn Đình Thi là người sớm đưa vấn đề truyền thống của cha ông vào thơ. Trong thơ ca đã rất quen thuộc hình ảnh mùa thu buồn. *Đất nước* đóng góp thêm hình ảnh rất đặc sắc của một thu buồn :

*Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi dấu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.*

Nhưng điều quan trọng là tác giả *Đất nước* đã miêu tả rất đẹp và sáng tạo một mùa thu vui rất khác với điệu buồn, cảnh buồn quen thuộc của những mùa thu xưa trong văn thơ cổ :

*Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre pháp phơi
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nỗi cười thiết tha.*

Bài thơ *Chỗ dựa* miêu tả một người mẹ dắt con qua đường. Ngoài cách nghĩ thông lệ là đưa trẻ phải dựa vào người đàn bà, lại có một cách nghĩ khác : "Ai biết đâu đưa bé còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia". Và nữa, chính bà cụ mà người chiến sĩ đã qua đường cũng là nơi dựa cho anh vượt qua thử thách. Cách nghĩ ấy mới mẻ và giàu giá trị nhân bản... Nguyễn Đình Thi yêu cái mới, thiết tha tìm cái mới nên trong cuộc đời sáng tác của ông luôn có nhiều thể nghiệm, thể nghiệm trong thơ, trong kịch. Có những thành công và có phần chỉ là thể nghiệm không dễ tìm ngay được tiếng nói đồng tình. Nhưng tác giả vẫn kiên trì đi về phía trước.

Hơn nửa thế kỷ cầm bút, người thanh niên trí thức giàu lý tưởng đã đến với cách mạng, với văn thơ trong tuổi trẻ thiết tha yêu người, yêu đời. Đến với cuộc đời mới với tư cách là người chiến sĩ trên mặt trận văn nghệ, người bộ hành không mệt mỏi vượt lên từng chặng đường, người làm vườn chăm sóc từng luống nhỏ. Nguyễn Đình Thi đã có những đóng góp quan trọng cho nền văn học mới. Thành công của ông không những là phần thưởng tinh thần quý giá cho tài năng và nỗ lực riêng của tác giả mà còn là chứng tích cho thành công của nền văn học mới quy tụ ở từng tác giả và tác phẩm.

HÀ MINH ĐỨC

Phân một

NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI

LỜI TẶNG NGUYỄN ĐÌNH THI

UÊDEGØ XINVEXTE

... Ông cười như ta vẫn thường thấy ở những người Việt Nam : không phải cười vì niềm vui mà cười cả trong nỗi buồn, đau với sự chấp thuận thông thái rằng không thể hiểu được, cái kỳ khôi, thậm chí cái phi lý là chuyện đương nhiên và cũng rất con người. "Tôi sống một mình, tôi có một căn phòng nhỏ ở trại sáng tác. Trong phòng có một cái giường, một cái ghế, một cái bàn và một chiếc đèn dầu, bởi vì đêm thường xuyên mất điện. Bấy nhiêu thôi. Bộ comlê của tôi nằm trong chiếc vali – vừa là tủ quần áo, nếu đi ra nước ngoài thì tôi mới cần đến nó. Ở chỗ chúng tôi chỉ cần một cái áo sơ mi, hoặc một chiếc áo len, nếu trời lạnh. Tôi chỉ giữ một vài quyển sách bên mình, thư viện của tôi ở chỗ các con tôi, nếu cần gì thì tôi đến lấy. Những quyển Kinh Thánh, sách Phật, Kinh Koran, Lão – Trang, Baudelaire, Đôxtôiepxki thì luôn ở bên tôi. Một quyển lịch sử thế giới nữa. Ở trại sáng tác cũng có nhà ăn. Với tôi bấy nhiêu thôi là đủ. Cần gì nữa chứ ? Con người ta thật sự cần gì nhỉ ?". Ông lại cười. Tất nhiên ông còn có một động sản là chiếc xe đạp. Ở Việt Nam không thể thiếu xe đạp, nó là của quý. Chúng tôi nói chuyện, và im lặng. Ông không thể uống rượu vang vì căn bệnh viêm gan có từ hồi chiến tranh, cho đến nay vẫn phải uống thuốc. Rượu nặng ông chỉ nhấp một ngụm vì phép xã giao, để chạm cốc. Ông hút thuốc nhiều, mắt nhìn lên tư lự, nụ cười dần lảng lại trên khuôn mặt không thể xác định được tuổi tác, với những nếp nhăn sâu quanh miệng. Cuộc đời ông không đặc biệt, ông nói. Ở Việt Nam có những số phận nghiệt ngã. Ông nội nhà văn là người nấu bếp, do tham gia vào một cuộc biểu tình đòi tăng lương mà đã phải chạy trốn sang Lào. Ông còn nhớ ông nội thường xuyên chui tục, luôn luôn nổi cáu vô cớ ngay cả với đứa cháu nhỏ. Bố mẹ ông đã trở về Hà Nội để kiếm sống và tìm kiếm các mối quan hệ, ông không biết tin gì về họ. Sau đó, ông bà nội cũng phải khăn gói lên đường tiếp tục cuộc di không đến

dịch trên núi, trong thung lũng, trong rừng. Rồi ông lớn lên, chiến tranh xảy ra, ông trở thành người lính, nhà văn – nhà thơ, người tuyên truyền... Ông cười : Không ai biết rằng đã bao nhiêu lần ông suýt chết ! Ông lấy vợ, vợ ông sau khi sinh các con không lâu đã qua đời vì bệnh đau gan. Những đứa con của ông đã được ông bà, họ hàng nuôi dưỡng khi ông ra mặt trận. Và ông đã viết điều cần viết, điều mà ông cảm thấy quan trọng, không thể không viết ra. Ông viết những cuốn tiểu thuyết (*Xung kích, Võ bờ, Mặt trận trên cao*), thơ và kịch. Vở kịch *Giác mơ* đã phải chờ sáu năm mới được in, bản dịch ra tiếng Hunggari cũng vừa mới được đọc trên đài. Vở kịch viết về Nguyễn Trãi, nhà thơ, vị tướng ở thế kỷ XIV chỉ được diễn năm lần. Trong vở kịch *Tiếng sóng*, ông muốn gửi gắm nhiều điều. Ông cười : Ông là người may mắn được đi nhiều trên cương vị Chủ tịch và Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam. Ông chưa bao giờ đến Pari, vậy mà ông nói tiếng Pháp như tiếng mẹ đẻ. Chúng tôi hút thuốc, im lặng và nói chuyện. Chúng tôi nói về sự khác biệt giữa Nho giáo và Phật giáo, hai thứ tôn giáo này (hai tư tưởng) đã bắt rẽ như thế nào ở Việt Nam. Chúng tôi nói về một dân tộc đã phải chiến đấu hàng ngàn năm, giờ phải đối mặt với những khó khăn thử thách như thế nào trong hoà bình. Rồi chúng tôi nói về cây lúa, cây tre, về văn học. Chúng tôi cũng nói về chính trị, về Campuchia, Trung Quốc ; về sự giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tin chắc rằng Người phản đối việc xây lăng. Chúng tôi còn nói rằng thế giới nhỏ bé hơn là chúng ta nghĩ, rằng các dân tộc gần gũi nhau hơn là chúng ta tưởng. Chúng tôi tắt thuốc lá, ôm hôn nhau.

Ông luôn mang theo quà : những thẻ hương, những cái giỏ dưa bắng mây. Với khoản tiền được cấp hàng ngày, ông mua cho con gái nuôi quần áo (bố cháu là bạn ông đã chết trong tù). Ông trả lời phỏng vấn của dài phát thanh, dài truyền hình ; ông hát một bài dân ca để tạm biệt. Ông mỉm cười : Nếu người ta không hiểu bài dân ca thì chắc chắn người ta cũng cảm nhận được thông điệp của nó.

TRƯỜNG ĐÀNG DUNG dịch
(Tạp chí *Nagy Világ* Hunggari, số 12 - 1984)

NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI

CHU NGA

... Nhưng Nguyễn Đình Thi không chỉ viết văn ; anh còn làm thơ, viết lý luận, phê bình, soạn kịch, và nếu như đi xa thêm vào quá khứ sáng tác của anh, ta sẽ thấy anh còn soạn nhạc và nghiên cứu triết học nữa. Cho nên nét đầu tiên ta bắt gặp ở ngòi bút Nguyễn Đình Thi là cái nét phong phú, đa dạng của một tài năng, không hẳn là bẩm sinh ; nói đúng hơn, tài năng ấy trước hết là kết quả của một quá trình học tập và nghiên cứu, và vì thế nên rất đáng quý.

Có những người trở thành nhà văn mà không cần qua một trường học chính thức nào. Với tài năng bẩm sinh của mình, họ chỉ qua "trường đời", một "trường đại học" cao nhất, là đến thẳng con đường sáng tác văn chương. Nhờ sự từng trải, các nhà văn như thế thường viết nên được những tác phẩm ngôn ngữ chất sống, với nhiều nhận xét tinh vi và nhiều chi tiết sinh động. Nhưng vì thiếu vốn văn hoá và vốn lý luận chung, họ thường gặp khó khăn khi cần một cái nhìn bao quát, một sự nhận định tổng hợp về những con người và cuộc đời mà họ miêu tả.

Nguyễn Đình Thi không thuộc loại nhà văn ấy. Có thể nói, anh đến với văn học bằng tất cả trí thông minh và sự hiểu biết của một người trí thức. Chính điều này đã tạo nên đặc điểm của ngòi bút Nguyễn Đình Thi, một đặc điểm độc đáo, chỉ có ở các nhà văn – trí thức như anh. Đặc điểm đó là : người cầm bút thường tự xây dựng cho mình một nền lý luận để rồi dựa trên cơ sở đó tiến hành sáng tác. Rõ ràng, trước khi bước vào làm thơ và viết truyện, Nguyễn Đình Thi đã từng có những bài tiểu luận đặc sắc nói về nhiệm vụ của nhà văn, nhà thơ và chức năng văn nghệ trong giai đoạn mới của lịch sử nước nhà. Và cũng như vậy, cùng một lúc với thời gian xây dựng *Võ hờ*, anh đã soạn xong tập sách lý luận *Công việc của người viết tiểu thuyết*.

Có một lần ôn lại bước đi của mình, Nguyễn Đình Thi đã nói điều rằng anh đến với văn học bằng con đường "đi từ ngọn". Nghĩa là, đáng lẽ người ta phải bắt đầu từ sáng tác thì anh lại xuất phát từ lý luận phê bình. Trong câu điều ấy, không phải không có sự thật. Song sự thật này đâu phải đáng tiếc và đáng khôi hài như cái vẻ nhà văn tự nói về mình ấy. Mà ngược lại, đối với người cầm bút, ngoài vốn sống, thì kiến thức về lý luận, chính trị và văn hoá chung là tối cần thiết, nó sẽ soi sáng rất nhiều cho công việc sáng tác của họ. Và lý tưởng nhất, giá như mỗi nhà văn đồng thời là một nhà trí thức xã hội chủ nghĩa, một người làm công tác chính trị, một nhà lý luận mác-xít; chỉ có bằng cách ấy họ mới tạo được cho mình một cơ sở vững chắc để tiến xa và mới bảo đảm cho mình khỏi mắc phải những sai lầm đáng tiếc về mặt tư tưởng. Ở khía cạnh này, có thể nói Nguyễn Đình Thi là một nhà văn đáng tin cậy.

Trước Cách mạng tháng Tám, người đọc chú ý đến những tập sách nghiên cứu triết học do anh viết, và một số bài tiểu luận của anh đăng trên mấy tờ tạp chí thời ấy nhất là bài *Sức sống của dân Việt Nam qua ca dao và cổ tích* (1944). Thời kỳ tiền khởi nghĩa, anh sáng tác bài hát *Điệt phát xít*, một bài hát cách mạng đã được phổ biến rộng trong những ngày tháng Tám năm 1945, lúc đó chưa ai biết tên tác giả. Một năm sau Cách mạng (1946), Nguyễn Đình Thi đã viết những dòng có ý nghĩa phát hiện. Anh đã thấy được trong cuộc sống hết sức mới mẻ hình bóng một con người mới: "*Cuộc chiến đấu của nhân dân lao động đã đúc nặn được một con người mới. Con người ấy còn lạ lùng và khó hiểu trước con mắt bỡ ngỡ của chúng ta – nhà văn tri thức – những kẻ vốn sống xa sự sáng tạo của quân chúng*" và vì thế anh đòi hỏi: "*chúng ta không thể tha thứ được sự đào ngũ của nghệ thuật. Chúng ta không thể để cho nghệ thuật, văn học trở nên một thứ thuốc phiện ru ngủ, đưa con người đi trốn trách nhiệm xã hội, xa lánh sự thật, quay lưng vào cuộc đấu tranh của quân chúng...*" (Bài *Xây dựng con người*, báo *Tiền phong*, tháng 8 - 1946). Trong bài *Nhận đường* (1947), anh đã bàn về hướng đi của những người cầm bút: "*Tiếng súng nổ kháng chiến, đường chúng ta đi thật rõ ràng: tất cả cho kháng chiến, tất cả cho dân tộc... Chúng ta phải biết tìm đến những hàng đầu trong trận đánh của dân tộc, nơi cuộc kháng chiến cháy rực nhất,*

nơi sự sống thổi lên gió bão, cuốn tung mọi chướng ngại. Chúng ta phải đến với bộ đội, chúng ta phải đi vào những công xưởng kỳ diệu trong rừng sâu, chúng ta phải lăn ngay vào giữa vòng chiếm đóng của địch". Đối với văn nghệ, ở đây anh cũng đặt ra những yêu cầu mới : "Văn nghệ phải mang được sự sống của những con người mới... chúng ta muốn giờ những trang sách cháy bỏng đầu ngón tay... Chúng ta muốn có những cuốn tiểu thuyết, những tập thơ thay đổi cả cuộc đời người đọc".

Mặc dù chính bản thân tác giả lúc ấy cũng chưa thực hiện được những đòi hỏi mà anh tự đề ra (chúng ta biết, cho đến năm 1949, trong cuộc thảo luận về thơ anh, Nguyễn Đình Thi vẫn bị phê bình là xa quẩn chúng), song tác dụng của những bài anh viết đối với giai đoạn đấu kháng chiến không phải là nhỏ. Nó như chiếc chìa khoá mà người văn nghệ sĩ dùng để mở cửa đi vào một thế giới mới vô cùng hấp dẫn, nhưng còn lạ lẫm đối với họ. Và tuy lúc đầu những đòi hỏi ấy cũng có phần cao, song dần dần họ đã làm được. Bao nhiêu nhà văn, nhà thơ đã dũng cảm đi vào cuộc sống chiến đấu gian khổ của kháng chiến. Có những người đã hy sinh trên đường đi công tác như Nam Cao, Trần Đăng,... Còn bản thân Nguyễn Đình Thi cũng đã cố gắng đi theo các đơn vị bộ đội. Anh hạ quyết tâm phải viết bằng được một cái gì đó và đã thực hiện được quyết tâm ấy.

Năm 1951, trong khi những trận thắng lớn của chiến dịch Trung du còn đang vang dội thì một tác phẩm văn học trực tiếp viết về sự kiện lịch sử đó – cuốn *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi – ra đời. Và ai nấy đều nhận thấy ở tác phẩm ra đời nhanh chóng ấy một thành công đáng kể : *Xung kích* đã góp phần mở đầu cho một bước phát triển mới của truyện cách mạng. Từ đó, tên tuổi Nguyễn Đình Thi trở nên quen thuộc và yêu mến đối với nhiều bạn đọc. Ưu điểm chính của *Xung kích* là đã xây dựng được một hình ảnh tượng đối hoàn chỉnh về người bộ đội Việt Nam đang bước vào giai đoạn mới, trưởng thành. Về mặt này, có thể nói, trước *Xung kích*, chưa có tác phẩm nào thành công như vậy. Ở đây, người bộ đội hiện lên đã khác nhiều so với anh trong những tác phẩm mấy năm về trước. Qua rồi, những ngày "*đói, lở, rét, ốm, mưa phun liên miên trên núi rừng trùng điệp*" ; qua rồi, những ngày thiếu súng,

thiếu đạn, "xung kích toàn cảm mác lao lên đốc, chán giãm đút vượt qua chống mìn dây thép gai". Anh bộ đội lúc này đã được trang bị khá đầy đủ, anh đã khoẻ mạnh và đang đi vào đánh những trận quy mô, đánh từng chiến dịch. Nguyễn Đình Thi đã dựng lại được cái không khí phấn khởi, lạc quan của những ngày chuẩn bị, những ngày đánh trận và chiến thắng. Sau Nguyễn Huy Tưởng, có lẽ tác giả *Xung kích* cũng là một trong những người miêu tả thành công cảnh dân công di phục vụ chiến trường – vất vả, mệt nhọc, nhưng lại rất vui, tấp nập, rộn ràng như một ngày hội.

Tuy nhiên, cũng ở đây, đã bộc lộ cái nhược điểm của Nguyễn Đình Thi. Nhân vật được anh miêu tả đạt nhất trong *Xung kích* (Kha) là một thanh niên, đại đội trưởng, gốc tiểu tư sản nhưng mà rất dễ thương, và có lẽ cũng là người chiến đấu dũng cảm vào bậc nhất. Có thể nói, Kha là một hình ảnh đẹp và chân thực. Chỉ tiếc rằng cuối cùng Kha lại hy sinh, một sự hy sinh làm xao động lòng người, nhất là đối với những người chiến sĩ. Thêm vào đó, tác giả lại như cố tình miêu tả nó một cách tỷ mỷ, với một thái độ lạnh lùng, làm cho ấn tượng về cái chết của Kha tuy rất đẹp mà lại hết sức khốc liệt.

Sau khi *Xung kích* ra đời, Nguyễn Đình Thi được phân công vào hẳn bộ đội để sáng tác. Anh làm chính trị viên phó tiểu đoàn và đã liên tiếp dự các chiến dịch Hoà Bình (1952), Thượng Lào (1953), Điện Biên Phủ (1954). Về các chiến dịch sau này, anh không viết truyện chỉ viết ký. Những bài ký anh viết rải rác từ 1948 đến 1954 (in chung trong tập *Thu đông năm nay*) cho chúng ta hình dung được một cách khá rõ ràng những bước trưởng thành lên dần của bộ đội ta và những thất bại ngày càng lớn của kẻ địch. Và đặc điểm phong cách ký của Nguyễn Đình Thi là anh luôn luôn dùng phương pháp so sánh, đối lập giữa một bên là bộ mặt tàn bạo, nhơ bẩn và hèn nhát của kẻ thù với một bên là bộ đội và nhân dân ta, những con người nhân hậu, dũng cảm, và vì có chính nghĩa nên tất thắng. Có một bài ký anh đã lấy hẳn đầu đề là *Chúng ta và chúng nó* để đối lập một cách trực tiếp và gắt gao hơn. Bằng sự so sánh như vậy, nhà văn đã khẳng định được một cách thuyết phục tính hơn hẳn của chúng ta.

Cùng một lúc với ký, Nguyễn Đình Thi còn viết truyện ngắn và làm thơ. Ở đây chúng tôi sẽ không đi sâu vào thơ anh, chỉ xin nói một nhận xét nhỏ là thơ Nguyễn Đình Thi trầm tĩnh, đằm thắm, thiết tha nhưng tinh túc, sáng suốt, và vì thế rất sâu sắc, nhưng đôi khi cũng lại vì thế mà trở thành nặng nề. Còn truyện ngắn của anh thì hơi khác, thường nhẹ nhàng, chân thực, phản ánh được "những nét phong phú, đẹp và giản dị của sinh hoạt kháng chiến: một trận đánh đồn (*Anh hùng cứ điểm*) ; một đêm phục kích tàu chiến địch (*Bến bờ sông Lô*) ; tấm lòng nhân dân dùm bọc và thương yêu bộ đội (*Cái áo trắng*) ; cảnh một cơ quan ở rừng già Việt Bắc vào mùa mưa (*Mùa mưa*) ; sự trưởng thành của những cán bộ nữ, nhờ được rèn luyện qua nhiều năm kháng chiến gian khổ (*Cánh chim*) ; số phận hèn kém đáng thương của những người lính da đen trong quân đội Pháp (*Người tù binh da đen*) ; và kết thúc tập truyện là cảnh hoà bình, những người cán bộ chia tay với Việt Bắc về xuôi, còn anh bộ đội thì vẫn đi tiếp đến những chiến trường xa làm nhiệm vụ chiến đấu để giành lấy thắng lợi cuối cùng (*Đường về*). Thành công nhất trong số các truyện ngắn ấy có lẽ là *Anh hùng cứ điểm* (1950). Ở đây, nhà văn đã xây dựng được hình ảnh một người cán bộ kiêu mới trong quân đội Việt Nam còn non trẻ – đó là đại đội trưởng Còm. Nét nổi bật trong tính cách của anh là tinh thần trách nhiệm và sự quên mình vì lợi ích chung. Người chỉ huy của bộ đội ta lúc này, tuy đôi mắt còn "vàng màu sốt rét" và "cái áo trán thủ cũ đã bợt hết bông", không đủ để che cho tấm thân anh gầy yếu xanh xao vì bệnh tật và thiếu thốn, song những vẻ đẹp tâm hồn đã tô lên anh những đường nét rực rỡ làm cho hình ảnh anh trở nên lớn và đẹp biết bao.

Kể ra cũng có một số truyện ngắn của Nguyễn Đình Thi mang màu sắc có phần ảm đạm, bởi nói lên mặt khóc liệt do kẻ thù gây ra trong chiến tranh (*Anh thương binh Hiên, Tiếng hú, Ông cụ đưa đường, Hoa mưa*). Đây cũng là những nét rất thực trong cuộc sống kháng chiến, và nhà văn cũng cần phải miêu tả chúng. Nhưng có lẽ, ở những trường hợp này, người cầm bút không nên để cho tình cảm uỷ mỵ dẫn dắt mình, như trường hợp truyện *Hoa mưa* của anh. Theo chúng tôi, ở đây, tác giả đã không chủ động được ngồi bút. Câu chuyện tưởng như bình thường : một anh bộ đội trên đường hành quân, tranh thủ tạm qua nơi công tác cũ tìm thăm mộ người yêu. Nhưng anh không gặp được ai

biết chở để có thể đưa anh tới nơi người yêu anh yên nghỉ. Nhưng vẫn đề là ở phần kết của truyện : anh bộ đội đành lại ra đi, mà lòng không nỡ, anh đứng giữa "khoảng đối ... nở đầy những chấm hoa tím, trong ánh chiều rạng rõ" và thốt lên những lời vĩnh biệt xót xa : "Thúy hãy yên nghỉ nơi đây giữa núi rừng hiền hậu thương yêu". Cảnh vật thiên nhiên sao mà mênh mông xa rộng, sao mà cô quạnh hắt hiu, và bóng người bộ đội đi "cắm cúi" lè loi như bị hút dần trong cảnh vật một buổi hoàng hôn ấy. Cho nên truyện *Hoa mua tuy chân thành và cảm động*, nhưng buồn.

Trong khi vừa viết truyện ngắn, ký vừa làm thơ, viết lý luận phê bình và cả viết *Xung kích* nữa, Nguyễn Đình Thi đã áp ủ một cuốn tiểu thuyết lớn về đề tài cách mạng. Và sau hơn 20 năm (1948 - 1970) suy nghĩ và làm việc, nhà văn đã cho ra mắt chúng ta bộ tiểu thuyết *Võ bờ* (2 tập, với hơn 1.000 trang sách) viết về những năm tháng đẹp đẽ nhất của lịch sử nước nhà, khi nhân dân ta, được sự dùi dắt của Đảng, đã dần dần thức tỉnh và đứng lên làm cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại. Ở đây, Nguyễn Đình Thi đã vẽ lên được bức tranh rộng lớn, bao quát về những năm tháng không thể nào quên ấy. Anh đã đưa người đọc chúng ta đi từ nông thôn ra thành thị, từ thành thị về các khu công nghiệp, vùng mỏ. Anh đã dùng con mắt của một nhà lý luận mác-xít để miêu tả và phân tích giai đoạn.Thêm vào đó, với phong cách trầm tĩnh vốn có của mình. Nguyễn Đình Thi đã suy nghĩ một cách sâu sắc, chính chắn và giải quyết một cách đúng đắn các vấn đề cơ bản mà tác phẩm anh đặt ra, qua đó anh cố gắng làm nổi bật đường lối cách mạng sáng tạo của Đảng ta.

Sự thành công đó biểu hiện trước hết ở chỗ nhà văn đã miêu tả thành công các nhân vật. *Võ bờ* hầu như là cuốn tiểu thuyết đầu tiên đã xây dựng được một hình ảnh chân thực và tương đối hoàn chỉnh về người đảng viên cộng sản – đó là Khắc. Khắc chỉ là một đảng viên bình thường, nhưng trước con mắt chúng ta, anh đã hiện lên như một mẫu người lý tưởng. Con người ấy rất sắt đá trước kẻ thù, thà chết chứ không khi nào chịu đầu hàng khuất phục ; nhưng cũng chính con người ấy lại có một tình thương yêu đậm đàm thâm với gia đình, bè bạn, sẵn sàng hy sinh đời mình cho sự nghiệp cách mạng ; và con người "sắt đá" ấy

lại đã cảm động trước tình yêu chân thành, tha thiết của một cô gái cơ sở, ngược lại, đến lượt mình, bằng tinh thần quên mình vì lý tưởng, con người ấy đã làm cho cô từ chối yêu anh đi đến chối yêu cách mạng, theo cách mạng và cũng sẵn sàng hy sinh cho cách mạng như cô có thể hy sinh cho tình yêu lý tưởng của mình.

Nguyễn Đình Thi vốn sở trường về mặt miêu tả các nhân vật thuộc tầng lớp trí thức tiểu tư sản, cho nên Khắc và một số nhân vật khác của anh như Tư, Hội,... được xây dựng thành công, không làm ta ngạc nhiên. Điều làm ta ngạc nhiên là anh đã thành công ngay cả khi miêu tả một vài nhân vật nông dân, nổi bật nhất là Xoan. Đây là nhân vật quán xuyến toàn bộ tác phẩm. Và hình như tất cả những trang và những chương viết về Xoan đều để lại trong người đọc ấn tượng sâu sắc. Trước mắt chúng ta như hiện lên rõ ràng hình ảnh Xoan với cuộc đời đi ở bị đày đoạ, khổ cực và tủi nhục, nhưng lại với một tâm hồn trong trắng, tràn đầy sức sống, hy vọng và ước mơ. Những đoạn tả Xoan ốm, chết đi sống lại, những đoạn tả giấc mơ của Xoan, mà trong giấc mơ ấy cô gái thấy mình được gặp người yêu, hai bàn tay mình nắm vào nhau mà tưởng rằng đang được người yêu nắm tay dắt mình đi chơi trên cánh đồng quen thuộc ; những đoạn tả Xoan bị hai bố con nghị Khanh mấy lần định giờ trồ dều cảng và cuối cùng đã bị thằng con cuồng hiếp làm cô gái đau đớn đến mức phải tự tử, rồi lại được cứu sống ; những đoạn tả Xoan dõi tướng có thể chết, mà hoá ra vẫn cứ lần hồi sống được cho đến ngày cách mạng thành công – là những đoạn rất đặc sắc. Tuy cho đến lúc tác phẩm kết thúc, Xoan mới chỉ là một con người được giải phóng, nhưng chúng ta thấy trong con người này tiềm tàng một sức mạnh lớn, chắc chắn những cuộc đời như Xoan sẽ hoàn toàn thuộc về cách mạng và sẽ đi theo cách mạng đến cùng. Nhà văn đã bỏ rất nhiều công tìm hiểu và xây dựng nhân vật này, và chắc chắn anh phải có một tình yêu con người đến mức nào mới viết nên được những trang đẹp đẽ như thế về một cô gái nông dân bần cùng, cơ cực.

Nhìn chung, trong *Võ bờ*, mấy nhân vật phụ nữ nông thôn đều đẹp. Có điều ở *Thơm và Quế*, ta ít tìm thấy những nét hiện thực như ở *Xoan*, họ đẹp cẩn bản có lẽ vì được tô điểm bằng những màu sắc thơ

mộng lăng mạn nhiều hơn. Chất thơ là một nét đặc sắc trong ngòi bút miêu tả của Nguyễn Đình Thi. Chính cái chất thơ ấy, cái màu sắc lăng mạn hư ảo ấy đã làm cho các nhân vật trong tác phẩm của anh trở nên đẹp lạ, và cái vẻ đẹp ấy đã hấp dẫn người đọc, nhất là các bạn đọc trẻ. Song tất nhiên, đây không hoàn toàn là một ưu điểm. Nhiều khi tác giả quá say sưa với cái vẻ thơ mộng của cuộc sống, đã quên đi mất cái sự thật tàn nhẫn của nó giấu kín dưới cái vẻ đẹp thơ mộng kia. Chẳng hạn, ở một số đoạn nhà văn miêu tả nông thôn Việt Nam trước Cách mạng, người ta có cảm giác anh đã thi vị hoá nó. Trong các công việc của người nông dân, nhà văn nhìn thấy cái vẻ nên thơ nhiều hơn là sự vất vả khổ cực. Và một điều lạ nữa, trái với các nhân vật công nhân của anh trong *Vỡ bờ*, thường khô khan về mặt tình cảm, các nhân vật nông dân ở đây lại quá nông nàn mảnh liệt. Tất nhiên, sự gần gũi với thiên nhiên là nguồn vò tận tạo nên chất thơ và tình yêu say đắm trong tâm hồn những con người lao động chân lấm tay bùn ấy. Nhưng ở thời gian và trong hoàn cảnh mà tác giả *Vỡ bờ* miêu tả họ, có phải là lúc và là nơi cho phép ta chú ý nhiều đến những khía cạnh thơ mộng và yêu đương đó không? Theo ý chúng tôi, giá như nhà văn cùng lúc đó chú ý nhiều hơn nữa đến cả sự giác ngộ cách mạng và bước trưởng thành về mặt tư tưởng của họ thì tốt hơn. Bởi vì nhìn lại, trong *Vỡ bờ* ta thấy, ngoài Mầm ra, không còn ai trong số các nhân vật nông dân ấy được miêu tả qua những quá trình chuyển biến cách mạng một cách rõ rệt. Mặc dù Cói, và cả Thom nữa, sau này bỗng dung xuất hiện như những con người của cách mạng, bạn đọc vẫn thấy rất rõ ràng họ (cả Cói, Thom, Xoan, Quế) đều mới chỉ dừng lại ở mức độ những con người làm việc say mê và yêu nhau say đắm.

Có thể nói thêm một điểm nữa về các nhân vật của *Vỡ bờ*. Nói chung, Nguyễn Đình Thi thường thành công khi xây dựng những con người chính diện. Ngược lại, các nhân vật phản diện của anh hiện lên không sắc nét. Riêng về cô Phượng thì dư luận có nhiều ý kiến khác nhau. Chúng tôi thấy hình như tác giả dành cho nhân vật này hơi nhiều cảm tình và nhẹ phần phê phán.

Mặc dù có những mặt Nguyễn Đình Thi còn tỏ ra thiếu vốn sống, và một vài nhân vật của anh còn chưa thỏa mãn yêu cầu bạn đọc,

nà vân vẫn có những đóng góp quý báu vào nền tiểu thuyết Việt Nam. Hai tác phẩm tiêu biểu của anh – *Xung kích* và *Võ hờ* – đều là những cuốn sách có giá trị.

Trong mấy năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Nguyễn Đình Thi là một cây bút xông xáo. Ngay từ những ngày đầu chiến tranh, anh đã có mặt ở tuyến lửa cùng với nhiều nhà văn khác. Ba năm, anh đã hoàn thành hai tác phẩm vừa : *Vào lửa* (1966) và *Mặt trận trên cao* (1967). Song có lẽ vì viết vào hồi đầu kháng chiến, nhà văn chưa có đủ thời gian để tìm hiểu, suy nghĩ và nghiên ngẫm cái thực tế mới mẻ của một cuộc chiến tranh mới, cho nên cuốn *Vào lửa* của anh còn mang dấu ấn khá rõ của ký sự, và trong các nhân vật ở đây có một cái gì như phảng phát còn lại từ các nhân vật trong *Xung kích*. Văn cái nét bình dị và trâm tính của chính trị viên Sản trong chính uỷ Xuân, văn cái vẻ khắc khổ và lặng lẽ của chị Lý trong nhân vật Lịch, và lại vẫn cái tình yêu kín đáo, đây sự cảm thông này nở giữa người chỉ huy quân đội và chị cán bộ ấy.

Cuốn *Mặt trận trên cao*⁽¹⁾ ra đời sau *Vào lửa* một năm. Ở đây không khí của cuộc kháng chiến chống Mỹ thấy khá rõ, và điều cản bán là cái không khí ấy ẩn vào tác phẩm một cách tự nhiên, rất thực.

Viết về Nguyễn Đình Thi mà chỉ nói tới văn xuôi không thôi thì quả là một việc làm phiền diện. Song chúng ta phải khách quan mà nhận rằng trong lĩnh vực này Nguyễn Đình Thi có nhiều đóng góp hơn cả. Thêm vào đó, những năm gần đây anh lại hầu như đi hẳn vào văn xuôi.

Tất nhiên con mắt của nhà thơ sẽ làm cho văn xuôi anh thêm trong sáng, giàu hình ảnh và thêm đẹp, và cái nhìn của nhà lý luận sẽ giúp anh thêm sáng suốt, bình tĩnh để miêu tả cuộc sống sâu hơn, bao quát hơn, phân tích lý giải các vấn đề được đúng đắn hơn, sâu sắc hơn.

Báo Văn nghệ, số 390, năm 1971

(1) Cuốn này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

NGUYỄN ĐÌNH THI

PHAN CỰ ĐỆ

Trong cuộc đời của một người viết văn, có những năm tháng sống tha thiết, mãnh liệt, để lại những dấu ấn đậm đà, những âm vang sâu lắng trên toàn bộ tác phẩm.

1940 – 1954, đó là thời kỳ say mê nhất của tuổi trẻ Nguyễn Đình Thi. Từ năm mươi sáu, mươi bảy tuổi, anh đã tham gia các hoạt động yêu nước ở Hải Phòng, rồi sau đó là phong trào thanh niên cứu quốc sôi nổi ở Trường Bưởi và các tổ chức của Việt Minh ở Hà Nội,... Người thanh niên yêu nước đó, cho đến bây giờ, vẫn không quên được cái Tết năm 1942 ở trong tù với những án tượng đẹp đẽ, sâu sắc về những người chiến sĩ cộng sản như Trần Đăng Ninh, không quên được những ngày lên chiến khu, thay mặt giới Văn hoá Cứu quốc, dự Đại hội Tân Trào lịch sử. Rồi cái không khí náo động dữ dội của những ngày tháng tám ở Thủ đô, cái hình ảnh "Hà Nội cháy, khói lửa rợp trời, Hà Nội vùng đứng lên" mờ đậu cuộc toàn quốc kháng chiến ba nghìn ngày không nghỉ,... Hình ảnh một đất nước đói nghèo lam lũ, đau thương, vùng dậy chật đứt gông xiềng phát xít để tự giải phóng đã tạo nên một cảm hứng say xưa mãnh liệt trong các bài hát nổi tiếng, có sức lôi cuốn lòng người của Nguyễn Đình Thi.

Điệt phát xít, Thanh niên cứu quốc ra đời trong không khí bùng bùng của thời kỳ tiền khởi nghĩa và bài hát Người Hà Nội là kết quả của những ngày tháng hoạt động ở mặt trận nam Hà Nội cuối 1946 đầu 1947. Tiếng hát yêu nước sôi nổi, thiết tha của Nguyễn Đình Thi lúc bấy giờ đã hòa vào tiếng hát mãnh liệt của cả một dân tộc đang đứng dậy giành lấy chính quyền cách mạng và cương quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được. Cho nên, không phải ngẫu nhiên, những bài hát đó đã in sâu vào tâm hồn quần chúng, gắn liền với lịch sử đất nước.

Cảm hứng về đất nước và dân tộc anh hùng là cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Đình Thi trong âm nhạc, trong thơ cũng như trong tiểu thuyết.

Nguyễn Đình Thi bắt đầu viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám. Từ năm 1942, anh đã cho xuất bản hàng loạt tác phẩm triết học⁽¹⁾. Trong thời kỳ hoạt động ở Hội Văn hoá Cứu quốc bí mật, anh đã viết một số tiểu luận đăng trên các báo chí bí mật và công khai. Đáng chú ý nhất là bài nói chuyện ở ngày hội sinh viên năm 1944 – *Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích* – đăng trên tạp chí *Tri tân*. Nguyễn Đình Thi tìm cách hướng phong trào đấu tranh của sinh viên vào con đường dân tộc chân chính, chống lại những xu hướng phục cổ, tôn sùng tư tưởng thần bí, phong kiến, kêu gọi họ tìm bản sắc dân tộc trong "nền văn chương đại chúng".

Tài năng văn học của Nguyễn Đình Thi thực sự mới hình thành từ trong ngọn lửa kháng chiến chống thực dân Pháp. Tuy nhiên, những năm tháng dưới mái trường cũ và cuộc đời cũ trong xã hội trước Cách mạng không phải không để lại trong tâm hồn anh một ít rôi rót của con người tiêu tư sản trí thức, một ít heo hút của "những mùa thu đã xa"... *Nhận đường* (1947) nói lên tâm trạng điển hình, nỗi "đau xót của một cuộc lột vò" của các nhà văn lớp trước khi bước vào cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, tham nhập vào đời sống quần chúng công nông. Bài viết đó, tất nhiên cũng có ít nhiều tâm trạng của Nguyễn Đình Thi. Anh nêu lên quyết tâm của mình và tất nhiên cũng là quyết tâm của văn nghệ sĩ yêu nước, sẵn sàng từ bỏ nếp sống cũ để "tìm đến những hàng dầu trong trận đánh của dân tộc, nơi cuộc kháng chiến cháy rộ nhất, nơi sự sống mới thổi lên gió bão...". Từ đó, Nguyễn Đình Thi bám sát bộ đội di hết chiến dịch này đến chiến dịch khác. Năm 1947 di mệt trận đường số năm, thu đông 1948 ở Việt Bắc, cùng Tố Hữu đi với pháo binh sau chiến thắng sông Lô, cuối 1948 di vào khu mười một cũ ở ngoại vi Hà Nội cùng với Nguyễn Tuân, Tô Ngọc Vân; rồi thu đông 1949 theo Sư đoàn 308 tiến sâu vào những vùng núi đá và đồi trọc hoang vu vùng địch hậu Đông Bắc; sau chiến thắng

(1) *Triết học nhập môn*, *Siêu hình học*, *Triết học Aristote* (ký tên là Nguyễn Anh Nghĩa), *Đéc ác tơ*, *Cảng Nito*, *Đá cuyn*, *Anh Lutanh*.

Đông Khê, đội công tác văn nghệ ở đường số bốn trở về, Nguyễn Đình Thi gặp Trần Đăng ở một bản Nùng rồi ít lâu được tin anh hy sinh ở biên giới. Đầu năm 1951, Nguyễn Đình Thi tham dự chiến dịch Trung du và những chiến thắng giòn giã Thanh Văn – Đạo Tú, núi Đanh đã giúp anh viết cuốn tiểu thuyết đầu tay *Xung kích*. Cuối 1951 ta lại thấy anh cùng đi với sư đoàn 312 lên mặt trận Hoà Bình. Năm 1952, Nguyễn Đình Thi gia nhập quân đội, làm chính trị viên phó tiểu đoàn, thuộc Trung đoàn Thủ đô, Sư đoàn 308. Đầu 1953, suốt bảy, tám ngày đêm mài miết leo dốc, leo núi trên đất Lào, anh cùng với đơn vị tham gia chiến dịch Sầm Nưa ; cuối 1953 bắt đầu hành quân lên Điện Biên rồi tham dự trận đánh cao điểm A1 cùng với trung đoàn Thủ đô, sau đó chuyển sang làm công tác tù binh khi chiến dịch kết thúc. Những năm tháng chiến đấu gian khổ nhưng rất say mê cùng với bộ đội đã để lại dấu vết đậm đà trong các tập truyện ký và tiểu thuyết *Bên bờ sông Lô*, *Thu đông năm nay*, *Xung kích* và tập thơ *Người chiến sĩ*...

Cuộc kháng chiến thần thánh đã làm cho thơ anh gắn bó thêm với những cuộc đời, những miền khác nhau của đất nước và cảm hứng về Tổ quốc ngày càng thêm sâu lắng bởi được bồi đắp thêm phần máu thịt của sự sống.

Trong thơ văn của anh, những dòng sông đã chứng kiến bao lần hưng vong của đất nước chính là tượng trưng cho nguồn sống luôn luôn tràn đầy của một dân tộc bất khuất. Từ Hồng Hà mênh mông cuồn cuộn phù sa, cho đến "sông Thao hiền từ cuộn dò, ta về chiến thắng huy hoàng", "sông Kỳ Cùng ào ào sóng đỏ, những ngày mài miết hành quân", rồi "sông Lô, sông Chày, đại bác gầm lên tiếng tự hào" với những "lửa Phố Ràng, Phố Lu còn cháy, bến Bình Ca sóng vỗ xôn xao",... Đất nước hiện lên trong thơ với phong vị cụ thể của những vùng quê hương khác nhau. Từ Việt Bắc với những dãy núi xanh chàm, nhấp nhô cuộn sóng đến tận chân trời, những vùng trung du Vĩnh Yên, Phú Thọ với những dải đồi chập chùng, nghìn vạn cây cọ xoè sáng bên dòng sông rộng đỏ cho đến Hà Nội "xanh tươi bát ngát Tây hồ" với năm cửa ô tíu tíu gánh gồng, rồi Hải Phòng với quán Bà Mau, ngõ Ba Chìa, bến Đá, chợ Cột Đèn, chợ Sắt, chợ Dưa Người, "những tên gọi sao mà vất vả, chẳng khác lèn lênh dênh những cuộc đời"... Cuộc kháng chiến

anh dũng kế tục truyền thống bất khuất trong lịch sử của những Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội đã đem đến cho mỗi nghệ sĩ niềm tin và ý thức tự hào của những người chủ nhân ông đất nước. Bài thơ *Đất nước* (bắt đầu làm từ năm 1948 và hoàn thành sau chiến thắng Điện Biên Phủ) đã nói lên cảm hứng tha thiết nhất của Nguyễn Đình Thi về Tổ quốc và dân tộc :

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đổ nồng phè sa

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.*

Cảm hứng về đất nước tươi đẹp, về dân tộc anh hùng bất khuất, về con người Việt Nam thuỷ chung, tình nghĩa đã tạo nên một chất thơ đạt dào, thâm thiết, thâm quyến vào toàn bộ các đề tài trong tác phẩm của Nguyễn Đình Thi, từ *Võ bờ* cho đến *Mặt trận trên cao*, từ *Người chiến sĩ*, *Dòng sông trong xanh* cho đến *Bài thơ Hắc Hải*. Viết về cuộc khởi nghĩa của thuỷ quân Pháp ở Hắc Hải trên bến Ôđétxa, về người thuỷ thủ anh hùng Việt Nam đầu tiên đã kéo lá cờ đỏ phản chiến trên chiến hạm Pháp, nhưng cảm hứng về quê hương đất nước vẫn là cảm hứng chủ đạo tạo nên những âm vang tha thiết của toàn bộ bản trường ca. Nguyễn Đình Thi cũng dành một vị trí xứng đáng cho thơ tình yêu, nhất là tình yêu chia ly, nhớ thương, xa cách. Những lúc cảm hứng về tình yêu quyện lẫn với cảm hứng về Tổ quốc, tình yêu hoà với lý tưởng cách mạng là những lúc anh viết được nhiều bài thơ :

*Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần...*

Nhớ, *Chia tay trong đêm Hà Nội* là những bài thơ tình yêu đã đi vào tình cảm sâu kín của nhiều chiến sĩ trẻ cảm súng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nguyễn Đình Thi đã hành quân cùng với bộ đội qua nhiều vùng của đất nước, đã thông qua

các đơn vị tìm hiểu vận mệnh của nhiều cuộc đời nhiều con đường rất khác nhau đi đến cách mạng. Anh đã gặp gỡ những người nông dân Thái Bình, Nghệ An, đã chiến đấu cùng với các chiến sĩ đại đội chủ công của Trung đoàn Thủ đô và ở Tiểu đoàn 29 (Lũng Vài), anh đã nghe kể lại cuộc đời những người thợ mỏ của Hồng Gai, Đông Triều, những người dân đánh cá ở một vùng biển Đông Bắc từ Quảng Yên tới Cửa Ông, Đàm Hà, Tiên Yên, Hải Ninh,... Từ năm 1948, Nguyễn Đình Thi đã có ý định thai nghén cho một cuốn tiểu thuyết viết về thời kỳ chiến tranh và Cách mạng tháng Tám, một thời kỳ lịch sử đen tối, nhiều đau thương nhưng cũng vô cùng vinh quang của dân tộc.

Tuy nhiên những điều kiện lúc bấy giờ chưa cho phép anh hoàn thành ước mơ đó. Phải kinh qua thực tiễn đấu tranh giai cấp trong cải cách ruộng đất, chứng kiến thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, và đặc biệt, t菑 minh trong không khí kỷ niệm ba mươi năm ngày thành lập Đảng, anh mới chuẩn bị được cho mình những điều kiện về vốn sống, về trình độ tổng hợp khái quát, mới có một khoảng cách thời gian đủ lùi lại để rọi một ánh sáng mới lên toàn bộ thời kỳ lịch sử vẻ vang đó của dân tộc. Với một dung lượng hiện thực lớn, bao quát nhiều hoàn cảnh, môi trường khác nhau, nhiều số phận con người khác nhau đi vào dòng thác của lịch sử, thì không thể dùng thơ ca và truyện ngắn mà phải sử dụng một hình thức tiểu thuyết sử thi có quy mô và tầm vóc lớn. Vỡ bờ ra đời trên cơ sở điều kiện của những năm sáu mươi là vì thế. Bộ tiểu thuyết này nói lên tất cả tấm lòng yêu thương tha thiết của Nguyễn Đình Thi đối với vận mệnh và lịch sử đất nước, những suy nghĩ sâu lắng, ấp ú của nhà văn về những đặc điểm tâm hồn và tính cách con người Việt Nam. Nguyễn Đình Thi đã dành những trang tâm huyết nhất nói về trí tuệ Việt Nam, tâm hồn Việt Nam và đặc biệt, những trang rất giàu chất trữ tình và chất thơ nói về thiên nhiên đất nước Việt Nam. Những trang sách thấm đẫm tình cảm yêu nước của anh đã làm cho chúng ta yêu thương hơn vẻ đẹp của những dòng sông cuộn cuộn chảy qua những xóm làng trù phú, những vườn vải, rộng nhẵn um tùm ven con đê chạy dài về phía chân trời tít tắp xa, nơi áy pháp phông hơi thở của biển cả. Chúng ta như bị thu hút, say mê trước những cảnh bến sầm uất thuyền bè, bốn mùa vẫn lên những

làn khói trắng của các lò bát,... rồi những cảnh mùa xuân đến bên bờ sông Lương, mặt trời mọc trên vịnh Bái Tử Long, những bến đò Rừng, sông Kinh Thầy, núi Yên Tử, núi Đèo,... của vùng Quảng Ninh ; người đọc cũng không quên được những đại lộ nhộn nhịp chan hoà ánh sáng và những ngõ hẻm, ngoại ô tối tăm, nhấp nháy của Hà Nội, những bến Sáu Kho, sông Tam Bạc, sông Cửa Cẩm, đai Thuỷ Nguyên của Hải Phòng, những đường phố chật chội, chen chúc, nồng nặc mùi mộc nhĩ, nấm hương, mùi vịt quay xì dầu, suốt đêm rào rào tiếng bài mạt chược của Chợ Lớn,... Nguyễn Đình Thi đã làm cho chúng ta yêu thêm quê hương, đất nước, một đất nước diễm lệ bốn mùa tươi xanh và tràn ngập ánh sáng nhưng trên mình mang đầy thương tích của chiến tranh, của đói khổ, cùm kẹp, tù dày, sưu cao thuế nặng, yêu thêm dân tộc chúng ta, một dân tộc đang đứng dậy rũ hết xiềng gông nô lệ, viết nên những trang sử mới chói loà ở vùng Đông Nam Á.

Phần lớn văn nghệ sĩ của chúng ta đi vào cách mạng và kháng chiến với tinh thần yêu nước và lòng căm thù giặc. Nguyễn Đình Thi cũng như thế, nhưng anh đến với cách mạng sớm hơn, vì vậy cảm hứng về dân tộc, đất nước ở trong thời kỳ đầu sâu sắc, mãnh liệt hơn, mang một ý nghĩa tiêu biểu hơn. Trong mấy chục năm qua, từ sự giác ngộ dân tộc, anh dần dần có ý thức sâu sắc hơn về cuộc đấu tranh giai cấp, từ chủ nghĩa yêu nước anh đi đến chủ nghĩa xã hội. *Bài thơ Hắn* là sự kết hợp tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả. Nhưng cho đến nay, nhìn lại ở anh, cảm hứng về đất nước, dân tộc vẫn sâu sắc, nhuần nhịp hơn cảm hứng về giai cấp, về chủ nghĩa xã hội. Và những tác phẩm có giá trị nhất của anh cũng tập trung viết về cách mạng dân tộc dân chủ (*Con nai đen* có đề cập đến vấn đề xây dựng quan hệ giữa con người với con người trong chủ nghĩa xã hội, đả phá bệnh quan liêu, đả phá thái độ thù ghét, nghi kỵ, thiếu lòng yêu thương nhân hậu đối với con người. Nhưng rất tiếc tác phẩm có những mặt chưa thành công, thậm chí có lúc lệch lạc về thủ pháp biểu hiện cũng như về nội dung, ý nghĩa và sức truyền cảm của hình tượng nghệ thuật).

*

* * *

Sức mạnh của cây bút Nguyễn Đình Thi là sức mạnh của một nhà văn có trình độ kiến thức về nhiều mặt (chính trị, triết học, mỹ học, âm nhạc, thi ca...), có khả năng tổng hợp, nêu bật lên được những tư tưởng – chủ đề lớn với chiều sâu và tầm khái quát cao.

Phần lớn tiêu thuyết của Nguyễn Đình Thi viết về đề tài *Chiến tranh và cách mạng*. Trong các xã hội cũ, thời kỳ chiến tranh, bộc lộ những ung nhọt, những mâu thuẫn đối kháng, báo hiệu một tình trạng khủng hoảng hết sức trầm trọng. Cách mạng tháng Mười bùng nổ trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất. Và trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã nổ ra Cách mạng tháng Tám của Việt Nam và cách mạng Dân chủ nhân dân ở một số nước Đông Âu. *Võ bờ* tập một miêu tả một xã hội thực dân nửa phong kiến đang bị xô đẩy vào chiến tranh để quốc, các mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc ngày càng căng thẳng, gay gắt. Trong tập hai, khủng hoảng xã hội lên tới cao độ, một số nhân vật không tìm thấy lối thoát, rơi vào tình trạng bi kịch, nhưng khắp nơi, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng cách mạng đã nổi dậy như nước vỡ bờ cuốn phăng đi mọi rác rưởi của xã hội. Đảng Cộng sản Đông Dương đã biến chiến tranh để quốc thành chiến tranh du kích và khởi nghĩa vũ trang của quần chúng cách mạng. Trong tiêu thuyết *Võ bờ*, ta sẽ thấy tất cả những người Việt Nam yêu nước, từ thợ thuyền, dân cày, văn nghệ sĩ, trí thức, học sinh, sinh viên ở các thành phố cho đến cả một số người ở những tầng lớp trên,... bằng những con đường khác nhau, lần lượt nhập vào dòng thác người cuồn cuộn của Cách mạng tháng Tám hoặc ít nhất cũng bị lôi cuốn bởi cái không khí náo nức, say người của thời kỳ lịch sử đó.

Nguyễn Đình Thi đã miêu tả khá thành công những chuyện thất nghiệp, đói cơm rách áo, những nỗi đau đớn trong tâm hồn lớp tiểu tư sản trí thức nghèo ở thành thị. Cái cảnh trường học bị đóng cửa, thầy giáo cô giáo có bằng có chữ mà vô dụng, tình trạng khốn nạn của những nhà văn chạy ăn từng bữa, ra vào các nhà xuất bản, các toà báo lay lục như một kẻ ăn xin, ngòi bút của họ chẳng khác gì con dao pha, xoay dù cách để kiếm được miếng cơm và chút danh vọng hão trong cái xã hội loạn lạc, lừa đảo, chết chóc, chiến tranh và thất nghiệp ! Nhưng Nguyễn Đình Thi không chỉ nói lại những chuyện quanh

bé tắc của tầng lớp tiểu tư sản trí thức mà trước đây Nam Cao đã miêu tả rất sâu sắc trong *Sóng mòn*. Cái mới của *Võ bờ* là đã biết tập trung miêu tả những con đường khác nhau của tầng lớp văn nghệ sĩ, trí thức tìm đến với cách mạng, những nỗi băn khoăn lo lắng của họ trước vận mệnh của đất nước và dân tộc. Trong *Võ bờ*, nhân vật Hội đã đi tiếp con đường trước đây Thứ (*Sóng mòn*) đã đi.

Cuối tập hai, anh giáo Hội thất nghiệp đã trở thành một Chủ tịch Ủy ban giải phóng lâm thời ở xã, một phóng viên Văn hoá cứu quốc đang trên đường Nam tiến.

Những trang viết của Nguyễn Đình Thi về cuộc đời của những nghệ sĩ, về hội họa, âm nhạc,... đã làm giàu thêm nangiều và những rung động thẩm mỹ của người đọc, giúp ta hiểu sâu sắc hơn những đặc trưng của nghệ thuật, tâm tư tình cảm và công việc sáng tạo của nghệ sĩ.

Võ bờ có ý thức bổ sung cho tiểu thuyết hiện thực phê phán một mảng hiện thực mà trước đây các nhà văn không có điều kiện miêu tả : phong trào cách mạng của quần chúng công nông và hoạt động của những chiến sĩ cộng sản.

Ở tập một, những chương miêu tả cách mạng thành công nhất là những chương nói về tinh thần anh dũng bất khuất của các chiến sĩ cộng sản trong nhà tù đế quốc. Khắc là một hình tượng đẹp về người cộng sản Việt Nam yêu gia đình vợ con, yêu quê hương, lịch sử và đất nước, là mẫu mực của sự kết hợp các giá trị tinh thần, văn hoá của dân tộc với những yêu cầu lý tưởng của thời đại mới. Năm 1960, bên cạnh những hình tượng đẹp trong các hồi ký cách mạng, Khắc là hình tượng người cán bộ của Đảng hoạt động trong thời kỳ bí mật, lần đầu tiên được xây dựng khá thành công trong tiểu thuyết. Đó là một chiến sĩ trung thành với Đảng, dũng cảm và có khí tiết, một con người sắt đá trước kẻ thù, dám thầm trong tình bạn và tình đồng chí, tha thiết chung thuỷ trong tình yêu và bao giờ cũng có thể sẵn sàng hy sinh tất cả cuộc đời của mình cho lý tưởng cách mạng. Mặc dù còn có một số nhược điểm. Khắc vẫn được đánh giá là nhân vật trung tâm của tiểu thuyết *Võ bờ*, một điển hình thành công có sức cỗ vũ, giáo dục tình cảm cách mạng cho người đọc.

Bước sang tập hai, mảng miêu tả quần chúng, công nông và phong trào cách mạng ngày càng yếu dần đi. *Võ bờ* là cuốn tiểu thuyết đầu tiên viết về cuộc Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc mùa thu năm 1945. Người ta kỳ vọng Nguyễn Đình Thi sẽ dựng lại Hội nghị Tân Trào, làm sống lại hoạt động của Bác Hồ và các lãnh tụ của Đảng, làm sống lại làn sóng quần chúng cách mạng đang dâng lên cuồn cuộn trong thời kỳ lịch sử đó. Đối với một bộ tiểu thuyết nhằm dựng lại cao trào tiền khởi nghĩa và Cách mạng tháng Tám, nhằm thể hiện chủ đề *ức nước vỡ bờ* thì những đòi hỏi nói trên của quần chúng là chính đáng. Tuy nhiên, chúng ta cũng không buộc nhà văn phải viết những điều gì mà các anh cảm thấy ngời bút của mình chưa đủ sức. Bằng kinh nghiệm và sự hiểu biết của những năm tháng hoạt động bí mật Nguyễn Đình Thi đã cố gắng dựng lại chiến khu Đông Triều, viết về những cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền ở nông thôn, vùng mỏ, đặc biệt là cuộc tổng khởi nghĩa ở thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, những cố gắng của anh vẫn không bù đắp nổi sự nghèo nàn về vốn sống, nhất là sự hiểu biết về quần chúng công nông. Nhiệm vụ chính của tập hai là trình bày cái thế "võ bờ", các tầng lớp nhân dân đi vào dòng thác lớn của cách mạng và cao trào của nó là cuộc Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Ở tập hai, chúng ta sẽ được chứng kiến những bước ngoặt có tính chất quyết định trong vận mạng và cuộc đời các nhân vật (Hội, Tư, Quyền, Mâm, Côi). Nhưng Nguyễn Đình Thi đã không miêu tả thành công quá trình chuyển hóa cách mạng đó của quần chúng cơ bản và các tầng lớp trung gian. Chính điều đó đã hạn chế không ít đến giá trị tư tưởng và nghệ thuật của *Võ bờ*. *Võ bờ* tập hai bị kêu là kết cấu lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ cũng có thể là vì người ta chưa quen với lối kết cấu nhiều tuyển, nhiều bình diện. Nhưng lý do chính là vì tác giả chưa miêu tả được tốt dòng lịch sử đang vận động và sự vận động của các nhân vật hướng tới Cách mạng tháng Tám.

Nếu như *Võ bờ* miêu tả quá trình chuyển hóa từ chiến tranh để quốc sang chiến tranh cách mạng thì *Xung kích, Bến bờ sông Lô, Vào lửa, Mặt trận trên cao,...* chủ yếu nói về chiến tranh cách mạng. Viết về chiến tranh, Nguyễn Đình Thi đã đề cập đến những vấn đề như vai trò của nhân dân, đặc biệt là sự hy sinh thầm lặng của những người chiến sĩ vô danh (*Anh hùng cứ điểm, Ai biết tên các anh*), tình yêu và

sự chia ly xa cách, hạnh phúc già đình và nhiệm vụ cách mạng, cái sống và cái chết, anh hùng và hèn nhát,... Nhưng anh đặc biệt nhấn mạnh đến nhiệm vụ giải phóng con người của chiến tranh cách mạng, đến sự lớn lên không ngừng của người chiến sĩ cầm súng qua thử thách của hai cuộc kháng chiến thần thánh. "Kháng chiến nhào nặn lại xã hội Việt Nam như trong một trận động đất. Quần chúng đồng đào vào trong lửa cháy, thành những người anh hùng mới, đổ máu giành sống còn cho Tổ quốc, đổ mồ hôi làm thay đổi cuộc đời".

Vở bờ là một bức tranh tổng hợp, có tầm bao quát sử thi, như một dòng sông lớn chảy qua những xóm làng trù phú rồi đổ về biển cả. Còn *Xung kích*, *Vào lửa*, *Mặt trận trên cao*,... chỉ là những khúc sông, những mảng cuộc đời được cắt gọn, còn tươi nguyên, ròng ròng sự sống. *Xung kích* nổi lên ở những mảng đối thoại sinh động của đám đông, những câu văn ngắn gọn và sắc phán ánh nhịp điệu hối hả, gấp rút của một chiến dịch đang mở màn. Cuốn tiểu thuyết cứ như một làn sóng người chuyển động ồn ào, tới tấp, ngày càng dồn xô, lôi cuốn về hướng chiến dịch đang chuẩn bị với một tốc độ gấp rút căng thẳng đến nín thở. Hành quân thâu đêm gần nửa tháng trời nhưng khó khăn ngày càng chồng chất, con người vẫn phải vượt lên, bảo đảm một chiến dịch bí mật, nhanh chóng, tấn công thần tốc như vũ bão. Hai mươi ngày chiến thắng Trung du. Cả một thế hệ trẻ tuổi lao vào cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc, tự nguyện hy sinh cho đất nước độc lập, cho hạnh phúc lâu dài của thế hệ tương lai. Trong những ngày chiến thắng, chính trị viên Sản di bên cạnh Lý, người cán bộ phụ nữ trẻ tuổi bị địch bỏ giò ném xuống sông Rừng : "Thế hệ chúng ta đáng nhẽ đã dang kiến thiết, hạnh phúc còn nhiều. Nhưng chúng ta không hề tiếc. Chúng ta biết chúng ta đang thắng...".

So với *Xung kích*, *Bên bờ sông Lô* trầm hơn, lắng hơn, đi sâu hơn vào đời sống nội tâm (*Anh hùng cứ điểm*), mạnh dạn đề cập đến cuộc đời riêng và những mất mát hy sinh trong chiến tranh. Tập truyện ngắn này vừa giữ được cái bút pháp chân thực của *Xung kích*, vừa nói được cái anh hùng, dũng cảm nhưng cũng nói được cái dữ dội, gian khổ của chiến tranh. Tuy nhiên, một số truyện không có được cái dũng khoẻ khoắn, lạc quan của *Xung kích*, rơi vào một tâm trạng uỷ mị, yếu đuối

khi nói đến những đau thương mà con người phải chịu đựng trong chiến tranh (*Hoa mua ; Anh thương binh Hiền...*)⁽¹⁾.

Trong *Xung kích*, những chi tiết sinh động, tươi mới, khoẻ khoắn tràn vào tác phẩm, có khi hơi rậm rạp, xô bồ nhưng lại phản ánh được cái bê b potrà, phức tạp của cuộc sống *Xung kích*, nhiều hình tượng, có khuynh hướng tràn ra, mở rộng, trong khi *Vào lửa*, *Mặt trận trên cao* được kết cấu chặt hơn, có tay nghề hơn, ngọt ngào và giàu chất thơ hơn nhưng lại mất đi khá nhiều chi tiết chân thực của sự sống.

So với *Xung kích*, *Vào lửa* viết trí tuệ hơn, đặt ra được nhiều vấn đề có ý nghĩa khái quát : vấn đề hai thế hệ cầm súng, vấn đề gia đình, hạnh phúc riêng và sự hy sinh vì nhiệm vụ cách mạng, vấn đề thái độ con người trước cái chết và lẽ sống. Những vấn đề đó dường như được tác giả suy nghĩ từ trước khi thâm nhập cuộc sống.. Nhờ những năm tháng đi với bộ đội trong thời kỳ kháng chiến, nhờ một trình độ tổng hợp những hình thái mới của cuộc chiến tranh chống Mỹ, trong hai năm, Nguyễn Đình Thi hoàn thành hai cuốn tiểu thuyết nóng bỏng tính chất thời sự, mở đầu mùa tiểu thuyết chống Mỹ của các nhà văn miền Bắc. *Vào lửa* là cuốn tiểu thuyết đầu tiên nêu lên vấn đề hai thế hệ, một vấn đề sau này sẽ được tiếp tục phát triển và khai thác thêm trong *Đường trong mây*, *Dấu chân người lính*, *Mắn và tối...* Vấn đề hai thế hệ không chỉ có ý nghĩa trong phạm vi những người cầm súng. Thế hệ những người làm nên Cách mạng tháng Tám, tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có rất nhiều khả năng vận động, tổ chức quần chúng, có một lòng trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc và nói chung, họ đã được thử thách dày dạn trong khói lửa chiến đấu. Nhưng "lớp trẻ bây giờ không những gan dạ anh hùng chẳng thua lớp trước một mảy may, họ lại có học, họ hiểu biết về khoa học kỹ thuật. Họ có cách suy nghĩ mới mẻ, họ luôn luôn đặt ra những vấn đề mà nhiều khi người cán bộ cũ như Xuân không thấy hoặc không hiểu ngay được". Trong *Vào lửa*, lớp trẻ chỉ là một cái nền, chủ yếu Nguyễn Đình Thi đi sâu vào cuộc đời và những khó khăn của thế hệ trước,

(1) Trong tập *Bên bờ sóng Lô* có một số truyện viết trước *Xung kích* : *Anh thương binh Hiền* (1948), *Anh hùng cứ điểm* (1949).

lớp cán bộ như chính ủy Xuân mà nhà văn đã quen thuộc từ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trước những trách nhiệm vượt quá sức mình, Xuân tự nhủ "tóc bạc rồi cũng phải cõi mà học", trước hết là học quân chung "đừng có tự biến mình thành một hòn đá ì ra trên đường đi của mọi người". Và anh đã lắng nghe, tập hợp trí tuệ tập thể của chiến sĩ trẻ, vận dụng sức mạnh của sáu trăm dân công đưa hỏa lực lên đỉnh đồi cao, tạo nên một tình huống cơ động, bất ngờ cho máy bay địch, chuyển thế bại thành thế thắng.

Mặt trận trên cao tập trung miêu tả thế hệ trẻ anh hùng đang tiếp tục truyền thống chiến đấu bất khuất và hy sinh lớn lao của cha anh, tiến lên làm chủ xã hội, làm chủ bầu trời, một kỳ tích trước đây chưa hề có trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Cuốn tiểu thuyết nói lên sự trưởng thành nhanh chóng của quân chung không quân hiện đại rất mới mẻ của chúng ta. Người đọc như được chứng kiến những trận chiến đấu không cân sức giữa các biên đội trẻ tuổi của ta với "Không lực Huê Kỳ" trang bị tối tân, có sức mạnh áp đảo về vũ khí và kỹ thuật, những trận chiến đấu anh hùng, dũng cảm, mưu trí và táo bạo tuyệt vời của không quân nhân dân Việt Nam. Cuốn tiểu thuyết cũng miêu tả những mối quan hệ giữa người và người rất đẹp đẽ, trong sáng. Đó là mối quan hệ giữa chỉ huy và chiến sĩ, giữa chiến sĩ và thợ máy, là tình đồng đội sống chết không bờ nhau, hiệp đồng trong chiến đấu, là sự gắn bó khăng khít giữa bầu trời và mặt đất, tiền tuyến và hậu phương. *Mặt trận trên cao* là sự xúc động trước vẻ đẹp của những lý tưởng cao cả, là sự hấp dẫn bởi những phẩm chất cao quý, những tình cảm trong sáng hơn là bởi những vấn đề xã hội như trong *Vào lửa*. Hai cuốn tiểu thuyết chống Mỹ của Nguyễn Đình Thi đã phục vụ kịp thời những nhiệm vụ chính trị nóng hỏi của cuộc kháng chiến. Nhưng do chưa đầy đủ điều kiện thời gian để tích luỹ vốn sống, thai nghén nhân vật, nên cuốn tiểu thuyết vẫn mang dáng dấp của một phác thảo, một bức ký họa, nghiêng về miêu tả những trận đánh hồi hộp, ly kỳ hơn là khắc họa tâm trạng nhân vật, đi sâu vào những suy nghĩ tâm tình của người chiến sĩ trong chiến đấu và trong các quan hệ xã hội khác. Cái ấn tượng chưa thỏa mãn của người đọc có lẽ bắt nguồn từ chỗ đó. Nhìn chung, sức mạnh của truyện và tiểu thuyết Nguyễn Đình Thi là sức mạnh của một trình độ tổng hợp và khái quát của tài hoa và thông minh,

của một ngòi bút dẽ xúc động và giàu chất thơ chứ chưa phải là sức mạnh của một vốn sống giàu có, của những nhân vật sắc sảo, gân guốc, giàu chất tạo hình.

Nguyễn Đình Thi đã viết được nhiều tác phẩm có giá trị về chiến tranh và cách mạng như *Xung kích*, *Võ bờ*, *Người chiến sĩ*, *Bài thơ Hắc Hải*,... Ngòi bút của anh thấm đẫm những tình cảm yêu thương, trong sáng, những lý tưởng đẹp đẽ, cao quý. Tuy nhiên, anh không bằng lòng với sự lý tưởng hoá, thi vị hoá ngày thơ và dễ dãi. Nói đến tình yêu trong chiến tranh, anh ít nói đến vui vầy, đoàn tụ mà nói nhiều đến sự xa cách, chia ly. Nói đến chiến tranh, không chỉ nói cái anh hùng, cao thượng mà còn nói sự hèn nhát, thấp hèn, không chỉ miêu tả niềm vui chiến thắng mà còn nói thêm sự mất mát, hy sinh. Nguyễn Đình Thi hiểu rõ cái giá mà chúng ta phải trả, hiểu rõ hạnh phúc to lớn chúng ta phải giành bằng xương máu. Trong một số bài thơ làm hồi kháng chiến chín năm, ta thấy rõ sự cố gắng của anh muôn nâng cao mình lên ngang tầm tư tưởng và tình cảm của người chiến sĩ. Những bài thơ tình nói về chia ly, xa cách trong gian khổ của chiến tranh đôi khi mang cái dáng dấp của lý trí, như một sự nén mình lại, một sự tự kiềm chế mình để vươn lên lý tưởng. Tuy nhiên, ở một đôi bài vẫn không giấu được những tình cảm yếu đuối, cỏ đơn trong cái buổi "chiều mờ gió hút" chia tay giữa hai người đồng chí yêu nhau (*Không nói*), trong buổi sáng "mưa bay trên cánh đồng", anh bộ đội nhìn về xóm cũ xa dân bên bờ sông mà thương người vợ "suốt đêm trường súng nổ, em gánh con đi đâu!" (*Về nhù*). Cái buồn phảng phát chút heo hút, cỏ đơn đó cũng man mác trong một số truyện ngắn nói về những mất mát, đau thương trong chiến tranh. Tất nhiên, gạt ra ngoài những rơi rớt tiếc tư sản yếu đuối, thì những suy nghĩ của anh về "bao nỗi đau thương" mà mỗi cá nhân, mỗi gia đình phải vượt qua trong "hai mươi mấy năm lửa cháy quê hương" đã tạo cho thơ anh một nét riêng của tâm hồn trung hậu thuỷ chung.

*
* * *

Trên kia đã nói, một trong những đặc điểm *phong cách* Nguyễn Đình Thi là sức mạnh của một trình độ kiến thức tổng hợp, sức mạnh của tài hoa và thông minh.

Trình độ kiến thức tổng hợp, năng lực khái quát đó đã tạo cho anh những điều kiện thuận lợi để đi vào tiểu thuyết, vốn là một thể loại mang tính chất tổng hợp, một cuốn bách khoa của đời sống. Trong tiểu thuyết, Nguyễn Đình Thi đã nêu lên được những chủ đề lớn có chiều sâu và tầm khái quát cao. Vốn kiến thức tổng hợp cũng tạo cho anh những ưu thế trong việc tổ chức kết cấu tác phẩm. Nguyễn Đình Thi có ý thức học tập kinh nghiệm các nhà tiểu thuyết lớn, đặc biệt là Lép Tônxtôi – tác giả *Chiến tranh và hòa bình*, trong việc xây dựng những bộ tiểu thuyết có quy mô lớn, nhiều chủ đề phức tạp đan chéo nhau, nhiều tuyến và bình diện trong kết cấu và cốt truyện.

Nguyễn Đình Thi đã có cái may mắn được tiếp xúc với sách báo mácxít từ thời kỳ hoạt động bí mật trong phong trào Việt Minh. Trình độ triết học buổi đầu đó cộng với vốn kiến thức tổng hợp và một tâm hồn nghệ sĩ đã tạo cho anh những ưu thế riêng sau này khi đi vào lĩnh vực lý luận phê bình. Chính nhờ vốn triết học cổ điển và sự cố gắng tìm hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin mà những năm đầu cách mạng, các bài tiểu luận của Nguyễn Đình Thi đã vượt lên một tầm cao và có chiều sâu nhất định, góp phần quan trọng vào việc trang bị lý luận văn nghệ cho anh chị em sáng tác theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Trong các bài viết của anh, nhiều vấn đề chính trị và văn nghệ được soi sáng từ góc độ triết học ; chính trị, mỹ học, triết học hoà lẫn với nhau trên cơ sở chiều sâu và tầm khái quát của triết học. Những bài *Thực tại với nghệ thuật* (1949), *Nghệ thuật mới của nhân dân* (1950) mang dấu ấn đậm đà của triết học duy vật lịch sử, của một quan điểm giai cấp khá nhuần nhị. Anh nói đến cái "biện chứng tự nhiên của tâm hồn" trong văn nghệ bình dân, một nền văn nghệ khoẻ khoắn dung dị, lành mạnh nhưng cách biểu hiện nghệ thuật còn gần với bản năng, chưa được nâng cao về phân trí tuệ. Nói đến cái ý thức tôn trọng sự thật khách quan của đời sống trong tác phẩm của Bandacr, L. Tônxtôi, Nguyễn Đình Thi cho rằng trong cách nhìn, cách viết của họ đã có "những nhân tố của một thứ chủ nghĩa duy vật hồn nhiên". Và thật là bất ngờ khi anh nói đến "tính duy vật và biện chứng" của công việc viết tiểu thuyết lúc các nhà sáng tác đang tiến hành một cuộc vật lộn gay go nghiêm khắc nhưng rất hấp dẫn, say mê với những chất liệu thực của đời sống...

Ở Nguyễn Đình Thi có sự kết hợp khá nhuần nhị giữa nhà lý luận và nhà phê bình, giữa khả năng tổng hợp, phân tích và đề xuất những vấn đề có ý nghĩa khái quát với năng khiếu cảm thụ thẩm mỹ tinh tế. Lý luận của anh không sách vở, kinh viện mà xuất phát từ thực tiễn sáng tác, thực tiễn đời sống Việt Nam. Cái ưu thế của anh là vừa làm nhiệm vụ nhà lý luận phê bình, vừa là nhạc sĩ, thi sĩ, người viết truyện và tiểu thuyết.

Trong *Công việc của người viết tiểu thuyết*, chắc chắn Nguyễn Đình Thi không định tiến hành một công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc về tiểu thuyết Việt Nam, cũng chưa định phát biểu những ý kiến thật khoa học về đặc trưng thẩm mỹ của thể loại. Tuy nhiên, tác phẩm này đã nêu lên được những vấn đề khá sâu sắc, về lý luận cũng như về thực tiễn, trong công việc nghệ nghiệp của nhà văn. Nguyễn Đình Thi đã biết rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu của Nguyễn Du, Lép Tônxtòi, cũng như của các đại văn hào thế giới để soi sáng những vấn đề của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Bút pháp của anh ở đây thực hấp dẫn vì nó là sự hài hoà giữa tư duy lôgich và tư duy hình tượng, là sự diễn đạt những vấn đề lý luận bằng một lời nói, lời suy nghĩ hoàn toàn Việt Nam. Đi thăm chùa Tây Phương về, Huy Cận có một bài thơ xúc động mà vươn tới chiều sâu của trí tuệ : *Các vị La Hán chùa Tây Phương*. Cũng thực tế đó, Nguyễn Đình Thi đề xuất một vấn đề của văn xuôi : người viết tiểu thuyết phải vừa mê say lại vừa tỉnh táo. Nếu người viết quá mê say với nhân vật mà không còn đủ sáng suốt thì hay lý tưởng hoá nhân vật, biến nhân vật thành tượng trưng cho một đức tính hoặc một lý tưởng, chứ không còn là con người sống thực giữa cuộc đời nữa. "Tôi đã được mấy lần đến xem tượng chùa Tây Phương. Trên bàn thờ ở chính điện tôi thấy có đến mấy chục pho tượng Phật, song nhìn khuôn mặt các pho tượng ấy thì na ná giống nhau cả, vị Phật nào cũng giống vị nào. Trái lại, ở hành lang và hậu cung, các pho tượng La Hán thì thật sinh động tuyệt vời, những con người tạc bằng gỗ ấy không người nào giống người nào, nhìn nét mặt, hình dáng, mỗi người như có cả một cuộc đời, và mỗi người có một tính cách, một tâm hồn riêng. Đó là vì các La Hán còn là những con người mà chưa thành Phật"⁽¹⁾.

(1) Nguyễn Đình Thi, *Công việc của người viết tiểu thuyết*, NXB Văn học, H., in lần thứ hai, 1969, tr. 170.

Nguyễn Đình Thi đã tạo cho mình một phong cách riêng trong lý luận phê bình. Anh hiểu biết sâu sắc những đặc trưng thẩm mỹ của văn nghệ và nắm khá vững ngôn ngữ của nhiều ngành nghệ thuật. Bằng một lời văn trong sáng, giàu hình tượng và cảm xúc, những phê bình – tiểu luận của anh có chiều sâu của sự suy nghĩ và tâm khái quát, đồng thời vẫn tạo được một sự rung động tinh tế về mặt thẩm mỹ. Nguyễn Đình Thi viết phê bình – tiểu thuyết bằng cả tâm hồn của mình. Cho nên những trang viết từ những ngày đầu kháng chiến, đến nay đọc lại vẫn còn xúc động :

"Cào thơm lân giờ trước đèn", đêm nay tôi đọc "Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt" mà còn bồi hồi nỗi bồi hồi của nhà thơ khi đặt bút viết một buổi nào cách đây hơn hai thế kỷ, trong tai nghe tiếng trống ngũ liên, đêm chiến trận ... Nhà thơ cổ đã không tà lại, chép lại... nhà thơ đã chọn một nét, nhưng là nét chính, nó là cái "thần" của cả đêm ấy... Nghệ sĩ tìm nét chính của sự sống, những nơi nào sự sống ấy mạnh nhất, sâu nhất, những nét "diễn hình" ở những nơi "diễn hình", "những tính cách diễn hình trong những trường hợp diễn hình" như Ăngghen nói"⁽¹⁾.

Nguyễn Đình Thi không bắt ta phải tiếp nhận một cách gò ép những kết luận trùu tượng của tư duy. Trong cách viết, anh tạo được một sự qua lại, đi về rất hài hoà giữa cảm giác, hình ảnh, biểu tượng và tư duy. Giữa các trang viết, ta thường bắt gặp những hình ảnh khám phá có sức làm gợi sáng những dòng suy nghĩ, đưa ta một cách thoải mái, nhẹ nhàng đến tư duy, đến lý luận khái quát :

"Điều kỳ diệu của thơ, là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi lên một sự vật bỗng tự phá tung, mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy... *Chim hót thoi thót* về rừng. Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều thoi thóp tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gượng chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vùng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp thoi thóp của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đâu ngọn nến, nó ở tất cả chung quanh những ngọn nến.

(1) Thực tại với nghệ thuật, 1949.

Ý thơ không chỉ ở câu chữ, nó vây bọc xung quanh. Người xưa nói : *“Thi tại ngôn ngoại”*⁽¹⁾.

Nguyễn Đình Thi viết phê bình không nhiều, dường như chỉ tập trung xung quanh một số tác phẩm đầu mùa (kịch *Bắc Sơn*), truyện ký của Nam Cao, Trần Đăng hoặc tiêu biểu (tập thơ *Viet Bắc*) của nền văn nghệ kháng chiến. Ở đây, do sự kết hợp nhuần nhị giữa nhà phê bình và nghệ sĩ, giữa cái sắc sảo của lý luận với cái tinh tế của một nỗ lực cảm thụ thẩm mỹ, nên Nguyễn Đình Thi có khả năng phát hiện nhanh chóng cái “thần” của một câu thơ, đoạn văn, và chỉ bằng vài câu, thâu tóm được những nét tinh tuý nhất của một tác phẩm, của bút pháp, phong cách một nghệ sĩ.

Có một sự nhất quán tương đối giữa Nguyễn Đình Thi – nhà phê bình lý luận với Nguyễn Đình Thi – nhà tiểu thuyết. Trong tiểu thuyết Nguyễn Đình Thi cũng có một phong cách hoàn toàn độc đáo. Theo anh “cái tác động vào tình cảm ấy là cái chõ sâu nhất của tiểu thuyết cũng như của các nghệ thuật khác”. Rồi anh lại viết : “Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc, ấy là chiến khu chính của văn nghệ. L. Tônxtôi nói vẫn tắt : nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm”. Chính vì thế mà trong nghệ thuật biểu hiện, anh nhấn mạnh đến cái ánh sáng rọi từ bên trong, đến sự vận động rất biện chứng của tâm hồn con người ta. Lê dĩ nhiên, trong tiểu thuyết, anh gắn với L. Tônxtôi hơn là Bandarc, gắn với nghệ thuật *Truyện Kiều* hơn là *Hoàng Lê* nhất thống chí. Tiểu thuyết *Võ bờ, Vào lùa, Mặt trận trên cao* đã được sáng tạo theo những nguyên tắc lý luận nói trên. Ngòi bút tinh tế, thông minh của tác giả trong nhiều trường hợp đã cố gắng rọi sâu đến những tình cảm bên trong, làm nổi bật lên vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật. Các nhân vật của Nguyễn Đình Thi thường có những hy sinh mất mát trong cuộc đời riêng, do đó gợi được niềm đồng cảm trong lòng người đọc : Lý bị dịch chém sà vai, ném xuống sông Rừng, hai cánh tay bị bó giờ sút sẹo, méo mó (*Xung kích*), đại đội trưởng Còm vợ con chết từ trận đói năm 1945, “sống chiến đấu lặng lẽ, chết hy sinh lặng lẽ” (*Anh hùng cứ điểm*), chính ủy Xuân vợ bị chết bom, một mình gà sống nuôi con

(1) *Mấy ý nghĩ về thơ*

(*Vào lửa*), cô Nina lưu lạc giang hồ, mẹ chết thương hàn ở ngoại ô Pari, An bụng mang dạ chửa, chồng chết trong tù, một mình vượt cạn trong tiếng còi báo động rền rĩ của thành phố, họa sĩ Tư có tài nhưng nghèo và lù đù nên bị người yêu tình phụ... (*Vỡ bờ*). Trong tiểu thuyết Nguyễn Đình Thi có những chương thâm dỗm tình cảm, gây nên những xúc động mạnh mẽ trong tâm hồn người đọc : An từ Hải Phòng lên Hà Nội thăm Khắc thì Khắc đã bị địch giết trong Hoả Lò. Toàn đến nhà Nina nhưng người yêu đã bỏ đi, gửi lại một cây đàn violon và một bức thư giàn giụa nước mắt, bức thư của một cô gái gửi cho người chiến sĩ nhưng thư chưa đến tay thì anh chiến sĩ trẻ đã hy sinh... Như trên đã nói, sở dĩ Nguyễn Đình Thi tập trung tác động vào tình cảm của người đọc như vậy là vì trong lý luận, anh đề cao yếu tố lý tưởng, yếu tố tình cảm trong sự sáng tạo nghệ thuật. Nhưng hình tượng nghệ thuật không chỉ làm rung cảm người đọc mà còn giúp họ nhận thức cuộc sống, không chỉ in dấu tâm hồn và lý tưởng của nghệ sĩ mà còn có chức năng phản ánh, tái tạo hiện thực khách quan. Trong thơ ta cũng thấy anh nhấn mạnh đến vai trò của chủ thể, của sự xúc động bên trong, của một tâm hồn tự thức tỉnh, tự soi sáng nhưng chưa chú ý đúng mức đến cái nền hiện thực khách quan, những điều kiện, những yêu cầu của cuộc sống thực đã làm cơ sở cho sự xúc động bên trong đó. Anh viết :

"Đầu mối của thơ có lẽ ta đã tìm bên trong tâm hồn con người chẳng ? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn buổi chiều gợi những câu thơ nào nhung, nhưng chính nỗi nhớ nhung gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ ... Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ... khi nó thức tỉnh tự soi vào nó để tự nhận thấy đang ở một độ rung chuyển khác thường, do một sự va chạm nào với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác rồi do sự tự soi sáng ấy mà sự cảm xúc thành hình được hẳn" (*Máy ý nghĩ về thơ*).

Đúng là thi ca trữ tình biểu hiện cái thế giới bên trong cái tôi – trữ tình của thi sĩ, và khi Nguyễn Du viết : *Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*, thì tức là thi sĩ mượn cảnh thiên nhiên để nói tâm trạng Thuý Kiều ở lầu Ngung Bích.

Khác với ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ thơ ca chủ yếu biểu hiện một thái độ của chủ thể, một sự đánh giá đối với hiện thực khách quan. Nhiệm vụ tái tạo hiện thực khách quan ở ngôn ngữ thơ ca đã lùi xuống hàng thứ yếu. Tuy nhiên, tất cả những nhận định trên không hề bênh vực cho luận điểm xem thơ ca chủ yếu là sự tự biểu hiện của chủ thể, rung động thơ là do tự nhận thức, tự soi sáng của tâm hồn thi sĩ còn hiện thực khách quan, thế giới bên ngoài chỉ là một dịp, một cái cớ để cho cảm xúc thành hình rõ nét. Không có sự rung động nào của tâm hồn chúng ta không bắt nguồn trực tiếp hoặc gián tiếp từ hiện thực khách quan và cảm xúc của cái tôi – trữ tình của nhà thơ cách mạng là phản ánh những cảm xúc, những yêu cầu về tư tưởng và tình cảm của hàng triệu quần chúng đang làm nên lịch sử (Bài *Mấy ý nghĩ về thơ*, viết năm 1949). Sáu năm sau, trong bài phê bình tập thơ *Việt Bắc*, anh viết chính xác hơn : "Tiếng sáo của nhà thơ chỉ có thể rung động và vang xa khi nào có luồng gió của thời đại, của nhân dân thổi vào. Nhiệm vụ thứ nhất của mọi ngành nghệ thuật, kể cả thi ca, vẫn là biểu hiện thực tế cuộc sống, biểu hiện những anh hùng của thời đại chúng ta".

Sự thiên lệch của Nguyễn Đình Thi trong lý luận gắn liền với những mặt mạnh mặt yếu của anh trong sáng tác. Nguyễn Đình Thi đã mang tâm hồn thi sĩ và nhạc sĩ đi vào tiểu thuyết. Tiểu thuyết của anh làm cho tình cảm người đọc trong sáng hơn, tinh tế hơn, cao đẹp hơn. Tuy nhiên, anh dễ dàng thành công khi nói đến những quan hệ tình cảm của nhân vật, nhưng ngòi bút của anh lại chưa thật sắc sảo khi miêu tả các quan hệ áp bức bóc lột, đấu tranh giai cấp. Những trang viết về nỗi nhớ của Xoan đối với người yêu, cảnh Quế và Côi tình tự ven sông một đêm trăng, cái chết tội nghiệp của Quế và lòng thương xót vật vã, điên cuồng của Côi, trận ốm thương hàn mười phân tửng chết của Xoan,... là những trang viết thật cảm động, gây được nhiều cảm tình của người đọc đối với nhân vật. Tuy nhiên, những đoạn miêu tả thăm dò tình cảm đó vẫn không bù đắp được sự nghèo nàn về vốn sống của Nguyễn Đình Thi khi viết về nông dân và nông thôn Việt Nam.

Trong tiểu thuyết cũng như trong thơ, Nguyễn Đình Thi là một cây bút yêu thương, đôn hậu, một "dòng sông nhỏ, in bóng mây trời, dòng sông trong xanh". Trong các bài hát *Người Hà Nội*, *Đất nước*, *Chia tay trong đêm Hà Nội*, ta thấy Nguyễn Đình Thi đã bước đầu kết hợp

được cái âm hưởng trữ tình tha thiết đó với âm hưởng anh hùng ca. Ở trường ca *Bài thơ Hắc Hải*, sự kết hợp đó rõ ràng hơn, sâu đậm hơn. Tuy nhiên, trong thơ Nguyễn Đình Thi, cái âm hưởng anh hùng ca còn yếu, mạch trữ tình tha thiết, yêu thương vẫn là âm hưởng chủ đạo. Cũng như thế, trong tiểu thuyết, sự kết hợp giữa yếu tố sử thi và yếu tố trữ tình vẫn chưa thật nhuần nhị. *Võ bờ* vì thế chưa ở cái tầm vóc một bộ anh hùng ca của thời đại.

Nguyễn Đình Thi có nhiều thành công khi viết về phụ nữ và nhí đồng. Điều đó không phải là ngẫu nhiên. Như trên đã nói, anh là một cây bút vốn giàu tình cảm, giàu chất trữ tình và chất thơ. Anh hiểu rất rõ vị trí nền tảng của những người vợ và nhất là của những người mẹ, nguồn suối tinh thần, cái kho bảo tồn những phẩm chất truyền thống của gia đình, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Anh đánh giá rất cao những sự hy sinh chịu đựng lớn lao của người phụ nữ trong chiến tranh. Nguyễn Đình Thi đã ghi lại được những hình tượng đẹp về những người mẹ, người vợ, người con gái tân tảo, đảm đang, chung thuỷ, giàu lòng hy sinh (bà Tú Mai, Thảo, Quyên, An). Nhìn chung anh viết về lớp phụ nữ mang những đặc điểm truyền thống nhuần nhị hơn khi viết về những lớp người mới. Và các nhân vật trong *Võ bờ* được khai thác thành công trong quan hệ già đình, tình yêu, tình bạn nhiều hơn là trong quan hệ đấu tranh giai cấp, trong sản xuất, trong đấu tranh chính trị. Bản chất giai cấp và nguồn gốc xã hội của một số nhân vật (như Phượng, Xoan) chưa được khai thác đúng mức. Ngòi bút của tác giả, đối với Phượng, có lúc còn ít nhiều thi vị hoá, lăng mạn hoá, không phù hợp với bản chất xã hội của loại tính cách nhân vật này. Số phận của Xoan là số phận của một con người bị chà đạp về mặt nhân phẩm, bị dày đoạ về mặt hạnh phúc nhiều hơn là số phận của một người bị bóc lột. Nguyễn Đình Thi nhìn một số nhân vật dưới góc độ của chủ nghĩa nhân đạo (ít nhiều mang màu sắc tiểu tư sản), của những vấn đề lương tâm, danh dự, nhân phẩm, đạo đức chung chung nhiều hơn là dưới ánh sáng của quan điểm giai cấp công nhân. Nhận định này phù hợp với một kết luận đã nói ở trên : Nguyễn Đình Thi nhạy bén với những vấn đề của đất nước, dân tộc hơn là những vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Nguyễn Đình Thi đã có lần nhắc đến ý kiến của Ăngghen đánh giá cao tác phẩm của Bandăc, xem đó là những cuốn bách khoa toàn thư của đời sống, "những cuốn sách được hàng triệu con người trên thế giới tìm đọc để học lấy trong đó kinh nghiệm sống và cách làm người". Tuy nhiên trong mối quan hệ giữa hiện thực và lý tưởng trong tiểu thuyết, anh vẫn nhấn mạnh nhiều hơn đến lý tưởng. Nếu "tính hiện thực" là không thể thiếu được đối với tiểu thuyết, "tính lý tưởng" cũng không thể thiếu được. Mà chính cái lý tưởng ấy của tiểu thuyết lại là chỗ hấp dẫn nhất của nó". Chất lý tưởng là "chất mật ong của các tiểu thuyết lớn", "người đọc sách đòi khát cái chất lý tưởng ấy, sự khao khát này là vô tận"...

Quan điểm này của Nguyễn Đình Thi được phản ánh khá trung thành trong sáng tác. Tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi rất giàu chất lý tưởng, giàu những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ.

Những người phụ nữ trong tiểu thuyết của anh thường có một tâm hồn đẹp và cao thượng. Hai nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết *Võ bờ* cũng là hai nhân vật nặng về tính lý tưởng. Khắc là hình tượng đẹp của người cộng sản Việt Nam, một con người đã cống hiến tất cả cuộc đời của mình cho lý tưởng cao cả của Đảng là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Sức hấp dẫn của nhân vật Tư chính là vẻ đẹp của một niềm say mê lý tưởng của người nghệ sĩ trong sạch trong xã hội cũ. Tư đã bỏ vào công việc vẽ tất cả sức lực và tuổi trẻ của anh, tất cả những năm tháng đẹp nhất của đời anh. Tư có sự say sưa sáng tác của người nghệ sĩ đầy tài năng, dám sống chết vì một nền nghệ thuật chân chính, dám chống lại sự tha hóa của xã hội tư sản. Bên cạnh anh chàng Thanh Tùng chạy theo danh vọng, tiền và gái đẹp thì Tư là một nhân vật ít nhiều được nâng lên, được nhấn mạnh vào tính lý tưởng.

Trong tiểu thuyết *Võ bờ* Nguyễn Đình Thi tỏ ra rất am hiểu những người tiêu tản trí thức và văn nghệ sĩ, anh cũng có những thành công nhất định khi viết về tầng lớp dân nghèo ở nông thôn và thành thị. Mặt khác, nhà văn đã có nhiều cố gắng để bổ sung cho những mảng hiện thực và những kiểu người mà anh chưa quen thuộc lắm (công nhân, nông dân). Tuy nhiên, do yêu cầu phải miêu tả các tầng lớp

nhân dân đi vào cách mạng, do quy mô lớn của một cuốn tiểu thuyết sử thi, Nguyễn Đình Thi phải đưa rất nhiều loại nhân vật lên sân khấu. Trong tình hình đó, màu sắc đậm nhạt của các mảng hiện thực trong bức tranh xã hội rộng lớn, mức độ thành công khác nhau ở từng loại nhân vật là điều không thể tránh khỏi. Khá nhiều nhân vật trong *Võ bờ*, *Vào lửa*, *Mặt trận trên cao* (nhất là những nhân vật công nông và cán bộ cách mạng) còn thiếu bề dày và chiêu sâu của sự sống, thiếu đường nét tạo hình, thiếu một ngôn ngữ được cá thể hoá. Nhìn chung, Nguyễn Đình Thi còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa mới kết hợp được một cách nhuần nhì tính lý tưởng và tính hiện thực trong tiểu thuyết.

*
* *

Nguyễn Đình Thi đã trên ba mươi năm hoạt động văn học và có những đóng góp tiêu biểu về nhiều mặt trong bước đầu xây dựng một nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Anh cũng là một trong những người lãnh đạo văn nghệ chủ chốt từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám.

Nguyễn Đình Thi là một nhà thơ khi sáng tác nhạc, là nhạc sĩ và thi sĩ khi đi vào tiểu thuyết, là nghệ sĩ và triết gia trong lý luận phê bình. Anh thử thách tài năng của mình trên nhiều lĩnh vực nhưng thành công chủ yếu vẫn là tiểu thuyết, sau đó là thơ và phê bình – tiểu luận.

Những hoạt động tiêu biểu của anh, những tác phẩm thành công viết về thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ đã khẳng định vị trí quan trọng của anh trong nền văn nghệ mới. Nhiều tác phẩm của anh đã được dịch ra tiếng nước ngoài⁽¹⁾. Ba mươi năm là một chặng đường dài nhưng đâu sao cũng chỉ là một chặng đường đối với một tài năng đã nguyện đem cuộc đời của mình cống hiến cho một nền nghệ thuật cách mạng. Đất nước bước vào một kỷ nguyên mới, chúng ta hy vọng và chờ đợi ở Nguyễn Đình Thi những thành công mới.

In trong sách *Nhà văn Việt Nam (1945 - 1975)*
NXB Đại học và THCN, H., 1979

(1) Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản dịch *Xung kích*, *Võ bờ*. Riêng *Mặt trận trên cao* được dịch ra tám thứ tiếng trên thế giới.

NGÔI NHÀ CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

ĐINH QUANG TỐN

Mỗi khi nghĩ về Nguyễn Đình Thi, tôi lại nhớ tới lời Raxun Gamdatôp nói với Eptusencô (hai nhà thơ Nga) : "Đừng cầm ba quả dưa trên một bàn tay, tất cả sẽ rơi xuống đáy !". Tuy nhiên, tôi không đồng tình với Raxun, mặc dù đây là chân lý hiển nhiên của cuộc sống, nhưng lại không phải bao giờ cũng đúng trong văn học nghệ thuật.

Nguyễn Đình Thi viết nhiều thể loại, và ở thể loại nào anh cũng thành công. Về âm nhạc, anh có *Diệt phát xít* và *Người Hà Nội* nổi tiếng. Về kịch, anh có *Giấc mơ*, *Tiếng sóng*, *Hoa* và *Ngân* có tiếng vang. Về tiểu luận phê bình, ngay từ khi hai mươi tuổi anh đã được ghi nhận với *Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích*, rồi đến tập *Công việc của người viết tiểu thuyết* có giá trị. Anh có tập truyện ngắn *Bến bờ sông Lô* và truyện viết cho thiếu nhi. *Cái Tết của mèo con* cũng còn lưu giữ trong tâm trí mọi người... Nhưng đôi cánh đưa anh bay trên bầu trời nghệ thuật cao rộng một cách vững vàng đó là thơ và tiểu thuyết. Đôi cánh này của anh khá thăng bằng. Có giai đoạn hàng chục năm mọi người cứ ngỡ cánh tiểu thuyết của anh là cánh chính. Nhưng càng ngày thời gian đã giúp chúng ta xác định một cách rõ ràng cánh phải của anh là cánh thơ.

Thật ra thành công của anh ở từng thể loại đã là niềm mơ ước của nhiều người cả đời viết về thể loại đó. Nhưng khi đánh giá về sự nghiệp của một người không nên tách riêng từng phần rời cộng lại. Cách làm như thế sẽ không nhìn thấy tầm cao của ngôi nhà. Mỗi nghệ sĩ chỉ có một ngôi nhà duy nhất do tất cả các tác phẩm về mọi thể loại của họ tạo nên. Có người các tác phẩm cứ tách nhau rời rạc. Song có người các tác phẩm ở nhiều thể loại lại kết hợp một cách đặc biệt tôn nhau lên tạo thành một tầm vóc khác hẳn. Tác phẩm của Nguyễn Đình Thi thuộc dạng thứ hai này.

Có người lấy làm tiếc là Nguyễn Đình Thi đã trai tài nang của mình ra nhiều lĩnh vực, nếu anh chỉ dồn vào một lĩnh vực thì anh sẽ trở thành một tài năng lớn về lĩnh vực đó. Đó là một cách nhìn không biện chứng. Tài năng tự nó không thể dồn, không thể đẩy được. Không thể bảo Nguyễn Đình Thi dùng viết nhạc, dùng viết kịch và tiểu thuyết thì thơ sẽ hay hơn ! Những nghệ sĩ đích thực mỗi tác phẩm thường ra đời một cách tự nhiên do trái tim thôi thúc, những tư duy, tình cảm khi đã chín sẽ hình thành hệ thống hình tượng và mượn thể loại thích hợp để trú ngụ.

Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1951 - 1952, đã trao giải nhì cho tiểu thuyết *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi. Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tay, khơi nguồn cho mạch tiểu thuyết của anh. Ghi nhận của Hội văn nghệ đã thúc đẩy cảm hứng sáng tạo của anh ở thể loại này. Mặc dù thật sự *Xung kích* chưa phải là một tiểu thuyết hay. Giá trị chủ yếu của nó là giá trị phản ánh hiện thực cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp về đề tài người chiến sĩ cầm súng. Mà như chúng ta biết một tác phẩm lớn phải có tư tưởng nghệ thuật vượt lên trên hoàn cảnh hiện thực và phải có một giá trị nghệ thuật đặc biệt. Xu hướng phản ánh kịp thời cuộc sống hiện thực này cũng cho Nguyễn Đình Thi thành công ở hai tập tiểu thuyết nữa là *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao* trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đó còn là ba tập tiểu thuyết nữa, viết về ba binh chủng bộ binh, pháo binh và không quân. Nó mang tư tưởng toàn dân toàn diện kháng chiến và phục vụ kịp thời của tác giả. Chưa có được hình tượng nghệ thuật ám ảnh và lay động người đọc.

Tiểu thuyết gây nhiều tranh cãi và cũng ghi nhận thành tựu trên lĩnh vực tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi là bộ *Võ bờ*. Vượt qua tất cả những lời bình, các nhân vật : họa sĩ Tư, chiến sĩ cộng sản Khắc, nhạc sĩ Toàn, các nhân vật nữ là An và Phượng,... vẫn sống trong tâm trí bạn đọc. Đặc biệt là hai nhân vật Khắc và Phượng.

Khắc là hình ảnh một chiến sĩ cách mạng khá tiêu biểu của thời kỳ hoạt động bí mật. Với lý tưởng đẹp đẽ, tâm hồn trong sáng, với nghị lực và bản lĩnh kiên cường, anh đã được quần chúng tin yêu và che chở, gậy dựng được phong trào cách mạng. Trước *Võ bờ*, và cho đến nay cũng chưa có hình tượng chiến sĩ cộng sản nào thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám 1945 trong văn xuôi chân thực hơn nhân vật Khắc.

Nhân vật Phượng là một hình tượng nghệ thuật sống động đã có được cuộc sống riêng bước ra khỏi trang sách. Tài năng và bản lĩnh nghệ thuật của Nguyễn Đình Thi thể hiện qua việc miêu tả nhân vật này cả về vẻ đẹp hình thức, tâm trạng và hành động. Bởi vì thông qua nhân vật nữ tiêu tư sản quý tộc này, người đọc hiểu nhiều mặt của đất nước, của cách mạng và hoàn cảnh thời đại. Hình tượng cô Phượng trong tiểu thuyết *Võ bờ* bác bỏ mọi nhận xét cho rằng văn học mây chục năm qua của chúng ta chỉ là nền văn học minh họa. Nhân vật Phượng là một hình tượng nghệ thuật ám ảnh người đọc. Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, những hình tượng văn học thành công như nhân vật Phượng không phải là nhiều.

Và phải đặt tiêu thuyết *Võ bờ* (tập I) ra đời từ năm 1962 mới thấy được hết tầm cỡ của nó. Không thể đánh giá một giá trị thoát khỏi hoàn cảnh cụ thể. Sự ra đời của *Võ bờ* (tập I) cùng với một vài tác phẩm khác báo hiệu văn học Việt Nam bắt đầu có những tác phẩm lớn, bắt đầu hình thành một nền văn học lớn. Và cả giá trị này nữa, khi nói về Chế Lan Viên, nhà thơ Tố Hữu đã viết một câu sâu sắc, cho chúng ta một cách nhìn cách đánh giá về một tác giả, một tác phẩm : *Mai sau những cánh đồng thơ lớn – chắc có tro Anh bón sắc hồng*. Vui mừng với những thành tựu của văn học đổi mới hôm nay, chúng ta cũng phải nhìn đóng góp của tiêu thuyết *Võ bờ* như thế.

Thơ Nguyễn Đình Thi có số phận khác hẳn. Nó ra đời sớm hơn tiêu thuyết của anh, nhưng không được đón chào nồng nhiệt như thế. Hội thảo thơ Nguyễn Đình Thi năm 1948 có nhiều ý kiến chê, chủ yếu là chê thơ anh khó hiểu, không gần gũi quen chúng. Mặc dù vậy, anh vẫn thầm lặng sáng tác và giữ nguyên phong cách của mình. Bản lĩnh đó phải chăng đã giúp thơ anh từng bước khẳng định mình, tuy chậm chạp nhưng vững chắc.

Thơ Nguyễn Đình Thi có một phong cách riêng, đó là sự sâu nặng trong nghĩa tình, sâu nặng trong tư tưởng, sâu nặng trong triết lý qua hình thức thơ gần gốc khoẻ mạnh. Anh không chú ý nhiều ở từ ngữ mà tập trung vào cách diễn đạt, làm cho những câu thơ nổi hẳn lên, không còn ở dạng bình thường. Sự sâu nặng của ý tưởng kết hợp cách diễn đạt ăn tượng đến mức dù lay động người đọc. Sự sâu nặng đến nhức nhối được thể hiện từ trong việc miêu tả :

*Mỗi tác đất ngày đêm hồng giãy
Mỗi lòng người như nước suối trong.*

(*Quê hương Việt Bắc*)

*Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều.*

(*Đất nước*)

Sâu nặng đến dần vật, đến tràn đầy khi nói về tình yêu thương con người :

*Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước
Mỗi tối anh nằm mỗi miếng anh ăn.*

(*Nhớ*)

*Mây hồng chim vút cánh bay
Sóng xa một dải dang đầy nhớ thương.*

(*Mùa thu nhớ Bác Hồ*)

Sự sâu nặng ấy thấm vào ngay tư tưởng yêu nước, khi thể hiện về cách mạng, thành bức tranh hoành tráng :

*Sóng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ mán lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng loà.*

(*Đất nước*)

Càng ngày thơ Nguyễn Đình Thi càng có một triết lý sâu nặng, nhưng là sự sâu nặng đến rung rưng của cày dời :

*Cái hy vọng
Mỗi tâm hồn cân có tâm hồn khác.*

(*Một niềm vui, một nỗi buồn*)

*Cái không mất thường ở trong nước mắt
Giọt mồ hôi người đẫm luống xanh.*

(*Nhin xem*)

Nguyễn Đình Thi giữ được hồn thơ của mình khoẻ đều suốt năm chục năm nay. Đó là một điều khó. Hồn thơ phản ánh hồn người.

Cái gốc của hồn thơ là hồn người. Cho chúng ta thấy một tình yêu cuộc sống bền bỉ, thiết tha và mãnh liệt của Nguyễn Đình Thi.

Đọc thơ Nguyễn Đình Thi, thấy hình tượng dòng sông theo suốt hồn thơ của tác giả. Cũng có thể ví hồn thơ Nguyễn Đình Thi như một dòng sông liên tục chảy, lúc nào nức khi êm đềm, nhưng luôn chuyển động dào dạt ở trong lòng.

Dòng sông ấy có tên của riêng mình, ai nghe cũng biết. Tuy chưa phải là Hồng Hà hay Cửu Long Giang, nhưng cũng là cõi sông Đà, sông Lô, sông Mã, Hương Giang, Thu Bồn của thơ Việt Nam. Dòng sông ấy có dáng hình vừa cổ điển, vừa hiện đại, vừa mang trên dòng những ca nô, tàu thuyền, vừa in bóng trời mây và những cánh buồm.

*
* * *

Thế mới hay người nghệ sĩ phải tự nghe được tiếng đậm của trái tim mình, mà nhiều khi các nhà phê bình không có đôi mắt xanh để lầm tưởng. Lúc đầu đến với thơ, Nguyễn Đình Thi không được chào đón như khi anh đến với tiểu thuyết, nhưng *thức lâu mới biết đêm dài*... Nếu không có bản lĩnh để thức lâu, và nghĩ sâu, lắng nghe tiếng con tim mình thao thức thì có khi chệch hướng và tuột mất. Nhưng những nghệ sĩ lớn thường có tài nghe được đúng tiếng đậm của con tim mình và dù bản lĩnh để đi theo và dù tài năng thể hiện nó. Cái tài này ở họ cũng rất tự nhiên. Nguyễn Đình Thi đã là một người như thế.

Mọi người thường nói : Đóng góp của nhà văn là ở tác phẩm của họ. Điều ấy đúng nhưng chưa đầy đủ, còn cả sự tác động của họ vào nền văn học ấy, vào cuộc đời, vào thời đại nữa chứ ! Ba mươi năm Nguyễn Đình Thi là Tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam, và bây giờ ở tuổi ngoại bảy mươi, ông lại đứng ra đảm nhận trọng trách Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, chẳng lẽ lại không phải là sự đóng góp cho văn, cho đời ? Ngôi nhà văn chương mà Nguyễn Đình Thi xây trong cuộc đời mình đã khá đồ sộ. Điều quý hơn là ngôi nhà ấy tuy sang trọng nhưng cũng rất đời thường, không hề cao đạo. Những người yêu văn chương ra vào cảm thấy khá thoải mái.

Tản mạn và chứng kiến văn chương,
NXB Văn học, H., 1997

Phần hai

**TRUYỆN, TIỂU THUYẾT
CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI**

MỘT VÀI CẢM TƯỞNG SAU KHI ĐỌC TRUYỆN *BÊN BỜ SÔNG LÓ* CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

NGUYỄN KHAI

Tập truyện *Bên bờ sông Ló* ra mắt độc giả vào đầu năm 1958 với cái tên quen thuộc của người viết : Nguyễn Đình Thi. Quần chúng và giới văn học đón tiếp cuốn sách mới đó hơi lặng lẽ, và từ trong nhóm "Nhân văn" thì lại bay ra một câu phê phán lơ lửng : văn Nguyễn Đình Thi là loại "văn không hồn". Một vài người sách tuy chưa đọc nhưng đã đồng tình rất dễ dãi với nhận xét của người khác. Tôi thấy nên nêu lại cuốn sách đó ra để bạn đọc có dịp góp ý kiến khen chê cho được rõ ràng.

Cuốn sách gồm có 12 truyện ngắn, có nhiều truyện tôi rất thích, đọc xong mà vẫn thấy quyến luyến mãi, nghĩ ngợi mãi, như : *Anh hùng cứ điểm*, *Mùa mưa*, *Cánh chim*, *Ông cụ đưa đường*, *Chiếc áo trắng*, *Anh thương binh Hiền*, *Người tù binh da đen*. Cũng có một vài truyện tuy nội dung rất tốt, nhưng vì cách viết chưa tốt nên không gây được ấn tượng sâu sắc, như : *Bên bờ sông Ló*, *Tiếng hét*, *Mắn*, *Hoa mưa*, *Đường về*. Nhưng nói chung, qua toàn bộ tập truyện, người đọc thấy rất rõ ý của tác giả là muốn nêu lên những khía cạnh rất giản dị, bình thường nhưng cũng thật trong sáng và tiêu biểu trong 9 năm kháng chiến. Ở mỗi truyện đều gợi lại trong lòng người đọc một số kỷ niệm mà qua 4 năm hoà bình ít nhiều có bị phai nhạt, chôn vùi đi. Ngay từng truyện, những nhận xét về người, về việc, về khung cảnh tuy rất nhỏ nhưng lại thuộc về giá trị của những hình ảnh nếu ghi lại được một lần có thể làm sống mãi mãi cái không khí cách mạng to lớn. Nếu người đọc nào lấy tiêu chuẩn truyện ngắn là phải "có những màu thuẫn, những tình tiết, xung đột lẫn nhau ngày càng gắt gao, dồn dập để tạo sự hấp dẫn", thì chắc chắn sẽ chê những truyện *Bên bờ sông Ló* là nhạt phèo, vô duyên, không ra truyện. Nhưng nếu ta đọc

Nguyễn Đình Thi bằng cái tình cảm trong trắng của mình, bằng những kỷ niệm rất nhòe của 8, 9 năm kháng chiến thì sẽ hết sức cảm động và đầy hứng thú. Câu chuyện *Chiếc áo trắng* chỉ là chuyện của một tiểu đội bộ đội đi lạc đường, đêm khuya mới tìm được vào một nhà ông lão người Thái. Nói chuyện thăm hỏi rồi đi ngủ, sáng dậy lại lên đường, ông lão cho cô con gái dẫn bộ đội ra đến con đường chính. Chuyện chỉ có thể nhưng đọc xong một vị ngọt lǎng xuống cổ, một chút gì bàng khuâng dâng lên ngang mi : mỗi tình cảm thăm giữa quân đội và nhân dân trong kháng chiến. Còn những sự việc xảy ra trong chuyện thật quá bình thường : ông cụ hỏi chuyện đi lạc đường, ông cụ kể chuyện Tây về bắt dỡ nhà, bỏ ruộng, lên ở tập trung cạnh đồn ; chuyện ăn cơm với muối trắng, rêu đá nguội, canh thuốc phiện nấu thịt chuột ; chuyện cô Lường thổi xôi lúc sáng sớm cho các anh bộ đội và xin bài hát ; và hình ảnh cuối cùng là chiếc áo trắng vẫy chào những người ngủ lại một đêm của cô gái phát cao mãi trên đỉnh núi. Đến truyện *Mùa mưa* lại càng giản dị hơn, một chị cán bộ trên đường ra Việt Bắc đến bản Moòng thì ốm phải nằm lại ở một cơ quan huyện bộ Việt Minh. Lúc khỏi ốm chị làm quen với một thanh niên người Mường, quê bên kia núi Trồ, chỉ đợi đến mùa mưa là lại về làng đánh du kích. Đọc xong truyện cứ vương vấn mãi trước mắt một thanh niên Mường cao lớn, lâm lì, lúc bình thường thì hiền lành, rất dễ mến, nhưng khi nói tới quán giặc là đầy khí phách chiến đấu. Tai tôi vẫn như còn nghe thấy cả tiếng máy chữ đánh lách tách, và bóng dáng đồng chí chủ nhiệm Việt Minh già cùi đầu sát ngọn bắc dâu trầu cháy leo lét, đọc đều đều bần baldo cáo tình hình ta, dịch hằng ngày. Cảnh mưa lũ, rừng già, đời sống lặng lẽ của một cơ quan sát hốc núi, những ngày đêm chuẩn bị phục vụ chiến dịch lại lớn vốn gọi đến, nhắc nhớ biết bao nhiêu kỷ niệm trong kháng chiến. Ngày ấy thì nghĩ sống như thế là bình thường, nhưng nay ngoảnh lại cuộc sống ấy mới to lớn làm sao, và chắc chắn chỉ được sống có một lần trong đời người. Tác giả không đặt vấn đề một cách huênh hoang, âm ĩ, có bé xé ra to, cũng không nói triết lý một cách sách vở và rởm đời, mà chỉ đi vào những khía cạnh rất ít ai để ý nhưng chính ở cái mặt ấy Nguyễn Đình Thi đã tỏ rõ cái khả năng nhận xét tinh tế của mình. Nói là khả năng, nhận xét cũng chưa thật là đúng, mà phải nói là cái tâm hồn trong trẻo, thơ mộng dễ rung cảm, đầy yêu thương

của tác giả. Viết đến đây tôi lại nghĩ đến những kẻ trong nhóm "Nhân văn giai phẩm" thường kêu gào rằng văn nghệ phái đi vào phân tích những góc cạnh của tâm hồn, tố đậm những nét sinh hoạt bình thường, khám phá ra những ý nghĩa mới, nhưng bọn họ lại tỏ ra thù ghét, chê gièu tập truyện ngắn của Nguyễn Đình Thi. Vấn đề là ở chỗ cái góc cạnh tâm hồn của họ có khác, khác xa với cái góc cạnh mà Nguyễn Đình Thi đề cập đến qua những truyện ngắn của mình. Nếu họ rất tinh tế, lâm sáng kiến trong việc nhầm nháp những cái cặn bã của xã hội cũ thì hoàn toàn họ không có khả năng xúc động trước những hiện tượng bé nhỏ của cuộc sống mới, vì ngay một hiện tượng vĩ đại nhất của đời sống là cách mạng đã đến rồi và đang đi tới họ còn chưa chịu thừa nhận nữa là.

*

* *

Tôi để dành rất nhiều cảm tình đối với truyện *Anh hùng cứ điểm*, vì cái truyện đẹp đẽ ấy đã giúp tôi vượt ra khỏi phạm vi một người đọc bình thường. Nhân vật chính của truyện đã ám ảnh tôi không dứt, khiến xem xong cứ phải băn khoăn, nghĩ ngợi mãi, đến nỗi tôi phải sáng tác lại lần nữa trong trí tưởng tượng, đặt nhân vật ấy vào một hoàn cảnh mới, cho nó một số phận mới. Tôi đã gặp anh Còm ấy ở đâu, có lẽ nhiều lần lầm thì phải, cái con người xương xương, khắc khổ, thoát gắp ai cũng phải tức mình vì sự ít nói và tính nết lạnh lẽo, nhưng ở lâu lại thấy mến tin như một người anh, vì anh ấy có những chăm sóc đến người khác quá tỳ mỷ, và đối xử với bạn bè rất chân thật. Hình như anh ấy không có đời sống riêng, không có quá khứ, hoặc như cái quá khứ ấy đã lùi lại quá xa rồi, anh ấy chỉ còn đời sống của đơn vị, chỉ có những lo nghĩ để đảm bảo thắng lợi cho hết trận đánh này đến trận đánh khác trên khắp các mặt trận. Và thật là ớn lạnh khi trở lại cái đơn vị ấy vào một lần nào đó được tin cái con người đáng quý ấy đã hy sinh ở một trận nào rồi. Cái chết cũng lặng lẽ, nhưng nó lảng sâu, day dứt trong lòng những người bạn chiến đấu đến suốt đời. Anh ấy nằm trong chiếc quan tài nào? Cũng không ai biết. Vì sau một trận đánh hàng chục cái quan tài cùng phủ chăn đắp xếp liền nhau. Anh ấy được chôn dưới nấm đất nào? Cũng không cần rõ.

Chỉ cần nhớ rằng đây là một trong những người đã hy sinh trong trận đánh đồn Bản Bắc. Rõ ràng anh Còm đã chết rồi, chôn di rồi, cách đây cũng đã ngót chục năm, nhưng sao tôi vẫn hy vọng một cách vẫn vơ rằng sẽ có dịp nhận ra cái bóng dáng gầy gò, cái khuôn mặt xương xẩu ấy ở nhà máy xi măng Hải Phòng, ở khu mỏ than Hồng Quảng, hay ở trên những cánh đồng bát ngát của Điện Biên. Anh sẽ hơi cười với tôi và nói : "Tôi chết làm sao được. Tôi vẫn sống với các đồng chí đây chứ !" Đúng, một con người như thế chết làm sao được. Anh ấy đã vào cõi bất tử rồi, cùng với những hình ảnh bất tử : cảnh hành quân qua sông một buổi sáng sớm, đầy sương mù bên làng Nà Nguợm ; bóng một anh đội viên cành lá tua tua trên mũ, trên vai, nhẹ rằng cười, né lưỡi mác nhường lối cho anh đại đội trưởng ; chỗ trú quân giữa lòng lũng, vách đá hai bên thẳm vút, trên cao trời xanh rực như một tảng ngọc trong lò lửa ; và một bóng người nhỏ khỏi đầu thang, giơ hai tay lao dào trên cao rồi nằm vắt lên tường, lưỡi mác rơi xuống...

*
* * *

Mặc dù có một vài truyện người đọc có thể không thích lắm, nhưng nói chung *Bến bờ sông Lô* là một tập truyện tốt vì đọc xong cái không hay ta quên đi, còn cái hay đọng lại, thấm sâu và nhớ mãi. Những truyện đó tuy chỉ mới phản ánh được những mảnh rất nhỏ, rời rạc của dòng thác kháng chiến, nhưng nó có tác dụng gợi ta nhớ lại những ngày sống vĩ đại đã qua, càng thấy rõ giá trị một ngày sống hiện tại trong không khí kiến thiết, cần phai trân trọng, quý mến lấy nó. Những truyện ngắn ấy cũng giúp cho tâm hồn ta trong sáng thêm lên, gặt được những cái gợn bần đã bắt đầu đóng váng lại trong đời sống hoà bình.

8 - 58
Tạp chí Văn nghệ quân đội
Tháng 10 - 1958

ĐỌC NHỮNG TIỂU THUYẾT VIẾT VỀ QUÂN ĐỘI CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

NGUYỄN XUÂN NAM

Nguyễn Đình Thi là nhà văn viết nhiều thể loại : bút ký, ký sự, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, thơ, tiểu luận văn học. Ở mỗi loại anh đều có những tác phẩm khá hoặc hay và có sắc thái riêng.

Là người tham gia phong trào từ thời kỳ bí mật và trưởng thành với Cách mạng tháng Tám, anh chú ý dùng ngòi bút ca ngợi tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Anh thường viết về quân đội, những người cầm súng, mặt đối mặt với quân thù, đem tâm hồn và xương máu ra bảo vệ Tổ quốc, những người thể hiện tập trung tinh thần chịu đựng gian khổ hy sinh cũng như truyền thống quật cường của dân tộc. "Chúng ta phải biết tìm đến những hàng dầu trong trận đánh của dân tộc, nơi cuộc kháng chiến cháy rộn nhất, nơi sự sống mới thổi lên gió bão cuốn tung mọi chướng ngại. Chúng ta phải đến với bộ đội". Những điều ấy Nguyễn Đình Thi đã ý thức rõ trong *Nhận đường* (viết năm 1947) và thể hiện trong sáng tác *Thu đông năm nay*⁽¹⁾, đúng như lời giới thiệu ở đầu tập sách, là những bút ký của "một văn nghệ sĩ công tác trong quân đội, mỗi bài đều là một cảm nghĩ ghi lại sau một trận đánh, sau một chiến dịch". Trong tập thơ *Người chiến sĩ*⁽²⁾ ta lại thấy tâm tư, tình cảm, suy nghĩ, kỷ niệm của tác giả *Thu đông năm nay* dưới hình thức sâu lắng, trữ tình và khái quát hơn. Về tiểu thuyết, thể loại anh chuyên viết nhất cũng thế. Trừ truyện dài *Võ bờ* viết về phong trào cách mạng trước Cách mạng tháng Tám dính liền với cuộc đời anh từ những ngày niên thiếu xa xôi nhất, các tập truyện ngắn, truyện vừa

(1) *Thu đông năm nay*, NXB Văn nghệ, 1954.

(2) *Người chiến sĩ*, NXB Văn nghệ, 1956.

Bến bờ sông Lô (1957)⁽¹⁾ *Xung kích* (1951), *Vào lửa* (1966), *Mặt trận trên cao* (1967) đều là những mảng nhỏ cuộc sống của quân đội qua từng giai đoạn kháng chiến khác nhau trên các chiến trường : từ trung du Bắc Bộ nơi anh quen thuộc nhất, khu Tư nơi anh biết qua một vài chuyến đi, đến chiến trường trên cao hoàn toàn mới mẻ khi không quân nhân dân ta bắt đầu xuất trận.

*

* * *

Ý thức về trách nhiệm nhà văn giúp anh sớm có quyết tâm và luôn luôn kịp thời chọn lấy đề tài quân đội mới mẻ rất cần phản ánh và tương đối khó phản ánh. Sự gần gũi, sát sao quân đội đã giúp anh dần dần nhìn rõ tâm hồn người chiến sĩ và những vấn đề của họ. Sau một thời gian công tác trong quân đội, cùng với những bút ký, ký sự, anh viết những truyện ngắn đầu tiên dựa vào những chuyện có thật về thời kỳ 1947, 1948, 1949. Đó là thời kỳ vô cùng gay go gian khổ trong lịch sử quân đội ta : quân đội ta mới thành lập đã phải đem tinh thần xả thân vì nước chống chọi và chiến thắng một kẻ địch lúc đó còn có ưu thế tuyệt đối về vũ khí cũng như kinh nghiệm tổ chức.

Bến bờ sông Lô ghi lại sự dũng cảm của các chiến sĩ đánh tàu chiến Pháp với những khẩu pháo "như một con vật đã già, mỗi lần nổ xé nó lại nát bật lên, các bộ phận như muôn long ra". Và bắn xong phải tháo rời súng ra từng bộ phận, buộc dây thừng lùng lăng vào những chiếc đòn ống hai người khiêng một. Thế nhưng cả một chiếc tàu chiến Pháp, có máy bay yểm hộ, đã phải bốc cháy, khói đen đặc sệt... *Anh hùng cứ điểm* nói về trận công đòn trên đường số bốn của những chiến sĩ áo nâu chân đất, của những con người bình thường giản dị quyết lao vào chỗ chết để tìm đường sống cho dân tộc.

"– Các đồng chí... anh hùng cứ điểm... xung phong... Những tiếng thét trả lời dào lên khắp từ đầu này sang đầu kia, mỗi lúc một to lên,

(1) *Bến bờ sông Lô* xuất bản năm 1957 gồm một số truyện ngắn viết vào thời kỳ 1948 - 1949 như *Bến bờ sông Lô*, *Anh hùng cứ điểm...* Một số truyện khác như *Người tù binh da đen*, *Đường về...* viết sau chiến thắng Điện Biên Phủ.

dữ dội, trộn vào nhau thành một tiếng kêu à à không ngừng trùm lên tiếng súng... Khoảng đất trống trước bức tường mỗi bước một rút ngắn lại trước mắt những người lính xung kích cong mình chạy lên. Ngày giờ, quá khứ, tương lai, tất cả đều không còn. Chỉ có khoảng đất đỏ như máu, ba mươi, hai mươi, mười lăm thước ở đằng trước một bức tường trắng. Một anh đội viên nhỏ bé cắp lưỡi mác chùm lên khẩu đại bác. Năm sáu bóng cời trần chạy toé. Tiếng tiêu liên lét dét từng tràng ngắn. Những chiếc thang tre tối tấp đặt vào bờ tường..."

Và chính từ những Lô, Còm, Phúc, Đặng, từ những khẩu xoát- xăng-keng lọc xọc, những mác búp đa, thang tre ấy quân đội ta đã tiến lên chính quy và đánh những chiến dịch lớn. Xung kích ghi lại giai đoạn mới ấy.

Xung kích nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng và khí thế liên tục tấn công của quân đội ta. Mở đầu truyện, trong những cuộc chuẩn bị rộn rịp của quân và dân, ta đã nghe tiếng vang và niềm vui của chiến thắng Biên giới. Tiếp đó là một loạt ba cuộc chiến đấu liên tiếp thắng lợi : đánh đòn diệt viễn, tuyên truyền vũ trang phá tề, diệt đội quân nhảy dù ứng chiến. Trong không khí tung bừng chiến thắng, ta lại thấy một chiến dịch mới đang được chuẩn bị ráo riết. Sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, sự lớn lên của quân đội ta và khí thế tất thắng được khẳng định rõ rệt. Trong những năm 1950 - 1951, sự khẳng định đó là một điều cần thiết. Xung kích còn thành công ở chỗ nêu tính chất nhân dân của cuộc kháng chiến. Những đoàn dân công từ nhiều nơi đến, những bà con vùng địch hậu, những cán bộ các ngành đã cùng với những anh xung kích tạo nên chiến thắng. Chính sự phát triển biện chứng của các trận đánh, chính khói người đông đảo của chiến tranh nhân dân, chính những anh xung kích tuy còn thiếu thốn nhiều nhưng sống rất nghĩa tình, tin tưởng vào ý nghĩa công việc mình làm, và sẵn sàng hy sinh vì hạnh phúc của thế hệ tương lai đã làm nên tính chất mới mẻ cũng như không khí tươi vui lành mạnh của cuốn tiểu thuyết. Đọc Bên bờ sông Lô và Xung kích, ta nhớ lại cả một thời kỳ đã trên dưới hai mươi năm qua, và thấy rõ quân đội ta từ khi còn là những anh "xung kích đi hàng một im lặng. Máu loang loáng đâu cán tre" đã cùng với dân tộc ta trải qua và vượt qua những gian khổ, khó khăn chồng chất như thế nào.

Đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước, đánh phá hậu phương lớn hòng ngăn cản sự chi viện cho tiền tuyến lớn. Nguyễn Đình Thi lại kịp thời có mặt trong quân đội. Vấn đề mọi người chú ý là làm thế nào đánh thắng một kẻ địch không dám bén chân xuống đất, vút đến vút đi, nhưng khói bom đạn chúng vung vãi ra thì to lớn và tai hại. Qua cốt truyện đơn giản về mấy ngày chính uỷ Xuân đi thăm cụm pháo bảo vệ chiếc cầu ở nút giao thông quan trọng, anh vẽ lên bức tranh bộ đội cao xạ pháo được sự giúp đỡ của nhân dân địa phương đã anh dũng kiên cường đánh trả địch. Và hàng loạt vấn đề xen kẽ nhau anh nêu ra trong *Vào lửa*: phải mở rộng dân chủ, phát huy cho hết trí tuệ toàn quân, chú ý đến lớp chiến sĩ trẻ có cách suy nghĩ mới, thừa dư hăng hái, ta mới đánh thắng một kẻ địch được trang bị rất tối tân, rất xảo quyệt trong chiến thuật, và luôn luôn có ý thức rút kinh nghiệm kịp thời. Không chỉ khẳng định điều đã trở thành truyền thuyết là quân đội ta anh dũng kiên cường, *Vào lửa* còn muốn nói rõ sự anh dũng kiên cường đó gắn liền với việc biết đi đường lối quân chúng, biết ứng dụng khoa học quân sự một cách linh hoạt và sáng tạo, biết giải quyết thỏa đáng những mâu thuẫn cũng như tận dụng những ưu điểm của các thế hệ khác nhau.

Nếu binh chủng pháo cao xạ là lực lượng chủ chốt trong việc đánh bại chiến tranh phá hoại của địch, thì các biên đội không quân nhân dân là niềm mơ ước của toàn dân ta, là một biểu hiện quân đội ta đã trưởng thành về trình độ khoa học kỹ thuật. Với niềm yêu thương và tự hào thăm dòm trong câu văn, Nguyễn Đình Thi viết về những người lái máy bay – con em của nhân dân để chúng ta nhìn rõ hơn mơ ước của mình. Ở *Mặt trận trên cao*, cách bô cục rất tự nhiên, dễ dàng. Mở đầu là cảnh sân bay lắp nắp trong những chuyến bay huấn luyện. Rồi qua hàng loạt trận chiến đấu gay go, ta lại gặp những cánh bay huấn luyện. Qua cốt truyện đơn giản đó, ta thấy tinh thần dùi dắt tương trợ (Sáu và Lương, Bản và Toản), và phát triển và lớn lên của binh chủng (Bản ra lập biên đội mới), tinh thần phát huy trí tuệ tập thể để đánh địch, sự lớn lên về tư tưởng và kỹ thuật của không quân ta từ trận này qua trận khác. *Mặt trận trên cao* còn nói lên sự khăng khít của những người bay xa mặt đất với bà con bạn bè từ một xóm nhỏ Kiều Sơn đến một căn phòng ở Hà Nội. Người ta còn sung sướng thấy những người

nắm vũ khí, kỹ thuật hiện đại nhất của thế giới ngày nay, thầm nhuần
thân thuộc với những gì là nhuần nhị cổ truyền nhất của dân tộc, từ
tình yêu một câu hát, một dòng sông đến những ý nghĩ về con người
cuộc đời. Và bên dưới những vấn đề nổi rõ lên ấy, Nguyễn Đình Thi
còn muốn trở lại chủ đề các thế hệ theo một cách khác. Qua câu
chuyện hai anh em dưới ánh đèn ấm áp, ta như thấy lại tình cảnh bao
gia đình Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến nay. Cha Lương gia
nhập đội quân Nam tiến và hy sinh. Lương lớn lên dưới sự dùi dắt của
các bậc đàn anh lại tiếp tục cùng bạn bè đi lên con đường chiến đấu.
Cuộc đời mẹ Lương nhiều hy sinh thầm lặng vì chồng vì con, thì
cuộc đời của Đào cũng đàm đang vất vả để anh Nhơn đi công tác tận
Vịnh Linh. Nhưng đó không phải là sự lặp lại đơn giản mà có nhiều
tiến triển rõ rệt. Để diệt địch, Lương đã lái chiếc máy bay phản lực
hiện đại. Và Đào không phải chỉ biết nuôi con như mẹ trước kia, chỉ
còn biết công tác xã hội, biết chia mì súng cẩm thù bắn những "thần
sấm" khi chúng liều đến. Hai chi tiết Quàng bị mất tích, Đào bị thương
nặng cho thấy cũng như những thế hệ trước kia, những thế hệ mới khi
nối tiếp cha anh, bước lên đường chiến đấu cũng phải chịu những mất
máy hy sinh để giành thắng lợi.

Đó là những cuốn sách viết kịp thời về quân đội. Văn viết về
những người đang đổ máu bảo vệ Tổ quốc thường dễ dàng khơi dậy
trong lòng người đọc những cảm nghĩ rộng lớn về đất nước, về sống
chết, về hạnh phúc, về đau thương, những vấn đề lớn định đoạt số phận
cả một nước cũng như mỗi một con người. Nhưng có nhà văn vì niềm
tư tưởng hoà bình chủ nghĩa, quá nhấn mạnh khía cạnh mắt mát, tang
tốc, bi thảm làm cho người đọc nhụt chí chiến đấu, hiểu sai ý nghĩa
của chiến tranh cách mạng. Có những nhà văn khác vì đơn giản sơ
lược, quá coi thường những đau khổ nhọc nhằn của con người trong
chiến tranh, làm cho người đọc có cảm giác không thật. Điều đáng
mừng khi đọc lại Nguyễn Đình Thi là thấy anh thường đứng vững giữa
hai cực đó : anh miêu tả quân đội ta anh dũng kiên cường, nhưng
không bô bác kẽ thù thành những người rơm. Anh làm hiện rõ những
nét trầm tĩnh, tự tin, nhân ái trong tâm hồn, không khí tươi vui lành
mạnh trong nếp sống của những con người Việt Nam chiến đấu, nhưng
không vì thế mà làm mờ đi những thảm họa do địch gây ra. Làng cháy,

vườn hoang, những người thân bị tàn sát, những trẻ em mồ côi là những điều không thể quên được. Những anh Còm, anh Lơ, những Kha, Luý, Dương đã ngã xuống để giành lấy chiến thắng là những điều không thể quên được.

Nếu ta nhớ *Bến bờ sông Lô*, Xung kích được viết ra trong những năm hết sức khó khăn gian khổ của cuộc kháng chiến, khi văn học chúng ta chưa có thật nhiều kinh nghiệm viết về quân đội cũng như miêu tả chiến tranh thì mới thấy rõ những cố gắng của Nguyễn Đình Thi là đáng quý⁽¹⁾.

Đó chính là do nhà văn không phải chỉ là *người chứng kiến*, mà đã lăn lộn trong quân đội với trách nhiệm cụ thể, đã thẩm thía với những lo âu, phẫn khởi, khó khăn, thắng lợi của quân đội ta qua những chặng đường khác nhau.

Tư tưởng tình cảm của tác giả trong các truyện trên là đúng đắn. Nhưng nghĩ đến sự nghiệp vĩ đại của quân đội ta, của nhân dân ta, nghĩ đến những khó khăn lớn lao, những tiến bộ vượt bậc trên con đường xây dựng, huấn luyện, phát triển và chiến đấu của quân đội, ta thấy những vấn đề nêu ra trong tiểu thuyết của anh chưa tương xứng. Anh viết về những đề tài mới mẻ nhưng thường chưa đặt ra trong tiểu thuyết của mình những chủ đề thật mới mẻ. Những vấn đề ấy suy cho cùng có thể vẫn là lòng yêu Tổ quốc, yêu nhân dân dẫn đến những hành động xả thân vì dân vì nước. Ca ngợi lòng yêu Tổ quốc, ca ngợi quân đội anh hùng là những điều không bao giờ có thể nói là đã khai thác hết, đã trở thành cũ kỹ. Nhưng tác giả phải có những cách đặt vấn đề mới sâu hơn chủ đề của các bài tường thuật, phóng sự về bộ đội trên báo chí, phải có những gợi ý mới, dắt dẫn mới để đưa người đọc đến những xúc động thẩm thía sâu xa và mới mẻ hơn. Trong những năm 48 - 49 ta có thể bằng lòng với chủ đề của những truyện *Bến bờ sông Lô*,

(1) Cũng phải nói trong tập *Bến bờ sông Lô* bên cạnh những truyện khá tốt như *Bến bờ sông Lô*, *Anh hùng cứ điểm*, *Ông cụ đưa đường*, còn có những truyện ngắn về tư tưởng, có màu sắc thương cảm tiêu tư sản khi nói về chiến tranh. *Cánh chim Hoa mai...* mô tả những phụ nữ chịu đựng những đau khổ mất mát trong không khí chung buôn thảm. *Tiếng hét cũng thế*. Nhưng đó không phải là những truyện viết về quân đội nên chúng tôi không bàn kỹ trong bài này.

Anh hùng cứ điểm. Nhưng càng về sau ta càng yêu cầu tác giả phải có những tìm tòi, phải đi sâu hơn nữa. Có người cho Nguyễn Đình Thi viết về bộ đội đang chiến đấu trên chiến trường, hoàn toàn thống nhất trong quyết tâm diệt địch, không bận bịu gì đến những thắc mắc riêng tay. Có thắc mắc cũng chỉ là bộc phá gửi đến có kịp đánh không ? Bố trí trận địa như thế này hợp lý chưa ? Vì tất cả chỉ còn mâu thuẫn địch – ta, nên tác phẩm chưa gợi hết những tầng lớp sâu xa trong tâm hồn con người. Hãy xem những anh bộ đội của Nguyễn Khải hoặc lên nông trường hoặc vào hợp tác xã. Họ bận tâm đến trăm công nghìn việc xù xì gai góc của cuộc đời : những vấn đề ruộng đất, công điểm, đấu tranh với tư tưởng tự tư của bạn bè, của chính mình, suy nghĩ về đường lối tiến lên của nông thôn. Phanh phui và giải quyết những mâu thuẫn tiềm tàng trong nội bộ nhân dân, nếu ra được những vấn đề ở chỗ tư tưởng như không có vấn đề để đưa người đọc đến những suy nghĩ mới lạ bất ngờ và góp phần cho bạn đọc nhận thức cuộc sống sâu xa hơn, nâng cao được tư tưởng của mình lên hơn. Đó cũng là một điều đáng suy nghĩ.

Có một điều chắc chắn đã làm cho tác phẩm của Nguyễn Đình Thi chưa dẫn đến những xúc động sâu xa : anh viết văn hấp dẫn, vẽ nên những bức tranh sinh động và trong từng bức tranh một, anh luôn luôn gửi gắm những suy nghĩ, nhận xét tinh tế của mình. Nhưng anh chưa dừng thật lâu vào một vấn đề nào đó, đem ngọn đèn tâm hồn mình soi rọi kỹ mọi tầng mọi lớp cho thật thấu đáo. Cho nên ý nghĩa tổng hợp, khái quát của bộ tranh liền hoàn đó chưa thật nổi bật, chưa thật lắng đọng để thẩm sâu vào chỗ thăm thẳm nhất của lòng người. Từ *Bến bờ sông Lô, Anh hùng cứ điểm đến Xung kích, Mặt trận trên cao khía cạnh khác nhau của tư tưởng chủ đề vẫn chưa nổi bật*. Ngay *Vào lửa với lối kết cấu tương đối chặt như trong một vở kịch, chủ đề tư tưởng cũng không phải dễ dàng nhận thấy*. Có lẽ chỉ một số truyện ngắn như *Anh thương binh Hiền, Ông cụ đưa đường, Người tù binh da đen* người đọc mới dễ dàng tìm thấy sự tìm tòi chủ đề của tác giả. Dĩ nhiên, chủ đề toát ra từ bản thân hình tượng một cách tự nhiên theo đúng quy luật của nghệ thuật, và một tác phẩm không nhất thiết chỉ có một chủ đề. Nhưng viết văn là để tác động đến xã hội, nếu "tác lòng" sâu kín của nhà văn không đến với người đọc, hoặc đến nhưng không thật rõ ràng

dâu là nỗi niềm chính, phụ thì chẳng là một điều đáng suy nghĩ sao ? Vì thế, văn Nguyễn Đình Thi viết bao giờ cũng sinh động, có duyên, có sức hấp dẫn nhất định, nhưng vẫn chưa đến cái mức làm cho người đọc phải trầm ngâm suy tưởng thật sâu sắc. Mà đó lại là điều người đọc mong mỏi ở tác phẩm văn nghệ.

*
* *

Vậy cái duyên, cái sức hấp dẫn của tác phẩm Nguyễn Đình Thi ở đâu ? Theo tôi, ấy là sức hấp dẫn của tình cảm. Nguyễn Đình Thi là người nhận thức viết tiểu thuyết phải soi rọi vào thực tế cuộc sống bằng ánh sáng của tâm hồn mình. "Cái ánh sáng ấy là một cách nhìn, một thái độ yêu hay ghét, một lý tưởng về đời sống con người. Cho nên còn có thể nói nhà văn viết bằng cách nhìn và đánh giá sự vật bằng tình cảm và quan niệm sống của mình" (*Công việc của người viết tiểu thuyết*, trang 147). Và đó là khả năng rộng rãi của tiểu thuyết, không nghệ thuật gì có thể sánh nổi. Là người từng thành công trong các loại trữ tình như nhạc và thơ, anh biết tận dụng khả năng nói trên của tiểu thuyết. Quả thật các tập truyện vừa, truyện ngắn của anh không phải chỉ cho chúng ta nhớ lại các thời kỳ phát triển của quân đội ta từ buổi ban đầu gian khổ thiêp thốn (*Bến bờ sông Lô*), tiến lên chính quy trong những chiến dịch lớn (*Xung kích*), hùng cường hiện đại với binh chủng pháo cao xạ (*Vào lửa*) và không quân nhân dân (*Mặt trận trên cao*). Cũng không phải chỉ để biết những chiến sĩ của chúng ta trong những ngày đầu kháng chiến là những nông dân, công nhân với một số cán bộ phần lớn là tiểu tư sản đang rèn luyện, tự cải tạo mình. Và đến cuộc chống Mỹ cứu nước ngày nay, quân đội ta là những thanh niên sinh trưởng cùng với chế độ, được học hành nhiều từ ngày hòa bình lập lại ; với những chỉ huy từng trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp, già dặn nhiều kinh nghiệm. Và tất cả nằm trong sự chăm sóc giúp đỡ của Đảng, của chính quyền, của nhân dân cách mạng (từ đồng chí huyện uỷ viên, các đoàn dân công, các o làm ụ pháo, o gái bến phà đến bà con thôn xóm,...) Rồi còn câu chuyện súng đạn, khói lửa và máu nữa. Nhưng tất cả những chi tiết ấy không bao giờ che khuất bộ mặt tinh thần của những người chiến sĩ mới. Đó là những người chiến đấu

dũng cảm và đạt dào trong sáng trong tình cảm. Từng trang từng trang ta cứ thấy lấp lánh : tình yêu đồng đội, tình yêu đồng bào, tình yêu trai gái, tình vợ chồng, tình cha con, tình anh em chị em, và bao trùm là tình yêu đất nước. Anh viết về bộ đội chiến đấu nhưng những trang hay nhất thường là những trang chưa có khói lửa : đó là những trang nói về *Cái áo trắng* dẫn đường cho bộ đội, những giờ phút lặng yên trước khi xung trận, buổi gặp gỡ dưới ánh đèn của hai anh em ở xóm nhò Kiều Sơn, câu chuyện giữa hai người yêu về cảnh xa nhà, sống trên đất lạ của nước bạn,... và những đoàn dân công vận tải đông vui. Những chi tiết, những cuộc đời làm người đọc nhớ nhất vẫn là anh Còm ít nói, anh Sản khắc khổ, anh thương binh Hiền hay tự phản tích mình, đồng chí Cốc cứ hát nghêu ngao "con trăng sáng chiếu trên đồi cao", chị Lý có bàn tay bột thời học sinh, nay đã đầy vết vẹo, đồng chí Kha trước lúc mất tặng chị Lý chiếc bát lửa, liệt sĩ Dương trong ba lô có đói đua tặng người yêu và hộp trầu thuốc kính dâng mẹ,... Những tình cảm ấy đều tự nhiên, trong sáng, nhân hậu, đó là tình cảm của những con người không bẩn khoan, day dứt vì những suy tính riêng tư, không bị những cái gì là vụ lợi làm cho vẩn đục. Đồng chí Lê Duẩn thường nhắc nhở nhà văn phải xây dựng tình nhân ái và lòng dũng cảm của con người mới trong xã hội. Đọc Nguyễn Đình Thi, ta thấy tin yêu con người hơn, thấy giữa người với người nên đối đãi với nhau thế nào cho phải. Đọc Nguyễn Đình Thi, ta càng thương yêu những chiến sĩ của chúng ta. Họ là những con người toàn diện, hài hoà. Ở đây không phải chỉ có những tay súng đánh giặc. Các chiến sĩ ta chiến đấu với tất cả tấm lòng, với tất cả những tình cảm đẹp đẽ thiết tha nhất. Đó là một quân đội có chính nghĩa và có một trình độ văn hoá thực sự. Chính cái toàn diện hài hoà của người chiến sĩ chúng ta đã chiến thắng những tên lính chỉ biết bóp cò, chỉ biết đô-la,... Ở những người chiến sĩ ấy ta còn thấy những nét Việt Nam và có sự kế thừa tiếp nối. Còm, Sản, Xuân, Thuần có những nét giống nhau. Cốc hay hát nghêu ngao "Con trăng sáng chiếu trên đồi cao" thì anh chiến sĩ lái máy bay thích nghe tiếng hát bài ru con quen thuộc trong đài. Nếu những anh chiến sĩ *Bến bờ sông Lô*, những anh *Xung kích* áo còng rách vá, thì bên trong bộ áo kháng áp rất hiện đại, chiếc áo lót của người chiến sĩ không quân nhân dân cũng còn nhiều chỗ mạng. Quân đội ta không bao giờ thoát ly

về tình cảm cũng như về điều kiện vật chất chung của dân tộc. Họ là con em của dân tộc, gắn liền với dân tộc từ tinh thần đến thể xác trong cuộc chiến đấu gìn giữ độc lập và giải phóng đất nước. Họ không ồn ào náo nhiệt, không hoênh hoang dùng những từ ngữ lớn. Họ biết hy sinh thầm lặng, anh hùng một cách bình thường, vĩ đại mà không làm ai kinh ngạc. Họ là những chiến sĩ vô danh làm nên những kỳ tích lừng danh cho dân tộc. Tình cảm những con người ấy làm nên vẻ đẹp riêng, màu sắc dân tộc riêng trong tiểu thuyết Nguyễn Đình Thi. Và đó cũng là một quan niệm quán xuyến của anh về cuộc đời đáng để chúng ta lưu ý.

Song có điều bản chất giai cấp các nhân vật của anh chưa thật sâu. Các chiến sĩ quân đội ta từ khi vừa thoát nạn mù chữ ở thời kỳ đầu, đến lúc có trình độ văn hoá khá sau chiến thắng Điện Biên Phủ (hoặc đạt đến trình độ chuyên viên ở những binh chủng đặc biệt) cơ bản vẫn là con em công nông. Trình độ văn hoá, điều kiện sinh hoạt vật chất tuy thay đổi, nhưng dấu vết giai cấp khắc chấn không thể phai mờ được, và cần làm hiện rõ lên điểm đó. Kể ra Nguyễn Đình Thi cũng đã có ý thức giới thiệu gốc gác từng người (anh này trước chăn trâu, anh kia đánh giày. Và phần đông là thợ mỏ, thợ thiếc Hồng Gai, Quảng Yên). Nhưng điều quan trọng hơn là bản chất giai cấp phải được thể hiện ra trong cái đa dạng cụ thể sinh động của tính cách (trong tác phong, trong nếp nghĩ, có khi trong giấc mộng còn rõ hơn ở hội nghị...) Và điều ấy anh chưa làm tốt. Anh Còm trong *Bên bờ sông Lô*; Kha, Sản trong *Xung kích* còn được xây dựng tỷ mỷ hơn các nhân vật trong tiểu thuyết sau này của anh. Nét chung của nhân vật Nguyễn Đình Thi thường là nhẹ nhàng tinh tế trong cử chỉ và giàu tình cảm. Lý và Kha gặp nhau dịu dàng kín đáo như hai nhân vật trong bài thơ *Không nói*. Xuân và Lịch cũng là những người nhiều suy nghĩ, ít nói. Nguyễn Đình Thi hầu như không viết về nhân vật phản diện (Tá, Tổng Chuyển, tên giặc Mỹ lái máy bay chỉ là mấy cái bóng lướt qua), không ghi lại những đấu tranh trong sinh hoạt nội bộ, không đề cập gì đến những ý kiến tranh luận liên quan đến con đường phát triển của quân đội,... nên ít làm nổi rõ tính chất giai cấp của quân đội. Đọc sách ta cứ thấy lấp lánh những tình cảm yêu thương tốt đẹp, tất cả mọi người hầu như chẳng có vấn đề gì cần phải giải quyết trong quan hệ

với nhau. Nhưng nghĩ lại, viết tiểu thuyết về quân đội, công cụ quan trọng nhất của nền vở sân chuyên chính, nơi thể hiện triệt để nhất đường lối giai cấp của Đảng, mà không làm nổi bật lên thật rõ nét tính giai cấp của nhân vật với mọi cội rễ sâu xa nhất của nó, hoặc bằng cách này hay cách khác thì chưa thể cho là đã đạt tính chân thật, cụ thể cao được.

*
* *

Đọc *Vào lửa*, *Mặt trận trên cao* có người bảo đó là những thiêng bút ký trữ tình. Đó là vì nhìn chung, nhân vật của anh thường yếu về mặt tạo hình nhưng mạnh về mặt bộc lộ nội tâm. Và những đoạn trữ tình ngoại đê thường là đất. Thực ra tính chất trữ tình ngoại đê đáng lưu ý đó còn do nhiều yếu tố khác nữa. Trong chiến tranh có nhiều gai góc, nhiều bất ngờ nhưng anh không thích chọn những chi tiết kỳ lạ, riêng biệt. Sắc thái, phong tục địa phương không có gì rõ nét. Cảnh trí ở đâu cũng na ná như nhau, nhân vật cũng chỉ khác nhau một ít trong ngôn ngữ đối thoại. Anh chú trọng tìm đến những chi tiết khái quát, và đặc biệt là những chi tiết về tình cảm. Những cái gì xù xì gai góc, có khi luộm thuộm, lôi thôi ở cuộc sống thực mất đi. Nói cho đúng là trong *Bên bờ sông Lô* và *Xung kích vẫn còn* còn nhiều chi tiết cụ thể làm cho người đọc có cảm giác chân thực khá mạnh. Đó cũng là do những truyện ấy anh đã viết trên cơ sở tự mình tìm hiểu, nghiên cứu, đi sâu và theo khía cạnh những mẩu chuyện có thực trong cuộc đời⁽¹⁾. Nhưng ngay trong *Bên bờ sông Lô* đã có một số truyện ngắn cốt truyện đơn giản, ít chi tiết cụ thể nhưng tràn trề tình cảm như trong một bài thơ trữ tình (*Cái áo trắng*, *Anh thương binh Hiền*). Đến *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao*, tính chất trữ tình càng rõ. Có người nói đó không phải là những bức tranh sơn dầu có lấm đường nét cụ thể, mà là những bức sơn mài óng ánh tình cảm. Tính chất trữ tình ấy còn nằm ngay trong bố cục của truyện. Mỗi phần của truyện là những mảnh nhỏ nằm bảy ngày trong cuộc sống quân đội được anh sắp xếp gọn gàng. Và là một mảnh của cuộc sống đang cuồn cuộn chảy xuôi, anh có ý thức gợi cho độc giả

(1) *Xung kích* viết dựa vào những sự thực lịch sử của chiến trường chính tác giả đã ghi lại trong tập ký sự *Vịnh Yên tướng thuật*.

thầy sự việc còn đang phát triển. Đường làng Chanh từng thấy thác người đi chuẩn bị chiến dịch trung du. Sau hàng loạt chiến thắng ta lại thấy đường làng Chanh cuồn cuộn cuộn đi hàng cây số người vui vẻ náo nức. Qua câu chuyện của Sản và Lý, hé ra tin một chiến dịch mới sắp bắt đầu. Ở đoạn mở đầu *Vào hửu* chiếc xe commangca của chính uỷ Xuân len lách giữa hàng đoàn xe vận tải chạy đi thăm cụm pháo. Cuối truyện chiếc xe ấy lại băng băng qua con đường rộn rịp xe cộ, gồng gánh, người đi lại rầm rập : chính uỷ Xuân về quản khu họp để rồi đêm mai lại đi thăm một cụm pháo khác. Công việc chẳng bao giờ ngừng. Chương một trong *Mặt trận trên cao* là cảnh sân bay tập nập trong những chuyến bay huấn luyện. Đến chương mười cũng là cảnh những ô tô tiếp dầu chạy đi chạy lại trên sân. Trong ánh mặt trời loang loáng, những chiếc máy bay đang biểu diễn những đường bay tập tài nghệ. Lối kết cấu đầu cuối hô ứng như thế làm cho người đọc thấy dòng đời đang trôi chảy một cách hài hoà nhịp nhàng. Lời văn Nguyễn Đình Thi thường trong sáng, ngắn gọn, giàu nhạc điệu, lời văn của một người có suy nghĩ sáng suốt rõ ràng, và có khiếu thẩm âm. Một số đoạn trong *Bên bờ sông Lô* và *Xung kích* lời văn ngắn gọn, nhanh, trẻ trịa chiến đấu khá thích hợp. Bên cạnh những trang tả tình thành công đã nói trên kia, anh còn có những trang tả cảnh sinh động : đoạn tả đoàn dân công trong *Xung kích*, đoạn tả đoàn xe qua phà bị máy bay oanh tạc trong *Mặt trận trên cao*... Có điều sự trong sáng đó không phải lúc nào cũng làm chúng ta thỏa mãn. Người đọc vẫn muốn có những đoạn văn nhiều đường nét cụ thể, nhiều màu sắc, đậm chất sống như một số trang của tiểu thuyết Nguyễn Hồng, Nguyễn Khải. Nhưng có lẽ mỗi nhà văn chỉ đóng góp cho đời một lối nhìn cuộc sống, còn người đọc thường thức một loại văn riêng thôi ! Chọn những chi tiết thiên về tình cảm, chọn lối bối cục cản đối, hài hoà, chọn cách hành văn trong sáng, giàu nhịp điệu, Nguyễn Đình Thi đã làm cho tác phẩm của anh giàu sắc thái trữ tình nhưng thiếu tính chất tạo hình thật nổi và sinh động.

*

* * *

Ở trên ta vừa lướt qua những tiểu thuyết viết về quân đội của Nguyễn Đình Thi. Anh có những cố gắng đáng quý. Khi cuộc sống

yêu cầu, anh biết xông vào những lĩnh vực sáng tác khó khăn với tình thân *Xung kích, Vào lửa*. Có lẽ ít khi người đọc thử đoán xem để viết chính xác những trang trong *Mặt trận trên cao*, tác giả của nó đã phải cố gắng như thế nào để tìm hiểu cuộc sống luyện tập và chiến đấu của các chiến sĩ không quân nhân dân, từ những chi tiết nhỏ nhất về cách đi, dáng đứng, về cảm giác bay qua các tầng mây, về ý nghĩ khi gặp địch. Dĩ nhiên, đê tài không phải là tất cả, nhưng sự mồi mè của đê tài giúp người đọc mở rộng dần phạm vi quan tâm suy nghĩ. Đó cũng là một mặt chứng tỏ sự phong phú, hiện đại của một nền văn học luôn luôn hướng về cuộc sống mới, lưu ý đến yêu cầu của lớp độc giả mới ngày càng quen thuộc với khoa học kỹ thuật. Để phục vụ bạn đọc, anh biết viết nhanh khi còn bận nhiều công việc và quyết phá vỡ những quy cách này nọ để thử tìm một lối viết tiểu thuyết thích hợp. Với quá trình theo dõi, nghiên cứu quân đội ngót hai mươi năm, với những thành tựu nghệ thuật đã có hiện nay, chúng ta hoàn toàn có thể mong đợi ở anh một tác phẩm có quy mô rộng lớn hơn viết về quân đội ta. Anh đã viết *Xung kích, Vào lửa, Mặt trận trên cao* trên những dấu vết nóng bỏng của sự kiện, chưa có được sự phân tích sâu sắc về bản chất quân đội ta, chưa xây dựng được những con người điển hình, về mặt tạo hình cũng như nội tâm đều rõ nét, chưa nêu được tiến trình phát triển nhiều mặt của cuộc kháng chiến. Công việc đó mong anh sẽ thực hiện trong một truyện dài sau này. Đó sẽ là cuốn sách làm cho mọi người có thể giữ được trong trí nhớ của mình hình ảnh những anh hùng đã ngã trên mảnh đất Việt Nam yêu quý làm cho thế hệ mai sau thấy được chặng đường gian khổ nhưng vẻ vang, những cuộc đời nhiều mất mát hy sinh nhưng cũng nhiều chiến công hiển hách.

Cho đến nay, *Võ bờ* là cuốn tiểu thuyết thành công nhất của anh. Mong rằng cuốn sách mong đợi nói đây sẽ tiếp nối *Võ bờ* và đạt đến một thành tựu cao hơn.

Tạp chí Văn học, số 12 - 1968

VÀO LỬA, TẬP TRUYỆN ĐẦU TIÊN VỀ CAO XẠ PHÁO

HÀ MINH ĐỨC

Với dáng dấp gọn gàng của một câu chuyện vừa, *Vào lửa* đã miêu tả trực tiếp và khá sinh động về bộ đội cao xạ pháo, binh chủng xung kích trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại.

Vào lửa chưa có cái tầm thước của một thiên tiểu thuyết lớn. Trong tác phẩm này, có lẽ tác giả chưa có chủ định thể hiện những bức tranh rộng rãi về hiện thực chiến đấu và sản xuất, cũng như cái khí thế mạnh mẽ, đồn dập, xốc tới của cả một dân tộc đang đứng lên chống kè thù xâm lược. Nhưng *Vào lửa*, trong khuôn khổ của mình đã miêu tả được một số nét bản chất và điển hình về cuộc chiến đấu của nhân dân ta.

Dụng tác phẩm xoay quanh cuộc chiến đấu của một đơn vị cao xạ pháo, tác giả không khỏi gặp phải những khó khăn về xây dựng cốt truyện, nhân vật,...

Nhưng Nguyễn Đình Thi đã vượt qua những khó khăn đó. Và với một cốt truyện tuy đơn giản, anh đã miêu tả được cuộc chiến đấu rất quyết liệt, một cuộc thử lửa giữa những chiến sĩ kiên cường dũng cảm với mọi kẻ thù xảo quyệt và cực kỳ phản động. Tác giả muốn thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng như một truyền thống của dân tộc và giờ đây đang vươn lên những đỉnh cao nhất trong cuộc chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược.

Nguyễn Đình Thi muốn dựng lên những thế hệ khác nhau đang lao vào cuộc chiến đấu; có những người đã trải qua cuộc kháng chiến lần thứ nhất, có những người thuộc thế hệ của những thanh niên mới lớn lên, tất cả trong lòng đều bùng cháy ngọn lửa yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội. Chúng ta bắt gặp họ trên các trang sách. Này đây những đoàn dân công tấp nập gồng gánh, những chiến sĩ lái xe thâu đêm cho

xe lăn bánh trên đường, cô gái gác phà và người chỉ huy bến phà luôn bình tĩnh gan dạ trong công việc. Và nổi bật hơn cả là hình ảnh của những chiến sĩ cao xạ. Nguyễn Đình Thi đã miêu tả được nhiều trang sinh động về sinh hoạt và chiến đấu của bộ đội cao xạ. Những chiến sĩ ngày đêm luôn có mặt bên nòng pháo, gọi nắng tắm mưa, để bảo vệ lấy một nhịp cầu quen thuộc, một con đường quê thân yêu, một mái trường xinh xắn. Những chiến sĩ kiên cường, dũng cảm, tươi vui, thiết tha với cuộc sống, nhưng cũng luôn sẵn sàng hy sinh quên mình trong nhiệm vụ. Chúng ta đã từng làm quen hoặc biết đến các anh ngoài cuộc đời cũng như trên những trang bút ký từ hơn một năm nay. Nguyễn Đình Thi đã miêu tả khá tập trung và nhiều khi sắc sảo cái tập thể anh hùng đó đã vào lửa và đã chiến thắng như thế nào. Trong câu chuyện, cuộc chiến đấu chỉ diễn ra trong vài ngày đồn dập và quyết liệt, nhưng trong hiện thực của đời sống cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn, ngày đêm nòng pháo vẫn ngẩng cao lên bầu trời, không chỉ ở một vài trận địa mà ở hàng trăm ngàn trận địa... Trước hiện thực chiến đấu rộng lớn đó, Nguyễn Đình Thi biết thâu tóm những nét diễn hình để dựng lên được một số bức tranh tiêu biểu. Những trang viết hay nhất trong *Vào lửa* cũng là những trang viết trực tiếp về cuộc chiến đấu. *Vào lửa* đã miêu tả cuộc chiến đấu diễn ra khá cảng thẳng và ác liệt. Máy bay của chúng lồng lộn, quay cuồng trên không, lúc bay cao, lúc bay thấp, đánh bở từ phía trước, thọc xiên vào bên hông, đánh lén từ sau lưng, lúc đồn dập tấn công ồ ạt, lúc rình mò cắn trộm từng miếng. Chúng ta phải chiến đấu với một thằng địch độc ác, xảo quyệt và giàu có. Cuộc chiến đấu có tổn thất, thương vong, nhưng chúng ta đã thắng kẻ địch bằng sức chiến đấu ngoan cường, bằng mưu trí, lòng dũng cảm và bằng sự tiếp sức về tinh thần cũng như vật chất của nhân dân quanh vùng. Qua những hình ảnh và sự miêu tả cụ thể, Nguyễn Đình Thi đã chỉ ra : trong cuộc đọ sức này chúng ta thắng kẻ địch không dễ dàng, nhưng nhất định thắng, và thắng rất vẻ vang.

Miêu tả cuộc chiến đấu, Nguyễn Đình Thi đã vận dụng sắc sảo sự quan sát trực tiếp của một người trong cuộc với khả năng khái quát hoá của sức tưởng tượng sáng tạo. Anh tránh được lời miêu tả đơn điệu, trùng lặp, dẽ dại. *Vào lửa* không có được những trận chiến đấu ồ ạt, những đòn công đòn dữ dội, xung kích ào ào tiến lên, như trong

hình thái chiến tranh đồng bằng mà Nguyễn Đình Thi đã miêu tả khá thành công trong *Xung kích*. Nhưng *Vào lùa* lại có được cái sắc nét và sinh động của hình thái chiến đấu chống chiến tranh phá hoại. Trong hình ảnh gợi cảm chung của tập thể bộ đội cao xạ pháo trong *Vào lùa* chúng ta nhớ nhiều đến Xuân, người chính uỷ của đơn vị. Tính cách và nội tâm của Xuân nổi lên rõ : điềm đạm, chín chắn, giàu yêu thương và giàu nghị lực. Người đọc thích Xuân ở cái tâm suy nghĩ của anh, ở những tình cảm chân thành, thiết tha mà sâu kín, ở phẩm chất gương mẫu và cách mạng của người chính uỷ thương vợ và yêu con cũng như anh rất yêu thương những người lính trẻ trong đơn vị mình. Hình tượng nhân vật Xuân cũng khá tiêu biểu cho lớp cán bộ chỉ huy trong quân đội hiện nay, những người đi vào cách mạng và chiến đấu ngay từ những năm đầu kháng chiến. Những suy nghĩ của anh về cuộc chiến đấu hiện nay của dân tộc về đất nước và nhân dân ta đều là những suy nghĩ của một cán bộ có trình độ chính trị và có tâm hồn. Tình cảm của anh đối với người vợ đã mất, lòng yêu thương của anh với đứa con duy nhất, những cảm nghĩ bằng khuất và thân thiết với Lích, người bạn gái mới quen biết đều có tác dụng làm cho nội tâm của nhân vật thêm chiều sâu và ánh lên nhiều màu sắc. Nhưng chỉ có một điều đáng tiếc là tính cách của Xuân chưa được khai thác toàn diện. Hình ảnh Xuân nặng về suy nghĩ mà yếu về hành động. Có thể tâm lý lứa tuổi hạn chế một phần tính năng động của Xuân, nhưng rõ ràng Xuân chưa phải là một tính cách sinh động. Những suy nghĩ của anh đều gắn bó với cuộc sống bên ngoài nhưng nhiều khi chưa nẩy lên từ bản thân cuộc sống và chiến đấu. Những ý nghĩ của anh thường xuất phát từ chủ quan do trình độ hiểu biết và một tâm hồn giàu yêu thương nhạy cảm hơn là do cuộc sống khách quan dồn dập vỗ vào mà tạo nên. Chính vì thế nên ở Xuân, người đọc bắt gặp trong chiều sâu của nhân vật này những cảm nghĩ của tác giả đã được khách quan hoá. Những suy nghĩ của tác giả *Vào lùa* như được gữi gắm kín đáo qua những cảm nghĩ của Xuân.

Ngoài nhân vật Xuân, chúng ta cũng bắt gặp được trong cái thoáng qua của một số nhân vật như chị Lích, cô Mai – những nét đáng yêu và dễ cảm mến.

Chị Lích là một phụ nữ có cá tính nhưng lại ít bộc lộ. Người ta biết đến một chị Lích thẳng thắn và tự trọng trong thái độ đối với chồng,

một chị Lịch giàu xúc động khi săn sóc và khóc người chiến sĩ trẻ qua đời. Một chị Lịch tận tụy với nhiệm vụ và công tác cách mạng trên những nẻo đường chiến đấu. Nhưng sao những nét ấy còn ít quá. Nhân vật sẽ khỏe sẽ mạnh biết bao nếu cá tính này được bộc lộ. Nhưng đáng tiếc, sự gặp gỡ giữa người đọc và nhân vật này thật ngắn ngủi.

Cô Mai bước vào trang sách cũng như tuổi trẻ lúc lên đường. Cô nữ học sinh trẻ tuổi này là một bông hoa không ngào ngạt hương thơm quyến rũ, nhưng rất tươi rất thắm trong hương sắc, tự nhiên. Những suy nghĩ của Mai về tương lai thật là lành mạnh, khỏe khoắn. Sự gặp gỡ giữa hai cha con giữa khung cảnh chiến đấu, cũng như phút tạm biệt lên đường là một tình tiết rất gợi cảm và có thể cân được khai thác kỹ hơn, nhất là về nội tâm.

Vào lửa có những nhân vật đáng chú ý nhưng cái khoẻ của *Vào lửa* lại chưa phải là ở phần xây dựng nhân vật. Trong những nhân vật của *Vào lửa*, Nguyễn Đình Thi chưa xây dựng thành công hình ảnh người lính trẻ, thế hệ thanh niên sinh ra và lớn lên từ sau Cách mạng. Họ hồn nhiên yêu đời, sống có lý tưởng và hoài bão lớn, trong chiến đấu lại thật dũng cảm kiên cường. Nguyễn Đình Thi có ý thức để miêu tả về họ. Chính lớp thanh niên trẻ măng, đầy nhiệt tình, sức mạnh đó là lực lượng chủ yếu đảm nhiệm những hoạt động trực tiếp và nặng nề nhất trong chiến đấu đúng như Xuân đã nghĩ về họ : người lính là người phải chịu đựng và thử thách nhiều nhất. Trên trận địa chiến đấu, họ là những cái mắt điện linh hoạt, những cánh tay vững chắc, nhằm thẳng vào kẻ thù mà đánh, với ý chí vững vàng như sắt như thép. *Vào lửa* xây dựng hình ảnh người cán bộ chỉ huy thành công hơn người lính chiến đấu. Chúng ta cũng bắt gặp trong tác phẩm một số nhân vật như Dương, Bình, Tất,... những người lính trẻ vui tươi dũng cảm. Cái chết bất ngờ của Dương nhói lên trong lòng chúng ta một nỗi xót xa thương tiếc, và cảm xúc ấy càng da diết hơn về những kỷ niệm anh còn để lại trên đời. Một đôi đũa tre ngà vót rất đẹp để tặng người yêu, một hộp đựng trầu bằng gỗ thơm để biếu mẹ. Những vật kỷ niệm nói lên rất nhiều về người chiến sĩ đã mất đó.

Những người lính trẻ trong *Vào lửa* không nổi bật rõ lên từng tính cách mà gần như là kết lại với nhau thành một khối, một hình ảnh

chung, một tập thể trong sinh hoạt và chiến đấu. Khi bình thường, họ là những người có nét mặt hiền hậu thật thà "riêng họ như lúc nào cũng sẵn sàng nhoẻn cười, những đôi mắt đen của họ lấp lánh trí thông minh". Trong chiến đấu các chiến sĩ "mặt đen khói đạn, mắt này lửa, đầu tóc quần áo đầy bụi đất và thuốc súng. Có những anh bị thương, máu chảy loang trên cánh tay, trên ngực áo vẫn đứng chắc trên mâm súng".

Những hình ảnh đẹp đẽ đó lung linh trên trang sách nơi này nơi khác nhưng không đọng lại hẳn trên một nhân vật nào. Do đó, cái điểm tựa của chủ đề và khuynh hướng chung của tác phẩm không hiện lên thật cụ thể. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng như một luồng tư tưởng cực mạnh, nhưng chưa được chuyển sâu vào các tính cách nhân vật. Hoàn cảnh trong *Vào lửa* chưa rộng và chuyển hoá ở nhiều trạng thái để góp phần xây dựng nhân vật. Hiện thực của *Vào lửa* tuy có những mảng sáu sắc và được biểu hiện tập trung, nhưng nhìn chung còn thiếu một bề dày cần thiết.

Đọc *Vào lửa* chúng ta thấy gần như bắt gặp cảm tưởng về sự mâu thuẫn giữa khuynh hướng tập trung và phân tán, giữa ý định và sự thực hiện. Tác giả có ý thức dồn sự việc và con người, dồn xúc cảm, suy nghĩ vào trong những hoàn cảnh thật tập trung để cho nội dung tác phẩm có sự cộp đọng, không phân tán thành những mảng riêng lẻ mỏng manh. Nhưng đi vào tìm hiểu cốt truyện thì mối quan hệ giữa các nhân vật lại có khuynh hướng đòi mở rộng và khai thác được sâu hơn và kỹ hơn. Như mối quan hệ giữa Xuân và con gái là Mai, giữa Xuân và Lịch, giữa các chiến sĩ trẻ với nhau. Nhân vật Dương và gia đình của anh, mối tình của anh và người bạn gái gửi thư cho anh cũng đều là những chuyện cần khai thác thêm. Ngay nói đến quan hệ quân dân trong chiến đấu, tuy tác giả có đề cập đến, nhưng mới ở quan hệ giữa hai tập thể lớn là nhân dân và quân đội. Nhân dân giúp đỡ bộ đội làm công sự, tài lương thực, tài đạn trong chiến đấu. Mỗi quan hệ giữa hai tập thể lớn đó cần phải được biểu hiện và đi vào dòng riêng của quan hệ giữa các nhân vật. Đi sâu, đi kỹ vào những vấn đề trên, tức là phải mở rộng hơn câu chuyện và mối liên hệ giữa các nhân vật. Yêu cầu trên của người đọc là chính đáng, nhưng đối với tác giả lại đòi hỏi

nhiều thêm về chất liệu thực tế, về thời gian ấp ủ và sáng tạo. Nguyễn Đình Thi đã cố gắng điều hoà giữa hai xu hướng đó. Thực tế trên dẫn đến kết quả là tuy chủ đề và trọng điểm của truyện nói trên rõ, nhưng *Vào lửa* vẫn gây nên một cảm tưởng nuối tiếc ở người đọc. Cái gì cũng cảm thấy đủ mà lại vẫn thiếu. Cũng vì thế, có một vài nhân vật và tình tiết trở nên mờ nhạt và đôi khi thừa. Nhân vật Đức cũng như những câu chuyện xoay quanh nhân vật này ít gợi được sự chú ý, kể cả những quan hệ giữa Đức và Ngà. Trên đường đi vào trận địa cũng có những đoạn và tình tiết bị kéo dài, không cần thiết. So với những chương sau, một hai chương đầu viết yếu hơn, thiếu chất sống đậm đà.

Kết quả trên có thể được giải thích bằng nhiều nguyên nhân, nhưng có lẽ nguyên nhân cơ bản hơn là do vốn sống trực tiếp của tác giả chưa tương ứng với chủ định thực hiện. Nguyễn Đình Thi nhận thấy điều đó và đã cố gắng hạn chế sự chênh lệch giữa hai nhân tố này, và phần nào anh đã khắc phục được.

Chỉ hơn một năm qua, chúng ta đã có một tập truyện vừa đầu tiên về cao xạ pháo, binh chủng xung kích trong cuộc chiến đấu chống giặc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại. Với nội dung sinh động, *Vào lửa* đã phản ánh được một số mặt tiêu biểu trong cuộc chiến đấu hiện nay. Chúng ta hoan nghênh sự cố gắng của tác giả. Đọc *Vào lửa* chúng ta bắt gặp lại ở tác giả lối văn sắc sảo, mạnh mẽ và giàu hình ảnh về chiến đấu như trong *Xung kích*, những trang viết tình cảm nhẹ nhàng, sâu kín như trong *Võ bờ*. Bên cạnh những thành công về bút ký trong năm qua, *Vào lửa* của Nguyễn Đình Thi đã góp phần sáng tạo mới mẻ vào sự phát triển phong phú của những sáng tác văn học chống Mỹ, cứu nước.

Báo Văn nghệ

MẤY SUY NGHĨ NHÂN ĐỌC VÀO LỬA*

CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

THÀNH DUY

Từ phát súng đầu tiên mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến nay, cuộc sống cách mạng sôi nổi trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện biết bao nhiêu sự việc và con người anh hùng. Bên cạnh các anh hùng và chiến sĩ miền Nam, hàng loạt những anh hùng mới, những tấm gương chiến đấu bất khuất đang đua nhau nở hoa trên miền Bắc, đã làm nức lòng hàng triệu đồng bào ta ở cả hai miền.

Đứng trước hiện thực vô cùng phong phú đó, các văn nghệ sĩ của chúng ta đã không bỏ lỡ cơ hội ngàn năm có một; nhiều nhà văn đã vào các vùng hoả tuyến ngay từ đầu để phản ánh nhanh chóng, kịp thời thực tế chiến đấu đã vận dụng nhiều hình thức, thể loại nhanh gọn thích hợp và đã thành công với nhiều tập bút ký, ký sự,... *Vào lửa* là kết quả của một chuyến đi bám sát thực tế chiến đấu của nhà văn Nguyễn Đình Thi. Viết *Vào lửa*, rõ ràng Nguyễn Đình Thi đã thấy trách nhiệm của mình, cố gắng đáp ứng những đòi hỏi của bạn đọc. Cái ý định tốt đó của nhà văn thật đáng hoan nghênh.

*

* * *

Vào lửa phản ánh cuộc chiến đấu vô cùng gay go, ác liệt nhưng cũng rất bền bỉ, và gan dạ của một đơn vị pháo cao xạ. Toàn bộ câu chuyện xoay quanh nhân vật Xuân, một chính uý trung đoàn về kiểm tra một cụm pháo làm nhiệm vụ bảo vệ chiếc cầu xi măng ở ngã ba con sông. Truyền báu dâu lúc Xuân di vào trận địa và kết thúc lúc Xuân rời khỏi trận địa về trung đoàn bộ. Thông qua câu chuyện về một đơn vị pháo cao xạ, Nguyễn Đình Thi đã vẽ nên một bức tranh khá sinh động

(*) NXB Văn học, 1966.

về quang cảnh của cuộc chiến tranh đang diễn ra rất quyết liệt giữa nhân dân ta và cái gọi là "không lực Huê Kỳ".

Bằng một lối tả cảnh hấp dẫn, Nguyễn Đình Thi đã làm hiện lên khá rõ nét những trận chiến đấu ác liệt, những cảnh bể bô, ôn ào và cũng rất nguy hiểm của chiến trường, làm cho người đọc có cảm tưởng như chính mình đang chứng kiến những trận chiến đấu thực sự.

Ngòi bút của Nguyễn Đình Thi trong *Vào lửa* cũng tỏ ra khá nhuần nhì, giàu xúc cảm. Khi tả cảnh cũng như lúc diễn đạt tâm linh anh đều biết sử dụng ngôn ngữ trong sáng, thích hợp và chính xác, tạo nên cái không khí chân thực dễ lôi cuốn người đọc. Những cảnh xe ô tô gầm rú nối đuôi nhau, xe đạp thồ, người gánh bô từ mây ngả ừn cả lại, tiếng người quát tháo, nói cười, gắt gỏng, gọi nhau ơi ơi,... Những cảnh chiến đấu đồn đậm trận nổ tiếp trận kia, cảnh dân công đắp công sự ôn ào, tấp nập, cảnh các em tiếp tế nước cho bộ đội, cảnh vui mừng vô hạn của nhân dân khi thấy máy bay địch rơi, cảnh các o dân quân băng qua lửa đạn đến cảng thương binh, cảnh xe pháo qua phà, v.v. Tất cả đều được Nguyễn Đình Thi miêu tả thành công.

Nhờ trải qua thực tế kháng chiến chống thực dân Pháp trước kia nên khi miêu tả thực tế chiến đấu, Nguyễn Đình Thi thấy được tính chất phức tạp và phong phú của nó, biểu lộ rõ tình cảm sôi nổi, mạnh mẽ đối với thực tế mới.

Miêu tả kẻ thù, tác giả tránh được cái nhìn đơn giản, không thấy hết những âm mưu xảo quyệt của chúng.

Trong lúc miêu tả những thủ đoạn của địch, cuộc đọ sức, độ trí giữa ta và chúng nó, Nguyễn Đình Thi đã cố gắng làm nổi lên cái ưu thế của ta về nhiều mặt ; ta hơn địch chẳng những về chính nghĩa mà còn vượt hẳn chúng nó về tinh thần dũng cảm và mưu trí.

Trong *Vào lửa*, Nguyễn Đình Thi cũng ghi lại được một số hình ảnh sinh động về những con người không tên tuổi nhưng khá đẹp, đóng vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hiện nay. Đó là cô gái gác bến phà tuổi mười chín đôi mươi rất bình tĩnh gan dạ, là những thanh niên làm nhiệm vụ trên phà rất lạc quan yêu đời, là các o dân quân tham gia đắp công sự, là các chị cứu thương, các em bé và cả các cụ già,... đã xông pha lửa đạn phối hợp với bộ đội cùng chiến đấu. Chúng ta thấy có mặt ở đây đủ các tầng lớp trẻ già, trai, gái, tất cả đều có ý thức căm thù địch rất cao, vui vẻ làm bất cứ nhiệm vụ gì :

khi đắp công sự, cảng thương binh, lúc tiếp đạn, tiếp lương thực, kéo pháo và còn trực tiếp cầm súng chiến đấu nữa. Rõ ràng tác giả không có ý định xây dựng họ thành những nhân vật trọn vẹn. Những "nhân vật" quần chúng ấy cứ hiện lên ở từng trang sách gây cho ta những ấn tượng đẹp đẽ về họ. Hình ảnh các o dân quân vui đùa với bộ đội khi đắp công sự, những cụ già động viên con cháu mình chăm sóc thương binh, các em bé đem nước cho bộ đội, v.v. là những hình ảnh rất dễ hấp dẫn bạn đọc.

Nguyễn Đình Thi đã có nhiều thành công trong việc miêu tả sự việc, tả cảnh chiến đấu, nhưng sức hấp dẫn của một cuốn tiểu thuyết chủ yếu lại không phải ở phần miêu tả sự việc. Đúng như Nguyễn Đình Thi viết : "Chỉ khi nào nhà văn tìm được ý nghĩa của sự việc đối với vận mệnh những con người, và nhìn được rõ sự diễn biến của những con người tham gia vào sự việc ấy thì bấy giờ mới thực có cốt truyện để viết thành tiểu thuyết". "Văn đề trung tâm của nghệ thuật viết tiểu thuyết là miêu tả những con người và tìm hiểu con đường đi của họ trong xã hội"⁽¹⁾.

Trong *Vào lửa*, ngoài cái tập thể quân chúng, Nguyễn Đình Thi đã chú ý miêu tả nhiều nhân vật. Ở đây, chúng ta thấy có Xuân – chính ủy trung đoàn, có Đức, Sơn – những đại đội trưởng, có Thành, chính trị viên đại đội, có Giác – tham mưu trưởng, có Tất, Bình, Dương,... những anh lính trẻ của đơn vị. Ở đây chúng ta còn thấy ông Viên, phó chủ tịch huyện, đồng chí Tài, bí thư chi bộ xã, chí Lích, y sĩ, cô Mai, con chính ủy Xuân, em Luyến, học sinh, v.v. Có nhân vật được tác giả để nhiều công phu xây dựng, có nhân vật chỉ xuất hiện thoáng qua.

Đương nhiên, ý thức của nhà văn là tập trung miêu tả một số nhân vật nhất định. Nhưng rất tiếc là thành công của *Vào lửa* lại không ở phần miêu tả nhân vật. Có thể nói, sở dĩ *Vào lửa* chưa thỏa mãn chúng ta chính là ở phần xây dựng nhân vật. Hay nói cho đúng hơn, những nhân vật mà tác giả dành nhiều công phu xây dựng, nói chung đều chưa đạt, còn bàng bạc, mờ nhạt.

Nhân vật trung tâm của *Vào lửa* là chính ủy Xuân. Chuyện xoay quanh nhân vật Xuân, đồng thời cũng qua nhân vật Xuân mà tác giả phản ánh cái thực tế chiến đấu của đơn vị pháo cao xạ. Xuân tối kiềm

(1) Công việc của người viết tiểu thuyết. NXB Văn học, H., 1964, tr. 169, 170.

tra cụm pháo, Xuân suy nghĩ về mình, về sức mạnh của quân chúng, về vai trò của những chiến sĩ trẻ, Xuân gặp chị Lịch và một mối tình bắt đầu chớm nở ; Xuân tham gia chiến đấu với đơn vị pháo trong hai ngày cảng thẳng, Xuân gặp con ngay ở trận địa, nghĩ về hạnh phúc của con là liên tưởng lại cuộc đời không may mắn trước kia của mình ; Xuân gặp người yêu của Dương và chứng kiến cái chết bình dị của người chiến sĩ trẻ này, v.v. Tóm lại, nhiều hành động, nhiều tình tiết, nhiều cảm nghĩ trong *Vào lùu* liên quan đến nhân vật Xuân. Có lẽ, cũng vì vậy nên có người nói *Vào lùu* như một câu chuyện vừa với nội dung "mấy ngày chính uỷ Xuân về thăm một cụm pháo".

Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Thi, Xuân là một cán bộ chính trị mẫu mực, già dặn kinh nghiệm, nhiều nghị lực, có tác phong đi sâu đi sát và rất giàu tình cảm. Đối với chiến sĩ, Xuân luôn luôn tỏ ra thông cảm, giàu yêu thương và dễ gần gũi. Trong quan hệ với cán bộ cấp dưới, Xuân tỏ ra điềm đạm, chín chắn, thận trọng và có thái độ bình đẳng, dân chủ. Lúc cần thiết Xuân cũng rất dũng cảm, gan dạ, không ngần ngại băng qua bom đạn nguy hiểm đến động viên đơn vị đang bị địch tấn công dồn dập.

Xuân cũng là một cán bộ có phẩm chất, đạo đức gương mẫu. Trong gia đình, anh là người chồng, người cha tốt, rất thương vợ, yêu con ; trong quan hệ với bạn bè, anh là người thẳng thắn, đúng mực.

Xuân cũng là một con người có nhiều suy nghĩ chân thành. Có khi anh cũng cảm thấy mình mệt mỏi : "Cái mệt mỏi cứ luôn luôn phải gánh trách nhiệm về sự sống chết của bao nhiêu người". Nhưng sau đó, anh đấu tranh ngay với những ý nghĩ không đúng của mình. Đứng trước nguy hiểm, có lúc Xuân cũng tỏ ra sợ hãi nhưng tức khắc anh trấn tĩnh lại ngay. Rõ ràng với cái nhìn của Nguyễn Đình Thi thì Xuân là một con người thật kiêu mẫu, có phẩm chất đạo đức cao, có trình độ chính trị vững, có tinh thần chiến đấu dũng cảm.

Nhưng vì sao đọc xong *Vào lùu*, hình ảnh nhân vật Xuân vẫn không gây cho ta một ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc, chưa đủ sức làm cho người đọc cảm phục.

Có người nhận xét, xem xong *Vào lùu*, người đọc có cảm tình với Xuân. Đúng như vậy, nhưng cũng chỉ dừng lại ở cái mức cảm tình thôi. Cảm tình vì con người ấy dễ mến, giàu lòng yêu thương và không có sai sót gì lớn. Một nhân vật chỉ mới gây được cảm tình, chưa đủ sức rung động trái tim bạn đọc.

Có người cho là vì Xuân nặng về suy nghĩ mà yếu về hành động. Có thể đó là một lý do, nhưng nhân vật Xuân không phải như thế. Dương nhiên không thể đòi hỏi Xuân hành động như một chiến sĩ. Hành động của Xuân là hành động của một cán bộ chỉ huy đi kiểm tra. Nhưng ngay cả cái hành động chỉ huy của Xuân cũng rất yếu. Xuân đến đơn vị như một người tham quan hơn là người hành động. Đến đơn vị, anh cũng xem xét chỗ này chỗ khác, dự các cuộc họp, nghe ý kiến của cấp dưới nhưng hình như sự có mặt của anh chỉ có tác dụng động viên, nói lên sự quan tâm của cấp trên đối với cấp dưới, với chiến sĩ chứ không thấy ở anh một hành động nào đáng kể.

Còn cái tâm suy nghĩ của Xuân trong *Vào lửa* thì quả là chưa lớn lắm, chưa phải là cái tâm suy nghĩ lớn của thời đại chúng ta hiện nay, chưa có cái tâm suy nghĩ như Thái Văn A, Trần Thị Lý, Nông Văn Việt, v.v. Người ta mến Xuân ở cái tính hiền lành, ở sự chân thành bộc toạc, dám bộc lộ cả những tư tưởng yếu đuối của mình. Nhưng cũng qua đó mà người ta cảm thấy Xuân đuối sức quá, phải cố gắng lắm mới theo kịp yêu cầu mới của cách mạng, theo kịp lớp chiến sĩ trẻ. Lúc cảm thấy mình mệt mỏi, Xuân tự nhủ : "Ít nhất mình cũng phải biết nghe, đừng có tự biến mình thành một hòn đá lăn ra trên đường đi của mọi người" (tr.62). Điều đó chứng tỏ Xuân là người khiêm tốn, nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhược điểm của Xuân.

Xuân cũng dễ thông cảm với chiến sĩ trẻ, thấy "lớp trẻ bây giờ không những gan dạ anh hùng chẳng thua lớp trước một mảy may, họ lại có học, họ hiểu biết về khoa học kỹ thuật,... có những suy nghĩ mới mẻ". Nhưng cũng có lúc Xuân còn nghĩ chưa đúng về những người lính. Xuân nghĩ : "Rút lại thì trong chiến tranh, người thực vất vả nhất, nguy hiểm (?) nhất, người bao giờ cũng đem thân mình ra mà chơi với chết chóc, bùn đất, nắng mưa, vẫn là anh lính". Còn "anh là cán bộ dù có chịu khó lăn lộn, dù có công lao đến mấy thì anh cũng không bao giờ hy sinh bằng anh lính đâu" (tr.33). Đó là một ý nghĩ chân thành, thông cảm với chiến sĩ và biết lượng sức mình, nhưng là ý nghĩ không đúng. Cái ý nghĩ ấy vừa nói lên sự tự ti của một cán bộ chỉ huy còn nhiều nhược điểm, vừa nói lên sự thương hại của cấp trên đối với cấp dưới. Cố nhiên, đừng coi mình là người chịu hy sinh nhiều hơn người khác, nhưng tại sao lại tự cho phép mình là không bao giờ cần phải hy sinh bằng người khác ? Thấy người chiến sĩ vất vả, mệt nhọc để

thông cảm với họ, nhưng từ đó suy ra, cho rằng rút lại trong chiến tranh chỉ có anh lính chịu sự mệt nhọc, vất vả nhất, chịu hy sinh hơn người khác, thì hoàn toàn không đúng. Cái sai của Xuân là đã lấy mình làm tiêu chuẩn để đánh giá sự hy sinh của người khác, nên thành một triết lý không đúng là anh chiến sĩ chịu hy sinh nhiều hơn anh cán bộ chỉ huy. Cách đặt vấn đề như vậy rất không nên.

Trong cuộc đời có thể có anh Xuân nào đó suy nghĩ như vậy. Nhưng vấn đề mà chúng ta quan tâm là thái độ của nhà văn trước những suy nghĩ của Xuân. Thái độ của Nguyễn Đình Thi ở đây là thái độ đồng tình. Anh không thấy những yếu đuối của Xuân mà ngược lại còn cho những ý nghĩ của Xuân là cao thượng, đúng đắn.

Trong chiến đấu, Xuân cũng là một con người rất bình thường, có lúc anh tỏ ra sợ hãi. Và có lẽ vì vậy nên hai ngày sống căng thẳng ở trận địa, người ta cảm thấy Xuân có sự mệt mỏi, trên đường về trung đoàn, ý nghĩ đầu tiên của Xuân khi ngồi lên xe com-măng-ca là "phải làm sao ngủ một bữa cho ra trò". Người ta nghe thấy tiếng thở phào nhẹ nhõm qua cái ý nghĩ đầu tiên của Xuân khi rời khỏi nơi nguy hiểm. Đành rằng đó là một ý nghĩ thực, và cũng là một ý nghĩ bình thường, dễ thấy ở nhiều người. Nhưng đối với một cán bộ chỉ huy như Xuân, người ta vẫn muốn đời anh có tầm suy nghĩ lớn hơn, không được phép sợ hãi, không được có tư tưởng nghỉ ngơi. Nhất là khi hình ảnh đó lại trở thành một hình tượng văn học trong thời đại hiện nay, thời đại đã nảy sinh hàng loạt những anh hùng, chiến sĩ, có tầm suy nghĩ rất lớn, không do dự đắn đo, tính toán về sự sống và cái chết,... thì nhân vật Xuân trong *Vào lửa* càng không đủ sức làm cho bạn đọc cảm phục.

Ngoài Xuân ra, trong *Vào lửa* Nguyễn Đình Thi cũng chú ý đến một số cán bộ chỉ huy khác ở cụm pháo. Trong số đó, Đức là nhân vật được tác giả chú ý hơn. Bạn đọc dễ mến Đức ở cái đức tính hiền lành, ít nói, giàu tình cảm, nhưng trong chiến đấu thì rất bền bỉ, dũng cảm. Bạn đọc cũng dễ thông cảm với cái quá khứ đau khổ của Đức. Cái quá khứ của Đức là một chuỗi ngày nghèo đói, tủi nhục nên lớn lên anh có sẵn mối thù riêng đối với đế quốc.

Trong kháng chiến, Đức đã tham gia nhiều trận và bị thương ở trận Đồi Sim, Đức có một cuộc sống riêng cũng khá đẹp. Mỗi tình giữa Đức và Ngà thật trong sáng, trong sáng như chính cuộc đời của họ.

Tác giả đã giới thiệu một anh Đức có một cuộc đời, một mối tình và một cuộc sống chiến đấu thật đẹp đẽ. Nhưng hình tượng Đức vẫn không nổi lên được, vì tính cách của Đức chưa thật rõ. Người đọc thấy cái quá khứ của Đức nhiều hơn cuộc sống hiện tại. Cái hiện tại của Đức ở Đồi Sim như thế nào không được tác giả nói đến ; còn vai trò của Đức ở ca sáu lại chưa nổi lăm.

Trong *Vào lửa* cũng còn nhiều hình ảnh khác như Sơn, đại đội trưởng, Thành, chính trị viên, Lai, khẩu đội trưởng, "nhà văn" Bình, anh tân binh Tất, anh Dương, cô Mai, chị Lịch, v.v. Ở mỗi người, ta thấy lóe lên một đôi nét đáng chú ý.

Người đọc khó quên cái chết hồn nhiên, bình dị của Dương, Dương là một chiến sĩ bình thường. Trong chiến đấu anh rất gan góc : bị thủng bụng Dương vẫn vùng dậy nhảy lên mâm pháo tiếp tục đánh trả lại địch quyết liệt, cho đến lúc quy hồn không chiến đấu được nữa mới chịu thôi. Ta không nghe Dương nói một lời, chỉ qua những cử chỉ anh hùng của anh và những di vật anh để lại trong ba lô : một hộp đựng trầu, ngoài dán một tờ giấy nhỏ viết mấy chữ "Con gửi biếu mẹ để mẹ đựng trầu thuốc", một cái sáo trúc và một đôi đũa bằng tre ngà có dán một mảnh giấy vòng tròn đề chữ "Tặng Liên yêu quý của Dương", cũng dù nói lên anh là một con người như thế nào. Đó là một con người chiến đấu dũng cảm, rất hiếu thảo với mẹ, rất thiết tha với người yêu, và rất lạc quan yêu đời. Con người ấy có cuộc sống phong phú, giàu yêu thương, nhiều tình cảm, nhưng khi Tổ quốc cần đến thì sẵn sàng hy sinh hết thảy, và hy sinh một cách bình dị. Con người ấy là anh lính trẻ mới vào lửa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hôm nay.

Anh cũng như nhiều thanh niên khác là những con người rất trẻ được chế độ nuông dưỡng và lớn lên cùng chế độ, chưa từng trải cuộc đời, chưa biết nhiều về xã hội cũ, cũng ít thấy trực tiếp những tên đế quốc, những kẻ bóc lột. Nhưng họ có may mắn là được Đảng, chế độ giáo dục, dùi dắt ngay từ lúc còn bé, được tiếp thu những tư tưởng mới, những đức tính mới từ trong ghế nhà trường cấp một. Họ bước vào đời nhẹ nhàng, hồn nhiên và hy sinh cho lý tưởng cũng rất hồn nhiên, nhẹ nhàng.

Những con người như Dương, Tất, Bình,... như cô Mai, em Luyến,... ta thấy rất nhiều trong xã hội ta, và chúng ta cũng thấy họ xuất hiện trong *Vào lửa* của Nguyễn Đình Thi.

Nhưng rất tiếc là Nguyễn Đình Thi nói về họ, về những anh lính trẻ, còn ít quá, miêu tả họ còn mờ nhạt quá. Ở mỗi nhân vật, tác giả chỉ điểm qua đôi nét, chưa dày công tìm tòi, suy nghĩ và xây dựng cho có tính cách rõ nét, có cuộc sống trọn vẹn, thành diễn hình về con người mới trong văn học, mặc dù ở nhiều trang sách, tác giả đã ca ngợi tinh thần hiên ngang, gan dạ tuyệt vời và đức tính hy sinh của những anh lính trẻ. Tác giả cũng đã thấy vai trò của những anh lính trẻ trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước hiện nay. Ngay cả khi đặt cái tên *Vào lửa* cho thiên tiểu thuyết, có lẽ tác giả cũng có chủ định nói về lớp thanh niên mới bước vào thử thách. Điều mà nhiều người còn lo ngại là không hiểu khi ném vào cuộc chiến đấu ác liệt, những người thanh niên chưa từng trải qua cuộc đời khổ cực ngày xưa, liệu có chịu nổi cuộc thử lửa gay go ngày nay không. Nguyễn Đình Thi đã dành nhiều lời để khẳng định : chẳng những họ chịu đựng nổi mà đến lúc vào lửa họ còn có nhiều thuận lợi hơn các bậc cha chú về nhiều mặt ; họ đã và đang kế nghiệp một cách xứng đáng truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta. "Tất cả, tất cả bao nhiêu cái quý nhất, cao thượng nhất trong đời sống, trong tâm hồn của hàng vạn, hàng vạn chiến sĩ cách mạng, kháng chiến, đều còn tất cả, và không những còn nguyên vẹn mà đã sinh sôi nảy nở thêm trong mỗi người con trai, con gái mười bảy, mười tám, hai mươi tuổi".

Rất đáng tiếc là cái chân lý ấy chỉ mới được Nguyễn Đình Thi nói lên bằng những suy nghĩ trừu tượng. Tác giả chưa xây dựng thành công những hình tượng về anh lính trẻ, những con người tiêu biểu cho lớp thanh niên mới đang chiếm vị trí quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, những con người mà trong cuộc sống hàng ngày, trên báo chí, trên đài phát thanh, đâu đâu ta cũng thấy nhắc đến.

Điều đó chứng tỏ Nguyễn Đình Thi hiểu biết về lớp thanh niên mới còn ít quá. Có lẽ trong thực tế anh chưa gần gũi họ được nhiều, cũng có thể như Nguyễn Đình Thi đã tự nhận : "Bây giờ sức thu nhận và phản ánh thực tế không được nhanh nhạy bằng trước, có phần chậm chạp" (*Tạp chí Văn học*, số 7 - 1965, trang 55).

Tác dụng của một tác phẩm văn học thường thể hiện ở hai mặt : chủ đề rõ ràng và nhân vật diễn hình. Hai mặt đó bao giờ cũng gắn bó với nhau, bổ sung cho nhau. Nhân vật nói lên chủ đề và chủ đề được biểu hiện thông qua nhân vật. "Qua việc miêu tả đời sống của các nhân vật, nhà viết tiểu thuyết trực tiếp trình bày với bạn đọc những quan niệm,

những lý tưởng của mình. Nếu "tính hiện thực" là không thể thiếu được đối với tiêu thuyết thì "tính lý tưởng" cũng không thể thiếu được. Mà chính cái tính lý tưởng ấy của tiêu thuyết lại là chỗ hấp dẫn của nó... Bạn đọc tiểu thuyết đòi hỏi cái "tính lý tưởng" ấy một cách gắt gao"⁽¹⁾. Vậy trong *Vào lửa* Nguyễn Đình Thi đặt vấn đề gì, giúp bạn đọc những bài học gì sâu sắc? Tác giả muốn nói về những con người đã qua thử thách trong cuộc kháng chiến thứ nhất nay vẫn là những con người dấn dấu trong cuộc kháng chiến thứ hai hay nói về vai trò của lớp thanh niên mới trưởng thành đang tỏ ra rất xứng đáng với dân tộc anh hùng của chúng ta. Tác giả muốn nói về sự dũng cảm và trí tuệ của quân đội ta qua đơn vị pháo cao xạ hay nói về mối tình quân dân khăng khít trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hiện nay. Một tác phẩm có thể có nhiều vấn đề nhưng dù sao vẫn phải có chủ đề chính và chủ đề phụ. Đọc *Vào lửa* thật khó mà thấy chủ đề nào là chính, chủ đề nào là phụ. Tác phẩm đặt ra nhiều vấn đề nhưng vấn đề nào cũng bàng bạc, không sâu sắc, không rõ ràng và do đó chúng ta khó thấy "tính lý tưởng" của nó.

Cuộc sống là một chuỗi những ngày, tháng, năm. Trong chuỗi ngày, tháng, năm ấy đã xảy ra không biết bao nhiêu sự kiện, biến cố, mà nhà văn có thể viết về một ngày, một tháng, một năm hay một thời đại. Nhưng dù viết về một ngày cũng là viết cái gì theo chủ định của nhà văn, giúp người đọc không chỉ thấy cuộc sống mà thấy cuộc sống như thế nào, không chỉ thấy con người mà thấy con người nào, lý tưởng nào. Hơn thế nữa, M. Goroki còn chủ trương "Văn học cần phải vươn lên cao hơn hiện thực, nó phải nhìn hiện thực từ phía trên một chút, bởi vì văn học không phải chỉ là phản ánh hiện thực. Mô tả cái hiện tồn chưa đủ, cần phải nhớ đến cái đang muốn có, cái có thể có. Cần phải diễn hình hóa các hiện tượng. Cần phải chọn lấy cái nhỏ nhưng tiêu biểu để làm thành cái lớn và diễn hình"⁽²⁾. Với *Vào lửa* Nguyễn Đình Thi cho ta thấy cuộc sống chiến đấu trong hai ngày căng thẳng, thấy những con người mà tác giả đã gặp trong hai ngày đó tức là thấy cái hiện thực nhưng chưa thấy rõ cái lý tưởng. Sở dĩ chưa thấy rõ lý tưởng vì chúng ta chưa thấy rõ con người. Con người trong *Vào lửa* còn mờ. Ngay cả nhân vật chính là chính uý Xuân, đáng lẽ phải là một

(1) Công việc của người viết tiểu thuyết, NXB Văn học, tr. 158.

(2) M. Gorki, Nói chuyện với các bạn trẻ, trong *Bàn về văn học*, tập II, bàn tiếng Việt, NXB Văn học, 1965.

nhân vật rõ nét nhát nhung, ngược lại, vẫn nhạt. Sức khái quát hoá, diễn hình hoá của tác phẩm còn yếu. Hình như nhà văn chỉ làm nhiệm vụ kể lại một cách "trung thành" những sự việc, con người mắt thấy tai nghe trong hai ngày qua câu chuyện chính uỷ Xuân đi kiểm tra đơn vị pháo cao xạ. Cách đặt vấn đề như thế không phải cách đặt vấn đề của một cuốn tiểu thuyết, cũng không phải là cách đặt vấn đề của nhà văn hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Về mặt kết cấu thì chúng ta có cảm tưởng *Vào lửa* là một tập ký sự của một nhà văn đến thăm một cụm pháo cao xạ trong vài ngày. Giá thay nhân vật Xuân bằng cái tôi của nhà văn cũng không tác hại gì đến kết cấu của tác phẩm. Nhiều trang của thiên truyện có hấp dẫn người đọc, nhưng đọc xong cuốn truyện người ta tưởng như thiên truyện mới bắt đầu tập I.

*

* * *

Nguyễn Đình Thi là một cây bút có khả năng về nhiều mặt. Anh là tác giả của *Xung kích*, *Võ bờ*, của nhiều tập thơ, nhiều tập lý luận, nhiều bản nhạc, trong đó có tác phẩm đã thu hút được cảm tình của đông đảo công chúng. Anh cũng là một nhà văn có nhiệt tình mạnh mẽ trước cuộc sống. Anh có đủ điều kiện để sáng tạo nên những tác phẩm hay. Nhưng *Vào lửa* lại chưa phải tác phẩm hay, chưa thỏa mãn sự mong muốn của bạn đọc.

Sở dĩ *Vào lửa* chưa hay có thể vì tác giả vội vàng nôn nóng như Nguyễn Đình Thi có lúc đã nói : "Trong hoàn cảnh của tôi, tôi thường phải viết vội". Viết vội vì hoàn cảnh công tác của anh còn có những khó khăn, nhưng mặt khác cũng có thể vì sự thô thiúc của cuộc sống ; anh muôn có nhiều tác phẩm phản ánh nhanh chóng, kịp thời cuộc sống sôi nổi trước mắt. Anh không thể chịu được khi thấy cuộc sống thì đi nhanh quá, phong phú quá mà văn học thì chậm chạp quá. Anh muốn phục vụ bạn đọc kịp thời. Nhiệt tình của anh thật đáng quý. Tuy nhiên bạn đọc không chỉ muốn anh viết nhiều, mà chủ yếu vẫn là chờ đợi những tác phẩm tốt và hay của anh.

Tháng 6 - 1966
Tạp chí Văn học, số 9 - 1966

HAI CUỐN TIỂU THUYẾT CHỐNG MỸ CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

TRỊNH XUÂN AN

Nguyễn Đình Thi là nhà văn nặng tình với quân đội. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, quân đội cần, Nguyễn Đình Thi có mặt ngay và cũng có tác phẩm ngay. Anh đã viết tiểu thuyết *Xung kích*. Trong cuộc chống Mỹ cứu nước hiện nay, trong vòng hai năm, anh cho ra liên tiếp hai cuốn tiểu thuyết : cuốn *Vào lều để phục vụ và tuyên truyền* cho một binh chủng mới của ta là binh chủng pháo cao xạ và cuốn *Mặt trận trên cao để ca ngợi binh chủng hiện đại và mới có lần đầu trong lịch sử* quân đội của dân tộc ta là không quân nhân dân Việt Nam. Mặc dù đây chỉ mới là những hình ảnh đầu tiên của người pháo binh phòng không tuy đã có truyền thống chiến đấu kiên cường từ trận Điện Biên Phủ oanh liệt và vang dội nhưng lại phải giải quyết nhiều vấn đề kỹ thuật, chiến thuật đối với cái gọi là "không lực Huế Kỳ" vừa hiện đại bậc nhất thế giới vừa già dặn, thủ đoạn và vô cùng xảo quyệt ; hình ảnh đầu tiên của người phi công rất trẻ tuổi (cả tuổi đời và tuổi quân, quân chủng) vô cùng dũng cảm, gan dạ mới lần đầu tiếp xúc bầu trời Tổ quốc và cũng là lần đầu chiến đấu với những tên giặc lái Mỹ đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh và thắng ngay được chúng, ngòi bút Nguyễn Đình Thi đã làm cho người đọc vô cùng yêu mến, tin tưởng và gần gũi những người con ưu tú, anh dũng ấy, cho người đọc thấy được cái tất thắng của dân tộc ta trong cuộc chiến tranh này vì đã có đủ chính nghĩa, thiên thời, địa lợi và nhân hoà, còn giặc thì chỉ có cái phi nghĩa, cái cám dỗ của mọi người và của nhân loại tiến bộ. Qua những hình tượng trong hai cuốn tiểu thuyết đó, Nguyễn Đình Thi còn đặt một số vấn đề khá nổi bật của thời đại mà cuộc chiến đấu liên tục của dân tộc ta trong mấy mươi năm gần đây đã đề ra.

*

* * *

Quân dân miền Bắc nước ta mới đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại của bọn giặc trời Mỹ trong vòng một năm, Nguyễn Đình Thi đã viết được cuốn tiểu thuyết *Vào lùu* với một tầm khái quát tương đối rộng. Phải nói rằng, không có ngòi bút tài hoa, không có một vốn tích Lüy lâu dài, không có một nhiệt tình sôi nổi, Nguyễn Đình Thi khó lòng "làm ăn" được như thế. Huống hồ trong *Vào lùu*, tác giả còn nêu ra một số vấn đề, cần cho mọi người, trong hoàn cảnh chiến tranh này, phải quan tâm và suy nghĩ. Tác giả cũng gửi gắm vào đó bao nhiêu tình cảm và suy nghĩ của mình về con người, về dân tộc, về cuộc sống. Phải là một người từng trải và hàng ngày nghĩ ngợi đến cuộc sống xã hội với những sự việc tai nghe mắt thấy, hoặc đọc trong sách vở, có một kiến thức rộng về mọi mặt, có một vốn kinh nghiệm phong phú về công việc viết văn, nhất là viết tiểu thuyết thì mới có khả năng cấu thành được những hình tượng nghệ thuật nhiều màu nhiều vẻ như cuốn *Vào lùu* với một "chuyến đi" không dài ngày lắm.

Không những Nguyễn Đình Thi đã chọn đúng đối tượng cần phải phục vụ, động viên, cổ vũ là bộ đội pháo cao xạ, binh chủng nòng cốt trong lực lượng phòng không chống âm mưu phá hoại của địch mà anh còn kịp thời giới thiệu cho ta biết cái binh chủng nòng cốt ấy với tinh thần và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, với mưu trí dũng cảm và linh hoạt của họ, để cung cấp thêm lòng tin "ta nhất định thắng, Mỹ nhất định thua". Cái khéo của Nguyễn Đình Thi là biết chọn đúng một đơn vị pháo cao xạ đóng ở một vị trí đang rất căng để đặt ra nhiều vấn đề cơ bản của cuộc chiến đấu và của cuộc đời như những vấn đề hai thế hệ, vấn đề sống và chết, vấn đề quân và dân và cả vấn đề tình yêu.

Vấn đề hai thế hệ của tác giả đặt ra không phải chỉ giữa chính ủy Xuân, một cán bộ quân đội thuộc thế hệ kháng chiến chống thực dân Pháp trước, dày kinh nghiệm chiến đấu và lãnh đạo, nhưng trình độ văn hoá và kỹ thuật chưa đạt được yêu cầu, với thế hệ của các chiến sĩ trẻ như Lai, Tất, Bình, Dương,... mới từ nhà trường xã hội chủ nghĩa vào quân đội và đi thẳng đến mâm pháo đánh Mỹ, có trình độ văn hoá để hiểu biết kỹ thuật hiện đại hơn, lại hăng hái gan dạ, có cách suy nghĩ mới mẻ và những vấn đề họ đặt ra, có khi nhiều người trong thế hệ đàn anh "không thấy hoặc không hiểu ngay được". Nhưng rồi, nghe

theo lời gọi thiêng liêng của Tổ quốc, chống Mỹ cứu nước, hiệp đồng đánh địch với đồng bào bên kia vĩ tuyến 17, thế hệ trước cố gắng lên, thế hệ sau noi theo gương cha anh, không những không có việc gì xảy ra giữa họ mà họ ngày càng thương yêu nhau, kính trọng nhau, thông cảm với nhau, đồng tâm nhất trí, làm thành một khối sắt thép vững chắc, không bạo lực nào uy hiếp được, không một kẻ địch nào chiến thắng nổi. Tác giả còn đặt vấn đề giữa hai thế hệ cha và con. Lai học lớp sáu, vì thấy nhà đồng em, mẹ lại bệnh, thương bố phải vất vả nuôi đàn con, nhân bị thầy giáo xỉ vả nên bỏ học, đi học nghề, rồi vào bộ đội. Còn ông cụ sinh ra Lai giận con nên trong khi mắng rồi dỗ con, ông đã nói lên cả cái ý nghĩ sâu kín của những người cùng khổ lớp trước "thì mày hăng cố nốt cho hết lớp bảy đi đã. Mày sợ tao không nuôi nổi mày à ? Đời tao đốt nát khổ rồi, mày phải biết nghĩ xa mới được con ạ. Đời bây giờ có Chính phủ mình mới được đi học chứ". Tuy câu nói của ông cụ chỉ có thể, nhưng nó gợi lên bao nhiêu suy nghĩ về cảnh sống của đời người nô lệ thời mất nước và những mong đợi của họ ở thế hệ tương lai khi "mình có Chính phủ" rồi, nghĩa là khi họ đã có một nhà nước của họ. Và cả chính ủy Xuân nữa, trong lúc chia tay với con, anh mới thấy rõ được con, hay nói đúng hơn, thấy rõ được những cái mới của lớp trẻ. Con anh cũng như cả lớp trẻ ngày nay không những chỉ hồn nhiên trong tình tình, hăng say trong công việc, mà còn có nhiều tư tưởng mới, quan niệm mới về vị trí chiến đấu của mình trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, về sự tiến bộ của bản thân, về tình yêu, tình cha con. Lớp tuổi hai mươi của thời đại chúng ta sao mà đẹp và khoẻ đến thế. Qua vấn đề giữa hai thế hệ cũ mới, già trẻ, cha con ấy, tác giả đã làm cho ta thấy được khát vọng bền của nhiều thế hệ khác nhau từ Cách mạng tháng Tám đến nay trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, đi đến thực hiện thống nhất nước nhà.

Vì mọi người, mọi lứa tuổi đều có một lý tưởng cao đẹp như thế nên vấn đề sống và chết của họ khác hẳn với những khái niệm xưa. Sống và chết của họ trước mặt quân thù chỉ có một ý nghĩa : chiến đấu và quyết thắng. Chiến sĩ Dương bị mảnh bom thủng bụng đã ngã xuống lại vùng dậy nhảy lên mâm pháo bắn trả lại địch, chính trị viên đại đội Thành bị thương nặng, trước khi đến trạm giải phẫu, nằm trên

căng, còn cố đe nghị với chính uỷ sửa lại phương án tác chiến để quyết diệt quân thù. Và bao nhiêu chiến sĩ anh dũng khác, dưới làn mưa bom của giặc, họ chỉ nghĩ đến một điều duy nhất : bắn vào đầu địch, tiêu diệt cho được chúng.

Tất cả nhân vật chính cũng như phụ trong *Vào lửa* không ai nghĩ đến cái chết. Họ chỉ nghĩ đến tiêu diệt và thắng kẻ thù. Nếu có lúc nào đó, có một người nào đó chết thì cái chết ấy chỉ khơi sâu thêm lòng căm thù của họ. Cho đến mỗi thương cảm của chị Lịch đối với chiến sĩ Dương tuy hơi có màu sắc thương cảm của tầng lớp trung gian, nhưng chắc chắn không phải là thứ thương cảm bi lụy, mềm yếu vì sau đó, chị Lịch càng đề cao trách nhiệm nghề nghiệp của mình.

Về mối tình quân dân, có lẽ nhiều nhà văn, nhà thơ đã đưa lên được nhiều hình tượng xúc động. Cái mới của Nguyễn Đình Thi trong văn đề này là qua hình tượng cá nước giữa quân và dân, anh đã làm nổi bật lên cái trình độ mới, cao hơn, toàn diện hơn của cuộc chiến tranh nhân dân hiện nay của ta chống sự phá hoại dã man nhất của giặc Mỹ.

Và một vấn đề nữa, một vấn đề cho đến hiện nay không có nhà tiểu thuyết nào của ta bỏ quên. Đó là vấn đề tình yêu. Nguyễn Đình Thi trong *Vào lửa* đã đưa ra nhiều tình yêu khác nhau : tình yêu là sức mạnh cổ vũ, động viên giữa Đức và Ngà, tình yêu trong trắng rực rỡ giữa Dương và Liên, tình yêu và cũng là tình bạn giữa hai vợ chồng Viên... Đặc biệt tình yêu giữa Lịch và Xuân, hai con người bị tổn thương và căm thù chưa nguôi trong cuộc chiến tranh xâm lược thất bại của thực dân Pháp trước thứ tình yêu lặng lẽ này nở trong tim của hai con người đã đứng tuổi, tuy không bồng bột sôi nổi như tuổi trẻ, nhưng cũng không kém phần mạnh và đẹp vì nó chứa đựng nhiều đắn đo, suy nghĩ, và nó bắt nguồn từ trong cuộc chiến đấu cho chính nghĩa chung.

Nếu nói đến tình yêu, thì câu chuyện trong *Mặt trận trên cao* cũng là câu chuyện của tình yêu vì nó chiếm một vị trí và số lượng trang không kém với việc miêu tả sinh hoạt và chiến đấu của binh chủng hiện đại và mới nhất của ta : không quân. Nói như vậy, không phải nói rằng chủ đề chính trong *Mặt trận trên cao* là thứ chủ đề của tình yêu. Chủ đề của *Mặt trận trên cao* là chủ đề của chủ nghĩa anh hùng cách mạng

trong một binh chủng "mới toanh" của lực lượng vũ trang của ta. "Mới toanh" cả binh chủng, kỹ thuật và con người. Những con người ấy, với tấm lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội dạt dào, với mối căm thù của cả dân tộc và giai cấp sâu sắc, đã lập nên những chiến công oanh liệt, làm rạng rỡ cái binh chủng mới mà họ là thành viên, làm cho quân thù phải sợ và thế giới phải khâm phục.

Trong *Mặt trận trên cao*, Nguyễn Đình Thi đặt trở lại một số vấn đề đã đặt ra trong *Vào lửa*, như vấn đề hai thế hệ cũ và mới, tình yêu,... Nếu có khác chăng là khác ở môi trường hoạt động của nhân vật, những diễn biến của tình tiết. Ở đây, tác giả cũng có làm rõ thêm chút ít vấn đề tình bạn chiến đấu mà trong *Vào lửa*, đã và chỉ phác họa vài nét cơ bản. Và một mối quan hệ khác, duy nhất mới ở đây là mối tình anh em ruột thịt giữa Lương và Đào. Bằng những nét bút khoẻ, linh hoạt, Nguyễn Đình Thi đã làm nổi lên không những cái mới tình truyền thống trong những gia đình của các tầng lớp cơ bản Việt Nam mà còn làm bật lên hình ảnh canh cù, tháo vát và nhiều đức tính đẹp đẽ của người phụ nữ Việt Nam nói chung và của người phụ nữ "ba đám đang" ở thời đại anh hùng của ta nói riêng. Một người mẹ trẻ như cô Đào có chồng đi chiến đấu xa mà lo chu tất tất cả cho con, cho anh, cho bạn và hơn thế nữa, tích cực tham gia vào việc trực tiếp chiến đấu chống máy bay địch, bảo vệ đất trời của Tổ quốc đến lúc bị thương nặng vẫn còn muốn để cho chồng, cho anh yên tâm đánh giặc. Không phải ai cũng dễ dàng làm được như cô Đào. Trong thâm tâm người đàn bà trẻ ấy phải có nhiều suy nghĩ chín chắn, anh hùng mới có được những tư tưởng, hành động "vì người" đến thế.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây và trong cuộc chống Mỹ cứu nước hiện nay, hình tượng những bà mẹ, người vợ, người chị đã trở thành điển hình cả trong cuộc sống xã hội và trong nghệ thuật với lòng thuỷ chung nhân ái,... của họ. Trong nghệ thuật của ta, nếu thiếu những hình tượng điển hình ấy, rõ ràng là thiếu nhiều, thiếu một trong những cái gì cơ bản nhất.

Khác với tình bạn giữa Tất và Bình, giữa những cặp chiến sĩ cao xạ pháo với nhau, tình bạn giữa Đào và Tuyến mang nặng giới tính hơn. Hai người bạn gái Việt Nam không phải chỉ thương yêu nhau, quý nhau

mà thường thường đi đến chỗ muôn cho bạn mình, trở thành một người trong gia đình mình, không thì cũng gần gũi mình thêm chút nữa bằng một cách nào đó. Có thể nói, Nguyễn Đình Thi là nhà văn nghiên cứu về các tầng lớp trung gian phụ nữ Việt Nam rất kỹ, cho nên bất kỳ hình tượng một người phụ nữ nào trong tiểu thuyết của anh cũng có nhiều nét riêng biệt và cũng gây được nhiều cảm tình của người đọc. Lý trong *Xung kích*, An trong *Võ bờ*, Lịch trong *Vào lửa*, Đào và Tuyền trong *Mặt trận trên cao* đều để lại ấn tượng sâu sắc. Phải chăng vì những hình tượng ấy gợi lại trong mỗi người chúng ta không những chỉ cái đáng dấp của những người mẹ, người vợ, người chị chúng ta, mà còn gợi lên những đức tính, những tình cảm đặc biệt của người phụ nữ Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

*

* * *

Khi nói đến tiểu thuyết là nói đến tính cách nhân vật của tiểu thuyết ấy. Cái muôn hình nghìn vẻ của tiểu thuyết cũng tuỳ thuộc vào mức độ đa dạng, phong phú của những tính cách nhân vật mà tác giả miêu tả, qua tính cách nhân vật mà tác giả nói lên cuộc sống hiểu biết có suy nghĩ của mình và ngược lại, khi nhà văn có một vốn sống sâu sắc và rộng rãi nhờ sự xông xáo, hoạt động của mình thì thường xây dựng được những tính cách nhân vật kỳ thú và hấp dẫn. Nói như thế không phải là không có trường hợp nhà văn hiểu biết rất nhiều cuộc sống, nhưng tính cách nhân vật của nhà văn ấy thường là phảng lặng, bình thản như dòng sông có một lưu lượng nước khá cao, nhưng vẫn chảy xuôi dòng êm đềm, không nhất thiết phải có nhiều sóng gió. Việc này còn tuỳ thuộc vào nhiều mặt : ý đồ, phong cách và cái "tạng" của tác giả, tính chất của cuốn tiểu thuyết,...

Phải chăng tác giả của hai tập *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao* thuộc vào loại nhà tiểu thuyết sau ? Nếu quả như vậy thì ta đừng lấy làm lạ, sao tính cách nhân vật của Nguyễn Đình Thi thường là tròn trịa, ít khi có góc cạnh, gồ ghề. Một chính ủy Xuân không phải không gặp những trường hợp có thể làm cho người khác thấy trước mặt mình đầy rẫy những khó khăn cần phải cố gắng lắm mới giải quyết nổi, nhất là khi tự mình đã thấy rõ "cái sơ suất, cái dốt của người cán bộ bây giờ

không những tai hại cho mình mà còn làm chết người !", đã thấy rõ những con người của thế hệ đàn em có cách suy nghĩ mờ mè, có những vấn đề họ nêu ra không phải là những người cũ như anh đã có thể hiểu ngay được ; hay trong trường hợp của Liên, đưa con gái độc nhất của Xuân quyết định bỏ học đi thanh niên xung phong một cách đột ngột. Lương trong *Mặt trận trên cao* cũng vậy, có nhiều trường hợp mà như ở một người khác cũng phải băn khoăn suy nghĩ. Nhưng ở Lương thì lại bằng phẳng, êm lặng. Trong đời sống (hành động, tư tưởng và tình cảm) có thể nào xuôi chiều một cách kỳ lạ trong những lập thể gồm nhiều thế hệ khác nhau, nhiều địa phương khác nhau, cách suy nghĩ, cách sinh hoạt tinh thần khác nhau. Họ có thể đoàn kết nhất trí với nhau trên một đường lối chủ trương đánh địch, trên quyết tâm thắng địch, nhưng trên tác phong sinh hoạt thì sao ? Ở đây không phải đòi hỏi tác giả bịa ra những gì không có thật để làm cho câu chuyện thêm rắc rối, nhân vật thêm ly kỳ. Việc chọn lọc những khía cạnh tiêu biểu của đời sống để khắc họa thế nào cho tính cách của nhân vật được sâu sắc, rõ nét, khiến cho nhân vật có được một chân dung bền ngoài cũng như bên trong đậm đà, nói lên được cái bản chất thật và cái đa dạng của con người là rất cần thiết. Đối với tính cách nhân vật cá trong hai cuốn truyện, tác giả mới làm cái việc phác họa những nét lớn cho nên người đọc chưa thoả mãn. Không những chưa thoả mãn mà còn đòi hỏi người viết, dù chỉ là những nét chấm phá di nữa, cũng phải làm sao cho họ, với tất cả khả năng của mình, có thể hình dung ra con người của nhân vật. Đó là chưa nói đến cách tác giả kể cho người đọc biết là có nhiều người khác nữa ở trong truyện với một vài hành động dũng cảm của họ, một vài đức tính tốt đẹp của họ, còn hình hài, tính nết của họ ra sao thì người viết để cho người đọc "tự do" tưởng tượng theo ý muốn của mỗi người. Phải chăng đây cũng là một lối viết theo phong cách của tác giả ? Ta chưa nên đặt vấn đề gì ở đây cả, mà còn phải theo dõi thêm rồi mới rút ra một kết luận khoa học được.

Có một điều có thể nói được là trong *Vào lửa* cũng như trong *Mặt trận trên cao*, người đọc hình như gặp lại những con người đã gặp, tuy ở đây hay ở kia, họ có tên tuổi khác, công việc khác, hành động khác, tính tình khác. Nếu trong *Vào lửa*, ta gặp Xuân, Liên, Lịch thì trong *Mặt trận trên cao* tưởng chừng như ta gặp lại những con người

dó với Lương, Đào, Tuyến. Là vì dáng dấp về tinh thần (ở đây tôi muốn nói về tính cách nhân vật) của Xuân, chính uỷ cao xạ pháo không khác bao nhiêu với Lương, biên đội trưởng không quân. Và nếu Liên với những ý nghĩ mới mẻ của cô về tình yêu, về tiến bộ bản thân,... thì Đào bằng hành động cũng nói lên ý nghĩ ấy. Lịch dẽ thương, tích cực và tận tình với bộ đội thì trong Tuyến cũng biểu hiện những đức tính ấy đối với bạn và anh bạn. Trừ một số nét linh hoạt tươi vui thoảng qua của số nhân vật trẻ và phụ, tính cách của các nhân vật chính sao có nhiều lúc trầm lặng, dám mình trong suy nghĩ, quan sát cuộc đời nhiều hơn. Nếu ta thấy ở chính uỷ Xuân trong *Vào lửa* là con người của cuộc kháng chiến trước thì ở Lương, người biên đội trưởng của binh chủng không quân hiện đại, tác giả khắc họa có phần sơ sài quá, khác hẳn với nhân vật chính trong *Xung kích*. Chính trị viên đại đội Sản, anh thương binh sôi nổi, sục sạo, gan lỳ ấy đem lại cho người đọc những màu sắc tươi rói của cuộc sống, tận tâm, tận tình của một giai đoạn chiến đấu gian khổ, thiếu thốn. Tuy đọc *Xung kích* đã lâu rồi, nhưng hình ảnh của Sản cởi quần lội qua suối giữa mùa đông rét mướt trong lúc hành quân xuống đồng bằng lần đầu tiên vẫn là hình ảnh hấp dẫn làm cho người ta không rời được cuốn truyện vì chỉ để theo dõi hành động và tâm tư của anh.

Phải nói Nguyễn Đình Thi miêu tả những trận đánh trên không hấp dẫn. Nhưng ngay trong lúc như vậy, tác giả cũng không làm bớt thêm được những khía cạnh thuộc về tính đa dạng và tính bản chất của tính cách nhân vật.

Tại sao có tình hình này ? Phải chăng, vì nhiệt tình của tác giả, muốn có ngay một cái gì để phục vụ, nên có phần nào vội vàng trong việc cho ra tác phẩm ? Và điều trên cũng nói lên một điều quan trọng trong nghề là vốn tích luỹ cũ dù giàu có đến đâu, ngòi bút của mình đâu có tài hoa đến đâu cũng khó thay thế được hiện thực mới. Tôi nghĩ nhà văn phải biểu hiện cho được ba thứ hiện thực : hiện thực của quá khứ, hiện thực của thực tại và hiện thực của tương lai trong tác phẩm của mình thì tác phẩm ấy mới sinh động, có bê sâu và mới miêu tả được sự vật trong quá trình diễn biến biến chứng của nó. Thiếu hiện thực của quá khứ, tác phẩm sẽ không sâu ; thiếu hiện thực của hiện tại,

nó sẽ thiếu sinh động và chất tươi của cuộc sống ; thiếu hiện thực của tương lai, tác phẩm sẽ không nói lên được cái lý tưởng tiên tiến của con người thời đại.

Dù sao, cái đáng quý, đáng trọng của nhà văn là họ đã đóng góp được kịp thời với thời đại của họ đang sống. Nói như thế cũng không có nghĩa là tất cả những tác phẩm họ viết ra để phục vụ cho thời đại của họ đều có một trình độ hiện thực và nghệ thuật cao và càng không phải bất cứ tác phẩm kịp thời nào cũng có tính nghệ thuật cao. Vì mọi tác phẩm nghệ thuật, và nói riêng về tiểu thuyết, đều phải có một quá trình hiểu biết thâm nhập thực tế, rèn luyện tư tưởng và ngòi bút công phu... ; không thể nào dễ dãi với mình và với người đọc được.

*
* * *

Tôi rất thích tính bạo liệt của Nguyễn Đình Thi về việc thể nghiệm những cái mới trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, như ở hai tập tiểu thuyết *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao* đều chỉ thể hiện một mâu thuẫn đối kháng giữa ta và địch. Nhưng dù tài hoa đến đâu cũng cần coi chừng sự tách rời với những quy luật phổ biến của cuộc sống. Sự tách rời ấy đã làm cho tác phẩm của mình không những nghèo nàn, thiếu cái không khí hùng hực, cái chất tươi của cuộc sống mà còn làm cho người đọc thấy hình như tác giả muốn lý tưởng hóa cuộc sống. Trong việc viết văn, theo tôi, nghiêm về một mặt nào trong hai mặt trên đều có phương hại đến tính hiện thực và tính nghệ thuật. Cho nên, tôi nghĩ rằng nếu anh Nguyễn Đình Thi chịu khó đi sâu sát và nghiên cứu kỹ lưỡng hơn nữa cuộc sống và con người của thời đại chúng ta ngày nay, anh sẽ viết được những tác phẩm sâu sắc hơn, sinh động hơn, đổi dào chất sống hơn và cũng không hề sút kém về tính kịp thời.

12 - 1967

Báo Văn nghệ, số ra ngày 15 - 1 - 1968

VŨNG BỜ (Quyển I) CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

VŨ NGỌC PHAN

Nhiều nhà phê bình đã viết về *Võng bờ* của Nguyễn Đình Thi, đã nhận xét về nội dung tư tưởng và về giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Trong những bài ấy, có những ý kiến xác đáng và cũng có những ý kiến chưa được thoả đáng. Viết bài này, chủ ý tôi chỉ là phát biểu một vài ý kiến nhỏ về thể loại nhân đọc *Võng bờ*, về khung cảnh của truyện và nhất là về việc xây dựng những nhân vật chính trong tác phẩm.

Lẽ tự nhiên, đã nói đến nhân vật chính thì không thể nào không nói đến những sự việc xảy ra xung quanh họ trong đó có sự dính dấp đến những nhân vật phụ, nhưng tôi cũng cố gắng chỉ nói đến một số nhân vật sẽ có thể là nhân vật chính. Sở dĩ có chuyện như vậy là vì cuốn tiểu thuyết chúng ta nói đây chỉ mới là quyển I. Nếu đã ra toàn bộ thì không còn làm gì có chuyện tìm hiểu nhân vật nào là nhân vật chính nữa.

Đọc *Võng bờ* (quyển I) của Nguyễn Đình Thi, điều mà ai cũng nhận thấy trước nhất là quyển tiểu thuyết phản ánh một hiện thực khá rộng lớn của xã hội Việt Nam cách đây trên hai mươi năm. Đó là thời chiến tranh thế giới bùng nổ, Pháp thua trận, Nhật đến chiếm đóng Đông Dương, nhân dân ta phải ở dưới hai ách thống trị, và trong lúc đó thì cuộc cách mạng do Đảng ta lãnh đạo âm ỉ trong quần chúng mới bắt đầu lóe sáng. Đây là những sự kiện lớn xảy ra trong nước và ngoài nước, có những nguyên nhân sâu xa từ trước, xảy ra đồn dập trong một thời gian chưa đầy sáu năm (từ cuối năm 1939 đến tháng 8 năm 1945) nhưng nó đã tác động đến đủ các tầng lớp trong xã hội Việt Nam thời đó. Cái kịch tính của *Võng bờ* là ở chỗ ấy mà Nguyễn Đình Thi đã nắm được khá chắc.

Quyển I này, theo ý kiến tôi, chỉ mới là màn đầu. Do tính chất phức tạp và sôi nổi của cuộc sống trong thời gian đó, nên ở quyển I, chúng ta đã thấy chừng năm mươi nhân vật hoạt động trên những địa điểm rải rác ở ba tỉnh thành lớn : Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương. Những năm 1939 - 1941, ở quyển I đã là những năm ngọn lửa cách mạng trước kia âm ỷ bấy giờ bắt đầu bùng lên, thì tất nhiên ở những quyển sau, tác giả sẽ cho chúng ta thấy những việc xảy ra từ 1942 đến 1945, năm Tổng khởi nghĩa, trong đó hiện thực chủ yếu mà *Võ bờ phản ánh* không thể nào khác là phong trào cách mạng đã đến lúc phát triển mạnh, nó là "những đốm lửa bền bỉ" được "giữ gìn, nhen nhúm", trở thành "ngọn lửa nóng bỏng" (trang 151).

Đã phản ánh một hiện thực chủ yếu của một thời là phong trào cách mạng, thì tác phẩm đó nhất thiết phải để lại trong trí nhớ người đọc toàn những hành động tàn bạo, dã man của bọn xâm lược và những cuộc đấu tranh của quân chúng chống đế quốc, chống phong kiến như có người phê bình đã yêu cầu không ? Cũng có thể như thế được, nhưng tác phẩm sẽ không còn là tiểu thuyết nữa, mà nó sẽ là một quyển lịch sử ký sự, trong đó những nhân vật chính phải là những nhân vật lịch sử được tô vẽ ít nhiều. Chúng ta đều đã làm quen với những tác phẩm của mấy nhà tiểu thuyết lớn, vào bậc thầy về tiểu thuyết trên thế giới, hoặc qua những bản dịch, hoặc qua màn ảnh. Tiểu thuyết *Sông Đông êm đềm* của Sôlôkhôp phản ánh sâu sắc cuộc Cách mạng tháng Mười Nga, nhưng đọc xong bộ tiểu thuyết, người ta vẫn chỉ nhớ đến tâm trạng và hành động của Gorigori trước sự phát triển của Cách mạng và nhất là nhớ đến mối tình của Gorigori với Ácxinhia và Natalia. *Những người cùng khổ* của Vichto Huygô cũng phản ánh một phần nào cuộc nổi dậy của nhân dân Pari năm 1832 chống chính quyền phản động thời đó, nhưng đọc xong quyển tiểu thuyết, người ta cũng chỉ chú ý đến cuộc đời chìm nổi của Giăng Vangiêng, đến những tình cảm sâu sắc của Giăng Vangiêng đối với Côdét, đến mối tình thắm thiết giữa Côdét và Mariuyt, và đến cả cuộc đời của Gavorrot và gia đình chú bé này. *Con đường đau khổ* của Aléchxay Tônxtôi cũng phản ánh cuộc Cách mạng tháng Mười Nga, sự phân hoá của giai cấp tư sản trước phong trào cách mạng và chủ yếu là sự biến chuyển trong tâm tình, ý nghĩ và hành động của những người trí thức tư sản Nga trước sự

phát triển của Cách mạng. Nhưng cái điều mà người ta nhớ hơn cả sau khi đọc (hay xem phim) *Con đường đau khổ*, vẫn là những mối tình thắm thiết giữa Đasa và Têlêghin, giữa Kachia và Rôtsin và những bước gian nan, những nồng nỗi bứt rứt, bối rối của họ trong đấu tranh bản thân trước khi họ bước được vào ngưỡng cửa của Cách mạng.

Đọc *Võ bờ* của Nguyễn Đình Thi, người ta cũng rất chú ý đến mối tình trong trắng và thắm thiết của Khắc và An, mối tình kín đáo và thơ ngây của Mầm và Xoan, mối tình sôi nổi của Cói và Quế, và hình ảnh Quyên, một cô gái dịu hiền, nhưng lại có một tâm tình nồng nhiệt, mơ ước có được một người chồng cũng hoạt động cách mạng giống như anh mình. Nhưng không phải Nguyễn Đình Thi chỉ cho ta thấy đơn thuần những mối tình lành mạnh của những con người ấy. Tác giả đã biểu hiện những tình cảm cách mạng thắm thiết qua ngôn ngữ và hành động của họ, tác giả đã xây dựng họ thành những con người đáng quý của xã hội Việt Nam vào một thời đại rất phức tạp, họ chinh phục được sự mến yêu của người đọc, gây một truyền cảm mạnh mẽ cho người đọc. Những nhân vật ấy, người thì đã hoạt động lâu năm, người thì mới hoạt động, người thì đang tìm đường đến với Đảng, người thì đang vươn lên trong cuộc sống, hết thảy đều tích cực, muốn sống cho ra sống, cho ra con người thật sự. *Võ bờ* đã để lại trong tâm trí người đọc một tình cảm nồng nhiệt đối với cách mạng. Đó là một tác dụng rất lớn do ở lập trường hiện thực xã hội chủ nghĩa vững vàng của nhà viết tiểu thuyết. Về mặt thể loại, *Võ bờ* không những rất xứng với cái tên tiểu thuyết, mà còn là một tiểu thuyết có giá trị.

Các nhân vật mà Nguyễn Đình Thi đưa ra trong *Võ bờ*, hoặc rõ nét hay mờ nhạt, thuộc dù các tầng lớp, các giai cấp trong xã hội Việt Nam vào những năm trước Cách mạng. Chúng ta thấy những chiến sĩ công sản, những người công nhân, nông dân, những người trí thức tiêu tư sản (giáo viên, họa sĩ, nhạc sĩ), những tên địa chủ, tư sản, những tên thực dân. Nhất là phụ nữ, thì ngoài Xoan, Quế, Quyên, An, tác giả đã cho chúng ta thấy một cô gái con nhà tư sản có những tính tình đặc biệt như Phượng; rồi cả bọn con cái nhà Nghị Khanh, lại những bọn như Mỹ Lan, như vợ Nghị Khanh, như mụ Phán, mụ Tuần, v.v. với tất cả những cái bì ổi, những cái rởm đời của chúng. Những nhân vật ấy

rất là thật, rất là sống. Tất cả những nhân vật ấy đều có mặt ở xã hội nước ta vào thời Cách mạng và đó cũng là cái xã hội trong *Võ bờ*, cái khung cảnh trong đó các nhân vật chính sẽ hoạt động.

Cho đến nay, chưa có quyển tiểu thuyết nào mang đúng tên là tiểu thuyết - kể viết về một thời đại cách mạng, là phản ánh được đầy đủ mọi mặt của phong trào cách mạng. Nếu chỉ cần phản ánh một mặt nào đó của cách mạng thì, theo ý kiến tôi, nhà tiểu thuyết rất có thể chỉ miêu tả rõ nét một số nhân vật cần thiết cho chủ đề tập truyện của mình, còn các nhân vật khác có thể chỉ là những hình ảnh mờ nhạt. Chúng ta cũng biết trong *Sông Đông êm đềm*, Sôlôkhốp chỉ miêu tả rõ nét riêng những người nông dân Cờđắc mặc áo lính ; trong *Con đường đau khổ* Aléchxay Tònxtôi chỉ miêu tả rõ nét nhất một số người trí thức tư sản.

Có ý kiến cho là trong *Võ bờ* của Nguyễn Đình Thi, những nhân vật công nhân miêu tả không được rõ nét, hình ảnh những nhân vật ấy như một cái bóng. Còn có ý kiến cho là tác giả *Võ bờ* cần nói đến cả bọn tư sản "cá mập" Pháp, bọn toàn quyền, thống sứ, thương thư Nam triều, tổng đốc, tuần phủ, v.v. Tôi thiết nghĩ ở một tiểu thuyết, không cần có đủ mặt các hạng người như thế. Truyện cười của ta thường rất ngắn, chỉ một vài lời, một vài hành động của một tên tri huyện hay một tên cường hào được trình bày rất nghệ thuật là người đọc thấy cả một hệ thống bóc lột của giai cấp phong kiến thống trị, một bộ máy đàn áp từ vua quan cho đến tên hào lý thấp nhất. Cái dở nhất của một tiểu thuyết là kể ra hết, không sót một cái gì, cũng như tấm ảnh xấu nhất là tấm ảnh chụp đủ cả mười ngón tay, mươi ngón chân của một người. Nguyễn Đình Thi đã đưa vào *Võ bờ* rất có chừng mực một số nhân vật thuộc mấy tầng lớp trong xã hội cũ trước Cách mạng để đủ xây dựng một khung cảnh với màu sắc xưa cho những nhân vật chính hoạt động.

Vậy căn cứ vào những vai trò của các nhân vật ở tập I với sự phát triển của cách mạng, chúng ta thử xem những nhân vật nào có thể là nhân vật chính trong *Võ bờ*. Việc xây dựng các nhân vật chính là việc quan trọng nhất của nhà viết tiểu thuyết. Tác phẩm của Nguyễn Du bất hủ là vì Nguyễn Du đã sáng tạo được nàng Kiều, được mụ Tú Bà,

được mụ Hoạn Thư và nhiều nhân vật điển hình khác. Mặc dù giá cao những tác phẩm của Bandarc, vì Bandarc đã xây dựng được những nhân vật rất điển hình của giai cấp tư sản Pháp vào thế kỷ XIX, như lão Gôriô, lão Gorângđé.

Ở quyển I của *Võ bờ*, Khắc có một vai trò nổi bật, do đó được miêu tả kỹ nhất, nhưng Khắc có phải nhân vật chính không? Theo tôi, Khắc không phải nhân vật chính. Nếu coi là nhân vật chính trong một tiểu thuyết thì ít nhất nhân vật ấy cũng phải có mặt đến gần hết truyện. Nguyễn Đình Thi đã để Khắc chết khi anh viết mới được 3 phần 5 quyển I này (trang 385). Đọc *Võ bờ*, có người lấy làm tiếc rằng Khắc đã được tác giả xây dựng công phu như vậy mà lại vắng mặt quá sớm. Nhưng theo ý kiến tôi đó là một dụng ý của tác giả. Nguyễn Đình Thi đã xây dựng Khắc là một chiến sĩ cộng sản ưu tú, Khắc có nhiều ưu điểm của một cán bộ lãnh đạo, nhưng Khắc cũng có một số khuyết điểm và nhược điểm, nên anh mới sớm hy sinh. Vào thời đó, Khắc tiêu biểu cho ngọn lửa cách mạng tắt rồi lại bùng lên, bùng lên rồi lại tắt, rồi những ngọn lửa khác nhờ hơi nóng ban đầu sẽ bùng lên liên tiếp cho thành ngọn lửa được lớn. Tinh thần quật khởi, kiên trì, gan dạ, anh dũng của dân tộc, của giai cấp đã đúc kết ở con người ấy. Con người ấy, tuy đã chiến đấu rất nhiều, nhưng vốn là con nhà nho, nên vẫn còn những nếp cảm nghĩ, những hành động luộm thuộm không khoa học cho lắm. Con người ấy rất cứng rắn trước bọn địch, nhưng lại có những phút yếu ớt trước người phụ nữ dịu hiền. Nhân vật Khắc là một nhân vật được xây dựng rất vững.

Khắc đã chết ở quá nửa quyển đầu, thì những nhân vật nào sẽ là những nhân vật hoạt động từ đầu đến cuối và có những vai trò quyết định trong bộ tiểu thuyết *Võ bờ*? Khắc đã đóng một vai trò rất tiêu biểu ở quyển I, căn cứ vào ảnh hưởng của Khắc đến những nhân vật xung quanh, căn cứ vào sự phát triển về mặt tư tưởng và tình cảm của những nhân vật đã chịu ảnh hưởng của Khắc, của ngọn lửa cách mạng âm ỷ, theo tôi nghĩ, những nhân vật chính của bộ tiểu thuyết *Võ bờ* rất có thể là Quyên, là An, là Gái, là Mâm, là Mộc.

Quyên là một cô gái rất tốt, được sống với Khắc khá lâu, chịu ảnh hưởng anh sâu sắc, nên khi nghĩ về tình duyên thì cô cũng mơ ước một

người chồng có đạo đức và tinh thần cách mạng như anh mình. Người mà Quyên mơ ước có thể là anh cán bộ thanh niên có "đôi lông mày thanh thanh, đôi mắt to và sáng" (trang 263) và có cái tên là Cảnh.

Còn An, An là một phụ nữ được tác giả xây dựng khá công phu. Tôi không nhắc lại đây những tính tình rất tốt của An qua những ngôn ngữ và hành động của chị trong những khi gặp Khắc, được gần Khắc, rất thông cảm với Khắc ; rồi thái độ của An những lúc Khắc xa vắng, Khắc bị giam và khi có con với Khắc (lúc này khi Khắc đã không còn nữa). An rất yêu Khắc và yêu cách mạng ; Khắc chết đi, tình yêu thắm thiết của An đối với người chồng đã hy sinh cho Đảng sẽ biến thành lòng căm thù đế quốc và An sẽ là một trong số những nhân vật tích cực trong bộ tiểu thuyết.

Gái, người nữ giao thông của Đảng ở Hải Phòng được tác giả xây dựng khác hẳn Quyên và An. Quyên và An tuy đã có cảm tình với cách mạng, nhưng cảm tình ấy còn mang nặng tính chất gia đình. Ở quyển I này, Quyên yêu anh do đó mà yêu cách mạng, cũng như An yêu chồng do đó mà yêu cách mạng ; còn Gái thì đã tham gia đấu tranh, đã lăn lộn trong quần chúng. Chúng ta hãy đọc những dòng sau này về Gái trong *Võ bờ* : "Khắc hết sức chú ý huấn luyện Lập và nhất là chị Gái. Chị can đảm, thông minh, và nhất là chị quen thuộc nhiều... Cứ những tối chị đi giao thông về cơ quan, thì anh lại giảng chính trị cho chị. Họ ra vườn tối, có khi ra một cái gò giữa đồng. Khắc ngồi trong tối, nói lầm rầm cho chị nghe. Anh nói về chủ nghĩa cộng sản, về Mác, Lênin, về chủ nghĩa duy vật, thặng dư giá trị, về những nguyên tắc tư tưởng và tổ chức của Đảng... Qua mấy tháng, Khắc định tìm một người giao thông thay chị Gái và giao cho chị nắm hẳn mấy huyện ngoại thành, rồi sẽ đưa chị vào thành ủy" (trang 282). Chúng ta thấy chị "học trò" của Khắc tiến rất nhanh. "Những điều chị nói gợi lên cho Khắc nhiều ý khác, loé ra như những tia lửa, tuy chưa thật sáng tỏ, nhưng cũng làm rung động nhiều cách nghĩ của anh từ trước đến nay" (trang 285). Đến khi Gái bị bắt và bị giam cùng một nơi với Khắc, nhờ có tổ chức trong nhà ngục, Khắc đã báo được ngay cho Gái biết vì sao chị bị bắt và bày cho chị nên khai thế nào. Gái chịu đòn rất gan, trận này qua trận khác, chị nói một câu : "Tôi không biết tên Lê nào" (trang 380). Gái đã như vậy ở quyển I thì không lẽ nào Gái không đóng một vai quan trọng ở những quyển sau.

Mầm, người yêu của Xoan, tôi thấy cũng sẽ là một trong số những nhân vật chính. Nguyễn Đình Thi đã viết nhiều đoạn như sau về Mầm : "Mầm đi khỏi, Khắc nằm trên ván lạnh lòng rạo rực không ngủ được. Anh nghĩ về Mầm. Khắc tin Mầm rất tốt. Thế là sắp được thêm một người cộng sản nữa, một người đồng chí mới trong đạo quân thâm lặng và không thể tiêu diệt, nó vẫn ngày ngày lớn lên thêm, ngay cả trong nhà tù" (trang 362).

Rồi ở một đoạn khác, khi Khắc bị dẫn đi Hà Nội : "... Khắc bỗng ngoài cổ lại tìm Mầm ! Không kịp giáng nốt bài về Đảng, Mầm đứng thập thò bên cái xà lim ngỏ cửa, thấy Khắc quay lại, bèn vẫy tay theo. Thôi, Mầm ở lại, chắc rồi cũng tìm đến Đảng được !..." (trang 364). Mầm là một nông dân rất tốt. Qua những ngày làm phu ở Cát Bi, Mầm đã thấy được bộ mặt của đế quốc và bọn tay sai của chúng. Mầm đã chui vào mặt bọn áp bức bóc lột. Những ngày trong nhà giam và nhất là những ngày anh được gần Khắc, đã làm cho anh tiến bộ rất nhiều. Sau khi nghe những "bài giảng" của Khắc, Mầm đã hỏi Khắc : "Tôi muốn có ngày được thành người cộng sản như các anh, có được không ?". Qua những đoạn trên này, chắc chắn Mầm sẽ là một người chiến đấu tích cực dưới lá cờ của Đảng. Ở quyển I, Mầm đang được chuẩn bị để bước vào hoạt động.

Còn Mộc, một anh phu khuân vác ngoài Sáu Kho, đã hoạt động cách mạng như Gái. Khắc đã chứng kiến một hành động rất gan dạ của Mộc : Mộc đã leo lên cái cột cờ cao nhất của Cảng để treo lá cờ thật to nhân dịp lễ kỷ niệm ngày giỗ Lênin, Lipnêch và Luxembua. Đến khi Mộc bị bắt và bị bọn mật thám Tây tra tấn cùng với Khắc thì Khắc là một người rất giàu kinh nghiệm đã nhận định về Mộc như sau : "... Mộc gan và thông minh lắm" (trang 351). Rồi trong nhà giam, khi hai người gặp nhau : "Mộc đi theo lão gác về xà lim. Khắc nhìn theo, bỗng thấy Mộc chắp hai tay ra sau lưng, hai bàn tay nắm chặt lấy nhau. Rồi Mộc lại nắm tay trái thành quả đâm, như gửi cho Khắc cái chào tranh đấu. "Khá lắm !". Khắc thốt lên thầm. Anh yên tâm hẳn. Mộc vẫn giữ vững tinh thần và không khai gì" (trang 360).

Những dòng trên đây trong *Vở bờ* (quyển I) có thể coi là những dòng giới thiệu vắn tắt về một số nhân vật sẽ đóng vai trò tích cực trong những quyển sau. Chúng ta thấy Gái, Mộc, Mầm đã được vũ trang ít nhiều để chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu mới, khó khăn gian khổ hơn ; ba nhân vật này đã qua những thử thách bước đầu.

Còn Quyên và An tuy là những con người tốt thật, họ đã có cảm tình thật sự với Cách mạng, nhưng còn là qua người anh, người chồng mà có được cảm tình ấy. Có thể nói là Quyên và An còn đứng trong ngưỡng cửa gia đình mà yêu Cách mạng. Còn Xoan là một nhân vật rất có cá tính, được tác giả xây dựng công phu, nhưng bước đường đi đến trưởng thành của Xoan còn khá dài ; Xoan còn ngày thơ quá.

Chúng ta đều đã biết *Võ bờ* phản ánh một hiện thực khá rộng lớn của xã hội Việt Nam vào lúc rối ren nhất, nếu theo những lối xây dựng nhân vật, dàn xếp sự việc, mở rộng khung cảnh như ở quyển I này, thì những nhân vật tôi vừa kể trên còn phải đi một quãng đường khá dài nữa, mới được vũ trang về nhiều mặt, để có thể hoạt động tích cực vào những năm trước ngày tổng khởi nghĩa. Nếu dành cho họ thời gian quá ít, tôi e rằng sẽ không tránh được những gượng ép. Quãng đường khá dài ấy, tôi tạm đo bằng trang tiểu thuyết : theo ý kiến tôi, phải ít ra gấp đôi số trang quyển I tác giả mới đủ chỗ để miêu tả những sự phát triển về mặt tư tưởng và tình cảm của các nhân vật và mới kết thúc được bộ tiểu thuyết một cách thoái mái. Dự đoán như vậy không khỏi chủ quan đối với một tác phẩm văn học, nhưng căn cứ vào màn đấu diễn ra trên 544 trang giấy (đây là số trang của quyển I) dự tính gấp đôi số này cho mấy năm sau, cũng không có gì là quá đáng.

Mới đọc quyển đầu, không ai đánh giá được toàn bộ tiểu thuyết ; nhưng chưa biết những quyển sau ra sao mà đã đánh giá quá cao quyển đầu, thì cũng không khác gì mới chỉ nhìn thấy có bàn tay bàn chân một người phụ nữ mà đã vội khen người ấy là tuyệt sắc.

Đối với *Võ bờ* (quyển I), tôi nhận thấy về nội dung, quyển tiểu thuyết chưa chan tình cảm cách mạng ; về hình thức thì ngôn ngữ trong sáng, người và việc được tác giả miêu tả có chừng mực, cẩn thận. Nguyễn Đình Thi đã đứng vững trong thể loại tiểu thuyết về mặt xây dựng nhân vật và khung cảnh hoạt động của các nhân vật *Võ bờ* (quyển I) là một tiểu thuyết hấp dẫn nhất là từ đoạn Khắc xuống Hải Phòng. Tôi rất tin và mong rằng ở những quyển sau, tác giả sẽ chấp thêm cánh cho nhân vật, thêm tính độc đáo cho sự việc, để gây một truyền cảm mạnh mẽ hơn nữa cho người đọc.

Tháng 7 - 1962

VỠ BỜ, MỘT THÀNH CÔNG MỚI CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

HÀ MINH ĐỨC

Người đọc dễ có cảm tình với *Vỡ bờ* ở nội dung nhuần nhị của tác phẩm, ở những kiểu người mang đến những nét riêng gợi cảm, và ở cuộc đời rộng lớn được nhìn qua lý tưởng thẩm mỹ nhân đạo và bay bổng của tác giả.

Quyển I của *Vỡ bờ* mở ra một hiện thực theo hai chiều rộng và sâu nhưng chưa toàn vẹn, có những cảnh ngộ còn ngâm ngùi dang dở, có những nhân vật còn tiếp tục trên chặng đường đi của mình, nhưng cũng có những cuộc đời đã khép lại và mất đi. Thế giới nhân vật trong *Vỡ bờ* đang bị lịch sử xô đẩy trên một chặng đường gay gắt nhất và nhiều thử thách nhất của thời kỳ 1939 - 1945.

Nội dung hiện thực của *Vỡ bờ* được giới thiệu trên một quy mô rộng rãi. Cuộc đời ở đây giăng cánh trên nhiều nẻo đường khác nhau từ nông thôn đến thành thị, từ những cuộc sống quyền quý sang trọng ăn nằm trên nhung lụa đến những cảnh ngộ tối tăm cực nhọc nơi ngoại ô, thôn dã bùn lầy nước đọng.

Người đọc bắt gặp trong tác phẩm đủ các hạng người khác nhau : từ bọn Pháp thực dân, phát xít Nhật, bọn quan lại, địa chủ, tư sản đến các tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ, công chức, thầy giáo, học sinh, họa sĩ, nhạc sĩ, chiến sĩ cách mạng, công nhân, nông dân, người làm thuê, người thất nghiệp, v.v. Những con người đó ghép lại bên nhau với nhiều quan hệ phức tạp. Có những con người sống với lý tưởng cao cả, có những con người sống an phận thủ thường, lại có những người ham sống, sợ chết hèn hạ tồi tệ. Có những quan hệ yêu thương trân trọng nhau của tình đồng bào đồng chí, có những quan hệ bóc lột, giằng xé, chà đạp, vùi dập nhau. Có những mối tình trong sáng thiết tha, tin yêu chung thuỷ, lại có những mối tình gò ép, vụng trộm đổ vỡ trên tiền tài danh vị và lòng đố kỵ, thù ghét nhau.

Nguyễn Đình Thi đã cho nhân vật của mình hoạt động dàn đi dàn lại trên môi trường rộng lớn của ba địa điểm Hải Phòng, Hải Dương và Hà Nội.

So với các truyện dài gần đây thì cuộc sống trong *Võ bờ* được mở rộng hơn cá. Đó là một thuận lợi, nhưng cũng là một khó khăn không nhỏ cho người viết. Nguyễn Đình Thi muốn dựng lại cả giai đoạn lịch sử của thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai trên khuôn mặt toàn vẹn của xã hội với dù các kiểu người khác nhau. Tác giả *Võ bờ* muốn phát hiện và nêu lên cái bè trong sâu sắc và quy luật vận động của cả thời đại đang bị cuốn hút theo cơn bão táp của xã hội, để đi đến một cuộc đổi mới, một cuộc cách mạng vĩ đại và triệt để nhất.

Như thể nghĩa là qua khâu trung tâm của tác phẩm, phải thể hiện được phong trào đấu tranh cách mạng âm ỉ, phát triển và bùng cháy trong lòng cuộc sống và thái độ của mọi tầng lớp trong cuộc đấu tranh đó.

Việc thể hiện yêu cầu nội dung tư tưởng trên đòi hỏi ở tác giả một năng lực nhận thức và khái quát lớn; môi trường hoạt động của tác phẩm tuy có rộng lớn, khởi lượng nhân vật tuy có đông đảo và có mặt ở khắp nơi trên cuộc đời, nhưng trong *Võ bờ*, họ đã về họp mặt một cách tự nhiên, trong những mối liên hệ khá chân thực.

Nguyễn Đình Thi đã vận dụng hai địa bàn chủ yếu để cho nhân vật hoạt động trên những chiều hướng tác động qua lại với nhau: thành phố và nông thôn.

Thể hiện bộ mặt xã hội và tương quan giai cấp thời kỳ đó thông qua những kiểu người cụ thể, Nguyễn Đình Thi đã khắc họa và phản ánh được nhiều mặt phong phú khác nhau của đời sống, của nhiều tầng lớp khác nhau ở nông thôn và thành thị. *Võ bờ* là một bức tranh về đời sống được xây dựng công phu, hợp lý và có giá trị chân thực.

Tuy nhiên do chỗ hiện thực của tác phẩm được mở ra quá rộng lớn, nên theo tôi trong *Võ bờ* có những phần còn non yếu về vốn sống.

Nhược điểm về vốn sống thể hiện ở nhiều cảnh sống được giới thiệu chung chung mà người đọc nghĩ rằng mình đã cảm, đã nghe đây đó trong cuộc đời. Những khung cảnh đó thiếu phần gợi cảm sâu sắc

và mới lạ, thiếu sự đóng góp và phát hiện riêng của tác giả. Cuộc sống ở vùng nông thôn ven bờ sông Lương chưa được miêu tả làm bật lên cái vẻ chung và khí sắc riêng của vùng này. Nói đến những cảnh đời nghèo khổ, đói ăn thiếu mặc của người nông dân nghèo ở làng Chảm, làng Gành, nói đến những thủ đoạn gian ác bóc lột, những lề thói xa hoa truy lạc của bọn địa chủ, Nguyễn Đình Thi còn thiếu cái sắc và khoẻ. Nguyễn Đình Thi nói đúng, nói đủ, nhưng vẫn thiếu ngọn lửa bên trong sự kiện, thiếu cái nhìn riêng của tác giả.

Đôi lúc có những tình tiết trở nên mờ nhạt, hoặc do tác giả đi xa câu chuyện, hoặc do cái nhìn thiên về bên ngoài sự việc, như cảnh làng Chảm, làng Gành bước vào vụ gặt, cảnh bọn con cái địa chủ sinh hoạt chơi bời theo cái "mốt" riêng của chúng.

Do những hạn chế trên, nên mức độ hiện thực của *Võ bờ* được phân bố không đồng đều. Tôi cho rằng những chương viết về thành phố thường có khi sắc và nhuần nhuyễn hơn những chương viết về nông thôn, những chương viết về quan hệ tình cảm thường chắc tay và truyền cảm hơn những chương viết về những cảnh đời sinh hoạt lam lũ, khổ cực.

Qua *Võ bờ*, tôi thấy tác giả vận dụng nhiều vốn sống gián tiếp, mà còn thiếu sự thể nghiệm trực tiếp. Đành rằng nhà văn có thể sử dụng vốn sống gián tiếp nhưng vốn sống đó phải được rèn luyện, bồi đắp đến mức có thể thay thế được kinh nghiệm trực tiếp. Ở Nguyễn Đình Thi, chưa được đầy đủ điều đó.

Nhược điểm trên chi phối đến nhiều mặt khác nhau của tác phẩm. Nhưng có một điều đáng chú ý là Nguyễn Đình Thi không bù đắp nhược điểm về vốn sống bằng sự tô vẽ và cường điệu chủ quan, bằng những chất liệu giả tạo, nên tác phẩm vẫn giữ được tính chân thực truyền cảm, tuy có kém chất khoẻ khoắn và hơi thở mạnh mẽ của đời sống.

Đi vào xây dựng những tiểu thuyết dài, bên cạnh vốn sống là vấn đề quan điểm nhận thức. Nếu không có một quan điểm nhận thức tích cực, vững chắc, rất có thể tác phẩm vẫn rơi vào sự giả tạo của những trường hợp chủ quan cá biệt.

Quan điểm nhận thức của Nguyễn Đình Thi trong *Võ bờ* nói chung là chính xác và nhạy bén. Nguyễn Đình Thi muốn gọi đúng tên, đặt đúng chỗ, đánh giá đúng bản chất của từng kiểu người và tầng lớp trong mối tương quan chung của xã hội. Cái nhìn của tác giả đối với phong trào cách mạng, với bè lũ thống trị và lớp người giàu có, với các tầng lớp dân nghèo và quần chúng lao động, nói chung đều có sự gắn bó giữa sự khai quật về mặt đường lối với cuộc sống thực cụ thể, sinh động.

Một ưu điểm rất đáng kể của tác giả *Võ bờ* là anh biết khai thác những khía cạnh đẹp của đời sống ; từ trong những cuộc sống tối tăm cực nhọc, anh thấy được những ước mơ, những niềm vui, những mảnh đời luôn ánh lên, rạng lên niềm tin yêu lạc quan và nhân hậu. Trong những cảnh ngộ ngậm ngùi, nghèo khổ, những con người lam lũ luôn yêu thương cứu mang và dùm bọc nhau, san sẻ cho nhau niềm vui, nỗi buồn. Ngòi bút của Nguyễn Đình Thi tỏ ra rất trân trọng và quyến luyến với cái đẹp nhân đạo và bay bổng của cuộc đời. Anh hiểu rằng cái mà gọi là "hạnh phúc đơn sơ, niềm vui nho nhỏ" chính là nguồn nuôi dưỡng những tình cảm nhân đạo và lòng tin yêu cuộc sống, chính là hơi thở tiếp sức cho những người nghèo khổ trong những lúc mà sự khổ cực và bất công làm cho họ thấy ý nghĩa cuộc đời mỏng manh nhất.

Các nhân vật trong *Võ bờ* đều được khai thác hết mặt tốt đẹp của họ. Từ cái đẹp chất phác, hồn nhiên của Mầm và Côi được dựng lên bằng những chất liệu mộc mạc tự nhiên, đến những tâm hồn trong sáng, giàu có về tình cảm như An, Xoan, Quyên. Nguyễn Đình Thi đã thấy ở họ chất đẹp, chất thơ mang nặng yêu thương gọi cảm. Có nhân vật chỉ được vẽ thoáng qua và cuộc đời cũng thật là ngắn ngủi như Quế, cũng để lại được trong lòng người đọc một cái gì bồi hồi thương tiếc. Quế là một cô gái tốt, bị xã hội dồn đến chỗ cùng nhưng luôn có những biểu hiện chống đối của một tâm hồn giàu sức sống và tình cảm nồng cháy. Có những nhân vật ở lớp giàu có như Phượng cũng được khai thác một cách bình tĩnh trên hai mặt tốt xấu. Phượng sống trong cuộc sống giàu sang nhưng lụa, Phượng bị lôi cuốn theo tiền tài danh vị khoái lạc trong mối tình với huyện Môn, và chuyện sa ngã với Thanh Tùng. Nhưng ở Phượng cũng có cái mong muốn chân thật, muốn thoát khỏi sự xấu xa, giả dối. Những tình cảm thực của Phượng

với họa sĩ Tư, tâm trạng của Phượng trước thái độ xấu của chồng cũng gợi lên được hình ảnh của Phượng ngày xưa trong lứa tuổi học trò trong trắng. Cùng viết về cuộc đời của các tầng lớp dân nghèo ở thời kỳ trước Cách mạng, có tác giả chưa nhìn thấy và khai thác hết cái đẹp trong họ. Ở đâu cũng thấy cuộc đời khổ cực quá, tối tăm quá, ở đâu cũng nghèo đói, tội lỗi và bệnh tật. Nếu đời sống của lớp nghèo trong xã hội cũ chỉ có thế, thì làm sao con người có thể sống được ?

Hệ thống tính cách nhân vật trong *Võ bồ* được dựng khá công phu, có những tính cách đã ổn định, có những tính cách đang chuyển hoá. Qua những con người trong *Võ bồ*, chúng ta thấy xã hội đang thay đổi gấp rút và nhiều tầng lớp đang bị phân hoá rõ rệt. Quá trình phân hoá của các nhân vật là quá trình đẩy dần một số nhân vật đi vào con đường hoạt động cách mạng và cũng vạch ra một số kiểu người sẽ đi theo chiều hướng phản cách mạng.

Để thể hiện được trọng tâm về mặt nội dung tư tưởng của tác phẩm và thể hiện được chiều hướng khách quan của lịch sử, Nguyễn Đình Thi đã dựng những người cán bộ cách mạng và lớp quần chúng lao động giác ngộ cách mạng thành hình ảnh trọng tâm làm nền cho tác phẩm. Hình ảnh của Khắc, người cán bộ cách mạng suốt đời phấn đấu không mệt mỏi cho lý tưởng, đã để lại những ấn tượng khá sâu sắc cho người đọc. Ở nhân vật Khắc toát lên nhiều nét tươi đẹp của một người hoạt động cách mạng chân chính. Khắc là một cán bộ tốt của phong trào, người đồng chí tin cậy của đoàn thể, người con hiếu thảo của gia đình, người anh quý mến em, người chồng yêu thương vợ, người bạn tốt và chung thuỷ của mọi người và là người chiến sĩ sắt đá trước kẻ thù. Dựng nhân vật Khắc, Nguyễn Đình Thi đã chú ý nhiều đến nhiều mặt khác nhau của nhân vật trong quan hệ với đoàn thể, gia đình, vợ con, yêu đương, bè bạn,... Nhân vật Khắc có sức tác động và ý nghĩa giáo dục, gây được lòng cảm mến ở người đọc ; tác giả tránh được lối tô vẽ ôn ào, hoặc gán ghép, nên nhân vật giàu tính chân thực.

Bên cạnh Khắc là hình ảnh của An, người con gái có đôi mắt đen mờ ra một chiều sâu của tâm hồn và một đời sống tình cảm giàu có. An là một nhân vật có màu sắc dân tộc. An có một tâm hồn trong sáng tin yêu, và lòng tin vào lý tưởng đã giúp cho người con gái này có

được một tình yêu đẹp đẽ, biết hy sinh. Ngay từ một số nét ban đầu An đã lấy được cảm tình ở người đọc ; tình yêu giữa Khắc và An gần như là một sự gắn bó tự nhiên không sao tránh được. Hình ảnh của An nức nở bên chiếc áo len, hình ảnh của An bị xô đẩy trong sóng gió của cuộc đời từ khi Khắc bị bắt đã làm cho nhân vật này có một chiêu sâu, một sức quyến rũ. Có lẽ nếu Nguyễn Đình Thi miêu tả đầy đủ hơn sự chịu đựng cay đắng và những phản ứng của An trước thái độ của mọi người khi An có chửa và sinh con, mà người chồng thì không ai biết đến, thì nhân vật An do đó có thể toàn diện và có sức sống hơn.

Nguyễn Đình Thi đã lưu ý nhiều đến phần nội tâm, đến sự thể hiện tình cảm của nhân vật trong quan hệ đối xử giữa người và người, nên nhân vật của anh nói chung đều có dáng dấp và màu sắc riêng, đều có sự gợi cảm từ bên trong của nhân vật. Lối thể hiện đó đặc biệt thích hợp với lớp nhân vật phụ nữ. Đọc *Võ bờ*, có lẽ những hình ảnh đậm đà, gợi cảm thâm sâu vào lòng người đọc là những hình ảnh khác nhau của các nhân vật phụ nữ như An, Xoan, Quyên, Quế, Phượng, v.v. Những người phụ nữ nông thôn như Xoan, Quế, Quyên đều là những nhân vật dễ cảm mến và mỗi người đều có cuộc sống riêng phong phú.

Hình ảnh của lớp người trí thức và văn nghệ sĩ trong *Võ bờ* cũng có nhiều nét gợi cảm và dáng dấp đặc biệt. Từ hình ảnh của hai cuộc đời trái ngược và hai quan niệm nghệ thuật đối lập nhau của hai họa sĩ Tư và Thanh Tùng, rồi số phận luôn bị đe dọa của nhạc sĩ Toàn, của thầy giáo Hội, đã nói lên cái bế tắc của đời sống và sự phân hoá của lớp người này. Họ đang sống trong cảnh tù túng với cuộc sống rủi ro, con đường đi tới của chân lý, của nghệ thuật đối với họ đang còn mù tối ; ước mơ, hoài bão và sự nghiệp của họ đang mục nát dần trước sức phá phách và huỷ hoại dân của trăm ngàn cái xấu xa và lì ti tiện của đời sống. Nói chung, với lớp người trung gian này ở môi trường thành thị, Nguyễn Đình Thi có dịp gần gũi và am hiểu tường tận hơn, nên tác giả khai thác được nhiều vẻ, nhiều mặt của hành động và tâm lý nhân vật.

Trong hệ thống tính cách nhân vật của *Võ bờ*, có những nhân vật còn mờ nhạt chưa làm đúng được với ý nghĩa và vị trí của mình. Có thể những nhân vật đó giữ vai trò thứ yếu, hay có thể hình bóng của họ sẽ được phát triển đậm đà sâu sắc hơn ở tập 2, nhưng dù sao sức gợi của

các nhân vật này còn yếu. Người đọc dễ lầm lộn giữa những tên bá Soạn, nghị Khanh, chánh hội San ; rồi lớp người nghèo ở thành phố bên bờ sông Cửu Cẩm, bờ sông Tam Bạc, ngoài An và phần nào chí Gái ra, thì không có hình ảnh nào bật lên rõ nét. Trong những nhân vật hoạt động cách mạng, hình ảnh của Khắc như choán hết các nhân vật khác, nên khi Khắc chết đi cũng gây khó khăn cho tác giả trong việc thay thế nhân vật chính. Các nhân vật trong gia đình ông đồ Giao như Hội, Thảo, ông đồ đều chưa có sắc thái rõ rệt, tuy vai trò của Hội và Thảo đều có vị trí nhất trí trong toàn bộ thiêng truyện.

Nhưng có lẽ vấn đề quan trọng hơn được đặt ra trong *Võ bờ* là tính cách của một số nhân vật được khai thác chưa toàn diện.

Tác giả *Võ bờ thiêng* về khai thác và xác định tính cách nhân vật trong quan hệ tình cảm và xử lý đời sống, đặc biệt là trong tình yêu và tình cảm gia đình, tình bạn bè, đồng chí. Những chương viết về những quan hệ tình cảm trên đều khá thành công. Ngòi bút tế nhị của Nguyễn Đình Thi nhiều lúc tỏ ra tinh tế sắc sảo, bay bổng trong lĩnh vực này. Mỗi tình cảm kín như giữa Xoan và Mầm, mỗi tình nồng cháy giữa Cói và Quế, tình cảm trong sáng thiết tha giữa Khắc và An, tình chồng vợ gượng ép của Phượng và huyện Môn, và quan hệ vụng trộm giữa Phượng và Thanh Tùng, v.v. nói chung những trang viết này đều được khai thác trên nhiều phương diện của chiều sâu tâm lý và tình cảm, nên có sức truyền cảm hấp dẫn. Nhưng nếu các nhân vật được xác định và hình thành chí trên những phương diện đó thì không đủ, cần phải khai thác sâu hơn trong những biểu hiện phức tạp khác nhau của đời sống. Các nhân vật của *Võ bờ* đều chưa được thử thách đầy đủ trong sinh hoạt, lao động, đấu tranh, trực tiếp trên mặt trận chính trị, kinh tế. Những chương viết về lao động và bóc lột giữa nông dân và địa chủ, giữa thợ thuyền và bọn tư bản thực dân đều còn vướng vào tính chất ước lệ chung, thiên về phân kể mà thiếu những sự kiện và tình tiết chân thực, có sức thuyết phục, nẩy lên từ bản thân đời sống. Như phân miêu tả về mối quan hệ giữa nông dân làng Gành, làng Chàm và bọn địa chủ, khung cảnh sinh hoạt lao động của lớp thợ thuyền nhà máy xi măng, cảnh chơi bời trác táng của bọn địa chủ và tư sản, v.v.

Từ đó cho nên có những nhân vật, tuy gây được súc cảm mến ở người đọc, nhưng màu sắc giai cấp và nguồn gốc xã hội lại còn mờ nhạt. Lấy ví dụ như lớp người bên bờ sông Lương cũng ít nhiều vướng vào nhược điểm đó, gia đình ông đồ Giao, gia đình cụ Tú Mai đều chưa được giới thiệu rõ nét về mặt đời sống, cơ sở giai cấp, và cả những nhân vật như Mâm, Còi, Quế, Quyên, v.v. bên cạnh sự thể hiện thành công trong quan hệ tình cảm cũng cần có sự miêu tả thêm về những biểu hiện cụ thể trong lao động, sinh hoạt, quan hệ giai cấp. Một ưu điểm rất đáng kể của *Võ bờ* là nghệ thuật thể hiện. Nội dung hiện thực trong *Võ bờ* được tổ chức trong một kết cấu chặt chẽ. Tác giả *Võ bờ* cũng rất nghiêm khắc với ngòi bút của mình. Trong cách xây dựng nhân vật, miêu tả cảnh ngộ, anh biết cân nhắc, chọn lọc những sự việc tiêu biểu, những tâm trạng sâu sắc, không dễ dãi tham lam, biết tránh không bị cuốn theo những thị hiếu dê dắt. Ngôn ngữ trong *Võ bờ* giữ được tính trong sáng và gợi cảm. Nguyễn Đình Thi đã khéo vận dụng ngôn ngữ đó trong miêu tả người và cảnh. Từ những cảnh đồng bát ngát ven bờ sông Lương, đến khung cảnh tập nập ồn ào của dòng sông Cửu Cẩm, tất cả đều gợi lên một cái gì thân yêu, gần gũi với dân tộc.

Tuy nhiên phần đầu của tác phẩm, cũng còn rơi vào tình trạng tản漫 thiêng tập trung, hay lối ngắt theo từng đoạn ngắn để chuyển ý cũng gây khó khăn cho người đọc, ảnh hưởng đến tính liên tục của nhận thức.

Trong những truyện dài gần đây, *Võ bờ* là một tác phẩm tương đối chắc tay và có sự cản đối giữa nội dung tư tưởng và nghệ thuật thể hiện. Từ sau *Xung kích*, *Võ bờ* là cuốn truyện dài đầu tiên của Nguyễn Đình Thi. *Võ bờ* đánh dấu một thành công mới của tác giả.

Tạp chí Văn học, số 206

VỀ TIỂU THUYẾT VÕ BỜ CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

ĐÔNMATÔPXKI

L.T.S. Năm 1970, tập I tiểu thuyết "Võ bờ" của Nguyễn Đình Thi đã được dịch và xuất bản ở Liên Xô với lời giới thiệu của B. Pô-lê-vôi. Nhà thơ E. Đônmatôpxki đã nhận xét về tiểu thuyết này như sau :

Tiểu thuyết Võ bờ của nhà văn Nguyễn Đình Thi ra mắt bạn đọc Xô viết khoảng năm năm, sau lần xuất bản đầu tiên ở Hà Nội. Thời gian bao giờ cũng làm tăng sức nặng và sức mạnh của những quyền sách chân chính và làm mất đi những quyền sách rỗng tuếch, hời hợt.

Tác phẩm của Nguyễn Đình Thi đã được kiểm tra và thử thách không chỉ bằng thời gian mà còn bằng cuộc đấu tranh và kinh nghiệm sống của nhân dân. Rõ ràng trong khi viết quyền tiểu thuyết này tác giả còn tranh luận chống lại sự tôn sùng chủ nghĩa thực dân bằng nhiều hình thức và vẽ lên một bức tranh đậm nét xã hội Việt Nam trong những năm bốn mươi (thế kỷ XX). Cái bờ chủ nghĩa thực dân bị phá vỡ, không có bọn xâm lược châu Âu hoặc châu Á nào, không có bọn cầm quyền phong kiến hoặc tư sản địa phương nào có thể đủ sức chống lại phong trào quần chúng nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản.

Hình ảnh Khắc, người con trung thành của Việt Nam, người cộng sản trẻ tuổi, đã làm rung động mọi người bằng cái chân thật của bản thân. Tự nhiên người ta liên hệ nhân vật đó với hình ảnh các chiến sĩ đang đánh thắng bọn xâm lược Mỹ ngày nay và bắt đầu làm cho người ta hiểu được đâu là nguồn gốc sự dũng cảm phi thường của họ. Cuộc sống lắn cái chết của Khắc, người hoạt động bí mật, chính là sự bất diệt của một dân tộc. Không cần những lời khoa trương, với lòng yêu mến và tin tưởng, Nguyễn Đình Thi kể về những con người dấn dắt nhân dân đi đến thắng lợi.

Tôi đã gặp Nguyễn Đình Thi tại một sân bay của Việt Nam chiến đấu... Tôi đã gặp anh trong những chuyến anh đi tuyên truyền ở trong nước. Đó là một trong những hình thức hoạt động của các nhà văn Việt Nam. Tôi đã gặp anh trong những lớp giảng về văn học cho những người sáng tác trẻ tuổi ở Hà Nội. Đọc tiểu thuyết *Võ bờ*, tôi luôn luôn có cảm giác rằng hình như tôi đã gặp những nhân vật của tiểu thuyết và đã biết họ từ trước. Về sau tôi mới hiểu rằng, tôi đã được biết tác giả quyển sách này, chính anh là một nhà thơ trữ tình, đã vô tình đưa mình vào trong nhân vật của tiểu thuyết. Quyển truyện *Mặt trận trên cao* của Nguyễn Đình Thi được xuất bản ở Liên Xô trước đây là một tác phẩm thuộc loại kể chuyện có tính chất anh hùng ca về những con người và các sự kiện. Tiểu thuyết *Võ bờ* tập II của Nguyễn Đình Thi đã được viết xong và sẽ được xuất bản ở Liên Xô. Chúng ta sẽ được đọc nó. Tôi tin nó cũng sẽ không kém phần hay.

Kể lại chủ đề của tác phẩm là một việc làm khó khăn mà cũng chẳng cần thiết. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng tác giả là một nhà thơ ngay cả trong việc miêu tả thiên nhiên tuyệt diệu của đất nước mình và hình ảnh người phụ nữ.

Võ bờ tập I bao gồm một giai đoạn không dài nhưng rất sôi nổi, quyết liệt từ năm 1939 đến năm 1941. Song, ý nghĩ của bạn đọc, đó là điều dĩ nhiên, sẽ đặt những cảnh tượng lịch sử lên trên cơ sở của những sự kiện ngày nay. Quyển sách của Nguyễn Đình Thi làm rung động chúng ta như một cuộc gặp gỡ mới với một dân tộc anh hùng, cùng với số phận của dân tộc đó, luôn luôn gần gũi với trái tim chúng ta.

LINH GIANG dịch
Báo Văn nghệ, số 388, 1971

VỞ BỜ, MỘT BƯỚC TIẾN MỚI CỦA NỀN TIỂU THUYẾT VIỆT NAM

TÌNH SƠN

Chỉ trong vòng ba, bốn năm lại đây, chúng ta đã chứng kiến một hiện tượng đáng nức lòng trong lĩnh vực tiểu thuyết của ta. Một sự lớn lên trông thấy. Với một loạt tác phẩm từ 1958 lại đây, tiểu thuyết của ta đã chú ý xây dựng nhân vật sinh động, có cá tính, đã đi sâu miêu tả tính cách, biểu hiện thế giới tâm hồn của nhiều hạng người trong xã hội, và đã nêu lên nhiều vấn đề có tính chất thời sự nóng hỏi. Đến nay, với *Vở bờ* của Nguyễn Đình Thi, tiểu thuyết của ta bắt đầu bước vào tầm rộng lớn của chủ đề và nội dung tư tưởng, bước vào cõi khái quát hiện thực cuộc sống toàn xã hội.

Thông qua việc phản ánh hiện thực rộng lớn của toàn bộ xã hội Việt Nam trong một giai đoạn ngắn của lịch sử, tác giả *Vở bờ* muốn nói lên bằng hình tượng nghệ thuật tính tất yếu về sự phát triển cách mạng của xã hội Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. "Tức nước vỡ bờ", tác giả đã mượn câu ngạn ngữ có hình ảnh của nhàn dân làm đầu để để nói lên tính quy luật đó.

Nội dung của tác phẩm bao gồm cả một tiến trình lịch sử với tất cả các mặt chủ yếu của cuộc sống, cùng các mối liên hệ phức tạp của nhiều hạng người thuộc nhiều giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam thời kỳ đầu của Chiến tranh thế giới thứ hai.

Mặc dù Nguyễn Đình Thi có bị hạn chế phần nào, ở mặt này hay mặt khác về vốn sống trực tiếp, về thời đại mình miêu tả, nói chung nhờ có bản lĩnh về tư tưởng và bản lĩnh về nghệ thuật, anh đã nhìn đúng và phản ánh đúng trong *Vở bờ* một số mặt bản chất của xã hội ta lúc bấy giờ.

Hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam thuộc địa và nửa phong kiến trong hoàn cảnh mới – thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai – đã được tác giả *Vở bờ* nêu bật lên với nhiều sắc thái riêng của giai đoạn đó.

Liên sau khi chiến tranh đế quốc bùng nổ, thực dân Pháp công khai thực hiện chế độ phát xít ở Việt Nam. Bao nhiêu quyền lợi tối thiểu của chế độ dân chủ tư sản mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong thời Mật trận bình dân, thì nay đều bị thủ tiêu sạch : báo chí đóng cửa, sách bị cấm và tịch thu, các tổ chức công đoàn, ái hữu bị giải tán. Một cơn lốc khủng bố chính trị lan tràn khắp thành thị và nông thôn. Những cuộc khám và bắt người liên tiếp xảy ra. Đặc biệt những đảng viên cộng sản và quần chúng có cảm tình với Đảng, những chính trị phạm cũ và những người bị tình nghi, nếu không kịp thời rút vào bí mật, đều bị mật thám bắt giam, tra tấn tàn khốc, đưa đi tù dày hay an trí. Họ thực dân phát xít huy động cả bộ máy chính quyền thuộc địa và phong kiến của chúng, từ mật thám, cảnh sát đến hương hào tổng lý,... vào việc lùng bắt đó.

Ở nông thôn, đi đôi với việc khủng bố bắt bớ, chúng còn thi hành chế độ bắt phu di làm sân bay, xây công sự, và bắt lính chở sang Pháp chết thay cho chúng. Họ địa chủ quan lại cường hào mượn gió bẻ măng, thẳng tay bóc lột nông dân, dùng quyền lực và xảo trá tăng tống và cướp ruộng của nông dân. Chúng công khai dùng bọn lưu manh côn đồ trấn áp bức hành hạ những người lao động.

Trước tình hình đó, Đảng chủ trương rút vào bí mật, tung cán bộ còn lại đi về các nơi bắt liên lạc, chấn chỉnh và tổ chức các cơ sở Đảng, tiến hành đấu tranh chống khủng bố và vận động lập các đoàn thể trong Mật trận phản đế, kể cả việc vận động tổ chức lính và phu.

Còn quần chúng nhân dân thì từ các thành phần cơ bản cho đến các tầng lớp trung gian, lúc đầu còn bỡ ngỡ lo âu, có khi sợ hãi khủng khiếp hay căm rãng chịu đựng, nhưng dần dần tuỳ thành phần giai cấp, tuỳ trình độ giác ngộ khác nhau mà có thái độ hoặc chống đối bông bợt hay phản ứng tiêu cực, hoặc tò long cảm thù bọn áp bức bóc lột và đi theo cách mạng...

Để thể hiện nội dung và chủ đề nói trên, tác giả Võ bờ đã giới thiệu với chúng ta trên dưới năm mươi nhân vật thuộc đủ các thành phần giai cấp, các tầng lớp, các giới, các nghề nghiệp và các lứa tuổi khác nhau. Họ sống và hành động ở thành thị và nông thôn trên ba địa điểm tiêu biểu : Hà Nội, Hải Phòng và hai thôn Gành, thôn Chẩm thuộc tỉnh Hải Dương. Thông qua việc miêu tả nhân vật, đi sâu vào

tâm tư, tình cảm của từng hạng người, từng cá nhân và khắc họa tính cách của mỗi người, Nguyễn Đình Thi đã tái hiện xã hội Việt Nam cách đây trên 20 năm.

Võ bờ quả là một bức tranh sinh động muôn màu muôn vẻ về cuộc sống của xã hội ta trong những năm 1939, 1940 và đầu năm 1941. Tất nhiên ở đây có những nét chung về đời sống của nhân dân thành thị và nông thôn, và cả về cuộc sống ăn chơi truy lạc của bọn thống trị và bè lũ tay sai mà ta thường thấy lặp đi lặp lại qua các thời kỳ. Nhưng đồng thời, *Võ bờ* đã làm sống lại không ít những cảnh đời, những cuộc sống, đánh dấu những nét riêng của thời kỳ đó : cảnh chạy loạn, Hải Phòng năm 1940, cuộc dạ hội lạc quyên ở Nhà hát lớn, quang cảnh nhà ga và khách sạn từ khi có Nhật vào, những cuộc báo động ban ngày và ban đêm, cảnh Nhật đánh Tây, v.v. Ngay cả những nét có tính chất chung như việc cai đánh cu ly ở nhà máy xi măng Hải Phòng hay quang cảnh nhà Nghị Khanh thu tô cũng có mang ít nhiều màu sắc lịch sử riêng của thời kỳ đó. Những người và cảnh vô cùng phong phú và đa dạng ấy, dưới ngòi bút của tác giả *Võ bờ*, đều được sắp xếp một cách lôgich để nói lên quá trình phát triển cách mạng của hiện thực. Ở đây Nguyễn Đình Thi khắc phục được nhược điểm cố hữu mà nhiều tác giả trước anh đã vấp phải mỗi khi cần phản ánh cuộc sống rộng lớn nhiều mặt, nhiều khía cạnh. Tác giả *Võ bờ* tránh không đưa ra một mớ sự việc lộn xộn, bừa bãi, hay tung ra một loạt nhân vật mờ nhạt chỉ có tên mà không bóng không hình ; anh cũng không kéo dài lê thê chuyện này sang chuyện khác một cách vô tội vạ, hay lặp đi lặp lại những mâu đối thoại có vẻ "độc đáo" của một vài hạng người đặc biệt ; và cũng không chèm vào những mẩu đời rời rạc chẳng dính líu gì nhau ... Trái lại, Nguyễn Đình Thi đã biết tập trung chú ý vào những sự kiện lớn, những hoàn cảnh điển hình : *Chiến tranh thế giới bùng nổ*, *Pháp bại trận đầu hàng phát xít Hitler*, *Nhật nhảy vào Đông Dương*. Xoay quanh những sự kiện chính trị lớn này, tác giả *Võ bờ* để cho diễn biến các tình tiết, hoạt động các nhân vật, hình thành và phát triển các tính cách, nở ra nhiều biến cõi... Rõ ràng tác giả đã nắm đúng bản chất của hiện thực xã hội, bắt trúng mạch tâm lý cuộc đời. Có thể nói Nguyễn Đình Thi đã bấm đúng vào nút điện trung tâm trong cả guồng máy tự động vô cùng tinh vi và phức tạp của cuộc sống lúc bấy giờ.

Thật vậy, ai đã từng sống qua những ngày 1939 - 1945, ai phải thừa nhận một sự thật mà Nguyễn Đình Thi đã nêu lên trong *Võ bờ* là :

tất cả xã hội Việt Nam đều rung chuyển theo sự diễn biến của những biến cố lúc bấy giờ. Ai là người không nói đến hay không nghe nói đến chiến tranh ? Ai là người không suy nghĩ hay bắt buộc phải suy nghĩ về chiến tranh hoặc về những việc, những cảnh ngộ do chiến tranh gây nên ? Người nào nghe tin Pháp bại trận mà lại không có thái độ gì ? Và việc Nhật nhảy vào Đông Dương không thể không đặt cho người ta một vài suy nghĩ về vận mệnh mình và vận mệnh quê hương đất nước mình.

Những người như Khắc tất nhiên luôn luôn theo dõi thời sự và phán đoán tình hình để kịp thời đặt kế hoạch tuyên truyền giải thích giác ngộ quần chúng nhân dân và để ổn định chương trình hành động của mình. Nhưng không phải chỉ có Khắc chú ý đến thời sự. Tất cả những người khác cũng không thể không suy nghĩ về thời sự. Kể từ cụ Tư Gạch ở các quán xếp cạnh ga Cầu Lương kia và những người nông dân chất phác như Côi, Mầm, thím Đơn, bà Điều, v.v. cho đến những học sinh ở Hà Nội, những giáo Hội, giáo Điểm, nhạc sĩ Toàn, họa sĩ Tư,... Bằng cách này hay cách khác, mỗi người đều bị lôi cuốn vào cái guồng không khí chính trị đương thời đó. Còn nói chi đến bọn gọi là "thượng lưu", tai to mặt lớn kiểu nghị Khanh, huyện Môn, thầu khoán Quảng Lợi, v.v. nhất định chúng sẽ tìm cách liệu gió xoáy buồm trên con đường sống đầy tội lỗi của chúng.

Dù trực tiếp hay gián tiếp, có ý thức hay không có ý thức, mọi người đều có thái độ và hành động có ý nghĩa chính trị trước cuộc sống. Cho nên ta không lấy làm lạ khi được tin Mầm, một nông dân lâm lý cục mịch mà dám bỏ ăn chống nhà thâu ở sân bay, và nhất là dám chửi tui mặt thám khi bị chúng tra tấn. Chúng ta cũng không ngạc nhiên tại sao cụ Tư Gạch thích thằng Nhật râu chổi xể khi nó ra hiệu "chặt cổ Tây", và liền đó sau khi chúng kiến cảnh lính Nhật ăn quyt hàng và đánh bà bán hàng thì "cụ sa sầm nét mặt". Và chúng ta cũng dễ hiểu tại sao bọn con cái vô liêm sỉ nhà nghị Khanh cũng lăng xăng bàn "quốc sự", cùng nhau trịnh trọng, thành kính kể chuyện "đức Kỳ ngoại hâu Cường Để" sắp về nước.

*
* *

Không còn nghi ngờ gì nữa, tác giả đã biết đặt các nhân vật của mình vào trong những hoàn cảnh điển hình. Nhờ đó mà nội dung tác phẩm

phản ánh đúng bản chất, tức nói lên được sự phát triển cách mạng của hiện thực, nhìn thấy được viễn cảnh của lịch sử và nhất là diễn tả được những mối liên hệ phức tạp của quá khứ, hiện tại và tương lai. Nhưng tất cả những mối liên hệ đó phải được biểu hiện qua vận mệnh con người, vận mệnh nhân dân. Cho nên khi tôi nói đến sự thành công của *Võ bờ* về mặt nội dung và chủ đề tư tưởng là tôi muốn nói đến những con người, những nhân vật của *Võ bờ* - kể cả chính và phụ.

Trước hết phải kể đến Khắc. Có thể nói lần đầu tiên trong tiểu thuyết Việt Nam hình ảnh người chiến sĩ cách mạng được xây dựng tương đối thành công. Nguyễn Đình Thi đã miêu tả Khắc một cách toàn diện. Anh đặt Khắc vào trong nhiều môi trường, hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống để khắc họa tính cách nhân vật Khắc ; chính trên cơ sở đó tác giả đã xây dựng nên hình tượng rất đẹp và cũng rất chân thật của người chiến sĩ cách mạng, có khả năng hấp dẫn và thuyết phục mọi người và để lại trong lòng người đọc một ấn tượng khá sâu sắc. Khó mà quên được hình ảnh con người có "cái cầm vuông lún phún râu, miệng rộng và có cái cười thật thà" ấy, rất bình tĩnh ngồi nghe giáo Hội thuật lại tình hình khủng bố, bắt bớ ở Hà Nội, và bình tĩnh trao đổi giải thích với Hội về thời sự. Ta thấy tâm hồn và tình cảm Khắc phong phú biết bao trong cái đếm thao thức suy nghĩ về quê hương làng mạc, về cuộc đời của mẹ và em gái, trước lúc anh ra đi rút vào đời hoạt động bí mật.

Quên sao được, khi nhắc đến tên Khắc trong *Võ bờ*, những cảnh đời hoạt động sôi nổi của Khắc từ khi rời Lê, nhận chỉ thị của xứ uỷ di về hoạt động ở Hải Phòng cho đến phút tắt thở trong một trận bị địch tra tấn rất dã man. Với trí thông minh, lòng dũng cảm, với lòng trung thành vô hạn đối với Đảng và nhân dân, anh lăn xả vào gian lao nguy hiểm để bắt liên lạc với tổ chức các cơ sở Đảng, để giác ngộ quần chúng và để rèn luyện đồng chí mình. Ngay cả khi thập tử nhát sinh, anh cũng không bỏ lỡ dịp, đem hết sức mình xoay xở dù mọi cách "để nắm tình hình, giữ được tinh thần cho các đồng chí, đối phó với mật thám và giữ gìn được cho tổ chức ở ngoài".

Và ta càng khó mà quên được hình ảnh Khắc bên cạnh An, đứng trước một mối tình trong trắng tuyệt đẹp, làm cho tâm hồn anh càng phong phú thêm.

Đặc biệt những đoạn tả Khắc trong tù giàu tính chân thật và sinh động, làm nổi bật tính cách của Khắc : kiên cường trước quân thù, yêu vohạn đồng chí và quần chúng, thông minh tháo vát trong hành động, v.v.

Tuy nhiên, về mặt này mặt khác, chúng ta thấy có một số kẽ hở ở nhân vật Khắc. Người đọc muốn biết rõ hơn dời hoạt động trước của Khắc, ảnh hưởng của Khắc trong quần chúng, những suy nghĩ của anh qua các biến chuyển của phong trào cách mạng, v.v. Người đọc có thể hỏi : Tại sao một cán bộ lãnh đạo, một chiến sĩ cách mạng lâu năm như Khắc lại không gây được ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng vùng Chăm quê anh và lân cận ? Người ta có cảm tưởng Khắc quá cô đơn, quần chúng ít người biết đến, ít người được anh giác ngộ, ngoài Quyên, em gái anh có Hội, người học trò cụ tú Mai từ khi còn đếchòm. Đành rằng trong thời gian anh được tự do, một phần vì đau ốm, phần khác thì thường xuyên bị theo dõi kiểm soát, nên anh ít giao du di lại. Nhưng dời hoạt động cách mạng của anh khá dài, ảnh hưởng của anh không thể chỉ có bấy nhiêu. Ngoài ra có một vài chi tiết không ổn lắm. Ví dụ : khi Khắc mới vào nhà An, anh không để ý ngay tìm lối thoát thân, mà mãi khi có động mới được An chỉ cho ; cách bố trí kế hoạch đánh tháo của Khắc quá mạo hiểm, phảng phát có tính chất kiểu kiếm hiệp ; việc Khắc chưa thành án mà đã được tiếp xúc quá dễ dàng với thường phạm cũng là một chi tiết chưa ổn lắm...

Một nhân vật khác mà tác giả *Võ bờ* đặc biệt quan tâm hơn hết là An. An xuất hiện lúc đầu như một nhân vật rất phụ. Nhưng An đã chinh phục được cảm tình người đọc ngay tức khắc. Người ta liên hệ ngay đến hình ảnh những thiếu phụ bình thường Việt Nam, đảm đang tần tảo, giàu lòng nhân hậu, nhưng cũng rất mực thông minh. Và càng về sau, hình ảnh ấy càng được nỗi rõ thêm, tô đậm thêm, làm bật lên một hình tượng người phụ nữ trong trắng dịu hiền, đầy yêu thương trìu mến. Đặc biệt mối tình An đối với Khắc đã gây nhiều cảm xúc mãnh liệt trong lòng người đọc và để lại một ấn tượng khó phai. Thật vậy, mối tình An đối với Khắc là cả một bài thơ trữ tình tuyệt đẹp, vừa âm thầm, vừa bay bổng, vừa đắm say,... Nó chứa đựng lẩn lộn trong đó một ước mơ về lý tưởng nhân đạo hợp chính nghĩa, một tấm lòng kính trọng đầy trìu mến đối với người chiến sĩ cách mạng, một mối tình chung thuỷ của người vợ hiền Việt Nam đã trở thành truyền thống lâu đời trong sử sách của dân tộc.

Điểm lại các nhân vật trong *Võ bờ*, ta thấy bộc lộ rõ sở trường và sở đoản của Nguyễn Đình Thi. Ngoài Khắc là nhân vật trung tâm của *Võ bờ* tập I, người ta dễ dàng nhận thấy rằng phần lớn các nhân vật thuộc tầng lớp trí thức tiểu tư sản đều được tác giả biểu hiện khá sắc nét : Tư, Hội, và cả Phượng nữa, mỗi người có một cuộc sống tâm hồn khá phong phú, nhiều khía cạnh. Người đọc không thể quên được anh chàng hoạ sĩ nghèo, sống cô đơn và luộm thuộm, nhưng rất yêu cuộc sống ; tính tình lầm lì ít nói, có khi ngờ nghênh, nhưng rất giàu tình cảm, say sưa với nghệ thuật, với cái đẹp thiên nhiên và cái đẹp xã hội. Còn giáo Hội thì người đọc đã phải chú ý ngay từ trang đầu. Đó là con người tốt, thường băn khoăn về vận mệnh mình, vận mệnh gia đình, Tổ quốc mình. Anh muốn hiểu nguyên nhân tình trạng bi đát của xã hội, nhưng không sao hiểu nổi. Anh muốn tìm một lối thoát, mong có sự đổi đời, nhưng lại cảm thấy hành động cách mạng khó khăn, nguy hiểm quá. Anh kính mến, tin tưởng những chiến sĩ cách mạng, nhưng trước những hiện tượng chính trị phức tạp, anh thường nảy sinh thắc mắc và dễ dao động. Có thể nói Hội là một điển hình kiểu trí thức Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai. Nếu so sánh với những nhân vật trong *Sóng mòn* của Nam Cao thì tính cách Hội chưa sâu sắc bằng nhưng có nhiều nhân tố tích cực hơn, và do đó hướng phát triển ở con người Hội được xác định rõ hơn.

Người đọc *Võ bờ* càng khó lòng mà không chú ý đến Phượng, một thiếu phụ trẻ đẹp, cái dẹp lộng lẫy hấp dẫn. Con một nhà tư sản, vợ một tên tri huyện, sống trên nhung lụa, trong chiêu chuộng, nhưng lại có nhiều băn khoăn suy nghĩ chán chường trước cuộc sống già dối đáng ghét lúc bấy giờ ; dễ sa ngã vào nhục dục, nhưng vẫn nuôi trong lòng những ước mơ bay bổng...

Rồi nhạc sĩ Toàn cùng cô bạn Nina người Nga kia và cả Thanh Tùng nữa, mặc dù họ đều là những nhân vật rất phu, người đọc cũng hình dung được diệu bộ, dáng dấp, tính tình, lời ăn tiếng nói của từng người một.

Rõ ràng đối với loại nhân vật này, tác giả đã dễ dàng đi vào chiều sâu của tâm hồn họ, làm cho tính cách của họ được rõ nét và sinh động. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Nguyễn Đình Thi rất quen thuộc lớp người này. Có lẽ cuộc đời anh phần lớn đã sống bên cạnh những lớp người này và chính bản thân anh cũng đã thuộc vào tầng lớp đó. Vốn sống cũng như vốn tri thức của anh giúp rất nhiều trong việc đi sâu vào

tâm tình, nếp cảm nghĩ của họ, khai thác ở họ nhiều khía cạnh phức tạp tinh tế, có khi trái ngược nhau để tạo nên những hình tượng sống, sinh động, có máu thịt, có cá tính.

Nhưng trái lại có những lớp người anh miêu tả chưa thật sâu sắc. Tôi muốn nói đến Gái, Mầm, Mộc, Lập, các công nhân già và trẻ đã giác ngộ cách mạng, và Mầm, Côi, Quyên, Xoan, Quế, Thơm, những nam nữ thanh niên nông dân mà tác giả hết sức yêu mến.

Nói như thế không có nghĩa nói những nhân vật này đều mờ nhạt như có bạn đã phát biểu. Thật ra Côi và Mầm đều rõ rệt. Nói đến Mầm tức khắc người ta hình dung một anh chàng lâm lý ít nói, người khoẻ, làm việc cần cù không biết mỏi; một anh chàng chân chất, hiền nhưng lại cục; yêu tha thiết nhưng lặng lẽ; có ước mơ, có ý chí, nhưng ước mơ, ý chí chưa thành hình. Còn Côi thì lại càng dễ nhận và dễ nhớ. Đó là một thanh niên sôi nổi, vui tính, ham học ham biết, và nhất là giàu tình yêu. Anh yêu người yêu một cách bồng bột, anh cũng yêu bạn một cách nồng thắm và yêu tất cả những người nghèo khổ.

Cũng như Quyên, Xoan, Quế mỗi người một vẻ, có cá tính và hình dáng rất khác nhau. Đặc biệt là Quế, người con gái nông dân, mặt "ngâm ngâm đen, hơi rõ hoa, hai con mắt lá râm sắc sảo", có "một giọng hát trong vắt và êm ái". Quế là một phụ nữ Việt Nam có bản lĩnh, đã trải qua phong ba bão táp, gặp cảnh ngộ éo le, nhưng vẫn là người sôi nổi, lạc quan, yêu đời, cố vươn lên.

Rõ ràng những nhân vật này không phải là những nhân vật tồi, sơ lược. Trái lại đòi hỏi còn thu hút nhiều sự chú ý của người đọc và có lúc đã gây cảm xúc mạnh, như đoạn tả Xoan ốm gần chết. Nhưng nói chung, người đọc chưa thoả mãn với việc miêu tả chiêu sâu của tâm hồn họ. Người ta thấy rõ tác giả chưa thuộc hết cuộc sống của họ, do đó anh chưa khai thác hết các khía cạnh phức tạp phong phú của tâm hồn họ. Hoàn cảnh lao động của họ, cuộc đời đấu tranh của họ và cả đời sống tâm tình nhiều mặt của họ, anh đều có nói tới, nhưng mới ở mức phác thảo thôi. Rất có thể là những nhân vật này sẽ được tác giả đi sâu nhiều hơn nữa trong tập II. Vị trí của họ trong hiện thực cuộc sống đòi hỏi phải như thế. Nhưng dù vậy chăng nữa thì ngay ở tập I này đáng lẽ họ phải được giới thiệu một cách đầy đủ và sâu hơn. Người ta muốn biết Côi, Mầm suy nghĩ gì khi lần đầu tiên đi xa nhà ra thành phố Hải Phòng? Khi tiếp xúc với nhiều cảnh ngộ mới lạ,

tiếp xúc với nhiều hạng người ? Khi nghe người ta bàn tán về thời cuộc trong thời gian làm phu ở sân bay ? Chính ở đây là một môi trường điển hình để bộc lộ tính cách, phát triển tính cách của hai chàng nông dân này. Thế mà tuyệt nhiên tác giả không hề đả động đến. Người ta ngờ rằng vì ít vốn sống về mặt này, Nguyễn Đình Thi đã né tránh không muốn đi sâu miêu tả tâm hồn họ. Việc tác giả để cho Quế chết quá sớm và chết trong trường hợp rất ngẫu nhiên cũng không khỏi làm cho người đọc thắc mắc, đành rằng trong cuộc sống ta thường gặp vô số là ngẫu nhiên ; hoặc cũng có thể tác giả có dụng ý đặt Côi vào một hoàn cảnh xúc cảm mãnh liệt để khắc sâu tính cách của Côi. Nhưng theo tôi nghĩ, cả hai trường hợp đều không thỏa đáng. Vì không dễ gì sáng tạo được một nhân vật như Quế để rồi phải hy sinh chấm dứt cuộc đời Quế một cách dễ dàng như thế. Ở đây người ta cũng ngờ rằng do thiếu vốn sống, tác giả đành phải né tránh không dám đi sâu vào lĩnh vực không thuộc sở trường của mình. Tác giả sợ không điều khiển nổi những loại nhân vật như Quế trong quá trình phát triển của họ sau này chăng ?

Nhược điểm nói trên của tác giả *Võ bờ* càng bộc lộ rõ khi miêu tả các nhân vật công nhân. Cố nhiên Gái, Mộc, Lập là những vai phụ. Nhưng so với các vai phụ khác như cụ Tư Gạch, ông đồ Giao, Thảo và Đông trong gia đình Hội thì những người công nhân kia còn mờ nhạt hơn. Tôi nghĩ chính đó là chỗ yếu nhất của tác giả.

Một nhược điểm khác của tác giả *Võ bờ* tập I là không giới thiệu rõ một hay một số nhân vật chính. Người đọc thật khó mà xác định ai là nhân vật chính. Khắc chăng ? Đúng Khắc là nhân vật trung tâm của *Võ bờ* tập I, nhưng với lối giới thiệu tắt một quãng đời hoạt động ngắn của Khắc và với việc kết thúc đời Khắc trong tập I như thế, chắc rằng tác giả không coi Khắc là nhân vật chính của *Võ bờ*. Còn các nhân vật khác, ngoài Nghị Khanh là nhân vật phản diện, thì từ Hội cho đến Côi, Mầm, Quyên, Xoan, kể cả An nữa đều sàn sàn một cỡ như nhau, không thể phân biệt được ai là chính ai là phụ.

Có thể đây là một quan niệm riêng của tác giả về nhân vật trong tiểu thuyết. Có thể là tác giả muốn làm nổi bật vai trò của quần chúng, những anh hùng tập thể chăng ? Quả là tác giả đã thành công trong việc giới thiệu từng nhóm nhân vật, từng gia đình nhân vật như gia đình Khắc, gia đình giáo Hội, nhóm nhà bà Mùi, và Xoan, Côi, Mầm,... Nhưng qua thực tiễn thì thấy rằng không giới thiệu nhân vật chính hoặc không làm nổi bật được nhân vật chính thì rõ ràng là không

có lợi. Điều này đã làm giảm phần nào sự tập trung chú ý của người đọc, do đó làm giảm tính hấp dẫn của tác phẩm. Có người đã trách tác giả tham lam muốn dàn ra quá rộng để rồi không nắm xuể các biến cố, các nhân vật. Riêng tôi nghĩ, với loại chủ đề và nội dung của *Võ bờ* thì dàn rộng là cần thiết. Số năm mươi nhân vật chưa phải là quá nhiều. Và qua thể nghiệm, ta thấy Nguyễn Đình Thi có đủ bản lĩnh về tư tưởng chính trị cũng như về nghệ thuật để nắm vững những nhân vật của mình. Nhược điểm ở đây là không giới thiệu nhân vật chính, nghĩa là thiếu tập trung đi sâu hơn, toàn diện hơn vào một vài nhân vật ngay từ đầu. Chính nhược điểm này đã khiến cho nhiều người đánh giá là tác phẩm *Võ bờ* thiếu chiều sâu. Nhưng có thật *Võ bờ* thiếu hẳn chiều sâu không? Tôi nghĩ rằng trong một chừng mực nhất định, *Võ bờ* đã phần nào đạt được cả bề rộng lẫn chiều sâu. Và thành công của nó chính là ở đó. Tôi quan niệm chiều sâu của tác phẩm *Võ bờ* là ở chỗ phản ánh được một số mặt *bản chất* của hiện thực xã hội trong quá trình phát triển cách mạng của nó. Nhưng bên cạnh mặt *bản chất* của hiện thực – tất nhiên là do mặt *bản chất* của từng nhân vật tạo thành – thì nói đến chiều sâu của tác phẩm phải kể đến chiều sâu toàn diện nhiều khía cạnh, nhiều ngóc ngách về đời sống tâm hồn của các nhân vật. Chính *Võ bờ* tập I đã thiếu chiều sâu đó. Riêng về mặt này mà nói thì *Võ bờ* còn sút một bậc so với *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và *Sóng mòn* của Nam Cao.

*
* * *

Một điều đáng chú ý là dù thuộc về sở trường hay sở đoản của tác giả, dù có chỗ mạnh và chỗ yếu, nói chung hầu hết các nhân vật trong *Võ bờ* đều mang tính chân thật hiếm có. Ngay cả nhân vật Khắc, một hình tượng hầu như chưa đựng tập trung nhiều vẻ đẹp lý tưởng, vẫn không mảy may xa sự thật. Không một ai cảm thấy có gì giả tạo ở con người Khắc cả. Điều đó nói lên tính chân thật không chối cãi được của các nhân vật trong *Võ bờ*. Đó là một trong những ưu điểm nổi bật của tác giả *Võ bờ*. Do đâu mà có được tính chân thật đó?

Nguyên nhân thành công về mặt này, theo tôi là ở chỗ anh đã chú trọng miêu tả đúng lô gích của sự vật, của tính cách từng nhân vật. Trong khi miêu tả tính cách nhân vật, anh đã chú trọng đến nhiều mặt:

thành phần giai cấp, nghề nghiệp, lứa tuổi, môi trường sống và hoạt động, cùng các mối quan hệ khác nhau của họ. Một khía cạnh Nguyễn Đình Thi đã khéo chọn những chi tiết chính xác có tính chất điển hình. Ví dụ : một vài chi tiết nói về thái độ của nhân dân ta đối với phát xít Nhật ; hay một vài câu đối thoại ngắn để nói lên những nỗi sung sướng của nhân dân ta khi nghe tin Pháp bại trận ; hoặc như chi tiết về sự để ý nhận xét thâm của bà đỡ, khi nhìn An có mang con so mà đi "đến để giữa đêm có một mình chì cắp có cái thúng", v.v. Một nguyên nhân nữa là nhờ nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của anh. Cố nhiên có một số nhân vật công nhân và nông dân, anh chưa thật thành thạo, chưa thuộc hết lời ăn tiếng nói của họ, đôi khi anh đặt vào họ những lập luận và lời lẽ hơi chải chuốt có tính chất "trí thức" quá. Nhưng nói chung nhân vật của anh có lời ăn tiếng nói riêng, không lẫn vào đâu được. Ngôn ngữ của Khắc khác hẳn của An : tiếng nói Cói không giống của Mầm. Ngay cả lời văn của bản thân tác giả khi kể chuyện, anh cũng cố nói theo tiếng nói trữ tình thích hợp với tâm trạng từng lúc của mỗi nhân vật. Những đoạn như đoạn tả tâm trạng An và nhiều đoạn về Khắc, về Xoan, về Cói, v.v. là những ví dụ cụ thể.

Một ưu điểm nữa của tác giả *Võ hờ* là anh đã đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa để nhìn lại và tái hiện cuộc sống cách đây trên hai mươi năm của xã hội Việt Nam vào thời kỳ đen tối nhất.

Không kể những nhà văn suy đồi bế tắc, thoát ly hiện thực, nhìn xã hội với đôi kính nghệ thuật trừu tượng, siêu thực của họ. Ngay cả những nhà văn hiện thực phê phán mặc dầu có vạch trần được bản chất mục nát của xã hội đương thời, vẫn chưa thấy hết sự phát triển cách mạng của hiện thực. Nhiều khi họ nhìn sự vật, xã hội, những con người trong xã hội một chiều, toàn một màu đen tối. Nguyễn Đình Thi may mắn hơn ; nhờ có thế giới quan khoa học Mác – Lênin, anh nhìn lại cuộc sống cũ một cách toàn diện, với tất cả các mặt, các khía cạnh, trong quá trình phát triển cách mạng của nó. Ngoài cái xấu xa, mục nát của chế độ cũ, anh còn tìm thấy cái đẹp trong thiên nhiên, trong xã hội và nhất là ở ngay trong những con người bình thường ấy. Nhờ săn có vốn trí thức khá sâu rộng về các môn nghệ thuật – bản thân anh cũng là nhà sáng tác nhạc và nhà thơ – nhờ có khiếu thẩm mỹ cao, anh đã đi sâu khai thác và biểu hiện vẻ đẹp nhiều mặt ấy của cuộc sống.

Thông qua việc miêu tả hai họa sĩ Tư và Thanh Tùng, nhạc sĩ Toàn và Nina, tác giả *Võ bờ* giới thiệu với người đọc nhiều khía cạnh phúc tạp, tinh vi tế nhị trong những tâm hồn nghệ sĩ và qua đó gieo vào lòng người ta nhiều khoái cảm mỹ học rất mới lạ mà trong cuộc sống thực tế ta thường lướt qua không trông thấy và không cảm xúc được.

Trong cuộc sống đen tối xưa kia đây rẫy cảnh đao đầy tủi nhục và cơ cực, Nguyễn Đình Thi đã thấy và phản ánh đó dây trong tác phẩm của anh một niềm vui hồn nhiên, một tinh thần lạc quan yêu đời của những người lao động. Qua những buổi gặt lúa, những đêm trăng đậm lúa, họ hát hò, cười nói, đùa nghịch, thổ lộ tâm tình yêu đương của họ với nhau, y như những cảnh đã được phản ánh trong ca dao, trong truyện cổ tích truyền lại từ bao đời nay.

Vẻ đẹp trong tình yêu cũng được tác giả *Võ bờ* khai thác và biểu hiện dưới nhiều màu sắc rất đa dạng và phong phú. Mỗi tình giữa Côi và Quế, giữa Mầm và Xoan, giữa An và Khắc đều tuyệt đẹp ; nó là đôi cánh diệu kỳ giúp cho họ có thể bay bổng lên trên cái xã hội dâng nguyên rùa ấy để tìm lẽ sống.

Nhưng đối với tác giả *Võ bờ* thì đẹp hơn hết có lẽ là những nhân vật phụ nữ và trẻ em. Tác giả nhìn những tác phẩm tuyệt diệu này của hoá công với tất cả tấm lòng trùm mền... An, Quyên, Quế, Xoan mỗi người là một bài thơ trữ tình đầy cảm xúc. Và những trẻ em ! Đó là những con mắt mờ to, những lông mi đen nháy, những cái má lúm đồng tiền, và cũng là những tiếng cười nói bi bô,... Tác giả không tập trung miêu tả một em bé nào ; nói chung hình ảnh các em thường rải rác ẩn hiện từ đầu đến cuối truyện ; tác giả thường nói lướt qua nhưng không hề hời hợt. Trái lại mỗi lần nói đến các em là nói với tất cả nhiệt tình thật thấm thiết. Và thường miêu tả các em bé để làm nổi bật khung cảnh trong lĩnh vực tình cảm.

Những vẻ đẹp trên đây đã được Nguyễn Đình Thi nhận thức, phát hiện và phản ánh một cách khá sinh động. Đặc điểm của tác giả *Võ bờ* là anh đã khai thác và thể hiện được những vẻ đẹp đó dưới một hình thức miêu tả vừa hiện thực, vừa trữ tình và tạo thành một hương vị thơ toả khắp đó đây trong tác phẩm. Cá tính Nguyễn Đình Thi biểu lộ rất rõ trong *Võ bờ* chính là ở hương vị thơ đó ; và *Võ bờ* hấp dẫn người đọc một phần cũng nhờ hương vị thơ đó.

Cuối cùng cũng cần nói đến bút pháp của Nguyễn Đình Thi. Quả thật là một cây bút già dặn, đạt đến một trình độ diệu luyệt vững chắc. Bút pháp của anh thật độc đáo. Anh tả cảnh tả người, tả tâm trạng cùng một lúc. Tất cả quyện vào nhau, toát lên một hình tượng vừa hiện thực vừa trữ tình. Ngay khi anh chỉ tả cảnh thôi cũng vậy. Phong cảnh thiên nhiên ở đây được nhìn qua con mắt và tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. Và tả dung mạo bên ngoài đối với anh cũng là phương tiện để truyền đạt tính cách và tâm trạng của con người. Lời kể chuyện của tác giả cũng thường xuyên qua ý nghĩ chủ quan của nhân vật.

Để đạt mục đích này, anh đã tạo cho mình một vốn ngôn ngữ tương đối đa dạng và nhiều hình ảnh. Sự chú ý đặc biệt của anh về cấu tạo câu văn cũng là một gương sáng cho nhiều người. Anh dùng từ thật chính xác và giữa gọt câu văn đạt đến một sự trong sáng hiếm có. Chúng ta cảm ơn tác giả *Võ bờ* về lao động nghệ thuật của anh, đặc biệt là trong phạm vi hành văn. Chúng ta cần nhấn mạnh điểm này, vì hiện nay còn không ít những người viết ấu, viết bừa, bất chấp cả câu kéo văn phạm. Chúng ta đánh giá cao thành tích của anh trong công cuộc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

*
* * *

Mặc dù còn có một số nhược điểm, *Võ bờ* tập I của Nguyễn Đình Thi đánh dấu một bước tiến mới của nền tiểu thuyết Việt Nam. Nó xứng đáng với sự hoan nghênh của đông đảo người đọc.

Sự thành công của tiểu thuyết *Võ bờ* nói lên trình độ và khả năng khai quát sâu rộng hiện thực xã hội bằng phương tiện nghệ thuật. Đồng thời nó cũng chứng tỏ nghệ thuật biểu hiện – từ xây dựng nhân vật, miêu tả tính cách, cho đến bố cục cốt truyện, sử dụng ngôn ngữ và hành văn – đã đạt được trình độ khá cao.

Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 10 -1962

VÕ BỜ CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

NGUYỄN PHAN NGỌC

Võ bờ là một truyện dài nhiều tập, nhưng mới xuất bản tập I. Cuốn truyện miêu tả cả một thời kỳ phong trào nhân dân cách mạng sôi nổi chống đế quốc và phong kiến. Tập I mới chỉ nói đến những sự kiện xảy ra ở nước ta trong một thời kỳ ngắn, bắt đầu từ lúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (mùa thu 1939) tới khi phát xít Nhật vào Đông Dương (cuối năm 1940). Qua những hoạt động của các nhân vật trong truyện, tác giả đã phác ra cả một bức tranh toàn diện về xã hội nước ta hồi đó, nói lên những nguyên nhân xã hội sinh ra phong trào quần chúng cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương : biển nước mênh mông, sóng dâng cuồn cuộn tạo nên cái khí thế sóng gầm đập vỡ tan cát bờ đê quốc và phong kiến.

Võ bờ không những chỉ đề cập đến vấn đề đấu tranh cách mạng là vấn đề cơ bản trong đời sống của nhân dân ta lúc đương thời, mà còn đề cập đến nhiều mặt quan trọng khác trong cuộc sống như vấn đề nghệ thuật, vấn đề tình yêu. Với các chủ đề trên, Nguyễn Đình Thi đã đưa ra hàng mấy chục nhân vật đại biểu cho nhiều lớp người trong xã hội. Mỗi nhân vật đều có một tâm tư riêng trước những diễn biến lớn của thời đại và những vấn đề nóng hổi của cuộc sống, có quan điểm và cách yêu đương khác nhau, có khuynh hướng nghệ thuật khác nhau. Tuy đề cập đến nhiều mặt trong cuộc sống như thế, nhưng tập truyện vẫn không sao lâng chủ đề chính, sao lâng vấn đề cơ bản và nóng hổi của thời đại là vấn đề đấu tranh cách mạng. Tôi chưa biết các nhân vật trong tập II sẽ phát triển như thế nào, nhưng riêng ở tập I thì có lẽ đây chính là điểm thành công đầu tiên và cũng là thành công cơ bản của tác giả.

Đọc *Võ bờ* chúng ta chăm chú theo dõi (và có lúc cũng khá hồi hộp) những bước đi trong chặng đường hoạt động cách mạng của

Khắc, người đảng viên cộng sản, một cán bộ lãnh đạo cách mạng. Chúng ta say sưa với mối tình tuyệt đẹp giữa Khắc và An, một phụ nữ dân nghèo có cảm tình với cách mạng. Khắc và An là hai nhân vật chính của tập truyện có sức thu hút được cảm tình của đông đảo người đọc. Khắc xứng đáng tiêu biểu cho người chiến sĩ cộng sản. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng, đế quốc Pháp ra sức khủng bố trắng, cơ sở nhiều nơi tan vỡ, bọn terrorist truyền bá cái nọc độc xa lánh Mạc Tư Khoa, một số cán bộ và quân chúng có những hoang mang, dao động thì Khắc đã là người nắm chắc và phất cao ngọn cờ cách mạng. Lý tưởng cách mạng, tinh thần hy sinh và chiến đấu đến cùng cho cách mạng hứa như đã được kết tinh vào trong nhân vật Khắc. Khắc chính là một người cách mạng kiên cường y như số đông cán bộ lãnh đạo cách mạng nước ta trong thực tế. Có bạn đọc nói với tôi là trước tình hình khó khăn, phức tạp đó mà sao Khắc không có chút hoang mang, dao động gì. Như thế có đúng sự thực không ? Có "con người" không ? Tôi nghĩ không phải cứ có ít nhiều dao động trước một tình hình xấu nào đó thì mới "người", mới "chân thật". Sự thực lịch sử là Đảng ta có nhiều cán bộ lãnh đạo cách mạng đã tỏ ra rất vững vàng trong lúc đó, kể cả những cán bộ đang nằm trong tù, trong "cảng" của đế quốc.

Chúng ta mến An, một phụ nữ dân nghèo có một tâm hồn bình dị, thiết tha với cuộc sống. Chính vì thiết tha với cuộc sống mà An đã hết sức giúp đỡ Khắc ngay từ khi An mới cảm thấy Khắc là người hoạt động cách mạng. An yêu Khắc vì An biết Khắc là người sẵn lòng hy sinh để đấu tranh giành quyền sống cho con người, giành tự do cho dân tộc. Tình yêu giữa An và Khắc là một mối tình đẹp đẽ, chân chính, đầy lý tưởng. Vì đây chính là tình yêu do chung một lý tưởng, nên họ sẵn sàng hy sinh cho nhau, bảo vệ lẫn nhau, không bợn một chút danh lợi nào, không e ngại một lời thị phi nào. Mấy trang nói lên tâm tư của An trong lúc dán áo len cho Khắc, trong những phút khắc khoải chờ Khắc đi treo cờ về... (tr. 295 - 298) là một bài thơ êm dịu và say sưa, đẹp đẽ và xúc động biết bao ! Việc An có chứa mà Khắc lại đã hy sinh, trong khi chưa mấy người biết An đã có chồng, càng làm cho mối tình đẹp đẽ đó có chiều sâu hơn, cành ngô của nhân vật chua xót hơn và do đó càng làm rung động thêm trái tim người đọc, gây thêm mối cảm thù bợn đế quốc tàn ác đã phũ phàng đập nát mối tình tươi đẹp đó.

Tất cả những lý tưởng và tình cảm tốt đẹp nhất của người cộng sản đã được tập trung vào nhân vật Khắc. Đời anh không những chỉ có chiến đấu mà còn có cả biết bao mối tình, tình đồng chí, tình mẹ con, anh em, cha con, tình vợ chồng, v.v. Vì thế, qua nhân vật Khắc, nhân dân ta càng hiểu thêm, yêu mến thêm người cách mạng, người cộng sản mà nhân dân ta hằng tin yêu. Nhiều bạn đọc, nhất là các bạn đọc trẻ, bạn đọc phụ nữ, thích đọc Võ bờ một phần chính là vì Võ bờ đã vẽ lên được những nét chân thực trong tâm hồn và cuộc đời hoạt động của những con người cách mạng đó.

Ngoài Khắc và An, chúng ta cũng rất thích hai nhân vật Quyên và Xoan. Quyên, người con gái nông dân chịu ít nhiều ảnh hưởng Nho giáo, với đức tính hay làm, sẵn sàng hy sinh một cách thầm lặng, kín đáo vì mẹ, vì anh, vì cháu. Tin và yêu quý phẩm chất tốt đẹp của những người cách mạng, mà Khắc, người anh ruột Quyên, là tiêu biểu, Quyên có cảm tình nông nàn với tất cả những người cách mạng tuy mới gặp gỡ lần đầu. Trong truyện tuy Quyên chưa phải là chiến sĩ cách mạng, nhưng với mối cảm thù sâu sắc đối với kẻ thù đã làm tan nát cái gia đình yêu mến của Quyên, đã cướp mất cha, mất anh Quyên, nhất định Quyên sẽ trở thành một chiến sĩ cách mạng kiên cường mà tác giả đã hé mở cho người đọc thấy.

Xoan, một cô gái cõi nông mới lớn, đã phải chịu bao khổ cực đau thương từ nhỏ, chịu bao chua xót đắng cay về mối tình thâm kín đối với Mầm. Chính giai cấp địa chủ phong kiến cấu kết với bọn thực dân, tiêu biểu là nghị Khanh, đã gây nên những cảnh đau thương, chua xót ấy. Chúng chiếm đoạt ruộng đất của nhà Xoan, bắt Xoan suốt đời làm tội đồ, bắt Mầm, người yêu Xoan, đi phu rồi dày ải hết nhà tù này đến trại giam khác. Đoạn Xoan ốm gần chết mà nghị Khanh đuổi về nhà, mẹ con cơm cháo, thuốc thang nuối nhau, sau nhờ được anh em nông dân nghèo khổ xóm làng chôn thành giúp đỡ mà qua nạn khói và đoạn Xoan ngất đi, miệng lảm nhảm gọi tên người yêu là những đoạn khá đạt. Với nhân vật Xoan, tác giả đã nói lên được một phần bản chất tốt đẹp, tình cảm trong trắng của người nông dân lao động và một phần bản chất bóc lột tàn ác của giai cấp địa chủ.

An, Quyên, Xoan là ba nhân vật phụ nữ mang nhiều nét chân thật. Cuộc đời của họ tuy chỉ mới hé mờ ra nhưng cũng đã thu hút được sự chú ý và cảm tình của người đọc.

Tập truyện cũng đã nêu được khá rõ là tư tưởng cách mạng không phải chỉ ăn sâu vào trong quần chúng công nhân, nông dân, dân nghèo là những giai cấp, tầng lớp quá đau thương khổ cực bởi một cỗ máy tròng, mà còn lan dần vào trong các tầng lớp trung gian thuộc giai cấp tiểu tư sản như thầy giáo Hội, nghệ sĩ Tư và Toàn, các anh chị em học sinh, v.v. Bản chất giai cấp tiểu tư sản được thể hiện khá rõ nét qua các nhân vật thuộc các lớp người của giai cấp đó. Tính chất dao động ngả nghiêng trước những khó khăn và những biến cố lịch sử trong Hội, tâm trạng thờ ơ và bi quan trước cuộc sống bế tắc của Tư, Toàn hoặc đi đến chỗ cam tâm đem nghệ thuật phục vụ cho đồng tiền, cho thị hiếu của giai cấp bóc lột như họa sĩ Thanh Tùng, tính chất hăng hái bồng bột của những thanh niên học sinh như Kim, v.v. đã được Nguyễn Đình Thi thể hiện với một ngòi bút linh hoạt và mang nhiều tính chân thật. So với các nhân vật công nhân, nông dân thì những nhân vật thuộc các tầng lớp tiểu tư sản, nhất là Hội, đã được tác giả thể hiện một cách sắc sảo và sinh động hơn, có một nội tâm sâu sắc hơn. Qua một vài nét, tuy còn sơ sài, với nhân vật huyện Môn, bộ mặt bi ối của bọn quan trường thời đó cũng đã lộ nguyên hình. Chúng chỉ lo ăn chơi, lo thăng quan tiến chức để thêm điều kiện ních chật túi tham, kiếm nhiều gái đẹp. Chúng khum lúm, quy luy quan trên, thúc bách vợ phải đi ngủ với quan thầy và không từ một hành động đê hèn nào để đạt cái đích duy nhất đó. Các hình tượng Phugia, Lanéc, nghị Khanh, huyện Môn, v.v. và một số hình ảnh rùng rợn trong các nhà tù đế quốc, cảnh bắt lính, bắt phu, cảnh vợ nghị Khanh thu tô, cảnh học sinh Tây công khai trêu ghẹo nữ sinh Việt Nam và mối tình tuyệt vọng vì khác màu da giữa Toàn và Nina, v.v. đã hợp thành một bức tranh vẽ lên cái chính sách đàn áp bóc lột và dời sống xa hoa truy lạc của các giai cấp thống trị, tương phản với bức phác họa về đời sống khổ cực và đạo đức tốt đẹp của những người lao động. Với hai bức tranh xã hội đó, tuy đều chưa đậm nét và chưa sắc cạnh, Võ bờ cũng đã phản ánh được vấn đề của xã hội nước ta đương thời là các màu thuẫn không thể điều hoà và ngày càng đấu tranh kịch liệt với nhau giữa các giai cấp thống trị một bên

với các giai cấp bị bóc lột một bên. Võ bờ cũng đã nói lên được rằng đã tới lúc những con người thuộc đủ các giai cấp, các tầng lớp lao động như Mâm, Côi, An, Quyên, Hồi, Toàn, v.v. sống bao năm quẩn quại, mòn mỏi trong những gông cùm, xiềng xích của bọn đế quốc thực dân và địa chủ phong kiến như Lanéc, nghị Khanh, v.v. phải đứng dậy tập hợp lại thành một thác nước khổng lồ gầm thét ầm ầm xô lên đập vỡ cái bờ đế quốc và phong kiến vụn ra tùng mảnh.

Trong cái xã hội thối nát đó, đời sống nghệ thuật rất nghèo nàn và bế tắc. Thanh Tùng, tiêu biểu cho loại nghệ sĩ chuyên đem những nét vẽ, đường tơ phục vụ cho đồng tiền, cho sự hưởng lạc cá nhân mà bê ngoài lại tự trưng lên cái danh từ rất kêu "nghệ thuật thuần tuý". Nhưng ở cái xã hội nhảy nhụa lợi danh đó, cũng có những nghệ sĩ chân chính như Tư, cam chịu một đời sống nghèo khổ, dành để những bức tranh chất cao bên xó gác, quyết giữ lấy những tinh hoa của nghệ thuật đem phục vụ cho đời sống con người, dùng phương tiện nghệ thuật lên án những cái xấu xa của xã hội. Qua mấy nhân vật Tư, Toàn và Thanh Tùng tiêu biểu cho hai khuynh hướng nghệ thuật, Võ bờ không những đã phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng về chính trị và kinh tế, mà còn phản ánh cả cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng nghệ thuật, một bộ phận không thể thiếu được trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Nguyễn Đình Thi đã miêu tả một cách sinh động đủ mọi kiểu yêu đương tình ái tương phản với nhau. Trái hẳn với mối tình lý tưởng tuyệt đẹp giữa Khắc - An, với mối tình chân thật, tha thiết và kín đáo giữa Mâm - Xoan, mối tình sôi nổi giữa Côi - Quế, v.v. "tình yêu" của các giai cấp bóc lột chỉ là tình yêu tiền, tình yêu danh vị, tình yêu xác thịt. "Tình yêu" của chúng không còn thuộc về tính người nữa mà đã trở lại tính thú. Quan điểm về "tình yêu" của giai cấp địa chủ được thể hiện rõ nét trong mối tình của vợ chồng nghị Khanh và trong âm mưu của vợ hắn định gả con gái cho Đông, một học sinh đại học thuê trọ nhà hắn, để giữ giá cho đứa con gái đã có lần chửa hoang và để mất ít của hồi môn. "Tình yêu" của Mỹ Lan với Quảng Lợi, thứ "tình" tư sản, chỉ là mối tình tiền, khi Quảng Lợi sa sút thì Mỹ Lan đã chuẩn bị sẵn một người chồng mới có nhiều tiền hơn. Không những "tình yêu", mà

"tình bạn" của bọn chúng cũng là cái thứ "tình" "bè ngoài thơm thoát nói cười, bè trong nham hiểm giết người không dao". Trước cơn hoạn nạn của Quảng Lợi, nghị Khanh không những không giúp đỡ mà còn vui mừng vì cái cửa hàng sắt với cô vợ trẻ, đẹp của bạn sắp về tay mình. Mỗi "tình" truy lục giữa Thanh Tùng với Phượng, vợ huyện Môn, một cô gái tơ lụa Hàng Đào, đã được tác giả miêu tả với những nét bút sắc sảo và linh hoạt (tr. 213).

*
* * *

Với một bố cục tương đối chặt chẽ, mạch lạc, và lời văn trong sáng có nhiều sức hấp dẫn, chủ đề chính và phụ thể hiện được rõ ràng, *Võ bờ* là một tập truyện dài thành công hơn cả trong những cuốn truyện dài cùng đề tài mấy năm gần đây, nó đánh dấu một bước tiến mới của Nguyễn Đình Thi. Qua những diễn biến của các nhân vật trong tập truyện, *Võ bờ* đã phác họa được cả một bức tranh xã hội của thời đại, mang nhiều nét chân thật. Nhưng *Võ bờ* chưa phản ánh được sâu sắc bản chất xã hội đương thời, nên tập truyện còn thiếu một cái nền vững chắc cho sự phát triển tâm lý của nhân vật. Những nguyên nhân cơ bản và chủ yếu sinh ra phong trào đấu tranh cách mạng chưa thể hiện được thật rõ nét. Nhân vật trong *Võ bờ*, nhất là Khắc, được tác giả khai quát hoá khá cao, nhưng tính cách riêng biệt lại chưa được phát triển toàn diện, thiếu những nét cá tính cần thiết để làm cho nhân vật được trọn vẹn hơn, sinh động hơn. Vì vậy, *Võ bờ* nói chung có nhiều nét chân thực nhưng hoàn cảnh xã hội và tính cách nhân vật trong *Võ bờ* chưa mang đầy đủ tính chất của hoàn cảnh diễn hình và nhân vật diễn hình. Do đó *Võ bờ* tuy về cơ bản là một cuốn truyện có tính hiện thực, nhưng nét tố chưa đậm, còn thiếu chiều sâu, chưa thật là một tấm gương sáng phản ánh được bản chất xã hội nước ta. Thực thế, diễn biến của các nhân vật và nhiều cảnh trong *Võ bờ* đã gợi lên những mâu thuẫn trong xã hội ta, những mâu thuẫn hợp thành một mâu thuẫn cơ bản nổi lên hàng đầu là mâu thuẫn giữa nhân dân ta một bên với bọn đế quốc và giai cấp địa chủ phong kiến một bên. Nhưng *Võ bờ* chưa phản ánh được cụ thể và sâu sắc những mặt của các mâu thuẫn đó, nhất là mâu thuẫn giữa các giai cấp cơ bản với bọn đế quốc thực dân và phong kiến địa chủ tay sai.

Ai cũng biết chính sách bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam là một chính sách hết sức bảo thủ, lạc hậu, vô cùng dã man, tàn bạo. Chúng không những duy trì bộ máy thống trị phong kiến và cách bóc lột kiểu phong kiến ở nông thôn mà còn đem thực hiện ở cả nhà máy, xen lẫn với cách bóc lột kiểu tư bản chủ nghĩa. Do đó, lao động và đời sống của các tầng lớp nhân dân ta đặc biệt là công nhân, nông dân rất là cực khổ và tối tăm. Nhưng *Võ bờ* chưa nói lên được sâu sắc thực trạng xã hội đó. Hình ảnh mấy nhân vật công nhân như một cái bóng, người đọc không thấy rõ đời sống khổ cực, cảnh làm việc nhọc nhằn, khổ ải và tâm trạng của họ. Tập truyện cũng không có hình ảnh bọn tư bản cá mập Pháp hoặc tư sản mại bản với bộ máy dàn áp của chúng đặt ngay trong nhà máy, hằng ngày bóc lột, dàn áp công nhân. Hai mặt của mâu thuẫn đó chưa được thể hiện cụ thể trong những nhân vật công nhân với dây dù da thịt, nên chưa nêu thật rõ cái nguyên nhân cơ bản đã tạo nên phong trào cách mạng trong công nhân, tiêu biểu là ở nhà máy xi măng Hải Phòng mà tác giả đã lấy làm nơi điển hình cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân.

Với mấy nhân vật nông dân (Xoan, Mầm, Cói, v.v.) và vợ chồng nghị Khanh, *Võ bờ* đã nói lên phần nào những thủ đoạn bóc lột của giai cấp địa chủ về tó, tức, chiếm đoạt ruộng đất, v.v. và đời sống lay lắt của những người nông dân lao động. Nhưng sự việc còn tản漫, thiếu tập trung vào một, hai nhân vật nhất định, thiếu những chi tiết cần thiết giúp cho tính cách của nhân vật phát triển toàn diện, mạnh mẽ, nêu mấy nhân vật nông dân chưa tiêu biểu được cho giai cấp nông dân lao động, chưa đủ súc rung cảm người đọc. Ở nước ta, giai cấp địa chủ thực sự làm tay sai cho đế quốc, chúng giữ tất cả các "chức sắc" trong bộ máy chính quyền ở nông thôn, dùng bộ máy đó dàn áp bóc lột nông dân với tất cả những hình thức dã man tàn bạo nhất. Nhưng nghị Khanh với tính cách là nhân vật đại diện cho giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn còn "hiển lành" quá, những thủ đoạn bóc lột nông dân cũng bình thường quá, chưa thể hiện được đầy đủ tính cách của một nhân vật điển hình cho các thế lực phản động đó, chưa rõ là một tên địa chủ cường hào gian ác. Những nét về nông thôn trong *Võ bờ*, cũng còn mờ nhạt, tuy có đậm hơn những nét về giai cấp công nhân, nhưng cũng không làm cho người đọc thấy được thật rõ sự cấu kết giữa

giai cấp địa chủ với bọn đế quốc thực dân và những thủ đoạn tàn bạo của chúng. Nỗi khổ cực của nông dân cũng chưa thể hiện được sâu sắc, mà đó chính lại là cái nguyên nhân cơ bản làm cho nông dân vùng lên, trở thành chủ lực quân của cách mạng.

Ở phần trên, tôi có nói là *Võ bờ* mới chỉ phản ánh được một phần bản chất bóc lột và đạo đức xấu xa của các giai cấp thống trị mà thôi. Thực thế, cả một bộ máy đàn áp, bóc lột đồ sộ, cả một hệ thống quan lại nhơ bẩn từ tên toàn quyền, thống sứ, thương thư Nam triều cho đến bọn tuần phủ, tri huyện, lý trưởng, v.v. với biết bao là mưu mô xảo quyệt, biết bao thủ đoạn tàn bạo dã man, hầu như không được tác giả nói tới trong tập truyện. Hình ảnh nhân vật huyện Môn chỉ mới nói lên được một phần rất nhỏ về cái mặt đạo đức nhơ bẩn của chúng mà thôi. Huyện Môn không thể là một nhân vật tiêu biểu cho cái hệ thống quan lại "vinh thân phì gia" chuyên sống bằng xương máu của đồng bào ta.

Chính vì hai mặt cụ thể của mâu thuẫn giữa các giai cấp thống trị một bên và các giai tầng lao động bị áp bức một bên chưa thể hiện được thật cụ thể, thật sâu sắc bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, nên đọc tập truyện chúng ta tuy thấy có nhiều đoạn lý thú, nhưng vẫn "cảm" thấy thiếu một sự xúc động sâu sắc trong tình cảm, thiếu nhiều dư vị sau khi gấp tập truyện lại. Có bạn nói với tôi rằng văn Nguyễn Đình Thi trong *Võ bờ* có phần đơn điệu quá ! Tôi cho rằng văn Nguyễn Đình Thi trong tập truyện thật là điêu luyện, có nhiều đoạn tả tình, tả cảnh (như tả cảnh gặt, tr. 87, cảnh bắt cá tr. 390, v.v.) thật là trong sáng và hấp dẫn. Anh đã có những cố gắng lớn, nhưng sờ dĩ bạn đọc chưa được thoả mãn chính vì chủ đề của tập truyện yêu cầu anh phải làm sao miêu tả vừa cụ thể sinh động lại vừa khái quát nêu bật lên được những vấn đề cơ bản của xã hội, mà điều này anh mới chỉ làm được một phần.

Trở lại vấn đề nông dân. Từ năm 1930 về sau, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào nông dân lúc thì sôi nổi, lúc thì âm ỷ như một đống lửa dầm sẵn, chực bùng cháy. Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, do điều kiện thuận lợi lúc đó, Đảng tập trung hoạt động ở thành thị. Nhưng cuối năm 1939, Trung ương Đảng quyết định chuyển trọng tâm hoạt động của Đảng về nông thôn, nên dù dịch khủng bố dữ dội, phong trào

nông dân không những vẫn giữ vững mà còn phát triển mạnh mẽ nữa. Một tập truyện viết về đề tài cách mạng không thể không phản ánh thật đúng đắn hoàn cảnh lịch sử cụ thể đó. Nhưng trong *Võ bờ*, những làng mạc ven bờ sông Lương phảng lặng quá, hầu như chưa có phong trào cách mạng. Mấy nhân vật tiêu biểu cho giai cấp nông dân ở làng Gành, làng Chảm như Côi, Quyên, v.v. cũng chỉ mới là những người ít nhiều có cảm tình cách mạng. Trong *Võ bờ*, ở họ chỉ mới nảy sinh ý thức dân tộc và phần nào ý thức căm thù giai cấp ; họ chưa được tập hợp lại thành một tổ chức hoạt động cách mạng.

Tập truyện cũng chưa phản ánh được một số diễn biến quan trọng của lịch sử có ảnh hưởng khá lớn trong phong trào cách mạng hồi đó. Sau khi Liên Xô ký hiệp ước với phát xít Đức thì bọn tay sai kí ra sức bối nhọ Liên Xô, gieo rắc tư tưởng hoài nghi Liên Xô. Nhiều quân chúng cách mạng và ngay cả trong đảng viên cộng sản cũng có một số người hoang mang mất tin tưởng, thậm chí cá biệt có người xa rời cách mạng. Nhưng trong *Võ bờ*, khi phục hồi và phát triển cơ sở ở Hải Phòng, Khắc hầu như không phải tiến hành một cuộc đấu tranh tư tưởng gay go nào trong nội bộ Đảng, trong quần chúng cách mạng để đánh bại những tư tưởng phản động và những tư tưởng bi quan, hoài nghi ánh hưởng vào nội bộ Đảng, nội bộ hàng ngũ cách mạng. Khắc chỉ có một lần giải thích mấy thắc mắc đơn giản của Hội, một giáo viên cảm tình cách mạng : điều đó chưa đủ nói lên thực chất cuộc đấu tranh tư tưởng đó được.

Trên đây là nói về hoàn cảnh xã hội, cái nền của tập truyện. Về xây dựng nhân vật, trong *Võ bờ* cũng còn nhiều hình tượng mờ nhạt, nhất là các nhân vật công nhân, mà tôi đã có nói tới trong nhiều đoạn ở trên. Tôi chỉ muốn bàn sâu vào nhân vật Khắc là nhân vật chính của tập truyện mà cũng là nhân vật mà Nguyễn Đình Thi đã bỏ nhiều công phu, để nhiều tâm huyết vào. Khắc xứng đáng là nhân vật tiêu biểu cho những chiến sĩ cách mạng. Nhưng Nguyễn Đình Thi lại để cho Khắc mắc phải một số khuyết điểm khá lớn mà những khuyết điểm đó hầu như không thể xảy ra trong những người cán bộ lãnh đạo cách mạng chân chính như Khắc được. Khắc bị quản thúc ở quê nhà trong suốt cả thời kỳ Mặt trận dân chủ là thời kỳ có điều kiện tốt nhất để giác ngộ

và tổ chức quần chúng tham gia hoạt động cách mạng. Nhưng Khắc ra đi đã không để lại cho vùng ven sông Lương một cơ sở cách mạng nào, thậm chí không có lấy một người làm đầu mối, làm hạt nhân cho phong trào cách mạng ở vùng đó. Vai trò và nhiệm vụ của người đảng viên cộng sản đối với quần chúng, tinh thần chiến đấu không mệt mỏi của người đảng viên cộng sản ở đây mờ nhạt quá, không phù hợp với bản chất của người đảng viên cộng sản. Một vài hành động của Khắc cũng quá phiêu lưu mạo hiểm, không thích hợp với vai trò của người lãnh đạo chủ chốt của Thành ủy và cũng không đúng với phương pháp hoạt động bí mật, như tự mình đi treo cờ, dán áp - phích hoặc tự mình đi gặp một người chưa được thẩm tra kỹ càng mà chính Khắc cũng có chút nghi ngờ. Do những thiếu sót thuộc về bản chất của người cách mạng, về phương thức cơ bản của hoạt động cách mạng hối bí mật cộng với những thiếu sót về cá tính cụ thể, nên Khắc, nhân vật trung tâm của tập truyện, tuy là một nhân vật có nhiều thành công, vẫn chưa phải là một nhân vật điển hình của người cán bộ cách mạng.

Nguyễn Đình Thi cũng có phần hơi tham trong việc đưa ra quá nhiều nhân vật. Mỗi việc, mỗi cảnh lại thể hiện qua một nhân vật khác nhau (Còi và Mầm trong cảnh bắt phu, Bão trong cảnh thu tó, Điều và Tân trong cảnh bắt lính, v.v.), nên sự việc thiếu tập trung vào một vài nhân vật nhất định. Vì thế nên ngay tính cách của những nhân vật chính cũng chưa phát triển được toàn diện, chưa đủ sức hấp dẫn và gây được ấn tượng sâu sắc trong người đọc.

*
* * *

Qua tập truyện cũng đã lộ rõ chỗ mạnh và chỗ yếu của Nguyễn Đình Thi. Từ *Xung kích* đến *Vỡ bờ*, cây bút của anh đã trở thành một cây bút viết tiểu thuyết sắc sảo, xứng đáng là một trong những cây bút điêu luyện viết truyện dài ở nước ta. Anh sẵn có trí thông minh, lại cố gắng đọc được nhiều tác phẩm lớn, có giá trị của các nhà văn nổi tiếng trong nước và trên thế giới, nên văn của anh thật là thanh thoát và có nhiều sức hấp dẫn. Anh đã được Đảng rèn luyện, giáo dục lâu dài, nhất là trong những năm kháng chiến, Đảng đã giúp anh đi nhiều vào thực tế đời sống, nên anh đã tôi luyện được một thế giới quan đúng đắn,

nhìn rõ được những vấn đề chủ yếu, thấy được mặt bản chất của xã hội, của con người. Nhưng vốn sống của anh chưa được nhiều. Anh chưa nắm chắc được hết các khía cạnh của sự kiện, chưa nhìn được sâu sắc bản chất các giai cấp nói chung và đặc điểm riêng của từng loại người cụ thể, nhất là những con người công nhân. So với người công nhân thì anh hiểu người nông dân sâu sắc hơn, vì anh đã có những năm "ba cùng" với những anh em nông dân mặc áo lính. Vì vậy, nhân vật nông dân của anh cũng có da, có thịt hơn mấy nhân vật công nhân. Nhưng nói chung các nhân vật của anh nông dân cũng như công nhân, vẫn còn tròn trĩnh quá !

Vốn sống của nhà văn cũng có thể trang bị bằng cách gián tiếp như nghiên cứu tài liệu, nghe những người đã làm, đã sống kể lại, v.v. Song tốt nhất vẫn là tự mình đi sâu vào thực tế, lân mình vào trong phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng lao động. Nguyễn Đình Thi đã có nhiều công phu nghiên cứu tài liệu, gấp gỡ một số người. Nhưng chủ đề cách mạng của tập truyện anh viết đã rất rộng, lại là một vấn đề căn bản nhất của xã hội nước ta, mà anh còn đề cập đến một số vấn đề khá phức tạp khác trong cuộc sống như vấn đề nghệ thuật và tình yêu ; anh cũng chưa tạo được một quyết tâm, chưa hun cao được ngọn lửa nhiệt tình trong người, tạo ra những điều kiện tối để hòa mình vào trong phong trào quần chúng, nghiên cứu cho thật đầy đủ, thật sâu sắc các tài liệu cần thiết. Vì vậy, anh đã viết *Vở bờ khê* công phu nhưng vẫn có những khuyết điểm không nhỏ đáng tiếc. Hy vọng rằng qua ý kiến của đồng đảo bạn đọc, anh sẽ nhìn thấy đầy đủ và sâu sắc những mặt yếu của anh. Anh sẽ có quyết tâm tạo nên một cái vốn sống thật đổi dào, viết tiếp cuốn truyện được hoàn chỉnh và giàu tính hiện thực hơn.

Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 10 - 1962

XUNG QUANH VĂN ĐỀ VÕ BỜ

PHONG LÊ

Võ bờ là một trong số ít tiểu thuyết dài của ta được nhiều bạn đọc quan tâm. Đề tài phong phú. Văn đề đặt ra quan trọng. Bối cảnh rộng. Nhân vật nhiều. Công phu người viết bò ra lớn. Bởi vậy việc đánh giá không thể sơ sài.

Không giống với nhiều truyện dài khác, ý kiến xung quanh Võ bờ có phần khác nhau, thậm chí có khía cạnh trái ngược nhau. Bản thân tác giả cũng đã có dịp trình bày cho rõ thêm một số quan điểm của mình⁽¹⁾. Như vậy là sự trao đổi đã được mở rộng ra trên hai hướng: những vấn đề của chính cuốn sách, và những vấn đề đặt ra ngoài cuốn sách.

Trong bài này, chúng tôi muốn góp phần nhìn lại chỗ mạnh và chỗ yếu chung của Võ bờ, đồng thời nêu mấy ý kiến về một số vấn đề mà bài của Nguyễn Đình Thi đặt ra.

*
* * *

Tác phẩm bao quát một phạm vi hiện thực rộng, gồm hoạt động của nhiều lớp người, nhằm tái hiện lại một thời kỳ cảng thẳng trong lịch sử dân tộc ta những năm tiếp cận với cách mạng. Tách riêng ra từng mảng tác phẩm mà xét thì cũng dễ thấy có những chỗ đậm nhạt không đều nhau. Điều ấy cũng là tự nhiên. Ý kiến cũng dễ nhất trí. Mảng sống hình như Nguyễn Đình Thi có nhiều suy nghĩ, nhận xét nhất là đám nhà giáo, nhà văn, nghệ sĩ nghèo, sinh viên, học sinh trong cảnh sống bần cùng và bế tắc, trong quan hệ với quần chúng lao động. Anh nói về họ như nói về mình, với nhiều tâm huyết. Môi trường nông thôn

(1) Nguyễn Đình Thi, *Một ý kiến trao đổi chung quanh một quyển tiểu thuyết*, *Tạp chí văn học*; số 3 (tháng 5 và 6 - 1972).

và sinh hoạt của nông dân cũng đã được chú ý mô tả với hết khả năng của nhà văn. Có hơi ít vốn là cảnh sống của công nhân. Sự nỗ lực để tự vượt mình của anh bộc lộ rõ trong việc mô tả những hoạt động cách mạng và khắc họa tính cách các chiến sĩ cộng sản. Khác là một hình tượng đẹp, tuy chưa sâu, do bản lĩnh của anh như một cán bộ cách mạng có vị trí quan trọng trong tác phẩm, chưa được bộc lộ bao nhiêu thì tác giả đã để cho anh bị thất bại quá sớm, và cái chết giữa chừng của anh có làm khó khăn cho việc dựng một chân dung có quá trình, có bề dày. Nhìn chung tất cả thế giới nhân vật chính diện trong tác phẩm, nếu có thể tạm xếp như thế, đã được Nguyễn Đình Thi miêu tả với một sự hiểu biết nhất định, và với một niềm cảm thông, một tình cảm mến yêu, trân trọng.

Đối lập với thế giới này là bọn quan lại, địa chủ, tư sản, cấu kết với thực dân Pháp và sau đó là phát xít Nhật để bóc lột nhân dân, đàn áp cách mạng. Có điều cần phải nói ngay là bộ mặt đế quốc chưa được nhà văn miêu tả rõ trong *Võ bờ*. Người đọc chưa thấy được những tội ác, những âm mưu thâm độc của chúng nhằm áp bức, bóc lột nhân dân ta một cách tàn khốc như thế nào. Và đáng lẽ chính những điều đó mới là nguyên nhân sâu xa của chuyện "tức nước vỡ bờ". Ở đây Nguyễn Đình Thi chỉ mới nói tới việc mấy tên mật thám đánh dập người cách mạng, một vài nét thoáng nhạt về bọn chủ mỏ, Nhật, Pháp mâu thuẫn với nhau, Nhật bắt phá lúa giồng đay, Mỹ ném bom, thế thôi. Chỗ yếu này không phải là không quan trọng; nó hạn chế không ít tác dụng giáo dục lòng căm thù đế quốc, và ý nghĩa hiện thực của tác phẩm. Có lẽ bọn địa chủ, quan lại, tư sản đã được anh chú ý miêu tả sâu hơn, công phu hơn, và cũng đôi khi với nhiều tâm huyết nữa. Nhưng ở đây chúng ta đang di vào một lĩnh vực tương đối phức tạp, đòi hỏi một sự phân tích tinh tế. Sinh hoạt của một số gia đình chính của truyện như nghị Khanh, huyện Môn, Ích Phong, kẻ thì là quan lại, địa chủ, kẻ thì là tư sản... quả có gây ấn tượng khá đậm cho người đọc. Tuy vậy dường như người viết vẫn còn chưa dụng được một chân dung đầy đủ về nhiều mặt hoạt động cơ bản của chúng. Có lẽ mặt sinh hoạt của chúng đã được khơi đậm hơn những âm mưu kinh tế và chính trị, nhất là chính trị. Và ngay trong việc mô tả sinh hoạt thối nát và nhân cách dối bại của chúng, như của gia đình nghị Khanh, người viết cũng tỏ ra đã lặp lại ít nhiều dấu vết quen thuộc của tính cách một vài "quan nghị" trong văn học cũ. Chẳng hạn vợ chồng nghị Khanh và con gái

hắn có những nét không thể không gợi cho người đọc nhớ đến gia đình nghị Hách trong *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng. Hơn nữa, về một mặt nào đó thì nhân vật nghị Hách lại có phần sắc sảo hơn, hiện tượng như vậy, trong một tiểu thuyết, rất có thể chỉ được xem như là một nhược điểm về vốn sống. Nhưng ở đây dường như còn là một khuyết điểm về cách nhìn, về phương pháp nghệ thuật,... Khuyết điểm đó thể hiện tập trung hơn cả ở chỗ nhà văn đã quá say sưa đi vào nhân vật Phụng, vợ một tri huyện, con một tư sản to lụa rất giàu có ở Hàng Đào. Nhân vật này cùng với vấn đề của nó ta sẽ bàn sau.

Trên đây, ta bàn về quyền sách trong từng mảng sống tách riêng ra, để nhìn nhận cho dễ chỗ mạnh, chỗ yếu của tác giả. Gắn các mặt đó lại với nhau trong một chỉnh thể, và nhìn nó trong guồng chuyển của các sự kiện, ta dễ nhận thấy dụng ý của tác giả muốn đạt đến chủ đề "tức nước vỡ bờ", làm sáng rõ hai mặt của sự vận động lịch sử nước ta những năm 1939 - 1945. Một mặt là hoạt động của đế quốc, phong kiến và tay sai khiến cho cuộc sống của nhân dân bị dồn đẩy đến thế cùng, mà điểm mút là nạn đói 1945 ; và mặt khác, là quá trình cách mạng gieo mầm, sinh sôi này nở trong quần chúng, dẫn tới đỉnh cao là Cách mạng tháng Tám 1945. Hai mặt đó gắn với nhau, và giải thích lẫn nhau, đem lại cho người đọc một nhận thức chung về quá trình phát triển tất yếu của một giai đoạn lịch sử quan trọng, qua nhiều đoạn, nhiều trang, nhiều chương cảm động, đó là một thành công của *Vỡ bờ*.

Viết *Vỡ bờ* Nguyễn Đình Thi có thuận lợi, đồng thời cũng có khó khăn, là đã thừa kế được ở những người đi trước anh từng mảng sống rất sâu. Trong hình ảnh Hội ta dễ thấy bóng dáng anh giáo Thứ trong *Sóng mòn*, và một phần nào đó cả chân dung Nam Cao nữa. Xoan là một hình ảnh bà con gần xa của chi Dậu, tượng trưng cho sức sống bền bỉ của quần chúng, trải qua bao đau thương vẫn sống, vẫn tồn tại, vẫn ngoi lên, không gì đập tắt nổi, trong một chân dung vừa đẹp cả hình thể, vừa đẹp cả tâm hồn. Ở mỗi loại nhân vật này có thể là Nguyễn Đình Thi chưa đem lại một khám phá gì thật mới, đôi khi vẫn còn tí chút "sách vở" viết lại một cách khéo (nhân vật Hội trong tác phẩm còn kém nhân vật của Nam Cao, và càng thấp thua xa Nam Cao ngoài đời nhiều, vì Hội không có nhiều suy nghĩ sâu sắc về cuộc đời như Nam Cao có thật, một nhà văn đã đau xót biết bao nhiêu về số kiếp của mọi người lao động) ; sự xúc động mà anh đem lại cho người đọc có thể chưa cao (như khi ta đọc *Tắt đèn*) ; nhưng cố gắng của

Nguyễn Đình Thi là ở chỗ : anh đã đặt các nhân vật, bao gồm nhiều loại, trong một mối *quan hệ* chật chẽ với nhau. Và ở đây ta được đọc những trang hay của anh. Ấy là những trang anh muốn nói với chúng ta, không phải chỉ bằng nhận xét thông minh, mà bằng tiếng nói của tâm hồn, cái đẹp của những mối tình cùu mang, áp ú giữa những người cùng giai cấp hoặc cùng chung cảnh ngộ. Có thể kể ra nhiều trang như thế chung quanh sinh hoạt và mối quan hệ giữa gia đình ông giáo Hội, cụ Tú Mai, Côi, Mâm, mẹ con Xoan, xung quanh những ngày đói kém, xung quanh đám trẻ con nhốn nháo chờ đợi chuyến tàu đêm "tăng bo" qua cầu Lương những ngày mưa lạnh, lây lội...

Nhìn rõ được các mối *quan hệ* đó, là có ưu thế, có điều kiện để làm rõ *bức tranh*. Và ở đây, nhất là trong quyển I, là một bức tranh có vẻ cân đối, hài hoà. Bối cảnh rộng, được mở ra trên ba tuyến không gian : Hải Dương, Hà Nội, Hải Phòng, nhưng không bị choai ra, mà vẫn được gom lại trong hoạt động của mấy đơn vị gia đình. Điều này chứng tỏ Nguyễn Đình Thi đã làm chủ được tài liệu, ít nhất là trong quyển I. Nhưng nếu như việc thể hiện cuộc sống như là một bức tranh rộng rãi, nhiều về *trên bề mặt*, vốn là nhiệm vụ chủ yếu đặt ra cho quyển I, đã được Nguyễn Đình Thi giải quyết khá, thì việc miêu tả cuộc sống trong *guồng chuyển* của nó, qua bao nhiêu biến cố, bao nhiêu sự kiện, để đi tới cách mạng, là yêu cầu đặt ra rất rõ cho quyển II, lại làm cho Nguyễn Đình Thi bối rối. Quyển II chưa thành công chính vì Nguyễn Đình Thi chưa thể hiện được *guồng chuyển* đó. Hoạt động của người cách mạng và quá trình cách mạng hoá trong quần chúng còn đơn giản quá, chưa được mô tả như là một bước chuyển tự nhiên của nhân vật, và nhất là chưa được thể hiện sâu sắc trong các tầng lớp cơ bản là công, nông. Các nhân vật này cùu mang nhau, yêu thương nhau, có tình cảm tốt đẹp với nhau, nhưng bản lĩnh cách mạng của họ vẫn còn mờ. Các sự kiện lịch sử đồn đập nhưng người viết chưa thấy được thật rõ tiếng vang của nó trong mỗi cảnh ngộ, mỗi số phận con người. Một vài mảng đời ít gắn bó với nhau, và không ít quá trình đường như bị dứt, hoặc lồng léo ở một khâu nào đó khiến cho người đọc ngạc nhiên. Chính vì còn chỗ yếu đó nên người đọc có cảm tưởng sự *tắc nước* đã được tác giả miêu tả với nhiều khía cạnh đạt hơn cái thể *vỡ bờ*. ý kiến Nguyễn Văn Hạnh cho thấy quyển II vẫn giữ được, tiếp tục được thành công của quyển I, nhờ vào khoảng cách thời gian (trong đó có cuộc kháng chiến chống Mỹ, và kinh nghiệm tích luỹ

được thêm ở hai tập truyện vừa) khiêu cho "chất liệu ở quyển II bẽ bôt, "khó tính" hơn nhưng được soi rọi bằng một luồng ánh sáng mạnh hơn, chiếu toả xa hơn, và được sắp xếp bằng một bàn tay thành thạo, khéo léo hơn,..."⁽¹⁾ có lẽ khó được người đọc chấp nhận.

*

* * *

Rõ ràng xử lý một đề tài có tầm quan trọng lớn và có quy mô rộng rãi như *Võ bờ*, người viết đã phải vượt qua nhiều thử thách gay go. Có chỗ mạnh và chỗ yếu là chuyện bình thường. Có những mảng sống nào đó tỏ ra người viết chưa thật nắm vững, bạn đọc muốn người viết tìm hiểu kỹ thêm. Có loại nhân vật nào còn sơ lược hoặc chưa sinh động, người viết cần nên xem lại. Nghệ thuật xây dựng truyện có chỗ nào đó còn thiếu nhất quán hoặc còn chưa được đều tay cũng cần được gia công. Tóm lại, đó là những yếu cầu chính đáng và cũng dễ chấp nhận, trong quan hệ giữa người viết và người đọc. Nhưng bên cạnh đó, trong *Võ bờ*, không phải không còn có những thiếu sót khác, những vẫn đề quan trọng khác, nó buộc người đọc phải đề cập tới một cách nghiêm chỉnh, nhằm mục đích cùng trao đổi thêm với tác giả để rút kinh nghiệm.

Thiếu sót của *Võ bờ* nhìn chung thể hiện tập trung xung quanh vấn đề của nhân vật Phượng. Nhưng do Phượng là nhân vật nổi trong *Võ bờ*, thậm chí và "hình tượng nghệ thuật trội nhất của nhà văn"⁽²⁾, cho nên ở đây việc phân tích Phượng không phải chỉ là việc phân tích tính cách một nhân vật mà còn là phân tích một chủ đề tư tưởng lớn, làm thành một phần nội dung quan trọng của cuốn sách ; việc đánh giá Phượng không chỉ là đánh giá nghệ thuật tác phẩm mà còn là đánh giá nhiều mặt quan trọng trong bản lĩnh của tác giả.

Trước hết cần tìm hiểu tình yêu giữa Phượng và Tư, vì đây là quan hệ khá đậm (nếu không nói là đậm nhất), và kéo dài trong cả cuốn truyện, để xem xét nhà văn đã miêu tả nhân vật này theo phương pháp nào. Nguyễn Văn Hạnh có nói : "tính cách Phượng không có nét giả dối"⁽³⁾. Chúng tôi lại nghĩ khác. Với Phượng, Nguyễn Đình Thi đã dựng một nhân vật gây cho người đọc nhiều điều khó hiểu và khó chịu.

(1), (2) Nguyễn Văn Hạnh, "Võ bờ" và nghệ thuật tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi, Tạp chí Tác phẩm mới, số 12 (tháng 3 và 4 - 1971).

(3) Nguyễn Văn Hạnh, Sđd.

Đúng là trong *Vở bờ* Nguyễn Đình Thi có ý định xây dựng một nhân vật Phượng "phúc tạp", sống trong tiền bạc, nhung lụa nhưng lại có cái khao khát tinh thần muôn "sống làm việc có ích cho xã hội, sống theo cái thật của tình cảm và theo sự lựa chọn của lương tâm mình...", và anh đã chọn để biểu hiện cái "điều mà ta gọi là phẩm giá làm người"⁽¹⁾ đó chủ yếu thông qua quan hệ giữa Phượng và Tư. Nhưng rõ ràng điều anh mong muôn, và điều anh đã làm, hoặc có thể làm, lại cứ mâu thuẫn với nhau. Người ta khó hiểu nổi sự hợp lý của tình yêu đó, nhất là sự chung thuỷ của nó, giữa người đàn bà "kiêu ngạo, quen đùa với tất cả" – như nhận xét của Toàn trong truyện – sống trong nhung lụa, trong sự theo đuổi, chiêu chuộng của tất cả xã hội "thượng lưu", với một anh Tư, nghệ sĩ nghèo kiết xác, ho lao, đang ăn ở với một người con gái khốn khổ trong một căn gác tối tăm, đang sắp chết đói kia... Cuộc đời trong xã hội cũ quả có nhiều nỗi éo le, ngang trái, nhưng dù là sự ngang trái nhất cũng phải có lý do, và xét đến cùng, không thể nào khác, cũng phải nhìn đến địa vị giai cấp và nguồn gốc kinh tế ở họ. Thực ra cũng có thể có một tình yêu như thế ở Phượng, nhưng nó chỉ có khi Phượng còn là một nữ sinh Hàng Đào, trong đâu còn đầy rẫy những tưởng tượng sách vở theo kiểu tiểu thuyết lãng mạn, và bản thân cô thì còn ở tuổi non nớt, chưa biết "mùi đời", nghĩa là chưa bị đời sống tư sản làm cho hư hỏng ; còn anh chàng Tư thì đang còn là một thanh niên trẻ trung, tài hoa, chưa bị bệnh tật, tuổi già, sinh kế khốn quẫn làm cho tàn tạ đi như sau này. Cố nhiên một tình yêu như thế sẽ không vững được khi chạm vào thực tế, nhất là ở đây, khi một người thì đang ngập sâu vào thói quen ăn chơi bừa bãi của đời sống tư sản, và một người thì đang bị dồn đến thế cùng của một cuộc sống "dưới đáy"... Nhưng khi người viết cứ muốn để cho Phượng xưa kia cứ yêu Tư, đau khổ vì Tư, muôn sống với Tư, rồi lại suýt chết vì Tư, để chứng tỏ "cái thật của tình cảm" và "sự lựa chọn của lương tâm mình" thì quả là không kể gì đến sự thay đổi của hoàn cảnh, sự khác nhau về địa vị xã hội của họ ; và có lẽ cũng trở thành "lãng mạn" nốt, y như nhân vật của mình. Có thể nói, riêng về mặt này, cách nhìn của Nguyễn Đình Thi còn "lãng mạn" hơn cả một vài cây bút lãng mạn xưa, vốn là những người còn có lúc "hiện thực" khi

(1) Nguyễn Đình Thi, Bài đã dẫn.

nhin thấy sự "tan vỡ", sự "bất thành" của những mối tình theo kiểu *Dứt tình, Trống mái*, theo kiểu thơ Lưu Trọng Lư : "Em vẫn nằm trong nhung lụa... Em chỉ là người em gái thôi".

Rõ ràng ở đây cơ sở hiện thực của tình yêu đó không có, hoặc rất mong manh. Chút dan díu ban đầu thời học sinh, thời trẻ trung không đủ giữ họ, như đã nói trên. Tư chỉ có một đặc điểm : say mê nghệ thuật, nhưng nét đó đâu đủ để giữ Phượng, Nguyễn Văn Hạnh có nhận xét : Phượng đã dần dần phân biệt được "cái thật và cái giả trong nghệ thuật". Thật ra đâu có thể. Phượng nhờ người mua tranh Tư là vì thương hại anh, muốn kín đáo cho anh một món tiền để khỏi chết đói ; món tranh ấy lại được xếp đồng ở nhà một người bạn. Phượng không phải là người hiểu nghệ thuật. Phượng chỉ quan tâm đến loại tranh vẽ những người đàn bà có vẻ đẹp thân thể, như kiêu tranh Thanh Tùng. Phượng đã cho gã họa sĩ này vẽ nhà vẽ mình, rồi đến nhà hàn cho hàn chiếm đoạt luôn cả thân thể... Phượng cũng đã có lần ao ước Tư vẽ cho mình một bức. Và người ta thấy tác giả đã nhiều lần say sưa tả Phượng như một người rất "mè" sắc đẹp của mình, luôn ngầm nghĩa, vuốt ve da thịt mình trong gương, luôn luôn có ý thức giữ gìn cho tấm thân mình không bị dàn ông làm cho hư hỏng đi... Thì sao lại có thể gọi là hiểu nghệ thuật, để mà gắn bó với Tư được !

Chuyện Phượng tự tử cũng là chuyện đã từng gây ra sự bàn cãi (chẳng hạn việc đó có hợp lý không, có lò gích không), nhưng cái vấn đề thực sự làm người đọc quan tâm hơn là ở chỗ tác giả mô tả việc đó nhằm gây một hiệu quả nghệ thuật gì ? Câu trả lời tưởng đơn giản mà khó, vì người đọc chưa thể rút ra được một ý nghĩa xã hội gì cụ thể ở đây cả. So với cái chết của nhân vật Hồng trong *Thoát ly* của Khái Hưng thì việc Phượng tự tử quả không mang được một ý nghĩa tố cáo gì đáng kể. Là vì, cái "bi kịch" ở Phượng không thể đổ cho xã hội, sự luẩn quẩn ở Phượng là do chính mình gây ra. Người ta chỉ thấy Phượng là một cô gái con nhà giàu, có sắc đẹp, bất mãn với chồng, căm ghét chồng, rồi để trả thù chồng, Phượng đi lại, chung chạ với nhiều người khác, những người biết cách chiêu chuộng sắc đẹp mình, rồi Phượng bỏ về Hà Nội, liệu cách kinh doanh thêm theo lối đầu cơ, rồi thuê nhà ở riêng, tìm một đời sống tự do. Cô ta lại cũng lầm thủng đoạn, như mỗi chiều Thanh Tùng, rồi "đá" hàn, như tích trữ đầu cơ,... chứ không phải là người "không có nét giả dối". Một người đàn bà rất thỏa mãn và

kiêu ngạo về sắc đẹp của mình, có đủ khả năng quyến rũ, và lợi dụng những kẻ muốn lợi dụng mình trong đám nghệ sĩ, công chức, quan lại bậc trên, một người đàn bà rất biết cách "làm ăn",... thì việc gì phải tự tử, và nếu vì một lý do gì đó, có định tự tử di nữa thì cũng có sao đâu. Rõ ràng là một tính cách vô dụng, một đời sống vô vị, và suýt nữa, một cái chết vô nghĩa như vậy đã không được nhà văn phê phán, mà trái lại còn được mô tả với một sự chăm chút xót thương thì quả là không bình thường chút nào. Thậm chí người viết còn muốn cho thấy dường như trong cuộc đời đó, trong cái ý định tự tử đó còn có chứa đựng một cái gì tốt đẹp, nó là "lý tưởng", là "nhân phẩm" thì ta lại càng lạ. Làm gì có cái đó. Người đọc nghe là ngay bản thân nhân vật cũng chưa hề đặt ra vấn đề ấy một cách cho rõ ràng. Sự tự tử của Phượng có một vẻ lảng漫, không mang được một ý nghĩa xã hội gì đáng kể.

Rồi còn chuyện Phượng may cờ... Phượng may cờ, thậm chí Phượng giác ngộ cách mạng cũng không việc gì, cũng được thôi. Chẳng phải là có người phê bình đã nói : hiếm gì con em tư sản, địa chủ đã đi theo cách mạng một cách quyết tâm đó sao. Nhưng đây là chuyện ta đang bàn về một cô Phượng cụ thể của *Võ bờ*, một cô Phượng với tính cách như đã bàn trên. Vậy thì một cô Phượng như vậy có thể đi theo cách mạng được không ? Hay nói cho sát hơn, một cô Phượng như vậy đã có thể trang bị cho mình những gì để đi theo cách mạng ? Địa chủ, tư sản muốn đi theo cách mạng thì phải thay da đổi thịt, phải đổi đời. Riêng Phượng, người ta chưa thể hình dung Phượng muốn đổi một cuộc đời như thế nào, và có khả năng đổi được không, trong khi Phượng chẳng có một "vốn liếng" gì cả, ngoài sắc đẹp, ngoài khả năng ăn chơi, đùa cợ, và những ham muốn hưởng thụ của đời sống tư sản. Những cô gái như thế có lẽ chỉ có khả năng may cờ và mặc quần áo đẹp. Mà cách mạng thì không phải chỉ có thế.

Nhân vật Phượng không hiện thực là như vậy. Nguyễn Đình Thi không tránh được mâu thuẫn. Anh không thể để nhân vật di xa theo hướng của tưởng tượng. Anh phải để cho nhân vật có những nét thật, phù hợp với hoàn cảnh sống và địa vị giai cấp của nó. Những nét thật đó cưỡng lại ý đồ của anh. Nhân vật Phượng quả là "chông chênh", đúng như chữ dùng của Nguyễn Văn Hạnh, nhưng không phải là một tính cách chông chênh, mà là sự chông chênh trong bút pháp và bản lĩnh của tác giả. Đáng lẽ tác giả phải dành cho loại nhân vật như thế vài ngọn roi trào phúng theo kiểu Tú Mỡ thì mới phải.

Cố nhiên nhân vật đã được Nguyễn Đình Thi miêu tả bằng tất cả tâm huyết của mình. Nhưng việc đó không cứu được nhân vật khỏi đó, càng không phải "đạt được tác dụng nghệ thuật mong muốn"⁽¹⁾; trái lại chính vì quá "tâm huyết", "máu thịt" mà hình tượng Phượng lại làm cho người đọc khó chịu. Một con người vô dụng, quen ăn bám, sống một cuộc sống vô vị, mang một nhân sinh quan rất "lầm ván đề", một thứ "cô nương phè phỡn" đang chán ù lên trong cảnh sống trường già, như cách nói của Lê nin, thử hỏi có gì khiến cho tác giả bắn khoan nhiều đến thế. Nhân vật đó có ý nghĩa gì? Tác giả đấu tranh cho cái gì ở họ? Nếu có đấu tranh cho bấy nhiêu điều, như tác giả đã có dịp nói, và như một vài người phê bình có nhắc đến, thì đâu phải đến bây giờ văn học mới nói. Xa xưa lắm, những năm ba mươi, văn học lăng mạn cũng đã đề cập đến nó rồi. Họ đã để cho cả một loạt nhân vật như Tiết Hằng (*Dứt tình*) của Vũ Trọng Phụng, Loan (*Đoạn tuyệt*) của Nhất Linh, Hồng (*Thoát ly*) của Khái Hưng,... đi tìm sự giải phóng đó rồi. Những nhân vật đó có lẽ còn có mặt tốt, thanh sạch hơn Phượng nữa kia.

Thành ra vấn đề nhân vật Phượng gợi ra không có mấy ý nghĩa, sự bắn khoan quá đáng của người viết làm cho người đọc khó chịu. Cho nên, khi có người, qua Phượng mà đặt vấn đề "cách nhìn" của nhà văn thì không phải là không có cơ sở.

Có thể nói là ở nhân vật này Nguyễn Đình Thi đã ít nhiều dẫm lại một vài con đường mòn cũ. Ở hoàn cảnh xã hội cũ thì nhân vật đó còn có lý do tồn tại, thậm chí còn được xem là mới trong một mức độ nào đó; nhưng ở hoàn cảnh bây giờ thì nó đã hết cả ý nghĩa rồi, đã thành cũ. Cố nhiên nếu có một cách nhìn mới soi vào thì còn đỡ. Nhưng nhà văn đã không làm được thế. Tóm lại người đọc muốn có một hình tượng Phượng khác, hay nói đúng hơn, muốn được người viết nhìn nhận Phượng một cách khác. Sự yêu cầu này của người đọc nhà văn không nên xem thường hoặc chê giêу. Nhà văn đem tới cho họ một con ngựa, và trách người phê bình sao lại đòi một con trâu. Nhưng đâu phải thế. Nhà phê bình cũng biết là ngựa dầy, nhưng là giống ngựa gầy yếu mà nhà văn thì có vẻ lại muốn xem nó là thứ ngựa chiên khoẻ và đẹp.

(1) Nguyễn Văn Hạnh, Bài đã dẫn.

Rõ ràng ở nhân vật Phượng quy tụ khá rõ chò yếu của Nguyễn Đình Thi về cách nhìn, về phương pháp nghệ thuật. Nhưng là một hình tượng "trội nhất" trong *Võ bờ*, được dày công xây dựng, choán khá nhiều trang, có quan hệ với nhiều nhân vật, sống suốt cả quá trình, nên cái ánh tượng về Phượng cơ hồ trở thành bao trùm cả tác phẩm, có khả năng làm lệch cả chủ đề "võ bờ". Và đó quả là một điều đáng ngại. Mặt khác, thứ ánh sáng "lãng mạn" mà nhà văn dùng để soi chiếu nhân vật Phượng cũng toả ra ở nhiều nhân vật khác, làm thành một nét khá nhất quán trong bút pháp miêu tả của Nguyễn Đình Thi. Tư là một hình tượng nghệ sĩ được nhà văn dùng để nói cái số phận bị dồn ép đến một cảnh ngộ bế tắc, đến chỏ chết, của nghệ thuật trong xã hội cũ. Nhưng cái kết cục bi thảm ấy lại không phải đã gây được một "hiệu quả nghệ thuật" mong muốn, vì ở đây qua cách mô tả của tác giả, hậu quả đó lại có vẻ không đơn thuần chỉ là do xã hội. Người ta thấy Tư cho đến lúc sắp chết, vì dối, vì bệnh tật vẫn miệt mài vẽ. Tư vẽ mà biết rõ nghệ thuật không những không đến được với quần chúng, không ích gì cho quần chúng (quần chúng đang cần nghệ thuật cách mạng), mà cũng không thể cứu bản thân mình khỏi chết (muốn khỏi chết phải có cơm gạo, thuốc men), vậy thì vẽ để làm gì? Hội cùng kế phải kiêm sống bằng viết văn, còn Tư thì đi đến cái chết trong vẽ. Anh ta cứ vẽ, vẽ để vẽ, trối kệ tất cả, kể cả cái chết của mình. Như vậy chết là phải? Lê ra tác giả phải cho thấy sự sống gắn bó với nghệ thuật có mục đích, để chỉ cho anh ta con đường thoát, để cứu anh ta chứ. Còn nếu anh ta không thấy thì phải có thái độ phê phán cho rõ ràng. Hình tượng Tư như vậy cũng chỉ là một nhân vật quen thuộc của chủ nghĩa lãng mạn. Quan điểm của Tư về nghệ thuật xét cho cùng cũng chỉ là một biến tướng của thuyết nghệ thuật vị nghệ thuật, và loại nhân vật như thế cũng đã có trong sáng tác của Khái Hưng. Trong thời kỳ Mạt trận dân chủ, Nhất Linh còn tạo ra được một nhân vật hoạ sĩ tiến bộ hơn (Doãn trong *Hai vẻ đẹp*). Là vì anh ta còn biết day dứt xót xa cho cuộc sống của quần chúng, chứ không phải chỉ "bản khoán" về nghệ thuật như Tư.

*

* * *

Có vấn đề mới trong dịp này là nhận phê bình *Võ bờ*, bạn đọc được biết thêm một số ý kiến của Nguyễn Đình Thi. Chúng tôi đã có dịp bàn về một vài ý kiến đó ở các đoạn trên. Nhưng cũng có những ý kiến vượt ra ngoài phạm vi cuốn sách, chẳng hạn ý kiến về nghệ thuật tiểu thuyết, ý kiến về mối quan hệ giữa nhà văn và tác phẩm, ý kiến về phê bình,... chúng tôi thấy cũng cần phải bàn thêm.

Về nghệ thuật tiểu thuyết, Nguyễn Đình Thi có nói rõ quan niệm của anh về cốt truyện, về tính cách nhân vật, và sự vận dụng quan niệm đó trong *Võ bờ*.

Về *nhân vật*, anh có trình bày khá kỹ tính cách Phượng để nói rõ chủ ý của mình. Những điều cần bàn về Phượng chúng tôi đã nói ở trên. Cũng cần bàn thêm một ít về Quyên. Ở Quyên, không có vấn đề "lô gích" như Phượng. Có thể nói tác giả đã miêu tả Quyên có phần thành công trong quyển I, và phần đầu quyển II, khi Quyên còn ở trong gia đình. Người con gái nèn nếp nho phong ấy, trong quan hệ với mẹ, với anh, với cháu, với bà con lâng giềng,... đã được miêu tả khá đạt. Nhưng khi Quyên đi vào hoạt động cách mạng thì nhân vật đuối hẳn. Tác giả có vẻ mừng khi thấy Quyên trong quyển II đã thoát khỏi dạng Maria Bôncônxaia trong *Chiến tranh và hòa bình* của Tônxítô⁽¹⁾. Nhưng làm sao lại có thể có sự lô lảng ấy khi trước mắt ta là hai nhân vật với hai hoàn cảnh và tính cách khác hẳn nhau. Cái nhân vật Việt Nam là Quyên được miêu tả ở đây là con em một gia đình có oán thù sâu nặng với đế quốc, chỉ riêng điều đó cũng đã cho ta hình dung tính cách cô phải nên thế nào. Và chính vì Quyên là con một gia đình như thế nên sự nhận thức và mô tả của người viết đáng lẽ còn phải sâu hơn nữa. Nói cách khác, cô phải được chuẩn bị kỹ hơn nữa để đi vào cách mạng. Nhưng nhà văn đã không làm được thế. Ở đây cơ bản không phải là vấn đề "lô gích" hay không "lô gích", mà là vấn đề nhân vật đã chuỗi ra khỏi tay tác giả, do Nguyễn Đình Thi chưa nắm được kỹ thực tế đó, thế thôi. Tác giả chưa hiểu biết kỹ lâm về các gia đình cách mạng nên chưa tả được mối thù truyền kiếp trong các gia đình đó mà chỉ mới chú ý một nét gì đó có cái dạng của Maria...

(1) Nhà văn Nguyễn Đình Thi nói chuyện về tiểu thuyết "Võ bờ". Tạp chí văn học, số 1 - 1971.

Nhân bản sâu vào nhân vật, Nguyễn Đình Thi dường như có ý đem đối lập, hay ít ra là có phân biệt sự khác nhau giữa "tính cách" và "con đường đi", "cách sống" của nhân vật. Tôi nghĩ sự đối lập hoặc phân biệt ấy là không cần thiết. Thực ra không có tính cách trùu tượng, chung chung, hoặc chỉ được hiểu như là vài ba cử chỉ, hành động kỳ lạ, khác thường nào đó. Người ta nghĩ về tính cách như là nghĩ về một kiểu người, một cuộc đời, và như vậy thì không thể không xét đến con đường đi, cách sống của nó được. Đúng như anh nói, người đọc đến với sách là để đến với cuộc đời, nhưng là cuộc đời đã được đúc kết trong các kiểu người, do vậy tính cách sao lại không quan trọng? Sao lại có thể tách rời hai thứ? Đọc truyện cần phải chú ý đến nó chứ, và phải chú ý một cách toàn diện, theo sự lịch lâm, kinh nghiệm sống của bản thân mình, chứ không phải theo những công thức, lý luận có sẵn nào. Bạn đọc cũng thế, và cả người phê bình cũng thế.

Nguyễn Đình Thi có vẻ khó chịu khi nghe người phê bình nói đến "tính cách", mà anh cho là quy phạm, công thức, là di soi di do. Không biết trong Võ bờ anh đã xây dựng nhân vật theo quan niệm nào, nhưng có điều rõ ràng là số nhân vật được anh xây dựng thành công trong tiểu thuyết này chưa phải là nhiều. Có một tính cách thật "trội" thì lại hỏng. Còn các nhân vật khác thì thật ra mới chỉ được anh khai thác và làm nổi một vài mặt, vài khía cạnh nào đó thôi. Khác là một chiến sĩ cộng sản trung thành, có khí tiết, nhưng bản lĩnh cách mạng của anh thể hiện trong khả năng vận động và tổ chức quần chúng di làm cách mạng lại ít được bộc lộ, hoặc chưa có điều kiện bộc lộ rõ rệt. An mới chỉ có đôi nét của tính cách một người vợ chung thuỷ, với "đôi mắt đen"; Quyên chỉ là hình ảnh một người con, người em hiền thảo, với cái vẻ khắc khổ. Còn Côí, Mầm, Thom, chị Gái, Lê, Lập, Cảnh,... lại càng chưa có nét gì khiến cho ta nhớ lại được hình thù, mặt mũi họ (chả bù với Phượng). Người ta mới thấy họ trong quan hệ yêu đương hoặc đời sống gia đình. Còn đời sống cách mạng, hoạt động cách mạng, bản lĩnh cách mạng của họ thì lại mờ nhạt; như vậy nếu người đọc muôn say sưa với họ thì cũng chỉ biết say sưa với những mối tình của họ mà thôi. Trách Nguyễn Đình Thi miêu tả mấy "cái hôn", hay nói cho rõ hơn, trách Nguyễn Đình Thi quá chú ý đời sống tình yêu thì cũng khe khắt, nhưng mô tả nhân vật mà chưa cho thấy rõ mặt hoạt động

chợ bản của họ (chẳng hạn người cung sản thì phải có hoạt động cách mạng điển hình) thì quả là tính cách nhàn vật khó lòng nổi được, và do vậy khó có thể làm tròn trách nhiệm thể hiện một chủ đề có tầm quan trọng như *Võ bờ*. Rõ ràng *Võ bờ* nêu ra không ít nhân vật cách mạng, nhưng cách mạng thì lại mới chỉ được miêu tả qua loa.

Trong vấn đề sáng tác, Nguyễn Đình Thi có nói đến *vái tang* của người viết, mỗi nhà văn có những sở trường, sở đoản riêng, người đọc không nên đòi hỏi thế này thế kia. Anh đặc biệt lưu ý ngăn ngừa cái khuynh hướng "phỏng đoán" về cuộc đời nhà văn, rồi từ đó mà "suy diễn". Những ngăn ngừa ấy quả có mặt cần thiết để tránh những phê bình đơn giản, dung tục, hoặc ngăn những sự bối móc ác ý, không lành mạnh. Tuy vậy Nguyễn Đình Thi lại dẫn ra câu chuyện Goroki mỉa mai một nhà phê bình nào đó đã có một "phỏng đoán" rất sai về Sê khốp, cho rằng Sê khốp sẽ rượu chè bê tha rồi chết ráp ở gậm cầu. Nhưng chàng ai phê bình *Võ bờ* lại có ý đoán tác giả của nó sẽ có một số phận như thế này hoặc như thế kia. Chắc là anh muốn nói cho vui. Còn nếu anh nói thực thì, điều rất đáng ngại là, người đọc sẽ không hiểu tại sao khi có người phê bình Nguyễn Đình Thi về quan điểm, tư tưởng thì họ lại bị anh gán cho cái cảnh ngộ không hay chút nào của một gã phê bình bất tài hoặc dở hơi nào đó đã dám đả kích Sê khốp !

Cuối cùng là một vài ý kiến của Nguyễn Đình Thi về phê bình. Có vấn đề này là do anh không đồng ý, có thể nói là phản ứng với một vài ý kiến phê bình *Võ bờ* mà anh cho là không đúng, là thiếu khoa học. Ý kiến của anh và một vài người phê bình nào đó có thể khác nhau. Điều ấy là bình thường, và đôi bên cứ việc trao đổi; bạn đọc có thể làm trọng tài, và thời gian có thể giúp cho sự kết luận được thỏa đáng. Nhưng từ đó mà bàn rộng ra công việc phê bình, đánh giá giới phê bình, thì bài viết của Nguyễn Đình Thi đã để lộ ra nhiều quan niệm không ổn.

Thực ra thì trong bài đó Nguyễn Đình Thi chỉ nói về một hai nhà phê bình nào đó, nhưng mặc dù vậy, cái cảm tưởng này ra rõ rệt vẫn là sự khai quát của Nguyễn Đình Thi về công việc phê bình nói chung, theo anh, dường như là cái công việc chuyên "đi soi đi đeo" và do mải làm thế, nên rút cục chẳng còn thấy được gì nữa cả. Điều ấy

có đúng không ? Công việc phê bình có phải chỉ là công việc soi, do không ? Và nếu có soi, do, thì việc đó có gì là dở, là khó chịu như cách tác giả đã chế giễu không ? Thực ra điều quan trọng là *soi, do theo tiêu chuẩn nào, đối chiếu với cái gì*. Ở đây có những "quy phạm" rất nên coi trọng. Chẳng hạn soi, do theo *lập trường tinh Đảng, theo sự thực đời sống, theo đòi hỏi của quần chúng, theo yêu cầu cách mạng*. Những sự soi do tối thiểu như thế cần lâm chứ ; có soi, do như thế mới thấy được vấn đề ; nếu người phê bình nào không biết soi do như thế tức là không làm tròn trách nhiệm, thì nên thôi nghề. Cố nhiên việc soi, do đó cần được tiến hành với động cơ trong sáng, với thái độ chân thành, trân trọng, với ý thức trách nhiệm cao, chứ không thể cẩu thả, tắc trách được.

Như vậy hiểu soi, do là hiểu theo tinh thần đó. Chứ không phải lấy bản thân sự yêu thích chủ quan của mình làm tiêu chuẩn một cách duy tâm, hoặc xuất phát từ một khuôn mẫu có sẵn nào một cách siêu hình. Chúng ta, cũng như nhà văn, cần chống chủ quan và siêu hình trong phê bình. Cố nhiên khi bàn cụ thể vào ưu, nhược của cuốn sách, người đọc có thể dựa vào một kinh nghiệm này hay kinh nghiệm kia, để cùng bàn bạc. Nếu tác phẩm thật sự có một chỗ dở nào đó thì người đọc cần nêu một nguyên tắc đã được chấp nhận, hoặc một kinh nghiệm hay đã có sẵn để đối chiếu, chứ không phải để khuyên nhà văn bắt chước hoặc mô phỏng. Như vậy không thể trách họ là giáo điều, là quy phạm.

Trong bài viết, dường như Nguyễn Đình Thi có gây cho ta cái cảm tưởng chỉ có bạn đọc là chân thành, độ lượng, còn giới phê bình thì xét nét, khe khắt, chỉ chuyên soi, do và lại hay kiêng kỵ. Sự khai quát ấy đã đúng chưa ? Anh có thể tin và yêu mến những bạn đọc nào đó hơn một số người phê bình không thích lâm tác phẩm của anh, đó là quyền của anh ; nhưng có thực là trong đời sống chúng ta còn tồn tại sự khác nhau, hoặc đối lập giữa hai loại người ấy không ? Người đọc không thích *Võ bờ tôi* chắc cũng có, và có lẽ cũng không ít, chẳng qua là họ không viết thư cho anh Thi, và nếu họ có nói thì chưa chắc anh đã có cảm tình với họ. Còn giới phê bình thì có thực là khe khắt không ? Nhìn lại quá trình trao đổi về *Võ bờ* thì thấy quan niệm trên của anh là

không đúng. Quà có ý kiến khen khắt nhưng lại có ý kiến khen không tiếc lời. Mặt khác tôi lại thấy ngay trong các ý kiến khen, chê trên cũng chưa có ý kiến nào nói được thật đầy đủ, toàn diện các mặt hay dở của tác phẩm. Thực ra việc khen chê không đúng, hoặc không đúng mức đều làm cho người viết và bạn đọc khó chịu. Chúng ta đang cố gắng khắc phục tình trạng đó. Về *Võ bờ*, cần có sự đánh giá đúng mức, để có sự công bằng đối với tác giả; và về phía tác giả, cũng nên có những quan niệm đúng đắn, công bằng về công việc phê bình, để xứng đáng với sự yêu mến, tin cậy của bạn đọc.

*
* *

Võ bờ có những thành công không nên phủ nhận và có những chỗ yếu không thể bỏ qua. Độc súc ra trong nhiều năm, kỳ khu, dung cảm, viết nên một tiểu thuyết "đô sộ" như *Võ bờ*, nếu ra được lâm văn đê, gọi được sự quan tâm của nhiều người đọc, kết quả đó của người viết kể cũng rất đáng cho ta hoan nghênh, trước khi đi vào những bàn bạc, tranh luận.

Nhin chung *Võ bờ* có những chương tốt, có nhiều đoạn hay, nhưng cũng còn lầm chỗ yếu, kể cả về tư tưởng. Điều đáng chú ý là những tư tưởng đó lại là rời rót của chủ nghĩa lâng mạn (và ít nhiều cũng còn dấu vết của chủ nghĩa tự nhiên nữa), lại được bộc lộ qua một cây bút có vị trí quan trọng như Nguyễn Đình Thi, nên hiện tượng đó càng không thể bỏ qua. Vì nếu chúng ta bỏ qua thì không phải là không có khả năng xảy ra tình trạng làm sống lại trong một chừng mực nào đó, và dưới những biến dạng nào đó những sáng tác "kiểu cũ". Và chính vì vậy nên mặc dù chúng tôi là người đọc rất yêu mến và kính trọng Nguyễn Đình Thi, chúng tôi thấy cũng cần phải có bài này để nói rõ một vài ý kiến.

Tháng 12 - 1972
Tạp chí Văn học, số 6 - 1972

VÕ BỜ VÀ NGHỆ THUẬT TIỂU THUYẾT CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

NGUYỄN VĂN HẠNH

Quyển I và quyển II *Võ bờ* ra mắt bạn đọc cách nhau đến 8 năm (1962 - 1970). Đã thế mà bước chuẩn bị đầu tiên cho tiểu thuyết qua những đoạn viết về câu Lương, về nạn đói lại còn lùi đến tận năm 1948. Điều này chứng tỏ ý định viết một tác phẩm dài hơi về Cách mạng tháng Tám đã nảy sinh ở Nguyễn Đình Thi từ rất sớm, và những vấn đề, những nhân vật anh muôn thể hiện trong tiểu thuyết đã ám ảnh, thôi thúc anh trong suốt một thời gian dài, trên dưới hai mươi năm. Hứng thú sáng tạo quả là bền bỉ. Nhà văn đã cảm thấy qua đê tài và thể loại này, anh có thể trình bày đầy đủ và thoải mái hơn ở đâu hết những án tượng, những tình cảm và suy nghĩ thiết tha, thường trực nhất của anh về đất nước và cách mạng, về cuộc sống và nghệ thuật. Và trên thực tế, do quy mô của tác phẩm, do công sức và gửi gắm nhà văn đã dành cho nó, *Võ bờ* cho đến nay là công trình nghệ thuật quan trọng nhất của Nguyễn Đình Thi và đáng được xem xét với một thái độ hiểu biết và trân trọng. Nguyễn Đình Thi đã viết *Võ bờ* kéo dài và ngắt quãng ; một phần vì dung lượng đồ sộ của tác phẩm không cho phép hoàn thành ngay một lúc ; một phần vì tác giả bị lôi cuốn vào những công việc cần kíp khác, hành chính sự vụ có, sáng tác phục vụ kịp thời có, nhất là lúc dịch bắn phá ác liệt miền Bắc. Sự kéo dài và ngắt quãng này có ảnh hưởng đến cấu tạo chung của tác phẩm, đến cách viết. Ở quyển I câu chuyện chỉ đóng khung lại trong vòng một năm, từ cuối 1939 đến cuối 1940, nên tác giả có thể sử dụng một nhịp kể chậm rãi, đi từ mĩ hơn vào nhân vật, giới thiệu những bức tranh sinh hoạt hàng ngày, những cảnh sắc thiên nhiên một cách dồi dào hơn. Quyển II bao quát cả một thời gian dài và phức tạp hơn nhiều, từ đầu năm 1941 cho đến khi Cách mạng tháng Tám thành công. Bao nhiêu sự kiện đồn dập ;

Mặt trận Việt Minh thành lập ; phát xít Đức tấn công Liên Xô và cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước xã hội chủ nghĩa và lý tưởng cộng sản ; mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp, mưu đồ và tội ác mới của chúng đối với nhân dân ta, xây dựng lực lượng và đấu tranh vũ trang ; nạn đói khủng khiếp năm 1945. Đại hội quốc dân và Tổng khởi nghĩa ; những bờ ngỡ, khó khăn trong việc bảo vệ, xây dựng chính quyền nhân dân buổi đầu ; phong trào Nam tiến, v.v. Tác giả buộc lòng phải tập trung vào phân tích xã hội lùi xa hơn để nắm bắt được những gì có ý nghĩa nhất trong dòng thác sự kiện ấy. Ngòi bút phải lướt đi nhanh hơn. Thủ pháp *biểu hiện* và *kể chuyện* vốn đã chiếm ưu thế thường xuyên đối với thủ pháp *miêu tả* trong phong cách của Nguyễn Đình Thi càng được tăng lên rõ rệt. Bút pháp trong quyển I và quyển II có điểm không giống nhau là vì thế. Nếu tác phẩm phải là một chỉnh thể, thì đó rõ ràng là một nét tiêu cực. Nhưng giữa quyển I và quyển II không chỉ có khoảng cách đơn thuần về thời gian, mà còn có cả cuộc kháng chiến vĩ đại chống Mỹ cứu nước. Chính cuộc thử lửa trực diện này đã giúp nhà văn hiểu sâu đường lối cách mạng của Đảng ta, sức mạnh tinh thần của dân tộc ta, để có thể dựng lại một cách chân thực bức tranh về thời kỳ chuẩn bị và tiến hành Cách mạng tháng Tám. Về nghề nghiệp, để viết quyển II, anh cũng đã có thêm hai truyện vừa được dư luận chú ý : *Vào lửa* và *Mặt trận trên cao*. Chất liệu ở quyển II bề bộn, "khó tính" hơn, nhưng được soi rọi bằng một luồng ánh sáng mạnh hơn, chiếu toả xa hơn, và được sắp xếp bằng một bàn tay thành thạo, khéo léo hơn. Nhưng khác nhau vẫn là chi tiết, là bộ phận. Nguyễn Đình Thi trước sau vẫn kiên định trong quan niệm chung của mình về cuộc sống, về cách mạng, về quan hệ đạo đức giữa người với người, trong quan niệm về nghệ thuật nói chung và tiểu thuyết nói riêng. Chính sự kiên định này đã tạo nên tính thống nhất bên trong của tiểu thuyết. Vở bờ bộc lộ rõ hơn ở bất kỳ một tác phẩm nào khác của Nguyễn Đình Thi, đặc điểm tài năng, sở trường và sở đoản của anh.

Giai đoạn lịch sử Nguyễn Đình Thi phản ánh trong tiểu thuyết của mình là một bước ngoặt vĩ đại trên con đường phát triển của dân tộc ta và là một đối tượng rất hấp dẫn đối với các tác giả sử thi. Một người đã sống gần gũi và trực tiếp những biến cố lớn lao này, và ngay trong những tác phẩm đầu tay, dù đó là tiểu luận, là thơ hay nhạc, đã chăm chú

tìm hiểu vận mệnh của đất nước, tâm hồn và tính cách Việt Nam như Nguyễn Đình Thi, tất nhiên càng bị cuốn hút vào đây. Cuộc sống hồn đòn, lố lăng như không thể nào hiểu nổi, ngọt ngạt đến bế tắc, bỗng nhiên sôi sục và trong suốt hẳn ra. Các đường ranh giới đều trở nên dứt khoát và vượt qua những giằng xé, bất hạnh, bằng những cõi gắng, hy sinh không kể xiết, cuộc sống mới lại nhóm lên, khoẻ mạnh, ríu rít hơn bao giờ hết. Với tư cách là một người viết tiểu thuyết quan tâm đến "số phận và con đường đi của con người trong cuộc đời", trong *Võ bờ* Nguyễn Đình Thi sẽ tập trung sự chú ý vào nhân vật và nghệ thuật khắc họa tính cách, sẽ dành nhiều chỗ cho sinh hoạt riêng và cho đời sống nội tâm của nhân vật, qua đó mà phản ánh bước đi chung tất yếu của lịch sử, khí thế "võ bờ" của quân chúng và những lo toan vất vả hàng ngày, những suy nghĩ thầm kín của mỗi người về hạnh phúc, về ý nghĩa của sự sống.

Trong *Võ bờ* có rất đông nhân vật tiêu biểu cho nhiều hạng người khác nhau trong xã hội. Có những người cách mạng chuyên nghiệp, có công nhân, nông dân, binh lính; có tư sản, địa chủ, dân nghèo thành thị, học sinh, trí thức, nghệ sĩ, rất nhiều phụ nữ và em bé. Họ thuộc đủ thành phần, nghề nghiệp, môi trường sinh hoạt, lứa tuổi, quốc tịch khác nhau. Tất cả đều được đặt trong cơn lốc của khùng bố, của chiến tranh, của cách mạng và buộc phải chọn một cách phản ứng, một lối thoát. Nguyễn Đình Thi đã dựng lên được nhiều điển hình đầy đặn và có sức sống. Tư là một điển hình khá thành công về những người nghệ sĩ trước Cách mạng tháng Tám. Không phải nhà văn không thấy những mặt trái những biểu hiện bì ổi trong cái "chợ giờ" văn học thời ấy, nhưng bây giờ nhìn lại, đối với con đường đi lên chung của dân tộc và đối với nghệ thuật chân chính, những hiện tượng như Tư, Hội, Toàn vẫn là tiêu biểu nhất, đáng nói nhất. Những cố gắng đi về phía quân chúng lao động, vươn tới cách mạng, giữ gìn nhân cách trắng trong, ngay thẳng trong xã hội của đồng tiền, chết đói và khùng bố, ở một số không nhiều những nghệ sĩ lúc ấy, được nhà văn tô đậm thêm lên và giới thiệu với chúng ta. Bạn đọc sẽ tán thành quan niệm phản ánh cuộc sống như thế của anh và xem Tư, Hội là những hình tượng nghệ thuật chân thực. Những nhân vật phụ nữ trong *Võ bờ* để lại ở người đọc một ấn tượng sâu sắc. Nhân vật Phượng là nhân vật nhà văn rất thuộc

Anh viết về Phượng thoái mái, phóng khoáng ; máu thịt của hình tượng cứ nhu trào ra từ đầu ngọn bút hào hứng, biến đổi. Phượng có tiêu biểu không ? Có thể xây dựng hình tượng Phượng như Nguyễn Đình Thi đã làm không ? Một điều có thể khẳng định ngay : tính cách Phượng không có nét giả dối, mặc dù đây có lẽ là tính cách phức tạp và "chồng chênh" hơn cả trong *Võ bờ*. Nguyễn Đình Thi đã viết về Phượng với nhiều thông cảm, độ lượng. Phượng đã cho anh cơ hội để miêu tả một người đàn bà đẹp, một hình thức đẹp – đây vẫn luôn luôn là một cảm đồ đối với nghệ sĩ, nhất là đằng sau cái tư sản, cái đẹp ma quái, cái truy lục của Phượng, nhà văn còn nhìn thấy một tâm hồn biết thốn thức vì một tình yêu chân thật, biết bắn khoan về hạnh phúc và dần dần biết phân biệt dù rất cảm tính và chậm chạp, cái thật và cái giả trong nghệ thuật và trong cuộc sống. Chính vì cái cõi gắng giữ gìn sự thuỷ chung trong tâm hồn, cái phần biết suy nghĩ thời thóp này mà Nguyễn Đình Thi đã giới thiệu cho độc giả một cô Phượng đáng thương hơn là đáng giận. Và anh đã đạt được tác dụng nghệ thuật mong muốn. Cảnh Phượng trên mộ Tư là một cảnh hết sức xúc động. Chúng ta cũng đồng ý với tác giả khi anh để Phượng tham gia lặng lẽ vào công việc của nhóm Phi, Hàng, lặng lẽ đi trong dòng người của Cách mạng tháng Tám. Phượng là một trong những nhân vật chính của *Võ bờ*, xây dựng công phu và thuộc vào số hình tượng nghệ thuật trội nhất của nhà văn. Xoan cũng là một nhân vật dễ được cảm tình của người đọc. Hình ảnh Xoan ở quyển I khá sinh động và hứa hẹn. Nhà văn đã dành cho Xoan nhiều trang hay nhất của anh. Chắc anh cũng muốn biến Xoan thành một cái đòn bẩy của tác phẩm. Trong số tính cách của quần chúng bên dưới, với hiểu biết và kinh nghiệm của mình, anh có điều kiện đi sâu vào Xoan hơn cả. Nhân vật Xoan mà thành công thì đó sẽ là một trọng lượng thực sự, nó có thể bù đắp cho rất nhiều thứ và tạo nên sự cân bằng cần thiết cho tác phẩm. Rất tiếc là ở quyển II Xoan mờ nhạt hẳn đi. Có thể thay cho Xoan, tiếp tục Xoan là Thơm, nhưng Thơm rất cục lại chỉ là một hình ảnh phụ. Còn Quyên thì không thà nào làm nổi cái nhiệm vụ tư tưởng và nghệ thuật mà Xoan phải gánh vác.

Rõ ràng Nguyễn Đình Thi thành công hơn khi miêu tả sinh hoạt thành phố, tầng lớp nghệ sĩ, trí thức và một phần nào dân nghèo. Ngòi bút của anh duỗi hơn khi viết về công nhân và hầm mỏ, về những

tầng lớp cơ bản ở nông thôn. Khắc xuất hiện trong tác phẩm rất ngắn ngủi, ít được miêu tả trực diện, nhưng Khắc trùm lên cả *Võ bờ* và trở thành một nhân vật chính thực sự. Khắc chết mà vẫn sống, anh là hiện thân đẹp đẽ của lòng son sắt đối với cách mạng, của tình đồng chí, tình gia đình, tình bè bạn. Do một dụng ý nhất định, tác giả không xây dựng Khắc thành một nhân vật "trông thấy nhỡn tiền", mà có tính chất lý tưởng, hư hư thực thực, nháy nhánh trong tâm tưởng nhiều người. Tác giả cũng chưa đi sâu vào hoạt động của những cán bộ cách mạng chuyên nghiệp để có thể miêu tả Lê có máu thịt hơn như chúng ta mong muốn. Quyên thuộc loại nhân vật nhà văn dễ miêu tả thành công, và ở những chương đầu hình tượng này cũng có nhiều hứa hẹn. Nhưng tính cách của Quyên, thời kỳ còn ở trong gia đình và sau khi thoát ly có một cái gì không ăn khớp, chưa thật lô gích, Chị Gái, bác Mẫn nói chung đều thấp thoáng. Rất tiếc là anh đã không chú ý đúng mức đến những người như Côi, Mâm hay anh Bào. Mảng quần chúng cách mạng, đặc biệt là quần chúng nông dân cách mạng, mỏng và yếu dã hạn chế không ít giá trị tư tưởng và nghệ thuật của *Võ bờ*.

Ở những trường hợp thành công nhất, chẳng hạn như trường hợp Tư, Phượng, An, ông Tư Gạch, bé Ca, Đông, nhân vật của Nguyễn Đình Thi rất sống, khó quên. Được như thế, không phải vì nhà văn giàu những chi tiết đặc trưng sắc sảo, hay mạnh về năng lực tạo hình, mà chính vì anh nắm bắt rất trúng các *kiểu người* có thực ở xung quanh, nghiên ngắm, nuôi dưỡng hình ảnh họ lâu dài trong trí tưởng tượng đến mức thông thuộc trước khi thể hiện ra trên giấy. Đặc điểm về ưu điểm nổi bật của Nguyễn Đình Thi trong nghệ thuật tiểu thuyết là anh *suy nghĩ bằng nhân vật*. Tác phẩm của Nguyễn Đình Thi ít yếu tố chính luận, ngay cả khi anh viết ký. Sự thật của cuộc sống, suy nghĩ của nhà văn đều thông qua nhân vật mà đến với người đọc. Nhưng anh chưa đủ dự cảm sắc nhậy để báo trước cho độc giả những diễn hình sẽ xuất hiện trong tương lai qua những mầm sống chưa rõ nét ban đầu. Anh thường chọn lấy những nét đã ngưng đọng lại, đã hẳn lên thành nếp gấp trong đời sống xã hội, trong truyền thống dân tộc để tạo thành hình tượng nghệ thuật. Do đó mà hình tượng có thể nhuyễn chín, đồng thời cũng dễ bị mất đi cái xù xì, gai góc vốn nhiều khi là biểu hiện của một sức sống nguyên thuỷ, tinh khôi. Ta có cảm tưởng khi cầm bút viết,

nha văn đã hình dung khá rõ những bước phát triển chủ yếu của tính cách. Cho nên ở anh rất khó xảy ra sự "nổi loạn" của nhân vật. Người đọc cũng không bất ngờ mấy khi theo dõi diễn biến của câu chuyện. Nghệ thuật này dễ dẫn tới sự tròn trĩnh, đơn điệu. Nhưng bản lĩnh của Nguyễn Đình Thi chính là ở chỗ anh không khêu gợi sự tò mò, anh xa lánh sự cách điệu, sự bày vẽ, anh muốn kéo nghệ thuật về gần cuộc sống bình thường hằng ngày, quen thuộc đối với mọi người. Anh muốn người đọc nhập vào thế giới nghệ thuật của anh ngay từ đầu, bằng một tấm lòng cởi mở, tin cậy. Đây là một con sóng lộng lẫy màu mây và sắc nắng, thỉnh thoảng cũng có đoạn ghềnh thác cuộn xoáy, nhưng nhìn chung vẫn hiền hoà, khởi chảy từ một nguồn rất sâu, rất trong, và kiên gan, cần mẫn một cách đáng yêu trên con đường ra bể dương nhiệm của nó. Ước gì người ta không chỉ ngâm dòng sông mà nhảy vào ngup lận trong ấy !

Trong nghệ thuật, Nguyễn Đình Thi không xem nhẹ lý trí, trí tuệ. Trí tuệ, khả năng khái quát đã giúp anh nhiều. *Võ bờ* đề cập đến nhiều mảng phức tạp của đời sống, nhiều tình tiết, nhiều nhân vật. Không nắm bắt được một cách chính xác tương quan của các sự kiện, thiếu một cái nhìn tổng hợp, thấy cây mà không thấy rừng, tác phẩm sẽ đổ ngay từ kết cấu. Kết cấu của *Võ bờ* là một kết cấu hợp lý, chặt chẽ, mà vẫn thoáng, sáng sủa. Tuy nhiên đối với Nguyễn Đình Thi, cái gốc của nghệ thuật là *tình cảm*, là *tâm lòng*. Nghệ thuật tất nhiên có góp phần mờ rộng hiểu biết, nhưng nhiệm vụ chủ yếu của nó là *thanh lọc tình cảm*, làm cho người ta sống nhân đạo hơn, cao quý hơn, nó bồi dưỡng cho người ta *khả năng xúc động* sâu sắc và tế nhị trước cái đẹp, cái phong phú của sự sống. Chính từ đây Nguyễn Đình Thi đề cao tình nghĩa, đề cao sự trong sạch, sự chân thành và giản dị. Những nhân vật chính diện trong *Võ bờ* đều tình nghĩa, trong sạch, thật thà như vậy : Khắc, Lê, Quyên, An, Xoan, Tư, Hội, v.v. Chính đó cũng là nét đáng quý ở những nhân vật đáng thương của anh như Bích và cả Phượng nữa, mặc dù ở đây nó bị đè nén, xuyên tạc, quật quẹo. Nguyễn Đình Thi chưa nói được với người đọc những điều thật mới mẻ, thật mãnh liệt. Tiếng nói nghệ thuật của anh là tiếng nói thông minh mà hồn hậu, làm cho chúng ta thêm thiết tha với với lý tưởng cộng sản, thêm quý yêu tâm hồn, núi, sông, cây cỏ Việt Nam, biết sống thuỷ chung, trong sạch và tế nhị hơn.

Tâm hồn của Nguyễn Đình Thi là một tâm hồn rất thơ. Anh cũng từ thơ và nhạc mà đến với tiểu thuyết. Cho nên chất thơ, chất trữ tình bàng bạc khắp tiểu thuyết. Chất thơ, chất trữ tình đó là một đặc điểm, một chỗ mạnh, nhưng cũng đương là một sự trái buộc đối với anh trong lĩnh vực tiểu thuyết. Nó giúp cho anh nhìn thấy được nhiều cái đẹp trong cuộc sống, làm cho nó thêm bay bổng, nồng bồng, có một cách nói đậm đà đặc biệt về những người phụ nữ và em bé, dễ thành công ở những bức tranh thiên nhiên tươi mát những tình tiết cảm động (cảnh Xoan ốm, cảnh An về nhà Khắc, bé Hiền ăn cắp gạo nấu cháo cho bạn, cảnh tiễn người thân vào Nam, cảnh Xoan gặp lại Mầm, v.v.). Nhưng nó dễ phủ một màn sương thơ mộng lên tất cả mọi thứ. Nhân vật của Nguyễn Đình Thi nói chung đều hiền lành, ngay cả những nhân vật phản diện. Đọc nhiều đoạn, có cảm giác : ngọt ngào, ngăn nắp quá ! Dụng lại những cảnh dữ dội, xô bồ, Nguyễn Đình Thi thường bất lực : chẳng hạn cảnh anh Bảo đến nộp thóc, cảnh cướp xe bò gạo, cảnh chết dối, cuộc biểu tình của quần chúng. Có lúc đáng lẽ phải tung phá, vượt bờ mọi khuôn phép để tạo nên một chuyển biến đột ngột, một sự sáng khoái, anh vẫn hiền lành, mực thước ! Để cập đến một thời kỳ mà xung đột xã hội, xung đột giai cấp được đẩy lên cực điểm, sự phân hoá sâu sắc trong từng bộ phận, từng gia đình, từng người trở thành một thực tế hiển nhiên, với những nhược điểm của mình, Nguyễn Đình Thi buộc lòng phải trùu tượng hoá đi nhiều thứ và đẩy ra phía trước quan hệ gia đình, tình bạn, tình yêu, Nguyễn Đình Thi đã biết lượng sức mình, tránh những chỗ chưa nên xông vào, để nói được tốt nhất cái gì có thể. Ở anh đang có một sự giằng co khá gay gắt : suy nghĩ thơ kéo vào bên trong, chuộng tính chất và sự ngung đọng, có nhu cầu lớn về nhạc tính và sự biểu hiện nghệ thuật tiểu thuyết lại hướng ra bên ngoài, nó muốn là ngôn ngữ của sự vận động, của cuộc sống phong phú và đa dạng, của sự phát hiện. Trong tiểu thuyết, tâm hồn nồng cháy không đủ. Phải hiểu biết nhiều, hiểu hết một cách chi tiết, tý mỷ, tinh táo. Từ thơ, nhạc chuyển sang tiểu thuyết xem tiểu thuyết mới đúng là sân khấu hoạt động thích hợp với sở trường của mình, Nguyễn Đình Thi bị quyến rũ bởi tiếng nói muôn màu muôn vẻ kỳ diệu của bản thân cuộc sống, và rõ ràng anh cũng có một số điều kiện cần thiết để làm tốt việc này. Nguyễn Đình Thi có nhiều điểm giống

Nam Cao và Nguyễn Trung Thành. Văn tâm hồn thông minh đôn hậu ấy, vẫn chất trữ tình ấy, nhưng Nam Cao còn tự rèn thêm cho mình vũ khí hài hước, để lúc cần thiết có thể tách hẳn ra khỏi nhân vật mà chua chát, mà chế giễu. Sự hóm hỉnh, châm biếm lầm lúc chứng tỏ quyền lực của nhà văn đối với sản phẩm của mình. Nguyễn Trung Thành vốn thơ mộng, duyên dáng, du dương, cũng đã biết rắn rỏi, trần trụi trong *Đất Quảng* khi đối tượng miêu tả yêu cầu một ngôn ngữ như vậy. Nguyễn Đình Thi có những thuận lợi của anh bằng nhân quan bao quát thực tế rộng rãi, khả năng suy nghĩ, bằng nhân vật, một sự chuẩn bị khá cân đối về vốn sống, chính trị, văn hoá và nghề nghiệp, một sức tưởng tượng phát triển. Trong lĩnh vực nghệ thuật, nhất là đối với những người ở lứa tuổi và trình độ nghề nghiệp như anh Thi, không nên trông chờ sự sửa chữa những mặt non yếu có thể đem lại những chuyển biến quan trọng về chất lượng. Đóng góp trước hết là do sự phát huy đến mức tối đa tiềm lực sẵn có những chỗ mạnh và độc đáo của mình. Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng nếu anh Thi có điều kiện sống lâu dài hơn với quần chúng cơ bản của ta để hiểu kỹ hơn sinh hoạt, tâm lý của họ, lời ăn tiếng nói của họ, nếu anh quan tâm hơn nữa đến sự phát hiện những vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống, lưu ý cá tính hoá nhân vật bằng những chi tiết đặc trưng và ngôn ngữ của chính bản thân họ, v.v. thì chắc chắn là với những điều kiện sẵn có hiện nay, anh còn tạo nên nhiều tiểu thuyết sẽ làm phong phú thêm cho nền tiểu thuyết hiện đại của ta.

Tạp chí *Tác phẩm mới*, số 12 - 1971

TIỂU THUYẾT VÕ BỜ CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

PHAN CỰ ĐỆ

Tiểu thuyết *Võ bờ* của Nguyễn Đình Thi (hai tập, dày hơn 1000 trang) là một trong những tác phẩm có quy mô tương đối lớn của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Từ những bản thảo đầu tiên (1948 - 1953) viết về nạn đói, con sông Lương và gia đình nghị Khanh cho đến lúc cuốn tiểu thuyết ra đời trọn bộ là cả một thời gian đăng đăng trên dưới hai mươi năm. Hai mươi năm ấp ú, canh cánh trong lòng, lúc buông xuống trang giấy dòng chữ cuối cùng, chắc tác giả cũng đã cảm thấy xao xuyến, bâng khuâng như vừa có một cuộc chia ly với những Khắc, Tư, Toàn, Quyên, An, Phượng,... những người đã chia sẻ vui buồn với anh trong chừng ấy năm trời. Tuy phải làm nhiều công việc khác nhau và thời gian thường bị phân tán ra nhiều nẻo hướng, nhưng có thể nói tác giả *Võ bờ* đã dồn vào đây khá nhiều công sức và tâm huyết.

Tiểu thuyết *Võ bờ* là tâm lòng yêu thương tha thiết của Nguyễn Đình Thi đối với vận mệnh và lịch sử đất nước, là những suy nghĩ sâu lắng, áp ú của nhà văn về những đặc điểm tâm hồn và tính cách con người Việt Nam. Anh đã dành những trang tâm huyết nhất nói về trí tuệ Việt Nam, tâm hồn Việt Nam và đặc biệt những trang rất giàu chất trữ tình và chất thơ nói về thiên nhiên, đất nước Việt Nam. Cảm ơn tác giả *Võ bờ* đã làm cho chúng ta yêu thêm quê hương, đất nước, một đất nước diêm lệ bốn mùa tươi xanh và tràn ngập ánh sáng nhưng trên mình mang đầy thương tích của chiến tranh, của đói kh俄 và cùm kẹp, tù dày, su cao thuế nặng; yêu thêm dân tộc chúng ta, một dân tộc kiên cường, bất khuất trong lịch sử đang đứng dậy rū hết xiềng gông nô lè, viết nên những trang sử mới chói loá cả vùng Đông Nam châu Á.

Phần lớn các tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi viết về đề tài chiến tranh và cách mạng. Cảm hứng chủ đạo của tác giả là cảm hứng về dân tộc và Tổ quốc. *Võ bờ* cũng vậy. Bộ tiểu thuyết nêu lên hàng loạt vấn đề,

kể cả những vấn đề như số phận của tình yêu và sự sáng tạo nghệ thuật trong xã hội cũ, vai trò của những người mẹ, người vợ trong gia đình và trong toàn bộ đời sống xã hội Việt Nam, v.v., nhưng chủ đề lớn nhất ở đây vẫn là về chiến tranh và cách mạng trên đất nước ta, của dân tộc ta. Tập I miêu tả một xã hội thực dân nửa phong kiến đang bị xô đẩy vào chiến tranh để quốc. Các mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp ngày càng bộc lộ căng thẳng, gay gắt. Trong tập II, khủng hoảng lên tới tột độ, một số người không tìm thấy lối thoát, rơi vào tình trạng bi kịch, nhưng khắp nơi, quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nổi dậy như nước vỡ bờ, cuốn băng đi mọi rác rưởi của xã hội cũ. Đảng cộng sản Đông Dương đã biến chiến tranh để quốc thành chiến tranh du kích và khởi nghĩa vũ trang của quần chúng cách mạng. Toàn thể nhân dân, tất cả những người yêu nước, từ thợ thuyền, dân cày, học sinh, sinh viên, trí thức, văn nghệ sĩ cho đến cả những tầng lớp trên ở khắp thành phố và nông thôn..., bằng những con đường khác nhau, đều lần lượt đi vào dòng thác lớn của cuộc đấu tranh dân tộc dẫn đến cao trào tổng khởi nghĩa tháng Tám, hoặc ít nhất cũng bị lôi cuốn bởi cái không khí hừng hực, cổ vũ lòng người của thời kỳ lịch sử đó.

Võ bờ thuộc vào loại tiểu thuyết nhiều chủ đề, nhiều tuyến và bình diện trong kết cấu và cốt truyện nhiều phong cách và thanh điệu trong ngôn ngữ kể chuyện và miêu tả. Võ bờ chưa phải là một bô anh hùng ca của thời đại, nhưng trong thời gian sáng tác, có thể Nguyễn Đình Thi đã nhiều lần bị cảm dỗ bởi cái ý định mở rộng khuôn khổ của những tài liệu thực tế và lịch sử, tạo cho cuốn tiểu thuyết một tầm vóc sử thi. Bao quát một thời kỳ lịch sử dài, từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Võ bờ đã dựng lên một bức tranh rộng lớn với trên dưới 50 nhân vật thuộc đủ các giai cấp, tầng lớp, nghề nghiệp, giới tính, lứa tuổi, sống và hoạt động không phải chỉ trong một môi trường hẹp mà giữa dòng thác lớn của lịch sử.

*

* * *

Nguyễn Đình Thi đã miêu tả khá thành công những chuyện thất nghiệp, đói cơm, rách áo, những đau khổ quằn quại trong tâm hồn lớp người tiểu tư sản trí thức nghèo ở thành thị : cảnh trường học bị đóng cửa, thầy giáo cò giáo có bằng có chữ mà thất nghiệp ; tình trạng khốn nạn của những nhà văn chạy ăn từng bữa, ra vào các nhà xuất bản,

các tờ báo lạy lục như kẻ ăn xin, ngồi bút của họ chẳng khác gì con dao pha, xoay dù cách để kiếm được miếng cơm trong cái xã hội loạn lạc, lừa đảo, chết chóc, chiến tranh và thất nghiệp ! Nhưng Nguyễn Đình Thi không chỉ nói lại những chuyện quẩn quanh bể tắc của tầng lớp tiểu tư sản mà trước kia Nam Cao đã miêu tả rất sâu sắc trong *Sóng mòn*. Cái mới ở anh là biết tập trung miêu tả những con đường khác nhau của tầng lớp văn nghệ sĩ, trí thức tìm đến với cách mạng. Anh hiểu biết khá sâu sắc tâm tư, tình cảm của những nghệ sĩ, nỗi băn khoăn day dứt của họ về lẽ sống, về vận mệnh của đất nước, những ước mơ, hoài bão của họ trong sự sáng tạo một nền nghệ thuật mang đậm hồn và tiếng nói riêng của dân tộc. Những trang viết của anh về hội họa, âm nhạc đã làm giàu thêm năng khiếu và những rung động thẩm mỹ của người đọc, giúp ta hiểu sâu sắc hơn những đặc trưng của nghệ thuật và công việc sáng tạo của nghệ sĩ.

Xây dựng nhân vật điển hình Tư, Nguyễn Đình Thi đã tập trung miêu tả niềm say mê, sáng tạo của một nghệ sĩ trong sạch, có tài. Tư đã bỏ vào công việc tất cả sức lực và tuổi trẻ, những năm tháng đẹp nhất của đời anh. Trong đầu óc của người họa sĩ đó, luôn luôn chất ních những dự định và khát vọng đẹp. Tư ao ước vẽ lại những bức tranh cổ của dân tộc, vẽ được những bức tranh lớn về đời sống trên sông Hồng, hai bên bờ sông ấy đã thành hình dần đất nước. Những đêm khuya nằm trên gác cao, nghe gió heo may tràn về – cái thứ gió chuyển mùa gợi cảm hứng cho nghệ sĩ, anh họa sĩ nghèo lại thức dậy, khoác cái chăn đơn, ngồi vẽ rất say mê cho đến khi Hà Nội bừng sáng. Tư không phải chỉ bắn khoan chuyện được vẽ hay không được vẽ. Đã có lúc Tư suy nghĩ về cái nhục mắt nước của những người dân nô lệ, và đến những giờ phút cuối cùng của đời mình, anh đã gặp được cách mạng và làm được một công việc có ích cho cách mạng. Trong *Võ bồ*, có hai nhân vật gần giống nhau và được nhà văn chú ý đến như nhau : Tư và Hội. Nhưng nhân vật Tư đã để lại những ấn tượng sâu sắc hơn trong lòng người đọc. Hội chỉ được xây dựng như một than phận xã hội : một người tiểu tư sản trí thức nghèo trong xã hội trước Cách mạng. Còn thông qua nhân vật Tư, nhà văn muốn đặt ra một vấn đề có tầm khái quát cao hơn : số phận của những người nghệ sĩ muốn sáng tạo một nền nghệ thuật chân chính trong một xã hội mà mọi thứ đều đã trở thành hàng hoá, mà mọi người muốn tiến thân phải bon chen, bợ đỡ.

Tuy nhiên, Tư vẫn còn bàng quan, ít tỏ ra quan tâm đến những biến cố chính trị lớn, đến làn sóng quần chúng đang dâng lên mạnh mẽ trong cao trào tiền khởi nghĩa. Nguyễn Đình Thi chưa phê phán đúng mức nhược điểm này của Tư, đại diện cho một bộ phận trong tầng lớp tiểu tư sản trí thức văn nghệ sĩ thành thị thời kỳ đó. Ngòi bút đôi lúc vuốt ve ca ngợi một chiều của anh đối với bộ phận văn nghệ sĩ này đã làm cho họ hiện lên trong tác phẩm đẹp đẽ quá, hoàn hảo quá, khiến cho ta có cảm tưởng dường như không cần phải đòi hỏi gì ở họ nhiều hơn nữa. Trong cái nhục mảnh nước và trước không khí tiền khởi nghĩa, cái bệnh chỉ quẩn quanh trong cái "tôi" nhỏ bé, đau khổ, yếu hèn, dao động, hoài nghi hay cảm khái suông lẽ nào lại có thể nuông chiều ve vuốt được ?

*
* * *

Nguyễn Đình Thi là một cây bút hiền lành, đôn hậu. Nhìn chung anh nghiêm về những mặt đẹp, mặt lý tưởng của cuộc sống. Tuy thế, đôi lúc anh cũng sử dụng vũ khí châm biếm khá sắc sảo, quắt cho kẻ thù những đòn roi thấm thía. Trước đây, tiểu thuyết hiện thực phê phán không có điều kiện để tố cáo bọn đế quốc Pháp - Nhật. Võ bờ có ý thức bổ sung mang hiện thực còn thiếu đó. Những cảnh quân Pháp chạy dài nhục nhã ở Lạng Sơn, mang xe cắm cờ trắng đón quân Nhật vào cảng Hải Phòng, cảnh lính lê dương bắn chém, hiếp dâm, đốt phá, càn quét trong thời kỳ khởi nghĩa Nam Kỳ, cảnh phát xít Nhật bắn nồng dân nhỏ lúa trồng đay, Mỹ ném bom vào các thành phố (Võ bờ tập II), mật thám tra tấn dã man tù chính trị (Võ bờ tập I),... đã giúp chúng ta thấy được phần nào bộ mặt dã man của bọn đế quốc thống trị. Nhưng đậm nét hơn, gây ấn tượng mạnh hơn vẫn là những thủ đoạn gian ác, những mánh khoé tàn bạo, thói hành lạc, dâm ô của những huyện Môn, nghị Khanh, Mỹ Lan, Quảng Lợi, v.v. Trong tiểu thuyết Võ bờ, gia đình nghị Khanh là một ổ loạn luân : chồng đi kiếm nhân tình, vợ lê ; vợ ngủ với gã cung văn ; con gái chưa hoang với lũ Tây con ; con gai cầu tự thì như một thằng lưu manh, chuyên môn hiếp dâm "con sen", "đứa ờ". Quan lại như huyện Môn, tuần Vĩ thì chỉ muốn dâng vợ cho lũ công sứ để già để mong được thăng chức ! Hôn nhân của bọn chúng chỉ là sự hùn vốn của hai túi tiền, và lúc cần, chúng có thể đập lên nhau nghĩa để bóp cổ nhau, cướp đoạt lẫn nhau. Nhưng nếu

chỉ miêu tả như thế thôi thì chưa đi xa hơn tiểu thuyết hiện thực phê phán. Trước đây, kịch *Lối vũ* của Tào Ngu, truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan, tiểu thuyết *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng cũng đã từng khai thác những chuyện thối nát, dâm loạn, xâu xé, cướp đoạt lẫn nhau trong các gia đình tư sản, quan lại. Tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta nhìn vấn đề từ góc độ giai cấp chứ không phải chỉ từ góc độ đạo đức thông thường. Bọn nghị Khanh, Quảng Lợi, tuân Vĩ, huyện Môn,... đúng là bọn tư sản mại bản, đại địa chủ, quan lại, chồ dựa xã hội của bọn để quốc thống trị nước ta. Người đọc muốn tác giả *Võ bờ dì sâu thèm*, miêu tả rõ nét hơn những thủ đoạn ác bức, bóc lột giai cấp và phản bội dân tộc của bọn người mất gốc đó, chứ không chỉ dừng lại ở những chồ thuộc về nhân phẩm chung chung của con người, nghiêng về mặt miêu tả những cảnh dâm ô, truy lạc, thú vật của chúng.

Điều này có liên quan trực tiếp đến thái độ của nhà văn đối với nhân vật Phượng.

Cô Phượng đẹp sắc sảo, đẹp lộng lẫy và ít nhiều được nuông chiều dưới ngòi bút của nhà văn đã làm cho nhiều cây bút phê bình xôn xao lên một dạo. Nhiều ý kiến khác nhau tập trung quanh vấn đề cô gái xuất thân từ thành phần tư sản này. Phượng là nhân vật hiện thực hay lãng mạn ? Tính cách của nhân vật này có phát triển hợp luận lý hay không ? Và nhà văn đã có thái độ như thế nào đối với nhân vật hết sức "chông chênh" này ?

Tác giả *Võ bờ* muốn xây dựng Phượng thành một nhân vật phức tạp, mang bí kịch nội tâm và nổi loạn một cách bế tắc, tuyệt vọng. Phần nhân phẩm còn lại đôi lúc sẽ làm Phượng chán chường cảnh sống sa đoạ, trống rỗng, ao ước một cái gì trong sáng hơn, đáng sống hơn nhưng lại không đủ can đảm để đoạn tuyệt với cuộc đời hưởng thụ, lười biếng vốn đã trở thành thói quen của mình. Cuối tác phẩm, tác giả để cho Phượng lặng lẽ giúp cô em may cờ Việt Minh, lặng lẽ theo Hàng di mua hoa tiễn Vệ quốc đoàn Nam tiến. Lối kết thúc lùng lơ như thế cũng có thể chấp nhận được, vì bấy nhiêu hành động đó rõ ràng chưa đủ chứng minh rằng Phượng đã giác ngộ cách mạng. Trong bối cảnh lịch sử xã hội ta hồi Cách mạng tháng Tám, không thiếu gì người chuyển hoá nghiêng về cách mạng như kiều Phượng.

Nhưng vấn đề không phải ở cái kết thúc lùng lơ ấy, cũng không phải ở ý muốn ban đầu của tác giả. Phượng là con gái nhà Ích Phong,

buôn bán tơ lụa ở Hàng Đào ; Phượng lại là vợ một viên tri huyện ; Phượng có những nét chân thật, thậm chí sắc sảo, sinh động trong những trường hợp tác giả lột tả bản chất giai cấp và tính chất mâu thuẫn, phức tạp của nhân vật này. Tính cách của Phượng hiện lên khá rõ nét khi cô ta tự ngắm mình trong gương và ghê tởm nghĩ đến "cái bụng béo thay lầy ra như một quả bóng tròn" của huyện Môn, khi Phượng đến thăm Tư lần đầu, đứng ngắm lại bức tranh Tư vẽ mình ngày xưa, rồi ngay mấy ngày hôm sau lại đến nhà Thanh Tùng buông thả, là lời "ngừa cổ cười sằng sặc như điên" khi chàng họa sĩ xu thời này quỳ gối xuống chân cô ta...

Bước sang tập II, Phượng ngày càng sa đọa hơ hòng hơn, cô ta dần díu với rất nhiều người đàn ông, thậm so sánh những "con trống" ấy với nhau và chán tất cả bọn. Phượng tập tành buôn chợ đen, lại muốn rằng sắc đẹp và trí thông minh của mình ít ra cũng phải "làm cho mình trở thành một người giàu có và được xã hội nể sợ". "Lý tưởng" sống của Phượng, người yêu "lý tưởng" của Phượng ngày càng xa lạ với Tư. Như vậy thì Tư nhiều lắm cùng chỉ còn là một kỷ niệm trong sáng cuối cùng, một khoảng riêng đẹp đẽ của cuộc đời Phượng. Làm sao Phượng còn có thể giữ được một tình yêu lâu bền với Tư nghèo đói, ho lao, thân tàn ma dại, một tình yêu đến mức làm cho Phượng tự tử sau khi Tư chết ?

Nhân vật Phượng ngày càng mất nhân phẩm, càng đi sâu vào con đường truy lạc, nhưng nhà văn lại cứ muốn tạo ra cho cô ta một đời sống nội tâm phong phú, một "tâm hồn rất lá", một tình yêu chung thuỷ không những không bị phai nhạt đi mà lại nồng cháy lên... Ở tập II, người ta thấy rõ tác giả đã có lúc thi vị hoá nhân vật này và dành cho nó khá nhiều tâm huyết, quá nhiều không gian và ánh sáng... mà một người đàn bà hờ hững, buông tuồng, một nhân vật phụ trong một cuốn tiểu thuyết phản ánh một giai đoạn lớn của lịch sử dân tộc, không đáng được "hậu mãi" đến như thế ! Tác giả dường như muốn đứng ở góc độ coi Phượng là nạn nhân đáng thương, một nạn nhân để tố cáo xã hội thực dân tư sản đã biến một người đàn bà đẹp, thông minh thành một thứ búp bê cao cấp, một thứ trò chơi, một món hàng hoá. Thật ra Phượng cũng có khía cạnh "nạn nhân", nhưng đồng thời Phượng cũng là kẻ đã chủ động đi vào con đường sa đọa và gây ra bao nhiêu đau khổ

cho người khác. Tác giả đã "thương" Phượng nhiều hơn, thậm chí có lúc đã lăng mạn hoá nhân vật này, do đó đã bỏ qua không phê phán đúng mức những nét hư hỏng xấu xa nằm trong bản chất của Phượng.

*
* *

Tuy nhiên, dù sao vẫn đề Phượng cũng không thể làm lệch được chủ đề *Võ bờ*. Nếu nói đến những khuyết điểm của cuốn tiểu thuyết thì còn có nhiều vấn đề đáng đi sâu hơn câu chuyện về cuộc đời cô Phượng. Ví dụ, vấn đề miêu tả quần chúng cơ bản, công nhân, nông dân và phong trào cách mạng ở tập II.

Ở tập I, nhiều chương miêu tả cách mạng thành công, nhất là những chương nói về tâm gương anh hùng, bất khuất của các chiến sĩ cộng sản trong nhà tù đế quốc. Khắc là một hình tượng cao đẹp về người cộng sản Việt Nam yêu gia đình quê hương, lịch sử và đất nước, là sự kết hợp các giá trị tinh thần, văn hoá của dân tộc với những yêu cầu lý tưởng của thời đại mới. Khắc là hình tượng người cán bộ ưu tú của Đảng hoạt động trong thời kỳ bí mật, lần đầu tiên được xây dựng thành công trong tiểu thuyết. Đó là một chiến sĩ cách mạng rất mực trung thành với sự nghiệp của dân tộc, của Đảng, dũng cảm và có khí tiết, một con người sắt đá trước kẻ thù, dám thầm trong tình bạn và tình đồng chí, tha thiết, chung thuỷ trong tình yêu và bao giờ cũng có thể sẵn sàng hy sinh tất cả cuộc đời mình cho lý tưởng cách mạng.

Nguyễn Đình Thi chưa đi sâu được nhiều vào đời sống nội tâm của nhân vật này, và dưới ngòi bút của tác giả, bản lĩnh cách mạng của Khắc cũng chưa được thử thách nhiều trong công tác vận động và tổ chức quần chúng. Tuy nhiên, Khắc vẫn là điển hình thành công có sức cổ vũ, giáo dục tình cảm cách mạng cho người đọc. Sang tập II, tuy Khắc không còn nữa, nhưng hình tượng này vẫn là chỗ dựa tinh thần, ánh sáng kín đáo soi tỏ đậm đường cho các nhân vật Hội An, Quyên, v.v. di lên.

Võ bờ là một cuốn tiểu thuyết đầu tiên ở miền Bắc viết về cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc mùa thu năm 1945. Người ta kỳ vọng Nguyễn Đình Thi dựng lại Đại hội quốc dân ở Tân Trào, làm sống lại hoạt động của Hồ Chủ tịch cùng các lãnh tụ khác của Đảng và của Mặt trận dân tộc thống nhất (Việt Minh), làm sống lại làn sóng quần chúng

cách mạng dâng lên cuồn cuộn trong thời kỳ lịch sử nghìn năm có một ấy. Đây không phải là chuyện không hiểu được cái "tặng" của nhà văn đến nỗi khi người viết dắt đến con ngựa, nhà phê bình lại chê nó là thiếu hàn đói sùng hùng dũng của con trâu ! Cuốn tiểu thuyết nhằm dựng lại cao trào tiền khởi nghĩa và cuộc Cách mạng tháng Tám, nhằm thể hiện chủ đề tức nước vỡ bờ thì những đòi hỏi trên của quần chúng là chính đáng. Tuy nhiên chúng ta cũng không buộc nhà văn phải viết những điều gì mà các anh cảm thấy ngời bút của mình chưa đủ sức. Chúng ta chỉ nói đến những chương Nguyễn Đình Thi đã viết về chiến khu Đông Triều, về những cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền ở nông thôn, vùng mò, đặc biệt là cuộc tổng khởi nghĩa ngày 19 - 8 - 1945 ở thủ đô Hà Nội. Những chương đó nhìn chung chỉ là một thứ phóng sự ghi nhanh, sao chép vội vã qua lời một vài người kể lại, một thứ lấp ghép những tài liệu và vốn sống gián tiếp chưa thật nhuyễn vào mình nên không tránh khỏi rời rạc và kém hấp dẫn (so với một số thiên hồi ký viết về Cách mạng tháng Tám như *Nhân dân ta rất anh hùng, Hà Nội khởi nghĩa*). Có thể nói Vở bờ tập II đã bộc lộ một cách toàn vẹn những nhược điểm về vốn sống của Nguyễn Đình Thi. Ở tập I, nói chung các nhân vật vẫn còn sống theo nếp cũ của mình, trừ con đường cách mạng bí mật của Khắc. Tập I mới chỉ có những dấu hiệu đe doạ của một cơn giông, và chiến tranh thì hãy còn từ xa hắt bóng tối của nó vào một vài thành phố. Tập I chủ yếu trình bày cảnh "tức nước" với những chuyện đòn áp, khùng bô, bắt phu, bắt lính,... Sang tập II, mức độ "tức nước" đó đã lên tới tột đỉnh trong nạn đói năm 1945. Nhiệm vụ chính của tập II là trình bày cái thế "vỡ bờ", các tầng lớp nhân dân từ trầm ngâm đi vào dòng thác lớn của cách mạng, dẫn tới cao trào Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc ; là miêu tả những bước ngoặt có tính chất quyết định trong cuộc đời các nhân vật, trước hết là những Hội, Tư, Quyên, Mầm, Côi, v.v. Nhưng tác giả đã không miêu tả thành công quá trình chuyển hoá cách mạng đó của quần chúng cơ bản và các tầng lớp trung gian. Người ta không hiểu tại sao một cô Quyên dám dang, tần tako, hy sinh, chịu đựng trong gia đình lại có thể nhanh chóng trở thành một cán bộ cách mạng dày dạn kinh nghiệm, hoạt động bí mật khắp vùng rừng núi Đông Bắc ? Đối với những tính cách có quá trình chuyển biến thì sức hấp dẫn chủ yếu tập trung ở những bước nhảy vọt lượng đổi thành chất đó. Đường như những cán bộ phụ nữ hoạt động cách mạng

(Gái, Quyên) chưa phải là loại nhân vật quen thuộc của tác giả. Tác giả đã sử dụng ống kính của điện ảnh quay lướt nhanh những quãng đời hoạt động bí mật của cô Quyên ở bến đò Rừng, ở Quảng Yên, Hòn Gai, Đông Triều. Tính cách của Quyên bị cắt xén ra làm nhiều quãng và đáng tiếc là người viết đã nhảy qua những bước chuyển biến quan trọng trong cuộc đời người nữ cán bộ cách mạng thời đó. Người đọc chỉ thấy cô Quyên lúc ẩn lúc hiện, hành tung đầy bí mật, nhưng sự diễn biến tâm lý của cô như thế nào thì không được nhà văn miêu tả đầy đủ và sinh động.

Mảng quân chúng công nông và các tầng lớp trung gian đi theo cách mạng bị yếu hẳn đi trong tập II đã hạn chế không ít giá trị tư tưởng và nghệ thuật của *Võ bờ*.

Quyên không thể thay thế vị trí của Khắc ở tập I, cũng không thể bù đắp những hình bóng rất mờ nhạt của Lê và những cán bộ cách mạng khác, Hà Nội cướp chính quyền nhưng vai trò lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh, Ủy ban khởi nghĩa chưa nổi bật; quần chúng công nhân các xí nghiệp, khu lao động và nông dân các làng ngoại thành cũng không có được vị trí xứng đáng trong cuộc nổi dậy chính trị rộng lớn. Ngay cả khi miêu tả những hoạt động cách mạng của học sinh, tác giả cũng chưa thể hiện được sự chuyển hóa chính trị đi vào bể sâu của tầng lớp tiểu tư sản.

Có người cho rằng *Võ bờ* tập II bị yếu vì thiếu thuyết không có nhân vật trung tâm, không có cốt truyện rõ ràng, kết cấu lỏng lẻo và bị phân tán. Thật ra nhà văn có thể viết một cuốn tiểu thuyết hiện đại không cần có nhân vật trung tâm (với những mối liên hệ sườn truyện giữa nhân vật đó với thế giới chung quanh, những mối liên hệ có tác dụng quyết định trong việc tổ chức cốt truyện) mà vẫn bảo đảm tính thống nhất và toàn vẹn của kết cấu, nhờ hình tượng của cái dòng lịch sử đang vận động và sự vận động của các nhân vật hướng tới một mục đích chung. Có nhiều tuyến sườn truyện cùng phát triển song song (không nhất thiết phải đan chéo với nhau trên bề mặt), nhưng đó là những tuyến song song của một thứ hình học phi Ocotit, dường như đến một lúc nào đấy sẽ gặp nhau ở một điểm.

Võ bờ tập II bị chê là kết cấu lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ, cũng có thể là vì người ta chưa quen với lối kết cấu nhiều tuyến, nhiều bình diện (cũng như chưa quen nghe nhạc giao hưởng nhiều bề đan chéo nhau).

Nhưng lý do chính là vì tác giả chưa miêu tả được tốt cái dòng lịch sử đang vận động và sự vận động của các nhân vật hướng tới cao trào giải phóng dân tộc. Ở tập II, tuyến sườn truyện cá nhân vẫn còn giữ được sức hấp dẫn như ở tập I (mối tình Tư – Phượng, Tư – Bích, v.v.), nhưng tuyến nhân vật cách mạng thì yếu hẳn đi (Lê, Quyên, Hội, Mầm, Côi), mà chính tuyến này lại đứng ở trung tâm của dòng lịch sử đang vận động. Suy cho cùng, cái non yếu của tập II không phải là do thiếu tài năng trong nghệ thuật kết cấu mà chủ yếu là do vốn sống hay vốn thâm nhập thực tế lịch sử còn nghèo và phiến diện.

Vốn sống của người viết tiểu thuyết (bao gồm cả vốn sống trực tiếp và gián tiếp), là tất cả sự từng trải, lịch lâm, là toàn bộ cuộc đời của nhà văn đó. Mỗi nhà văn đều có một sở trường nhất định và không một nhà văn nào có thể tự hào là đã miêu tả thành công tất cả mọi loại người khác nhau trong xã hội. Nguyễn Đình Thi đã tỏ ra am hiểu những người tiểu tư sản trí thức và văn nghệ sĩ. Anh cũng có những thành công nhất định khi viết về tầng lớp dân nghèo ở nông thôn và thành thị (An, Quyên, Thảo, cụ Tư Gạch, Ca). Một khác, nhà văn đã có nhiều cố gắng để bổ sung cho vốn sống của anh về những mảng hiện thực và những kiểu người mà anh chưa quen thuộc lắm (công nhân, nông dân và cán bộ cách mạng thời kỳ bí mật). Tuy nhiên, do yêu cầu phải miêu tả các tầng lớp nhân dân đi vào cách mạng, do quy mô lớn của một cuốn tiểu thuyết mang tính chất sử thi, Nguyễn Đình Thi buộc phải đưa rất nhiều loại nhân vật lên sân khấu. Trong tình hình đó, màu sắc đậm nhạt của các mảng hiện thực trong bức tranh xã hội rộng lớn, mức độ sinh động nhiều ít khác nhau ở từng loại nhân vật là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, một mặt chúng ta rất thông cảm với những khó khăn khách quan và chủ quan cần phải vượt qua của người viết tiểu thuyết về những thời kỳ trước Cách mạng : mặt khác, chúng ta vẫn có quyền đòi hỏi cao hơn nữa ở tác giả Võ bờ, vì anh có may mắn hơn nhiều nhà văn khác là đã trực tiếp sống trong không khí hoạt động bí mật trước Cách mạng tháng Tám và có điều kiện gần gũi, tiếp xúc để tìm hiểu sâu cán bộ cách mạng và quần chúng cách mạng trong thời kỳ đó.

*

* * *

Nguyễn Đình Thi mang đến cho nghệ thuật tiểu thuyết một phong cách có thể nói là độc đáo. Theo anh, cái gốc của nghệ thuật là tình cảm, là tấm lòng : có lẽ "cái tác động vào tình cảm ấy là cái chỗ sâu nhất của tiểu thuyết cũng như của các nghệ thuật khác"⁽¹⁾. Tiểu thuyết *Võ bờ* đã được sáng tạo theo nguyên tắc lý luận đó. Ngòi bút tinh tế, thông minh của tác giả rọi sâu đến những tình cảm bên trong, làm nổi bật lên vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật. Những cuộc đời riêng trắc trở, những cảnh ngộ éo le, những hy sinh mất mát của các nhân vật dưới ngòi bút của tác giả thường gây nên những xúc động mạnh mẽ. An từ Hải Phòng lên Hà Nội thăm Khắc thì Khắc đã bị địch giết trong Hoả Lò ; Toàn đến nhà Nina thì người yêu đã ra đi, gửi lại cây vĩ cầm và một bức thư giàn giụa nước mắt...

Nhưng hình tượng nghệ thuật không chỉ làm rung cảm người đọc mà còn giúp họ nhận thức cuộc sống, không chỉ in dấu tâm hồn và lý tưởng của nghệ sĩ mà còn phản ánh, tái tạo hiện thực khách quan. Tác giả *Võ bờ* đã mang tâm hồn thi sĩ và nhạc sĩ đi vào tiểu thuyết. Nhiều đoạn tiểu thuyết của anh đã làm cho tình cảm người đọc trong sáng hơn, tinh tế hơn, cao đẹp hơn. Tuy nhiên, nếu anh dễ dàng thành công khi nói đến những quan hệ tình cảm của nhân vật, thì ngòi bút của anh lại chưa thật sắc sảo khi miêu tả các quan hệ áp bức bóc lột, đấu tranh giai cấp. Những trang viết về nỗi Xoan nhớ người yêu, cảnh Quế và Cói tình tự ven sông một đêm trăng, cái chết tội nghiệp của Quế và sự thương xót, vật vã, điên cuồng của Cói, trận ốm thương hàn mười phần tưởng chết của Xoan,... là những trang viết thật cảm động, gây được nhiều cảm tình của người đọc đối với nhân vật. Tuy nhiên, những đoạn miêu tả thấm đẫm tình cảm đó vẫn không bù đắp được sự thiếu thốn về vốn sống của tác giả *Võ bờ* khi viết về nông dân và nông thôn Việt Nam.

Nguyễn Đình Thi có nhiều thành công khi viết về phụ nữ và nhí đồng. Điều đó không ngẫu nhiên, Anh là một cây bút vốn giàu tình cảm, giàu chất trữ tình và chất thơ. Anh hiểu rất rõ vị trí nền tảng của những người vợ và nhất là của những người mẹ, nguồn suối tình thân trong các gia đình cũng như trong toàn bộ xã hội Việt Nam. Anh đánh

(1) Nguyễn Đình Thi, *Công việc của người viết tiểu thuyết*, NXB Văn học, H., 1961, tr. 132.

giá rất cao những hy sinh chịu đựng lớn lao của người phụ nữ trong chiến tranh và hơn nữa trong cách mạng. Anh đã ghi lại được những hình tượng đẹp về những người mẹ, người vợ, người con gái mang những đặc điểm truyền thống của người phụ nữ Việt Nam như tân tảo, đảm đang chung thuỷ, vị tha (bà tú Mai, An, Quyên, Thảo). Nhìn chung, các nhân vật trong *Võ bờ* được miêu tả thành công trong quan hệ gia đình, tình yêu, tình bạn nhiều hơn là trong quan hệ đấu tranh giai cấp, đấu tranh chính trị. Bản chất giai cấp và nguồn gốc xã hội của một số nhân vật (như Phượng, Xoan) chưa được khai thác đúng mức. Số phận Xoan là số phận của một con người bị chà đạp về mặt nhân phẩm, bị dày dọa về mặt hạnh phúc hơn là số phận một con người bị bóc lột. Tác giả *Võ bờ* nhìn một số nhân vật dưới góc độ của chủ nghĩa nhân đạo ít nhiều mang màu sắc tiêu tư sản, của những vấn đề lương tâm, danh dự, nhân phẩm, đạo đức chung chung nhiều hơn là dưới ánh sáng của quan điểm giai cấp.

Tiêu thuyết *Võ bờ* rất giàu chất mật ong lý tưởng, giàu những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ. Những nhân vật để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc, như Khắc, Tư, v.v. là những nhân vật vừa có tính hiện thực lại vừa giàu tính lý tưởng. Tuy nhiên cũng còn khá nhiều nhân vật trong *Võ bờ* (nhất là những nhân vật công nông) thiếu hẳn những đường nét tạo hình, thiếu một ngôn ngữ cá thể hoá. Bạn đọc đòi hỏi loại nhân vật này phải "xù xì, góc cạnh" chính là đòi hỏi nó phải có bản chất tạo hình, có bề dày và chiều sâu của sự sống.

Một số cảnh chung chung, ước lệ, thiếu những chi tiết cụ thể, sinh động trong *Võ bờ* dễ làm cho người đọc ngờ ngợ và nhận thấy ở đây có ảnh hưởng hoặc đậm hoặc nhạt của Nguyễn Du, Ngô Tất Tố, Nam Cao và có khi cả Thạch Lam, Trần Tiêu nữa.

Đĩ nhiên, chúng ta không nên so sánh theo cách nhìn đơn giản, thiên kiến như: nghị Khanh giống nghị Hách và không sảo bằng nghị Hách; Xoan còn thua chị Dậu của Ngô Tất Tố và Hội còn kém Thủ của Nam Cao; Tư nghệ thuật vị nghệ thuật hơn cả Doãn của Nhất Linh và Phượng thì lăng mạn, xưa cũ, truy lạc hơn cả những Loan, Nhung, Hồng, Tiết Hằng của Khái Hưng, Nhất Linh, Vũ Trọng Phụng. Phải nhận rằng trong *Võ bờ* có những nhân vật hoàn toàn mới, mang dấu ấn độc đáo của phong cách Nguyễn Đình Thi (Tư, Toàn, An, Phượng, giáo Điểm). Ở một số nhân vật không phải lần đầu tiên xuất hiện trong văn xuôi của ta, Nguyễn Đình Thi cũng khai thác được

những màu sắc, đường nét mới, góp phần bổ sung cho các hình tượng của tiểu thuyết hiện thực phê phán. Tuy nhiên, những nhân vật đó, hoặc do vốn sống của nhà văn chưa phong phú, hoặc do ảnh hưởng quá sâu đậm của những người đi trước, nên vẫn có vẻ cũ mòn, chung chung, chưa được khắc họa vượt lên hẳn bằng những đường nét riêng sắc sảo.

Trong kết cấu của *Võ bờ* có hai tuyến lớn cùng phát triển, đan chéo vào nhau : tuyến các sự kiện chính trị, xã hội, kinh tế và tuyến các gia đình, nhân vật. Mỗi sự kiện lớn của đời sống thường được tác giả thể hiện thông qua một số nhân vật, và mỗi nhân vật cũng thường được tác giả soi sáng ở thời điểm mà nó có khả năng phản ánh đầy đủ một sự kiện lớn của đời sống.

*

* * *

Cho đến hôm nay, dư luận đánh giá *Võ bờ* hay còn những điểm chưa nhất trí. Nhưng, dù có những nhược điểm, *Võ bờ*, vẫn là cuốn tiểu thuyết quy mô tương đối lớn và có giá trị về nhiều mặt. *Võ bờ* có tác dụng nâng cao nhận thức tư tưởng và tình cảm của người đọc, giúp cho bạn đọc, nhất là lớp người lớn lên sau Cách mạng, hiểu rõ thêm một số mặt của xã hội Việt Nam trước năm 1945, phân nào cuộc chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ cộng sản và quần chúng cách mạng trong những năm đen tối, trong cao trào tiền khởi nghĩa và Cách mạng tháng Tám. *Võ bờ* cũng góp phần đưa nghệ thuật tiểu thuyết hiện đại Việt Nam tiến thêm một bước về phía trước.

Tạp chí Học tập, số 11-1973

THÊM MỘT VÀI KHÍA CẠNH TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ TIỂU THUYẾT VÕ BỜ

KHÁI VINH

Tiểu thuyết *Võ bờ* của Nguyễn Đình Thi miêu tả giai đoạn lịch sử nước ta từ Chiến tranh thế giới thứ hai đến Cách mạng tháng Tám bùng nổ và thắng lợi. Đó là một giai đoạn cực kỳ quan trọng nhưng cũng hết sức phức tạp – giai đoạn mà mọi mâu thuẫn xã hội đều đưa đến độ hết sức căng thẳng ; mọi thù đoạn độc ác của kẻ thù đã được bộc lộ đầy đủ và tinh thần yêu nước cách mạng của nhân dân ta được nâng cao chưa từng thấy.

Giai đoạn này đã có nhiều nhà nghiên cứu, sưu tầm tài liệu nhằm làm sáng tỏ thêm những đặc điểm của lịch sử và sự lãnh đạo vô cùng sáng suốt của Đảng ta cùng với sự đứng dậy rất anh dũng của các tầng lớp nhân dân ta. Trong lĩnh vực văn nghệ cũng đã có một số tác phẩm cố gắng miêu tả cái không khí đấu tranh sục sôi và liên tục của nhân dân ta ở từng vùng, từng lĩnh vực. Nhưng những tác phẩm đó dù sao cũng mới đề cập đến từng mặt hoặc từng tầng lớp người nào đó và về chiều rộng cũng như chiều sâu, về sự phong phú của tài liệu cũng như tầm khái quát của người viết hãy còn có khoảng cách khá xa đối với hiện thực của lịch sử và yêu cầu của nhân dân.

Với *Võ bờ*, Nguyễn Đình Thi có tham vọng miêu tả sự biến động của toàn bộ xã hội Việt Nam lúc bấy giờ và qua đó nói lên sự đứng dậy không gì cản nổi của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành lại độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Với quy mô của đề tài và sự quan trọng của vấn đề cần đặt ra và giải quyết những tác phẩm, Nguyễn Đình Thi đã dành nhiều công sức và thì giờ để có thể dựng lên một tác phẩm có tầm cỡ lớn đối với anh. Về mặt này, chúng ta rất hoan nghênh. Bởi vì trong lịch sử văn học cách mạng

nước ta không thể thiếu được những tác phẩm như thế, không thể thiếu được những cuốn sách nhằm cắt nghĩa một cách đầy đủ và sâu sắc những sự kiện trọng đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam trong giai đoạn này bằng hình tượng văn học.

Chính vì thế mà khi đọc những loại sách như *Võ bờ*, người ta có một sự chờ đợi khác, một đòi hỏi khác, một sự đánh giá khác so với một số tác phẩm chỉ nhằm đề cập đến cạnh khía này hoặc cạnh khía nọ trong đời sống dân tộc ta.

Trước tiên ta hãy nói đến chủ đề mà tác giả bộ tiểu thuyết thể hiện và cách xem xét như thế nào cho đúng. Với *Võ bờ*, Nguyễn Đình Thi muốn cắt nghĩa sự đứng lên mạnh mẽ như vũ bão của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong những năm 1939 - 1945 nhằm đánh đổ bọn phát xít Nhật, thực dân Pháp cùng với bọn tay sai, và giành chính quyền về tay nhân dân. Để làm sáng tỏ điều ấy, nội dung bộ tiểu thuyết *Võ bờ* không chỉ chứa đựng một số người nào, một tầng lớp người nào mà phải bao gồm những con người tiêu biểu nhất cho những giai cấp tiêu biểu nhất trong xã hội lúc bấy giờ. Tác phẩm cũng không thể chỉ đề cập và giải quyết một vài vấn đề riêng lẻ trong đời sống mà phải tập trung giải quyết hàng loạt vấn đề cốt tử của cách mạng, của giai cấp và của mỗi con người... Thấy rõ sự đòi hỏi nghiêm khắc và rộng lớn của tác phẩm như thế, Nguyễn Đình Thi đã tìm hiểu xã hội và con người qua tài liệu trực tiếp và gián tiếp, qua những cuộc gặp gỡ hoặc qua sự thê nghiệm trong đời sống,... để dựng lên nhiều lớp người, nhiều vấn đề, từ bọn quan lính Pháp, Nhật đến bọn tay sai ; từ các cán bộ cách mạng chuyên nghiệp đến quần chúng công nhân, nông dân, thương công, tiểu tư sản trí thức ; từ những âm mưu của bọn địch đến đường lối chính sách đấu tranh cách mạng của Đảng ta,...

Để cập đến một đối tượng rộng rãi như thế, và điều khiển một loạt nhân vật phức tạp như thế, người viết không thể không gặp nhiều khó khăn. Trong những trường hợp như thế dễ xảy ra sự thiếu cân đối giữa ý muốn phản ánh và khả năng của người viết. Cho nên ta không lấy gì làm lạ, từ khi tập II *Võ bờ* xuất bản đến nay, bên cạnh một số ý kiến hoan nghênh, vẫn có nhiều ý kiến chỉ ra sự thiếu vốn sống của tác giả về mặt này hay mặt khác. Có người đi vào từng loại nhân vật và vạch ra sự hiểu biết của tác giả về loại người như Gái, Lập, Mầm, Côi,...

hay còn nòng. Có người đi sâu vào nhân vật Phượng để vạch ra cái nhìn chưa chính xác của tác giả đối với loại nhân vật này. Có người đòi hỏi miêu tả những nhân vật chính trong tác phẩm như Khắc, Lê, Cảnh cầm có bể dày hơn nữa...

Những ý kiến đó về khía cạnh này khía cạnh khác đều có căn cứ và cần có sự suy nghĩ nghiêm túc. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng đánh giá một tác phẩm như *Võ bờ* (và cũng có thể đánh giá những tác phẩm văn học khác nữa) trước tiên không thể chỉ xem xét loại nhân vật nào mình thích, chi tiết nào thiếu hoặc thừa,... mà phải xem xét ở góc độ tác phẩm đó phản ánh hiện thực lịch sử như thế nào ; nó đã đặt ra được vấn đề gì cho đời sống ; nó xây dựng được phương hướng sống nào cho thích hợp để có thể cảm hoá người đọc và cuối cùng là tác giả dùng phương pháp nghệ thuật nào để thể hiện những điều nói trên. Xuất phát từ những yêu cầu như thế, ta mới có điều kiện nhìn sâu tác phẩm và đòi hỏi tác giả giải đáp các vấn đề đặt ra của thời đại, của con người và của nghệ thuật bằng cách riêng của mình.

Võ bờ dựng lên một bức tranh khá rộng lớn của xã hội Việt Nam trong những năm 1939 - 1945, và điều cần khẳng định là bức tranh ấy có nhiều nét đáng quý. Tác giả *Võ bờ* đã cố gắng làm sống lại những sự kiện lớn của đất nước ta lúc bấy giờ bằng những hình tượng cụ thể ; sự xâm nhập của Nhật vào Đông Dương và sự mâu thuẫn giữa Pháp với Nhật ; chiến tranh đế quốc và chính sách bắn cung hoá nhân dân ; sự chia rẽ và đấu độc dân tộc của Pháp - Nhật và sự lũng đoạn xã hội của bọn địa chủ, tư sản, quan lại ; những dã tâm đen tối và những biểu hiện trơ tráo, lố lăng của bọn Tưởng và những hoạt động chia rẽ, phá hoại của bọn trốt kít... Bên cạnh đó, tác giả cũng cố gắng miêu tả đường lối cách mạng sáng suốt và cụ thể của Đảng ta thể hiện qua những sách lược đấu tranh sát đúng ; việc thành lập Mặt trận Việt Minh, huy động quần chúng đấu tranh các mặt, tổ chức tổng khởi nghĩa toàn quốc...

Tác giả chỉ chọn có ba địa điểm để đưa vào tác phẩm là Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương. Nhưng qua những địa điểm nói trên cũng như những con người được đưa vào tác phẩm, tác giả có dụng ý dựng thành những nét chung cho xã hội ta, dân tộc ta lúc bấy giờ. Cái xã hội mà Nguyễn Đình Thi dựng lên trong *Võ bờ* là cái xã hội đang va chạm

và xáo trộn dữ dội, đang biến động và chuyển hoá rất mạnh mẽ. Báo táp của cuộc đời từng giờ từng phút lùa vào từng căn nhà, từng nếp sống, từng ý nghĩ của mỗi con người. Nhà văn đã nhìn rõ điều đó và từ trong bao táp mù mịt, Nguyễn Đình Thi đã cố gắng đứng trên quan điểm mácxít để nhìn ra và cất nghĩa sự vận động của xã hội. Trong tác phẩm, anh đã dựng lên những gia đình (đó là những tế bào của xã hội) có tính chất đại diện : gia đình Khắc đại diện cho gia đình nhà nho có truyền thống cách mạng, gia đình Hội đại diện cho gia đình tiểu tư sản, gia đình Xoan đại diện cho nông dân nghèo, gia đình Gái đại diện cho công nhân, gia đình Ích Phong đại diện cho tư sản, gia đình nghị Khanh đại diện cho địa chủ đại gian đại ác,... Những gia đình này đang ở trong cơn lốc cách mạng. Thông qua việc miêu tả sự chuyển hoá các gia đình, các nhân vật trong tác phẩm, Nguyễn Đình Thi đã làm rõ sự tác động mạnh mẽ của cách mạng đối với từng giai cấp, từng gia đình, từng con người, và ngược trở lại, anh cũng làm rõ mức tiếp thu của mỗi loại người đối với ảnh hưởng của cách mạng.

Mức độ tác động ấy đối với mỗi người một khác, đối với Mâm, Cói, Xoan có thể là tác động trực tiếp về đời sống, về giải phóng thân thể, nhưng đối với Hội, Tư, Đông, Toàn và chừng mức nào đối với Phượng nữa, có lẽ tác động chủ yếu của cách mạng đối với họ là giải phóng nhân phẩm, là đem lại tự do trong cuộc sống. Nhưng dù miêu tả ở khía cạnh nào, nhà văn cũng cố gắng làm sáng tỏ mối quan hệ giữa cách mạng và các tầng lớp nhân dân, chỉ rõ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

Từ trong sự giằng co đấu tranh và chuyển hoá của một loạt gia đình và nhân vật nói trên, Nguyễn Đình Thi đã vẽ ra một khung cảnh tương lai, dựng lên một kiểu người lý tưởng làm gương sáng cho phương hướng sống của con người. Vì lẽ đó mà anh tập trung ánh sáng để rọi thẳng vào tư tưởng và hành động, tâm trạng và số phận của Khắc để dựng lên một tính cách có thể soi sáng cho nhiều người. Có thể đòi hỏi thêm ở tác giả về sự miêu tả nhân vật này qua đấu tranh cũng như trong quan hệ với gia đình, bạn bè, đồng chí, cần toàn diện và sắc sảo hơn, nhưng rõ ràng Khắc là một nhân vật mà nhà văn gửi gắm nhiều yêu mến, nhiều ước mơ chính đáng nhất. Với Khắc, Nguyễn Đình Thi

có ý định dựng lên một kiều người cộng sản Việt Nam : kiên định, dũng cảm, sống có lý tưởng, thuỷ chung, giàu tình cảm và mục thước. Và ở đây, nhà văn có lòng tin mạnh mẽ vào sự toả sáng của tính cách nhân vật Khắc đối với mọi người, nên tác giả đã mạnh dạn để nhân vật chính của mình hy sinh từ cuối tập I, để sau đó, lý tưởng và phong cách sống của Khắc sẽ được thâm sâu và phát triển trong hành động và tình cảm của những nhân vật tiếp nối Khắc như Mầm, Quyên, Côi, Hội, An,... Hầu như cả tập II *Võ bờ* Nguyễn Đình Thi xây dựng chi tiết sự kiện và tính cách nhân vật trên cơ sở ý đồ đó.

Ý đồ của tác giả đã thể hiện rõ ràng trong tác phẩm, và cũng cần nói ngay đó là những ý đồ đúng, phù hợp với sự phát triển và yêu cầu của lịch sử, phù hợp với hiện thực cuộc sống lúc bấy giờ, và Khắc là nhân vật có sức chinh phục bạn đọc khá lớn.

Nhưng trên thực tế, không phải vấn đề nào Nguyễn Đình Thi đưa ra cũng có sự thuyết phục và nhân vật nào cũng có chiều sâu, tương xứng với tầm vóc của họ trong lịch sử. Người đọc có thể bị cảm hoá bởi nhân vật Khắc và phần nào đó ở các nhân vật An, ông Tư gạch, bé Ca, Thảo, Xoan, Quyên. Qua những nhân vật này, người ta thấy rõ tấm lòng của Nguyễn Đình Thi đối với sự nghiệp cách mạng và quê hương Việt Nam, thấy rõ sự gần gũi và lòng yêu mến của tác giả đối với cuộc sống và con người lao động.

Nhưng trong *Võ bờ* tập II, những nhân vật mà tác giả định phát triển tính cách của họ tiếp nối con đường hoạt động cách mạng của Khắc để tạo nên cái thế "võ bờ" thì chưa bặt nổi ; người ta thấy giữa tình cảm và sự hiểu biết của nhà văn đối với những người này có khoảng cách. Tác giả nhìn loại nhân vật này rất đẹp ; về mặt lý trí thì thừa nhận họ là động lực cách mạng, về mặt tình cảm thì rất quý trọng, yêu mến họ, nhưng trên thực tế lại chưa hiểu hết họ, thậm chí những nét bản chất nhất của họ, những nhu cầu bức thiết trong đời sống của họ vẫn chưa được khai thác đầy đủ. Cho nên khi miêu tả những hình ảnh như Mầm, Côi, Xoan, Quyên ở trong quan hệ tình cảm gia đình thì có nhiều nét phát hiện, nhưng khi tả họ trong quan hệ đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng thì chưa nổi rõ. Nguyễn Đình Thi chưa phát hiện được ở loại nhân vật này những nét độc đáo trong đấu tranh cách mạng, điều mà đáng lý anh có điều kiện làm hơn các nhà tiểu thuyết trước kia.

Khi miêu tả những nhân vật thuộc tầng lớp công nhân, Nguyễn Đình Thi cũng mắc một khuyết điểm tương tự. Không ai ngờ về tình cảm của nhà văn đối với loại nhân vật này, và ở *Vỡ bờ*, người ta thấy rõ sự cố gắng của anh trong việc tìm hiểu và thể hiện những người lao động trong tác phẩm. Anh cố gắng tìm hiểu đời sống những người thợ mỏ thời Tây, anh tiếp xúc với cảnh làm ăn vất vả trong hầm lò. Nhưng dù sao cuộc đời của họ vẫn chưa thâm sâu trong anh và trong tác phẩm *Vỡ bờ* hình tượng của họ chưa được dựng lên đầy đủ, chưa mang được nét riêng của người công nhân Việt Nam. Những Gái, Lập, Mầm,... dù sao vẫn là những hình tượng thiếu đầy đặn ; sự phong phú trong tâm hồn cũng như trong hành động của họ chưa được nhà văn khai thác đầy đủ.

Nguyễn Đình Thi rất sắc sảo khi miêu tả những con người trung gian, những con người tiêu tư sản làm nghề tự do ; viết văn, viết báo, dạy học, học sinh, sinh viên, những người buôn bán nhỏ, tiểu thù công, Anh rất thuộc loại nhân vật này, và những con người như Hội, Tư, Đông, An, Toàn, Phi,... khi vào tác phẩm anh, hầu như ai cũng được tác giả rọi vào một vài tia sáng làm cho cuộc đời họ nháy nhánh lên, có ý nghĩa hơn. Đó là vì anh biết nhìn họ, có tấm lòng yêu thương họ đúng đắn, thấy được trong những con người – về địa vị xã hội "chân không bám đất, cật chẳng đến trời", về kinh tế thì sống rất bấp bênh – này có những điểm rất quý, để đi đến với cách mạng. Với cái nhìn đúng và cái hiểu đúng như vậy nên anh đã xây dựng được một số nhân vật có chiều sâu : Tư, Hội, Đông, Kim, Sữa, Ông giáo Diêm,... đó là những hình tượng có nhiều khám phá và sáng tạo.

Riêng nhân vật Phượng đã làm cho dư luận có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Tôi nghĩ rằng tại sao lại không cho phép tác giả xây dựng bước đường giác ngộ của Phượng như thế và trên thực tế chẳng đã có nhiều con em tư sản, địa chủ đi với cách mạng một cách quyết tâm đó sao ? Nhưng điều đáng nói đến là Nguyễn Đình Thi xây dựng nhân vật này thiếu cân đối. Người ta có cảm giác tác giả cố ý nhấn mạnh mặt sống truy lạc, xa hoa bế tắc của Phượng nhằm làm một "hình nhân" để tố cáo xã hội, hơn là chuẩn bị cho một loại người chuyển hoá theo sự tác động của cách mạng như ý đồ

của tác giả. Cách nhìn của Nguyễn Đình Thi đối với nhân vật Phượng có lúc cũng thiên lệch, nặng về thương hại hơn là phê phán. Do sự thiên lệch đó, nên anh ít quan tâm đến sự đấu tranh, giằng xé tự trong bản thân Phượng. Loại nhân vật như Phượng muốn đến với cách mạng, phải tự mình có một sự nỗ lực vượt bậc để phá bỏ cuộc sống vô ý nghĩa và đầy tội lỗi, tạo điều kiện cho mình có một sự nhảy vọt trong nhận thức và hành động. Nguyễn Đình Thi nhìn Phượng còn dẽ dại, và do đó miêu tả Phượng giác ngộ khá đột ngột, ít sức thuyết phục.

Trong *Võ bờ*, còn có một đối tượng nữa cần bàn đến, đó là bọn quan lại, địa chủ. Khi miêu tả giai đoạn 1939 - 1945, là giai đoạn bọn này đang thừa cơ đục nước béo cò, tác oai tác quái trong đời sống rất nhiều, mà không lột được bản chất của chúng thì giá trị hiện thực của tác phẩm bị giảm đi một phần. Trong *Võ bờ*, Nguyễn Đình Thi có đưa ra một loạt nhân vật như nghị Khanh, huyện Môn, chánh Hội, bá Soạn,... Và khi miêu tả chúng, phần nào đó Nguyễn Đình Thi đã nói lên được đặc điểm làm giàu và bóc lột của bọn quan lại, địa chủ. Anh có hé mở cho bạn đọc thấy con đường kinh doanh của tên địa chủ nghị Khanh sẽ phát triển theo hướng kinh doanh tư bản. Hắn đã hùn vốn với Mỹ Lan mua cửa hàng sắt, mua đồn điền. Bộ mặt thật của huyện Môn cũng được đòi lần nhắc đến, đó là lúc chúng sai người đi bắt cò giáo làng giữa giờ dạy học, hoặc khi Phượng thuật lại một vài cảnh tra tấn nào đó. Nhưng nhìn chung đối với loại nhân vật này, Nguyễn Đình Thi nặng về miêu tả cách ăn chơi, sinh hoạt, giao thiệp, sự dâm ô của chúng, và ở những điểm đó anh tả khá sâu. Bữa tiệc của bọn Tuần Vĩ, nghị Khanh, huyện Môn, cũng như buổi ca nhạc được tổ chức ở Nhà hát lớn để bọn chúng đua nhau khoe giàu, khoe sắc đẹp,... được Nguyễn Đình Thi miêu tả bằng cái nhìn hóm hỉnh khá sinh động và sâu, làm người đọc phần nào thấy được bộ mặt rõ rệt của chúng.

Nhưng tôi nghĩ rằng, tả giai cấp địa chủ và bọn quan lại mà chỉ đi sâu vào những mặt sinh hoạt, những biểu hiện bê tha của chúng thì chưa đủ, và về mặt nào đó, chưa làm bộc lộ bản chất của chúng. Người ta đang muốn biết trong bão táp của những năm 1939 - 1945, bọn địa chủ và quan lại Việt Nam đã bóc lột theo phương thức nào, con đường nào đã đẩy những người nông dân di đến chỗ bần cùng hoà. Về mặt này,

phải có cái nhìn sâu xa của cặp mắt đảng mới thấy hết bản chất bọn địa chủ, quan lại. Và từ cái nhìn đúng đó, mới có thể cát nghĩa được sự "tức nước vỡ bờ" trong quần chúng, đưa quần chúng vào đội ngũ cách mạng, hăng hái đi theo Đảng, quyết tâm đánh đổ bọn địa chủ và quan lại, Nguyễn Đình Thi không xây dựng tính cách loại nhân vật này theo cái hướng cơ bản đó, do đó mà trong tác phẩm, chúng chưa mang được những nét riêng của giai cấp bóc lột trong giai đoạn này.

Những nhân vật trong *Võ bờ* từ Khắc, Lê, Cảnh đến Quyên, Xoan, từ Phượng đến nghị Khanh, từ Hội đến Tư không phải là loại nhân vật mà lần đầu tiên Nguyễn Đình Thi phát hiện và sáng tạo trong văn học. Ở các tác phẩm Việt Nam và thế giới, đó đây ta vẫn bắt gặp một số nét của hình ảnh Xoan, Phượng, Tư, Hội, nghị Khanh, nhưng cái đáng chú ý trong *Võ bờ* là từ những nhân vật đã được một số nhà văn có tài phát hiện, nêu lên thành diễn hình sắc sảo mang ý nghĩa xã hội rộng lớn, Nguyễn Đình Thi đã phát triển họ ở một mức độ mới, với một lối nhìn mới, rơi vào họ những tia sáng mới của thời đại, và bao trùm lên hết tác giả đã miêu tả họ với một tình cảm mới, một tấm lòng yêu ghét rõ ràng. Chính ở chỗ này, nó làm bật rõ lên ưu điểm của Nguyễn Đình Thi, làm cho nhân vật anh ít nhiều mang được những nét riêng của người bút anh.

Tôi có ý dừng lại lâu để phân tích chỗ mạnh chỗ yếu của Nguyễn Đình Thi trong việc miêu tả từng loại nhân vật, cũng nhằm đề cập đến một vấn đề khác nữa, đó là mối quan hệ giữa đời sống hiện thực và phương pháp nghệ thuật của Nguyễn Đình Thi thể hiện trong *Võ bờ*.

Nguyễn Đình Thi là một nhà văn mác xít, anh luôn luôn cố gắng đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác để nhìn nhận và phân tích sự vận động của xã hội và con người. Đó là điểm mạnh của anh và cũng là điểm mạnh của những thể hệ viết văn được Đảng dù dát. Trong *Võ bờ*, cách xây dựng hướng đi của các nhân vật cũng như quá trình phát triển của các tính cách, sự diễn biến các sự kiện, nói chung là đúng, hợp với lô gich lịch sử. Nhờ thế nên tác phẩm *Võ bờ* đã mở ra cho người đọc những hiểu biết quý báu không những về mặt sự kiện mà cả về những bước đi của lịch sử.

Nhưng thế giới quan của người sáng tác dù sao cũng chỉ mới là ánh sáng soi đường ; người sáng tác muốn từ thế giới quan đúng đến sáng tác *hay* phải qua sự hiểu biết thật sâu sắc, cụ thể và đầy đủ về

cuộc sống. Một khái bản thân sự hiểu biết cuộc sống càng nhiều sẽ càng củng cố và mở rộng thế giới quan đúng đắn của nhà văn. Ở *Võ bờ*, có một số mảng đời sống, tác giả tìm hiểu qua tài liệu gián tiếp nhiều, ít hiểu biết cụ thể, chưa được thể nghiệm đầy đủ, nên chưa giúp nhiều cho sự hình thành máu thịt trong tác phẩm của nhà văn. Bên cạnh một số chương, một số đoạn, một số nhân vật mà bản thân tác giả đã thể nghiệm hoặc nung nấu, dựng lên có chiều sâu, có sức rung động, hãy còn không ít những nhân vật sơ lược, thiếu chất sống. Điều đó nói rõ sự chuẩn bị để dựng lên một tác phẩm có tầm cỡ như *Võ bờ* ở Nguyễn Đình Thi chưa được đầy đủ. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến cốt truyện, đến chủ đề của tác phẩm.

Nguyễn Đình Thi là một nhà tiểu thuyết rất quan tâm đến cốt truyện. Anh thường xây dựng những bước đi của các nhân vật, các sự kiện xung quanh một cốt truyện hấp dẫn. Nhưng bắt cứ cốt truyện của một quyển tiểu thuyết nào muốn đứng vững, có sức lôi cuốn người đọc, không thể tách rời chi tiết được. Có thể nói chi tiết đời sống hiện thực là máu thịt để nuôi sống sự vận động cốt truyện. Nguyễn Đình Thi có lúc chú ý nhiều đến cốt truyện mà xem nhẹ chi tiết, cho nên có những chương bản thân sự kiện và chi tiết chưa được tác giả chuẩn bị đầy đủ, nên tự chúng đã phá vỡ hoặc làm giảm sút sự lôi cuốn của tác phẩm. Đó là trường hợp nhiều sự kiện - nhất là ở *Võ bờ* tập II chưa ăn khớp với cốt truyện. Đặc biệt chương anh tả về Cách mạng tháng Tám thì rõ ràng là sơ lược.

Tâm hồn Nguyễn Đình Thi là một tâm hồn dẽ âm vang, những rung động của anh là những rung động giàu chất thơ. Trong tiểu thuyết *Võ bờ*, Nguyễn Đình Thi đã bằng những rung động thơ mà dựng lên cảnh, dựng lên người, dựng lên sự kiện và do đó đọc *Võ bờ*, người ta bị cảm hoá về mặt này rất nhiều. Những cảnh miêu tả Hội về quê, Mầm sau những năm bị tù dày về làng, Khắc nghĩ về quê hương,... làm cho người đọc thầm thía và cảm thấy gần gũi, yêu thương làng quê Việt Nam đã vất vả bao đời và cũng bao đời nó như người mẹ hiền đã xoa dịu mọi nỗi đau khổ của người con di xa về. Những cảnh tả An về quê Khắc, những đoạn tả bé Ca đi ăn cắp gạo nuôi mẹ, nuôi em, bé Hiền ăn cắp gạo cứu sống bạn bè, vừa chan chứa chất thơ vừa động đến những

nơi sâu thẳm trong tình cảm người đọc. Phải nói rằng Nguyễn Đình Thi sở trường trong việc tả tình, và ở lĩnh vực tả tình thì Nguyễn Đình Thi khá điêu luyện.

Nhưng tiêu thuyết *Võ bờ* là loại tiêu thuyết mang nhiều yếu tố sử thi, nó đòi hỏi tác giả phải đi sâu vào những bao táp của cuộc đấu tranh cách mạng, vào những cơn phong ba của đấu tranh giai cấp, và từ đó mà làm rõ lên những hình dáng, những bộ mặt, những tâm lý, những số phận, những tính cách của con người. Về mặt này, *Võ bờ* hẵn còn yếu ; tác giả dường như muốn đầy quan hệ tình cảm bạn bè, gia đình, vợ chồng, cha con... lên phía trước và tả rất sâu, tỷ mỷ, còn về mặt đấu tranh giai cấp, về sự trưởng thành của con người trong bao táp đấu tranh tuy có đề cập đến, nhưng chưa thật sâu, chưa được làm nổi rõ.

Nguyễn Đình Thi là một nghệ sĩ có nhiều tài năng, nhưng trước hết anh là một nghệ sĩ giàu tình cảm. Anh có một sự quan tâm sâu sắc đối với vận mệnh của dân tộc, của sự nghiệp cách mạng, của mỗi con người, và trong nhiều thể loại như nhạc, thơ, bằng cách này cách khác anh đã bộc lộ điều đó khá rõ rệt. Trong *Võ bờ*, một lần nữa mỗi tình đó được thấm đượm qua những trang sách, những số phận con người, những bước đi của cuộc sống. Đọc anh, người ta thấy quý yêu đất nước hơn, quý mến con người Việt Nam hơn, thấy rõ sự trong sáng và trang nhã của người lao động. Đó là điểm đáng quý của anh. Cho nên đánh giá *Võ bờ*, theo tôi, không thể không thấy rõ cái ưu điểm lớn đó của Nguyễn Đình Thi. Và cũng từ đó, ta có quyền đòi hỏi anh có một cách nhìn sắc sảo hơn, có một sự hiểu biết sâu nhiều mặt về cuộc sống hơn, và trên cơ sở đó sẽ nâng cao mãi tình cảm và tài năng của anh lên, luôn luôn đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội, của dân tộc, của người đọc. Đề cập và phân tích chỗ mạnh và chỗ yếu trong *Võ bờ* của Nguyễn Đình Thi, cũng không ngoài mục đích đó.

Báo Văn nghệ, số 406, năm 1972

Phân ba

THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

TRANH LUẬN VỀ THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

Mở đầu anh Xuân Diệu trình bày những nhận xét về thơ Nguyễn Đình Thi. Rồi hội nghị tranh luận. Sau cùng anh Nguyễn Đình Thi tự phê bình.

XUÂN DIỆU : Nói đến thơ anh Thi, không phải nói đến vấn đề thơ không vấn, cũng không phải chuyện những câu thơ dài, ngắn tự do. Hai đặc điểm ấy của anh Thi còn là việc phụ. Nhiều người không thích thơ của anh Thi, chính là vì anh chưa đạt, chưa thành công. Cái "điệu" của anh Thi chưa rõ.

Nhân đọc thơ anh Thi, tôi càng thấy hình thức với nội dung là một. Mỗi câu thơ là một ít xác thơ đựng một ít hồn thơ. Hồn thơ anh Thi chưa ổn, nên câu thơ có chỗ lệch lạc. Cái anh Thi muốn nói chưa phải là cái anh Thi đã nói được.

Tôi có mấy nhận xét sau này về thơ anh Thi :

NỘI DUNG

1. Các đoạn trong từ thơ không dính nhau, phạm cái điều mà tôi gọi là đầu Ngô mìn Sờ (*incohérence*). Ví dụ : Bài *Đêm mít tinh*, ban đầu nói trên rừng Phan Lương có sao, rồi nói đến Hà Nội của chúng ta, sau đến cờ sao kéo về và câu kết : "Sao ơi, núi rừng ơi, nức nở". Tôi thấy nó xa quá. Không hiểu sao đang đêm mít tinh lại nói đến nhớ Hà Nội. Cái từ chạy đi như thế, người ta khó theo.

Một bài nữa cũng nói đến nhớ thủ đô : *Sáng mát trong như sáng năm xưa*. Nếu ba câu đầu không có ở trong bài cũng chẳng sao cả. Nó không cần thiết. Theo tôi, trong thơ cũng phải có tính cách cần thiết (*nécessaire*), và phải làm sao người ta thấy ý này bắt sang ý kia là

tự nhiên. Trong hệ thống tư tưởng cũ, thơ hay nói lung tung. Thơ bây giờ phải theo một sự hợp lý mới. Ý tình phải quấn quýt lấy nhau theo một lề luật hợp lý nào đó.

Thơ anh Thi từng bộ phận thì hay, và có những câu rất hay. Những đoạn, những câu hay ấy, chắp lại với nhau thì không thành ra hay. Như môi đẹp, mắt đẹp, mũi đẹp, mà không thành mặt đẹp vì là môi, mắt, mũi của nhiều người.

2. Thơ anh Thi tính cách trí óc nhiều, tình cảm ít. Nếu tình cảm đã chín, thì nó vọt ra rất dễ dàng. Tình cảm dù cho tinh vi, phiền phức mấy, nói ra cũng phải dễ. Như các bộ phận trong con người, nếu giải phẫu ra thì rất phiền phức nhưng toàn người thì những người đẹp đi đứng rất dễ dàng, tự nhiên. Thơ anh Thi không có tính cách cơ thể. Đầu thơ vẫn hay không vẫn, vẫn trắc hay vẫn bằng, câu nào câu ấy phải như tim, như gan, như phổi trong người, chỗ nào phải vào chỗ ấy. Có thể nói : Bài *Đêm mít tinh* nếu tia đi hai câu, cũng không hại đến bài thơ.

Vì tình cảm chưa chín mùi, nên bài *Sáng mát trong...* không có cái cốt chính của bài thơ. Cái chưa chín rõ nhất trong bài *Đường núi*. Những nét thơ rất đẹp nhưng chỗ này một nét, chỗ kia một nét tán loạn như trong một bức tranh siêu thực.

HÌNH THÚC

1. Câu thơ của anh Thi đúc quá. Anh Thi rất tiết kiệm chữ. Đó là một ưu điểm. Nhưng lại tiết kiệm quá. Không những không có chữ thừa, mà chữ đệm cũng không có. Không những đúc trong một câu mà còn đúc cả đoạn nữa. Sự tiết kiệm chữ và tiết kiệm lời (tức là ý) phải đến cái trình độ thích trung. Nếu không đúc, sẽ làm nhảm, lải nhải, chưa phải là thơ. Nhưng nếu đúc quá, độc giả không theo kịp được, thì cũng không còn là thơ nữa. Đúc quá hoá khó cảm xúc. Đã dành thơ không lý sự, nhưng từ đoạn này sang đoạn khác cũng phải có cái cầu cần thiết.

2. Người ta yêu một thi sĩ là vì tình cảm của anh, vì tâm hồn của anh, chứ không phải vì thơ có vần hay không có vần. Nhưng bây giờ nói đến trong bài thơ, thì vần rất là hệ trọng.

Tôi công nhận, có thể có những bài thơ không vần; có những trường hợp thơ không vần hay nhưng phải đúng trường hợp. Tôi lại nhận trong một bài thơ có vần, có thể có một vài đoạn không vần, và trong một đoạn thơ có vần có thể có một vài câu không vần nếu sự không vần ấy giúp cho bài thơ hay thêm lên.

Nhưng đại đa số trường hợp, nên có vần, là vì những cái ích lợi của nó.

a) Vần giúp mình nghỉ hơi một cách dễ dàng hơn. Đã dành rằng ngay trong văn xuôi, cũng có chỗ nghỉ hơi, huống chi thơ viết lại nhiều xuống dòng, thế nào người ta cũng nghỉ hơi. Nhưng chỗ nghỉ hơi lại có một cái vần thì thật khoan khoái, lý thú, như ngâm âm nhạc vào miệng.

b) Vần là một cái trào lực, để cho thi sĩ vượt qua mà tiến lên. Có vần, những bước thơ không có vẻ chông chênh, mà trái lại, hồn thơ tựa vào những câu thơ, một cách vững chắc. Bỏ vần là bỏ mất một phương tiện đắc lực. Nhiều khi nhờ làm vần cho đúng mà nảy ra những tư thơ tân kỳ.

c) Đối với công chúng, cái vần giúp cho trí nhớ (và giúp cho cả tác giả nữa). Thơ phải là một thứ dễ khuân váy, dễ chuyên chở; nhớ vần thì người ta nhớ ý, nhớ thơ thì phải nhớ câu nhớ bài mới hay. Vần giúp cho bài thơ dễ in vào trí nhớ.

d) Quần chúng của ta rất yêu vần. Đàm bà Việt Nam mở miệng ra là muốn có vần có nhịp. Giả sử như tiếng ta một thứ tiếng cộc lốc, thì đi tìm vần cũng mệt. Nhưng tiếng ta đã rất nhạc, lại rất nhiều vần. Cũng như ở Việt Bắc thì lấy nứa làm nhà, tiếng nước ta rất dễ bắt vần tội gì mà không dùng vần. Dùng vần có mệt nhọc gì đâu, không dùng vần tức là lập dị. Sau này chưa biết cuộc tiến hóa sẽ thế nào, nhưng bây giờ thơ không vần thì khó thường thức.

3. Một điểm nhỏ nữa trong hình thức, là cái chấm câu. Thơ anh Thi không chấm câu. Có những đoạn thơ rất khó chấm câu, vì câu này tràn sang câu kia không biết chấm thế nào cho đúng. Những trường

hợp ấy thì nên bỏ chấm câu. Nhưng phần lớn trường hợp chấm câu phải giữ. Chấm câu làm cho phân biệt ý này với ý nọ, giúp cho người ta dễ hiểu tác giả, mà bài thơ từ đầu đến cuối viết không chấm, câu người đọc không biết tạm ngừng hơi, hay tạm nghỉ mắt vào chỗ nào, không biết một câu bắt đầu từ đâu và đi đến đâu thì hết. Câu thơ khêu gợi tràn lan là tự cái sức bên trong của ý thơ và của những tiếng chữ không phải là nhờ vào sự bỏ chấm câu, để cho nó tràn lan, khêu gợi.

Nghệ thuật là ước lệ, miễn là ước lệ sống. Nếu muốn cho thật tự nhiên thì cảm giác của ta làm gì có vẫn có chấm câu. Nhưng muốn truyền cảm đi, phải có một ước lệ, một sự thu xếp nào đó.

Tóm tắt ý tôi :

Người thi sĩ mới bắt đầu viết, cái cốt nhất là anh ấy đem cái diệu tâm hồn đặc biệt của mình vào thơ. Anh ấy phải chú ý luyện cái diệu tâm hồn không để cho nó lờ mờ.

Ý bài thơ có thể lờ mờ, nhưng diệu tâm hồn phải rõ rệt.

Nhiều bài thơ có thể không có vấn, nhưng phải có diệu. Những câu ngắn dài, những chữ bằng trắc nặng nhẹ phải phân phát cho dễ đọc. Diệu thơ lùng cùng thì không gọi cảm được. Nhờ ở diệu mà bài thơ nhịp nhàng tiết tấu.

Có người nói : thi thơ Pháp, thơ Âu châu cũng làm từ ý này sang ý nọ, cũng không vấn, cũng bỏ chấm câu. Tôi thấy trường hợp thơ ta hiện tại khác xa với trường hợp thơ Pháp hiện tại. Mặc dầu những nhà thơ như Aragong, Eluya là những nhà thơ cộng sản, nhưng thơ họ không thật mới. Họ đã là những kiện tướng trong trường thơ siêu thực ; đến lúc họ giác ngộ, nhưng máu huyết của họ cũng đã năm mươi tuổi rồi, tình cảm họ không giản dị mà phiền toái, khúc khuỷu. Thơ chúng ta bây giờ hoàn toàn khác, nó hoàn toàn trẻ, do những người tuổi trẻ và do một giai cấp trẻ làm ra, nó giản dị tự nhiên, mà giàu đủ. Muốn thấy những bài thơ Pháp thật là mới, có lẽ ta phải chờ lúc nhân dân Pháp nắm chính quyền, có phong trào văn nghệ nhân dân Pháp.

Điểm cuối cùng : làm thơ là cảm và truyền cảm. Tôi cảm rồi, nhưng tôi chưa truyền được cái cảm cho người xung quanh, thì tôi vẫn chưa làm nên thơ. Một bài thơ phải tự nó tuyên truyền cho nó, tác giả

không cần phải giải thích thêm nữa, như thế mới là thơ hay. Khi mình đứng bên cạnh người đọc thơ mình, thì mình còn giải thích được cho người đọc hiểu ; chứ lúc mình đi vắng, thì ai giảng thơ mình ? Hơn nữa lúc mình chết đi rồi, thì ai bênh vực nó ? Thơ là mực đen giấy trắng, phải làm thế nào cho những bài thơ của mình tự nó sống.

Từ nay, tôi chưa nói rằng có những bài thơ anh Thi mà tôi thích như *Khúc hát miền Tây*, như đoạn giữa bài *Đêm mít tinh* và nhiều câu thơ tách riêng ra. Hôm nay tôi đã đem công khai hoá những sự giảng cõi giữa tôi và anh Thi.

Chị TÂM TRUNG : Tôi là một quan chúng yêu thơ, thích thơ anh Thi. Có những đoạn thơ, những câu thơ anh Thi đã truyền cảm rất mạnh cho tôi, chẳng hạn như :

*Những dòng sông đổ nặng phù sa,
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về...*

vân vân... Ngoài ra tôi cũng thấy bài thơ chưa thành công. Tôi băn khoăn không hiểu anh Thi định nói gì, tâm trạng thế nào. Thơ anh Thi có một sự bố trí rõ rệt, có tính cách trí tuệ. Tôi có hai cảm tưởng : một bên là làm rung cảm, một bên là khó khăn khúc mắc. Anh Diệu nói những câu thơ anh Thi không nói được nội dung của anh, tôi thấy không đúng. Thơ anh Thi đã nói được nội dung anh Thi, một nội dung chỗ này rung cảm, chỗ kia trí tuệ. Có cảm xúc khi nào thành thực hơn, thì toàn bài sẽ hay.

THANH TỊNH : Tôi đã hỏi ý kiến quan chúng về thơ anh Thi. Những anh bộ đội tôi quen biết, họ nói không thích vì thơ anh Thi trúc trắc, khó đọc. Tôi tự hỏi không biết có phải vì thiếu văn không. Tôi đánh liều đặt vấn vào thơ anh. Lần này, họ thích hơn. Lên một tầng khác : trí thức. Họ không thích. Tôi lại nói : đó là anh Thi làm nhạc. Họ hỏi vẫn : có nhạc chưa ?

Ý tôi là : cứ nghe anh Thi giảng trước, thì bài nào cũng hay. Nhân đọc thơ anh Thi, tôi thấy rằng người nhiều ý kiến cũng khổ như người nghèo ý kiến.

VĂN CAO : Ở nhiều nơi, đã có những thơ không vần. Không vần không phải riêng gì anh Thi đặt ra. Dưa thơ anh Thi ra mổ xé là để sáng tỏ vấn đề vần hay không vần. Tôi tưởng đến đây để tìm thái độ vần hay không vần, không ngờ chỉ thấy người này khen người kia chê thơ anh Thi, không đi đến đâu cả. Anh Diệu đã lắn lộn thơ Xuân Sanh với thơ anh Thi. Thơ anh Thi có phải là thơ siêu hình không ?

CỤ NGÔ TẤT TỐ : Nói đến thơ anh Thi cần phải giải quyết vấn đề vần hay không vần.

Như anh Diệu đã nói, thơ là rung cảm và truyền cảm. Nếu xúc cảm thổi, mà không tuyên truyền thì mất nửa công dụng. Thơ không vần, người ta không thuộc, mất công dụng tuyên truyền. Thơ là có vần, thơ không vần hãy cho nó một tên khác.

TỐ HỮU : Anh Diệu đưa thơ anh Thi ra không phải quy vào chuyện vần hay không vần. Toàn bộ thơ anh Thi chưa đựng một nội dung lạ. Đây là một điệu thơ khác những điệu thơ khác (điệu tâm hồn) để anh em xét. Vần hay không vần cũng sẽ giải quyết, nhưng mà sau.

XUÂN DIỆU : Tôi không công kích "vần hay không vần", "câu ngắn hay câu dài". Tôi chỉ không tán thành hình thức và nội dung toàn bộ thơ anh Thi.

CỤ NGÔ TẤT TỐ : Tôi đề nghị thơ không vần thì đừng gọi là thơ.

CHỊ PHAN THỊ NGA : Tôi nói lại ý kiến của những anh em học sinh hồi anh Hoài Thanh. Họ bảo không thích thơ anh Thi mà thích thơ không vần của anh nào ở Khu III. Hay là thơ anh Thi chưa đạt được.

THẾ LŨ : Cuộc thí nghiệm của anh Thi là một cuộc thí nghiệm về thơ nói chung. Những thơ không vần anh Thi làm nay đã là một môn phái chưa ?

Anh Thi có một hồn thơ mãnh liệt, mà không dùng những hình thức quen, là muốn tìm cái mới.

Hiện giờ một số người đi tìm hiểu cái hay của thơ anh Thi, trong số đó có tôi. Với cả nhiệt thành nhưng họ chưa thỏa mãn. Đó là do anh Thi chung đúc quá, hà tiện lời quá. Cuộc thí nghiệm của anh Thi có lẽ chỉ là bước đầu dẫn đến thành công. Từ đây tới đó, anh phải thêm bớt uốn nắn thế nào kia.

Tôi không nói đến vấn, chỉ nói đến cách phô diễn. Thơ anh Thi có dáng điệu kiêu căng, im lặng, không ghi rõ những điều mình rung động, yên trí rằng người ta phải tìm đến hiểu mình để rung động. Tôi ví anh Thi với người đạo sĩ nói lên những lời chỉ có người đã tu luyện như mình mới hiểu được.

NGUYỄN HỒNG : Tôi phản đối tất cả những ý kiến nói thơ anh Thi là cuộc thí nghiệm. Tôi nói nó là một sự cần dùng, một sự tất yếu. Nếu là thí nghiệm thì nó chỉ thí nghiệm ở một phía nào thôi.

Tôi phản đối ý anh XUÂN DIỆU nói thơ anh Thi đầu Ngô mình Sở. Thơ có thể làm được như thế. Ví dụ : một người đi ngoài đường rung cảm vì tiếng tàu điện rồi về hồn con, và làm thành một bài thơ. Có gọi là đầu Ngô mình Sở hay không ? Hiện bấy giờ người ta đã cảm xúc như anh Thi rồi.

Dân tộc ta rất nhiều bản năng. Thơ đi qua rất nhiều rung cảm khác nhau trong một bài.

Ý riêng tôi, thì anh Thi rất thành công, ngay bấy giờ đã thành công rồi. Anh Thi tiêu biểu cho tâm hồn rộng rãi, rải rác. Tôi tin sẽ có những bài thơ kỳ diệu của dân tộc ở trong loại thơ đó.

XUÂN TRƯỜNG : Tôi nói thay cho một số anh em như tôi không thích thơ anh Thi, không phải vì hình thức mà ở chỗ cảm xúc anh Thi là cảm xúc cũ, tuy anh Thi là người mới. Cá nhân anh Thi không ăn khớp với kháng chiến. Cho nên nó đầu Ngô mình Sở, và trúc trắc, khó vào lòng người ta. Theo ý tôi, thơ anh Thi không đến nỗi kín mít như thơ anh XUÂN SANH, nhưng anh XUÂN SANH mười thì anh Thi năm (về siêu hình).

Anh Thi có một tâm hồn thơ, đọc anh, tôi thấy có vài ba câu thích.

THẾ LŨ : Nói thơ anh Thi không thành công là nói nhiều mặt. Tất nhiên anh sẽ thành công, vì đã có dấu hiệu. Nhưng anh Thi chỉ để vào đấy những điều chỉ có riêng mình anh rung cảm. Những câu nói, như anh XUÂN DIỆU nói, bò đi, làm cho những câu rải rác của anh thành công, mà toàn bộ thì chưa.

Còn một cái nguy, là anh Thi đã gieo rắc lối thơ của anh trong làng thơ.

XUÂN DIỆU : Thơ anh Thi không trẻ. Thu xếp, gò bó, bố trí nhiều quá, đáng diệu già.

Tình cảm của mình phải nghĩ đến tính cách xã hội. Muốn liên tưởng đến đâu, cũng phải có phần hợp lý.

Tâm hồn người mới dào dạt một cách giản dị, không phải cái dào dạt túi bụi. Và cái dào dạt phải nói lên một cách giản dị ở hình thức.

CỰ NGỒ TẤT TỐ : Thơ như ông Nguyễn Hồng nói thì nó là ba, bốn, năm bài chứ không phải một bài. Thơ không thể đâu Ngô mìn Sờ đến như thế được. Rung cảm khác nhau trong thơ chỉ đến một trình độ nào thôi.

NGUYỄN HUY TUẤNG : Giữa anh Thi và tôi có một sự đồng loã, vì tôi cũng thích thơ không vẫn. Nên anh Thi bị công kích, tôi thấy tôi cũng bị công kích, và khen anh Thi thì tôi cũng được khen.

Tôi luôn luôn ngắm anh Thi, tôi thấy ở anh một cái gì thật là mâu thuẫn. Ở hội nghị, anh ngang tàng, ở nhà anh lại hết sức cò đơn. Lý luận sáng suốt đại chúng, mà thơ thì rối rắm, u uất. Anh Thi nhiều khả năng ; nhưng cái căn bản khiến cho người đọc thơ anh cảm thấy thơ già, nguyên nhàn chính là anh xa lìa quần chúng. Anh vật lộn với anh nhiều ; nhưng thơ của anh chỉ phản ánh một phần nào tâm hồn của anh, chứ không nói tiếng nói của đại chúng. Thơ anh như hạt ngọc lung linh chứ không phải dòng suối lôi cuốn người ta đi.

Thơ anh bị ảnh hưởng của lời nhạc nhiều. Đó là yếu tố tạo nên một cái gì chưa vững. Nó là một tiếng nói bập bẹ, mâu thuẫn với anh.

Anh Thi chỉ thành công khi nào anh không phải quay cuồng với chính mình, mà đi gần đại chúng để phát biểu tiếng nói của đại chúng (Vô tay).

HỮU TÂM : Tôi đứng địa vị một người lính mà phát biểu : các anh cán bộ, bộ đội có đọc thơ anh Thi may mắn lắm đọc được cả bài, còn anh em đội viên chỉ xem đến mấy câu, vì khó hiểu lắm. Còn riêng tôi, thực tình tôi phải đọc đến bốn năm lần mới hiểu ý. Lý luận và tư tưởng của anh Thi đã giúp tôi nhiều, nhưng cảm xúc của anh chưa truyền được cho tôi.

Chị PHAN THỊ NGA : Anh Nguyễn Hồng tán thành thơ anh Thi, thì tôi không biết có thơ bằng văn xuôi không ? Có những chị em đọc một đoạn trong bài *Nhật ký chị hàng rau* của tôi, cho là có thơ.

Bài của tôi mà sắp thành câu xuống dòng và cũng không vẫn, vậy có thể gọi là thơ không ?

NGUYỄN ĐÌNH PHÚC : Tôi chỉ thú từng mảnh nhỏ trong bài thơ anh Thi. Tôi có phổ bài *Không nói* thành nhạc. Đến khi tôi làm xong thì thấy trên báo anh Thi lại có lại một lần nữa, thành thử chính tôi cũng không còn hiểu bài thơ.

THANH TỊNH : 1. Cụ Tố nói, trong một bài thơ, chỉ có thể có một vài chỗ đầu Ngô mình Sở. Tôi thì lại nói : không được quyền đầu Ngô mình Sở trong thơ.

2. Anh Thế Lữ nói thơ anh Thi nguy hiểm. Tôi đồng ý. Nếu đưa ra lối thơ đó, ai cũng làm thơ không vẫn mà không hiểu gì cả có thể thành loạn thơ (*tiếng cười*).

NGUYỄN XUÂN KHOÁT : Đọc thơ anh Thi tôi nhớ đến một bài thơ của người Việt rất cổ. Đúng hơn, một bài hát. Sau khi biết bài ấy, tôi cho phái siêu thực gần đây không mới gì lắm. Bài ấy, người ta nói như bài hát của một ông hoàng ở trong cung, cũng là mình Sở đầu Ngô. Chính các cụ ngày xưa cũng không thích. Đại khái :

Đàn ơi, đàn một tiếng đương tranh...

Hơi đương đám ám

Lá ngô đồng rung

Một áng hơi sương, v.v.

THẾ LỮ : Thơ anh Thi nguy hiểm, và còn là một cái nguy cơ. Các nghệ sĩ hay bám vào hình ảnh mới lạ, miễn là nó long lanh để đưa tâm hồn mình vào đấy. Đó là cái thú "vicioux" (bệnh tật) của nghệ sĩ. Thơ anh Thi có tính cách quý phái cao đạo.

PHẠM VĂN KHOA : Ta cũng phải thêm một điều nữa là, ngay chính những người trong tầng lớp với anh Thi cũng không thích thơ anh.

Trước kia, tôi đọc báo Đông Tây, có những *Khúc tiêu sáu*, đại khái có những bài lời văn đẹp, xúc cảm đẹp. Nhưng chưa phải là thơ, vì nó thiếu vẫn.

VĂN CAO : Tôi cũng theo đuổi thơ không vẫn. Việc thơ anh Thi, ta chỉ nên mở xem theo trường hợp của anh Thi mà thôi. Ta phải tìm xét loại thơ không vẫn ở những người khác nữa. Như thế mới khoa học.

Vấn đề là : chính thi sĩ không đạt được hay chính thể thơ không vẫn không được dùng.

XUÂN THỦY : Tôi không hiểu bàn như vậy để đi đến kết luận nào. Tôi đề nghị :

Lối thơ của anh Thi không phải bây giờ mới có, đã nhiều người làm rồi, tại sao bây giờ lại đem thơ anh Thi ra phân tách mà ta lại gọi là đặc biệt mới ?

1. Đặc biệt ấy ở đâu ?

2. Nguyên nhân gì làm anh Thi đi theo lối thơ này ? Kết quả sẽ dẫn đến đâu ?

3. Và phê bình theo lối phê bình tranh anh Cung ta đặt câu hỏi có nên phổ biến nó trong giai đoạn này không ?

4. Theo tôi, thơ anh Thi có mấy đặc điểm :

– Không vẫn. Có người bảo là không quan trọng. Nhưng nhiều người lại nghĩ đến vấn đề ấy.

– Câu thơ dài ngắn không đều. Trước người ta cũng đã làm dài ngắn không đều, nhưng thơ anh Thi lại ngắn quá, có khi chỉ có một hay hai chữ.

– Trúc trắc khó ngâm.

– Đọc khó hiểu.

Hỏi rằng anh Thi là một người trong văn nghệ Dân chủ mới, mà tại sao lại làm thơ người ta không hiểu ?

2. Nguyên nhân : Đây cũng là một hiện trạng mới của cuộc đời đang lên nhanh, nó làm cho con người dễ đào dạt. Nếu cứ theo cái cũ gò bó, anh Thi thấy mình không ghi kịp xúc cảm. Nên anh đi tìm đường.

Nhưng vì :

– Anh không sống nhiều với quần chúng.

– Anh chủ quan cho rằng người ta sẽ hiểu thơ anh.

– Anh nhiều tài, nhiều thông minh, thích tìm những cái mới (anh tìm cái mới vì cá nhân chủ nghĩa). Nên anh đã thất bại.

Thơ ấy bây giờ có nên dùng không ? Có nên phổ biến không ? Cũng như hôm qua, chúng ta đã bàn về việc nên phổ biến tranh tả thực hay sơn mài ? Chúng ta đã kết luận rồi.

Còn nói cái tội của thơ anh Thi ở chỗ không vần, thì không đúng. Thơ cổ phong cũng không vần, mãi đời Đường mới có vần⁽¹⁾ (Bài hát anh Khoát đưa ra ban nay là bài dịch một bản Cung Bắc của Tàu). Miễn sao thơ có một tâm hồn, một nhạc điệu rung cảm được người ta, tức là thơ.

Tóm lại : Trong thời kỳ này, cần phải phục vụ quần chúng, thì không nên dùng lối thơ mà quần chúng không hiểu. Nên phổ biến lối thơ dễ nhớ, mà quần chúng có thể cảm thông với thi sĩ được.

NGUYỄN ĐÌNH THI : Tôi đồng ý phần lớn những lời phê bình. Tôi hay lý luận. Cái tìm tòi của tôi cũng hay lý luận. Nhưng nói đến thơ, đó là một cái thiết tha nhất của tôi, và cũng là cái tìm tòi rất khó của tôi (tuy nó có cái vui của nó). Tôi không trả lời lại một lời phê bình nào, mà dựa vào ý kiến của anh chị em, lấy tinh thần của hội nghị làm một cuộc tự phê bình.

Bài đầu tiên theo thể này là *Đêm mít tinh* ý định ca tụng chiến công Việt Bắc. Tôi làm nó theo hình thức thường, bốn, năm đêm liền, thấy không được. Cuối cùng tôi quay sang một thể khác, và có bài *Đêm mít tinh* như các anh chị đã đọc. Sau bài ấy, tôi còn làm tiếp theo nhiều bài nữa.

Bảo thơ tôi là một cuộc thí nghiệm thì không đúng. Nói là một thành công hay thất bại thì đúng hơn. Hay là nói đó là một cuộc tìm tòi thơ nhưng có những chỗ chưa được thỏa mãn.

Cũng có người trắc tuổi như tôi thích thơ tôi nhưng phần ấy rất ít.

Nói đến thơ tôi, tôi rất áy náy :

Một là vì thơ ấy là thơ của tôi.

Hai là thơ ấy là thơ tự do (dài, ngắn, vần, không vần, không quan hệ).

(1) Theo chúng tôi thì thơ cổ phong cũng như ca dao của Tàu, *Kinh thi*, không luật bằng trắc như Đường luật, nhưng vẫn có vần. *Sở tử* của Khuất Nguyên cũng có vần.

Đáng lẽ thơ của tôi là thơ của tôi. Còn vấn đề thơ tự do thì rộng hơn thơ tôi nhiều. Vậy phải tách ra làm hai : trước hết, tôi tự phê bình thơ tôi. Sau xin bênh vực thơ tự do.

1. *Phê bình thơ tôi* : Một tác phẩm, xét nó là xét ở nội dung của nó, nó tác dụng thế nào trong hoàn cảnh bây giờ. Anh Xuân Diệu nói là thơ của tôi già. Gần đúng. Vì thơ của tôi không phải là những bài thơ vui. Đó là những bài thơ đau đớn. Lúc tôi làm nó, tôi cũng đã nghĩ rằng trong lúc này, có nên đưa ra cái đau đớn đó không ? Có. Vì cuộc kháng chiến của ta có bao nhiêu cái đau đớn, những đau đớn chính đáng ; miễn là cái đau thương ấy không phải là cái đau thương đi xuống.

Anh Xuân Diệu nói nó gò bó, cũng đúng.

Rất đau thương mà không nói, đó là thái độ nội dung của tôi. Khi tôi nói cái đau thương của tôi ra, nó ẩn ở một chỗ rất kín (Ví dụ trong bài *Không nói* : *Mỗi em, đôi mắt còn ôm đầy*).

Nhưng nội dung ấy khách quan mà xét, thì nó không đúng với cuộc kháng chiến bây giờ, cái đau đớn của kháng chiến không giống cái đau đớn trong thơ tôi. Ở nhiều chỗ của kháng chiến, còn đau đớn hơn nhiều, nhưng cái đau đớn không như thế.

Một số thanh niên như tôi, nhiều khi không phải là văn nghệ cũng thích thơ tôi. Một số bạn khác rất mê thơ tôi. Nhưng nhìn kỹ lại các anh ấy phải nhận rằng họ cũng ở một tình trạng na ná như tôi.

Sau này, tôi cố gắng sửa chữa. Những lời phê bình làm tôi suy nghĩ. Tôi suy nghĩ và tôi tự bảo tôi phải đổi.

Vì cái nội dung đã uất ức rồi, cho nên khi nó thể hiện ra ngoài, nó cũng có vẻ khắc khổ gò bó. Trong khi tôi đi tìm một hình thức tự do, thì cái nội dung của tôi lại gò tôi lại. Tôi muốn có cái mộc mạc, đơn sơ, thì trái lại nó lại cầu kỳ.

Tôi đồng ý với anh Xuân Thuỷ và rất mừng có dịp để định một thái độ minh bạch. Chỉ quan niệm không mà thôi, nhất định là không đủ. Phải được sống nhiều hơn, sống rộng rãi, vui, tin tưởng, khoẻ lành. Không thể quay vào mình thôi mà tìm được.

2. Thơ tự do

Tôi đồng ý với anh Xuân Thuỷ, đó là một câu chuyện rộng rãi, vượt qua tôi nhiều. Khi tôi nói đến thơ tự do, xin hiểu cho là tôi nghĩ đến cái gì chung.

Cái hình thức gọi là "thơ mới" nó sẽ cứ có, dù ngăn nó cũng không được.

Vần hay không vần, câu dài hay câu ngắn, cái đó đã thường lầm rồi.

Kháng chiến đã làm ra như thế. Những bài thơ hiện nay đã chứng tỏ điều này.

Còn vần là một lợi khí rất đắc lực cho sự truyền cảm. Nhưng không phải hết vần là hết thơ. Khi làm thơ, thái độ của người làm là ghi cho đúng cảm xúc. Nếu cảm xúc gặp được vần thì hay. Nhưng gặp khi nó gò bó, hãy vượt lên nó đã. Hình thức nghệ thuật (các luật bằng trắc) phải tự thân nó ra. Khi gạt luật bên ngoài đi, phải có luật bên trong rất mạnh.

Có thể có sự bỡ ngỡ đối với thơ không vần. Hồi "thơ mới" (1932) mới ra đời, người ta cũng bảo không hiểu. Thơ tôi bây giờ có gì là không hiểu? Người ta hiểu mà chưa cảm. Vì không nói được sự sống xung quanh. Nếu nói đúng cái cảm xúc xung quanh hiện thời, thì dấu có trúc trắc, không vần, nghe vẫn lọt.

Nếu trên đường cõi mờ, có rất nhiều người làm thơ ấy, thì mới đâu có loạn thật, nhưng rồi cũng quen như thơ lục bát. Trở về ý đầu Ngô minh Sở. Tôi không thích những bài thơ nói ra tâm tình. Nó phải nói ra cảm xúc, cảm xúc là tai nghe, mắt thấy, mũi ngửi, tay sờ, cảm thế nào, nói thế ấy. Từ thời Nguyễn Du, Thị Điểm có biết bao nhiêu là câu thơ hay, không kể lể tình cảm, chỉ nói cái sống ra bằng những hình ảnh, thành cảm xúc. Thơ như thế không phải đầu Ngô minh Sở. Nó cũng có sợi dây nối liền những hình ảnh đó lại. Đó là một thứ dây lý luận rất khéo. Thơ bộ đội bây giờ có nhiều hình ảnh và cũng có sợi dây liên lạc, chỉ có điều là tất cả các thứ dây đó đều không giống thứ dây của thơ tôi. Thơ bây giờ nói hình ảnh, cảm xúc, chống hẳn lối thơ kể lể mười mấy năm trước đây.

Vậy :

– Khi đã bỏ luật lệ rồi, dù cảm xúc tự nhiên thì cứ nói, thành vẫn cũng được, không thì thôi. Nói như lời nói thường vậy.

– Rút ra những cái trong cuộc sống.

– Nói như lời thường. Tôi mong đi tới những câu thơ như lời nói thường mà đến một độ cảm xúc mãnh liệt. Nếu cần nói một hơi dài, dùng những câu dài. Nếu hơi ngắn, nói ngắn. Những hình ảnh thơ mới bây giờ, tôi tưởng tượng nó cần phải khoẻ, gần guốc, xù xì, chất phác chung đúc, tự nhiên. Những bài thơ cũ, cùng một nhịp điệu đều đều, tôi không thể chịu được. Bài thơ chất phác kia tác động vào tâm hồn ta hơn.

Rồi đây, tiến đến độ hơn nữa của tình cảm, thơ sẽ trở về cái hình thức đều hoà hơn.

THẾ LŨ: Tôi đồng ý với anh Thi. Thơ thực là thơ bao giờ cũng rung động. Nhưng ở đoạn anh bệnh vực thơ tự do, có nhiều chỗ tôi không đồng ý. Lời nói của anh Thi là một lời nói hùng hồn có thể xô đẩy người ta. Tôi thấy chỗ nguy hiểm đó. Nếu viết lại lời anh Thi để xét kỹ, thì nó sẽ kém hiệu lực. Nếu một điều gì lên làm nguyên tắc, phải định cho nó một cái gì chung. Bây giờ tôi chưa nói được ý của tôi, nhưng tôi chưa chắc là anh Thi nói đúng.

Không phải do sự đều hoà của điệu thơ mà không chứa đựng được tình tiết, mà không cảm xúc được mạnh.

NGUYỄN ĐÌNH THI : Người dùng những điệu đều đặn mà nói được nội dung mới phải là thiên tài. Hình thức cũ để tả nội dung cũ. Nội dung mới, tự nó sẽ tìm đến hình thức mới.

Lời kết của chủ tịch đoàn (Tố Hữu) :

Nghe anh Thi tự phê bình thơ anh, anh chỉ em nghĩ : "Tại sao biết mình như vậy, mà cứ làm như vậy"? Đó là cái khuyết điểm của người làm thơ.

Làm thơ không phải do trí tuệ muốn, mà do sự sống bản thân của mình.

Có những lúc tôi yêu thơ anh Thi, và cũng nhiều lúc tôi thù ghét nó.

Những lúc mà tôi buồn bức, nhọc mệt, có những lúc nhớ, tôi thích đọc thơ anh Thi. Tôi đọc những bài Sáng mát trong... Thơ là một điệu hồn, tìm đến với những hồn đồng diệu.

Những lúc thấy cần làm việc, tôi thấy ghét thơ anh Thi ghê lắm vì tôi thù ghét cái cá nhân nó lại trở về với tôi. Rồi tôi lại dè chừng với tôi. Nhiều khi thấy bài thơ hay, mà chưa chắc nó hay. Vậy lấy gì làm tiêu chuẩn cho cái hay.

Tôi không thể lấy cái "ta" làm tiêu chuẩn. Người nghệ sĩ phải tự hỏi : Quần chúng xem bài này thế nào ? Quần chúng có xúc cảm không ? Cái đau đớn của quần chúng có được nêu lên đây không ?

Nếu tác phẩm chưa nói, hay nói ngược cuộc sống của quần chúng, thì phải xem là không hay. Những bài thơ của anh Thi tôi cho là không hay, vì chưa nói lên được nỗi niềm của quần chúng. Đó là nội dung.

Tôi đồng ý thái độ tự phê bình của anh Thi, một thái độ đứng đắn. Còn một điều cần thiết nữa, là anh phải kiểm tra lại cái tư tưởng, cái rung cảm của mình trong quần chúng. Quần chúng có những lúc tinh thần mỏi mệt, sút kém, họ có thể nghe cái mệt mỏi.

Vậy phải lãnh đạo quần chúng, phải xem tư tưởng của mình có dắt quần chúng đi lên cuộc đời tốt đẹp không ?

Cuộc tranh luận đã khá dày đặc. Chúng ta đã đồng tình ở những điểm căn bản.

KD^(*)

(Theo biên bản Hội nghị, chiều 28)

Tạp chí Văn nghệ, số 17, 18,
tháng 11, 12 - 1949

(*) Chú thích cho thấy bài tường thuật này do Xuân Diệu ghi.

THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

NGUYỄN XUÂN NAM

Nguyễn Đình Thi làm thơ không nhiều. Trong những ngày đi cùng bộ đội đánh Pháp, anh làm thơ mỗi năm bốn năm bài. Về sau anh chuyên viết tiểu luận và tiểu thuyết. Nhưng người đọc vẫn nhớ đến thơ anh vì nhiều lý. Ngay trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lúc thơ ca còn nhiều "mộng rớt", "ngắm rớt", thì thơ anh đã ít nhiều mang một xúc cảm kín đáo với dáng dấp khác lạ. Và tuy không nhiều, nhưng anh đã có một số bài thơ qua mươi mấy năm vẫn in sâu trong tâm hồn người đọc (*Đất nước, Ai biết tên các anh, Nhớ*, một số đoạn trong *Bài thơ Hắc Hải*). Đối với nghệ thuật, người đọc vốn mong nghệ sĩ mang đến một cái gì mới – một cách sống, một thái độ một cách cảm, cách nghĩ, một gợi ý về cuộc đời, câu "quý hồn tinh bất quý hồn da" thật là đúng.

Cho đến nay, thơ Nguyễn Đình Thi được tập hợp trong hai tập *Người chiến sĩ* và *Bài thơ Hắc Hải*⁽¹⁾. Anh muốn nói lên tâm hồn và cuộc sống đấu tranh của những người chiến sĩ với những mất mát hy sinh (*Người tử sĩ, Ai biết tên các anh*) với lòng căm thù giặc (*Về nhà, Em bé gái*) với niềm vui chiến đấu và niềm tin chiến thắng (*Chiều qua đường số 4, Lá cờ, Thắng trận...*) những suy nghĩ tự hào về đất nước (*Quê hương Việt Bắc, Đêm sao, Lúa, Chiều vui, Đất nước*), và tình yêu trong chiến đấu (*Không nói, Chia tay, Bài thơ viết cạnh đồn Tây, Nhớ, Em bảo anh, Nắng vàng*).

I – NGƯỜI CHIẾN SĨ TRONG THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

Lấy tên tập thơ đầu tay của mình là *Người chiến sĩ* Nguyễn Đình Thi muốn nói rõ tâm tư tình cảm của anh bộ đội (phân nói về

(1) *Người chiến sĩ*, NXB Văn nghệ in lần thứ nhất, năm 1956. *Bài thơ Hắc Hải*, NXB Văn học in lần thứ nhất năm 1959.

cuộc sống của anh bộ đội là nhiều nhất) và rộng ra là tâm tư tình cảm của những người Việt Nam chiến đấu cho lý tưởng cách mạng. Trong bài *Quê hương Việt Bắc* mở đầu tập thơ, tác giả cho thấy đất nước đã nuôi dưỡng người chiến sĩ và người chiến sĩ đã trưởng thành trong lòng đất nước. Bài thơ dài với những địa danh gợi nhớ những cuộc hành quân liên miên và gian khổ buổi đầu. Nhắc đến Việt Bắc, căn cứ địa của cách mạng, người chiến sĩ rất tự hào tin tưởng :

*Việt Bắc quê hương ta sáng chóe
Đất tự do của những anh hùng
Chim bay rợp trời mây rộng rãi
Quân đi rung chuyển những sông rìng.*

*Bàn tay trắng ta giăng lấy súng
Chân không giây đạp nát đồn Tây
Trong áo rách lỏng ta có Đảng
Giữa nghìn đồng bao chảng lung lay.*

Trong cuộc đấu tranh cách mạng, những hy sinh mệt mỏi là điều không thể tránh khỏi. *Người tử sĩ*, Ai biết tên các anh ta những gương ung dung tựu nghĩa. Lòng Hà Nội nỗi lên tinh thần bất khuất thầm lặng. Về nhà là những nỗi mệt mỏi trong đời sống riêng. Viết *Người tử sĩ*, anh có những bàng khuông thầm kín :

*Để anh trên sườn núi vắng
Không biết có bao giờ trở lại
Một ngày về tìm anh ở đâu
Giữa rừng nghìn lối cỏ lan.*

Chết là tan loang vào cỏ cây đất nước, làm sao không gọi lên những suy nghĩ xôn xao. Những người chiến sĩ phải biết hy sinh lặng lẽ. Hai câu : "Anh nằm yên như ngủ say... Trên môi lưu luyến nụ cười" là cách nhìn người đã mất tưởng như thiên nhiên, nhưng chính là tâm trạng tự ghìm mình lại vì hiểu sâu xa ý nghĩa của những sự hy sinh mà người cách mạng cần trầm tĩnh đón nhận :

*Nằm súng chào anh lần cuối
Chúng tôi lại đi mê mai
Nắng lên đỏ rực hàng cây
Véo von những tiếng chim rìng.*

Sự bình tĩnh không chỉ ở người đã mất, mà chủ yếu trong tâm hồn người sống.

Nguyễn Đình Thi còn vẽ ra bức tranh người chiến sĩ trước pháp trường. Trong bài *Ai biết tên các anh*, tác giả cố nén mình lại để cho khung cảnh tự nói lên :

*Lưỡi lê tuốt trần hai bên
Xuồng ô tô các anh đi giữa
Mắt nhìn thẳng điểm nhiên
Người rở máu xuống đường
Các anh bỗng sát chặt hàng
"Việt Nam... sao vàng pháp phổi"
Tiếng hát nổi trầm vang.*

Bình tĩnh trước bạo lực của kẻ thù, tâm hồn cao thượng sáng rực đối lập với thân thể tiêu tuy trong khung cảnh đất nước các anh sấp vĩnh biệt... ta bỗng nghĩ đến những anh Trỗi, anh Độ, anh Đang sau này. Cùng với sự bình tĩnh của lý trí, tác giả tự nén những cảm xúc :

*Các anh chết không tên
Cho nước nhà sống mãi
Tiếng hát các anh còn mãi
Trong thời thu nắng nhảy xôn xao
Trong sóng lúa rào rào nhắc nhớ
Trong tiếng còi gọi thợ đầu ô.*

Những bài thơ viết về người chiến sĩ của Nguyễn Đình Thi đã có ý mạnh, lời mạnh, diễn tả được sự đấu tranh trực diện gay go với kẻ thù. Anh nhìn người chiến sĩ đúng với cái chân chất cách mạng, không có cái gì là hoa mỹ hào nhoáng. Đối với anh, lớp người anh hùng vô danh đông đảo đã hy sinh thầm lặng, làm nên lịch sử là những người chúng ta không quên :

*Qua bến sông quen tôi về đây
Tìm mộ anh bên rừng mai cũ
Tôi ngắt những hoa rừng tím đó
Ngắt nhiều hoa nữa, nhiều trên tay.*

Và khi đại quân rầm rộ tiến về giải phóng Hà Nội, nhìn "Nước Hồ Gươm sao xanh dịu quá", và "Tháp Rùa rơi lệ cười trong mưa", anh vẫn không quên :

*Năm lại những chấn rùng đầu núi
Hôm nay bao đồng chí dân rồi.*

Nguyễn Đình Thi còn ghi lại những cảnh "quân đi như nước lũ", những "anh du kích áo chàm vạm vỡ", và ca ngợi tình đồng chí, đồng đội. Anh còn viết *Hai chiến sĩ Việt - Lào* nói lên mối tình quốc tế trên cơ sở giác ngộ giai cấp. Những người chiến sĩ chiến đấu bên nhau với những kỷ niệm vui buồn riêng của cá nhân, nhưng cũng với những khổ đau của cả hai dân tộc vì kẻ thù chung. Trong thời gian phát động cải cách ruộng đất, được dự những cuộc tố khổ trong quân đội và học tập đường lối chính sách của Đảng, tình cảm, cảm xúc, nhận thức biến chuyển mạnh, Nguyễn Đình Thi nhìn rõ hơn bản chất giai cấp của chiến sĩ ta. Câu chuyện *Mẹ con đồng chí Chanh* cho thấy tầm quan trọng của vấn đề cải cách ruộng đất đối với quân đội cách mạng. Lời thơ lục bát chịu ảnh hưởng rõ rệt của truyện Nôm. Trong số truyện thơ viết về cải cách ruộng đất lúc bấy giờ như *Đôn và Thanh*, *Hai mươi bốn chữ tiên...*, thì *Mẹ con đồng chí Chanh* có nhiều đoạn tả cảnh và tình sinh động hơn. Chỉ tiếc mối quan hệ giữa địa chủ quan lại và đế quốc chưa thật rõ (tuy có nhắc đến "thóc Tây day Nhật", đến "những thằng quan Nhật béo tròn") ; nhiều câu còn dẽ dãi, tầm thường.

Sau chuyến đi thăm Ôđét xa vào đầu 1955, Nguyễn Đình Thi viết *Bài thơ Hắc Hải*. So với *Mẹ con đồng chí Chanh* lần này tác giả ít chú ý đến sự việc mà cốt nêu bật tâm hồn con người với quá trình phát triển diển biến của nó. Mở đầu là cảnh cách mạng Nga đang trong bão táp, bọn đế quốc kéo đến can thiệp. Chính lúc bọn quan tướng gầm ghè thì lính tráng ngắn ngo :

*Sao cùng đổ về đây bắn giết
Những người dân vô tội vì sao ?*

Giữa lúc ấy, tiếng hát của người thiểu số có mái "tóc xoã mây vàng" – hiện thân của tư tưởng Cách mạng tháng Mười, vang lên. Tiếng hát hấp dẫn, lay động sâu xa tâm hồn những người lính Pháp, làm họ nhớ tới quê hương. Sức lay động ấy còn mạnh mẽ hơn đối với

người dân một nước thuộc địa. Người thuỷ thủ Việt Nam (tức bác Tôn Đức Thắng ngày nay) trong cảnh ngộ ấy, đã từ tình yêu nước, thiết tha tình yêu giai cấp, tình yêu những anh em cùng khổ trên thế giới. Ở người thuỷ thủ Việt Nam ấy, lòng yêu nước, sự giác ngộ giai cấp đã dẫn đến tinh thần quốc tế vô sản ; và đến một hành động cụ thể mà tất cả chúng ta đều lấy làm vinh dự : kéo lá cờ Cách mạng tháng Mười trên chiến hạm Pháp.

*Anh chạy tới cột cờ cao nhất
Anh băng mình thoăn thoắt leo nhanh
Bóng anh mát trên trời sâu hút
Giữa gió gầm lồng lộn vùng quanh*

*

* * *

*Đoàn thuỷ thủ cùng nhau ngừa mặt
Ngóng nhìn lên đêm tối mịt mùng
Bóng nghe rõ trên cao chót vót
Tiếng cờ bay phản phật reo mừng*

*

* * *

*Họ vẫn đứng giữa đêm đầy gió
Cố nghẹn im không nói lên lời
Trên cao lá cờ đang bay múa
Đời họ từ nay đã khác rồi.*

Khung cảnh thực ấy còn có ý nghĩa tượng trưng. Có phải từ khi Cách mạng Nga giương cao lá cờ đỏ, từ khi mỗi dân tộc biết giương cao lá cờ đỏ, từ khi mỗi người biết hướng về lá cờ đỏ, thì bóng đêm tan dần, cuộc đời xán lạn mờ ra. Bài thơ có giá trị tư tưởng khá cao, mờ ra cho người đọc suy nghĩ đến những vấn đề rộng rãi. Với hình ảnh táo bạo, với những tìm tòi trong bối cảnh, trong cách thể hiện, *Bài thơ Hắc Hải* có không khí khác lạ : hiện đại, trầm hùng, thâm thiết. Tuy thế, những đoạn trùu tượng có tính chất "văn xuôi" còn chen vào nhiều, làm hạn chế tính chất trữ tình vốn là nét cơ bản của bài thơ dài này.

II – TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

Khi nói đến người chiến sĩ, Nguyễn Đình Thi muốn ca ngợi lòng yêu nước thương nòi của họ. Ca ngợi đất nước là một chủ đề mà từ lâu anh thiết tha thể hiện. Trước Cách mạng, anh nói tình thân đấu tranh của dân tộc một cách kín đáo qua một bài nghiên cứu ca dao tục ngữ. Đến thời kỳ tiền khởi nghĩa anh say sưa hát lên *Điệt phát xít* mà cảm hứng chủ đạo là lòng căm thù cao độ bọn phát xít, và nhiệt tình xông lên cứu đất nước. Trong những ngày kháng chiến gian khổ chống thực dân Pháp, cùng đi với bộ đội, cùng sống với nhân dân, những tình cảm, suy nghĩ của anh về đất nước không sôi nổi bồng bột, mà càng thêm sâu sắc, trầm tinh, dồi dào.

Nếu bài *Quê hương Việt Bắc* (1950) được đặt lên đâu tập thơ để nói lên sự trưởng thành của người chiến sĩ trên những miền của đất nước thì bài *Đất nước*, một trong những bài thơ làm sớm nhất và lâu nhất, khép lại tập thơ chính là những suy nghĩ tha thiết nhất của người chiến sĩ. Nét rõ nhất trong tình cảm của Nguyễn Đình Thi là niềm tự hào về đất nước của mình.

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỗ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.*

Ở đây đất nước được quan niệm một cách cụ thể (trời, núi, rừng, con đường, dòng sông) cái ý thức chủ nhân óng (là của chúng ta) được nhấn mạnh một cách rạch ròi. Đó là ý thức của những người đang đứng lên từng giờ từng phút gìn giữ chủ quyền và lãnh thổ của mình, quyết tâm đè bẹp quân thù. Chính tình yêu mãnh liệt đối với đất nước đang bị xâm lăng đã làm cho đất nước trong thơ anh hiện lên với truyền thống anh hùng bất khuất. "Những buổi ngày xưa vọng nói về"

chính là cái hồn sông núi qua các triều đại mà anh từng lắng nghe tha thiết⁽¹⁾. Tình yêu đất nước đã có chiều sâu trong lịch sử, điều mà những năm gần đây chúng ta càng thấy là một nguồn sức mạnh tiềm tàng của dân tộc. Nhưng không phải vì quá yêu đất nước rồi vã nên những màu sắc hào nhoáng. Người con yêu mẹ thì cần gì đợi lúc mẹ ăn mặc lộng lẫy, mà càng yêu mẹ hơn khi mẹ còn phải mặc chiếc áo nau sông cũ kỹ. Với một cái nhìn hiện thực và có trách nhiệm, anh thấy nỗi đau xót trên mình đất nước do quân thù tàn phá và do tình trạng nông nghiệp lạc hậu :

*Đất nước muôn nơi
Nghèo xơ xác hôm nay chói lọi
(...)
Ơi quê hương ta đau xót
Đói gầy mắt nhìn thiêu đói.*

Ngay trong ký ức của những người đi xa đất nước sau lý lẽ của trái tim là không đâu đẹp hơn quê hương "Việt Nam đất nước ta ơi – Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn", vẫn là cái nhìn rất hiện thực.

*Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều đau thương
Mặt người vát và in sâu
Gái trai cũng một áo nau nhuộm bùn*

(Bài thơ Hắc Hải)

với nỗi nhớ :

*Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô
Bát canh rau muống quả cà giòn tan*

Đất nước quê hương ấy là đất nước quê hương của những người nghèo khổ đang đấu tranh, và đó cũng là cái nhìn thẳng vào hiện thực để chúng ta cố gắng phấn đấu xây dựng cuộc đời mới. Anh có lúc cũng nói lên cái đẹp, nhưng đó là cái đẹp chân chất hiền lành với những cảnh những người bình thường giản dị mà chỉ những người chân thực giàu xúc cảm mới nhận ra. Cái đẹp ấy có khi chỉ là :

(1) "Đây hồn núi sông ngàn năm. Đây Thăng Long, đây Đông Đô, đây Hà Nội, Hà Nội mến yêu" (lời bài hát *Người Hà Nội*).

*Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đó nặng phù sa.*

(Đất nước)

hay :

*(...) những buổi trưa đậm ám
Em bé trong rau đuổi lũ gà
(...) những nẻo đường thêu nắng
Chưa bao giờ đẹp như bây giờ.*

(Quê hương Việt Bắc)

Nhưng là người chiến sĩ, anh thấy cái đẹp chủ yếu ở trong tinh thần chiến đấu của con người, trong sự vùng lên của cả đất nước :

*Quê hương ta núi sóng lộng lẫy
Mỗi lần vùng dậy lại đẹp hơn*

(Quê hương Việt Bắc)

*Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngồi lên nét mặt quê hương*

(Đất nước)

Trong cảnh đất nước, mỗi khi nhìn đến con người, anh trân trọng những đổi mới trong tâm hồn, trân trọng vẻ đẹp tinh thần do chế độ mới mang lại. Phải có một tâm hồn trong sáng thanh thoát, thì ở nơi có người cho là "u tú quốc" mới thấy được :

*Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre pháp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nón cười thiết tha*

(Đất nước)

Cũng như trong văn xuôi, trong thơ Nguyễn Đình Thi thường có bóng dáng người phụ nữ : bà cụ Thái cho xôi lúc lui quân, các chị em gánh nước "váy đèn mềm", người con gái "có cái miệng hay cười",

cô "gái quê giờ nắng", v.v. Tác giả chú ý nhiều đến vẻ đẹp tinh thần của họ hơn là sắc đẹp bên ngoài. Cái buổi chiều vui mà tác giả thốt lên "chiều quê hương đẹp quá" lại rất giản dị.

*Trong ngõ cười khúc khích
Các chị bể ngô vàng
Những tiếng nói vang sông
Những mồ nan san sát
Một đoàn bộ đội đồng
Đại đò trên bãi cát
Nắng chiều mặt đỏ hồng
Các anh cười ha hả*

(Chiều vui)

Cái vui ở đây không phải là sắc màu của "bức tranh quê", không phải cảnh đẹp người đẹp, mà là không khí nóng thôn dội mới, do tâm hồn con người đã được giải phóng. Những tiếng cười khúc khích của các chị, những tiếng cười ha hả của các anh trên cánh đồng ngô, lúa tuy chưa phải giàu có lắm, nhưng đã khác trước rồi. Chính cũng vì chú trọng đến cái đẹp tinh thần nên ở cảnh bình thường của thôn quê ta (cô bé gánh nước), anh cũng thấy một niềm vui, một ước vọng, một niềm tin tưởng :

*Áo em còn vá bên vai
Tay em nhỏ má em gầy
Nhưng mắt em nhìn trong trẻo
Đang tràn ánh sáng tương lai*

*

* * *

*Em đi - đẹp biết bao nhiêu
Dưới trời chim én đậu dùi
Trăm nghìn ước mơ đậu cánh
Bay theo em giữa buổi chiều*

(Chim én)

Bài thơ làm năm 1959 khi nồng thôn đã qua cài cách ruộng đất, đã có những thay đổi lớn, nhưng anh vẫn thấy còn những khổ cực, còn cần phải cố gắng vươn lên. Và anh tin ở sự vươn lên đó vì anh thấy tâm hồn con người đã được giải phóng.

Và hình tượng kết thúc tập thơ *Người chiến sĩ*:

Nước Việt Nam từ máu lửa

Rẫu bùn đứng dậy sáng loà

là rất gọn, súc tích, mạnh mẽ, gợi lên được quá trình đấu tranh lâu dài và lòng mong muốn thiết tha của người chiến sĩ từ khi ở "quê hương Việt Bắc", trong "đêm sao" ở Phan Lương, hay trong "lòng Hà Nội". Một điều đáng chú ý là Nguyễn Đình Thi nói đến đất nước thường gắn liền với thủ đô Hà Nội – thủ đô mà anh đã từng ca ngợi trong một bài hát gợi lên nhiều hình ảnh, nhiều cảnh như in sâu vào ký ức những chàng trai Hà Nội thuở ấy.

III – TÌNH YÊU

*Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần*

(Nhớ)

Câu thơ có cái mạnh dạn đặt tình yêu trai gái ngang với tình yêu đất nước. Điều đó có người không dám nói, nếu không có sự tự tin và thành thật. Câu thơ đó sẽ trở nên sáo rỗng nếu tình yêu đất nước không thật là niềm tha thiết của mình. Vượt qua được hai chỗ khó khăn ấy, câu thơ trở nên thật sự mới mẻ vì nó nói lên được tình yêu của người chiến sĩ có ý thức chính trị sâu, có nhiều kinh nghiệm về cuộc đời, không giàu cảm giác, cảm xúc, nhưng trầm tĩnh, chín chắn. Trong *Người chiến sĩ* cũng như *Bài thơ Hắc Hải* có những bài thơ tình (khoảng bảy, tám bài) thuộc vào loại thơ như thế. Bài sớm nhất làm sau khoảng 1948 cách đây hơn hai mươi năm.

Nhớ lại trong cuộc kháng chiến trước, người ta ít làm thơ về tình yêu. Sau tiếng nức nở than dài của tình yêu trong "thơ mới" người ta

như thấy hấy khoan nói đến vấn đề này. Trước hết vì còn nhiều vấn đề khác quan trọng hơn chưa được nói đến. Một lẽ nữa, khi cảm xúc chưa thật thay đổi, người ta cũng ngại trở lại một đề tài có thể làm cho mình chìm nghỉm trong sự yếu đuối, nên tạm thời lẩn tránh. Có phải lúc nào nhà văn, nhà thơ chua phàn biệt được rạch rời tình cảm chính đáng, trong trào của mình về những quan hệ riêng tư, với những tình cảm nhỏ hẹp của chủ nghĩa cá nhân, chưa phàn biệt ước mơ trong lành với mơ mộng hão huyền, thì lúc đó nói chuyện tình yêu thật không dễ. Nhưng cuộc đời cứ diễn ra với những quy luật tự nhiên của nó. Người chiến sĩ vẫn chiến đấu và vẫn yêu. Chiến tranh gay gắt làm cho bùng lên những bài ca yêu nước, thì cũng không ngăn cản những tình ca. Vấn đề là làm sao cho thơ ca yêu nước và tình ca không đối lập nhau mà nhuần nhuyễn với nhau. Nguyễn Đình Thi từ cuộc sống chân thực của mình, từ những nhu cầu nội tâm tha thiết của mình, tin tưởng vững vàng vào cảm xúc của mình, đã mạnh dạn phản ánh những khía cạnh mới của tình yêu trong chiến đấu.

Hơn hai mươi năm trước đây, Nguyễn Đình Thi đã gắn tình yêu vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Hai người yêu nhau tha thiết nhưng đau đớn nên cảm xúc trong khung cảnh :

*Mưa rơi ướt mái đầu
Mỗi đưa một khăn gói
Ngày nào lần gấp sau
Ngập ngừng không dám hỏi
Chuyện này chắc lại lâu
Đoàn thể gọi*

(Không nói, 1948)

Nếu ta nghĩ đến tính cách các cô gái bè ngô vàng cười khúc khích, những cô gái gánh nước tâm hồn xôn xao với nhiều ước vọng bay lên như đàn chim én buổi chiều, mới thấy hết sự sâu nặng của tình cảm. Nhưng biết làm sao khi chính đất nước cũng còn nhiều gian lao và đau thương.

Vì tình yêu gắn liền với nhiệm vụ nên chỗ hai người gặp nhau là phần lý tưởng, chỗ họ khăng khít với nhau vẫn là lý tưởng. Có lẽ trong

cuộc sống họ còn nhớ một đôi mắt, một bàn tay, một mái tóc, nhưng họ thấy nên nói nhất, tiện nói nhất vẫn là lý tưởng :

Nào đồng chí – Bắt tay

Em

Bóng nhỏ

Đường lầy

(Không nói)

Khi chia tay quan hệ tiện nói với nhau nhất là quan hệ *đồng chí*. Chỉ có khi đi rồi mới thấy cái bóng nhỏ mắt dần trên con đường heo hút lầy lội ở Nhã Nam – như những dòng thơ ngắn dần, tắt dần – ấy là *em*.

Đó là bài thơ tình của một thời đại nhiều gian khổ, của những con người cố gắng tự kiềm chế mình, nhưng không giấu nổi sự yếu đuối cô đơn. Tất nhiên đây chỉ là một số người chứ không phải người chiến sĩ nào cũng như thế. Thêm cái ánh lửa bếp nhà ai, thêm một chữ "nào" gắng gượng cũng không thể xoá được vẻ ảm đạm thê lương của buổi chia tay trong chiều mua ấy. Sau này tình cảm thay đổi, trong một buổi chia tay khác, tình yêu và nhiệm vụ lại được anh nói đến một cách khoẻ khoắn hơn :

Yêu em đời anh bừng sáng chói

Những sớm chiều dầu dài gió sương

Những đêm băng mình trong đạn khói

Những buổi vui vẻ giữa lúa thơm

Trên những nẻo đường không biết mỏi

Anh mang em như ngọn đèn chiếu rọi

Như trái tim anh đập không ngừng.

(Chia tay)

Tình yêu làm cho con người phấn khởi thực hiện nhiệm vụ. Và vì nhiệm vụ, vì say mê thực hiện lý tưởng, nên những người yêu ấy hay xa cách. Đây không phải là sự xa cách của hai tâm hồn chưa cảm thông (người yêu của Xuân Diệu trước Cách mạng ngôi sát gần nhau vẫn thấy xa cách) mà chỉ là sự xa cách trong không gian. Mà chính

có sự xa cách đó mới có thời gian bình tĩnh để hiểu tình yêu một cách sâu lắng, đúng đắn hơn :

*Cách nghìn sông núi vẫn bên nhau
Em ơi đường chiến đấu dài lâu
Trong gian khổ vẫn chan hoà ánh sáng
Đời anh có em như ngày có nắng
Yêu em anh yêu cả mọi người.*

(Chia tay)

Phải là một tấm lòng tin tưởng trong sáng lầm mới có những suy nghĩ như thế. Đó là nét điển hình của tình yêu trong thời chiến tranh của lớp cán bộ mới, rất mới. Cũng có những lúc gặp gỡ nhưng thường là quá vội "Xu nhau mong nhớ gần nhau vội vàng", gặp gỡ ngay trong lúc đang bận rộn chiến đấu, và nhớ lại trong một lúc bận rộn chiến đấu khác :

*Anh đang tưởng thấy em bước vội
Tôi tìm anh qua đêm lạnh xa xôi
Vào lán chật em nhìn anh mãi
Anh mừng trãi bạt cho em ngồi
Giữa súng đạn ngắn ngang bờ núi
Đoàn quân nằm ngủ dưới mây trời
Thì thầm em nói em yêu quá
Các anh vất vả vì giống nòi.*

(Bài thơ viết cạnh đồn Tây)

Bài thơ tình tiêu biểu nhất của Nguyễn Đình Thi có lẽ là bài Nhớ :

*Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh
Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây
.....
Ngôi sao trong đêm không bao giờ tắt
Chúng ta yêu nhau chiến đấu suốt đời
Ngọn lửa trong rừng hập bùng đỏ rực
Chúng ta yêu nhau kiêu hãnh làm người.*

Ngôi sao mờ đi trong câu ca dao cũ vì nỗi nhớ mông lung. Ngôi sao bỗng lấp lánh trong nỗi nhớ của người chiến sĩ mới khi người ta

yêu nhau và kiêu hãnh làm người. Yêu nhau thật là thầm thiết và trong sáng khi lý tưởng rời sáng trên đầu khiến cho những người yêu nhau càng thêm tự hào vì lý tưởng làm con người chân chính đó.

Hoà bình lập lại, nhưng đất nước vẫn còn bị chia cắt, nhiệm vụ người chiến sĩ vẫn nặng nề. *Chuyện hai người yêu xa cách* (1955) là chuyện triết lý :

*Đôi người yêu xa cách lại xa nhau
Yêu nhau nén họ xa nhau
Cho gần lại ngày mọi người đều sung sướng*

Vẫn cái lối triết lý như thế trong bài *Em bảo anh*, hai người yêu bàn chuyện làm người, bàn mối quan hệ liên dời.

*Em bảo anh chúng ta sống yêu nhau
Như hai tấm gương soi vào trong nhau
Mỗi vết bùn chúng ta mang trên mặt
Trong mắt người yêu đọng thành nước mắt
Và mỗi tia lửa vút bay lên cao
Trong mắt người yêu biến thành trời sao.*

Những ý độc đáo được dúc kết như châm ngôn mang ý nghĩa giáo dục rất rõ. Nhưng tiếc rằng trong toàn bài còn có những câu chưa thật thuần thực, chưa hợp với cách nói Việt Nam.

Tình yêu trong thơ Nguyễn Đình Thi rất trong sáng, là tình yêu trong xa cách, tình yêu lý tưởng, tình yêu của những người đã chín chắn, có thể nói chuyện với nhau mà không ngượng và chắc ít có những hờn dỗi bằng quơ mắt thì giờ. Nhưng vẫn có một vẻ gì đó lý trí quá, như bị nén lại, như chưa thể hiện ra được, đúng như lời nói thầm thì của người giàu tình cảm nhưng suy nghĩ nhiều mà lại ít nói.

Những nét tiêu biểu trong thơ Nguyễn Đình Thi ấy gần đây ta lại gặp trong *Chiếu tay trong đêm Hà Nội*⁽¹⁾. Cũng cái mặt quen thuộc : người chiến sĩ, đất nước, nhiệm vụ, tình yêu hòa lắn vào nhau. Có điều đây không phải là một chiểu mưa buôn bã, hoặc nơi trú quân bên cạnh đồn Tây, lại càng không phải "ngòi đầu cầu nước trong như lọc" nào.

(1) Tuần báo Văn nghệ ; số 224, ngày 11 - 8 - 1967.

Đây là thủ đô Hà Nội đang chống Mỹ với khung cảnh hiện đại : xa xa có tia lửa vút lên của cao xạ, gần hơn có ánh đèn xanh đỏ tín hiệu của máy bay xin hạ cánh. Và tình cảm cũng có phần tươi mát hơn :

*Trăng soi khuôn mặt nghìn yêu dấu
Ngày mai hai đứa đã hai nơi
Hai đầu đất nước trong đồng bão
Cùng chung chiến đấu hai phương trời*

Chỉ tiếc trong khung cảnh mới ấy bài thơ hơi dài (hai người đi qua nhiều phố của Hà Nội, và con đường tình yêu bao giờ cũng dài). Và nhất là chưa có những suy nghĩ xôn xao thật mới, đúng với năm 1968 chống Mỹ của chúng ta.

IV – BƯỚC ĐƯỜNG SÁNG TÁC THƠ

Nguyễn Đình Thi có lần nhận định : "Thơ là hoa, tiểu thuyết là quả" (*Công việc của người viết tiểu thuyết*). Ý này chắc nhiều nhà thơ phản đối. Họ cho rằng thơ vừa có cái đẹp óng ả của hoa, vừa phải có sự bổ ích thiết thực của quả. Nhưng hoa hay quả đáng quý hơn cũng tùy lúc. Thực ra nhận định ấy xuất phát từ thực tiễn sáng tác của riêng anh. Anh thấy thơ chưa giúp anh nói hết những ý tình phong phú về con người, cuộc đời phức tạp nhiều vẻ. Vì thế anh làm thơ ít hơn và chuyển sang viết tiểu thuyết. Nhưng sau gần chín năm hầu như im hơi lặng tiếng trên thi đàn, trong cao trào chống Mỹ, cứu nước, ta lại gặp anh tươi trẻ duyên dáng trong *Chia tay trong đêm Hà Nội*. Như người lưu luyến mối tình dâu, thơ có lẽ vẫn là điều thiết tha, điều tìm tòi rất khó của anh. Dù có thời gian nào đó, anh tập trung việc sáng tạo của mình vào tiểu thuyết, nhưng Nàng thơ chắc chắn sẽ không để anh yên tâm. Quả thật, theo dõi thơ anh từ sau Cách mạng đến nay, ta thấy rõ anh đã phải trải qua nhiều phần đấu gian khổ.

Ngay từ đầu, anh vừa phải tìm tòi lý luận vừa sáng tác. Tiểu luận *Máy ý nghĩ về thơ* (1948) viết cùng một năm với các bài *Đất nước*, *Không nói*, *Đêm sao*, *Người tử sĩ*. Ở đây cần phải tách quan niệm về thơ và thực tiễn sáng tác của thơ anh để bàn bạc. Đặt bài tiểu luận trên

vào hoàn cảnh lúc ấy, ta thấy tuy còn có những thiếu sót nhất định (quan niệm về nguồn gốc thơ, về mối quan hệ giữa đổi mới và kế thừa) nhưng Nguyễn Đình Thi đã sớm chú ý đến những quy luật đặc thù của nhận thức thơ, nêu yêu cầu đổi mới thơ ca để diễn đạt cho được "những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại". Và nhìn chung anh thiên về trí tuệ. Đó là những điều hợp với sự phát triển của thơ ca. Có phải ta thấy thơ ngày nay càng quen dần với những hình thức tự do, phóng khoáng (thơ Chính Hữu, thơ Chế Lan Viên,...) và mỗi nhà thơ hiện nay đều có cõi gắng nâng cao chất suy nghĩ, chất trí tuệ cho thơ mình.

Nhưng khi sáng tác, Nguyễn Đình Thi vẫn phải những mâu thuẫn. Anh muốn ca ngợi cuộc đời mới, nhưng bản thân tình cảm, cảm xúc của mình lại chưa theo kịp thời đại nên có nỗi cô đơn heo hút trong thơ (*Không nói, Về nhà...*). Nỗi buồn ấy chúng ta cũng tìm thấy trong một số truyện ngắn của anh như *Hoa mua*, *Cánh chim*.

Liên quan với tình cảm, cảm xúc là cách diễn đạt. Anh nói : "Thơ của một thời mới trong những bước đầu ít khi chịu được những hình thức đều đặn cố định. Nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm thử sức mới của nó". Và "vẫn xuôi lối cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bấm vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo" (xem *Máy ý nghĩ về thơ* in trong tập *Máy văn để văn học*. NXB Văn hoá, Hà Nội, 1958). Về lý luận, như thế là anh chú trọng đến sự súc tích của thơ và tìm đường cho thơ phát triển. Nhưng trong *Đêm sao* (tức *Đêm mít tinh*), *Đường núi*, *Không nói* khoảng cách ấy quá rộng, gây nên tình trạng khó hiểu. Nhược điểm đó không ngẫu nhiên, nó bắt nguồn từ sự thiếu chú ý đúng mức đến truyền thống thẩm mỹ của dân tộc đã thể hiện rõ trong bài tiểu luận. Và cũng có thể những rai rót của chủ nghĩa tượng trưng vẫn ảnh hưởng tới anh một chút.

Hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc (từ 25 đến 28 - 9 - 1949) đã giúp Nguyễn Đình Thi nhìn lại cảm xúc của mình, thấy rõ hơn con đường phải đi vào "cuộc sống của quần chúng" để nói lên "nỗi niềm của quần chúng". Theo hướng ấy, những sáng tác sau đó như *Quê hương Việt Bắc*, *Ai biết tên các anh*, *Bài thơ viết cạnh đồn Tây* đã mang một không khí khác. Cái chất phác tự nhiên, cái vui khoẻ dần dần thay thế cái u uất gò bó.

Quá trình phấn đấu thay đổi tình cảm, cảm xúc cũng là quá trình tìm tòi hoàn thiện các hình thức thể hiện. Nguyễn Đình Thi làm thơ không dễ dàng. Các bài thơ thường được sửa chữa nhiều lần⁽¹⁾. Anh đã có những bài thơ hay ở thể thơ tự do như *Đất nước*, *Ai biết tên các anh*. Nhưng cũng có bài anh theo hình thức thơ tám chữ đều đậm mực thước như *Nhớ*, hay quay trở về thể thơ cổ truyền của dân tộc như *Mẹ con đồng chí Chanh*. Có bài như *Bài thơ Hắc Hải* anh thực hiện được điều mong ước : "câu thơ như lời nói thường", với những hình ảnh "khoẻ, gân guốc, xù xì, chất phác..." (ý kiến phát biểu trong Hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc năm 1949). Từ chỗ khó hiểu, thơ anh đã đi đến dễ hiểu, giản dị, tuy nhiên có lúc rơi vào thô sơ, thiếu gợt giũa.

Nhìn chung, ta thấy thơ Nguyễn Đình Thi có bước tiến về nội dung và hình thức. Đó là kết quả của ý thức trách nhiệm và sự tận tâm lao động nghệ thuật. Ý thức tìm tòi lý luận của anh (sau khi gạt đi những chỗ sai lầm lệch lạc) cũng mang lại những kết quả nhất định.

Thơ Nguyễn Đình Thi thường hàm súc. Các bài thơ thường là những cảnh, cảnh nọ liên quan đến cảnh kia rồi tự bức tranh sẽ toát ra tư tưởng. Bức tranh đó thường chấm phá ít nét, chứa nhiều quăng trống cho trí tưởng tượng của người đọc. Nhưng nói chung thơ anh còn ít những cảm giác, cảm xúc, ít mùi hương, vị ngọt, ít sắc màu, ít có những tìm tòi hình ảnh độc đáo có khi đến lạ lùng như trong thơ Xuân Diệu. Tuy vậy cũng có khi có những hình ảnh rất đẹp. *Đường núi* có những nét chấm phá như một bài Tống từ.

Đêm sao cũng là một đêm chóp lửa màu sắc khó quên : sao của trời cao (*Đêm nay trời sao trắng bạch*), sao trời phản chiếu vào dòng sông

(1) Các đoạn thơ trích trong bài này đều lấy ở tập *Người chiến sĩ*, in lần thứ 2, NXB Văn học, 1960 và *Bài thơ Hắc Hải*, NXB Văn học, 1959. So với các bản in trước, có những thay đổi. Ví dụ : Bài *Đêm sao* nguyên là bài *Đêm mít tinh* trong *Tập văn cách mạng và kháng chiến*. Bài *Đất nước* nguyên là bài *Sáng mát* trong *núi sáng năm xưa* nói trong Hội nghị tranh luận, có thêm đoạn giữa rút ở bài *Đêm mít tinh* chuyển sang. Bài *Không nói* cũng đã có thay đổi ít nhiều. Vì thế, nếu chỉ đọc những bài thơ trong dạng hiện nay, chúng ta chưa hiểu hết những ý kiến phê bình trong Hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc. Cũng cần nói thêm, Nguyễn Đình Thi còn một số thơ nữa chưa được đưa vào hai tập thơ này.

(*Sông Lô dang cuộn, Như dòng sông sao chảy sáng giữa đêm mờ*), sao của rìng cờ của quân chúng đi mít tinh bay phản phật (*Ngàn sao phoi phoi dang bay*), và sao trong lòng người đi dự (*Lòng ta ngợp ánh vàng...*). Chính sự hoà lẫn sao trời, sao sông, sao cờ, sao trong lòng người đã làm cho từ thơ độc đáo, cánh thơ kỳ ảo. Nhưng nhìn chung sức mạnh của thơ Nguyễn Đình Thi vẫn là ở tư tưởng và tình cảm. Cố nhiên, anh chưa có sức mạnh đi sâu vào lòng người như Tố Hữu ; nhưng anh vẫn có một phong cách độc đáo riêng biệt. Thơ anh như hoa lý, hoa ngâu ít sắc màu, dịu dịu thơm lâu.

Là một nhà văn có những đặc điểm rất rõ của người trí thức, nên khi thể hiện tình cảm của công nồng, của những người "đã cuốc bật cánh tay", "đã đổ mồ hôi ngày đêm" (*Lá cờ*), anh gặp những khó khăn không nhỏ. Và lại thơ có trăm ngàn sợi dây tình cảm, cảm xúc nối quá khứ, hiện tại với tương lai mới gợi ra thi tú. Cuộc sống những người thợ mỏ trước kia anh ít biết, cuộc sống những xã viên ngày nay anh cũng không thành thuộc, cuộc sống vui tươi phơi phới của lớp bộ đội trẻ anh cũng mới vừa quen, nên trước sau anh thường làm thơ trong những mạch suy nghĩ đã có từ lâu, và rất thiết thân với anh. Gặp những suy nghĩ ấy thơ anh lai láng có chiều sâu. Người thuỷ thủ Hắc Hải nghĩ đến quê hương đất nước trong *Bài thơ Hắc Hải* là một đoạn xúc động, âm vang, sâu lắng, thâm thía. Đúng là tiếng hát của trái tim anh. Đúng là những lời đã áp ủ lâu ngày. Ngoài những vấn đề ấy, anh làm thơ khó khăn. Một đời lần anh làm nhanh chóng những đề tài thời sự nóng hỏi nhưng không được như ý (*Những người Phú Lợi...*). Trí tuệ tài hoa cũng không thay thế nổi cuộc đời动荡 vui náo động và những hình ảnh, những cảm xúc do nó gợi ra. Đó cũng là điều đáng để nhiều người làm thơ suy nghĩ.

Tạp chí Văn học, số 12 - 1969

NGUYỄN ĐÌNH THI NHÀ THƠ HIỆN ĐẠI

HOÀNG CÁT

Lâu nay hầu như người ta chỉ quen gọi Nguyễn Đình Thi là *nă̄u vă̄n*; có lần chính Nguyễn Đình Thi đã trả lời trước công chúng và trước camera truyền hình Việt Nam, khi có người hỏi ông rằng: "Ông vừa viết tiểu thuyết, viết kịch, vừa làm thơ, vừa sáng tác ca khúc (mà cái nào cũng hay cả) vậy thì nên gọi ông là nhà gì?". Nguyễn Đình Thi đã cười rất hồn hậu và nhã nhặn nói: "Xin cứ gọi tôi là nhà vă̄n". Nhưng với riêng tôi, tôi nghĩ rằng định tính như vậy với tác giả Nguyễn Đình Thi có lẽ chỉ mới đúng về mặt số lượng các trang viết của ông, chứ chưa thật đúng với cái chất riêng, khá đặc biệt mà Nguyễn Đình Thi đã đóng góp cho văn học Việt Nam. Tôi cho rằng, danh hiệu *nă̄u thơ*, đặc biệt là *nă̄u thơ hiện đại* dành cho Nguyễn Đình Thi sẽ thỏa đáng và vinh quang hơn nhiều cho ông. Tôi cũng xin mở một cái ngoặc nhỏ, hiện đại mà tôi nói ở đây không chỉ có nghĩa là đương đại, là hiện thời, hiện nay – mà nghĩa chính yếu tôi muốn nhấn mạnh là *môđéc* (moderne), là cách tân.

Suy ngẫm thật sâu thơ ông, ta dễ dàng thấy rằng, ngay từ những ngày đầu xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, Nguyễn Đình Thi đã ráo riết chủ trương cách tân triệt để hình thức câu thơ, cách tân sâu sắc lối biểu cảm của thơ, đặc biệt là đổi với thể thơ thất ngôn. Cần phải ghi nhận, về mặt này, Nguyễn Đình Thi đã hết sức sáng tạo và đã thành công mỹ mãn. Từng câu thơ Nguyễn Đình Thi thường biến ảo bất kỳ; nó dài ngắn ra sao, ngắt câu như thế nào và xuống dòng ở đâu,... là hoàn toàn do cái hơi mạch bên trong của từ thơ, của hồn thơ chứ nó không cố định, không cứng nhắc gò ép vào bất cứ một thể thơ truyền thống nào. Mặc dù thỉnh thoảng ông vẫn dùng và dùng rất nhuần nhuyễn lối thơ lục bát; thậm chí ông còn viết được thơ lục bát trường thiên khá hay, như một phần trong trường ca *Bài thơ Hắc Hải* mà ta đã quá quen thuộc. Nhưng nhìn bao quát, từ nội dung đến hình thức, thơ

Nguyễn Đình Thi là thơ hiện đại, thơ môđéc. Chỉ có điều cần nhấn mạnh và khẳng định : Hiện đại của kiều thơ Nguyễn Đình Thi là hiện đại đích thực, hiện đại của một tài năng thực thụ lớn, thực thụ khác người và thực thụ chân tài. Nó không phải như một số người hiện nay và lâu nay thực chất trời sinh ra họ không phải để làm thơ, không phải là nhà thơ nhưng họ lại mượn cớ làm thơ môđéc, thơ hiện đại rồi viết ra cả một mớ lùng cà lùng củng, ý tứ rối rắm và tăm tối.

Bao trùm lên thơ Nguyễn Đình Thi là một trường liên tưởng rất sâu và rất rộng, dù là bài thơ có vần điệu gần với thơ truyền thống hoặc là bài thơ được cấu trúc theo lối hoàn toàn tự do, hoàn toàn hiện đại. Hồn thơ ấy và lối thơ ấy của Nguyễn Đình Thi khó có ai bắt chước được. Để thường thức được cái thâm thuý của hạng thơ ấy, đòi hỏi người đọc phải có một tấm lòng nhất định với cuộc đời, phải là những người đã từng nếm trải, lại phải có bể sâu của trí tuệ và của tâm hồn ; chứ nó không phụ thuộc vào học vị, vào phẩm hàm và chức tước. Bởi vậy thử còn kháng chiến chống thực dân Pháp có vị nọ đã chê bài và phê phán thơ Nguyễn Đình Thi buồn, nhưng Nguyễn Đình Thi đã không hề nao núng. Đó là phẩm giá, phẩm chất và bản lĩnh cương cường của một thi nhân tài năng đích thực. Quả thực phảng phất trong hầu khắp thơ Nguyễn Đình Thi có một cái gì đó thật là buồn và cũng thật là lãng mạn. Nhưng điều thanh tao và cao quý nhất trong cái tố chất dượm buồn và lãng mạn ấy của thơ Nguyễn Đình Thi, là chúng không hề tầm thường, không hề mảy may bị quan và bi lụy. Trái lại, cái buồn đau đó trong thơ Nguyễn Đình Thi là một thứ buồn rất nhân văn, và cũng vô cùng nhân bản ; bởi thế nó luôn luôn nâng cánh cho tâm hồn mỗi chúng ta cao rộng hơn lên trong cuộc đời, đặc biệt là trong những cuộc trường chinh đầy gian khổ và hy sinh trước đây. Theo tôi, về mặt này và về một vài khía cạnh nào đó mà xét thì bài thơ *Không nói* được Nguyễn Đình Thi viết năm 1948 là rất điển hình cho lối thơ buồn và lãng mạn ấy của ông :

*Dừng chân trong mưu bay
Ướt đầm mái tóc
Em em nhìn đi đâu
Mỗi em đối mắt
Còn ôm dây
Nhìn em nữa
Phút giây*

*Chiều mờ gió hút
Em
Bóng nhỏ
Đường lúy*

Mọi sáng tác của Nguyễn Đình Thi bất kỳ là trong lĩnh vực nào, nhưng đặc biệt là với thơ, bao giờ ông cũng gắn chặt với mọi nỗi vui buồn của nhân dân và đất nước. Hồn thơ và lời thơ Nguyễn Đình Thi thấm đẫm chất trữ tình và lãng mạn đến tối đa, hiếm có ở những nhà thơ cùng thời :

*Em từ ánh sao kia bước xuống
Tới tim anh qua đêm lạnh xa xôi
Vào lán chật em cười không nói
Anh mừng trái bạt cho em ngồi*

(*Bài thơ viết cạnh đồn Tây, 1951*)

"Viết cạnh đồn Tây" mà lãng mạn, mơ mộng và cảm xúc đẹp đến thế, thì đó chỉ có thể là tâm thế của một dân tộc đã trăm phần trăm nắm chắc phần chiến thắng cuối cùng trong tầm tay !

Gắn kết cuộc đời và tâm hồn mình với nhân dân, Nguyễn Đình Thi càng là người gắn bó máu thịt với Hà Nội. *Tuyển tập thơ Nguyễn Đình Thi* do Nhà xuất bản Văn học in năm 1994 chỉ có tất cả 96 bài thì đã có tới 9 bài viết về Hà Nội, mà bài nào cũng cháy bỏng nỗi tha thiết, diết da và say đắm khôn cùng :

*Nhớ năm xưa trong đêm sóng vỗ
Người đi Hà Nội cháy sau lưng
Nước mắt long lanh nhòa giọt lưu
Em bồng giơ tay vẫy phố phường*

(*Tiếng sóng*)

Nhin chung, chưa bao giờ Nguyễn Đình Thi viết thơ ô ạt, xô bồ, sòn sòn như không ít nhà thơ khác cùng và khác thời với ông. Bao giờ thơ Nguyễn Đình Thi cũng được gạn chất tinh tế, được viết một cách chắc chắn, nhọc nhằn, kỹ lưỡng và dày trách nhiệm.

Làm thơ là làm một công việc khó khăn vô cùng. Đó là con đường mà người ta có thể có đi mà không có đến. Nhưng nhà văn hoá lớn Nguyễn Đình Thi đã đi và đã đến – với tư cách là một *nha tho hiện đại* có diện mạo và sắc thái riêng biệt trên thi đàn Việt Nam.

Báo Giáo dục và Thời đại, số 21
ngày 13 - 3 - 1998

TỪ KHÔNG NÓI ĐẾN LÁ ĐỎ - MỘT NÉT NGUYỄN ĐÌNH THI

TRIỀU DƯƠNG

Nguyễn Đình Thi là người đa tài ít gặp trong văn nghệ. Ông làm thơ, viết văn, viết kịch, viết nhạc, viết phê bình, tiểu luận văn học... và ở lĩnh vực nào ông cũng có những tác phẩm sáng giá... Ngay từ những bài thơ đầu tay, Nguyễn Đình Thi đã có giọng điệu riêng, tạng chất riêng và cùi thế rí rả cho đến tận bây giờ, góp vào thi ca Việt Nam một thi pháp la, một vẻ đẹp sang trọng. Ông làm thơ không nhiều, ngoài mấy bài tâm vóc, hoành tráng mang cảm hứng về đất nước, nhân dân ; còn thường thì ông viết những bài ngắn, như lời nói, như hơi thở của một thoáng cảm xúc. Đó là những bài thơ rất... Nguyễn Đình Thi : thoáng chút cô đơn, thoáng chút ngậm ngùi, kiêu hanh, dịu dàng và nén chịu... khác với ông trước đám đông, trên diễn đàn. Dù vậy, ngay cả ở những bài thơ chỉ vài chục chữ, thì sau những con chữ thưa thoảng và mềm dịu kia, vẫn lấp lánh khí vị thời đại. Hãy xem hai bài thơ nhỏ của ông *Không nói* và *Lá đỏ*. *Không nói* trong bản in đầu trên tạp chí *Văn nghệ* số 6 tháng 11 năm 1948 chỉ có 39 chữ và *Lá đỏ* viết vào mùa khô năm 1974 cũng chỉ 48 chữ. *Không nói* ra đời trong năm đầu của cuộc chiến chống thực dân Pháp còn *Lá đỏ* xuất hiện vào năm cuối của cuộc chiến chống đế quốc Mỹ. Cả hai bài đều được viết rất nhanh trên đường công tác, đó là những cuộc chia tay với những người em gái. Hai cuộc gặp gỡ và chia tay đều và cuối cuộc chiến tranh ở hai thời điểm khác nhau, hai hoàn cảnh khác nhau, hai tâm trạng khác nhau, hai miền đất khác nhau, nhưng cái chỗ giống nhau là mỗi bài thơ đều thấm đậm hiện thực và đầy cảm xúc...

Nguyễn Đình Thi nhớ lại. Thu đông năm 1947, Pháp đưa tàu chiến ngược sông Lô theo hướng Tuyên Quang, đưa bộ binh từ Phù Lô ngược Thái Nguyên lên Quảng Napse, Chợ Chu, cho lính dù nhảy xuống

Bắc Kạn thành ba mũi xiết chặt, định hốt gọn đâu nǎo cuộc kháng chiến để kết thúc chiến tranh, nhưng chúng đã hoàn toàn thất bại. Giữa thị xã Bắc Kạn, đồng chí Trưởng Chinh ẩn dưới hầm và nghe rõ từng bước chân của bọn lính dù lùng sục, tiếng chúng gọi nhau, tiếng súng nổ,... suốt cả một ngày.

Cụ Nguyễn Văn Tố đã bị chúng sát hại hôm đó giữa thị xã,... Sau đó là những cuộc di chuyển cơ quan phân tán về những vùng xa hơn, sâu hơn để bảo đảm an toàn. Và những cuộc chia tay trong mỗi gia đình, trong mỗi cơ quan cũng nhiều hơn. Gửi vợ con ở nhà Nguyễn Hồng tại Nhã Nam, Nguyễn Đình Thi sang Gia Điền, Phú Thọ, chuẩn bị cho việc ra số đầu tiên tạp chí *Văn nghệ*. Đôi dép mang theo từ Hà Nội đã hỏng từ lúc nào. Chân đất, túi vải,... cứ thế ông đi lại giữa Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên,... và một thoáng gấp gõ, chia tay trên chặng đường mùa xuân lấy lội đã thành *Không nói*.

- Hình như *Không nói* là bài thơ đầu tay của anh ?
- Thật ra trước đó tôi đã in một bài thơ trên tờ *Tiên phong* nhưng tôi vẫn coi chùm thơ *Đường núi*, *Không nói*, *Sáng mát trong như sáng năm xưa* in trên tạp chí *Văn nghệ* hồi Việt Bắc là những bài đầu tay.
- Và chùm thơ ấy đã gây ra cuộc tranh luận sôi nổi ? – Nguyễn Đình Thi cười đôn hậu :
 - Vâng, sôi nổi lắm, khen chê thằng thắn, hết lời. Anh Lưu Trọng Lư từ Khu Bốn gửi thư đề nghị đuổi thơ Nguyễn Đình Thi ra khỏi cuộc kháng chiến. Nhưng sau đó bọn tôi vẫn vui vẻ, thân tình. Cuộc tranh luận này có tường thuật trên *Văn nghệ*.

Tôi đã đọc số *Văn nghệ* đó, số 9 - 1949. Hầu như những tên tuổi trong giới văn nghệ ở Việt Bắc lúc đó đều có mặt : Tố Hữu, Xuân Diệu, Thế Lữ, Thanh Tịnh, Văn Cao, Nguyễn Hồng, Đỗ Đức Dục,... Chẳng ai tán thành thơ Nguyễn Đình Thi. "Tôi không thích hình thức và nội dung toàn bộ thơ Nguyễn Đình Thi", nó "đầu Ngô mìn Sờ", nó "không hay vì chưa nói lên được nỗi niềm quần chúng", "Một cái nguy là anh Thi đã gieo rắc lối thơ anh trong làng thơ", nó "nguy hiểm và nguy cơ", "nếu ai cũng làm lối thơ đó thì loạn thơ"... Tôi nhớ một câu trong ý kiến của mỗi người, để bạn đọc thấy cái giọng chung của cuộc

tranh luận là như vậy. Chỉ có Văn Cao và Nguyễn Hồng là bênh vực. Nguyễn Hồng hùng hồn : "Thơ anh Thi rất thành công, ngay bây giờ đã thành công rồi. Thi tiêu biểu cho tâm hồn rộng rãi, rái rác. Tôi tin sẽ có những bài thơ kỳ diệu của dân tộc ở trong loại thơ đó".

Còn Nguyễn Đình Thi thì nhũn nhặn phân trần "Thơ là cái thiết tha nhất của tôi, và cả cái tìm tòi rất khổ của tôi. Thơ phải nói ra cảm xúc. Cảm xúc là tai nghe mắt thấy, mũi ngửi, tay sờ, cảm thế nào nói thế ấy. Thơ không phải kể lể tình cảm. Thơ bây giờ là hình ảnh cảm xúc. Khi đã có đủ cảm xúc thì nói ra thành văn hay không vẫn chẳng còn là điều quan trọng. Thơ tôi nói ra như nói thường vậy".

Đó là quan niệm của nhà thơ trẻ Nguyễn Đình Thi 24 tuổi được Xuân Diệu tường thuật. Hồi đó ông mới in khoảng 5 bài thơ ngắn. Khi đọc bài *Lá đỏ*, tôi vẫn thấy ông giữ quan niệm đó, dù bài thơ xuất xứ trong một hoàn cảnh khác. Hồi đó ông cùng Tế Hanh, Phạm Tiến Duật và nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định theo đường mòn Hồ Chí Minh vào chiến trường Nam Bộ. Đạo ấy là mùa khô, bụi mù trời, xe pháo rầm rập. Những chiếc xe tăng được chôn giấu trong rừng già đợi giờ xuất kích. Dự cảm về một chiến dịch lớn làm người chiến sĩ Nguyễn Đình Thi hâm hở và xúc động. Một lần khi xe ông vừa nhô ra khỏi một cánh rừng thì máy bay địch lao đến bỗng. Chỉ trong nháy mắt, anh em đã lao xuống vùi mình trong rãnh đặt ống dẫn dầu. Chiếc xe bị bom thổi bay tắt cả những thứ mang theo. Và rồi cả đoàn văn nghệ sĩ đã được cắp một chiếc bàn chải đánh răng thay nhau giữ vệ sinh răng miệng ! Gian khổ nhưng hết sức hùng vĩ, nhất là khi qua rừng cây đang ào ào trút lá. Mùa thu. Lá đỏ tươi tràn mặt đất... Đoàn quân ra trận. Những cô gái trẻ từ hậu phương mà ông gặp trên đường, hồn hở, hồn nhiên. Hình ảnh người con gái, vai áo bạc, quàng súng trường trên tay cao lồng gió như khí phách của cả một dân tộc được tạc trong bài thơ rất kiệm chữ *Lá đỏ*. Phải tràn đầy cảm xúc chiến thắng mới viết được một mạch thơ như vậy. Và tôi chợt nhớ đến *Không nói* với sự chia tay buồn bã, có sự đe doạ của cái chết, và pháp phòng một lần gặp lại.

*Dừng chân trong mưa bay
Ướt đầm mái tóc...*

(Không nói - 1948, Nhã Nam)

*Gặp em trên cao lồng gió
Rừng lụa, ào ào lá đỏ...*

(Lá đỏ - 1974)

*Chiều mờ gió hút
Nào, đồng chí bắt tay
Em
bóng nhỏ
đường dây*

(Không nói - 1948, Nhã Nam)

*Chào em em gái tiên phương
Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.*

(Lá đỏ - 1974 - Nam Trường Sơn)

Tôi đọc hai bài thơ. Hai cuộc gặp gỡ và chia tay sau một phần tư thế kỷ. Nguyễn Đình Thi ngồi, đầu hơi cúi, vẻ trầm ngâm :

- Thời gian nhanh quá. Nếu không có đời sống, không có sự thực trải thì làm sao tôi có được hai bài thơ ấy. Thiếu cái đời sống ấy, cái cảm xúc ấy thì cũng khó có thơ.

Ông nhìn tôi cười buồn. Tôi chẳng biết ông đang nghĩ gì.

Hà Nội, 3 - 1999

CẢM NGHĨ VỀ BÀI LÁ ĐỎ

PHẠM HỒ

LÁ ĐỎ

*Gặp em trên cao lộng gió
Rừng lạ, ào ào lá đỏ
Em đứng bên đường, như quê hương
Vai áo bạc, quàng súng trường
Đoàn quân vẫn đi vội vã
Bụi Trường Sơn nhoè trời lửa
Chào em, em gái tiên phương
Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.*

Nguyễn Đình Thi

Lần đầu tiên đọc bài thơ *Lá đỏ*, tôi có ngay cảm giác : bài thơ này có nhiều điểm mới, nhiều tiềm ẩn mà phải đọc kỹ mới thấy hết được.

Đến khi đọc kỹ, rồi lại nghe người ta hát nhiều lần tôi có thêm cái cảm giác là lạ này nữa : hình như đằng sau bài thơ thấp thoáng có một bài thơ nữa.

Tuy chỉ có 8 câu 6 chữ thêm một chữ ở câu ba là 49 chữ, bài thơ đã ghi lại được một cuộc gặp gỡ lớn, có tính lịch sử, cuộc gặp gỡ giữa những người con trai, con gái cùng xa quê, xa gia đình di chiến đấu chống Mỹ. Cuộc gặp gỡ giản dị mà thiêng liêng nếu ta nghĩ đến hoàn cảnh lịch sử của đất nước ta lúc đó, sự tàn ác vô hạn độ của kẻ thù, sự hy sinh không bờ bến của nhân dân ta ...

Gặp em trên cao lộng gió

Em ở đây có thể là một người cụ thể, mà cũng có thể là nhiều người, là đám đông (như những chữ *em, anh, chị...* trong các câu ca dao xưa).

Em đi... bỏ chiêu ai nǎm, hoặc trong câu thơ dài này : *Chị ấy nǎm nay
còn gánh thóc ?... Em là con gái Bắc Giang*).

Trên cao trong câu thơ không chỉ nói về vị thế địa lý (đốc cao, đèo cao) mà còn hàm ý về vị thế trong tư tưởng, trong tình cảm. Cao ở đây còn là *cao quý, cao cả*.

Rừng lụa, ào ào lá đỏ

Màu vàng thường gợi buồn. Màu đỏ thường gợi vui. Cây rừng trút lá đỏ như mừng rỡ chào đón đoàn quân.

Ở đây cần chú ý đến chữ *lụa*, (*rừng lụa*) lụa vì mới gặp (tác giả lần đầu thấy rừng trong mùa thu nam Tây Nguyên chăng ?). *Lụa* là một cảm giác rất đúng, rất chân thật. Nhưng chữ *lụa*, cảm giác *lụa* bỗng như biến mất khi ta đọc tiếp xuống câu dưới.

Em đứng bên đường,

như quê hương

Hai chữ *quê hương* đã có tác dụng kỳ diệu ấy vì *quê hương* là thân thiết, ruột rà. Làm sao lại *lạ* được nữa.

(Nhạc sĩ Hoàng Hiệp, người đã phổ nhạc bài thơ với nhiều sáng tạo thành công, dường như bị sức cuốn hút chung của cả bài thơ hoặc do yêu cầu riêng của âm nhạc, nên đã không chú ý đến chữ *lụa* và mối liên quan giữa hai chữ *lụa* với *quê hương* này chăng ?...)

Như ở trên tôi đã nói, câu thơ ba gồm 7 chữ. Có lẽ vì cứ bớt 1 chữ nào đó, câu thơ sẽ thành vô nghĩa. Trường hợp bị động chăng ? Nhưng đôi lúc cái bị động kiểu này lại có cái hay của nó. Câu thơ 6 chữ vốn khoẻ, chuyển sang 7 chữ bỗng mềm mại hơn, tình cảm hơn... *quê hương* hơn.

Tà kỹ về *em*, về *quê hương*, tác giả chỉ dùng hai chi tiết : *vai áo bạc* và *quàng súng trường*. Hai chi tiết đủ để làm ta hồi hối xúc động. Hoá ra *quê hương* của chúng ta, những năm tháng chống Mỹ cứu nước đâu cũng vất vả, kiên cường.

Vai áo bạc, quàng súng trường

Vai áo bạc đâu phải chỉ để tả cái áo, mà muốn nói đến chiêu dài của thời gian, số nhiều của năm tháng và *quàng súng trường* đâu chỉ để nói đến khẩu súng mà còn nói đến nhiệm vụ bảo vệ con đường của các

cô gái ở Trường Sơn... Năm tháng đã nhiều rồi mà nhiệm vụ vẫn còn phải gánh vác.

Ý nghĩa đằng sau của câu thơ có lẽ là như vậy.

Đoàn quân vẫn đi với vũ

Tác giả tả một phía mà thấy được cả hai.

Hoá ra đây chỉ là một cuộc gặp gỡ của một bên là đang di tiếp tục đi, không dừng lại, và một bên là những người ở tại chỗ.

Lẽ ra gặp nhau, phải được tay bắt mặt mừng và ít nhất cũng được trao đổi, với nhau dăm câu về quê hương, làng mạc. Nhưng hoàn cảnh không cho phép. Họ không phải chỉ đi luôn mà còn đi nhanh, đi với vũ. Chiến trường đang gọi đang chờ.

Bụi Trường Sơn nhoè trời lửa

Không khí bao trùm lên cuộc gặp gỡ, không dừng lại này vừa rộn ràng, khẩn trương, vừa đồn nén những xúc động lặng lẽ mà mãnh liệt.

Chào em, em gái tiên phượng

Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn

Hai câu trên đặc biệt vừa như hai lời chào, hứa bình thường, vừa là hai câu thơ gợi lên được rất nhiều điều, đặc biệt trong mấy chữ : *em gái tiên phượng* (ở đó có cả không gian, thời gian, cuộc sống) và mấy chữ *giữa Sài Gòn* (ở đó nghe được cả lòng mong ước chung của hai bên người đi, kẻ ở, được cả niềm quý trọng, yêu thương nhau và cả niềm tin chiến thắng, niềm vui vô hạn của Sài Gòn ngày được giải phóng, của cả nước sau bao nhiêu năm chiến đấu giờ mới được sống một nhà).

Có lẽ vì hiện tượng có nhiều ý nghĩa, tình cảm đằng sau hầu hết các câu thơ trong bài *Lá đỏ* mà tôi có khác chăng ? Có thể sẽ có người nói lại, nhưng câu thơ nào bài thơ nào đích thực là thơ lại chẳng có cái *đằng sau* ! Vâng, đúng là như vậy. Nhưng ở đây có một sự tập trung khá cao độ về hiện tượng ấy cái ẩn tượng về tính hàm súc của các ý tứ, tình cảm của cả bài thơ, để lại thật khá đậm nét.

Phải chăng tác giả bài *Lá đỏ* muốn viết một bài thơ Đường kiểu mới của Việt Nam.

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

HÀ MINH ĐỨC

Vào những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp Nguyễn Đình Thi đem đến cho thơ một tiếng nói mới. Khác với những phong cách của các nhà thơ lớp trước đang chuyển mình với cách mạng, Nguyễn Đình Thi là nhà thơ của thời kỳ Cách mạng tháng Tám. Không quyến luyến với một quá khứ túi buồn nào, thơ Nguyễn Đình Thi tuy còn ít nhiều dấu vết chiêm nghiệm sách vở của người trí thức nhưng đã mang sức sống của một thời đại mới. Anh cũng không chịu ràng buộc với hệ thống thi pháp và những quy tắc cách luật cũ. Anh đến với cuộc đời mới với những suy nghĩ hồn nhiên chân thật của tâm hồn. Anh đến với thơ từ triết học và văn xuôi chính luận. Nguyễn Đình Thi muốn miêu tả cuộc sống trong vẻ tự nhiên. Chất thơ không cần tô điểm thi vị nhiều. Chất thơ là sự sống bình dị mà gợi cảm. Nguyễn Đình Thi không quan tâm khai thác những hình ảnh lạ. Anh muốn người đọc chú ý đến cuộc đời quen thuộc mà mỗi lần lại có thể nhận ra một vẻ đẹp mới. Một dòng sông quê hương "Thuyền ngược chèm trên sóng – gió thổi phồng buồm nâu", một bầu trời trong xanh "Trời thu thay áo mới – Trong biếc nói cười thiết tha", một con đường núi "Lối mòn không dấu chân... Dài áo chàm bay múa". Anh nói đến những vất và đau thương mà mọi người đang trải qua trong những năm kháng chiến. Những vùng đất giặc chiếm đóng : "Ôi những cánh đồng quê chảy máu – Dây thép gai đâm nát trời chiêu". Những gian lao của người phụ nữ trong chiến tranh "Suốt đêm trường súng nổ – Em gánh con đi đâu ?"... Nguyễn Đình Thi có ý thức chọn lọc những hình ảnh tiêu biểu để qua đấy thấy được diện mạo của đời sống. Trong khuynh hướng chung của thơ kháng chiến đang trở về gắn bó với hiện thực lớn của cuộc chiến đấu, Nguyễn Đình Thi đi sâu vào đời sống chiến trường. Anh không

tham chất liệu, không kể lể trong thơ, anh cũng ít khuôn sự miêu tả thường vào một đối tượng riêng lẻ. Hình ảnh được chọn lọc và bố trí thoảng trên mạch cảm nghĩ làm điểm tựa cho những liên tưởng. Những hình ảnh được liên kết lại tạo nên một không khí riêng của bài thơ. Cái thật của đời sống làm cơ sở cho bài thơ và cảm hứng được mở rộng theo nhiều chiều hướng nghệ thuật. Nguyễn Đình Thi vẽ được nhiều khung cảnh sinh hoạt kháng chiến vừa có hình ảnh của cuộc đời cụ thể, vừa lắng sâu tâm tình. Cuộc chia ly không nói, chiều hành quân qua đường số Bốn, nỗi nhớ trong cách xa của những người chiến sĩ, không khí chuẩn bị ngày mai ra trận, người tử sĩ trong tấm lòng đồng đội, chiến trường Điện Biên Phủ – bài ca lớn của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Người chiến sĩ trong thơ Nguyễn Đình Thi trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp mang một vẻ đẹp riêng. Còn ít những nét khắc họa cụ thể nhưng họ có một đời sống tâm hồn đẹp và tinh tế. Thơ Nguyễn Đình Thi vừa hướng vào cuộc đời cụ thể lại vừa hướng đến những lý tưởng và mơ ước thi vị. Trong thơ anh có khung cảnh chiến trường quyết liệt :

*Đất trời mờ sắt thép
Chớp giật xé ngày đêm*

Lại có hình ảnh nêu thơ :

*Giữa súng đạn ngôn ngang bờ núi
Đoàn quân nằm ngủ dưới mây trời.*

Có khoảnh khắc sâu lắng trong đêm chiến tranh :

*Cỏ ngập lối vào bản cũ
Đoàn dân công bước động rừng khuya*

Và âm thanh báo hiệu một ngày mới :

*Đàn sơn ca bay lên gọi sáng
Tiếng hót vang vang trên cánh đồng*

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Nguyễn Đình Thi đã vào đời sống chiến đấu trong nhiều năm với tư cách là người lính. Thơ anh có những trải nghiệm của người trong cuộc. Người thanh niên trí thức giàu hoài bão cũng đem vào trong thơ chất lý tưởng và niềm mơ ước. Trong thơ Nguyễn Đình Thi thường sử dụng yếu tố xác định

kết hợp với cái không xác định. Bức tranh chung về cuộc sống không chỉ hiện ra trên một bình diện mà hiện thực được mở ra thêm nhiều lớp mới. Bài thơ *Đất nước* là một sáng tác hay biểu hiện tập trung những phẩm chất trên. Chỗ mạnh của Nguyễn Đình Thi trong thơ ca là khả năng liên kết bên trong những hình ảnh khác nhau về cuộc sống. Ưu điểm trên đã tạo nên chiều sâu của bài thơ với những đường dây liên tưởng trong không gian và thời gian. Đất nước với quá khứ của những người chưa bao giờ khuất "Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất – Những buổi ngày xưa vọng nói về" và với hiện tại trong đau thương chiến đấu nhưng đã "ngồi lên nét mặt quê hương". Đất nước của những khát vọng về tương lai "Trán cháy rực nghĩ trời đất mới – Lòng ta bát ngát ánh bình minh". Nguyễn Đình Thi trong mỗi bài thơ đều có ý thức khai quát hoá nghệ thuật. Trong tạp *Người chiến sĩ*, anh ít vận dụng yếu tố chính luận. Sức khai quát nghệ thuật thường được rút ra từ những hình ảnh và những liên tưởng bên trong. Trong những năm chống Mỹ cứu nước, Nguyễn Đình Thi đã miêu tả nhiều lớp hình ảnh chân thực và màu sắc để nói về cuộc chiến đấu của dân tộc. Bài thơ *Chia tay trong đêm Hà Nội* ghi lại được nhiều hình ảnh bình dị, quen thuộc mà lớn lao của thành phố Hà Nội trong đêm chiến tranh. Thành phố trong cái nhìn của tuổi trẻ sắp lèn đường chiến đấu càng trở nên gần gũi, tha thiết. Trước những thử thách lớn lao, Hà Nội vẫn bình tĩnh và đẹp. *Buổi chiều Vầm Cỏ* được viết ra khi cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước sắp kết thúc. Có thể nói đây là một trong số ít những bài thơ chống Mỹ nói nhiều về những mất mát hy sinh trong chiến tranh, âm hưởng của bài thơ không khỏi có lúc xót xa nặng nề. Nguyễn Đình Thi đã ghi lại những cảnh ngộ thật với sự xúc động chân thành. Đây là một "buổi chiều úa máu... dòng sông vỗ sóng lâm lỳ". Và đau thương ở đây "Như những con đường cây không còn lá... Bụi bay thiêu đốt mắt người". Tuy sự sống vẫn theo quy luật đấu tranh vượt lên, nhưng chiến tranh là mất mát, chia lìa và vận mệnh con người trong cơn xoáy lốc đó chưa được tác giả lý giải thỏa đáng :

*Bao nhiêu năm
Mỗi chúng ta phải không em
Như hạt thóc trong nắm tay cách mạng
Tung lén giữa mùa gió lớn...*

Hiện thực cách mạng phát triển theo quy luật và sức mạnh tất yếu của nó nhưng số phận cá nhân lại dường như chịu đựng biết bao ngẫu nhiên : "Những hạt thóc rơi – Trên đất bùn hay đá sỏi – Trên than bụi đầm máu – Trên nước mắt mồ hôi – Chết đi vẫn nuôi màu cho đất – Sống thì từng giờ âm ỉ – Hạt thóc vẫn nảy mầm". Bên cạnh những bài thơ mà hiện thực cuộc sống chỉ phổi chật chẽ đến sự miêu tả, Nguyễn Đình Thi sử dụng nhiều biểu tượng, và hình ảnh tượng trưng để nói về cuộc đời : Một dòng sông trong xanh hay là sự sống của một dân tộc, một ánh biếc như một lý tưởng vừa xa xa lại vừa hiện hình cụ thể ; rồi mùa thu, mùa xuân, núi và biển không còn chỉ là những đối tượng và hình ảnh cụ thể mà thường là những biểu tượng, biểu trưng của một vấn đề xã hội hoặc những mối quan hệ giữa con người với con người. Sự đồng cảm sâu xa giữa cuộc đời hôm nay với người xưa được biểu hiện sâu sắc qua bài thơ *Với Lý Bạch đêm nay* :

*Ông đãi ư râu tóc loà xoà từ đáy sông ôm mặt trăng đi lên
Tưởng ông còn ôm nó dưới áy mù ngủ mãi
Quên trả cho đất trời cái ánh lụa mát im lặng
À cái mộng muôn đời lại sáng rợn trên cao kia rồi
Cho bọn chúng tôi lại tìm trong đêm chút dịu dàng mờ áo.*

Vầng trăng phải ngụp lặn để tìm kiếm áy là sự làm lắn trong con say của Lý Bạch hay chính là sự thật của con người suốt đời đón đau vì những khát vọng không thể thực hiện được. Trong cuộc đời mới vầng trăng cũng là một nỗi khát khao nhưng không gắn với những mơ ước xa xôi hão huyền. Núi và biển thâu tóm nhiều suy nghĩ của tác giả. Tình yêu thương lớn sẽ vượt lên những ngăn cách trở ngại mà tìm đến và gắn bó với nhau bằng muôn vàn hình thức giao cảm. Thực ra thì khởi điểm của một tú thơ loại này chúng ta đã từng gặp trong *Thề non nước* của Tân Đà. Nhưng Nguyễn Đình Thi đã mở rộng cấu tú và đầy sâu suy nghĩ vào nhiều mạch liên tưởng và tạo cho bài thơ một dáng vẻ hiện đại. Nguyễn Đình Thi đã viết về những vấn đề trên với tình cảm chân thật. Anh không ghi chép cuộc sống một cách khách quan mà xa lạ, anh cũng không thích biểu hiện trừu tượng. Nguyễn Đình Thi chú ý đặc biệt đến những rung động và cảm xúc thơ. Cái đích cuối cùng của thơ là phải gây xúc động với người đọc. Hình ảnh trong thơ suy

cho cùng cũng phải nhằm phục vụ cho sự biểu hiện cảm xúc. Trong thơ Nguyễn Đình Thi, hình ảnh góp phần quan trọng để tạo cảm xúc. Hình ảnh thực hiện chức năng đó thông qua những liên tưởng thuận chiều mà tác giả nhiều lúc đã gợi lên rất có nghệ thuật. Bài thơ *Lá đỏ* xinh xắn trong một cấu trúc nhỏ nhưng lại tạo nên nhiều liên tưởng đẹp và phong phú qua sự hoà hợp của các hình ảnh tương phản.

Hình ảnh người em gái quê hương như bị mờ hút đi giữa đoàn quân đông đảo và bụi Trường Sơn nhoè trời lừa nhưng lại lớn dần lên với bao cảm mến trong lòng người đọc.

Nguyễn Đình Thi đặc biệt chú ý đến tiếng nói bên trong của thơ. Phổ biến trong các bài thơ của anh là lời dặn dò, tâm sự hoặc đối thoại giữa các nhân vật, các đối tượng : cái tôi và nhân vật trữ tình, núi và biển, anh và em... "Thơ là tiếng nói của tâm hồn với chính nó". Nguyễn Đình Thi đã thể hiện quan niệm trên trong sáng tác thi ca. Lời dặn dò, tâm sự, trao đổi giữa *anh* và *em* là tiếng nói quen thuộc trong thơ anh. Cuộc chia tay trong những ngày còn gian nan kháng chiến : "Yên lặng đứng trước nhau – Em, em nhìn đi đâu – Em, sao em không nói". Phút gặp gỡ trên đỉnh cao của rừng núi Trường Sơn "Gặp em trên cao lồng gió...". Và những dòng thơ chia sẻ với vàng trong nỗi đau thương của buổi chiều Vầm Cỏ : "Em ơi ở đây những đau thương... có phải em ánh biếc – Giữa xa mờ...". Những quan hệ trên biểu thị cho tiếng nói yêu thương tha thiết và trong nhiều trường hợp chỉ là cuộc đối thoại với chính mình.

Hình ảnh người em gái thân thiết trong đời, trong thơ gợi lên nhiều yêu thương. Cũng không có một giới hạn nào hạn chế câu chuyện giữa hai người. Tâm lòng với đất nước, những suy nghĩ về cuộc đời, tình yêu thuỷ chung qua năm tháng, những mơ ước với mai sau... Những đối thoại nhẹ nhàng mà kín đáo với chất trữ tình đằm thắm quyện hòa theo dòng suy nghĩ tạo cho thơ Nguyễn Đình Thi một dáng vẻ riêng. Từ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, anh đã viết :

Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vát và đau thương tươi thắm vô ngần.

Câu thơ trên đã nâng tình yêu từ một tình cảm riêng tư lên một tầm vóc mới gắn với những vui buồn của đất nước.

Tình yêu qua bao thử thách vẫn mang theo những đầm thắm, nồng hậu trong buổi đầu "Anh vẫn yêu em như lửa dữ – Như gió mùa xuân quạt dịu hiền". Chính vì biết gắn bó với những hạnh phúc gian lao của cuộc đời chung mà tâm sự của hai người cũng có ý nghĩa xã hội rộng rãi. Điều đáng quý là tác giả luôn chân thực với mình với đời. Cuộc chia tay nào chẳng xót xa, bịn rịn cho người ra đi cho người ở lại. Và hạnh phúc lửa đôi trong những năm đất nước chiến tranh bao giờ cũng ước mong được bù đắp từng tháng, từng ngày. Nhưng rồi tất cả phải được quan niệm trong trách nhiệm với đất nước và hoàn cảnh chung của xã hội. Nguyễn Đình Thi đã nói lên sâu sắc suy nghĩ đó. Những tư tưởng soi rọi trong thơ anh đến với từng cuộc đời trong nhiều cảnh ngộ khác nhau. Nó là ngọn lửa sưởi ấm niềm tin trong những lúc khó khăn, là tia nắng để tìm ra lối đi, là lời động viên mọi người hướng về phía trước. Đó là một buổi chiều của người em gái trên bến nước "Dưới trời chim én đậu dù – Trăm nghìn ước mơ đậu cánh", là ánh sáng vĩnh viễn của con người và tạo vật trong không gian và thời gian "Đêm lửa nhỏ vẫn cháy dưới ngôi sao đầu tiên lấp lánh hiện lên" là mùa gieo hạt không ngừng nghỉ của cách mạng giữa mùa gió lớn :

*Và nắm tay cách mạng vẫn đang gieo đang gieo
không ngừng*

Những hạt thóc vàng rào rào bay.

Tuy nhiên, trong một số bài thơ Nguyễn Đình Thi chưa tạo được sự cân bằng và sức thuyết phục giữa văn đề đặt ra từ cuộc sống và lời giải đáp về tư tưởng.

Qua mỗi hiện tượng bình dị hằng ngày, Nguyễn Đình Thi đều muốn khơi động đến chiều sâu của cuộc sống. Trên dòng trôi chảy của thời gian qua năm tháng, anh chú ý đến hiện tại và cả những cái gì thuộc về vĩnh viễn. Anh tìm hiểu những mặt tương đồng và tương phản của hiện tượng. Đến với thơ từ triết học và chính luận, nên trong tư duy thi ca của tác giả có một mạch triết lý, chất triết lý trong thơ Nguyễn Đình Thi thể hiện trong ý thức chủ động khai thác các mối quan hệ của con người trong cuộc sống. Viết về đề tài chiến đấu, tác giả ít triết lý vì bản thân cái lão lao của con người trong đấu tranh là triết lý lớn, triết lý của hành động. Nguyễn Đình Thi thường khai thác ý nghĩa triết học trong thơ từ những quan hệ bình dị, quen thuộc của

đời sống hằng ngày trong lao động và xây dựng hạnh phúc. Ở đây thơ anh bộc lộ kín đáo chủ nghĩa nhân đạo trong cách suy nghĩ về cuộc đời :

Hồi người sắp đi xa, người có muôn đem theo gì nữa không ?

Tôi chỉ mong được một vài ánh mắt nhìn quyến luyến

Người có muôn gửi lại gì không ?

Chút nắng ấm cho người tôi yêu thương.

Tác giả tìm từ và phát hiện thêm những mối liên hệ có thể ít được quan tâm đầy đủ trong cuộc sống. Người đàn bà trẻ đẹp đang chăm sóc đứa trẻ nhỏ, người chiến sĩ giúp đỡ bà cụ già trên đường đi,... họ là những điểm tựa cho những con người nhỏ tuổi và già nua. Nguyễn Đình Thi muốn nói đến mặt thứ hai của mối quan hệ. Dứa trẻ nhỏ và bà cụ già, những con người tưởng như là không có sức mạnh và luôn cần được che chở lại chính cũng là nơi dựa cho những người đang còn sức lực trên. Cái khó nhất của triết lý trong thơ là triết lý về sự sống hằng ngày. Có thể rồi chẳng phát hiện được gì mới mẻ, có thể rồi tác giả lại quan trọng hoá, lý tường hoá những sự việc vốn bình dị, mộc mạc. Trong thơ, không phải bao giờ Nguyễn Đình Thi cũng tạo được hiệu quả. Có những bài thơ của anh viết còn khó hiểu. Cái ánh biếc của một cánh chim đã góp phần dắt dẫn đường đi cho người chiến sĩ giữa khung cảnh chiến trường là biểu tượng cho một tín niệm và chân lý xã hội nào ? Con chim, ánh biếc là một hình ảnh dẫn đường cho hôm qua :

Đóm biếc lại bay lên phía trước

Cứ như thế bay rồi đợi

Con chim bay đợi chiếc xuồng có người

và cho mai sau "Từ đây đã bao tháng ngày – Con chim cánh biếc phía trước tôi vẫn bay". Câu hỏi của trang sách bên đèn trong đêm về ý nghĩa của thời gian không tìm được lời giải đáp thỏa đáng và có phần mơ hồ xa xôi :

Năm tháng vẫn qua đi – Tất cả qua đi

Sẽ còn lại gì ?

Nụ cười của em

Hoa nhỏ vàng hoe nheo xuồng toả thơm

Tự nhiên là không thể đòi hỏi mọi chuyện trong thơ phải thật cụ thể, song mọi liên tưởng phải có hướng xác định. Thơ Nguyễn Đình Thi không nhiều, nhưng anh có nhiều bài hay. Thơ anh có phong cách độc đáo. Mỗi bài thơ của Nguyễn Đình Thi mang một vẻ riêng trong cấu tạo nội dung cũng như hình thức. Nghệ thuật cấu tạo về ngôn từ của bài thơ đi sát với nội dung ý tưởng. Anh chống lại mọi khuôn sáo ướt lệ. Những bài thơ không vần và cuộc tranh luận về thơ của Nguyễn Đình Thi ở Việt Bắc đã nói lên thực tế đó. Anh chủ động trong việc tổ chức từ thơ, sử dụng linh hoạt và tinh tế hệ thống ngôn từ. Song người đọc cũng dễ nhận thấy là ở những bài thơ gắn liền với hiện thực chiến đấu của dân tộc thì hệ thống hình ảnh và ngôn từ độc đáo và sáng tạo ; mặt khác ở những sáng tác mà hình tượng thơ mang nhiều tính chất tượng trưng và ước lệ thì những hình ảnh và ngôn từ lại nghèo nàn và có xu hướng lặp lại. Trong thơ, Nguyễn Đình Thi ít chịu ảnh hưởng rõ rệt của một phong cách thơ khác. Cũng có thể tìm thấy ít nhiều cách nghĩ và thể hiện của Aragông và Éluya trong thơ. Và riêng ở những bài thơ mang màu sắc triết lý thì có thể Nguyễn Đình Thi chịu ảnh hưởng Tago. Có chút gì đấy như nỗi niềm sâu kín thiêng liêng khi tác giả đi sâu vào một tình cảm, một khát vọng thâm lắng và thiết tha, anh không rơi vào sự bí ẩn của tôn giáo nhưng không tránh khỏi có lúc xa rời những liên tưởng quen thuộc trong thơ. Nguyễn Đình Thi viết nhiều thể loại và theo một cách riêng thơ bộc lộ nhiều nhất những cảm nghĩ của tác giả trước cuộc đời. Trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp và thời kỳ đầu lập lại hòa bình, Nguyễn Đình Thi nổi lên thật mới mẻ và sáng tạo với hai tập thơ *Người chiến sĩ* và *Bài thơ Hắc Hải*. Giai đoạn tiếp theo, dường như tác giả bị hút vào tiêu thuyết và kịch những thể loại mà anh có những đóng góp quan trọng. Tập thơ *Dòng sông trong xanh* ít gây được ấn tượng. Và trong khoảng mười năm trở lại đây, Nguyễn Đình Thi lại có nhiều sáng tác hay mở ra một giai đoạn mới trong thơ. Nguyễn Đình Thi là một trong số ít những nhà thơ tiêu biểu nhất của thời kỳ Cách mạng tháng Tám. Điều đáng quý ở Nguyễn Đình Thi là anh luôn tìm tòi, thể nghiệm, anh không ý lại vào cái lớn lao và mới mẻ của đời sống mà xem nhẹ tiếng nói ở bên trong. Điểm tựa chính trong thơ anh là tiếng nói sâu sắc tinh tế của tâm hồn, tiếng nói ấy được chắp cánh trong niềm vui và lê sõng lớn lao của thời đại mới.

NGUYỄN ĐÌNH THI TỪ QUAN NIỆM ĐẾN THƠ

MAI HƯƠNG

Nói tới Nguyễn Đình Thi là nói tới một nghệ sĩ đa tài rất hiếm hoi trong đội ngũ văn nghệ sĩ khá đông của Việt Nam : ông soạn nhạc, viết văn ; ông làm thơ, sáng tác kịch ; ông viết tiểu luận phê bình... Có người lo ngại, thậm chí có người còn quả quyết cho rằng sự đa tài ấy sẽ lại là cái "hỏa" của Nguyễn Đình Thi, rằng "chính ông lại tự che khuất ông". Nhưng thực tế đời văn bén bỉ của Nguyễn Đình Thi hơn nửa thế kỷ qua đã là sự minh chứng giàu sức thuyết phục để có thể giải tỏa những lo ngại chính đáng và giải đáp những nhận định, theo tôi, không mấy thoả đáng về ông. Ở mỗi lĩnh vực, mỗi thể loại, Nguyễn Đình Thi đều có những thành tựu riêng, để lại những dấu ấn tài hoa riêng trong những tìm tòi, sáng tạo, khám phá, góp phần quan trọng vào sự vận động, phát triển của từng thể loại và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.

Mỗi khi nói tới Nguyễn Đình Thi, người ta cũng thường nhớ ngay tới những nỗ lực mang ý nghĩa tiên khởi của ông trong nghệ thuật, đặc biệt trong thơ. Thơ là "một cái thiết tha nhất" của ông, nơi ông gửi gắm, ấp úi những nỗi niềm riêng thầm kín, nơi ông có "những tìm tòi rất khó" (nhưng cũng có "cái vui của nó", xét từ góc độ sáng tạo của người nghệ sĩ đích thực), và cũng là nơi ông đã có được những thành công vượt trội. Người ta nhắc nhớ tới điều này không phải chỉ do âm hưởng của những cuộc tranh luận văn nghệ (có phần quá nồng nhiệt) năm 1949, ở Việt Bắc : ở đó, thơ Nguyễn Đình Thi được đem ra mổ xẻ, phân tích và nâng lên thành vấn đề xa lìa quần chúng, kiêu sa nghệ thuật, là "trúc trắc", "khó đọc", "khó ngâm" thậm chí có người còn đòi "duổi" thơ Nguyễn Đình Thi ra khỏi thơ kháng chiến. Cũng không phải chỉ vì những ý kiến và một số bài thơ của Nguyễn Đình Thi ngày ấy

vẫn đang được (trực tiếp hoặc gián tiếp) nhắc đến trong một số cuộc tranh luận, thảo luận về thơ hôm nay, đặc biệt khi nhìn nhận lại *Số phận của những tìm tòi hình thức trong thơ Việt Nam sau 1945*, mà chính là ở những đóng góp thực sự có ý nghĩa của thơ Nguyễn Đình Thi, ở những da diết tiên khởi riêng của ông trong hành trình làm giàu có thêm, làm hiện đại hoá thơ ca dân tộc ngay từ trong lòng nền văn hoá kháng chiến.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, bắt vào kháng chiến chống thực dân Pháp, một nhịp sống mới đã dào lên, đậm lên nhiều khi "dữ dội đến bàng hoàng" và cũng mở rộng, ào ạt "như nước vỡ bờ" trong đời sống cách mạng của dân tộc. Nhịp sống mới ấy tất yếu đòi hỏi ở thơ những tìm tòi hình thức biểu hiện mới, hữu hiệu nhất, phù hợp nhất nhằm "diễn tả được đúng tâm hồn con người mới", "những tình cảm tư tưởng mới của thời đại". Thơ phải có sự bung phá. Nói như Nguyễn Đình Thi "nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức mới của nó".

Từ xuất phát điểm ấy, trở lại với thực tế thơ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, đặt trong nhu cầu thiết yếu của người nghệ sĩ sáng tạo, chúng ta càng hiểu và trân trọng khát vọng đổi mới thơ của Nguyễn Đình Thi – khát vọng làm mới thơ khi thơ mới, sau những thành tựu rất đáng khẳng định của nó (phá vỡ được những ràng buộc quá chặt chẽ, khắt khe về hình thức của thơ cũ, mở rộng sức sáng tạo của chủ thể thơ,...), đã có phần già cũ, sáo mòn trong những vần điệu, gò gượng trong những câu thơ "cùng một nhịp đều đều" mà theo Nguyễn Đình Thi – ông "không thể chịu được".

Đã chẵn nửa thế kỷ, kể từ cuộc tranh luận văn nghệ Việt Bắc (1949). Thời gian và thực tế phát triển của thơ Việt đã giải tỏa, đã chứng minh tất cả những gì mà Nguyễn Đình Thi đã sớm phát hiện và kiên trì theo đuổi trong suốt hành trình cô đơn, heo hút đi tìm thơ trong sự kỳ thị của không ít bạn bè đồng nghiệp ngày ấy, bằng cảm quan tinh nhạy, bằng bản lĩnh của một người nghệ sĩ nắm vững chân lý nghệ thuật : "Một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới". Đó quả là một quan niệm cách mạng về nghệ thuật. Nó là kết quả tự nhiên của sự hội tụ giữa những nghĩ suy tâm huyết,

thiết thực và nghiêm túc của người công dân Nguyễn Đình Thi về những vấn đề cốt lõi trong đời sống cách mạng dân tộc và của người nghệ sĩ Nguyễn Đình Thi cũng luôn tâm huyết với việc hiện đại hóa nền văn nghệ cách mạng. Chính ở đó Nguyễn Đình Thi đã tìm thấy một thứ "ánh sáng" (chữ dùng của Nguyễn Đình Thi) riêng, hướng định, soi rọi thơ ông – điều ông đã trình bày một phần trong buổi tiếp thu phê bình thơ ông ở Việt Bắc, đặc biệt trong bài viết đầy tâm huyết : *Một số suy nghĩ về thơ*. Nay giờ nhìn lại, quả là cái "ánh sáng" ấy đã xuyên chiếu suốt cả đời thơ Nguyễn Đình Thi, để tạo ra một giọng điệu, một phong cách thơ độc đáo. Cũng có thể trên từng chặng nhỏ của đường thơ, trong những hoàn cảnh thực tế nhất định, lúc này, lúc khác, yếu tố này, yếu tố kia có thể mảnh hơn, mờ hơn. Nhưng trên toàn thể và với cách nhìn biện chứng, không thể coi đó là sự "thoả hiệp", hoặc nặng nề hơn, sự mâu thuẫn giữa lý luận và sáng tác ở thơ Nguyễn Đình Thi. Đi sâu tìm hiểu thơ ông, chắc chắn sẽ giúp chúng ta giải tỏa và giải đáp thỏa đáng những vấn đề còn có phần vướng víu này.

*
* * *

Sau những tập thơ lè *Người chiến sĩ*, *Bài thơ Hắc Hải*, *Dòng sông trong xanh*, *Tia nắng*,... năm 1994, Nguyễn Đình Thi cho xuất bản tuyển tập *Thơ dày dặn*, và năm 1997 thơ lại chiếm một số trang đáng kể trong bộ ba tuyển tập trên 2000 trang, bao gồm cả thơ, văn xuôi, kịch, tiểu luận phê bình của ông. Ở tuyển tập lần này, có thêm những bài thơ tìm lại và mới làm. Giữa những bài thơ đầu và cuối của Nguyễn Đình Thi là trên nửa thế kỷ của thời gian, là bao biến đổi, thăng trầm của đời sống xã hội, của chính cuộc đời nhà thơ và của thơ Việt. Tất nhiên, thơ Nguyễn Đình Thi cũng có những sự phát triển, đổi mới, đặc biệt sự gia tăng những nghị suy, chiêm nghiệm (dường như tất yếu với mỗi người, nhất là người cầm bút) ở chặng cuối của cuộc đời, của sáng tạo nghệ thuật. Nhưng về cơ bản, thơ Nguyễn Đình Thi vẫn trên một cốt lõi, một dòng mạch chung, khởi phát từ những nỗ lực của ông làm mới thơ Việt sau thời thơ mới ngày nào. "Dòng sông vẫn rì rào dang trôi đi"... Nếu ví thơ ông như một dòng sông, thì quả là dòng sông ấy

văn đang mải miết trôi. Một dòng thơ vừa nồng nhiệt vừa diễm đạm, vừa đầm thắm, say mê vừa đậm chất suy tư, vừa mới lạ vừa thân quen, vừa rất hiện đại và lại cũng rất dân tộc.... Một dòng thơ với những âm hưởng riêng, giàu sức cuốn hút, ám ảnh.

Dòng thơ ấy được khởi nguồn từ đâu ? Nguyễn Đình Thi rất coi trọng cảm xúc. Nhưng phải là cảm xúc thực, được khởi từ nguồn sống thực : "Nhà thơ ngày nay không đi tìm cái viễn vông bên ngoài cuộc sống thực của con người". Cái thực cũng chỉ có được khi nhà thơ xúc cảm thực, hồn nhiên, khi nhà thơ "đối diện với chính mình". Ông "không thích thơ nói ra tâm tình. Nó phải nói ra cảm xúc : tai nghe, mắt thấy, mũi ngửi, tay sờ... Cảm thế nào nói thế ấy". Nguyễn Đình Thi có cách nghĩ, cách lý giải rất sinh động về quá trình hình thành cảm xúc trong thơ : "Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ khi nó ra khỏi tình trạng bình thường, khi nó không còn chuỗi theo thói quen như một dây da trong bộ máy, khi nó thức tỉnh, tự soi vào nó để tự nhận thấy đang ở một độ rung chuyển khác thường, do một sự va chạm nào với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác rồi do sự tự soi sáng ấy mà cảm xúc thành hình được hẳn". Cảm xúc được "tốé lên ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật". Nó phải là những cảm xúc mãnh liệt, cảm xúc đến tận độ, đủ để "nung chảy" và "dúc" nên thơ tất cả những chất liệu hiện thực của đời sống dù đó là "cái xe đạp, khẩu badoca, cho đến cái ba lô trên vai chiến sĩ, bóng dày thép gai hung ác của đòn giặc". Cảm xúc trong thơ Nguyễn Đình Thi là những cảm xúc thực, khởi từ cuộc sống thực và dường như bao giờ cũng được đẩy đến cùng, đến độ nung nấu. "Nó làm mình day dứt đến nỗi buộc mình phải cầm bút viết", ông nói vậy. Qua thơ ông, người đọc có thể hình dung rất rõ trạng thái cảm xúc của nhà thơ và cái hiện thực – đối tượng cảm xúc của ông. Nguyễn Đình Thi đặc biệt nồng nàn trong dòng cảm xúc về quê hương, đất nước, một đất nước gian nan "vất vả, đau thương, tươi thắm vô ngần" và rất đỗi tự hào : "Đất nước của những người áo vải - Đã đứng lên thành những anh hùng". "Đất nước từ những năm đau thương chiến đấu" đã "Rũ bùn đứng dậy sáng loà". Ông dành những cảm xúc đầm thắm, thiết tha cho những vùng đất, vùng quê, nơi ông từng sống, gắn bó. "Lòng ta nặng nghĩa quê hương". Ở thơ Nguyễn Đình Thi không có kiểu thơ "phóng sự",

khi đến và qua mỗi vùng đất. Thơ ông là nỗi nhớ những vùng quê, nơi "Đất đã hoá tâm hồn", đã sống trong miền xúc cảm sâu thẳm của lòng ông. Ông nhớ về *Quê hương Việt Bắc*, ông da diết *Nhớ Hải Phòng* với cuộc sống gieo neo, lầm lụi ngày nào, nơi ông đã sống một tuổi thơ lam lũ. Chỉ cảm xúc thực của người viết mới đủ sức lay động người đọc bằng những câu thơ chất phác :

*Ôi những phố đèn sì than bụi
Những cây bàng ngập khói xi măng
Bóng anh thơ chiếu về mệt mỏi
Trời sau lưng đèn điện úa vàng.*

Và đặc biệt, nỗi lòng của ông dành cho Hà Nội. Ông bồi hồi nhớ lại phút lưu luyến già từ Hà Nội lên chiến khu :

*Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi dấu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy.*

Rồi từ chiến khu Việt Bắc xa xôi, ông xót xa nhớ thương về một Hà Nội tạm bị chiếm :

*Phố phường nin thở
Những lề đường mòn cũ
Vùng nhợt ánh đèn
Hà Nội
Một mình xé ruột
Cho đến sáng buôn thức dậy...*

Để lại bùi ngùi xúc động trong *Ngày về* lại Hà Nội, giữa niềm vui chiến thắng :

*Hà Nội chiếu nay mưa tầm tã
Ta lại về đây giữa phố xưa
Nước Hồ Gươm sao xanh dịu quá
Tháp Rùa rơi lệ cười trong mưa.*

Ông buồn đau se thắt trước hương hồn những người tử sĩ, những người đồng đội vô danh đã hy sinh (*Ai biết tên các anh*), trước cái chết thảm thương của *Em bé gái Văn Đinh* trong buổi chiếu chạng vạng

"Phố Cháy chìm dần vào tối" sau trận giặc nhảy dù. Dù là nỗi nhớ, niềm thương đau hay xúc cảm hồn hậu trước một làn *Mưa xuân* : "Hoa hay gió – Mạ non dưới ruộng – Hay mùa xuân làm ta say – Bát ngát mưa bay – Uớt cả áo chàng Vệ quốc".

Nét vẻ tươi tắn, thư thái trong một buổi *Chiều xuân* : "Tôi đi như nhảy múa – Trên cánh đồng lúa thơm – Mái nhà nào vàng rơm – Chiều quê hương đẹp quá – Tôi hát mãi từng hồi – Sông Hồng vỗ sóng cười – Chân trời xa rực đỏ – Ngôi sao chiều trong veo".

Thì cũng đều là cảm xúc thực, bật nảy "ở những nơi giao nhau của tâm hồn nhà thơ với ngoại vật".

Tình yêu, với tất cả nỗi niềm lo âu, hồi hộp, buồn vui,... trước sau vẫn là mạch cảm xúc nồng đượm trong thơ Nguyễn Đình Thi. Thơ ông nói nhiều đến mắt mát chia ly, đến nỗi nhớ. Nhớ đến nung nấu, cồn cào "Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước - Mỗi tối anh nằm, mỗi miếng anh ăn" và ngay giữa :

*Những đêm dài hành quân nung nấu
Bóng bốn chốn nhớ mắt người yêu.*

Thơ ông cũng nói nhiều đến những nỗi buồn đau những nỗi buồn đau có thực của đời ông. Nỗi tái tệ khi trở Về nhà, không có vợ, không có con, chỉ có cảnh tan hoang, quạnh vắng : "Cò đại leo trên thềm – Hàng cau đứng lặng yên – Bếp từ lâu đã lạnh – Vại nước còn đầy nguyên". Là nỗi buồn se sắt phút "Đừng chân trong mưa bay" chia tay *Không nói*, "chiều mờ gió hút", dõi theo :

*Em
Bóng nhỏ
Đường lầy*

Là nỗi xúc cảm lặng lẽ "Sóng vỗ bốn bề sao sáng – Lòng bay theo dài Ngân hà", khi vẫn nuôi giữ được cho mình một tình yêu, để vẫn thấy : "Anh yêu em như lửa dữ – Như gió mùa xuân thổi dịu hiền", sau *Đã bao năm tháng*.

Là nỗi niềm mừng tủi đến ứa tràn nước mắt, như được hồi sinh, khi tìm lại được cho mình một tình yêu, một bến đỗ sau : "Bảng khuông bao tháng năm sóng vỗ", sau những vất vả, gian nan, lận đận, được mất của cuộc đời :

*Anh yêu em mỗi ngày thành dòng suối mát
Và đêm thành cánh đồng sao cho anh lượm đầy tay
Những nỗi vất vả thành niềm an ủi
Giọt nước mắt thành giọt mặt trời*

Đọc thơ Nguyễn Đình Thi, do vậy, là đến với một thế giới cảm xúc, một điệu cảm xúc của riêng ông. Không ít những niềm vui, yêu tin, nhưng quả là ở đó, nỗi buồn, niềm đau thương, vất vả vẫn là âm hưởng chính. Và đó cũng là điều cần được chia sẻ.

Người nghệ sĩ, theo Nguyễn Đình Thi, không thể giả, không thể gán cốt mà phải viết bằng cảm xúc thực, hồn nhiên của chính mình. Và nữa, trong cuộc đời riêng của ông, trong cuộc sống nói chung, niềm vui và nỗi buồn, khổ đau và vui sướng, hạnh phúc và bất hạnh... lại vẫn luôn song hành. Thơ là tiếng nói thầm với chính mình. Ông quan niệm vậy và đã làm thơ như vậy. Những gì riêng nhất ông gửi gắm vào thơ. Đất nước, quê hương,... khi đã vào thơ đều được lắng lọc qua xúc cảm riêng của nhà thơ. Ông nói cái chung qua cái riêng. Và đó, cũng là điều khiến thơ Nguyễn Đình Thi có được sự cá thể hoá, có cách nói mang dấu ấn riêng trong giàn rất đông các thế hệ nhà thơ suốt nửa thế kỷ qua. Không viện đến truyền thống, đến lịch sử, bằng cách dung dị nhất, thơ ông vẫn nói được thâm thúía sức mạnh truyền thống trong tâm nhìn, sức nghĩ của dân tộc :

*Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về*

Có biết bao cách nói về tội ác của kẻ thù, về lòng căm giận, uất ức của người dân trong cảnh đất nước bị giày xéo. Nguyễn Đình Thi nói bằng hình ảnh nhức nhối :

*Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiêu...*

, Nói cái quả cảm của Hà Nội trong chiến tranh, ông nói bằng sự bình thản, yêu tin của đôi người yêu *Chia tay trong đêm Hà Nội* :

*Nhin em anh hãy còn bõ ngõ
Như sợ bắt ngờ em biến đi đâu*

Nói cái ly tán gian nan của một dân tộc từng phải gánh chịu liên tiếp những cuộc chiến tranh, ông nói qua hình ảnh nhỏ mà có sức gợi, sức động :

*Em nhìn những mái nhà cao thấp
Đã bao lần thấy những cuộc chia ly*

Nỗi nỗi đau, nỗi cô đơn, nỗi nhớ của chính mình, ông nói bằng giọng trầm buồn, một lối nói đầy ẩn tượng :

*Anh mang nỗi nhớ em
Đi qua cuộc đời như con thú bị săn đuổi
Tháng ngày các vết thương
Như những giọt im lặng trên đường*

Thơ ông giàu chất suy tư. Điều đáng nói là chất suy tư ấy được tẩm nhuần trong xúc cảm của nhà thơ, bởi thế nó tránh được những tỳ vết của sự tư biện "ngồi nghĩ" và giữ lại được cái đậm sâu của cảm xúc, chiêm nghiệm :

*Dòng sông vẫn rì rào dang trôi đi
Ngọn cỏ mang sự sống qua cõi chết
Trong đêm xa xa mờ tỏ ngôi sao
Bông hoa nở cho hương thơm bay toả
Tình yêu dắt đời người trong sóng gió
Đau thương lặng lẽ gieo hạt giống nhân từ.*

Chính nhờ sự cá thể hoá trong cảm xúc, thơ Nguyễn Đình Thi có được cách nói riêng, ám ảnh người đọc, có sức truyền cảm mạnh và trực tiếp đến người đọc, đúng như ông mong muốn : "Bài thơ là những lời diễn lên làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc".

*
* * *

Làm thơ, theo Nguyễn Đình Thi, là "để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường", đó là cảm xúc. Như vậy, không thể gò gáy, giam hãm cảm xúc trong những câu thơ, vẫn điệu, nhịp điệu cố định, "đều đều". Với những người làm thơ, vẫn điệu được coi là

yếu tố cơ bản. "Nhạc điệu là cái xe chở hồn của bài thơ" (Hoàng Cầm), nhưng với Nguyễn Đình Thi, "Vần là lợi thế rất dắc lực cho sự truyền cảm. Nhưng không phải hết vẫn là hết thơ. Khi làm thơ, thái độ của người làm là ghi lại cho đúng cảm xúc... Nhưng gấp khi gò bó hãy vượt lên nó đã. Hình thức nghệ thuật (luật bảng trắc) phải tự thân nó ra. Khi gạt luật ngoài đi, phải có luật bên trong rất mạnh". Có thể nói Nguyễn Đình Thi đã mạnh dạn đưa ra một lối thơ hướng nội, thơ không câu nệ vào vần điệu bên ngoài mà coi trọng nhịp điệu bên trong, "Nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn. Đó là nhịp điệu hình thành của cảm xúc, hình ảnh liên tiếp hòa hợp, mà những từ và chữ gợi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng lặng im cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động". Cảm xúc nào, nhịp điệu ấy. Câu thơ dài ngắn là tuỳ thuộc vào cảm xúc. Miễn sao đạt tới một kết cấu nghệ thuật tổng thể trong một nhịp điệu nội tại phù hợp với nhịp điệu cảm xúc. Nguyễn Đình Thi dùng nhiều thể thơ khác nhau, phù hợp dạng cảm xúc của mỗi bài, thậm chí đan xen những thể thơ khác nhau ngay trong chính một bài thơ, một khổ thơ. Ông viết những khổ thơ theo mạch thơ, hơi thơ dài, câu tràn câu mà không câu nệ vào vần điệu, vào việc ngừng ngắt cho đúng nhịp, đúng vần. Dạng những câu thơ "tràn bờ" như trong bài *Với Lý Bạch đêm nay*:

Ông đây ư đôi mắt nhăn nheo đã tinh hay vẫn còn say
Ông đây ư râu tóc loà xoà từ đáy sông ôm mặt trắng đi lên
Tưởng ông còn ôm nó dưới ấy mà ngủ mãi
Quên trả cho đất trời cái ánh lụa mát im lặng...

rất phổ biến trong thơ ông. Ngược lại, Nguyễn Đình Thi cũng có nhiều bài thơ với những câu thơ ngắn, thậm chí cắt vụn đến từng chữ mà vẫn không khô, không rời rạc dạng như bài *Không nói*. Thường ông kết hợp linh hoạt những câu thơ ngắn dài trong từng bài, từng khổ thơ, phù hợp với xúc cảm tự nhiên. Nhiều khi để diễn đạt những cảm xúc diễn biến qua nhiều trạng thái, ông viết những câu thơ với hai hoặc nhiều động từ :

... Tháp Rùa rơi lệ cười trong mơ
... Ta đứng khóc dưới trời mưa hắt
... Pháo đang bắn trời ngoại ô gió thổi...

Đây là dạng câu lạ, nhưng phổ biến trong thơ Nguyễn Đình Thi, thường tạo được ấn tượng đậm cho người đọc.

Thơ Nguyễn Đình Thi do vậy tự nhiên, phóng khoáng "Như trôi theo dòng tình cảm tự nhiên", mà không gây cảm giác gò guợng "làm thơ", thậm chí "nận thơ". Ông mở đầu và kết thúc bài thơ cũng rất tự nhiên, thoái mái. Công việc lập tứ, đặt vần vốn rất quan trọng và cũng rất vất vả với nhiều người, vì thế, lại trở nên nhẹ nhàng với Nguyễn Đình Thi. Ông không chú tâm đến nó. Đọc thơ Nguyễn Đình Thi, ít thấy và hầu như không thấy dấu vết của bố cục ý tứ, chỉ thấy cảm xúc liên dòng, liên mạch ào ạt thúc đẩy nhau trong những câu thơ, liên kết các câu thơ, các hình ảnh chất chồng, dày ấp. Và từ thơ được hình thành tự nhiên ngay trong dòng mạch cảm xúc ấy.

Điều cũng rất đáng quan tâm là, Nguyễn Đình Thi chủ trương hình thức thơ tự do không vần nhưng cấu trúc thơ ông chừng mực, câu thơ lại được kết cấu theo trật tự câu thơ cổ điển. Ông "thích lối nói bình thường". Câu thơ ông nhiều khi như câu nói thường, tự nhiên mà đến :

*Hà Nội chiều nay mưa tầm tã,
Ta lại về đây giữa phố xưa
Nước Hồ Gươm sao xanh dịu quá
Tháp Rùa rơi lệ cười trong mưa

... Ta đứng khóc giữa trời mưa hắt
Leng keng chuông xe điện đổ hồi
Lòng ta bỗng như dòng suối mát
Ta đã về đây Hà Nội ơi*

Hầu như không thấy trong thơ Nguyễn Đình Thi dạng câu cầu kỳ cố làm khác, làm lạ thơ đi bằng những xáo trộn trật tự, bằng những cắt xén, thậm chí làm què quặt câu thơ...

*

* * *

Một câu hỏi được đặt ra là : Thay cho vần, thơ Nguyễn Đình Thi "tựa" chủ yếu vào yếu tố nào ? "Thơ không nói bằng ý niệm thuần tuý", "Người làm thơ không thể đem những tiếng có vần diệu chăng lưới vây bắt lấy ý nghĩ hay tình cảm này sinh trong cảm xúc của mình",

mà "phải để cho hình ảnh của cuộc sống tự nói lên tình ý. Khi gieo một câu suy luận đã có cả một bầu cảm xúc sùa soạn xung quanh, đợi câu ấy để cùng bật sáng tất cả". "Trong nghệ thuật, một phong cảnh là một tâm trạng", "những hình ảnh của thơ đã bao hàm một nhận thức, một thái độ tình cảm hoặc suy nghĩ". "Thơ là nơi tư tưởng, tình tư quán quýt với hình ảnh như hồn với xác để tạo ra cái biệt toàn thể, biết bằng tất cả tâm hồn, không phải chỉ biết bằng ý thức". Với những điều vừa dẫn, chúng ta có thể thấy, Nguyễn Đình Thi rất quan tâm đến vị trí của hình ảnh trong thơ. Trở lại với thơ Nguyễn Đình Thi, chúng ta đọc lại *Đêm sao* :

*Muôn ngàn sao hẹn nhau họp đêm nay
Bến Phan Luông nép bên rìềng yên lặng
Ngang đồi một tia vàng bay vút
Một vàng sao ngời muôn vàng sao
Tung lên hoa lửa
Bụi ngọc ngáp trời
Rơi trên đầu trên cổ
Trên ngón tay
Triệu triệu sao
Rừng Việt Bắc*

Có thể thấy, dường như thơ Nguyễn Đình Thi "nói" bằng hình ảnh. Thơ ông đây áp hình ảnh. Các hình ảnh được kết nối trong mạch cảm xúc. Đất nước chảng hạn, được gợi lên trong thơ ông không trong dạng những khái niệm khô cứng mà bằng những hình ảnh giản dị mà gắn bó máu thịt : "Những cánh đồng quê chảy máu", "Những dòng sông đỏ nặng phù sa", "Những vật ruộng vàng... Rung rinh lúa ngả", những "vai áo bạc", "bát canh rau muống", được dệt nên bằng những hình ảnh đơn sơ, bé nhỏ của những bông hoa, những ngôi sao, ngọn lửa, ngọn cỏ, chiếc lá, từng tia nắng, đốm lửa, hạt mưa, hạt bụi,... Ông nói bằng hình ảnh và chia chắt, dựng lại những hình ảnh nhỏ, cụ thể để nói những cái lớn.

Nhưng, hình ảnh trong thơ Nguyễn Đình Thi là những hình ảnh thực "còn tươi nguyên", "mới mè", "đẹp ngọt, lạ lùng". "Đó là những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhoà của thói quen, không bị rập khuôn vào những ý niệm trùu tượng định trước" mà "nảy lên trong

tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trong trạng thái nào đấy". Nói cái chí chít của một đêm sao hè ông dùng hình ảnh :

Đêm tháng bảy muôn chùm sao như những đàn ong

Nói tâm trạng của cái tuổi *Tóc bạc*, trước cái non tơ của mùa xuân đang đến, ông nói bằng hình ảnh :

Cả tổ ong hồn tôi cuồng quýt rộn ràng.

Thơ Nguyễn Đình Thi hầu như không có hình ảnh ào. Ông cũng ít dùng những hình ảnh được tạo qua chiếc cầu nối của ví von, so sánh. Vì ví, theo ông, dễ rơi vào sáo. Ông rất có ý thức học hỏi ở dân gian, truyền thống. Nhưng khi trở về với thơ ca dân gian, ông không theo hướng của ví von, mà tìm đến những cách sử dụng hình ảnh liên tiếp, có vẻ xa nhau, không có liên kết trực tiếp nhưng lại được gắn nối trong mạch cảm xúc "Trên trời có đám mây xanh – Ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng – Ước gì anh lấy được nàng...". Có cảm giác hình ảnh trong thơ Nguyễn Đình Thi được truyền trực tiếp từ cuộc sống tới người đọc. Hãy làm một so sánh nhỏ. Cùng nói về niềm vui của đất nước được giải phóng, Chế Lan Viên viết :

Xanh biết mây là trời xanh Tổ quốc

Khi tự do vè chói ở trên đầu.

Nguyễn Đình Thi "vẽ" bằng những hình ảnh thực, cụ thể, như hiện hình lên trước mắt người đọc :

Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là của chúng ta

Những cánh đồng thơm mát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông dò nặng phù sa.

Chính vì chú trọng đến hình ảnh trong thơ, Nguyễn Đình Thi không chú trọng nhiều đến chức năng tạo nhạc, ngược lại, thiên về chức năng tạo hình của ngôn ngữ. Ở hai bức phác họa này chẳng hạn : một con Đường núi :

Chiều nhạt nhạt về nơi nào xa lắm

Ngày ngát sương mây

Lối mòn không dấu chân

Gió nổi...

Và một "bức tranh" náo nhiệt hơn :

*Những hàng quân áo lá toả lên bờ
Rừng cây rung gió say xưa.
Ngàn sao nghiêng nghiêng chào vầy
Bãi cát thấp lên từng dòng đuốc lửa
Đè bơi tím tít mặt sông
Người vẫn sang vô tận trong đêm
Rầm rập đi trong rừng tối...*

Ở đây, thực ra cũng có những từ gợi âm thanh : "Gió nổi", "Rừng cây rung lá", "Rầm rập" đi,... Nhưng hầu như đặt trong hoàn cảnh, ngay cả những từ hiếm hoi ấy cũng không có khả năng "phát âm" mà chỉ cùng hiệp sức vào việc dựng khôi hình. Ngay cả khi lẽ ra để nói, để "dụng" tiếng động – *Một đêm mưa Hà Nội* – thì thơ Nguyễn Đình Thi vẫn đi về phía tạo hình :

*Đêm nhạt trăng
Mưa thầm trong lòng phố cũ*

Trong thơ Nguyễn Đình Thi, hình ảnh sống, thực, có sức lôi cuốn và thuyết phục, gày được ấn tượng đậm, tạo được hiệu quả cao nơi người đọc. Chính nhờ thế mà thơ ông có sức "lay động những chiêu sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ của người đọc" như ông mong muốn.

*

* * *

"Sáng tạo nghệ thuật là cuộc vật lộn để tâm hồn con người in dấu vào vật chất". Nguyễn Đình Thi quan niệm như vậy. Và quả là ở thơ ông đã để lại một dấu ấn đậm. Cũng có người cho rằng "ông thường chọn những chữ mòn nhẵn, bạc phếch, mang tính khái niệm,... như những thửa ruộng bạc màu hoang hoá, và đó là chủ đích của ông". Tôi nghĩ, không hẳn là như thế. Nguyễn Đình Thi không cầu kỳ và cũng không thích sự cầu kỳ. Sáng tạo nghệ thuật với ông là phải tự nhiên. Thực tế, ông "thích lối nói thông thường". Ông không cầu kỳ tia tót, đi tìm từ ngữ xa lạ mà trở về tìm tòi, khai thác kho từ vựng của ngôn ngữ đời sống. Ông tìm chọn từ đó những từ "có tính chất gợi mở,

không giới hạn". Ông không dùng từ Hán Việt, từ ngoại lai, từ sáo rỗng hay luyến láy. Ông gắng không để "chữ thừa" trong thơ, cố khơi mở cho hết biên độ biểu đạt của ngôn ngữ, tạo chiều sâu cho thơ. Nguyễn Đình Thi nhiều lần nhấn mạnh điều này : "Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó... Điều kỳ diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó... bỗng phá tung mờ rộng ra, gợi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy". Nguyễn Đình Thi rất quan tâm đến những "khoảng lung linh", đặc biệt "những khoảng im lặng" giữa các chữ, bởi lẽ, ý thơ không chỉ trong chữ mà nó "vây bọc" xung quanh và "những khoảng im lặng" cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động. Thơ Nguyễn Đình Thi thường kiệm lời, đọc thơ ông ta bắt gặp một thi pháp hiện đại : kiệm lời, đúc ảnh. Thơ nhở vạy có sức gợi, sức mờ trong tâm thế tiếp nhận tích cực, dân chủ của người đọc. Và đó, vốn cũng lại là phép bút cổ truyền phương Đông : Thi tại ngôn ngoại.

Thơ Nguyễn Đình Thi vừa để lại cho người đọc ấn tượng đậm sâu về những cách tân, mạnh dạn đến táo bạo : ở điệu cảm xúc, ở hình ảnh, ở những cách tân về vấn đề, câu thơ, vừa để lại những cảm nhận thân quen, gần gũi của thơ truyền thống. Đường như thơ ông chính là điểm giao thoa, hội tụ giữa thi pháp thơ hiện đại và truyền thống. Đó chính là lý do mang lại sức sống, sức hấp dẫn cho thơ Nguyễn Đình Thi. Và phải chăng đó cũng là phần thường xứng đáng cho "những tìm tòi rất khó" và kiên trì của ông về thơ.

Tháng 3 - 1999

Tạp chí Văn học, Số 3 - 1999

THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

TÔN PHƯƠNG LAN

Nhiều người thường nhắc đến bài tiểu luận *Nhận đường* của Nguyễn Đình Thi, coi đó như một sự bộc bạch chân thành tâm sự của không chỉ riêng anh mà là của cả một thế hệ văn nghệ sĩ buổi đầu đến với cách mạng. Qua cuộc tranh luận về thơ Nguyễn Đình Thi tại Việt Bắc năm 1949, ta hiểu vào thời kỳ đó, Nguyễn Đình Thi quả "chưa hết nỗi đau của một cuộc lột vỏ, cái xác cũ rụng xuống, da non mới mọc chưa lành"(*). Trong những bài thơ buổi đầu này, dưới một hình thức có khi rối rắm, cầu kỳ, phảng phát tâm trạng cô đơn của một người trí thức còn chưa hòa nhập hoàn toàn vào đời sống kháng chiến. Tuy nhiên vào giữa những năm, khi các nhà thơ mới còn lúng túng trong xử lý giữa thói quen và cảm xúc với hiện thực mới, khi đội ngũ thơ kế cận gần như chưa được khẳng định bằng thực tế sáng tác thì sự xuất hiện một hồn thơ như Nguyễn Đình Thi là đáng quý. Đặc biệt, từ sau cuộc tranh luận đó, những chuyến đi và sống cùng chiến sĩ đã đem lại cho người trí thức sớm có ý thức dân tộc và lòng yêu nước ấy một nguồn cảm hứng mới. Thơ Nguyễn Đình Thi mang dấu ấn khá rõ của một hướng đi từ sách vở đến với cuộc đời. Thơ anh vừa có sự thâm trầm, suy tư, vừa đạt đào cảm xúc. Quá trình làm thơ của anh cũng chứng tỏ sự trăn trở tìm tòi cái mới cho nghệ thuật biểu hiện. Tuy viết không nhiều nhưng hiện thực cuộc đời đã được cảm theo cách của riêng anh, và điều đó tạo cho thơ Nguyễn Đình Thi một gương mặt không dễ lẫn.

Ngay sau Cách mạng, năm 1946, Nguyễn Đình Thi sáng tác bài hát nổi tiếng *Người Hà Nội*. Lời thơ của bài hát khi hả hê sướng, khi sâu lắng trang nghiêm, khi tha thiết tự hào, đã góp phần dựng lại hào khí dân tộc những ngày đầu cách mạng.

(*) *Nhận đường*, in trong sách *Máy văn để văn học*, NXB Văn hoá, H., 1958.

Có thể nói ý thức dân tộc và lòng yêu nước đã hình thành rất sớm ở Nguyễn Đình Thi và được biểu hiện sâu đậm ở nhiều lĩnh vực hoạt động trong đó có thơ. Ở những bài thơ đầu tiên, đất nước vừa mang vẻ đẹp phóng khoáng của một thiên nhiên giàu đẹp :

*Trời xanh dày là của chúng ta.
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường hắt ngát
Những dòng sông đỗ nặng phù sa*

vừa mang vẻ đẹp của một truyền thống chống ngoại xâm anh dũng :

*Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về*

(Đất nước)

Tuy lúc này, năm 1948, cách cảm hiện thực của nhà thơ còn mang chất tiểu tư sản khi nhìn mùa thu Hà Nội có cái gì vẫn hiu hắt, cô đơn của một thoáng "Tháp Rùa lim dim nhìn nắng", "Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em", qua hình ảnh "nắng soi ngõ phố, thèm cũ lối ta đi lá rụng đây" nhưng rõ ràng, với Nguyễn Đình Thi, bao giờ lòng yêu đất nước cũng là tình yêu thiên nhiên và con người, là ý thức và tự hào về truyền thống dân tộc. Ngọn lửa của cuộc kháng chiến đã thắp sáng hơn trong anh nhiệt tình của một người thanh niên sôi nổi giàu nhiệt huyết, nhất là sau khi thực sự lấn mình vào cuộc kháng chiến với tư cách là một người chiến sĩ. Con mắt nhìn đời, nhìn người của anh ấm áp hơn. Năm 1954, mùa thu Việt Bắc đã mang vẻ đẹp xôn xao, trong trẻo :

*Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biển nói cười thiết tha*

(Đất nước)

Và rất lâu sau, mùa thu Hà Nội đã trở lại với Nguyễn Đình Thi trong những câu thơ đầy màu sắc :

*Như có vàng bay trong nắng
Những hàng cây sáng trên cao
Có phải mùa thu về
Bên đầm sen úa nâu*

(Vào mùa thu)

Từ *Mùa xuân* viết trong kháng chiến chống thực dân Pháp mang cái nhìn của một thanh niên ôm ấp bao ước mơ và đầy lâng mạn : *Bút ngút mưa bay – Ướt cái áo chàng Vệ quốc*, theo dòng thời gian, sau toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mùa xuân đã trở lại với tác giả trong tâm trạng bồi hồi, nhưng đằm chín và khắc khoải hơn :

*Gió lạnh thổi về nỗi nhớ
Và thổi về một con chim nhỏ
Đôi cánh vỗ bồi hồi

Mùa xuân đến rồi
Những con đường ngơ ngẩn
Sóng dạo trắng xoá dòng sông*

(Mùa xuân)

Nguyễn Đình Thi là người có điều kiện đi và sống ở nhiều nơi. Hà Nội, nơi anh lớn lên, di học rồi tham gia hoạt động cách mạng, là thành phố mà những năm kháng chiến, anh nhớ với nỗi nhớ của đứa con và dự cảm về một ngày giải phóng (*Hà Nội đêm nay, Ai biết tên các anh... Lòng Hà Nội*). Nhưng những miền đất có dịp đi qua, thơ anh ghi lại được những cảm xúc sâu sắc. Từ một làng bản không xa vùng được đóng trong một *Chiều qua đường số Bốn*, đến Hải Phòng của những năm tạm chiếm mà mỗi địa danh như gợi lại một quá khứ vất vả, đau thương :

*Quán Bà Mau, ngõ Bà Chiểu, Bến Đá
Chợ Cột Đèn, chợ Sắt, chợ Đưa người
Những tên gọi sao mà vất vả
Chẳng khác lệnh đèn những cuộc đời*

(Nhớ Hải Phòng)

Ngòi bút Nguyễn Đình Thi không tỏ ra dè dặt, một chiêu khi viết những vần thơ về thiên nhiên giàu đẹp, về truyền thống quê hương anh dũng. Nỗi đau thương của một dân tộc có lịch sử giữ nước dài hơn dựng nước trong thơ anh trở thành một nỗi khoắc khoải, day dứt :

Ôi những cánh đồng quê chảy máu

Dây thép gai đâm nát trời chiềng

một niềm căm giận quân thù :

Bát cơm chan đầy nước mắt

Bay còn giằng khỏi miệng ta

Thẳng giặc Tây, thẳng chúa đất

Đứa đẻ cõi, đứa lột da

(Đất nước)

Đọc thơ Nguyễn Đình Thi, ít thấy anh né tránh trước những nỗi đau của dân tộc trong cuộc chiến tranh đã qua cũng như nỗi vất vả trong đời sống hiện tại mỗi ngày.

Nguyễn Đình Thi ý thức rất rõ về những hy sinh mất mát của những con người cụ thể vì độc lập, tự do của Tổ quốc. *Người tử sĩ* là bài thơ viết về cái chết của người vệ quốc, với nỗi tiếc thương kín đáo ra đời năm 1948. Trong "Câu chuyện với người bạn cũ", trước một đoá hoa tím ngát ven đồi, anh không kìm được nước mắt, khi nhớ về những đồng đội đã hy sinh. Giữa niềm vui "thắng trận", anh nhớ về Trần Đăng, người chiến sĩ viết văn ngã xuống năm nào :

Tôi ngắt đoá hoa rừng tím đỏ

Ngắt nhiều hoa nữa, nhiều trên tay

(Thắng trận)

Đặc biệt sau chiến tranh, nhà thơ đã sẻ chia với bao người những nỗi đau ly biệt bao ngày, những miền đất bị chiến tranh tàn phá. Trong chiến thắng say người, những đau thương đã qua, không dẽ gì quên được. Trong những bài thơ *Buổi chiều Vùm Cỏ*, *Mùa xuân và Hôm nay*, cuộc chiến tranh ác liệt đã qua được Nguyễn Đình Thi ghi lại ở những góc độ khác nhau. Nhà thơ muốn nhắc người đọc suy nghĩ về ý thức trách nhiệm của mình trong cuộc sống mới. Âm điệu của

những bài thơ đó có lúc còn nặng nề, xót xa nhưng vẫn mang được sự đón nhận vì chúng được viết trong mạch cảm nhận thành của tác giả. Giữa đau thương, nhà thơ nhìn thấy sự chiến thắng tất yếu của cách mạng, sự bất tử của dân tộc, như gần ba mươi năm trước, anh đã nói trong bài thơ *Đất nước*:

Sóng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rủ hòn đứng dậy sáng loà

Ở đây, tác giả mượn hình ảnh người cách mạng như người đi gieo mầm sống. Những hạt thóc được gieo, có hạt "chết đi vẫn nuôi màu cho đất", nhưng cách mạng, như mùa lúa đã mọc xanh non trên miền đất cháy, trên cả đất cằn và đá sỏi (*Buổi chiều Vầm Cỏ*).

Đi vào kháng chiến, dung lượng hiện thực trong thơ Nguyễn Đình Thi càng được mở rộng. Truyện thơ *Mẹ con đồng chí Chanh* và một số bài thơ khác viết trong kháng chiến chống thực dân Pháp nói lên được sự cấu kết giữa đế quốc và địa chủ trong âm mưu bóc lột người nông dân, cũng như nỗi phẫn nộ phảng áo lo của người nông dân khi mùa màng còn tuỳ thuộc vào thiên nhiên khắc nghiệt (*Lúa*). Anh đã thấy mối quan hệ quốc tế trong cuộc đấu tranh chung vì hòa bình giữa các dân tộc. *Bài thơ Hắc Hải* không chỉ đánh dấu sự đóng góp của anh về thể loại trường ca. Kể lại câu chuyện người thợ máy Việt Nam Tòn Đức Thắng kéo cờ trên chiến hạm Pari để chào đón Cách mạng tháng Mười, nhà thơ đã giới thiệu cho người đọc thấy một trong những biểu hiện của sự chuyển biến từ chủ nghĩa yêu nước dân tộc sang chủ nghĩa quốc tế vô sản. Những tình cảm quê hương đặc sắc trong hồn ức của người thuỷ thủ và suy nghĩ của anh về Cách mạng tháng Mười, về đất nước Xô viết đã được Nguyễn Đình Thi viết bằng những câu thơ giàu hình tượng. Hình ảnh đất nước trong ký ức của người di xa là hình ảnh về những dãy đồi núi điệp trùng, những cánh đồng bát ngát, những vật và đau thương còn lưu trên mặt người dân và sự thuỷ chung trong sáng trong những tình cảm của con người. Dường như đây là những đặc điểm dân tộc và được Nguyễn Đình Thi chú ý khai thác trong từng trường hợp cụ thể. Khi viết về Hồ Chủ tịch, nhà thơ cũng chú ý đến

cốt cách thanh tao mà giản dị này của Người. Trong bài *Trên quê hương Việt Bắc*, anh viết :

Một nhà sàn đơn sơ vách nứa
Bốn bể suối chảy cá bơi vui
Đêm đêm cháy hồng bên hép lửa
Ánh đèn khuya còn sáng trên đồi.
Nơi đây sống một người tóc bạc
Người không con mà có triệu con
Nhân dân ta gọi Người là Bác
Một đời Người là của nước non.

(*Quê hương Việt Bắc*)

Nhưng cũng có khi Hồ Chủ tịch được nhà thơ tái hiện trong vẻ đẹp thiêng liêng cao quý :

Hồng Hà reo sóng say sưa trong Cha, bóng Người
mênh mông
Mắt Người sáng láng vàng sao thắm tươi, trán Người
mái tóc bạc thêm
Bóng cờ bát ngát ngày vui, nước non reo cười, trên
môi Người cười

(*Người Hà Nội*)

Cả khi Bác mất *Nhớ Bác chiều thu* cũng được nhà thơ viết lên bằng một tình cảm tiếc thương, kín đáo, rất dân tộc.

Viết về đất nước, viết về Bác, Nguyễn Đình Thi đã có những câu thơ hay, gây ấn tượng. Có lẽ một phần là do anh nắm bắt được cái phần xương thịt của những đặc điểm dân tộc và trong anh, mối tình cảm đó sâu đậm, nấu nung. Cho nên mảng thơ này của anh rất đặc sắc.

*
* * *

Ngay từ trong kháng chiến, Nguyễn Đình Thi đã rất có ý thức về sự gắn bó giữa tình yêu và cuộc chiến đấu. Không nói là bài thơ tình sớm nhất của nền văn học kháng chiến mang tiếng nói yêu đương của một lớp người tiểu tư sản đi theo cách mạng. Dẫu khung cảnh

buổi chia tay còn gây cho người đọc cảm giác hiu hắt, ngậm ngùi, nhưng bài thơ đã cho thấy được cái phần tình cảm vốn rất đậm đà, sâu sắc ở những người cách mạng.

Tình yêu trong thơ Nguyễn Đình Thi là tình yêu giữa những người chiến đấu, trong bối cảnh của cuộc chiến đấu. Giữa "bão lửa" của cuộc chiến tranh, "tình yêu không ngừng vẫn nở hoa". Trước đêm công đồ, anh chiến sĩ vẫn tưởng tượng ra người yêu đang đến thăm anh : lặng lẽ, nhưng đôi mắt và nụ cười tỏa ra một tình cảm nồng ấm. Khi kẻ thù còn giày xéo lén đất nước ta, không thể nói đến một thứ hạnh phúc cá nhân nào tròn vẹn được. Để hiểu trong hoàn cảnh của đất nước, tình yêu trong thơ Nguyễn Đình Thi thường nói đến xa cách, chia tay. Từ cuộc chiến đấu trở về, những người yêu nhau hiểu được cái giá của những giờ phút gần gũi (*Chuyện hai người yêu xa cách*, *Chia tay trong đêm Hà Nội*). Nhớ, bài thơ tình viết trong kháng chiến lần trước là một trong những bài thơ tình tiêu biểu nhất của Nguyễn Đình Thi ; ở đó tình cảm riêng chung đạt đến sự hài hòa và đẹp đẽ. Tình yêu, nỗi nhớ và lý tưởng cách mạng cùng hiện diện trong hành trang ra trận của người chiến sĩ. Tình yêu đã trở thành ngôi sao sáng chỉ đường, thành ngọn lửa sưởi ấm trái tim. Nó đưa lại cho người lính nỗi khắc khoải bồn chồn nhưng cũng làm cho anh tin tưởng hơn, sống xứng đáng hơn. Lần đầu tiên, hai thứ tình cảm riêng chung, đều thiêng liêng cao quý như nhau, được đặt cạnh nhau, nâng cánh cho nhau tạo nên vẻ đẹp tinh thần của người bộ đội kháng chiến :

*Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vết và đau thương tươi thắm vô ngân
Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước
Mỗi tối anh nằm mỗi miếng anh ăn
Ngôi sao trong đêm không bao giờ tắt
Chúng ta yêu nhau chiến đấu suốt đời
Ngọn lửa trong rừng bập bùng đỏ rực
Chúng ta yêu nhau kiêu hãnh làm người*

(Nhớ)

Thơ tình Nguyễn Đình Thi thường gợi cho người đọc những ấn tượng sâu sắc về một lối nói táo bạo mà không suông sā, vô duyên. Cái tình trong thơ anh bao giờ cũng thật – như chính là của anh mà không

vay mượn tình huống, cảnh ngộ, nên nó cụ thể gần gũi. Cả khi anh dùng lời nói pha ít nhiều yếu tố tượng trưng, giọng thơ vẫn gây thiện cảm :

*Như dòng sông trôi qua muôn nơi
Không ngừng vẫn cuộn mình về biển
Anh sống tim em mà chẳng hẹn
Qua tháng năm bao chặng đường đời
Như dòng sông đem theo mây trời
Ôm mặt đất tươi hồng cuộn chảy
Đời anh bao nỗi vui buồn ấy
Đang rì rào gọi em hôm nay*

(*Như dòng sông*)

Con người ta không ai không có tình yêu. Nhưng phần đau đớn tình yêu luôn luôn mới mẻ, trẻ trung, cho những người yêu luôn tìm thấy ở nhau sự cao quý nhưng chân thành và giàn dị, gần gũi là điều không dễ :

*Anh yêu em mỗi ngày thành dòng suối mới
Đêm thành cánh đồng sao cho anh lượm đầy tay
Những vắt và thành niêm an ủi
Giọt nước mắt thành giọt mặt trời*
*Anh yêu em – vậy thôi anh có em trong đời
Em dịu dàng cánh chim của anh
Niềm thương của anh lo lắng của anh
Dòng sông không bao giờ yên của anh
Ánh đèn đường xa của anh.*

(*Trên con đường nhỏ*)

Ngay từ năm 1944, trong bài *Sức sống của dân Việt Nam qua ca dao, cổ tích*, Nguyễn Đình Thi đã có một quan niệm về tình yêu mới mẻ : "Người Việt Nam yêu để thêm được mạnh mẽ, yêu để được sống thêm hăng hái, tranh đấu thêm được vững bền chứ không phải để dầm đuối trong tình yêu và lâng quên cuộc sống". Cho nên, bên cạnh đó, có những bài thơ lời lẽ rất "văn xuôi"; những bài thơ mượn chuyện

yêu đương để triết lý chuyện đời. Trong những bài thơ này, nhà thơ đã cố gắng tạo nên sự cân bằng giữa lý trí và tình cảm, giữa nhu cầu của tuổi trẻ và trách nhiệm của người cách mạng. Mỗi người đều phải biết sống hết mình, yêu hết mình nhưng cũng phải biết sẻ chia hạnh phúc của mình với nỗi đau của người khác :

*Em bảo anh đâu chỉ đợi ta
Không có được bình thường tuổi trẻ
Em bảo hôm nay ta bên nhau
Còn bao đồng chí trong hầm sâu*

(*Em bảo anh*)

Thơ hay không hẳn lúc nào cũng là thơ dễ hiểu, dễ tiếp nhận. Tất nhiên, phần lớn những bài thơ hay thường đi vào công chúng khá nhanh. Từ những ngày đầu, lối thơ Nguyễn Đình Thi từng gây dư luận xôn xao và cho đến bây giờ, ý kiến về thơ anh chưa hẳn đã là thống nhất. Tuy nhiên, với những gì còn lại qua thời gian, thơ Nguyễn Đình Thi vẫn là thứ thơ gầy ấn tượng cho độc giả. Một phong cách thơ như Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên,... chẳng hạn, thường gợi cho lớp sau một cách nói, một sự diễn đạt và người đọc đã nhận ra bóng dáng họ ở ngay một vài nhà thơ trẻ. Nhưng với Nguyễn Đình Thi, điều đó đã không dễ xảy ra.

Từ trước Cách mạng, Nguyễn Đình Thi đã chủ trương một lối thơ triết học, nhằm hướng thơ đi vào suy nghĩ. Sau này, phần nào ý kiến đó được hoàn tất hơn nhưng kín đáo và thuyết phục hơn trong bài tiểu luận *Máy ý nghĩ về thơ*. Nguyễn Đình Thi trong quá trình lao động nghệ thuật trên lĩnh vực này đã cố gắng thể nghiệm điều đó. Tính chất triết lý có khi là cái từ của bài thơ (*Ánh biếc*), có khi đọng lại trong những câu kết – vốn được coi là cái khoá của bài thơ (*Mùa thu Nhật Bản*, *Chị huyện uỷ đến thăm sân bay*), cũng có khi được đặt nguyên dạng trong một số bài (*Nơi dựa, Cái nhìn*). Lối thơ vẫn xuôi một thời – khi mới đưa ra – bị nhiều người phản đối, sau này, được anh tìm tòi và vận dụng, đã đạt được những thành công cụ thể. Phá vỡ sự nhịp nhàng dẽ dái của văn chữ, anh là nhà thơ đã kết hợp hài hoà yếu tố nhạc trong thơ và tạo nhiều bài thơ, câu thơ giàu nhạc điệu (*Đất nước, Lá đỏ*). Sự kết hợp hài hoà đó là một trong những yếu tố giữ cho chất thơ trong thơ văn xuôi của anh không bị mất.

Nguyễn Đình Thi đã có những đóng góp đáng kể về thơ trữ tình. Ngoài ra, sự ra đời của *Mẹ con đồng chí Chanh*, *Bài thơ Hắc Hải* là một đóng góp cho sự phát triển thể loại trường ca hiện đại. Hơn ba mươi năm qua, thơ ca tuy không phải là đóa hoa duy nhất của anh thử sức, nhưng người đọc vẫn nhận ra ở đây một sự lao động nghệ thuật nghiêm túc, là thước đo những xúc cảm của anh về đất nước, con người. Sự tìm tòi trong nghệ thuật thơ ca của anh không phải lúc nào cũng thành công. Số câu đoạn hay trong thơ anh khá nhiều nhưng số bài hay không nhiều lắm. Khi cảm xúc không theo kịp ý thơ, nhiều bài thơ đã bị dồn ép lời chữ và trở nên khô khan, nặng nề.

Đọc thơ Nguyễn Đình Thi ta có cảm giác là ngòi bút của anh nhạy bén với những vấn đề của dân tộc hơn là những vấn đề của chủ nghĩa xã hội. Trong cuộc sống lao động hoà bình, đất nước mộc mạc bao nhả máy, xí nghiệp, công trường. Một lối sống công nghiệp, kèm theo là cảm xúc công nghiệp được hình thành. Nhưng thơ Nguyễn Đình Thi thời kỳ này thưa ít và hiếm bài hay : xúc cảm trước cuộc sống mới, con người mới vốn rất đậm trong các bài tiểu luận của anh, dường như ít gặp trong thơ.

Nhìn chung, với Nguyễn Đình Thi, thơ chưa phải là nơi dồn tụ hết mọi tinh lực, cảm nghĩ nên không thể chỉ qua thơ mà đánh giá hết được tài năng và đóng góp của anh đối với nền văn học hiện đại. Nguyễn Đình Thi làm thơ không nhiều, có những thời gian hầu như anh không viết nhưng tập hợp lại thơ anh vẫn liền mạch. Nổi bật lên như một điểm sáng xuyên suốt thơ anh là sự quan tâm của anh đối với vấn đề hạnh phúc của con người : con người lao động, con người Việt Nam. Đặc điểm đó mang lại cho thơ anh nét đôn hậu. Vì vậy cả khi nói đến chia ly mắt mát, giọng thơ anh vẫn sáng, vẫn trong. Tình cảm đó của nhà thơ có tác dụng nâng cao tư tưởng và nhận thức cho người đọc. Với thơ, Nguyễn Đình Thi luôn tìm một sự thể nghiệm về nghệ thuật và những cảm xúc mới cho ngòi bút của mình. Các bài thơ của anh, mỗi lần in lại bao giờ cũng được sửa chữa công phu.

Tuy không phải lúc nào cũng thành công nhưng những bài thơ của Nguyễn Đình Thi, quan niệm thơ và sự tìm tòi của anh là một đóng góp vào sự phát triển của nền thơ Việt Nam sau Cách mạng.

ĐẤT NƯỚC

VŨ QUÂN PHƯƠNG

Tiên thân của bài thơ *Đất nước* là bài *Sáng mát trong như sáng năm xưa* (đăng tạp chí *Văn nghệ* số 6 tháng 10 và 11 năm 1948) và *Đêm mít tinh* (đăng tạp chí *Văn nghệ xuân* 1949).

Cả hai bài đều viết từ Việt Bắc kháng Pháp trong một tâm trạng nhớ Hà Nội, nỗi nhớ thầm thía xao xác.

Nguyễn Đình Thi có nhiều gắn bó với Hà Nội. Trong bài hát *Người Hà Nội* sáng tác hồi đầu kháng chiến, bằng cả nét nhạc và lời ca, anh đã thể hiện được sâu sắc ý chí cách mạng và cái thần thái tài hoa của ba mươi sáu phố phường :

*Những cửa đầu ô
Tiu tí gánh gồng, đây ô Chợ Dừa, kia ô Cầu Đền.
làn áo xanh náu...*

Trong bài *Sáng mát trong...* cũng phảng phất một cái hồn Hà Nội như vậy : đẹp, thơ mộng và đầy một không khí lâng man chiến đấu. Bài *Sáng mát trong...* mờ đâu như ở bài *Đất nước* sau này :

*Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cỏm mới*

Câu thứ ba khi vào bài *Đất nước* tách khỏi bài *Sáng mát trong...* Cảm xúc về Hà Nội đã được dẫn vào cảm xúc *Đất nước*. Để ý, có thể thấy bút pháp đã xoay chuyển từ sự nhớ lại trong tâm tưởng thành việc miêu tả ngoại cảnh hiện tại, câu thơ từ hoài niệm trở nên vững chắc cụ thể ; cảnh trí Hà Nội đã thành cảnh Việt Bắc :

*Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biển nói cười thiết tha*

Đến đây tác giả nối vào đoạn cuối của bài *Đêm mít tinh*. Bài *Đêm mít tinh* có lối viết xen kẽ giữa cảnh thực của đêm mít tinh ở rừng Phan Lương với cảnh trong tâm tưởng nhớ về Hà Nội. Phần đầu tả những ánh đuốc mít tinh bằng bút pháp tượng trưng, từ thực dẫn vào mơ, từ thị giác vào ảo giác. Từ *Tia vàng vút bay, tung lên hoa lửa* thành *Triệu triệu sao rùng Việt Bắc* và thắt lại bằng câu :

Trời sao đây là của chúng ta

Từ câu thơ này của *Đêm mít tinh*, Nguyễn Đình Thi ghép vào ý *Trong biếc nón cưới thiết tha* của *Sáng mát trong...* chỉ đổi một chữ *sao* thành *chữ xanh* để hợp với *trong biếc* của câu trên. Đoạn này kéo dài một mạch đến câu *Những buổi ngày xưa vọng nói vé*.

Phần sau, từ *Ôi những cánh đồng quê chảy máu* đến hết, được tác giả viết thêm trong năm 1955, không có trong hai bài thơ tiền thân. Bốn câu thơ tạo hình rất nét :

*Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Đây thép gai đâm nát trời chiếu
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu*

là kết quả ghi nhận của ấn tượng trong một chiều Bắc Giang kháng chiến.

Như vậy, bài *Đất nước* được hình thành từ ba mảng thơ khác nhau, mảng nọ cách mảng kia tới bảy năm (1948 - 1955), nhưng vẫn là một bài thơ hoàn chỉnh, một bài thơ hay của thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp, được nhiều người yêu mến. Sứa thơ được như thế cũng hiếm thấy. Nhân đây, xin được nói luôn một đặc điểm hay gặp trong thơ Nguyễn Đình Thi :

Làm thơ, Nguyễn Đình Thi không cầu nệ vào từ, nhất là cái hình thức của từ, và cũng không cố chấp sự liên mạch. Anh xuất phát từ trạng thái nội tâm, quan tâm đến sự vận động của tâm trạng và anh thể hiện chúng bằng từng mảng, mảng nọ đặt cạnh mảng kia trong một "từ trường" cảm xúc đồng nhất, không cần các câu nối liền, ý thơ thoảng và hàm súc (xin đọc các bài *Mưa xuân*, *Lúa*, *Hà Nội đêm nay*), nhìn từng phần như rời, nhưng nhìn toàn thể hoá liền, giữ được tính nhất quán của mạch thơ.

Ở bài *Đất nước*, chúng ta nên đi sâu hơn vào những mảng tâm trạng của tác giả. Mảng đầu tiên là những gợi nhớ về Hà Nội, gợi nhớ bắt đầu từ thời tiết *Sáng mát trong như sáng năm xưa*. Sáng năm xưa ấy là ở Hà Nội, chớm lạnh, đầy hương cỏm mới, phố phường như dài ra trong hơi gió heo may xao xác. Những chi tiết khơi gợi của gió đầu mùa có cái gì rất nhớ nhung, rất xa vắng... Không sống ở Hà Nội nhiều, không dễ nắm bắt được cái không gian ấy. Người ta thấy ở thơ Nguyễn Đình Thi cái dáng vẻ trí thức thành phố chính là từ các chi tiết này. Trong bản *Sáng mát trong...* câu thơ thứ ba còn gợi hơn, nhưng có lẽ sợ bị phê phán là "tiêu tư sản" (!) nên tác giả bỏ đi (sau này ông cũng nhận thấy đây là câu thơ hay) :

Cỏ mòn thơm mãi dấu chấn em

Cũng tiếc, câu thơ thay thế lại không tài sắc bằng :

Tôi nhớ những ngày thu đã xa

hơn nữa còn trùng ý với câu thứ nhất : *núi sáng năm xưa*.

Bốn câu thơ tiếp tả Hà Nội trong hoài niệm là bốn câu đẹp nhất của bài này :

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đều không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy

Chú ý điệu thơ khoan thai, lảng lặng, phảng phát buồn, cái buồn của một sự đoạn tuyệt lặng lẽ tự chủ. Việc cần làm thì làm nhưng trong lòng không phải không vương vấn lúc ra đi.

Mảng tâm trạng thứ hai : tâm trạng trước hiện thực ở Việt Bắc. Giọng thơ vui, câu thơ ngắn như tiếng reo, có cái phần chấn hồn hởi, gợi lên một không gian rộng, mới mẻ, nhiều hoạt động. Chủ thể : *đứng, vui, nghe, và bao quanh anh* : *gió thổi, tre Pháp phơi, trời thay áo mới, trong biếc nói cười*. Các chi tiết đều thanh nhẹ, gợi vào cảm giác. Không khí thu trong biếc nênh các âm thanh trở nên vang vọng ngân nga, tiếng nói tiếng cười trở nên thiết tha khác lạ. Cái cảm giác này chính là chất tài hoa của tác giả. Trên cái nền hô hởi trước không gian tự do là sự khẳng định của ý thức làm chủ : *trời, núi rừng,*

cánh đồng, con đường, dòng sông. Các từ xác định đây, đây nâng cao tính cụ thể, tưởng như có bàn tay chỉ vào các vật sở hữu. Ba chữ của chúng ta vang lên dõng dạc, tự hào, một đặc điểm của tình cảm dân tộc sau những ngày giành chính quyền tháng Tám 1945 :

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta...*

Âm điệu các câu thơ quấn quýt (do các vần a, a bọc các vần át, át : a - a - át - át - a - a) cộng với nhịp dài ngắn đã thể hiện được nỗi lòng yêu quý tha thiết non sông đất nước và một niềm tự hào mới mè. Các âm có chữ a thường gây một cảm giác reo vui vang xa.

Đất nước là những gì ta thấy được quanh ta và cả những gì ta không thấy được bằng mắt nhưng lại cảm thấy rõ bằng hồn :

*Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về*

Tả cái vô hình là việc khó, Nguyễn Đình Thi đã gây được ấn tượng làm ta cảm nhận được cái ảo giác của tác giả. Nhớ lại đoạn Nguyễn Du tả hồn ma Đạm Tiên trong *Truyện Kiều* :

*Một lời nói chưa kịp thưa
Bỗng đâu trận gió cuốn cờ đến ngay
Ào ào đổ lộc rung cây
Ở trong đường có hương bay ít nhiều
Đè chừng ngọn gió lân theo
Đấu giày từng bước in rêu rành rành.*

chúng ta thấy thủ pháp dùng để tả cái vô hình là : không dùng thị giác. Nguyễn Du đã huy động nhiều giác quan : xúc giác (gió lạnh), khứu giác (hương bay), thính giác (ào ào), và cuối cùng khi hồn ma đã biến, hương tanh, gió ngừng, ông trở về đời thực bằng thị giác : ghi nhận

dấu tích của cái vô hình, thần bí bằng dấu giày. Trong *Đất nước*, tác giả nghe cái thiêng liêng của hồn nước. *Những buổi ngày xưa vọng nói về*, những từ láy vẫn bằng : *đêm đêm rì rầm* gợi tiếng thầm, trầm đục của đất đai, của cõi âm. Tất cả đều là bằng thính giác.

Đoạn *Ôi những cánh đồng quê chảy máu...* là hình ảnh của đất nước đang đánh giặc. Bốn câu thơ rất tạo hình, kiểu điện ảnh, ngược sáng (contre soleil) : gai nhọn của dây thép gai tua tua in đen sầm trên nền trời ráng đỏ và trên đất chảy máu. *Đồng quê chảy máu*, hình ảnh cố nhiên là mang nghĩa bóng, nhưng vẫn có tác động như một cảnh thực. Hai câu tiếp theo, chú ý chữ dài đi với chữ nung nấu : một tình cảm thường trực không phút nguôi quên, chữ hồng hồn chốn : tình cảm đột xuất. Trên cái thường trực có cái đột xuất, mối tương quan riêng chung trong lòng người chiến sĩ được diễn đạt thỏa đáng, sâu nặng.

Năm đoạn tiếp theo, hai mươi câu, thơ nặng về ý : đất nước từ đau thương đứng dậy. Hình ảnh ở đây mang ý nghĩa tượng trưng. Đoạn này, theo tôi hơi dài, trùng ý và hơi cao giọng, nhưng bù lại có sức khái quát rộng và sâu. Bốn câu kết chỉ là cách đóng bài, bằng cách đổi thể thơ và tóm tắt các ý đã nói ở trên.

Thực chất đây là một bài thơ chính luận, chính luận kiểu Nguyễn Đình Thi – ý thơ dựa vào các mảng cảm xúc, tâm trạng, đặt mảng nọ cạnh mảng kia để bộc lộ chủ đề, không dùng các câu thơ nối liền, các hình ảnh rời nhau thành từng khối, liên kết được với nhau là do chủ đề. Đây cũng là một cách kết hợp tình cảm và trí tuệ của thơ Nguyễn Đình Thi. Trong bài thường có những điểm sáng trội lên, lấp lánh tình ý mới, ví dụ :

*Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng*

Hay :

Trán cháy rực nghĩ trời đất mới.

Thơ với lời bình, NXB Giáo dục, H., 1997.

ĐẤT NƯỚC CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

HÀ MINH ĐỨC

Đất nước là một trong những bài thơ hay nhất của Nguyễn Đình Thi. Cảm nhận về đất nước được thể hiện trong thơ ca Việt Nam như một truyền thống, từ thơ của Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu và Hồ Chí Minh.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đề tài về đất nước được các nhà văn, nhà thơ khai thác với nhiều khía cạnh khác nhau. Bài thơ *Đất nước* không viết về một làng quê cụ thể, một con người cụ thể mà là một bài thơ mang tính chất tổng hợp. Trong thơ ca thời chống thực dân Pháp, số lượng bài thơ viết theo hướng này không nhiều, có thể kể : *Tình sông núi* của Trần Mai Ninh, *Ta đi tới và Việt Bắc* của Tố Hữu. *Đất nước* được viết trong thời gian dài từ 1948 - 1955, viết không liên mạch. Bài thơ được tổng hợp từ nhiều bài thơ khác nhau, đặc biệt là một số đoạn trong bài *Đêm mít tinh* và *Sáng mát trong như sáng năm xưa*. Trong bài thơ *Sáng mát trong như sáng năm xưa*, Nguyễn Đình Thi có những ý thơ hay :

*Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em
Gió thổi mùa thu vào Hà Nội
Phố dài xao xác heo may
Nắng soi ngõ vắng
Thêm lời cũ ra đì
Lá rụng đầy*

Tác giả cũng lấy một vài đoạn trong *Đêm mít tinh*, đáng chú ý nhất là đoạn :

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường hát ngát
Những dòng sông đỗ nặng phù sa.*

Tuy bài thơ được tổng hợp từ nhiều sáng tác nhưng vẫn liền mạch, nhất quán. *Đất nước* là một sáng tác có thời gian và không gian đặc biệt. Mở đầu bài thơ tác giả lấy điểm nhìn là một buổi sáng mùa thu ở Việt Bắc với bầu trời thu trong sáng, gió thu trải trên những cánh đồng thơm hương lúa. *Đất nước* đã bước vào cuộc kháng chiến được một vài năm với những thắng lợi ban đầu vững chắc, đặc biệt là chiến dịch Thu đông Việt Bắc (1947) đã tạo nên cảm hứng lạc quan tin cậy phấn khởi cho hàng loạt những bài thơ ra đời như *Tây Tiến*, *Bên kia sông Đuống*, *Đồng chí*.

Mùa thu Việt Bắc gợi cho tác giả nhớ đến mùa thu của những năm tháng đã xa, mùa thu Hà Nội, Nguyễn Đình Thi là nhà văn có nhiều sáng tác hay về Hà Nội. Về đề tài Hà Nội, Nguyễn Huy Tưởng có những tác phẩm viết về đề tài lịch sử, đặc biệt là tiểu thuyết *Sóng mây với thủ đô*. Nguyễn Tuân cũng là người am hiểu về sinh hoạt Hà Nội, đặc biệt là những thú vui chơi. Vũ Trọng Phụng miêu tả chân thực những mặt trái của Hà Nội cũ, những tệ nạn xã hội ; Thạch Lam lại gọi tả được cái không khí Hà Nội thanh lịch và giàu chất thơ. Còn Nguyễn Đình Thi thì miêu tả Hà Nội trong thời kỳ hiện đại, thời kỳ tiền khởi nghĩa và những ngày tháng Tám.

Bài thơ *Đất nước* tuy không nói về Hà Nội nhưng đặc biệt ở khổ thơ đầu đã miêu tả được bản chất và vẻ đẹp của Hà Nội, cảnh vật và con người. Hà Nội là một thành phố đẹp khi bước vào mùa thu.

Mùa thu Hà Nội với những gương nước hồ, với những hàng liễu tươi xanh và mùa hoa quả đặc biệt, dậy thơm hương cỏm hương hồng.

Hà Nội cũng được chứng kiến mùa thu tháng Tám với rừng cờ và hoa và niềm vui giải phóng. Mùa thu thường tạo nên những tâm trạng xen lẫn vui và buồn, vì thế có những bài thơ thiên về khai thác những nét vui, tươi sáng, trong trẻo của mùa thu và cũng có nhiều bài thơ thiên về khai thác những nét buồn. Làm sao không xúc cảm được trước vẻ đẹp của một vàng trắng ngắn ngắt và sương thu toả trên cỏ cây và nhiều những nét thu buồn khác. Nguyễn Đình Thi đã chọn những nét thu buồn phù hợp với cuộc sống tù túng, bế tắc của thời kỳ trước Cách mạng. Miêu tả Hà Nội vào thu, tác giả đã chọn không khí của lúc giao mùa với những nét rất đặc trưng của phố phường Hà Nội chìm vào thu :

"Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội", với "Những phố dài xao xác hơi may". Một Hà Nội vắng vẻ đang bước vào những ngày thu và tâm hồn con người như đang có điều gì trăn trở bâng khuâng, Nguyễn Đình Thi đã chọn những nét tĩnh lặng, buồn và đẹp, đó là màu sắc thẩm mỹ và cảm hứng của Nguyễn Đình Thi về Hà Nội. Nguyễn Đình Thi miêu tả hình ảnh người Hà Nội ra đi với những nét lặng lẽ, trĩu nặng tâm tư :

Người ra đi đâu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy

Có ý kiến cho rằng, người ra đi ở đây là đầu 1946, khi kháng chiến bùng nổ, người Hà Nội phải tạm biệt thành phố để ra đi và hẹn ngày trở lại. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi cho biết người ra đi ở đây là vào thời kỳ trước Cách mạng, đi tìm một lối sống mới vì không chịu đựng được những cảnh đời tù túng. Họ mang một tâm trạng rất buồn, buồn vì thế cuộc và buồn vì phải xa Hà Nội thân yêu. Nguyễn Đình Thi đã miêu tả những câu thơ nhiều màu sắc và rất gợi cảm để nói lên ấn tượng về mùa thu Hà Nội :

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy

Đúng là câu thơ của mùa thu và là mùa thu Hà Nội. Có người cho rằng, câu thơ trên phải được ngắt nhịp :

Sau lưng thêm / nắng / lá / rơi đầy

Cách ngắt nhịp trên phải chăng là quá cầu kỳ.

Theo Nguyễn Đình Thi thì vẻ đẹp trong thiên nhiên vốn giản dị, tự nhiên và câu thơ của tác giả được ngắt nhịp là :

Sau lưng thêm nắng / lá rơi đầy

Viết về mùa thu, trong phong trào Thơ mới có nhiều bài thơ hay như : *Thu* của Chế Lan Viên, *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư, *Đây mùa thu tối* của Xuân Diệu, *Thu riêng* của Huy Cận. Tất cả những bài thơ thu ở trên đều buồn. Cái buồn của cảnh vật và tâm trạng của nhà thơ, những người không tìm được lối ra trong cuộc đời. Còn nỗi buồn trong thơ của Nguyễn Đình Thi có những căn cứ ở thời cuộc và tâm trạng của con người ở trong cảnh ngộ đó, nhưng rõ ràng người viết đã tìm được một lối ra để giải thoát cho những cảnh đời tù túng. Chỗ khác nhau giữa chất thu trong *Đây mùa thu tối* với *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi trước hết là ở chỗ đó.

Mạch thơ lại tiếp tục phát triển, tác giả lại trở lại với điểm nhìn ban đầu :

*Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre pháp phơi
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha*

Nguyễn Đình Thi đã khẳng định một hoàn cảnh mới, một tâm trạng mới của con người trong khung cảnh của mùa thu kháng chiến. Về phía chủ quan, nhà thơ lúc này cũng là người chiến sĩ đang gắn bó với dân tộc, với đất nước trong cuộc kháng chiến chung. Không có sự đối lập, xa cách mà hòa hợp gần gũi. Về phía khách quan đất nước đang giành được những thắng lợi vững chắc, nhất là qua chiến dịch Thu đông Việt Bắc (1947).

Những hình ảnh cuộc đời, của làng quê kháng chiến tươi sáng reo vui. Tác giả nhân cách hoá cảnh vật, thiên nhiên như cũng đang reo vui như chính niềm vui của con người.

Có thể nói Nguyễn Đình Thi đã miêu tả một bức tranh đẹp về mùa thu khoác một bộ áo mới khác hẳn với những bộ áo mùa thu quen thuộc trong thơ xưa. Trong thơ Nguyễn Đình Thi chúng ta đã có một mùa thu vui, mùa thu cách mạng, mùa thu kháng chiến ở một làng quê. Trong khung cảnh chung của mùa thu, cảm hứng trội lên là ý thức làm chủ cuộc đời :

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đổ nắng phù sa*

Hình ảnh trời xanh được tác giả đặc biệt chú ý, trời xanh vừa là hình ảnh chân thực vừa là hình ảnh tượng trưng cho đất nước, trời xanh cũng tượng trưng cho tự do, cho những gì cao đẹp và mơ ước của con người. Trước Cách mạng, Chế Lan Viên có một ý thơ :

*Trời xanh ơi hỡi xanh không nói
Hồn ta muốn hiểu chẳng cùng cho*

Trời xanh là một hình ảnh đẹp nhưng ngoài tâm với và sự hiểu biết của con người. Các nhà thơ Tố Hữu, Xuân Diệu, Huy Cận cũng nói nhiều đến trời xanh, bầu trời xanh thăm, trời xanh tháng Tám...

Nguyễn Đình Thi cũng đặc biệt thích hình ảnh của bầu trời, ông cho biết trong lứa tuổi học trò thường hay lên Hồ Tây nằm dưới gốc cây để nhìn ngắm bầu trời. Trong bài *Đất nước*, Nguyễn Đình Thi cũng nhiều lần nói về bầu trời, bầu trời của Tổ quốc, bầu trời của miền quê, bầu trời nói lên những đau khổ, bầu trời biểu hiện cuộc sống thanh bình :

- *Trời thu thay áo mới*
- *Trời xanh dây là của chúng ta*
- *Dây thép gai đâm nát trời chiều*
- *Trời đây chim và đất đầy hoa*
- *Trán cháy rực nghĩ trời đất mới*
- *Sóng nổ rung trời giận dữ*

Nguyễn Đình Thi nhấn mạnh ý thức làm chủ. Làm chủ đất nước là một tình cảm thiêng liêng được biểu hiện trong thơ ca từ xưa đến nay qua những áng văn thơ hay của Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh,... Nguyễn Đình Thi đã nhấn mạnh ý thức làm chủ qua những hình ảnh cụ thể : trời xanh, những cánh rừng, dòng sông, cánh đồng, những ngả đường. Các từ ngữ kế tiếp nhau như còn muôn nói lên nhiều những vẻ đẹp nữa. Hình ảnh *Những dòng sông đỏ nặng phù sa* theo tác giả là được viết ra từ những chất liệu thực ở đời. Thời kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày ngày đi trên bờ sông Lô, dòng sông đỏ nặng phù sa đã gợi ý thơ cho tác giả viết những câu thơ đẹp. Từ *nặng* như hàm chứa về sự trù phú của đất nước.

Từ một không gian mở rộng miêu tả nhiều mặt của đất nước, tác giả chuyển sang chiêu dài thời gian, chiêu dài nói lên truyền thống những đặc điểm và độ lắng sâu của đất nước và con người :

Nước chúng ta

Nước những người chưa bao giờ khuất

Nguyễn Đình Thi đã khái quát những đặc điểm của truyền thống dân tộc, truyền thống hàng ngàn năm lịch sử kiên cường chống ngoại xâm.

Từ Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, đến Điện Biên Phủ. Có thể có nhiều cách nói về quá khứ, ca ngợi những chiến tích, những tấm gương anh hùng. Nguyễn Đình Thi đã sử dụng một tiếng nói riêng, tiếng nói của quá khứ là tiếng nói thiêng liêng :

*Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về*

Đó là tiếng nói của quá khứ liên tục, bền vững, luôn có khả năng tiếp sức cho hiện tại. Nguyễn Đình Thi là một nhà thơ sớm cảm nhận mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại, nhất là đối với truyền thống bất khuất của cha ông luôn vang vọng tới hôm nay. Sau này trong thơ chống Mỹ cứu nước, chúng ta bắt gặp rất nhiều từ thơ nói lên mối quan hệ này trong thơ của Tố Hữu, Huy Cận, Nguyễn Khoa Điềm,...

Trở về với cuộc kháng chiến hiện tại, Nguyễn Đình Thi tập trung miêu tả những đổi thay của đất nước, tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân ta và tội ác của kẻ thù :

*Ôi những cánh đồng quê cháy máu
Đây thép gai đâm nát trời chiều*

Những cánh đồng quê đã bao lần chứng kiến tội ác đẫm máu của kẻ thù, đốn bốt chằng chịt dày thép gai làm cho chân trời không còn vẻ thanh bình và như bị xé nát gợi lên bao căm giận xót xa. Đây là những câu thơ vào loại hay nhất của bài *Đất nước*. Trong các bài thơ *Lên Tây Bắc* của Tố Hữu, *Dọn về làng* của Nông Quốc Chẩn, *Người dân bà Ninh Thuận* của Tế Hanh, các tác giả đã miêu tả chân thực tội ác của kẻ thù, Nguyễn Đình Thi đã miêu tả sức mạnh của làng quê trỗi dậy :

*Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngồi lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hôn hậu
Đã bật lên những tiếng cǎm hồn*

Tác giả có ý thức nhấn mạnh tinh thần quật khởi của quê hương Việt Nam mà lòng căm uất đã tích tụ từ lâu đời. Những cụm từ "đã ngồi lên", "đã bật lên" góp phần nói lên sức mạnh của nhân dân. Tác giả muốn nhắc lại những trang túi buôn của quá khứ, nỗi đau khổ dưới ách kìm kẹp của thực dân, của địa chủ phong kiến :

*Bát cõm chan đầy nước mắt
Bay còn giằng khôi miệng ta
Thẳng giặc Tây, thẳng chúa đất
Đứa đè cổ, đứa lột da*

Nhưng rồi kẻ thù không thể khuất phục được tinh thần yêu nước
bất khuất của ta :

*Xiêng xích chúng bay không khoá được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà*

Những câu thơ trên được viết bằng nhiều hình ảnh có tính tượng
trung nhưng vẫn gợi cảm. Không phải ngẫu nhiên mà ở những câu thơ
trên tác giả vận dụng thanh trắc (câu 1 và 3) để diễn tả tội ác của kẻ
thù và thanh bằng ở câu 2 và 4 để nói về tinh thần yêu nước thương
nhà và cuộc sống thanh bình của dân tộc.

Bài thơ chuyển dần sang phần kết thúc. Vẫn tiếp tục phải vượt qua
những thử thách và chịu đựng những tổn thất hy sinh :

*Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội
Mỗi bước đường mỗi bước hy sinh*

Tuy nhiên hé mờ ra ánh sáng của một ngày mới :

*Trán cháy rực nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh*

Cảm hứng về tương lai nỗi bật lên trong phần cuối của bài thơ, đặc
biệt với hình ảnh những người áo vải, những người anh hùng của đất
nước đang viết nên những trang mới của lịch sử. Những người anh
hùng áo vải bao giờ cũng là những chủ nhân chân chính của đất nước
này qua trường kỷ lịch sử.

Bài thơ kết thúc một cách độc đáo với những hình ảnh mạnh mẽ,
gây xúc động :

*Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rú bùn đứng dậy sáng loà*

Những tiếng súng với âm vang mạnh mẽ phản ánh cuộc chiến đấu ở chặng đường cuối của cuộc kháng chiến khi đất nước bước vào những chiến dịch lớn. Theo Nguyễn Đình Thi đây là âm thanh của những dàn đại bác như trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Sức mạnh của quân dân với khí thế "tức nước vỡ bờ" (Nguyễn Đình Thi đã có một cuốn tiểu thuyết tên là *Vỡ bờ*) và tác giả thích sử dụng hình ảnh "tức nước vỡ bờ". Đặc biệt là hai câu kết tác giả dùng hình ảnh vừa tượng trưng vừa cụ thể. Ý thơ khai quát, lại có những chi tiết giàu sức sống trực tiếp. Theo Nguyễn Đình Thi tác giả viết hai câu thơ này dựa trên những hình ảnh của các chiến sĩ Điện Biên Phủ lầm lắp trong giao thông hào lầy lội của những ngày chiến dịch, nhưng thỉnh thoảng lại nhoẻn những nụ cười tươi tắn và có cặp mắt sáng trong. Tác giả dựa vào đấy để liên hệ tới đất nước Việt Nam vượt lên từ bùn lầy máu lửa và đang toả sáng, cái ánh sáng của niềm vui chiến thắng.

Đất nước là một bài thơ hay, miêu tả được nhiều bình diện, nhiều mặt phong phú của một dân tộc trong chiến đấu và giành thắng lợi. Bài thơ có tâm khai quát, có không gian và thời gian rộng nhưng lại giàu chi tiết và hình ảnh cụ thể. Tác giả đã kết hợp được lời viết thực với tượng trưng, giữa cái thực của cuộc sống và những hình ảnh tạo nên bằng sức tưởng tượng, liên tưởng. Cho đến nay *Đất nước* vẫn là một trong số những bài thơ hay nhất của thơ ca trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

In trong sách *Nhà văn hiện đại Việt Nam*,

NXB Hà Nội, 1998

CỐI TỊCH MÌCH TRONG THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

ĐỖ MINH TUẤN

Thơ lãng mạn 1930 - 1945 chủ yếu là một nguồn mạch mới của cảm hứng trữ tình trào vọt ra từ một cái TÔI vừa phát lộ - quà tặng hấp dẫn của nền văn minh vật chất phương Tây. Ý thức về cái TÔI là nấc thang đầu tiên và cũng là nấc thang cuối cùng của con người duy lý ngông ngạo tách mình khỏi tự nhiên để bắt chước Thượng đế tạo ra một thế giới riêng kiêu hãnh và biệt lập. Ở những nấc thang đầu tiên, cái TÔI quyết liệt, hùng hồn và đầy ý chí tự tin tuyên bố sửa lại cái thế giới mà Thượng đế phác thảo ra. Ở nấc thang tột cùng, cái TÔI run rẩy trước hổ thám ngăn cách nó với khát vọng, ảo tưởng và bầy đàn của nó, nó thầm thía cái dự cảm yếu đuối của Pascal thấy mình là cây sậy yếu ớt lè loi trước thế giới. Ở tận cùng của ý thức về bản ngã, nó run sợ, vừa muốn lui về sự buông thả tự nhiên theo kiểu thú vật, điên dại, vừa muốn nhảy vọt qua vực thẳm, làm một cú phiêu lưu vào cõi vô cùng bí mật như đưa con sà vào lòng mẹ thiên nhiên, dứt bỏ những ràng buộc duy lý.

Sau gần một thế kỷ tiếp xúc với văn minh phương Tây, con người Việt Nam mới được "ban tặng" ý thức về cái TÔI phát hiện ra một bản ngã bí ẩn và vô cùng nhạy cảm, ném trái những cảm giác mới trào vọt từ cái TÔI vào các giác quan. Thơ mới là bãi tắm truồng của cái TÔI trong thời buổi ngột ngạt oi bức của chủ nghĩa thực dân. Trên bãi biển phỏng khoáng này, cái TÔI dúi đòn nô đùa, gào thét trước từng ngọn sóng với cái hân hoan cuồng dại của những con người được trút bỏ xiêm y, mũ mǎng ngột ngạt của ràng buộc cộng đồng, của thánh thần, của cái TA. Từ Xuân Diệu tới Chế Lan Viên và Hàn Mặc Tử là cả một lịch sử cái TÔI co rút lại. Thơ họ khác nhau bởi sự bộc lộ cái TÔI ở các trình độ lịch sử khác nhau. Nhưng thơ họ có chung một màu sắc,

đó là *chất thơ của tư duy* là chất thơ mang ý chí chủ thể, lúc nào cũng lầm lầm tới cái đích của mình, hoặc ôn ào áp đặt tình yêu và chính kiến, hoặc kêu gọi người đọc đồng cảm, đồng tình và rủ lòng thương. Đặc điểm của cái TÔI trữ tình trong thơ mới này, cái chất thơ của tư duy này là nó giống như một thứ axit cực mạnh ăn mòn, hòa tan tất cả chất liệu đời sống biến thành một dung dịch lòng đơn sắc, hoặc như một thứ phẩm cực mạnh lây lan thâm thấu nhuộm màu của nó vào tất cả các chi tiết, các chất liệu cuộc sống, thiên nhiên. Nó tạo nên tính chất chứng minh, lu loa và dài dòng phân giải. Những câu thơ mượt mà như ruộng mạ mướt xanh gió thổi dạt về một phía trông rất đơn điệu, một chiều, một màu. Chất thơ của toàn bộ nền thơ mới 1930 - 1945 chỉ hấp dẫn được các độc giả vị thành niên chưa chín muồi về cảm thụ thẩm mỹ, không thuyết phục được những độc giả lịch lãm, tinh tế, khao khát một chất thơ bí ẩn xuyên thấu cái TÔI.

Thơ ca cách mạng đã làm một đảo lộn về thi pháp, đưa chất thơ của cuộc đời, chất thép của tư tưởng thay chất thơ mù mẫn của tư duy. Ruộng mạ thơ mượt xanh gió dạt về một phía được thay bằng rừng cây thơ, cành lá tua tủa hướng về nhiều phía trước cả những ngọn gió cảm xúc mạnh mẽ nhất. Chất liệu đời sống với sự bướng bỉnh nhiều chiều của nó đã tràn vào thơ mang theo cái khí phách của cái TA và cái lù lù lặng cảm của chính cuộc đời, của những chồi cùn, những rẽ rách, ổ rơm, cối gạo, anh lính trọc đầu, bà bù, tiểu đội lái xe, những người hành khất và những cô gái điếm thay thế cho những biểu tượng mòn sáo và những lời biện giải véo von.

Thơ hiện đại bỏ qua sự phân tích, một nhánh của nó gần như trở lại với thơ cổ phương Đông với tất cả vẻ khách quan, hàm súc và vô tư. Chi tiết chọn lọc lấy ra từ cuộc sống được thi sĩ tổ chức lại trong những mối liên hệ huyền bí, tinh vi đã dựng dậy trong người đọc những hiệu quả mới, dường như dâng lên từ một chiều sâu tâm thức chưa bao giờ chạm tới. Đó là hiệu quả của những chi tiết đời sống mang tính hiện tượng luận, tự nó hiển hiện ra như chính nó, không biện luận và cắt nghĩa, không bị lý trí lôi vào lập luận, không phải là một tín hiệu của một ý niệm tối cao theo kiểu Thượng đế Cơ đốc giáo hay ý niệm tuyệt đối của Hegel.

Từ thơ mới đến thơ ca cách mạng là một sự biến đổi về chất trong cảm xúc, diêm nhìn và phương thức tư duy. Cái TÔI cuồng nhiệt đã được thay thế bằng cái TA thiêng liêng ôn á, chất thơ của tư duy đã thay thế bằng chất thơ của đời thường, sự bộc bạch, biện giải dài dòng một chiều đã được thay thế bằng cái lặng cảm da diện của chi tiết đời sống, cảm xúc mượt mà đơn điệu được thay thế bằng cái bướng bỉnh nhiều chiều của hiện thực khách quan. Thơ ca cách mạng đã đạt tới một sắc thái thẩm mỹ độc đáo, phong phú, nhưng ở nhiều bài cụ thể vẫn còn vương vấn sự giàn đơn áp đặt của một kiểu cái TA áu trĩ mang dáng dấp cái TÔI cộng đồng, cái TÔI tập thể nên đã mang theo cả cái ôn ào, phân giải độn với cái hàm súc có sắc thái hiện tượng luận của hiện thực khách quan. Nếu như trước đây trong thơ mới, cái TÔI là một thứ màu mạnh thẩm thấu hoen ố khắp mọi nguồn cảm hứng, mọi quan sát so sánh và liên tưởng, thì trong thơ cách mạng, cái TA chưa trưởng thành cũng có áp lực thẩm thấu như vậy – nó hệ thống hoá, duy lý hoá, công thức hoá và sơ lược hoá nhiều tác phẩm thơ ca tuy ở những tác phẩm thành công nó cũng có tác dụng của một công cụ cách mạng, mang bản chất thẩm mỹ của cái Hùng góp phần bồi dưỡng nhân cách khoẻ khoắn của một dân tộc khao khát độc lập, tự cường. Ở những tác phẩm sơ lược áp đặt, nó chưa đạt tới hiệu quả thẩm mỹ, mới chỉ dừng ở sự bộc lộ ý chí giàn đơn. Sự tràn ngập của ý chí, đó là mặt giống nhau giữa thơ cách mạng và thơ mới. Nó mang theo cái phơi phới, lạc quan, hoành tráng, kiêu hùng và bất khuất, cái ý chí ôn ào của một thứ bản ngã cộng đồng, tôn giáo cộng đồng, làm hạn chế sức thuyết phục thẩm mỹ, sức thẩm sâu, trầm lắng và chân thực của nhiều tác phẩm thơ ca.

Thơ Nguyễn Đình Thi xuất hiện như một quãng lặng trong sự chuyển tiếp giữa hai nền thơ, hai chương bản giao hưởng mà giai điệu chính là cái TÔI và cái TA. Cùng với thời gian, quãng lặng ấy ngàn dặm, hoà trong một bè trầm tao nhã của thơ ca cách mạng, ở trong bè trầm đó, người đọc tiếp xúc với một phía khác của người cách mạng – một thái độ khiêm nhường trước con người và trời đất, một cửa sổ mở ra cõi tịch của thiền sư. Thái độ trữ tình ấy là một tinh thần nhân văn, cố gắng vươn tới cái im lặng sâu thẳm của vũ trụ, nó đối trọng với cái ôn ào lên gân và tinh thần duy lý, duy ý chí. Ở bè trầm đó, vệt thơ mà

Nguyễn Đình Thi tham gia đó có những đặc điểm riêng mà cơ sở tư tưởng thẩm mỹ của nó chúng tôi sẽ phân tích dưới đây. Các tác phẩm thơ của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Phạm Tiến Duật và nhiều nhà thơ khác xuất hiện và trưởng thành trong hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ làm nên âm hưởng chính của thơ ca cách mạng, hoà điệu với tâm hồn và ý chí quần chúng ở những tầng ý thức và cảm xúc cơ bản của con người, với những giá trị thơ ca giao thoa, cộng sinh với giá trị lịch sử mang sắc thái thẩm mỹ mới là hoà trộn giữa tôn giáo và thần phận, cái vĩnh cửu và cái đời thường. Thơ Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu cũng mang những giá trị cơ bản của thơ ca cách mạng, nhưng nằm trong một nhánh nhỏ của bút pháp thơ trầm lắng và cõi dũng, là sự kết hợp theo một tỷ lệ khác những phẩm chất phổ biến trong thơ ca Việt Nam hiện đại, là tình cảm yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào đồng chí, ước mơ và tin tưởng ở tương lai hạnh phúc cộng đồng. Đó là cái TÔI cách mạng, cái TÔI trữ tình đầy nhiệt huyết được kìm nén lại, chất lọc lại trong một thái độ trữ tình từng trải, nhưng vẫn không nguôi day dứt, suy tư.

Thơ Nguyễn Đình Thi hiển nhiên là trữ tình cách mạng vì ta có thể tìm thấy trong đó hơi thở của cuộc sống dân tộc trong hai cuộc chiến tranh. Thơ ông không đều tay, bên cạnh những bài lả, hay ông cũng có không ít bài thơ dễ dãi, hoặc giống như thơ của nhiều người khác. Nhưng những bài thơ, đoạn thơ hay nhất của ông mang một sắc thái thẩm mỹ độc đáo không lẫn vào đâu được, thấp thoáng những nguyên tắc thẩm mỹ của thơ Á Đông với một độ thản nhiên vô ngã trong sự trình bày những mảnh thế giới đã nhuốm màu hiu quạnh của hư vô và vẫn rực sáng lên thứ ánh sáng lả lùng của vĩnh cửu và hy vọng.

Những bài thơ, đoạn thơ này gợi ta nhớ đến Loen Paul Fargne, kẻ thù của mọi thứ khoa trương, mọi thứ hùng biện và cường điệu, người coi thơ "là một cõi tịch mịch lớn lao mà người ta nghe thấy nó tràn vào người ta làm cho nhịp sống của người ta nhanh lên". Nguyễn Đình Thi cũng gợi nhớ quan niệm của Pierre Reverdy, người coi chất liệu thi ca chỉ ở trên bờ vực thẩm, "cái khiến người ta quan tâm nhiều hơn là tiếng vọng thảm trầm bí ẩn, không biết từ đâu đến đang nổi lên ở đáy vực". Nhìn về phương Đông, ta thấy trong thơ Nguyễn Đình Thi đã có

những khi gợi nhớ. Đại viễn cảnh trí của thiền sư, nơi thế giới hiện ra như một cõi thanh tịnh, viên mãn, hư không trước sự bùng ngô của thi nhân, vắng bóng cái TÔI, cái bản ngã mê lầm, vọng tưởng và khát dục. Tưởng như suýt nữa thì ông đạt đến cửa ngõ dẫn tới thơ Thiền.

Tư tưởng triết học phương Đông quan niệm vạn vật trong thế giới đều có hiện tính của mình, nó khác với hình ảnh trong lý trí của ta. Con người dùng lý tính bao bọc lên làm sự vật không mấy khi hiện ra như chính nó. Để nhìn nhận sự vật như hiện tình của chúng, ta cần giải trừ ý thức, tập quên dần bản ngã để thả tâm thức mình hòa nhập vào tiết điệu vũ trụ, đáp nhịp chung với tiết điệu của sự vật trong dòng vô thức. Khi đó, nhìn một bông hoa đại ngoài đồng ta sẽ thấy nó lộng lẫy hơn cả Salomon vào thời Ngài còn sống, vì bông hoa đã hiện ra như nó vốn tồn tại, trong cái trinh trắng ban sơ của nó, không bị xuyên tạc bởi sự chiếm lĩnh của cái TÔI đầy tham vọng, đầy ảo giác như trước đây. Kinh nghiệm Thiền đã ít nhiều cảm nhiễm vào chúng ta qua các vần thơ của các nhà sư đời Lý và một phần thơ Đường, thơ Haiku Nhật Bản. Giờ đây, ta có thể cảm nhận được trong một số bài thơ, đoạn thơ hay nhất của Nguyễn Đình Thi, một cõi thanh tịnh trầm lặng mà trực giác bát nhã của nhà Phật đã dâng hiến cho ta. Nếu chọn được một góc nhìn thích hợp, ta có thể nếm trải hư vô trong những câu thơ thần nhiên, tịch mịch của ông.

Trong thi pháp Nguyễn Đình Thi ta thấy thấp thoáng một *sự tịch mịch hoá* cố gắng giảm thiểu cái TÔI, loại bỏ sự phân giải chủ quan để chất thơ của cuộc đời, của hiện tính được tự nhiên phô bày, khơi gợi. Nhiều khi ông mô tả thần nhiên, có vẻ hững hờ, không nhấn mạnh, không bình luận, để cho cái TÔI gần như bị hư vô hoá và con người sự vật đã có khoảnh khắc hiện ra trong vẻ lộng lẫy của cõi tịch lặng thiên thu. Trước một em bé bị thương nằm "bên vệ đường tro than, tóc dài bết máu", trước một "chú nhỏ giao thông phi ngựa", "bướm trắng đuổi chân người", một cô gái "dưới sông gánh nước đi lên" giữa buổi chiều trên sông "cánh chim rợp cả bến thuyền" hay trước một cô gái "vai áo bạc quàng súng trường" nhà thơ gấp trên núi cao lộng gió, nơi "rừng lả ào ào lá đỏ", v.v. trước tất cả những số phận vừa hào hùng thơ mộng vừa bi thương đó, nhà thơ chỉ mô tả châm phá, thần nhiên, không bình luận

tán dương, không lu loa chia sẻ, không bộc lộ thái độ của mình dù là khâm phục, cảm thông hay run rẩy. Nhưng cái vẻ vô tâm thản nhiên đó (ta có thể khó đồng cảm và thậm chí không đánh giá cao về phong diện nhân văn) lại chính là cái thản nhiên mở đường cho sự hiện diện của tính KHÔNG để vữn trụ hoá các số phận, các cảnh trí và làm cho con người, sự vật hiện lên trong cái ánh sáng băng bạc, huy hoàng của cõi thanh tịnh tràn đầy. Chính trong sự giảm thiểu cái TÔI đến mức tối đa này, mà sự vật hiện ra trong tiết điệu của chính nó, tiết điệu của vô thức, đó là một tiết điệu lạ lùng không hề giống với tiết điệu của lao động, nghi lễ hay khát vọng mà các nhà thơ thường phổ vào hình tượng như tiết điệu ru con, tiết điệu chèo thuyền, tiết điệu giā gạo, tiết điệu ngựa phi...

Từ mấy chục năm nay chúng ta đã bàn nhiều đến cái mới trong tiết điệu thơ Nguyễn Đình Thi. Chúng ta thường hay dùng khái niệm "tự do" để chỉ câu thơ ngắn dài bất định của ông. Nhưng bản chất của tiết điệu này là gì, chúng ta thường có ý cho rằng đó là sự thảng thơ của chủ thể, của cái TÔI trong việc sáng tạo của tiết điệu mới thoát khỏi lực hướng tâm của những tiết điệu mòn sáo, luân phiên, đặng đổi kết đọng trong cảm thức. Thực ra, trong những bài thơ hay, tiết điệu đó là tiết điệu tự do do sự vật được giải phóng khỏi áp lực của cái TÔI, nó có lúc gần như tự hiện diện trong tiết điệu hồn nhiên và đầy quý thuật của vô thức. Kết luận vội vã này cũng là hệ quả của một cố gắng tìm kiếm góc nhìn khác, cần được kiểm chứng kỹ càng hơn trong một nỗ lực soi sáng các hiện tượng nghệ thuật từ mỹ học và triết học phương Đông.

Có thể là cường điệu khi nhấn mạnh cái vô ngôn, cái tính KHÔNG trong thi pháp Nguyễn Đình Thi, nhưng không thể phủ nhận được những dấu hiệu của mỹ học phương Đông trong thi pháp đó, nó làm nên sắc thái độc đáo, cái vẻ man mác buồn dày thú vị khiến ta có lúc tiếc, giá mà ông không phải một quan chức thì có thể ông sẽ có một sự nghiệp thơ lớn lao hơn, thuyết phục hơn.

In trong sách *Ngày văn học lên ngôi*.

NXB Văn học, H., 1996

MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM VỀ NGÔN NGỮ THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

LÊ THỊ CHÍNH

Nguyễn Đình Thi bắt đầu sáng tác thơ vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngay từ khi mới xuất hiện, thơ ông đã là một hiện tượng độc đáo, gây nên những cuộc tranh luận khá gay gắt và trong suốt đường thơ của mình, ông vẫn kiên trì một lối đi, bởi nó là "niềm thiết tha nhất" của ông. Vuột qua những trở ngại thật lớn trên hành trình "tìm tòi rất khổ", những nỗ lực làm mới thơ của Nguyễn Đình Thi đã đạt được những thành công và có ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của thơ Việt trong thời đại mới.

Nói riêng về ngôn ngữ, thơ Nguyễn Đình Thi cho thấy một vài đặc điểm nổi bật như sau :

1. *Thơ Nguyễn Đình Thi là thơ trữ tình điệu nói – "Thơ như lời nói thường mà đạt tới một cảm xúc mãnh liệt"*

Đây là đặc điểm bao trùm chi phối cách lựa chọn từ ngữ, cách tổ chức câu thơ, dòng thơ, các phương thức diễn đạt, nhịp điệu, thơ có vần hay không có vần, v.v. của Nguyễn Đình Thi.

Thơ điệu nói vốn có mầm mống lâu đời từ *hát nói* và được thể hiện khá phong phú trong thời thơ mới. Nhưng "tiếng nói trong thơ mới phải là tiếng nói khoẻ khoắn sinh động của cuộc sống" (Hà Minh Đức). Thơ mới vẫn quá du dương, mượt mà, nó vẫn giữ "vần" lại như là yếu tố cơ bản của thơ. Phải đến Cách mạng tháng Tám, khi thơ ca gắn liền với hiện thực đấu tranh sôi nổi, với "biết bao trạng thái đẹp đẽ và đau đớn, biết bao xúc cảm rộng rãi và thâm thiết" của dân tộc trong thời đại cách mạng này, ngôn ngữ thơ ca mới thực sự giàu sinh lực, biểu hiện đầy đủ chất khoẻ khoắn và giàu có của tiếng nói đời sống. Và ngôn ngữ thơ điệu nói mới thực sự phát triển, đánh dấu một bước tiến lớn của thơ hiện đại Việt Nam.

Tuy nhiên, không phải nhà thơ nào cũng nhập ngay vào thơ "điệu nói", và việc tiếp nhận thơ "điệu nói" cũng không phải dễ dàng ngay đối với công chúng khi mà họ đã quá quen với lối thơ "ngàn nắp", "du dương", "trầm bồng" trước đó.

Riêng với Nguyễn Đình Thi, ông tỏ ra không thể chịu được với "những bài thơ cùng một nhịp đều đẽo" – "Tôi không thích những bài thơ nói ra những tâm tình. Nó phải nói ra cảm xúc. Cảm thế nào nói thế ấy. Khi có đủ cảm xúc tự nhiên thì nói thành văn cũng được, không thì thôi..., nói như lời nói thường", "Tôi mong đi tới những câu thơ như lời nói thường mà đạt tới một cảm xúc mãnh liệt".

Nỗ lực của Nguyễn Đình Thi là "thơ như lời nói thường" nhưng phải là thơ chứ không thành văn xuôi. Dĩ nhiên không phải lúc nào ông cũng thành công. Thơ diệu nói của Nguyễn Đình Thi nhiều khi không khác gì lời nói thường :

– *Ôi chao mỗi lần các anh bay lên cao.*

Xóm làng bao nhiêu con mắt nhìn theo.

– *Chị huyền uỷ lấy trong tay nải*

Máy chùm vải thiều

Chị cười tươi : quà của bà con...

(*Chị huyền uỷ đến thăm sân bay*)

Với những lời nói chân thật như thế, Nguyễn Đình Thi mong muốn đưa ngôn ngữ thơ về gần với ngôn ngữ giản dị của đời sống. Song trong bản năng tiếng nói dân tộc của người Việt, có bản năng về sự hoà thanh. Những sự vượt thoát quá mức làm phá vỡ tính đối xứng cần thiết của ngôn ngữ thơ có khi cũng sẽ làm sút giảm hiệu quả thẩm mỹ... cho nên, người đọc dễ tiếp nhận hơn với thơ diệu nói của Nguyễn Đình Thi ở những lời thơ giản dị "như lời nói thường" nhưng có súc âm vang đặc biệt như :

– *Sáng mát trong như sáng năm xưa*

– *Nắng soi ngõ vắng*

thêm lối cũ ra đi

lá rụng đầy

– *Tháp Rùa lim dim nhìn nắng*

– *Chiều nhạt nhạt về nơi nào xa lắm*

– *Mùa thu này khác rồi, v.v.*

Những lời thơ như thế tuy đơn sơ, không trau chuốt nhưng nó dội sâu vào tâm hồn vì dường như nó được thốt ra từ đáy của tâm hồn. Nguyễn Đình Thi có khá nhiều những lời thơ tự nhiên và thuần khiết như thế.

Quan niệm "thơ như lời nói thường" đã chỉ phôi cách dùng từ, cách tổ chức lời thơ,... của Nguyễn Đình Thi. Ông thường sử dụng một cách tự nhiên những thán từ, những lời gọi, lời hỏi,... để vừa bộc lộ trực tiếp cảm xúc, vừa như tạo ra không khí trò chuyện gần gũi :

Ôi em

Chúng ta như hai ngôi sao

Hai chân trời láp lánh

(*Bài thơ viết cạnh đồn Tây*)

Em biết đây – đời anh

Một mớ lòng thông nhẽ nhại

Chút ánh mờ khẽ thở

Tất cả

Bỗng ném vào tay anh

(*Còn giống*)

Thơ diệu nói của Nguyễn Đình Thi chủ yếu là "Những lời nói thầm" với chính ông, là những lời nói bình thường của cuộc sống cất lên dịu dàng, sâu lắng, rất ít khi là những lời chính luận, triết luận về những vấn đề lớn lao (như trong thơ Tố Hữu hoặc Chế Lan Viên). Thơ diệu nói của ông góp phần tạo nên giọng điệu cá nhân và làm nên một phong cách thơ, một "hiện tượng thơ" độc đáo Nguyễn Đình Thi trong nền thơ hiện đại.

2. Ngôn ngữ theo xu hướng thuần Việt giản dị, giàu hình ảnh và hàm súc

Đọc thơ Nguyễn Đình Thi, không thấy có hiện tượng nhà thơ cầu kỳ, hoặc cố làm khác từ, hoặc biến đổi câu cho thật mới lạ độc đáo. Trong khi sáng tạo ngôn ngữ vốn là công việc thu hút sự quan tâm và là sự phấn đấu không ngừng của nhiều nhà thơ... thì Nguyễn Đình Thi – ông như là "một thái cực khác" của Nguyễn Tuân và Chế Lan Viên. Nguyễn Tuân "gò lồng luyện chữ, muốn tạo chữ mới" (Trần Đăng Khoa); Chế Lan Viên luôn có xu hướng làm mỹ lệ hoá từ ngữ; còn Nguyễn Đình Thi chủ yếu để hiện trên trang giấy những từ thuần Việt mộc mạc tự nhiên, ở dạng nguyên của nó :

*Em bé cười trâu
Tóc đây bụi em cười
Giữa đường thơm lúa chín*

(Lúa)

*Ôi những vật ruộng vàng
Chiều nay rung rinh lúa ngả
Đài áo chàm bay múa
Tiếng hát ai lénh đèn...*

(Đường mía)

Thơ Nguyễn Đình Thi xuất hiện với mật độ đậm đặc những từ thuần Việt, những tính từ, những từ chỉ động thái bên trong của sự vật, hiện tượng. Chỉ riêng để tả đôi mắt, nhà thơ đã dùng tới hơn 40 tính ngữ để thể hiện (*mắt sáng láng, mắt bối hối, mắt bờ ngỡ, mắt trong trẻo, mắt bời bời, v.v.*) Đọc thơ Nguyễn Đình Thi, người Việt Nam có dịp nhìn lại kho từ vựng phong phú và khả năng diễn tả đặc biệt của nó, từ đó mà có ý thức đúng đắn hơn trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Tuy chưa đóng góp được những từ mới, nhưng nỗ lực đặc biệt của Nguyễn Đình Thi là trở về với tiếng nói dân tộc, khai thác "âm vang đặc biệt" của các từ (tiếng), làm sao cho "mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa cụ thể của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung, mở rộng ra, gợi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy" (Nguyễn Đình Thi).

Nói như thế cũng có nghĩa là ngôn ngữ thơ phải đặc biệt hàm súc. Điều này thì nhà thơ nào cũng quan tâm. Thơ cần nhất phải kiệm lời. Nguyễn Cư Trinh đã từng nói : "Một chữ mà nghĩ bao năm mới được, giảng ngàn năm chưa xong", thơ Nguyễn Đình Thi, ngay từ khi mới xuất hiện, du luận đã nhận xét : "Câu thơ anh Thi đúc quá. Anh rất tiết kiệm chữ. Đó là ưu điểm. Nhưng lại tiết kiệm quá, đúc quá, độc giả không theo kịp được" (Xuân Diệu). Gần đây giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh cũng nói : "Lời đúc. Mỗi chữ như một giọt tinh hoa chảy ra đầu ngọn núi". Các bài thơ của Nguyễn Đình Thi thường ngắn, thậm chí cực ngắn. Có bài chỉ có 2 câu ; số bài gồm vài câu xuất hiện tương đối nhiều (*Chỉ một chút, Là một tia nắng, Hoa vàng, Có lẽ, Nơi em, v.v.*). Nguyễn Đình Thi làm thơ không nhiều l้า, vậy mà mỗi khi có thơ ông lại "lời đúc" như thế và cứ mỗi lần tái bản, nhà thơ lại tỷ mỷ đọc, sửa, mong thơ đạt tới một độ hàm súc cao hơn.

Vì thơ Nguyễn Đình Thi "nói bằng hình ảnh" nên ngôn ngữ trong thơ ông rất giàu hình ảnh. Hình ảnh trong thơ Nguyễn Đình Thi dường như được truyền trực tiếp từ cuộc sống tới người đọc.

*Sơn La những lũng đáy sương
Những đồi vàng hoe láu chín
Những buổi rời tuy bịn rịn
Chân đi quẩn quýt bờ mương*

(Quê hương Việt Bắc)

*Anh nhìn bỗng rời nước mắt
Trời lấm tấm điểm sao...*

(Buổi chiều Vầm Cỏ)

Có cảm giác hình ảnh hiện hình ngay lên trước mắt. Đạt được điều đó là do Nguyễn Đình Thi rất chú trọng chức năng tạo hình của ngôn ngữ. Thủ đọc những câu thơ này :

- *Đêm nay trong vườn hoa ngắn ngang ụ súng*
Bên ven hồ lâm dốc trăng xanh
- *Chiều xuống lung trời lác đác sao*
- *Những chiếc lá nâu, đen, rách, quăn queo*
v.v.

Những từ tạo hình như thế khiến hình ảnh dẫu không được mô tả chi tiết vẫn hiện rõ đến chi tiết. Điều này rất thống nhất với dụng ý của Nguyễn Đình Thi : ông muốn gọi đúng tên sự vật hiện tượng, vì ông luôn quan tâm tới tính xác thực của chúng và để cho "hình ảnh tự nói lên tình ý". Nguyễn Đình Thi cũng không quan tâm nhiều lắm tới các phương thức biểu hiện. Ông dường như ở chiều ngược lại với Chế Lan Viên. Thơ Chế Lan Viên sử dụng các biện pháp tu từ với mật độ đậm đặc. Còn Nguyễn Đình Thi cố diễn đạt cho đúng, cho rõ trạng thái tinh thần hoặc hình ảnh này lên từ trạng thái đó. Ông không cầu kỳ đi tìm cách nói. Nhưng khi biện pháp tu từ nào đó có đến cũng đến một cách tự nhiên. Thơ Nguyễn Đình Thi có xuất hiện những hình ảnh ẩn dụ, nhưng chủ yếu là những ẩn dụ theo xu hướng vận động di từ nghĩa thực, nghĩa gốc đến nghĩa biểu tượng, tượng trưng, thậm chí nhiều tầng (ngôi sao, ngọn lửa, hòn hoa, đồi mắt, dòng sông, vai áo bạc màu,...).

Cách thức so sánh trong thơ Nguyễn Đình Thi cũng có nét riêng. Vốn "kiêm lời" nên so sánh trong thơ Nguyễn Đình Thi thường là so sánh đơn, một tầng :

*Hồi em gánh nước bên sông
Đẹp tươi như đoá hoa hồng*

(Chim én)

Anh như chiếc thuyền con nơi biển trời

(Trong đêm)

Nó khác xa kiêu so sánh của Chế Lan Viên :

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ dòi lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa*

(Tiếng hát con tàu)

Chế Lan Viên hay dùng so sánh kép nhiều tầng như thế. Đặc điểm này thể hiện một nét phong cách của ông : nói ào ạt, nói nhiều, nói hết.

Trong nghệ thuật thơ ca, so sánh là một biện pháp tu từ rất phổ biến, nhằm giúp nghệ sĩ xây dựng hình ảnh. Về thực chất, so sánh là "công khai phơi bày hai vẽ so sánh" : vẽ được so sánh (A) và vẽ so sánh (B). Nhờ (B) người đọc hiểu được sâu sắc hơn những phẩm chất của (A). Trong thơ Nguyễn Đình Thi, các vẽ so sánh (B) đều là một hình ảnh cụ thể, chân xác, hiện ra trước mắt người đọc, chứ không ở dạng một khái niệm. Đây là chủ đích của nhà thơ, muốn "truyền trực tiếp hình ảnh tới người đọc" :

*– Chúng ta như hai ngôi sao
Hai đầu chán trời lấp lánh*

(Bài thơ viết cạnh đồn Tây)

*– Ôi tiếng hát sao mà vời vợi
Như thảo nguyên dài, rộng, mènh móng*

(Bài thơ Hắc Hải)

Như đôi chim tung cánh hai phương trời

(Chuyện hai người yêu xa cách)

Còn những khi so sánh rơi vào dạng khái niệm hoặc dẽ dại, đó là lúc thơ Nguyễn Đình Thi rơi vào khô khan, ít thuyết phục :

*– Anh yêu em vẫn như lửa dữ
Như gió mùa xuân thổi dịu hiền*

- Nhìn mắt em lòng anh như lửa cháy
- Lòng ta như lửa đốt dầu sôi...

Chỉ khi nào thơ gặp được những "hình ảnh mới mẻ", những "hình ảnh thực", "còn tươi nguyên", "này lên từ tâm hồn", khi ấy thơ ông dù "như lời nói thường" mà cứ ngân vang mãi.

Đáng chú ý hơn cả là những khoảng lặng trong thơ Nguyễn Đình Thi. Đường như đây mới là chủ đích của nhà thơ, vì Nguyễn Đình Thi muốn thơ "gọi" nhiều hơn là "tả", "kể", và "những khoảng lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động". Ông tạo ra rất nhiều những khoảng lặng giữa các từ, các câu, giữa các đoạn trong bài. Có lúc ông để những câu thơ đứng riêng một mình, cách xa những câu khác, và có khi chỉ bằng một câu ấy làm phá tung ra, vang lên giữa "mênh mông" lặng im những xúc cảm, những ý tưởng sâu sắc bất ngờ...

3. Hình thức câu thơ phóng khoáng, tự do

"Tuy chững chạc trong thể thơ truyền thống (ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát); mục thước trong thơ 8 chữ, nhưng nhìn chung Nguyễn Đình Thi thoải mái, thích hợp hơn với những hình thức tự do, phóng khoáng" (Trần Hữu Tá). Đọc thơ ông, thấy không có mấy bài sử dụng thuần một hình thức câu thơ. Thường là nhà thơ xen kẽ nhiều hình thức trong một bài. Sự xen kẽ không do chủ định, sắp xếp mà do sự vận động của cảm xúc đã gọi ra hình thức câu thơ đó. Ở *Bài thơ Hắc Hải*, chiếm phần lớn là câu thơ 7 chữ, nhưng đến khi thể hiện nỗi nhớ quê hương của người thuỷ thủ Việt Nam, hình thức câu thơ chuyển sang thể lục bát một cách tự nhiên. Ở bài thơ *Đất nước*, mỗi khi cảm xúc nén lại, nhà thơ viết những khổ thơ 6 chữ cõi dúc, chắc nịch, âm vang. Hầu hết các bài thơ của Nguyễn Đình Thi là sự dàn cài các câu dài ngắn không đều – có khi câu thơ đầy tới hơn 10 chữ, có khi chỉ có 3 chữ, 2 chữ, thậm chí chỉ 1 chữ... Tất cả đều do cảm xúc. – Nếu cân nói một hơi dài, dùng những câu dài, nếu hơi ngắn, viết ngắn" (Nguyễn Đình Thi).

Thơ Nguyễn Đình Thi phần lớn là thơ không vần – thống kê trên *Tuyển tập Nguyễn Đình Thi* (Tập III – phần Thơ) cho thấy 67/101 bài không vần, chiếm 66,33% và nhiều bài xen kẽ có vần, không vần. Thơ không vần của Nguyễn Đình Thi đã từng gây tranh cãi gay gắt tại Hội nghị văn nghệ Việt Bắc (năm 1949). Có ý kiến cho rằng "Thơ không vần tức là lập dị", "Thơ không vần thì đừng gọi là thơ". Nguyễn Đình Thi quan niệm : "Vần là một lợi khí đặc lực cho sự

truyền cảm, nhưng không phải cứ hết vần là hết thơ...". Và ông đã tiến hành một cuộc thử nghiệm táo bạo trong suốt hành trình thơ của mình. Cùng với nhiều nhà thơ khác nữa trong kháng chiến chống thực dân Pháp, rồi chống Mỹ, và những năm gần đây..., Nguyễn Đình Thi đã chứng minh rằng "Không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không có vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ". "Mỗi thể thơ có một khả năng, một thứ nhịp điệu riêng của nó". Thử đọc lại những câu thơ này :

*Đèo vàng đỏ gió
Nắng đầu núi nghiêng
Ai hát giọng rừng
Vắng vẻ*

(Khúc hát miền Tây)

*Ôi nắng dội chan hoà
Nao nao trời hiết
Gió đượm hương đồng ruộng
Hương rừng chiến khu*

(Sáng mát trong như sáng năm xưa)

Nhà phê bình Nguyễn Văn Hạnh cho rằng : "Bỏ vần, hay đúng hơn không coi vần như một yếu tố không thể thiếu được của thơ cũng có tác dụng như việc bỏ đói trước đó để hiện đại hoá thơ". Thực ra, việc bỏ vần nằm trong một cố gắng tổng quát hơn của Nguyễn Đình Thi là "làm cho thơ thoát ra khỏi cái không khí, cái âm hưởng du dương, thoát ra khỏi khuôn khổ ngắt quãng quá để cho thơ gần cuộc sống hơn, cả về nội dung lẫn hình thức, đưa thơ từ "diệu ngâm" sang "diệu nói", thơ trở thành tiếng nói thơ tự nhiên giản dị" (Nguyễn Văn Hạnh). Nỗ lực của Nguyễn Đình Thi là ở đó. Với ông, nghệ thuật là phải tự nhiên, và thực tế, nhà thơ không tuyệt đối hoá thơ không vần, ông vẫn làm thơ có vần khi mà "cảm xúc gấp được vần", còn không thì "hãy vượt lên" miễn là thơ ghi được đúng cảm xúc. Bởi thế, khi đọc thơ Nguyễn Đình Thi, người đọc ngạc nhiên trước sự phong phú của kiểu loại bài thơ, câu thơ. Ông làm thơ lục bát, thơ ngũ ngôn, thất ngôn, thơ 8 tiếng, song nhiều nhất vẫn là thơ tự do và nhiều khi là thơ vần xuôi. Ông vừa có trường ca, lại vừa có nhiều bài thơ ngắn. Ông còn tạo ra ở nhiều bài kiểu kết cấu từng cặp câu thơ, mà đúng ra là từng cặp câu nói...

Nguyễn Đình Thi không câu nệ lâm vào việc ngừng ngắt cho đúng nhịp, đúng vần, gấp khi hơi thở dài, ông để "câu tràn câu", miên sao diễn tả cho đúng, cho rõ cảm xúc của mình... Theo ông, câu thơ trước hết phải có sức sống về nội dung, phải biểu đạt một cách tự nhiên những cảm nghĩ tự nhiên của con người trong cuộc sống hằng ngày.

4. Vậy thì chỉ còn nhịp điệu mới là hình thức đích thực của thơ

Đúng là như thế, khi đã không coi vần như một yếu tố không thể thiếu của thơ, khi hình thức câu thơ dài, ngắn,... là do mạch cảm xúc... thì vần đề còn lại với Nguyễn Đình Thi là làm sao khai thác, phát huy nhịp điệu của ngôn ngữ đến mức cao nhất. Thật ra không phải Nguyễn Đình Thi không coi trọng *nhạc ngoài tai* – thứ nhạc được tạo nên bởi vỏ âm thanh của ngôn ngữ, bởi sự đập đổi bằng, trắc,... Nhưng việc tổ chức âm thanh vào một hệ thống nhịp điệu nào đó phải do cảm xúc gợi ra. Câu thơ *Sáng mát trong như sáng năm xưa* được viết bằng toàn thanh ngang và thanh sắc, tạo thành một chuỗi âm thanh trong sáng để diễn tả cảm giác trong mát. *Dòng sông trong xanh* cũng thế – ở đây, cái trong trào của đối tượng đã được thể hiện bằng cái trong trào của âm thanh ngôn ngữ. Những khi tâm hồn vui, phơi phới, âm thanh ngôn ngữ thường vang lên ở cung bậc cao :

*Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre pháp phổi
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha*

(Đất nước)

Gặp khi cảm xúc trầm, buồn, sâu lắng, câu thơ Nguyễn Đình Thi gọi ra những thanh trầm một cách tự nhiên :

*Một khoảng trời xanh kia
Đâu phải chuyện đùa*

(Một khoảng trời xanh kia)

Có thể nói Nguyễn Đình Thi đặc biệt nhạy cảm về tính nhạc trong tiếng nói dân tộc. Nhiều câu thơ của ông tự nó đã là câu hát, nhạc sĩ chỉ cần ký hiệu hoá những âm thanh (ngôn ngữ) thành nốt nhạc của chính nó :

*Gặp em trên cao lồng gió
Rừng lụ ào ào lá đỏ*

*Em đứng bên đường
Như quê hương
Vai áo bạc, quàng súng trường*

(Lá đỗ)

Phản ngữ nghĩa của từ (tiếng) cũng mang nhạc – vì nhịp điệu của ngôn ngữ phản ánh nhịp điệu của đời sống. Và nhiều khi nhịp điệu bên ngoài đời sống là cơ sở để tạo nên nhịp điệu bên trong của cảm xúc. Câu thơ "Hoa nghệ xôn xao nở tím hồng" vừa có tiếng nhạc "xôn xao" của hoa lá, vừa có phản xao xuyến xúc động của thi sĩ trước sức sống bất diệt, nên thơ, tươi đẹp của thiên nhiên.

Tuy nhiên, Nguyễn Đình Thi đặc biệt chú ý tới "sự hoà điệu" của tiếng nhạc trong thơ. "Tiếng nói trong thơ là tiếng nói đầy âm nhạc, tiếng nói có nhịp điệu – nhịp điệu những âm thanh vật chất của tiếng nói con người, và nhịp điệu của những ý nghĩa, cảm xúc tình tự hoà quyện nối tiếp nhau". Nhiều bài thơ của Nguyễn Đình Thi đã có được "sự hoà điệu" này : *Nhớ, Đất nước, Lá đỗ, Buổi chiều Vùm Cỏ, Tia nắng*, v.v.

Nhịp điệu thơ không chỉ vang lên ở trong chữ, trong câu, nó còn vang lên ở khoảng cách giữa những chữ, những dòng. Lắng nghe từ những "khoảng lặng im" vốn rất phổ biến trong thơ Nguyễn Đình Thi, có thể thấy những tiếng dội vang rất đa dạng và tinh tế. Có bài thơ là những tiếng dội trầm sâu (*Đất nước*) ; có bài là âm hưởng hùng tráng (*Người Hà Nội*) ; có bài là nét nhạc buồn mênh mang mà cố nén (*Đói mắt, Không nói*), có bài thật dịu dàng tha thiết (*Trên con đường nhớ*) và có bài đi qua nhiều giai điệu khác nhau, tạo một sức lôi cuốn mãnh liệt với người đọc.

Nhưng âm vang trong thơ Nguyễn Đình Thi là âm vang của thơ trữ tình điệu nói... nên thơ ông khó ngâm. Nó là thứ thơ để đọc, đọc bằng mắt, đọc lên như khi ta nói, hoặc đọc trên nền nhạc. Nhiều bài thơ của ông, bề ngoài tưởng như vẫn xuôi, nhưng bên trong đầy dư vang của chất nhạc. Thơ tự do, thơ không vẫn cũng đã tạo điều kiện cho mỗi bài thơ của Nguyễn Đình Thi có một vẻ đẹp riêng về nhịp điệu, một ấn tượng riêng về âm nhạc.

Tháng 9 - 1999
Tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*,
số tháng 5 - 6 - 2000

Phần bốn

**LÝ LUẬN PHÊ BÌNH
VÀ KỊCH NGUYỄN ĐÌNH THI**

NHÂN ĐỌC MẤY VẤN ĐỀ VĂN HỌC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐÁU TRANH TƯ TƯỞNG TRONG VĂN NGHỆ HIỆN NAY CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

LÊ ANH TRÀ

L.T.S – Trong bài đọc sách sau đây của bạn Lê Anh Trà có đề cập đến một số vấn đề về quan điểm văn học. Đó là những vấn đề đang làm cho nhiều bạn chú ý. Chúng tôi mong sẽ có sự trao đổi ý kiến trên những vấn đề ấy để đầy mạnh công tác lý luận văn học của chúng ta.

Ngay từ sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đình Thi đã là một cây bút được chú ý trên lĩnh vực lý luận và phê bình văn học. Những bài tiểu luận và phê bình của Nguyễn Đình Thi gắn liền với vị trí công tác của ông trong Hội văn nghệ, cho nên đọc lại một số những bài viết của ông, được tập hợp lại trong hai cuốn sách *Mấy vấn đề văn học* và *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay*⁽¹⁾, chúng ta có thể theo dõi được những sự kiện văn học lớn trong nước từ 1945 đến nay. Như thế có nghĩa là những bài của Nguyễn Đình Thi trước hết có tính chất thời sự, phục vụ kịp thời cho việc đấu tranh trong văn học. Và khi tập hợp các bài để in thành sách, tác giả "không chia thành

(1) *Mấy vấn đề văn học*, NXB Văn hoá. In hai lần 1956 và 1958 (tập sau có thêm nhiều bài). Chúng tôi gọi tắt là *Mấy vấn đề*.

Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay, NXB Văn hoá, 1957. Chúng tôi gọi tắt là *Một số vấn đề*.

loại mục hoặc văn đề, mà để nguyên các bài theo thứ tự thời gian". Hơn nữa, về căn bản, tác giả cũng không sửa chữa, mặc dù theo ý ông "trong những nhận xét của từng thời kỳ, có nhiều điểm ngày nay thấy không đủ nữa" vì ông "nghĩ rằng khi xem lại một cuốn sổ tay cũ, chúng ta không vì thấy thiếu sót hoặc non nớt mà đem viết lại" (Lời nói đầu *Máy văn đề*). Do đó, trong khi đọc lại hai quyển trên, cũng phải chú ý đặt lại các bài vào hoàn cảnh lúc viết mà nhận xét.

*
* *

Có thể chia các bài ra làm hai loại : những bài tiểu luận và những bài phê bình.

Trong những bài tiểu luận, Nguyễn Đình Thi đã sớm nêu ra một số vấn đề lý luận cơ bản, có tác dụng tốt đến hoạt động sáng tác của các nhà văn nghệ Việt Nam.

Năm 1946, ông nêu ra vấn đề văn học xây dựng con người mới của thời đại (*Xây dựng con người*), nêu lên nhiệm vụ của văn nghệ. Từ đó ông luôn luôn nhắc đến vấn đề đi vào cuộc sống, đi vào thực tế. Năm 1949, ông nhấn mạnh vấn đề quân chung sáng tác (*Vài ý nghĩ về văn nghệ bộ đội*), vấn đề quân chung phê bình (*Quân chung phê bình nghệ thuật*). Ngoài ra, ông còn có những ý kiến về thơ (*Máy ý nghĩ về thơ*).

Về phê bình, có những bài *Kịch Bắc Sơn, Nam Cao, Trần Đăng*, *Tập thơ Việt Bắc* và những bài đấu tranh chống bọn Nhân văn – Giai phẩm.

Trước hết, chúng ta nói đến những bài tiểu luận.

Ngay từ đầu, Nguyễn Đình Thi chống lại các quan điểm tư sản về "độc lập của tư tưởng, tự do của nghệ thuật, tự do của cá nhân". Ông xác định rõ ràng mục đích phục vụ cách mạng của văn nghệ. "Chúng ta không thể tha thứ được sự đào ngũ của nghệ thuật. Chúng ta không thể để cho nghệ thuật, văn học trở nên một thứ thuốc phiện ru ngủ, đưa con người đi trốn tránh nhiệm xã hội, lánh xa sự thật, quay lưng vào cuộc đấu tranh của quần chúng" (*Máy văn đề*, trang 33). Nhưng Nguyễn Đình Thi phân biệt rất rõ sự khác biệt của văn nghệ đối với khoa học, triết học. Văn nghệ không phải là những khái niệm trừu tượng.

"Chỗ đứng chính của văn nghệ là ở tình yêu ghét, niềm vui buồn, ý đẹp xấu trong đời sống thiên nhiên và đời sống xã hội của chúng ta. Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc, ấy chính là chiến khu chính của văn nghệ" (*Mấy vấn đề*, trang 58).

Vì thế "tư tưởng của nghệ thuật không bao giờ là tri thức trừu tượng một mình trên cao". "Cái tư tưởng trong nghệ thuật là một tư tưởng náu mình, yên lặng". Cho nên, "nếu bảo văn nghệ là mượn sự việc để tuyên truyền, thì ít ra đó là một loại tuyên truyền rất đặc biệt. Chất đem tuyên truyền là cả sự sống con người... Nghệ sĩ truyền điệu thẳng vào tâm hồn chúng ta". Và mục đích đặc biệt của văn nghệ là: "Xây dựng con người hay nói đúng hơn làm cho con người tự xây dựng được" (*Mấy vấn đề*, trang 58, 59). Nguyễn Đình Thi đã vạch rõ cái chủ yếu trong việc xây dựng tác phẩm không phải là câu chuyện, là sự việc, mà chính là nhân vật, là con người. Và con người đó không phải là con người siêu phàm nào mà là con người bình thường. "Các anh nên đặt hết chú ý vào những con người, đừng để sự việc làm che lấp" (*Mấy vấn đề*, trang 93).

Trong bài phê bình tuần báo *Văn* (1957) Nguyễn Đình Thi, nói rõ hơn thực chất của con người mới. Con người mới của thời đại "chính là con người lao động mới, con người lao động lần đầu tiên đứng lên làm chủ đời sống, rũ bỏ tất cả những gì ăn bám vào lao động và trói buộc lao động, giải phóng cho sức lao động vô cùng của loài người, về vật chất và tinh thần". Định nghĩa này về con người mới dẫn đến nhận định sau này về nhiệm vụ của văn nghệ: "Văn đê trung tâm và then chốt của văn học nghệ thuật chúng ta là biểu hiện con người trong đời sống lao động của xã hội" (*Mấy vấn đề*, trang 75).

Mà muốn hiểu được con người mới đó để thể hiện trong tác phẩm, biện pháp lớn nhất, quan trọng nhất đối với văn nghệ sĩ là phải đi vào thực tế, vào quần chúng, sống với họ. Hầu hết những bài tiểu luận của Nguyễn Đình Thi đều có nói đến vấn đề đi vào cuộc sống. "Sống được cuộc kháng chiến của dân tộc, hiểu được hướng đi tới của xã hội ta hiện thời, cảm xúc được những cảm xúc mới của kháng chiến, tất cả văn đê sáng tác quyết định ở điểm ấy". Đi vào cuộc sống, "cùng với nhân dân kháng chiến chứ không phải đứng ngoài nhìn" (*Nhận đường*), chẳng những cần thiết cho các nhà sáng tác mà còn cần cho cả những nhà lý luận phê bình.

Qua cuộc sống, nhà văn nghệ, nhất là nhà văn nghệ tiểu tư sản, sẽ tự cải tạo mình, chuyển biến tư tưởng và tình cảm, do đó mới thành công trong sáng tác.

Nám vững điểm mấu chốt này trong vấn đề sáng tác, Nguyễn Đình Thi đã áp dụng để phê phán các tác phẩm văn học hiện đại. *Núi Cứu Quốc* của Tô Hoài có những điểm thành công, nhưng còn một số nhược điểm, chính là vì "*Núi Cứu Quốc* là kết quả một cuộc chuyển biến chưa xong". "Tập truyện chưa dứt khoát trong tư tưởng và tình cảm của tác giả. Tô Hoài ghi vội, chưa kịp hoà tư tưởng và tâm hồn theo đề tài" (*Máy văn đê*, trang 84). Trần Đăng vì đã đi vào cuộc sống trong bộ đội, nên đã "nám chắc được những cảnh sống, những con người bộ đội", viết lên được những trang "phơi phới, trong những hình ảnh động đúc, khoẻ mạnh, đau xót, yêu thương". "Và Tố Hữu, so với những sáng tác trước kia, đã có một chuyển biến mạnh trong tập thơ *Việt Bắc*. Tập thơ *Việt Bắc* đi hẳn vào thực tế của quần chúng cách mạng, chính là vì nhà thơ đã hiểu quần chúng, thuộc quần chúng, tự hoà vào quần chúng, đến trình độ nghe được bằng tai của quần chúng, nhìn được bằng mắt của quần chúng, nói được bằng tiếng nói của quần chúng" (*Máy văn đê*, trang 146).

Quần chúng chẳng những chỉ biết có thường thức mà còn có khả năng đóng góp phê bình những tác phẩm văn nghệ, và chính trong quần chúng – như trong bộ đội – đã nảy ra những mầm mống một thứ văn nghệ "từng câu từng bài chưa đủ giá trị đúng vững, nhưng nhìn toàn bộ thì văn thơ anh binh này đã đi trước lên con đường mà văn nghệ đang tìm". Và Nguyễn Đình Thi tiên đoán sẽ có "một hay nhiều thiên tài lượm được tất cả những tia lửa ấy, chung đúc thành một ngọn đèn pha, một mặt trời sáng rực, chiếu sáng đều và lâu" (*Máy văn đê*, trang 90).

Năm 1959, khi cần hướng dẫn cho các bạn trẻ viết văn, Nguyễn Đình Thi, trong quyển *Bước đầu của việc viết văn*, đã trình bày có hệ thống và đầy đủ các bí quyết : văn đê lập trường, văn đê đi sâu vào đời sống, các văn đê về phương pháp, kỹ thuật, văn đê về ngôn ngữ, về học tập các tác giả cổ điển, v.v. Nhưng tại sao trong các bài tiểu luận, Nguyễn Đình Thi chỉ chủ yếu kêu gọi "đi vào đời sống"? Không phải

tác giả không biết rằng : "Trong sáng tác, nhân tố quyết định vẫn là vốn sống, trình độ tư tưởng và tài năng người sáng tác" (*Một số vấn đề*, trang 104). Nhưng Nguyễn Đình Thi đã cố ý nhầm vào một điểm mâu chốt để giải quyết. Theo tác giả, giải quyết vấn đề "sống", tức là giải quyết được mâu thuẫn chủ yếu ràng buộc, hạn chế cây bút nhà văn. Đi vào cuộc sống để cải tạo tư tưởng, cải tạo bản thân, đồng thời thu thập tài liệu sống để viết. Lẽ tất nhiên việc nghiên cứu lý luận, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, học tập thêm về kỹ thuật, v.v. cũng có ích – và đó cũng là những điểm yếu còn tồn tại mãi đến nay trong nhiều văn nghệ sĩ –, nhưng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ của cuộc kháng chiến gian khổ, các mặt ấy chưa có thể đề lên hàng đầu được. Con đường chủ yếu cho văn nghệ sĩ lúc bấy giờ chỉ có thể là phải cùng toàn dân tham gia kháng chiến, và trong cuộc sống bốc cháy đó tự cải tạo mình và đào luyện cây bút của mình. Các thiếu sót khác sẽ bỏ khuyết về sau.

Nguyễn Đình Thi luôn luôn nhắc đến vấn đề đi vào quần chúng, theo ý tôi, chẳng những là đúng với tính chất đặc trưng cơ bản của văn nghệ, mà còn phù hợp với đối tượng, với tình hình hoàn cảnh cụ thể của đất nước.

*
* *

Trên đây là giới thiệu những nét đại cương của một nội dung lý luận đúng đắn, theo đường lối của chủ nghĩa Mác – Lênin. Tuy vậy, đi vào một số vấn đề, nhất là ở những bài viết trước kia, chúng ta có thể nhận ra một số khuyết điểm về lý luận.

Chúng tôi nêu ra một số vấn đề cần thảo luận :

1. Vấn đề xây dựng con người

Trong bài *Xây dựng con người* (1946), Nguyễn Đình Thi đã nói lên cái cảm tưởng của một trí thức tiêu tư sản (tức là tác giả) về vấn đề "tự do của con người" sau Cách mạng.

Về vấn đề này, Nguyễn Đình Thi lập luận rằng ở trong xã hội có giai cấp, người bị trị không có tự do, nhưng "cả con người ở giai cấp thống trị cũng chỉ được tự do trong phạm vi nó hành động theo khuôn khổ của giai cấp. Chống lại giai cấp, nó sẽ bị giày đạp".

Cho nên, chống với hoàn cảnh ấy, con người chỉ còn một con đường là quay vào bên trong nó, rụt mình vào trong vỏ ốc của nó, là cá nhân chủ nghĩa.

Chúng tôi thấy, đúng về một mặt mà xét, giai cấp thống trị cũng không phải là hoàn toàn tự do được (theo nghĩa đầy đủ, triết học). Nhưng không thể đem so sánh hai cái thiếu tự do của hai giai cấp đối địch như thế được. Cần phải nhấn mạnh rằng trong lúc giai cấp bị trị mất tự do, thì bọn thống trị tự do hoành hành, cướp đoạt. V. Lenin đã nói rằng ở dưới chế độ tư bản chỉ có tự do cho một số ít người, là bọn tư sản bung phế, còn đa số nhân dân đều bị mất tự do.

Và khi nói đến con người, ở đây, Nguyễn Đình Thi đã không phân rõ tính chất, vị trí giai cấp của nó, mà nói đến con người chung của tất cả các giai cấp, bị trị cũng như thống trị. Đối với hoàn cảnh mất tự do, con người của giai cấp vô sản đứng lên đấu tranh chứ không co vào vỏ ốc như con người tiểu tư sản, và cũng không phải là thái độ cá nhân chà đạp kẻ khác như quan niệm siêu nhân của chủ nghĩa phát xít (như tác giả cũng đã đem ra làm ví dụ về thái độ cá nhân chủ nghĩa).

Cũng trong bài này quan niệm của Nguyễn Đình Thi về con người mới rất mơ hồ. "Con người mới, con người ở ngoài vòng ép buộc của giai cấp, chúng ta chưa hình dung được rõ ràng". Ông nói đến những con người thoát ra khỏi hẳn "sức ép buộc của xã hội giai cấp và của nhà nước giai cấp". Thực ra, hiện nay, xã hội mới của ta chưa phải đã xoá bỏ được mọi tàn tích giai cấp, và nhà nước chuyên chính vô sản cũng còn tồn tại lâu, nên vấn đề tác giả đặt ra là không rõ ràng.

Sau này, trong bài phê bình tuần báo *Văn* (1957), Nguyễn Đình Thi đã có một quan niệm cụ thể và rõ rệt hơn về con người mới ở thời đại chúng ta (đã có nói ở trên).

2. Quan niệm về nhiệm vụ, mục đích của văn nghệ

Trong bài *Tiếng nói của văn nghệ* (Máy vấn đê, trang 53). Nguyễn Đình Thi trình bày về mục đích, tính chất của lối biểu hiện bằng văn nghệ. Nguyễn Đình Thi nhấn mạnh đến đặc điểm "tiếng nói của tình cảm" của văn nghệ : "Nguyễn Du viết :

*Cỏ non xanh dợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Nào phải để cho ta *biết* cảnh mùa xuân ra sao mà thôi, hai câu thơ làm chúng ta rung động với cái đẹp lạ lùng mà tác giả đã nhìn thấy trong cảnh vật". Văn nghệ làm cho chúng ta "nhìn, nghe, rồi tự những con người, những câu chuyện, những hình ảnh, những nỗi niềm của tác phẩm sẽ khởi ra mung lung trong trí óc ta những vấn đề suy nghĩ". Nhưng ta thử hỏi : Văn nghệ chỉ nêu vấn đề không thôi, hay cũng giải quyết cả vấn đề ? Tác giả không nói rõ bản thân văn nghệ có phải là chân lý hay không, hay là chỉ gợi ra những vấn đề suy nghĩ. Trong ý của tác giả, theo chúng tôi nghĩ, còn có sự tách rời giữa cái *biết* và cái *rung động* trong văn nghệ.

Ý Nguyễn Đình Thi là muốn nói đến phương pháp biểu hiện bằng *tư duy hình tượng* (tuy tác giả chưa hề dùng đến thuật ngữ này. Nhưng chúng tôi cho rằng tác giả chưa nói rõ được hết nội dung của khái niệm "*tư duy hình tượng*". Theo cách trình bày của tác giả, ta chưa thấy sâu sắc được tính chất *tư duy* của văn nghệ, một lối tư duy đặc biệt không phải bằng khái niệm trừu tượng, mà bằng *hình tượng*, một cách nhận thức hoàn chỉnh, chứ không chỉ ở mức cảm tính. Tư duy hình tượng là mức phát triển của nhận thức con người, cao hơn giai đoạn cảm tính, song song với tư duy luận lý. Chỉ có nấm vững điểm này mới có thể đi đến một nhận định chính xác về giá trị nhận thức thế giới của văn nghệ, có thể đạt đến sự thật, chân lý, chẳng khác gì các khoa học khác. Chính trong các bài tiểu luận của Nguyễn Đình Thi rất ít nói đến cái khả năng nhận thức của văn nghệ, theo như lý luận về phản ánh của V. Lenin, cơ sở cho nhận thức luận của chủ nghĩa Mác – Lenin.

Cũng trong bài này, Nguyễn Đình Thi không đả động gì đến tính chất giai cấp của "*tiếng nói văn nghệ*". Tác giả chỉ nói đến cuộc sống, đến tâm hồn, đến con người một cách chung chung. Chúng tôi thấy rằng đây cũng là một thiếu sót cần bổ sung, vì rằng nếu chỉ nói đến tâm hồn con người một cách chung chung, chúng ta có thể bị bợn duy tâm xuyên tạc đi đến chỗ xoá nhoà tính giai cấp trong văn nghệ.

3. *Vấn đề công chúng của văn nghệ*

Trong bài *Quân chúng phê bình nghệ thuật* (*Máy văn đế*, trang 95). Nguyễn Đình Thi có phân ra hai loại công chúng thực và giả của nghệ thuật.

Công chúng thực chất là nhàn dân quẩn chúng, còn công chúng giả thì như "những người sau bữa ăn no đến một phòng trà nghe mấy khúc đàn cho tiêu cơn, những ông nhà giàu mua tranh chỉ cốt đóng khung vàng treo ở giữa xa lông", "những tên quan cai trị thực dân, giám đốc đồn điền cao su, sĩ quan phát xít Đức, chủ nhà băng Mỹ đọc sách tiêu cơn", v.v. Nói như Nguyễn Đình Thi thì về một mặt cũng có chỗ đúng, là vì bọn này không thể nào hiểu được văn nghệ chân chính ; nhưng thực ra phải thấy rằng công chúng của văn nghệ thay đổi tuỳ theo hoàn cảnh xã hội, tuỳ theo thời đại, tuỳ theo chế độ chính trị, tuỳ theo tính chất của văn nghệ. Như ở Mỹ hiện nay, tên chủ nhà băng Mỹ chính là công chúng *thực* của thứ văn nghệ theo lối Mỹ, tên chủ nhà băng ấy có vai trò quyết định trong việc "phát triển" của cái thứ văn nghệ chạy theo thị hiếu của chúng. Chúng ta không thể coi thường tác dụng phản động của lối "chơi nghệ thuật" của chúng. Cũng như ở miền Nam Việt Nam hiện nay, văn nghệ chân chính và văn nghệ đồi truy đang đấu tranh với nhau, và mỗi thứ văn nghệ đều có cái công chúng thực của nó. Công chúng thực của thứ văn nghệ đồi truy tất nhiên không thích văn nghệ chân chính, yêu nước. Chúng không phải là công chúng giả của văn nghệ chân chính, mà chính là kẻ thù của văn nghệ chân chính. Cho nên khi nói đến công chúng của văn nghệ, cần phải phân tích hoàn cảnh xã hội cụ thể, và tính chất của nền văn nghệ (thuộc vào dòng tiến bộ hay phản động). Lê Tất Nhiên Nguyễn Đình Thi nói ở đây là nói đến dòng văn nghệ chân chính, nhưng nếu như thế thì chúng ta thấy cần phải nhấn mạnh đến sự cản trở, phá hoại của loại công chúng "giả" mà ông đã nêu ở trên, chúng chính là kẻ thù giai cấp của mọi văn nghệ chân chính.

4. Quan niệm về thơ

Trong bài *Máy ý nghĩ về thơ* (1948), Nguyễn Đình Thi định nghĩa thơ như sau : "Đâu mối của thơ có lẽ ta đã tìm bên trong tâm hồn con người chẳng ? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn buổi chiều gợi những câu thơ nhớ nhung, nhưng chính nỗi nhớ nhung gấp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ. Cái rung động thơ là một sự

nhận thức của tâm hồn đang rung động ở một mức độ khác thường, và tự thấy là nó đang rung động. Rung động thơ là tâm hồn đang sống và đang tự thấy" (trang 62).

Chúng ta đều công nhận thơ trữ tình có nhiệm vụ "truyền đạt những tư tưởng và tình cảm của con người do các hiện tượng của giới hiện thực gây nên"⁽¹⁾. Nhưng thơ không thể chỉ là một cái gì riêng của bên trong tâm hồn. Cái chất thơ không phải là một cái gì có tính chất tiên thiêng, có sẵn trong tâm hồn con người. Nếu chúng ta nói trời xanh đẹp, không phải là vì trong lòng ta có sẵn một vui buồn nào muôn nói đến trời xanh, mà chính ngay khách quan cái trời xanh kia đã có những yếu tố làm cho ta xúc động. Ta nói đến tư tưởng, tâm hồn của ta cũng chính là nói lên cái xã hội bên ngoài dưới một hình thức đặc biệt. Đó chính là cái nội dung xã hội lịch sử của thơ trữ tình mà các nhà lý luận thường hay nhắc đến.

Nguyễn Đình Thi đã nói đến cái rung động của tâm hồn như có một cái gì không có quan hệ gì với hiện thực bên ngoài. Rung động của tâm hồn không được trình bày như một sự phản ánh của hoàn cảnh khách quan, xã hội, lịch sử. Theo chúng tôi, thơ không phải là cái gì có sẵn trong tâm hồn con người. Quá trình cấu tạo con người, cấu tạo tâm hồn con người, là một quá trình lâu dài của lao động sản xuất, của sự tác động qua lại giữa ngoại giới và bản thân con người. Không thể nói thơ đã có sẵn trong cuộc sống, tâm hồn thu nhận lấy rồi phản ánh một cách cứng đờ, nhưng ngược lại cũng không thể nói thơ đã có sẵn trong tâm hồn, như một chất "tiên thiêng", gấp những hiện tượng thích hợp của cuộc sống bỗng ngán lén một cách khác thường rồi toé ra như lửa.

Theo ý chúng tôi, quan niệm về một chất thơ có tính cách tiên thiêng, không chú trọng đến tính chất xã hội – lịch sử của thơ trữ tình, có thể đưa đến một phương pháp làm thơ trái lại với các phương châm của một nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Về hình thức thơ, Nguyễn Đình Thi đã có những ý kiến mạnh mẽ về thơ tự do, thơ không vẫn : "Nhiều nhà thơ đang đập vỡ để xây dựng, thơ tìm tòi trăm nghìn phía nhưng lúc nào cũng là một sức đang lớn lên

(1) Aboramovit, Văn học dân luận.

"như thói". Chúng tôi đồng ý là thơ cần tìm những hình thức mới, nhưng phải tìm cái mới như thế nào? Nguyễn Đình Thi nói đến vấn đề đặt vở cái cũ, tìm cái mới, nhưng ông không chú ý đến tính kế thừa về hình thức trong thơ. Về điểm này, chúng tôi chỉ nêu ra một ý kiến của Lô Tấn: "Chúng ta không thể tách rời một cách máy móc việc dùng hình thức cũ với việc đi tìm hình thức mới. Trước hết nêu lên việc dùng hình thức cũ chính là bước đầu xây dựng hình thức mới, đó cũng là sự "đổi hình" của hình thức cũ. Việc dùng hình thức cũ, cần phải có sự thêm bớt. Đã bớt át phải thêm những cái có ích vào, kết quả là hình thức mới xuất hiện, thế là biến đổi" (*Bàn về hình thức cũ*, 5 - 1934).

Nhìn chung lại, chỗ yếu của những bài tiểu luận trên đây của Nguyễn Đình Thi chính là ở chỗ ông chưa nhấn mạnh tính chất giai cấp, tính đảng của văn nghệ, do đó, ông thiên về nói đến con người, tâm hồn một cách chung chung. Chỗ yếu này, trong những bài về sau, nhất là trong loạt bài chống Nhân văn - Giai phẩm, đã được ông khắc phục.

*
* *

Đứng về tư cách nhà phê bình, Nguyễn Đình Thi có cái nhìn khá sâu sắc. Nám được bản chất của vấn đề, khái quát được thành những nét chủ yếu, đó là sở trường của Nguyễn Đình Thi. Chỉ trong mấy dòng, Nguyễn Đình Thi đã nhận xét một cách thấu đáo tác phẩm *Sóng mòn* của Nam Cao như sau: "*Sóng mòn* tả cuộc sống thiểu não, quẩn quanh, nhò nhen của mấy người trí thức tiểu tư sản nghèo, một cuộc sống mù xám cứ "mốc lên, rỉ đi, mòn ra, mục ra", không có lối thoát. Rộng hơn là vận mệnh mấy con người ấy, ta thấy dắt ra một cách ám ảnh vấn đề vận mệnh chung của cả một xã hội chua xót, đau đớn, buồn thảm, tủi nhục, trong đó đời sống không còn ý nghĩa, quay về phía nào cũng thấy đựng lên những bức tường bế tắc". Nguyễn Đình Thi đã nói lên được những nét cản bàn nhất của tác phẩm dưới một hình thức gọn gàng, cô đọng.

Cũng như những bài tiểu luận, những bài phê bình của Nguyễn Đình Thi thường chỉ đi vào những điểm chính của vấn đề, tập trung giải quyết những điểm thiết yếu phù hợp với yêu cầu của hoàn cảnh, tình hình, đối tượng.

Năm 1946, phê bình kịch *Bắc Sơn* của Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi chỉ nêu lên một ưu điểm của vở kịch : tính chất mới mẻ của đề tài, "là đã đưa lên sân khấu những sự việc mới, những dám đóng, những con người mới của cách mạng, người cán bộ, ông già nông dân khùng khái, anh du kích, bà cụ có tấm lòng yêu nước trung thực". Lẽ tất nhiên vở kịch *Bắc Sơn* còn nhiều vấn đề khác cần góp ý kiến. Nhưng tác giả nói rõ lập trường phê bình của mình : "Đây là điều đáng chú ý nhất và cần nhấn mạnh nhất. Sau này, thời gian qua, vấn đề sẽ thay đổi, bấy giờ có bạn đọc xem lại mấy hàng này chắc cũng sẽ hiểu cho mà tha thứ cho cái chỗ im lặng của tôi". (*Máy văn đê*, trang 29).

Phê bình tập truyện ngắn *Núi Cửu Quốc* của Tô Hoài (1947), Nguyễn Đình Thi đề ra một ưu điểm là "tài liệu sống, tài liệu quý báu và lớn đẹp, tác giả biết tỷ mỷ, cẩn kẽ", và cũng chỉ nói đến một khuyết điểm là : tác giả "có nhận xét nhưng chưa "nghĩ" sâu nhân vật".

Nói về văn của Hồ Chủ tịch, Nguyễn Đình Thi đã khái quát được tính chất giản dị, thực tế, nhưng đầy cảm xúc, "phối hợp được tinh thần khoa học với lối sống, lối cảm nghĩ của dân tộc" (*Máy văn đê*, trang 120).

Cũng có lúc Nguyễn Đình Thi đi vào toàn bộ các khía cạnh, nhưng cũng không vì thế mà bị ngập bởi những chi tiết. Trong bài tổng kết, báo cáo tại Đại hội Văn nghệ lần thứ hai (*Một số vấn đề*, trang 95) Nguyễn Đình Thi đã rút ra được những tình hình lớn về văn học hiện tại, với những khuyết điểm áu trĩ và những triển vọng của nó.

Nhận xét về tập thơ *Việt Bắc* của Tô Hữu, Nguyễn Đình Thi tổng kết lại cả một cuộc tranh luận. Một mặt tác giả vận dụng cái nhìn toàn diện vào các khía cạnh của tác phẩm, nhưng một mặt khác tác giả nắm được một ý chính làm rường mới cho toàn bài, đó là tính chất quần chúng của thơ Tô Hữu, và cái ý chính ấy đã làm cho toàn bài có một mạch lạc chặt chẽ và sáng sủa. Cũng cần phải nói là trong bài này, Nguyễn Đình Thi đã có một nhận định không đúng về thơ Tô Hữu trước cách mạng. Ông viết : "Tiếng hát của anh chưa thoát ra được ảnh hưởng của thơ ca lãng mạn bấy giờ". "Và tâm hồn tự ca hát ấy vẫn còn chưa bắt sâu được mạch sống vào những vất và, lo lắng, vui buồn của quần chúng" (*Máy văn đê*, trang 145).

Những bài phê bình của Nguyễn Đình Thi trong phong trào chống Nhân văn – Giai phẩm đã đóng góp một phần lớn trong việc đấu tranh chống bọn chúng. Nguyễn Đình Thi là một trong những người đã sớm thấy được tính chất sai lầm và tác hại của bọn Nhân văn. Tháng 7 - 1955, trong bài phê bình tập thơ Việt Bắc, Nguyễn Đình Thi đánh đổ luận điệu về "điệu tâm hồn" của bọn Lê Đạt. Lúc tập *Giai phẩm mùa xuân* xuất bản (1956) Nguyễn Đình Thi đã viết bài *Một bước đi lạc nguy hiểm : tập sách "Giai phẩm mùa xuân"*, vạch trần chủ nghĩa cá nhân mù quáng, đồi trụy, từ hần học cá nhân đi tới bôi đen sự thực, bôi đen quần chúng của bọn Trần Dân, Lê Đạt, Tử Phác,... "không những đã phạm sai lầm nghiêm trọng về tư tưởng, mà đã có hại về chính trị" (*Máy văn đê*, trang 34). Lê tất nhiên lúc bấy giờ Nguyễn Đình Thi chưa nắm được sâu sắc về bản chất giai cấp phản động của bọn Nhân văn – Giai phẩm, nhưng những nhận xét của ông về bọn chúng, trên cẩn bản là đúng. Sau này, vào đầu năm 1958 Nguyễn Đình Thi có nhận xét là ngay từ đầu nhiều người đã biết rõ báo Nhân văn là xấu, "nhưng qua đấu tranh, chúng ta mới dần dần thấy rõ hơn thực chất của nó" (*Máy văn đê*, trang 202).

Thái độ phê bình của Nguyễn Đình Thi là một thái độ đúng mức. Về điểm này, ông đã bày tỏ ý kiến của mình như sau : "Thế nào là phê bình xây dựng. Người phê bình đứng trên lập trường quần chúng, phê bình để tìm cách giúp cho nghệ thuật tiến lên trên đường phụng sự quần chúng. Thái độ người phê bình là vui sướng khi thấy tác phẩm thành công, và cũng khổ sở và tiếc như quần chúng, như tác giả, khi thấy tác phẩm còn khuyết điểm hoặc thất bại. Người phê bình nói rõ những điểm thành công nghĩa là những điểm tác giả đã gặp gỡ được quần chúng. Một mặt khác, người phê bình vạch ra những điểm thất bại nghĩa là những điểm tác giả còn hiểu sai, cảm xúc sai đối với quần chúng, và đề nghị ngay phương pháp sửa chữa. Trong hai trường hợp đều có thái độ thành khẩn và cộng tác với người viết" (*Máy văn đê*, trang 108). Nguyễn Đình Thi đã thực hiện được quan niệm của mình. Trong bài phê bình tuần báo Văn (1957), Nguyễn Đình Thi đã vạch rõ các khuyết điểm, tìm nguyên nhân một cách thẳng thắn, nghiêm khắc, nhưng tỏ ra có trách nhiệm và có ý thức cùng với anh em giải quyết vấn đề, đồng thời ông cũng nêu lên những thành công, những nét mới

cần đề cao khuyến khích. Nguyễn Đình Thi đã không tán thành thái độ "nóng vội chụp mũ", "đặt vấn đề chưa trúng", có thể gây ra mâu thuẫn kết, bè phái, chia rẽ, nhưng cũng luôn luôn nhắc việc giữ vững nguyên tắc, đấu tranh không khoan nhượng đối với các sai lầm.

Đối với những phản từ sai lầm trong phong trào Nhân văn – Giai phẩm, qua những bài phê bình của Nguyễn Đình Thi, chúng ta thấy rõ cái thái độ kiên trì giáo dục. Và đối với những kẻ chủ chốt, hoặc đối với kẻ bị nhất thời lầm lạc, bị lợi dụng, ngòi bút của Nguyễn Đình Thi đều có sự phân biệt đối xử hợp lý và đúng mực.

Cây bút phê bình của Nguyễn Đình Thi tỏ ra là có trách nhiệm, và chân thành, thận trọng.

Nhưng chúng ta cũng rất tiếc là Nguyễn Đình Thi chưa đi sâu phân tích về mặt nghệ thuật. Ông rất ít đi vào phân tích sâu nghệ thuật từng tác phẩm văn học (như đối với kịch *Bắc Sơn*) mà chỉ nặng về giải quyết những vấn đề thời sự về tư tưởng trong văn học. So với yêu cầu hiện tại của việc đề cao chất lượng, những bài phê bình theo kiểu phê bình *Bắc Sơn* của Nguyễn Đình Thi quả là có quá sơ sài. Cần phải đi sâu vào phê bình nội dung và hình thức, góp ý về kỹ thuật cho tác giả, cũng như nâng cao óc thẩm mỹ của quần chúng.

Trong suốt hai tập sách *Máy vấn đề văn học* và *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng*, những bài phê bình tác phẩm không phải là nhiều, Nguyễn Đình Thi thường viết những bài phê bình tổng quát hoặc tổng kết, như về Nam Cao, Trần Đăng (sau khi hai tác giả đó đã qua đời). Bài phê bình tập thơ *Việt Bắc* là một bài có tính chất tổng kết sau một cuộc tranh luận. Chúng tôi cho rằng, về mặt phê bình, Nguyễn Đình Thi chưa đạt được tiêu chuẩn là "người đầu tiên giải thích, tuyên truyền những phần mới mẻ mà tác phẩm đem đến" (*Máy vấn đề*, trang 108). Nguyễn Đình Thi chỉ phê bình khi có những vấn đề cần thiết, nghiêm trọng, nhất là khi có vấn đề chính trị (như trong thời kỳ chống Nhân văn – Giai phẩm). Do đó, mà ông rất ít phát biểu ý kiến về các tác phẩm.

Trong quyển *Một số vấn đề*, chính Nguyễn Đình Thi đã phê phán tình hình phê bình trong nước như: "Từ trước đến nay, việc phê bình và đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ ta còn quá yếu ớt. Nhiều vấn đề

căn bản chưa được soi sáng về lý luận, do đó những tư tưởng sai lầm có đất sống trong văn nghệ ta, cũng như những cây nấm độc mọc ở những khoảng thiếu ánh mặt trời". Chắc là Nguyễn Đình Thi cũng đã tự phê bình trong câu nói ấy, và đã có nhận phần trách nhiệm của mình về tình trạng thiếu sót chung về phê bình.

*

* * *

Cuối cùng, chúng tôi muốn nói ít dòng về lối hành văn của Nguyễn Đình Thi.

Những bài phê bình và tiểu luận của ông nói chung trình bày một cách mạch lạc, bố cục chặt chẽ. Tuy vậy, đối với một số bài viết trước kia, như các bài *Xây dựng con người*, *Tiếng nói của văn nghệ*... lối viết của ông thiếu sáng sủa, lập luận nhiều khi lúng túng, làm cho người đọc khó nhận ngay được hệ thống ý kiến của tác giả. Câu văn nhiều chỗ cũng cầu kỳ, có ảnh hưởng của cú pháp phương Tây. Nhưng càng về sau, lối viết của Nguyễn Đình Thi càng được cải tiến, trở nên trong sáng, mạch lạc hơn.

Một ưu điểm nữa là Nguyễn Đình Thi không dàn đều các ý kiến; không tham lam mà chỉ chú trọng đến các điểm chủ yếu. Ông biết nói những vấn đề nào, đúng vào lúc nào. Vì thế mà tác giả nêu lên được trọng tâm, làm cho người đọc dễ thấy được vấn đề, mà không phải vướng víu bởi những chi tiết.

Thường Nguyễn Đình Thi không suy lý một cách trừu tượng, khô khan. Nguyễn Đình Thi viết tiểu luận với tất cả nhiệt tình và cảm xúc của mình. Văn tiểu luận của Nguyễn Đình Thi là một thứ văn có lý mà cũng có tình. Suy nghĩ và cảm xúc, hình ảnh quấn quýt lấy nhau. Đôi khi những bài tiểu luận có dáng dấp một bài tuỳ bút. Chúng ta hãy đọc một đoạn: "Chúng ta nhất định làm được. Những bãi ngô trại mía Khoái Châu, những vườn vải nõn nà bờ sông Đáy, những đồi chè Phú Thọ lấp loáng lá cọ xanh, những dòng suối len lỏi trong rừng núi Việt Bắc... tất cả đất nước bảo rằng chúng ta làm được" (*Mấy vấn đề*, trang 52).

*

* * *

Trong quá trình những bài viết của hai tập *Máy văn đê* và *Một số văn đê*, chúng ta thấy rõ một điểm là Nguyễn Đình Thi đã có những thay đổi, tiến bộ rõ rệt, về nội dung lý luận cũng như về hình thức trình bày : Lý luận của ông càng ngày càng vững hơn, chính chắn hơn, chứng tỏ trình độ về lý trí, tình cảm của ông đã có những sự tôi luyện thích đáng. Một điểm nổi bật ở Nguyễn Đình Thi là ông đã thẩm nhuần đến một mức độ nhất định những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin về văn học nghệ thuật, nên ông đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại đồng thời tránh được giáo điều, máy móc. Qua những bài viết của Nguyễn Đình Thi trong hai tập sách, chúng ta chẳng những thấy sự lớn lên về lý luận của ông, mà còn thấy rõ sự trưởng thành của con người của ông, từ một thanh niên trí thức tiêu tư sản dần dần cứng rắn lên trên con đường theo Đảng và nhân dân.

Tôi thiết tưởng đó cũng một bài học cho chúng ta khi đọc lại toàn bộ những bài viết của Nguyễn Đình Thi.

Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 8-1960

CÂY BÚT LÝ LUẬN PHÊ BÌNH NGUYỄN ĐÌNH THI

LÊ ĐÌNH KÝ

Trước Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đình Thi có quan tâm nghiên cứu lịch sử tư tưởng. Các công trình viết hồi còn trên ghế nhà trường đã bị vượt qua, nhưng cơ sở triết học cổ điển và đỉnh cao của nó là chủ nghĩa Mác – Lênin đã để lại dấu ấn trong suốt trước tác lý luận phê bình của anh. Tôi nhớ lại lời của Lênin trong một bức thư gửi Gorki : "Vả lại, tôi cho rằng, nghệ sĩ có thể rút ra được nhiều điều bổ ích trong mỗi thứ triết học...". Các bài viết đầu tiên của Nguyễn Đình Thi sau Cách mạng tháng Tám hay những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp từ nhan đề cho đến nội dung đều mang cốt cách triết học không che đậy : *Thực tại với văn nghệ* (1944), *Xây dựng con người* (1946), *Nghệ thuật mới của nhân dân* (1950)^(*). Xây dựng con người mới, thực tại với nghệ thuật, quần chúng với nghệ thuật, con đường văn nghệ phải đi, đó là những vấn đề chính trị lớn đặt ra cho văn nghệ sĩ và trí thức lúc bấy giờ, nhưng Nguyễn Đình Thi đã đứng trên bình diện triết học mà giải quyết nó với những rung động và lời lẽ của nghệ sĩ. Và cái cốt cách triết học này ngay từ đầu đã làm nên ưu thế không thể chối cãi được của các bài phê bình lý luận của anh. Ở Nguyễn Đình Thi, hình như chính trị, cách mạng hấp dẫn nhất là ở khía cạnh triết học của nó. Đặc biệt lúc bấy giờ, chính trị mà nhuyễn vào triết học, được sự tiếp sức của triết học thì dễ nghe hơn đối với các nhà văn, nhà trí thức.

Nguyễn Đình Thi viết phê bình lý luận khi cách mạng mới thành công, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa mới bắt đầu, đối với

(*) Xem các bài viết về Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Như Phong đăng trên *Tác phẩm mới* gần đây.

giới văn nghệ, tất cả còn là mới lạ. Nhiều câu hỏi chưa được giải đáp, cả về lý luận lẫn thực tiễn. Năm 1946, Nguyễn Đình Thi viết bài phê bình kịch *Bắc Sơn* (của Nguyễn Huy Tưởng) nhưng không nhằm phê bình cái gì cụ thể cả, mà chẳng qua là để khẳng định đời sống cách mạng có thể làm đê tài cho kịch, có thể và cần viết kịch cách mạng. Bài *Nhận đường* đăng ở số đầu tạp chí *Văn nghệ*, khi cuộc kháng chiến bước vào năm thứ ba, con đường đấu tranh của dân tộc đã rõ, nhưng tâm tư ngã ba đường còn lướng vướng nhiều trong giới những người tiêu tư sản trí thức đi theo cách mạng. Tiếng súng kháng chiến và chiến thắng không phải một sớm một chiều đã xua tan những lớp sương mù còn phủ lên cách nhìn của họ. Bài viết về *Núi Cửu quốc*, tập truyện của Tô Hoài, có chú ý đi vào phân tích cụ thể hơn, nhưng cũng là để đi đến kết luận : văn nghệ sĩ theo cách mạng, không thiếu kinh nghiệm và tài năng, nhưng nếu không kịp "lột xác" thì tác phẩm viết ra không tránh khỏi lạc điệu. *Núi Cửu quốc* có khuyết điểm thuộc "cách nhìn", vì nó là "kết quả là cuộc chuyến biến chưa xong". Khi Trần Đăng và Nam Cao hy sinh, anh đã có những bài viết xúc động, đi dào với một sự phân tích cụ thể, hàm súc, có nhiều khám phá về diện mạo riêng của mỗi nhà văn ấy. Nhưng cái chính toát ra từ các bài phê bình ấy vẫn là tinh thần nhận đường của các nhà văn quyết tâm đứng vào hàng ngũ công nông binh, quyết tâm làm tròn nghĩa vụ công dân của mình, sẵn sàng làm mọi công tác lớn nhỏ. Và đó là sự chuẩn bị tốt, dai dẳng, lặng lẽ cho những trang sách đang viết và nhất là sê viết : "Cuộc chuẩn bị nghiêm khắc gần xong, Trần Đăng đang bước nhanh tới thành công, thực dân Pháp và Tàu trắng đã giết thêm của chúng ta, một nhà văn mà riêng phần tôi, tôi tin là một nhà tiểu thuyết lớn sau này". Với Nam Cao, Nguyễn Đình Thi cũng có những lời yêu thương cảm phục, như thế. Nhưng hoài bão áp ủ của các nhà văn ấy sẽ không bao giờ được thực hiện, những tấm gương, truyền thống để lại thật là vô giá mà anh chị em văn nghệ sĩ quyết tâm noi theo để cho sáng tác của mình xứng đáng hơn với những người đã ngã xuống, với cuộc chiến đấu của dân tộc.

Giản dị, dễ thấy và vĩ đại hơn cả là bài học của Hồ Chủ tịch. Nguyễn Đình Thi viết *Văn Hồ Chủ tịch và nhân dân*, và đó là một trong những bài viết cõi động và sâu sắc, vừa giàu chất liệu sống vừa có

ý nghĩa khái quát lớn : "Khi Cụ Hồ nói, mỗi người dân hồi xưa tối tăm cực khổ mà đồng thời cảm thấy mập mờ trong lòng mình bao nhiêu khát khao, bao nhiêu ý nghĩ không rõ ràng, người dân ấy bỗng thấy hình như chính mình nói lên... Có sống đời sống nhân dân, cảm nghĩ cùng với nhân dân, chúng ta mới thực hiểu văn Hồ Chủ tịch". Hồ Chủ tịch không nghĩ đến chuyện viết văn, nhưng Nguyễn Đình Thi muốn qua thực tiễn vĩ đại của Người mà cùng nhau suy nghĩ về mối liên hệ giữa văn nghệ và quần chúng, giữa văn nghệ và chính trị, giữa sống và viết.

Khả năng văn nghệ của quần chúng nhân dân vốn là mối băn khoăn lớn cân giải quyết đối với giới văn nghệ. Phải có thực tiễn, phải có sự viện trợ của quá khứ : Đó là văn học dân gian, nhất là ca dao. "Ca dao bát ngát, khơi mãi không hết,... làn sóng của nó cũng nghiêng bên này bên kia, tràn lên bờ, phung phí như cuộc sống... Nghệ thuật bình dân như một cái hồ rất lớn, sóng dập nhiều khi dữ dội có thể đầm thuyền nhưng vẫn không phá vỡ được bờ, không cuốn đi được".

Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có thể nói đã tạo ra cả một thời Phục hưng trong sinh hoạt và ý thức của người Việt Nam. Xét riêng về mặt văn nghệ, chưa bao giờ quần chúng lại có dịp tỏ rõ sức sáng tạo của mình trên những báo liếp, báo tường, trong các sô tay trong các buổi sinh hoạt tập thể, tập trung nhất là trong bộ đội. Đây là một niềm sung sướng và thu hoạch lớn đối với anh chị em văn nghệ sĩ. Cái mà giới văn nghệ sĩ chuyên nghiệp trải bao nhiêu mò mẫm trăn trở mà chưa giải đáp được thì quần chúng công nông binh ngay từ đầu đã đạt tới một cách tự nhiên. Trong bài *Vài ý nghĩ về văn nghệ bộ đội*, Nguyễn Đình Thi viết : ... "Một nghệ thuật còn tươi nguyên sự sống, một nghệ thuật chân đứng vững trên mặt đất, một nghệ thuật khỏe, không khéo léo phấn son mà mộc mạc, tươi như vừa mới nẩy lên từ một bàn tay hoá công nào, một nghệ thuật vui sống, vui chiến đấu, vui làm lụng, đó là con đường mà văn thơ anh binh nhì đã mở ra cho tất cả văn nghệ thời đại". Tác giả không quên có sự điều chỉnh cần thiết này : "Và lần với vàng có cả đất. Những câu hay nhất mới chỉ như tùng tia sáng vụt lên trong một giây, rồi lại tắt. Nhưng nhìn chung cả một vòng rộng lớn muôn nghìn tia nhỏ nối tiếp nhau leo lên, không ngừng, đã soi sáng hình dáng văn nghệ tương lai của chúng ta".

Khẳng định khả năng của quần chúng phê bình nghệ thuật, Nguyễn Đình Thi không rời vào sơ lược, một mặt phân biệt các loại công chúng khác nhau, một mặt nhấn mạnh tầm quan trọng của sinh hoạt văn nghệ quần chúng. Bài *Quần chúng phê bình nghệ thuật* viết từ hơn hai mươi năm nay, nhưng từ đó đến nay, vẫn chưa thấy ai trở lại đi sâu hơn vào vấn đề này.

Năm 1948, trong bài nói chuyện lịch sử *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh đã đặt cơ sở cho việc giải quyết những vấn đề rất cơ bản về mối quan hệ giữa đời sống và văn nghệ, giữa chính trị và văn nghệ, về chức năng của văn nghệ và trách nhiệm của văn nghệ sĩ. Có được phương hướng rồi, có được nền móng rồi, công tác lý luận phê bình có được thuận lợi lớn, nhưng khó khăn còn nhiều. Thông thường thực tiễn sáng tác có phong phú thì phê bình lý luận mới dễ khởi sắc và có cơ phát triển. Với tác phẩm dở, vẫn có thể viết một bài phê bình hay được, nhưng trường hợp đó chỉ là hoạ hoản. Có bột mới gột nên hồ. Trong thời kỳ kháng chiến lần thứ nhất, thành tựu thơ ca rõ rệt hơn cả, nhưng cũng mới chỉ đọng lại có một vài tác giả, truyện tiểu thuyết thành công rất lè tè và ở từng mặt, kịch lại càng hiếm. Trong điều kiện như thế, phê bình tiểu luận của Nguyễn Đình Thi càng dễ nổi bật lên.

Hoà bình lập lại, Nguyễn Đình Thi viết bài phê bình khá quy mô về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Anh cũng là trong số những người đầu tiên đã kịp thời vạch mặt bọn Nhân văn – Giai phẩm. Đấu tranh trên những vấn đề nguyên tắc, hay kêu gọi nâng cao chất lượng của sáng tác, Nguyễn Đình Thi không làm theo lối khẳng định suông, không dao to búa lớn, mà bao giờ cũng có phân tích, chứng minh, có lý lẽ không chối cãi được.

Công trình có ý nghĩa lý luận bao quát nhiều mặt là cuốn *Công việc của người viết tiểu thuyết*. Nguyễn Đình Thi đã xây dựng cốt lõi lý luận về tiểu thuyết của mình trên một thực tế hàng ngày : "Một em bé lên năm lên sáu từ ngoài đường chạy về nhà. Hai má em đỏ lên, hai mắt em mờ to lóng lánh, em đang xúc động cái gì nhiều lắm, em phải tìm cho được bà em. Trông thấy bà đang ngồi chè rau trên hiên nhà, em chạy đến túm lấy vai bà, và em hót hải kẽ với giọng nói còn ngọng : 'Bà ơi bà, ngoài phố có coong ngạ !'. Bà cụ ngừng tay quay đầu lại néo mắt cười, và thơm vào má cháu mà hỏi : 'Con ngựa à ? Nó làm sao ?' Em bé ngọng líu lưỡi cố trả lời, như tìm hết cách làm sao nói

được những điều em đã thấy : "Con ngựa nó đeng, nó có cái tai thế này, nó kêu nhoong nhoong" ... với dẫn chứng rất đơn giản ấy, Nguyễn Đình Thi đã di đến những khái quát hoá mà nhiều người đã đạt tới bằng con đường sách vở, bằng cách tập hợp, hệ thống lại những kiến thức thu lượm.

Nguyễn Đình Thi không gọi tiểu luận của mình là "Kinh nghiệm viết tiểu thuyết". Những chi tiết thuộc nghề nghiệp, bếp núc không nhiều. Công việc của người viết tiểu thuyết trước hết để cập đến một loạt vấn đề lý luận không chỉ đóng khung trong phạm vi thể loại – về điều kiện trách nhiệm của người cầm bút, về tính lý tưởng, tính hiện thực, về tầm quan trọng của các chi tiết... Có đôi chỗ cần phải bàn lại như khi tác giả khẳng định rằng đến *Truyện Kiều* và *Hoàng Lê* nhất thống chí thì đã có đủ nhân tố của tiểu thuyết hiện đại. Có những gợi ý có những nhận định chiếu thêm một ánh sáng mới vào những vấn đề vốn phức tạp : "Ở thời trước cái tình trong khi tiếp xúc với những cảnh đời thường lại đi trước, tiến bộ hơn cái lý của nhà văn, thực ra cũng là cái lý của giai cấp thống trị đương thời, làm nảy sinh nhiều câu hỏi không trả lời được ngay trong cái lý ấy". Ý kiến của tác giả về khoảng cách cũng rất đáng chú ý : "Theo tôi người viết tiểu thuyết vừa phải như đang tắm mình giữa đời sống mà lại vừa phải nhìn đời sống với một khoảng cách. Điều quan trọng không phải là khoảng cách vật chất trong thời gian hoặc không gian, thực ra đó là khoảng cách trong tư tưởng và tình cảm của mình, nó giúp cho mình có tầm mắt rộng rãi và bình tĩnh sáng suốt".

Nguyễn Đình Thi hiểu phục vụ kịp thời không phải là cái cớ để làm việc qua loa, tắc trách. Anh chống lại cái chủ trương, cái ý nghĩ lười biếng, thậm chí cơ hội này : "Viết xoàng, viết vừa vừa cũng được, miễn sao phục vụ được quần chúng", và thiết tha đòi hỏi người viết phải có cố gắng cao nhất, "đem hết cái gì quý nhất của đời sống mình vào sáng tác. Phải cố viết cái tốt nhất, cái hay nhất mà sức mình có thể viết được".

Điều này kể ra không phải là mới lạ. Các nhà viết tiểu thuyết lớn như Bandacr, Tônxítôi, Gorki đã từng tâm sự về sự đê kháng của đối tượng, của chất liệu đời sống. Lênin, Xталin,... đã từng kêu gọi : "Hãy viết sự thật". Mác, Ăngghen cũng đã từng nhấn mạnh : "Không nên chạy theo lý tưởng mà quên mất hiện thực", không nên biến nhân vật trở thành "chỉ là cái loa phát ngôn cho tinh thần của thời đại".

Điểm xuất phát và cái đích cuối cùng của nhà văn không gì khác hơn là sự thật của đời sống, mọi sự thêm thắt, bôi bác đều là tai hại không lường hết được. Nghệ thuật mà không thực thì không còn là nghệ thuật nữa. Nhắc lại và nhấn mạnh điều đó trong hoàn cảnh cụ thể, Nguyễn Đình Thi đã làm một việc cần thiết, không phải là thừa.

Nhìn chung những bài viết của Nguyễn Đình Thi xoay quanh những vấn đề cơ bản, thuộc phuong hướng lớn của nền văn nghệ của chúng ta, về chỗ đứng, cách nhìn, vốn sống, về sự tu dưỡng của văn nghệ sĩ. Nhưng đây là chỗ đứng, cách nhìn trong lĩnh vực văn nghệ, chứ không phải ở đâu khác, nghĩa là phải từ góc độ văn nghệ mà nói chuyện và thuyết phục người ta, chứ không làm việc minh họa, đậm chất tại chỗ với một vài nguyên tắc có sẵn. Những bài tiểu luận của Nguyễn Đình Thi bao giờ cũng có nhiều suy nghĩ, vừa có tầm khái quát, vừa có những khám phá, những hình ảnh bỗng nhiên làm sáng lên cả một dòng suy nghĩ. Nguyễn Đình Thi trích dẫn ít, nhưng bao giờ cũng đắt, bằng vài nét tóm tắt thu được cái thần của câu thơ đoạn văn, từ đó khái quát lên thành lý luận : "Cáo thơm lần giờ trước đèn. Đêm nay tôi đọc Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt mà còn bồi hồi nỗi bồi hồi của nhà thơ khi đặt bút viết một buổi nào cách đây hơn hai thế kỷ, trong tai nghe tiếng trống ngũ liên đêm chiến trận... Nhà thơ cổ đã không tả lại, chép lại,... nhà thơ đã chọn một nét, nhưng là nét chính, nó là cái "thân" của cả đêm ấy, một cảm xúc, nó cũng là cảm xúc mạnh hơn cả, thâu tóm cả ý nghĩ tình cảm đêm ấy". Cái đó Nguyễn Đình Thi gọi là "diễn hình hoá", cách đây gần hai mươi lăm năm, đã làm nhiều người không khỏi bỡ ngỡ. Nay giờ học sinh các trường phổ thông được truyền đạt nhiều kiến thức tý mỷ hơn về diễn hình hoá, nhưng cách nghĩ, cách viết của Nguyễn Đình Thi vẫn không thôi hấp dẫn, không mất đi giá trị mẫu mực.

Đứng vững trên lập trường nguyên tắc, đưa sự sống, đưa tâm hồn, đưa suy nghĩ sáng tạo vào lý luận phê bình, đó là ưu điểm nổi bật của Nguyễn Đình Thi. Ngòi bút phê bình và lý luận ở anh thật là nhịp nhàng. Có người nghệ sĩ hơn trong cách nhìn nhận vấn đề, có người thi sĩ hơn trong cách cảm thụ, có người uyên bác bề thế hơn trong lập luận, trước cái đúng cái sai có người dứt khoát quả quyết hơn, nhưng Nguyễn Đình Thi nổi bật lên ở khả năng tư duy, ở sự hài hoà giữa chính trị, triết học và văn nghệ, kết hợp những nhận xét sâu sắc, với trình độ cảm thụ sắc bén và nét bút khi nghệ sĩ, khi chính luận.

Nhờ vậy mà Nguyễn Đình Thi đã thoả mãn được cái giới yêu thích văn nghệ có những xu hướng và sở thích khá trái ngược nhau. Nói sao cho phía sáng tác nghe được, có lý có tình, không phút nào hạ thấp yêu cầu của văn nghệ, điều đó không phải người phê bình nào cũng làm được.

Tuy nhiên, các bài viết của Nguyễn Đình Thi không tránh khỏi nhược điểm, như anh đã nói trong lời nói đâu *Máy văn để văn học*: "Trong những nhận xét của từng thời kỳ có những điểm ngày nay không đủ nữa... tôi nghĩ rằng khi xem lại một cuốn sổ tay cũ, chúng ta không vì thấy thiếu sót hoặc non nớt mà đem viết lại". Cái "không đủ", cái "thiếu sót" của những bài phát biểu cách đây mươi năm, kể ra cũng khó tránh khỏi và về một phương diện nào đó chính là gắn liền với đóng góp của những người khai phá đầu tiên. Điều đáng nói hơn là ở những bài viết thời kỳ đầu, xen kẽ với những ý nghĩ sâu sắc và lối văn hấp dẫn, còn lộ rõ cái hơi hám triết luận và làm văn, nghĩa là tác giả chưa đạt tới cái nhuần nhị tự nhiên của cách cảm nghĩ là lời của tiếng nói của quần chúng. Điều anh nói về một số thiếu sót của tập thơ *Từ ấy* của Tố Hữu : "Còn thấy những chữ cố gắn vào nhau để tạo nên hình ảnh", anh đã mắc phải trong khá nhiều bài. Về sau, nhược điểm này đã được khắc phục. Nhưng nếu trước kia cái hào hoa hơn một lần đã rơi vào văn hoa, thì các bài viết sau, nhất là từ sau khi hoà bình lập lại, tuy được cái vững vàng chắc chắn hơn nhưng nhiều chỗ lại rơi vào bằng phẳng. Mười năm trở lại đây, Nguyễn Đình Thi ít viết tiểu luận và ngừng hẳn viết phê bình, mỗi lần phát biểu của anh vẫn có khía cạnh để người đọc chú ý, nhưng nó đã chìm đi giữa cái mà bao nhiêu người khác vẫn có thể viết được. Một phần cũng là do trình độ chung của lý luận phê bình đã được nâng lên.

Hoạt động văn nghệ của Nguyễn Đình Thi thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau : thơ, truyện, tiểu thuyết, kịch, âm nhạc. Hình như những người có khả năng sáng tác hầu hết nếu có viết phê bình lý luận thì cũng coi đó là việc làm rất phụ. Cái điều dễ hiểu đó chưa chắc đã hay, nhất là đối với Nguyễn Đình Thi, người mà những thành tựu và đóng góp về lý luận phê bình nổi lên rất rõ.

Tạp chí *Tác phẩm mới*, số 34,
tháng 1 - 1974

NGUYỄN ĐÌNH THI VÀ VIỆC VIẾT TIỂU THUYẾT

VŨ ĐỨC PHÚC

Lý luận văn học của Nguyễn Đình Thi không phải chỉ căn cứ trên sự nghiên cứu tác phẩm văn học của người khác, mà còn căn cứ trên kinh nghiệm sáng tác riêng của anh. Anh vừa sáng tác vừa viết lý luận, hoặc đem thực hiện ngay những điều suy nghĩ của mình về sáng tác. Những tác phẩm hay của Nguyễn Đình Thi là kết quả của một cuộc vật lộn không ngừng để làm chủ được ngòi bút của mình, để khắc phục được những nhược điểm và phát huy hết năng lực sáng tạo trong văn nghệ. Gần đây, anh chú trọng đến tiểu thuyết, đồng thời cũng suy nghĩ nhiều về tiểu thuyết. Anh viết truyện đã từ lâu. Sau khi viết một truyện vừa thành công (*Xung kích*), anh lại để nhiều công phu viết một bộ tiểu thuyết lớn mà quyền đầu tiên cũng thành công.

Tất cả những điều trên đây đảm bảo cho tập *Công việc của người viết tiểu thuyết* chứa chất nhiều ý kiến cõi dũng và sâu sắc, rất có ích cho người viết tiểu thuyết và cả cho bạn đọc.

Cuốn sách có mười ba bài được viết từ 1949 đến 1964. Nhưng chỉ có năm bài cuối cùng là viết có hệ thống về tiểu thuyết. Năm bài này khảo về nguồn gốc của tiểu thuyết và sự phát triển của tiểu thuyết qua các thời đại để căn cứ vào đó nêu lên một quan niệm đầy đủ về tiểu thuyết nói về sự quan hệ giữa hiện thực và tiểu thuyết, nghiên cứu điều kiện sáng tác của người viết, chủ yếu nói về thế giới quan, nhân sinh quan, vốn sống của người viết tiểu thuyết. Có lẽ vì cho rằng viết như vậy là chưa nói hết những ý kiến của mình về tiểu thuyết, chưa phản ánh được đầy đủ kinh nghiệm của bản thân mình trên con đường tìm tòi để sáng tác tiểu thuyết, nên Nguyễn Đình Thi đã chọn lọc và cho in lại một số bài tiểu luận và phê bình cũ có liên quan ít nhiều đến tiểu thuyết.

Do được viết trong nhiều thời kỳ khác nhau, cho nên mặc dù các bài đều hướng về vấn đề tiểu thuyết, giá trị các bài văn không đều nhau, và cũng không thể tránh khỏi sự trùng lắp trong nhiều đoạn, mặt khác có nhiều đoạn lại bàn về văn nghệ, văn học nói chung hoặc chỉ nói về thơ chứ không trực tiếp nói về tiểu thuyết. Có lẽ người đọc muốn một cuốn sách gọn gẽ, mạch lạc và đầy đủ hơn. Nhưng, nghĩ lại cho kỹ, làm như Nguyễn Đình Thi có lẽ thú vị hơn, thiết thực hơn : cuốn sách giúp cho người đọc thấy trong 15 năm, Nguyễn Đình Thi vừa suy nghĩ vừa làm như thế nào. Vấn đề là phải chú ý thời gian viết của mỗi bài và sự liên quan của mỗi bài với tiểu thuyết ở chỗ nào. Chẳng hạn như *Thực tại với nghệ thuật* viết năm 1949 in ở đầu sách lấy dẫn chứng ở tuồng, chèo cổ, ở *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm* chứ không phải ở tiểu thuyết. Nhưng ý nghĩa của bài đó chứng tỏ Nguyễn Đình Thi khi bắt đầu sáng tác rất quan tâm tới phương pháp. Trong hoàn cảnh kháng chiến, anh đã cố gắng suy nghĩ về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa và đã nêu lên khá đầy đủ những điểm cơ bản của phương pháp này như văn học phản ánh hiện thực nhưng chức năng giáo dục của nó là chủ yếu, phải phản ánh những tính cách điển hình trong những trường hợp điển hình, phải có được thế giới quan của giai cấp vô sản để thấy được sự phát triển cách mạng của hiện thực, nghệ sĩ phải cháy trong lòng ngọn lửa sáng như ngọn lửa của những con người mới... Tuy nhiên, bài viết cũng còn có những thiếu sót như khi bàn tới điển hình của chủ nghĩa hiện thực mà Nguyễn Đình Thi lại lấy thơ trong *Chinh phụ ngâm* ra dẫn chứng thì thật chưa ổn. Mặt khác, đã đành rằng "nghệ sĩ lấy những việc của thực tại để tuyên truyền một cái gì" (tr. 6) nhưng Nguyễn Đình Thi chưa chứng minh được điều mà nghệ sĩ tuyên truyền phải xuất phát từ cuộc sống và phù hợp với sự phát triển của cuộc sống thì tác phẩm mới có giá trị. *Nghệ thuật mới của nhân dân* viết năm 1950 và được in liền sau bài trên trong cuốn sách chứng tỏ Nguyễn Đình Thi muốn rằng người viết tiểu thuyết phải hết sức chú ý học tập cái hay trong văn học dân gian và văn học quần chúng hiện nay, tiếp thu truyền thống văn học dân tộc trước hết là phải nghiên cứu tính dân tộc trong văn học dân gian và nghiên cứu tác phẩm có tính nhân dân của các nhà văn lớn trong dân tộc. Trước kia Nguyễn Đình Thi bước vào nghề văn với một bài ca ngợi nhiệt liệt

văn học dân gian, anh đã học tập được ở đó lòng yêu lao động, tinh thần dân tộc và dùng nó để kích động lòng yêu nước của thanh niên trong khi nước nhà còn đang sống dưới ách phát xít Pháp – Nhật (1944). Nếu chúng ta nhớ lại rằng hồi đầu kháng chiến nhiều nhà văn còn coi thường văn học dân gian và văn học quần chúng, lại tách rời tính nhân dân với tính dân tộc, cho nên sáng tác không được quần chúng hưởng ứng, thì chúng ta sẽ thấy rằng nhận định của Nguyễn Đình Thi là sáng suốt và kinh nghiệm của Nguyễn Đình Thi nhất thiết phải được các nhà viết tiểu thuyết áp dụng. Về chi tiết bài *Nghệ thuật mới của nhân dân* cũng có thiếu sót, như anh cho rằng trước Cách mạng tháng Tám "văn nghệ tư sản, tiểu tư sản coi sự đổi mới về hình thức nghệ thuật là tất cả... ngày càng xa dân tộc, xa quần chúng" (tr. 24). Nhưng phân biệt văn học trước Cách mạng tháng Tám ra làm văn học tư sản, tiểu tư sản và văn học cách mạng (do Đảng lãnh đạo) rồi đánh giá thấp loại trên mà chưa nêu rõ ở chỗ này là văn học hiện thực của Tú Mỡ, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Nam Cao, v.v. cũng chưa thoát khỏi ý thức hệ tư sản nhưng cũng có giá trị, thì thực là bàn về lịch sử văn học chưa thấu đáo. Tiểu tư sản có tính chất ngả nghiêng, nhưng khi ngả về phía tốt thì cũng làm được việc tốt. Đây có lẽ chỉ là cách viết chưa kỹ, vì trong bài này Nguyễn Đình Thi cũng nhắc tới "các nhà văn tiến bộ" mà không phải là nhà văn cách mạng. Dù sao, đã viết lý luận thì mỗi câu phải là một chân lý. Trong bài thứ ba *Truyện và ký sự trong giải thưởng văn nghệ kháng chiến 1951 - 1952*, Nguyễn Đình Thi yêu cầu người viết phải học tập kỹ đường lối của Đảng, phải thấy rõ đường lối ấy "là cơ sở và rường mới của cuộc sống hiện thời" (tr. 33), "là kết tinh những đòi hỏi cần kíp và những ước mong sâu xa nhất của quần chúng", phải sáng tác để phục vụ chính sách, phải dựng nên những điển hình hoàn chỉnh, sống, về con người mới trong công, nông binh, phải trau dồi tiếng nói dân tộc. Anh chống việc lạm dụng tiếng địa phương, lạm dụng khẩu ngữ của quần chúng, cũng phản đối lối văn hoa, sáo, chói chữ, trống rỗng và cầu kỳ. Nguyễn Đình Thi không thỏa mãn cả với giá trị tư tưởng của những tiểu thuyết được coi là khá nhất trong thời kháng chiến, kể cả tác phẩm của chính anh. "Cuộc chiến đấu của công nhân trong Vùng mỏ thiều gắn bó với nông dân, trở thành lê loi, nhỏ hẹp. Tác giả Ký sự Cao Lang, Xung kích

nhìn những anh bộ đội chưa thấy bắn chất nồng dân của họ nên không nói lên được thắc mắc, nguyện vọng về ruộng đất của các chiến sĩ, không cất nghĩa được thật đúng lòng căm thù giặc sâu sắc và sự hy sinh dũng cảm của bộ đội..." (tr. 32).

Trở lên là mấy bài viết trong thời kỳ kháng chiến. Trong mấy bài sau viết từ 1960 đến 1964, thì *Con đường của những người viết văn trẻ*, *Viết về cuộc sống mới của con người mới* và năm bài cuối cùng luận về tiểu thuyết là những bài có nhiều ý kiến hay hơn cả. Chúng tôi sẽ bàn tới một số vấn đề chủ yếu, qua những bài đó.

Trước hết là quan niệm của Nguyễn Đình Thi về tiểu thuyết. Anh coi trọng tiểu thuyết hơn các thể loại văn học khác : "Tiểu thuyết, đó là một trong những sáng tạo kỳ diệu của loài người, đó là một đồ dùng, một vũ khí của con người để tìm hiểu, chinh phục dân thế giới và để tìm hiểu nhau và sống với nhau" (tr. 130). Anh cho rằng tiểu thuyết có "một vị trí trung tâm" trong văn học, "ngày càng trở thành một thứ máy cái của văn học", "luôn luôn hấp thụ và tổng hợp những tìm tòi phát minh mới của khoa học, để diễn tả được mọi thứ của đời sống..." (tr. 138). Tiểu thuyết, theo anh, là một loại văn tổng hợp cho nên nó đòi hỏi phải hiểu biết nhiều ngành nghệ thuật khác nhau : "Người viết tiểu thuyết vẽ lên hình ảnh của sự vật như một họa sĩ, và đi vào trong tâm hồn các con người mà diễn đạt những tình cảm vô hình như một nhà thơ hoặc một nhạc sĩ. Người viết tiểu thuyết điều khiển các nhân vật và cho các nhân vật va chạm với nhau như một người viết kịch, hoặc một người đạo diễn điện ảnh. Người viết tiểu thuyết kể lại các sự việc như một phóng viên và tìm hiểu đánh giá sự việc như một nhà bình luận. Có thể nói trong tiểu thuyết có đủ các loại văn, và có cả các ngành nghệ thuật nữa" (tr. 186).

Một người yêu thơ, kịch hơn tiểu thuyết có thể tìm những lý lẽ nào đó để coi trọng thơ hoặc kịch hơn tiểu thuyết. Cũng có thể có bạn nào đó nói với Nguyễn Đình Thi rằng : Anh say sưa với tiểu thuyết cho nó là "máy cái" như thế chẳng qua vì lý do chủ quan ; anh nghiên cứu triết học, chính trị, viết báo, lý luận về văn nghệ, làm biết bao nhiêu thứ rồi bây giờ anh để ra yêu cầu về nghệ thuật của tiểu thuyết to lớn như thế để chỉ một vài người như anh viết tiểu thuyết chẳng ? Thực ra

thì quan niệm của Nguyễn Đình Thi có căn cứ rất khoa học. Cố nhiên về phương diện chủ quan mọi hoạt động văn hoá của Nguyễn Đình Thi bình như chỉ để dẫn Nguyễn Đình Thi đến con đường viết tiểu thuyết từ truyện ngắn, truyện vừa nay đến truyện rất dài. Anh đang nợ độc giả về cái món Võ bờ tập II. Nhưng ai cũng thấy tiểu thuyết hiện nay có nhiều độc giả ham đọc hơn cả. Và yêu cầu của Đảng, của nhân dân, của chế độ ta lúc này là cần phải có những bộ tiểu thuyết vĩ đại cho xứng đáng với dân tộc ta, dân tộc anh hùng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Muốn có tiểu thuyết vĩ đại tất yếu phải quan niệm về vị trí, tính chất và nghệ thuật của tiểu thuyết như Nguyễn Đình Thi. Quan niệm ấy phản ánh sự đòi hỏi của thời đại cho nên lý luận của anh có tính chất tích cực, thúc đẩy cho văn học tiến mau lên.

Khi đã có một quan niệm như thế về tiểu thuyết để mong đạt cái hoài bão của nhà văn là "chiến đấu để làm thay đổi được xã hội, góp phần tạo ra một cách sống mới, một tinh thần mới cho con người" (tr. 145). Nguyễn Đình Thi tất nhiên phải yêu cầu nghệ sĩ chuẩn bị đầy đủ về tư tưởng, lập trường, về vốn sống và về nghệ thuật. Anh coi trọng nhất các vấn đề thuộc tư tưởng và lập trường. Anh đã nói khá đầy đủ về việc học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, học tập chính sách của Đảng, cùng cố lập trường vô sản, suy nghĩ thật sâu sắc về cuộc sống vì đi vào cuộc sống cần suy nghĩ để hiểu được sâu xa cuộc sống. Nhưng tu dưỡng về thế giới quan, theo anh mới là tu dưỡng bước đầu, còn phải tu dưỡng về *tình cảm*. Anh cho rằng "cái tình cũ trong con người nhà văn chúng ta lại chưa theo kịp cái lý mới của giai cấp vô sản cách mạng" (tr. 165). Đó là lý do làm cho tiểu thuyết ít lý tưởng quá và nghèo những tình cảm lớn, đẹp. Tình cảm đây là lòng căm thù địch, lòng yêu cuộc sống mới, con người mới, yêu nhân dân lao động, vì "muốn hiểu được lòng người khác, có lẽ cần nhất là phải có tình yêu thương và có trách nhiệm với người ta" (tr. 154), nhưng tu dưỡng về tình cảm trước hết là phải có nhiệt tình của người chiến sĩ cộng sản, lấn mình vào trong thực tế đấu tranh cách mạng, "sống và suy nghĩ ở hàng đầu của cách mạng", có dũng khí chiến đấu, hoài bão lớn lao. Khi nhà văn đã có nhiệt tình sôi nổi ấy thì "tác phẩm nghệ thuật sẽ có hơi nóng và ánh sáng chói lọi của ngọn lửa ấy" (tr. 54).

Nguyễn Đình Thi nói rất nhiều về nhiệt tình cách mạng. Quan niệm đó rất xác đáng và hiện nay đang còn là một vấn đề nóng hỏi đối với

nà vân. Chỉ có nâng cao nhiệt tình, dũng khí cách mạng, trau dồi lòng yêu nhân dân và lòng căm thù địch thì mới có thể chống lại được chủ nghĩa cá nhân, quyết tâm đi vào cuộc sống, vào những nơi đấu tranh gay go nhất, xông pha vào những chỗ gai góc nhất để tìm hiểu và biểu hiện cuộc sống trong tác phẩm. Nếu không có điều kiện đầu tiên này thì sáng tác chỉ là một sự giả dối, dù có viết theo đúng chính sách chăng nữa cũng không thể che đậy được sự nghèo nàn về tình cảm của mình.

Ngoài vấn đề tư tưởng, lập trường, tình cảm mà anh coi là một vấn đề then chốt của sự sáng tác, Nguyễn Đình Thi còn nói không biết một mội về sự cần thiết của vốn sống. Nói cho đúng sự thật thì hiện nay người nào làm công tác văn học cũng biết rằng vốn sống là cần thiết. Nhưng yêu cầu của Nguyễn Đình Thi về tiêu thuyết rất cao, nên anh cũng đòi hỏi một vốn sống đồ sộ ; "có thể nói bất cứ cái gì có quan hệ đến đời sống con người thì nhà văn đều phải viết đến" (tr. 148). Người viết tiểu thuyết phải hiểu được khung cảnh tự nhiên với núi sông, cỏ cây, hoa lá, súc vật, hiểu mọi ngành, mọi nghề, các tổ chức xã hội, gia đình, trường học, phường hội, các tôn giáo, v.v. sự vật lộn giữa các giai cấp, các quan hệ xã hội của con người. Lại còn phải nghiên cứu lịch sử, biết những sự kiện chính trị và xã hội lớn. Có khi không hiểu biết một chi tiết rất nhỏ về đời sống như một cách xưng hô, một động tác lao động, cũng làm cho người viết phải dừng bút. Nhưng điều quan trọng nhất, theo anh, là phải hiểu được lòng người để miêu tả tâm hồn con người. Nghiên cứu các nhà văn lớn, anh thấy họ đều là những người lắn lóc với cuộc sống của nhân dân. Anh cho rằng có hai con đường dẫn tới văn học, một con đường vòng, từ ngọn tới gốc là con đường của những người có văn hoá, biết viết văn, nhưng thiếu hiểu biết cuộc sống, nên phải đi sâu vào cuộc sống để có bột mà gọt nên hồn. Anh tự cho mình cũng là một người đã phải đi con đường vòng rất xa đó. Một con đường thẳng đi từ gốc tới ngọn là sống rất nhiều rồi từ đó học tập nghề viết để biểu hiện cuộc sống. Vì vậy anh khuyên các nhà văn trẻ là nên bám chắc lấy cuộc sống ở cơ sở, thấy được cái đẹp để vĩ đại trong nghề nghiệp lao động chân tay, trong công tác gần gũi quần chúng của mình và hãy bắt đầu bằng việc viết văn để phục vụ ngay cơ sở mình đang sống và công tác cho người ta cảm xúc được cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày của người ta.

Về nghệ thuật viết tiểu thuyết, Nguyễn Đình Thi đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng nhân vật. Anh quan niệm đó là vấn đề trung tâm của nghệ thuật tiểu thuyết. Cốt truyện cũng chỉ là cuộc đời các nhân vật. Phải điều tra, nghiên cứu thu thập đầy đủ tài liệu về các sự kiện, nhất là các sự kiện lớn, càng làm tỷ mỷ việc này càng tốt, nhưng "người viết tiểu thuyết phải dùng hết sức hiểu biết và tưởng tượng của mình, để khác nào như nhảy vào bên trong các nhân vật mà cùng với họ sống những sự kiện ấy, hình như chính mình đang ở nóng hổi trong cuộc vây" (tr. 172). Phải nuôi một nhân vật rất lâu trong đầu óc, tình cảm của mình, đựng được cả quá trình sống của nhân vật, làm cho nhân vật càng ngày càng rõ nét "cho đến lúc nhân vật như tách ra ngoài nhà văn mà trở thành một con người sống thực vây" (tr. 177). Lại phải thấy sự quan hệ, ràng buộc phức tạp giữa các nhân vật. Trong khi miêu tả nhân vật, phải chú ý đến đời sống bên trong, đến nội tâm của nhân vật, cho nên cần phải chú ý đến tính giai cấp của nhân vật.

Anh đã bàn một cách rất biện chứng về nhiều mặt khác của nghệ thuật viết tiểu thuyết, như khi đã có một đề cương chi tiết, lúc viết lại phải tuỳ theo sự phát triển của nhân vật và sự kiện mà thay đổi đi cho sát sự thực, lựa chiêu gió để bẻ lái, gióng buồm tiến lên, phải "nhìn sát vào đến chỗ chi tiết tận cùng của mỗi sự việc" (tr. 174) nhưng lại phải bao quát được toàn bộ, nhìn sự việc vừa sát gần mà vừa phải có một khoảng cách, say mê với nhân vật nhưng lại phải hết sức tỉnh táo để đánh giá nhân vật cho đúng. "Người viết tiểu thuyết phải viết với tất cả tình và lý của mình", nhưng tình vẫn là gốc, "có thể ví tình cảm của nhà văn như sức điện, và sự thông minh của nhà văn như ánh sáng của ngọn điện ấy" (tr. 185)...

Cuốn sách của Nguyễn Đình Thi còn có nhiều ý kiến hay về văn học nói chung và tiểu thuyết nói riêng. Và người ta cũng có thể phê phán một số chi tiết, chẳng hạn như khi anh nói về nguồn gốc tiểu thuyết trong bài *Tiểu thuyết là gì* (tr. 128), anh cho rằng "cái gốc của tiểu thuyết là ở việc kể chuyện bằng miệng mà từ khi loài người biết nói là đã biết kể chuyện". Một em bé ngọng trống thấy con ngựa kể chuyện với bà "Coong ngạ, nó deng, nó có cái tai, thế này, nó kêu nhoong nhoong"; anh cũng nói rằng "Trong một sự việc nhỏ bé như trên,

tôi thấy đã có đủ mầm mống của mọi công việc viết truyện, tiểu thuyết" (tr. 128, 129). Nói như vậy, có vẻ tinh tế, nhưng thật ra khi đã đặt vấn đề tìm "gốc rễ" của tiểu thuyết thì không thể suy luận một cách đơn giản như vậy, mà phải căn cứ vào hàng nghìn tài liệu để tìm xem văn nghệ từ lao động sinh ra như thế nào, văn học tách khỏi nghệ thuật như thế nào, và phân hoá các loại hình như thế nào, các loại văn lại phát triển riêng biệt và xen kẽ với nhau như thế nào,... Cố nhiên anh Nguyễn Đình Thi không chuyên nghiên cứu về lý luận nên không thể bỏ nhiều thời giờ làm việc này. Vì vậy không phải bắt cứ luận điểm nào của Nguyễn Đình Thi cũng hoàn toàn có tính khoa học. Tuy nhiên phần sai rất ít và không quan trọng lắm. Tính khoa học của cuốn sách biểu hiện ở chỗ người viết quyết tâm thực hiện những điều mình tiếp thu được và mình suy nghĩ được, và đã thành công.

Báo Văn nghệ, số 97 - 1965

ĐỌC HAI VỞ KỊCH NGẮN CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

HUY CẬN

Nhà xuất bản Văn học vừa xuất bản *Tuyển tập kịch* của Nguyễn Đình Thi. Sách dày 664 trang, gồm 10 vở kịch dài, ngắn (*Con nai đen*, *Hoa và Ngắn*, *Giấc mơ*, *Rừng trúc*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, *Tiếng sóng*, *Người đàn bà hoá đá*, *Cái bóng trên tường*, *Trương Chi*, *Hòn cuội*). Đây là một bộ kịch quan trọng của nhà văn Nguyễn Đình Thi, và của nền sân khấu hiện đại của chúng ta nữa, nên được bình luận, phân tích kỹ để thấy được rõ tư duy kịch và bút pháp độc đáo của tác giả. Một lần khác tôi sẽ xin nói cảm tưởng khi đọc vở *Rừng trúc*, vở kịch nói về cái bi kịch của ông vua sáng nghiệp triều Trần. Tâm trạng, tâm lý của Trần Cảnh, của Lý Chiêu Hoàng, của Trần Thủ Độ được phanh phui, được cảm thấu thì đúng hơn khá sắc nét, lột tả được cái bi hùng, hào khí mà da diết của các nhân vật và của một giai đoạn lịch sử lớn của nước nhà.

Hôm nay tôi chỉ ghi lại cảm tưởng khi đọc lại hai vở ngắn : *Người đàn bà hoá đá* và *Cái bóng trên tường*. Đây là hai vở ngắn viết theo truyện cổ tích truyền thuyết của ta. Câu chuyện thì chúng ta đã biết, đã thuộc. Nhưng Nguyễn Đình Thi không chỉ thuộc truyện, mà còn đem cái cảm xúc hiện đại của mình phả vào câu chuyện vốn đã sâu lắng của người xưa.

Hai vở ngắn này đều nói đến cái định mệnh nghiệt ngã, tàn khốc đối với nhân vật để rồi : cuối một vở để lại cái bâng khuâng, xa xót nghìn đời, cái xa xót đứng sừng sững giữa trời đất, và cuối vở sau để lại nỗi ân hận, hối hận chẳng bao giờ nguôi được. Câu chuyện là thế, nhưng Nguyễn Đình Thi bằng văn kịch của mình, làm cho nhân vật gần gũi chúng ta, từ truyền thuyết bước ra và nhập vào cuộc sống hiện đại, với những chi tiết, những cảm nghĩ sát với đời nay. Lời kịch vẫn giữ được màu sắc, âm hưởng xưa của câu chuyện, nhưng lại có cái gì rất tinh tế, rất kín đáo báo cho ta biết là câu chuyện gần chúng ta lắm, có thể là câu chuyện 1000 đời, nghĩa là chuyện xưa, nhưng hồn chuyện

văn trẻ. Ấy là cũng nhờ sự thành công của "cố sự tân biền" như Lỗ Tấn đã làm. Rất nhiều truyện cổ của chúng ta vẫn giàu "tính thời sự" như thế.

Xin nêu một chi tiết mà Nguyễn Đình Thi đã ghi khác truyền thuyết trong câu chuyện *Đá vọng phu*. Trong truyện cổ, người chồng một hôm thấy vợ tắm mới nhận ra cái sẹo sau lưng, trên đầu của vợ và bàng hoàng biết vợ chính là em mình. Nhưng đó cũng có thể là một sự trùng hợp trong đời, cho nên tác giả đã dùng lời tâm sự của vợ kể lại cái tai nạn vô tình tuổi nhỏ, để minh xác cái bi kịch đã xảy ra. Cũng như thế có những sáng tạo chi tiết trong vở *Cái bóng trên tường*. Nói là chi tiết, nhưng chi tiết là hết sức quan trọng, những vở kịch hay đều xây dựng trên những chi tiết hay, có ý nghĩa. Vả lại cuộc đời dại bàng những chi tiết chứ có bằng những khái quát đâu !

Có thể rất trẻ người ta đã làm được thơ hay. Nhưng phải đã sống nhiều đã từng trải mới viết được kịch hay. Nguyễn Đình Thi viết các vở này vào tuổi năm mươi.

Nhân đọc hai vở ngắn trên đây, tôi miên man nghĩ đến chủ đề (và đề tài) số mệnh, định mệnh trong sân khấu thế giới, đặc biệt là sân khấu Hy Lạp. Người ta vẫn ca ngợi (và ca ngợi là đúng) cái bê sau của những vở kịch Hy Lạp nêu lên vấn đề định mệnh (số mệnh) như vở *Oedip làm vua* (con lấy mẹ mà không tự biết). Cái định mệnh ấy theo sân khấu Hy Lạp là một phán xét của thần linh, không cưỡng được (fatum), con người chỉ có cúi đầu mà chấp nhận !

Cái bi kịch của "người đàn bà hoá đá" có kém gì sâu sắc đâu, và cái định mệnh ở đây cũng nghiệt ngã, tàn khốc dữ dội. Cho hay vốn văn hoá, văn học, nghệ thuật của cha ông để lại có nhiều tầng sâu mà chúng ta chưa chắc đã khám phá hết. Tôi nghĩ phải có một trái tim lớn mới chịu đựng nổi những bi kịch, những oan trái như vậy ; và càng phải có một trái tim lớn mới sáng tạo ra được những hình tượng bi kịch nghiệt ngã như vậy. Các thế hệ cha ông chúng ta đã mang trái tim lớn như thế. Nguyễn Đình Thi đã tiếp nhận được nhịp điệu của trái tim cha ông. Cảm ơn bạn Nguyễn Đình Thi đã làm mới, làm trẻ lại vốn của cha ông với sức sáng tạo trẻ của mình. Tôi xin chép lại đây bài thơ *Người đàn bà hoá đá* mà tôi đã viết cách đây hơn 10 năm, sau khi lần đầu tiên đọc vở đó của anh Thi, gọi là gửi một tiếng vọng tri âm tri kỷ với tác giả, người bạn cùng lứa với tôi trong cuộc đời văn học (mặc dù anh trẻ hơn tôi 5 tuổi).

21 - 9 - 1993
Báo Nhân Dân số ra tháng 9 - 1993

THẾ GIỚI KỊCH NGUYỄN ĐÌNH THI

TẮT THÁNG

Sáng tạo nên một *thế giới* của mình, do mình, đó chính là công việc của nhà văn, tôi nghĩ thế. Và chính vì thế mà dù viết kịch hay viết tiểu thuyết, trước sau Nguyễn Đình Thi vẫn là một nhà văn, một nhà văn với ý nghĩa chân chính của danh hiệu này.

Thế giới kịch của Nguyễn Đình Thi là một thế giới như hư, như thật, nó kỳ ảo như một *Giác mơ* nhưng lại sờ sờ ra đây như một *Hòn cuội* và trong cái thế giới ấy, Nguyễn Đình Thi đã làm hiện hiện lén trước mặt ta, trong sự tiếp nhận của ta, những con người, những cảnh đời vừa quen, vừa lạ, vừa thấy đấy như một dòng sông, một bến nước, một người vợ đêm đêm chờ chồng,... mà thoát cái đã trở thành cái bóng oan nghiệt, đã biến di xa vời vời như mặt trăng tròn ở tít chân trời cao những đêm gió mát ta hóng, ta nhìn, ta như thấy :

Thằng cuội ngồi gốc cây đa...

Bỏ trâu ăn lúa gọi cha ơi ơi...

Và trong cái thế giới ấy, ta bỗng gặp lại tuổi thơ của mình, nhưng rồi ta lại phải suy nghĩ đến già người về những điều ẩn giấu đằng sau những con người, những cảnh đời ấy.

Các vở kịch của anh, trừ *Hoa và Ngàn* xem ra có vẻ là thật một *trăm phần trăm*, còn tất cả đều thấm nhuần không khí hư ảo và đồng đặc tính chất huyền thoại. Nhưng ngay ở *Hoa và Ngàn*, cuộc sống khi đã vào thế giới kịch của Nguyễn Đình Thi... cũng một lần nữa được *huyền thoại hoá*. Thoạt đầu ta thấy những con người, những cảnh đời quen thuộc đến gần gũi, đã hiện lên như *cuộc đời thật* ở Hà Nội thời kỳ từ 1956 - 1973 trong một căn hộ, một bệnh viện, vào một buổi sáng hoà bình hay một buổi chiều chiến tranh,... Nhưng rồi tất cả lại cứ diễn ra như là trong một ký ức vừa xa, vừa gần, gần như vừa mới hôm nào thôi, nhưng lại xa như là ngày tháng đẹp đẽ mà xúc động, nhớ biết bao

mà cũng thương biết bao... Những con người của Hà Nội đánh Mỹ, hai cô bạn gái : một y sĩ, một nhà giáo ; một phụ nữ miền Nam ra tập kết, một anh bộ đội từ vùng cồn cát trở về thủ đô với mối tình của người lính, một chuyến xe hối hả lên địa điểm sơ tán, một sân thượng giữa phố trở thành trận địa cao xạ pháo... một đêm trời Hà Nội rực lửa và một chiều mưa phún hoà bình sau 12 ngày đêm Điện Biên Phủ trên không, khi mà một mối tình nữa lại đến,... tất cả cứ như có thật mà lại như huyền thoại, rất thực tế mà cũng rất lãng mạn... Thì ra chúng ta đã trải những ngày dây lăng mạn để có được thực tế hôm nay.

Cuộc vật lộn của người lính bị trọng thương với cái chết để giành lấy cuộc sống, một cuộc sống không bị lãng quên trong anh và của anh đã được diễn tả như trong một giấc mơ có cả Thần chết, có cả Tân Thuỷ Hoàng, có cả nữ hoàng Ai Cập Cleopat. Có cả Chủ Đồng Tử và Tiên Dung,... Một người con gái huyền ào, hiện thân của một dòng sông mà *Tiếng sóng như gọi, như nói những điều gì. Tiếng sóng vỗ lả lùng, tiếng sóng vỗ không yên* nó khiến cho con người ta *bỗng như đi vào một thế giới nào, một cuộc đời nào vẫn ở đây từ bao nhiêu lâu mà người ta không nhìn thấy...* Cái *Tiếng sóng* của dòng sông ấy là dòng sông nào ? Phải chăng là cái *dòng sông chở nặng phù sa, cái dòng sông đêm đêm rì rầm nghe tiếng đất...* nghe tiếng ngày xưa vọng nói về ? Cái dòng sông đã chứng kiến bao nhiêu số phận, bao nhiêu cuộc đời, bao nhiêu câu chuyện buồn vui, đau khổ, từ đạo ấy đến bày giờ cái dòng sông đã cuộn sóng, khi một bà giáo bị bệnh lao có người chong tàn tệ một cách bình thường, đâm đầu xuống tự tử. Cái dòng sông của Hà Nội hôm qua và hôm nay khi những cô gái nữ dân quân đánh Mỹ là con đẻ của người chiến sĩ tự vệ Thủ đô đội mũ calô chống thực dân Pháp...

Hay là cái dòng sông lúc dữ dội, khi hiền từ của cuộc đời mỗi người không lúc nào yên sóng. Cái dòng sông của tình thương đạt dào của suy nghĩ không ngừng.

Không hiểu vì sao hình tượng dòng sông lại cứ bám riết mãi vào cá tính sáng tạo của Nguyễn Đình Thi. Với anh, sông là dòng chảy của cuộc đời, sông là chiêu dài của thời gian, là chiêu rộng của không gian và chiêu sâu của suy nghĩ con người, với anh sông là đất nước, là dân tộc và là lịch sử. Dòng sông Nhị Hà vì thế đã hiện lên trong thế giới kịch của Nguyễn Đình Thi như là lịch sử của dân tộc.

Lịch sử, bản thân nó đã là ký ức, và với kịch Nguyễn Đình Thi thì cái ký ức ấy lại lấp lánh như mưa đêm có chớp. Một Nguyễn Trãi cùng cô gái Đồng Quan đứng bên bờ Nhị Hà thấp những nén hương cho xác những ai bị giặc giết trôi trên dòng sông... một dòng sông có thật và cũng là một dòng sông lịch sử... nó trôi suốt mãi theo thời gian với những đau thương oán hờn của dân tộc.

Nguyễn Trãi. Dòng sông Nhị bảy giờ thành ra như thế kia ư – Lẽn bẽn những xác người. Cứ xoay tròn một chỗ không chịu trôi đi nữa.

Cúc (Đốt một bó hương vái ra phía sông). Máu chảy ruột mềm, hôm nay là ngày 30 tết, xin những hồn oan các ông, các bà, các anh, các chị (khóc).

Nguyễn Trãi. Chúng nó giết người ở đâu, sao đến nỗi thế kia, trời hối.

Hoá ra tiếng kêu của cha ông ta từ mấy trăm năm trước được bật lên từ tước từ Úc Trại người có ngôi sao Khuê ở trên trái tim – tức là người có tài văn chương sáng vầng vặc trong lòng – vẫn da diết qua các thế kỷ từ một dòng sông, cái tiếng kêu thét lên ấy chẳng phải là về văn chương chữ nghĩa gì... mà về nạn mất nước, nạn kè thù giết người chúng ta.

Tôi đang nói về vở *Nguyễn Trãi ở Đồng Quan*, một vở từng gây ra một sự kiện trong đời sống sân khấu nói riêng và văn nghệ nói chung những năm đầu thập kỷ 80, khi vở được dựng trên sân khấu Nhà hát kịch Việt Nam⁽¹⁾. Lịch sử vốn đã là huyền thoại, khi vào thế giới kịch Nguyễn Đình Thi thì đã được huyền thoại hoá một lần nữa. Tôi đã đọc và xem nhiều vở kịch có nhân vật Chiêu Thánh (Lý Chiêu Hoàng), nhưng không thấy ở vở nào như ở *Rừng trúc*, Lý Chiêu Hoàng lại hiện lên với một ánh tượng mạnh mẽ đến như thế. Tôi từng đọc và xem một số vở kịch có nhân vật Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung, ông chú và bà mẹ của Chiêu Thánh, nhưng chưa lần nào, khi nào tôi được thoả lòng trước thái độ của tác giả về hai nhân vật trong mối quan hệ đối xử với đứa cháu và đứa con của họ. Tôi đọc *Rừng trúc* và cố tìm xem Nguyễn Đình Thi

(1) Đạo diễn Nguyễn Đình Nghi.

đã có thái độ như thế nào với hai con người ấy. Và tôi đã không tìm thấy cái thái độ đó, bởi vì tôi là một người đi tìm buổi trưa không phải ở giờ Ngọ – Nguyễn Đình Thi, nhà nhân đạo, bởi vì người ta chỉ có thể là nhà văn trong nhà nhân đạo, và chỉ có thể là nhà văn lớn, trong nhà nhân đạo lớn, mà chẳng lẽ lại làm ngơ trước nỗi đau lớn, nỗi đau lịch sử của Chiêu Thánh hay sao ? Tôi đã lâm, ngồi bút của Nguyễn Đình Thi như là nhỏ máu khi viết về Chiêu Thánh trong cuộc đối thoại với mẹ mình là Thiên Cực. Những lời thống thiết mà bi tráng của Lý Chiêu Hoàng đã đưa nàng vào một thế giới huyền thoại rất Nguyễn Đình Thi :

CHIÊU THÁNH :

Tôi biết, tôi nhìn thấy hết. Ôi chao, khuôn mặt xinh đẹp nhường kia, tôi đã nhìn đến ngày người bao nhiêu lần từ cái ngày tôi còn nhỏ, đến bây giờ vẫn như mới hai mươi lăm, hai mươi bảy tuổi, nhưng mà... Hai con mắt kia như hai lưỡi dao đính máu loang, trong cái trán kia lốn nhốn từng nút rắn độc ngoe nguẩy, tính toán, thu vén cho họ hàng nhà bà chiếm lấy thiên hạ, và cho bà nắm chặt quyền uy ở đời này ! Bà có biết nhà vua năm ấy chết như thế nào không ? Tôi, tôi đã nhìn thấy, đứa bé gái lên tám hụ đốn năm ấy đã chạy đến chùa Chân Giáo và tôi đã thấy cha tôi... Ôi... mặt người thắt cổ to mọng lên bằng cái tráp, hai mắt trợn trắng dã, miệng úa máu, và cái lưỡi đen bầm rơi ra ngoài miệng lủng liểng.

THIÊN CỰC :

Thôi ! Thôi ! Thôi ! Giời ơi ! Đất ơi !

CHIÊU THÁNH :

Không ! Bà không nhá sao, ngày ấy, trong lúc nhà vua chồng bà nửa điên nửa dại đi tu ở chùa Chân Giáo thì nơi cung điện tôn nghiêm đã biến thành một vũng bùn, ngày ngày diễn ra những trò mưu mẹo của bà Hoàng hậu họ Trần thông đồng với quan đại thần Thái sư lại chính là em họ bà. Và, con bé Lý Chiêu Hoàng được đặt ngồi trên ngai vàng như thế, giữa bầy cung nữ nhàn rỗi dâm đãng không còn sợ hãi gì, vì nhà đã dột ngay từ trên nóc ! Rồi Trần Thủ Độ cùng với bà đã đem một đứa con trai họ Trần đến bên cạnh con bé ấy gọi là để hầu hạ, không rời một lúc. Trời đất hỡi, nói lại chuyện đã qua mà mặt tôi bỗng

như nhúng vào vạc dầu sôi, dầu tôi như có vòng sắt thít chặt vào cho vỡ tung ra ! May thay có một người thương tôi, chỉ mấy câu nói từ biệt trước khi người ra đi mãi, đã làm lay động đến những nơi sâu thẳm, rửa đi bao bùn nhơ trong lòng dạ, trong tâm trí tôi. Và cả cái hình hài thê thảm của người cũng vẫn cứu vớt tôi, làm cho hai con mắt tôi còn biết khóc ra nước mắt, mỗi lần tôi thảm lặng thấp mây nén hương. Cho nên hôm nay, bà đã thấy, tôi đã vứt cái mũ Hoàng hậu kia đi rồi. Từ bây giờ tôi lìa bỏ tất cả chốn này, tất cả những người ở đây, tôi trở lại làm một con người, không phải giấu giếm những nỗi niềm thật của tôi, ô, sao tôi lại không bằng lòng, bà yên tâm rồi chứ, những việc bà sắp đặt lần này nữa không có trở ngại gì đâu. Chỉ có một điều : Thưa lệnh bà, từ nay, đừng bao giờ bà tìm gặp tôi nữa !

THIÊN CỤC :

Con ơi, mẹ vẫn là mẹ đẻ của con ! Ngày xưa con còn nhỏ quá, làm sao hiểu hết những nồng nỗi của mẹ. Giờ ơi, việc cũ đã hơn mười năm, vũng bùn đầm máu tương đã khô đi rồi, vậy mà hôm nay lại làm cho tôi đứt ruột ! Thân tôi ngày ấy, gọi là bà Hoàng hậu, nhưng mà chồng thì đã hoá diên, cả nhà chồng thì chỉ lầm le tìm cách bắt phải chết, tôi chỉ còn biết ôm lấy hai đứa con gái nhỏ mà gắng gượng chống đỡ bốn bề. Triều đình thì lúc ấy năm bè bảy mối, việc nước nát như tương, đất Kinh Bắc, đất Hồng Châu, đất Nghệ An đều loạn, Chiêu Hoàng con ạ, ngày ấy mà không xoay chuyển được nhanh, thì cả nước cũng không còn, mà cả bên nội đến bên ngoại nhà con cũng bị giết hết không chừa một ai !... Nhưng mà thôi (*ôm mặt*). Mẹ xin con, con đừng làm gì hại đến chị con. Con để cho chị con yên ổn ở ngôi Hoàng hậu nhà Trần này.

CHIÊU THÁNH :

Bà cứ yên lòng, không phải lo. Bà mẹ của ta ơi, bà cũng đã từng là Hoàng hậu của cha ta. Ngày nay, tuy bà chỉ còn là công chúa Thiên Cục, vợ Thái sư Trần Thủ Độ, bà vẫn là người đàn bà có thế lực nhất triều này. Còn ai không biết điều đó. Nhưng ta thì có một điều khác với bà. Lâu nay, bọn các người chỉ thấy ta là Hoàng hậu của Trần Cảnh. Đâu phải. Ta là Lý Chiêu Hoàng. Ta không phải vợ vua. Ta là vua nước này.

THIỀN CỤC :

Ôi chao !

CHIÊU THÁNH :

Ta là vua dòng triều Lý đã trị vì trên hai trăm năm nơi giang sơn này, đã xây thành Thăng Long, đã mấy phen đánh Tống, dẹp Chiêm, đã dạy dân nghè dệt, nghè in, cùng trăm nghè khéo, đã mở mang văn hiến rực rõ, làm cho đất nước Việt ta dẹp quý như viên ngọc một cõi đất trời. Khi ta lên bảy tuổi mà nhường ngôi cho Trần Cảnh thì đó chỉ là một trò xếp đặt của các ngươi. Trần Cảnh chẳng qua lúc ấy chỉ là một đứa trẻ, mặc áo đội mũ, trong tay các ngươi. Đến nay ta đã đủ trí xét đoán mọi việc, ta vẫn là nữ hoàng của đất nước này, là nhà vua của các ngươi đây.

THIỀN CỤC :

Chiêu Hoàng ! Con nói gì ?

CHIÊU THÁNH :

Các ngươi tưởng rằng ta chỉ biết nghĩ đến ngôi cao của ta, chỉ lo giữ lấy thiên hạ làm của riêng họ nhà ta ư ! Ta dù chỉ là giọt máu cuối cùng xa xôi của Đức Lý Thái Tổ ta xưa, giọt máu này vẫn long lanh đỏ tươi. Ta đã nghĩ nhiều... Hai đời vua ông cha ta đã có nhiều lâm lỗi, yếu hèn, để cho đến nỗi trăm họ phiêu bạt, núi sông nghiêng ngửa... mà cái mối họa... bên phương Bắc thì cứ ngày một gần ! Từ đời Đức Lý Anh Tông, sứ nhà nó đã tới tận thành Thăng Long này dòm ngó... Đến bây giờ thì nó lâm le đang tính chuyện làm cả nước ta rối ! Cho nên ta đã có ý của ta... Ta đã nghĩ nhiều... Nhà Lý ta đã đến lúc xong công việc !

THIỀN CỤC :

... Chiêu Hoàng bệ hạ !... Con...

Im lặng

CHIÊU THÁNH :

Hãy nghe : Từ hôm nay Lý Chiêu Hoàng này rời bỏ ngôi báu. Người đàn bà được Đức vua cha ta thương yêu kia, ta cho bà trở về họ Trần, từ nay bà không còn phải là bà tôi nhà Lý ta nữa. Ta cởi bỏ cho

các người ra khỏi thân phận một bọn tiếm quyền, mà được chính danh việc giữ nước, thế thì các người hãy ra khỏi cõi tối tăm, quỷ quyết, mưu mô, từ nay giữa thanh thiên bạch nhật hãy hết lòng phù tá người kế nghiệp ta, giữ gìn lấy giang sơn nhà Lý ta giao lại. Bờ cõi này còn chưa vững chắc thì các người phải ăn không ngon, ngủ không yên ! Còn ta, từ nay ta sẽ làm một người dân thường, xa nơi triều chính, còn được ngày tháng nào chỉ để mà lo hương khói thờ phụng Đức vua cha ta, cho tròn đạo làm con, gọi là mong ăn năn tội lỗi của ta được phần nào. Ta đã nói, bà đã nghe. Hãy tuân theo ý ta, từ nay hãy để cho ta yên !

Đi tới bàn thờ, thắp hương, im lặng, không biết gì tới việc khác nữa.

Tôi phải trích dài cả đoạn đối thoại này để hầu bạn đọc và cả tác giả Nguyễn Đình Thi. Chúng ta cùng chiêm ngưỡng cái giây phút kỳ diệu mà Lý Chiêu Hoàng đã trở thành huyền thoại với tất cả sự oai hùng vĩ đại của lịch sử ẩn giấu trong cái vóc dáng gầy yếu cá nhân của nàng.

Và nhân đoạn trích đó tôi muốn nói đôi điều về thi pháp (Poétique) kịch Nguyễn Đình Thi. Đọc kịch của anh, đôi khi và hơn thế, nhiều khi người ta mất cảm giác của người đọc kịch, mà ta chỉ thấy một thế giới, nơi những con người hiện lên qua lời ăn tiếng nói của họ với nhau. Ta không thấy ở đây một mối xung đột được trình bày theo kiểu kịch Aristot, tức là được trình bày trong hành động, từ giao dâi tới thắt nút, đến... tạm thời hoà hoãn và đến giải toả trong kết thúc. Cái mối xung đột kịch rất cổ điển và rất phương Tây này không có chỗ trong kịch Nguyễn Đình Thi. Anh không viết kịch, mà chỉ mượn hình thái kịch để sáng tạo nên cái thế giới của mình, cái thế giới trong đó mỗi con người là thực mà là hư, vừa có thật vừa huyền thoại, cái thế giới trong đó mỗi con người đều phải từ hiện thực mà vươn tới huyền thoại. Hiện thực trong mối quan hệ xã hội, trong tính nhân bản mà huyền thoại trong khát khao, trong tính thần nhân đạo, hiện thực trong đời thường mà huyền thoại trong thế giới lý tưởng của tác giả. Đó là cái xung đột thường trực trong tất cả các nhân vật, các chi tiết, các tình tiết kịch của Nguyễn Đình Thi, mà dằng sau tất cả những cái đó là sự suy nghĩ nung nấu như đèn chảy máu não của tác giả. Ta hãy hình dung

Nguyễn Đình Thi như là người lênh đênh trôi theo cái dòng sông mà đôi bờ là hiện thực, một bên, là huyền thoại bên khác. Và chính sự va đập của những con sóng vào đôi bờ đó đã làm bật tung lên những tia nước trắng xoá mà đôi khi lấp lánh lên dưới ánh sáng xanh của mặt trăng hoặc ánh sáng vàng của mặt trời.

Người chồng lính thú xa vợ là hiện thực, cái bóng chị trên tường mà đứa con tường bố nó là hiện thực. Người chồng nghi ngờ người vợ là hiện thực. Người vợ đậm đà xuống sông tự tử cũng là hiện thực. Sự nhận biết lỗi lầm, một lỗi lầm không thể sửa chữa được, một lầm lỗi vô tội nó gây nên tần bì kịch khủng khiếp trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam và di vào thế giới kịch Nguyễn Đình Thi cũng là hiện thực, là chuyển hoá từ hiện thực,... Để đến sự hiện hồn của người vợ là huyền thoại. Và di giữa đôi bờ đó là Nguyễn Đình Thi : "Em ơi chẳng phải riêng một mình anh, mà từ nay hẽ có ai thấp đèn buổi tối trông lên cái bóng trên tường thì sẽ nhìn thấy em".

Vàng... chúng ta hãy nhìn lên *cái bóng trên tường* để nhớ đôi tần bì kịch không được tẩy rửa của người lớn đánh lừa trẻ con để rồi sự đánh lừa và hiểu lầm thơ ngây con trẻ đó đã gây nên nỗi oan nghiệt ghê gớm cho người lớn.

Người đàn bà ôm con đợi chồng là hiện thực, người đàn bà hoá đá là huyền thoại. Và di giữa đôi bờ đó là Nguyễn Đình Thi : "Xương thịt tôi hoá đá, tim tôi hoá đá không đập nữa, tôi vẫn đợi. Hình như tôi đứng đây để đợi một cái gì ở xa lăm. Hình như tôi đứng đây để đợi một cái gì ở chân trời kia ở xa hơn chân trời kia. Tôi vẫn đứng đây. Tôi vẫn đợi". Vàng, anh Thi ơi... sự chờ đợi là bất tử... khi còn đợi chờ và đợi một điều gì đó ở xa, tận xa... thì có nghĩa là con người ta bất tử.

Nói một cách khác thì có thể chấp nhận, biết hình thái xung đột quẩn xuyến các vở kịch của Nguyễn Đình Thi là sự diễn tả cuộc sống như ta thấy và như ta tưởng, như ta chứng kiến và như ta ao ước, như ta trải nghiệm và như ta khát khao để cho ta luôn ở trạng thái lo âu đôi khi đến sợ hãi. Nói một cách khác nữa thì sự diễn tả cuộc sống ở dạng tương phản đầy kịch tính ấy đã tạo nên mối *nguy cơ* mà đến bùt cũng không thể thò tay, làm ngơ được. Một người lính có nguy cơ bị Thần chết cướp đi cuộc sống ; một cô gái dân lành có nguy cơ sa vào tay

bọn bỉp bợm ; một gia đình có nguy cơ tan nát, một đất nước có nguy cơ mất, một cái xấu, cái ác hiện diện trong cái đẹp, cái thiện, như thế hỏi rằng nguy cơ có đáng lo sợ hay không... Ta nhớ lại một trường hợp trong kịch của Nguyễn Đình Thi thôi. Trong khi người dân đang bị giết, xác trôi đầy trên sông, trong khi nền văn hoá dân tộc đang bị tàn phá... trong khi giặc ngoại xâm đang làm những việc trên cả vơ vét, chém giết thì những người tự xưng là "cái lõi sáng trí tuệ" của đất nước lại không nghĩ ra được điều gì hơn cái thứ trung – nghĩa đã lõi thời Nho giáo. Nhưng rồi khi nghe Nguyễn Trãi nói "Vâng, may mà nước ta không phải chỉ có những ông nhà Nho nghĩ bằng sách Tàu ! May mà chúng ta còn biết sống theo lẽ của ta, nghĩ bằng cái đầu của ta... Bây giờ bốn bề lặng lẽ im lìm, nhưng không phải đâu, nghe kỹ xem rì rầm khắp cả", khi nghe Nguyễn Trãi tâm niệm "về Lam Sơn..." thì cái nỗi lo sợ ấy trong ta đã được xoa dịu và giải toả, tâm hồn ta được thanh lọc ; Lam Sơn không còn là một Lam Sơn cụ thể nữa mà đã từ một địa danh của đất nước trở thành một vầng gọi của lịch sử.

Nếu nói đóng góp của Nguyễn Đình Thi về thi pháp kịch, thì qua các vở *Cái bóng trên tường*, *Người đàn bà hoá đá*... anh đã sáng tạo nên một kiều bi kịch ngắn Việt Nam, bi kịch mà rất Việt Nam. Bi kịch ở cái lõi lầm không thể sửa chữa được nó dẫn đến sự trả giá ghê gớm, Việt Nam ở cái chất dân gian, cổ tích ngàn đời của nó.

Và như vậy, cái thế giới kịch của Nguyễn Đình Thi là một thế giới văn hoá nơi mà dấu vết văn hoá cổ kim và đông tây, dân gian và bác học... được hội tụ nhân bản và tinh thần nhân đạo nó có sức mạnh kỳ diệu đưa con người và cảnh đời từ hiện thực trở thành huyền thoại.

Tạp chí sân khấu

RỪNG TRÚC CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN SÁNG TÁC VỀ ĐỀ TÀI LỊCH SỬ

PHAN TRỌNG THƯỜNG

Kịch bản *Rừng trúc* của Nguyễn Đình Thi được sáng tác từ năm 1978, nhưng phải lặng lẽ chờ đợi hơn hai mươi năm sau, vào giữa tháng mười năm 1999 mới có cơ hội được hoá thân thành một vở diễn sân khấu dài các, sang trọng do hai đạo diễn nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Đình Nghi – Phạm Thị Thành và tập thể diễn viên nhà hát Tuổi trẻ thực hiện.

Hơn hai mươi năm ! Thời gian đó còn dài hơn cả thời gian lưu lạc của nàng Kiều. Có gì gai góc về nội dung tư tưởng chăng ? Hay cái dớp của vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* vẫn còn đó, ám ảnh cả tác giả và đạo diễn ? Theo tôi, có lẽ đều không phải, vì *Rừng trúc* có thể xem là một vở kịch hiền lành. Từ rất lâu, nhân một lần trò chuyện về vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, tôi hỏi đạo diễn Nguyễn Đình Nghi : Sao anh không dựng tiếp vở *Rừng trúc* ? Anh lắc đầu trả lời đầy vẻ do dự : khó lắm ! Vở kịch của anh Thi sáng tác theo phong cách cổ điển, thường đọc thì rất hay nhưng diễn thì lại khó cho cả đạo diễn và diễn viên. Như vậy, lý do chính dẫn đến sự ra đời muộn màng của vở diễn *Rừng trúc* có thể xem là thuộc về khâu dàn dựng chứ không phải là về chủ đề tư tưởng. Chỉ riêng màn 2 trong khoảng 40 phút đồng hồ, gần như chỉ một mình Lê Khanh đọc diễn bằng đọc thoại. Nghệ sĩ Nguyễn Đình Nghi coi đó là một trong những thách đố khi dựng vở. Liệu khán giả có chịu ngồi im theo dõi diễn viên đọc thoại trong chừng ấy thời gian không ? Liệu diễn viên có một mình làm chủ được sân khấu mà không trở thành cái loa phát ngôn của tác giả hoặc trở thành người diễn thuyết trước đám đông cù toạ ?... Thực tế cho thấy, cả đạo diễn và diễn viên đã vượt qua được thách đố này. Với màn diễn có vẻ như đơn điệu,

sở trường của tác giả - đạo diễn và diễn viên được bộc lộ. Đó là khả năng khai thác vào các sự kiện lịch sử tưởng như đã cũ để tìm ra trong đó những bài học mới về đạo đức, nhân sinh ; khả năng lý giải những vấn đề lớn đặt ra cho mọi thời đại.

Với cái tên *Rừng trúc* và sự kiện Trần Thái Tông (Trần Cảnh) bỏ kinh thành lên Yên Tử, thời gian lịch sử của vở kịch được xác định là thời gian ngôi vua đã về tay nhà Trần được 11 năm. Chuyện kịch xảy ra lúc Trần Thái Tông đã 20 tuổi, Hoàng hậu Chiêu Thánh 19 tuổi. Lấy lý do Vua và Hoàng hậu chưa có con nối nghiệp, Thái sư Trần Thủ Độ cùng với vợ là Công chúa Thiên Cực sắp đặt cho Công chúa Thuận Thiên (vợ Trần Liêu - chị gái của Lý Chiêu Hoàng) đã có mang săn lây Trần Thái Tông. Với sự kiện loạn luân này, nhà Trần lục đục. Trần Thái Tông hoang mang trước triều chính và thế sự, bỏ ngôi vua lên Yên Tử tìm đến cửa thiền. Trần Thủ Độ theo lên Yên Tử rước vua về. Lúc đâu vua không nghe, nhưng sau do thù trong, giặc ngoài và sự an nguy của quốc gia, Trần Thái Tông chấp thuận trở về kinh đô ổn định triều chính chấn hưng đất nước.

Với cốt truyện này, Trần Thái Tông có vẻ như là nhân vật chính, nhưng thực ra, đó chỉ là một cái cớ lịch sử, một sự kiện hạt nhân để những nhân vật như Trần Thủ Độ, Thiên Cực, Lý Chiêu Hoàng, Trần Liêu,... xoay quanh. Ở một phương diện nào đó, có thể xem *Rừng trúc* là một bi kịch lịch sử. Tuy sân khấu không la liệt xác chết, tình huống cuối cùng không huỷ diệt tình huống ban đầu như bi kịch cổ điển châu Âu ; không khốc liệt bi hùng như tuồng truyền thống,... nhưng vở kịch lại đậm màu sắc bi kịch về quyền lực chính trị của dòng họ và vương triều trước biến chuyển của lịch sử, bi kịch về thân phận con người trước sự vận hành nghiệt ngã của quyền lực. Các nhân vật trong kịch đều là những yếu nhân của hai triều đại. Họ vừa là người tận mắt chứng kiến cuộc bàn giao quyền lực chính trị giữa hai vương triều, vừa là chủ nhân, vừa là nạn nhân của những biến cố lịch sử diễn ra dưới tác động của những nhân tố chủ quan, trong đó Trần Thủ Độ là một nhân vật đặc biệt.

Nếu như với triều Lý, ông bị coi là kẻ thoán nghịch, thì với triều Trần, ông lại được coi là một bậc khai quốc công thần. Tuy ít học,

ít chữ nhưng ông lại là người quyền biến, cơ mưu, biết tạo ra những "then máy" lịch sử và biết cách tác động tích cực vào đó để biến cố lịch sử mau chóng diễn ra như một tất yếu.

Với bàn tay sắp đặt của ông, địa vị của vương triều nhà Trần và chủ quyền của xã tắc được củng cố, quốc gia hưng thịnh. Nhưng về đạo đức, thế sự ông lại gây lầm điều thị phi, để lại không ít tai tiếng trong lịch sử. Dường như những lo toan, cất đặt, những quyết đoán của ông đều xuất phát từ lợi ích của vương triều và quốc gia. Ông sẵn sàng làm mọi việc, miễn sao đạt được mục đích mà mình theo đuổi. Dương nhiên, những cơ mưu chính trị mà ông áp dụng đều có tác động hai mặt. Một tích cực là củng cố quyền lực của vương triều, xã tắc thì cả vua tôi và thần dân trong nước đều được hưởng. Nhưng mặt tiêu cực là những điều tiếng dì nghị thì ông lại là người hùng chịu, thậm chí còn phải trả giá. Với một cá tính lịch sử mạnh mẽ như thế, không phải đây là lần đầu tiên Trần Thủ Độ bước lên sân khấu. Nhiều nhà soạn kịch trước Nguyễn Đình Thi đã làm việc này. Đến Nguyễn Đình Thi, một mặt ông vẫn tập trung làm rõ vai trò của Trần Thủ Độ như chính sử đã ghi chép, nhưng mặt khác, dường như ông nhận thấy đằng sau cái vẻ dây toan tính phức tạp của nhân vật này là một động cơ chính trị hết sức rõ ràng, một cá tính nhất quán, một đời sống nội tâm rạch ròi, ít có những diễn biến phức tạp. Với con mắt của nhà văn, những gì cần nói đến ở nhân vật này thì sử sách cũng đã nói đến nhiều rồi. Vì vậy, Nguyễn Đình Thi có ý hướng vào hai nhân vật khác là Lý Chiêu Hoàng (Vua cuối cùng của triều Lý) và Trần Thái Tông (Trần Cảnh - Vua đầu tiên của triều Trần). Có thể xem đây là một đôi uyên ương lịch sử. Họ yêu nhau, lấy nhau và nhường ngôi cho nhau vừa như một đôi tình nhân, vừa như một cuộc hôn phối giữa hai triều đại.

Về nhân vật Lý Chiêu Hoàng, theo Nguyễn Đình Thi, sử sách ghi lại rất ít. Song chính vì vậy mà ông có cơ hội để sáng tạo được nhiều hơn. Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh lúc mới lên 7 tuổi (khi đó Trần Cảnh 8 tuổi). Có lẽ ở cái tuổi như vậy, cả hai đều chưa thật có ý thức sâu sắc về quyền lực cá nhân và quyền lực của vương triều, lại bị tình yêu tuổi trẻ chi phối nên dù có bàn tay sắp đặt của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh không mấy do dự, phân vân. Khi trở thành nhân vật kịch của Nguyễn Đình Thi,

Lý Chiêu Hoàng đã trưởng thành về mặt tuổi tác, đã tận mắt chứng kiến những biến cố diễn ra trong cung thất nhà Trần, trải nghiệm những nỗi bất hạnh về đời riêng (con trai với Trần Cảnh vừa sinh ra đã chết) và nghiên ngắm sâu sắc về chính sự. Sau sự sắp đặt của Trần Thủ Độ, bà như sực tỉnh, nhận thức ra thân phận lịch sử của mình. Mặc cảm tội lỗi với tiền đế, với huân nghiệp của tổ tông và mặc cảm bất lực, cô đơn trước triều chính, thế sự đã giày vò, day nghiến Lý Chiêu Hoàng. Nhưng mọi sự sám hối, ăn năn dường như đã muộn. Khi bà ý thức được đây đủ về quyền lực cá nhân và vương triều thì quyền lực đã vĩnh viễn tuột khỏi tay. Hơn nữa, với sự tác động tích cực của họ Trần, lịch sử đã diễn tiến theo chiều hướng có lợi cho họ. Vì vậy, hành động nhường ngôi của Lý Chiêu Hoàng tuy có cái non nớt, nồng nỗi của tuổi trẻ nhưng không phải là một lỗi lầm lịch sử vì kết cục ấy sớm muộn cũng sẽ diễn ra. Nhất là khi đứa con của Lý Chiêu Hoàng và Trần Thánh Tông vừa sinh ra đã chết, Lý Chiêu Hoàng như nhận ra những oan nghiệt của lịch sử. Cuộc hôn phối giữa hai triều đại không những không sinh ra được một biểu tượng lịch sử đẹp đẽ dung hòa quyền lực hai vương triều mà còn sớm đi đến một kết cục bi đát. Việc xếp đặt Công chúa Thuận Thiên thay vào chỗ của Lý Chiêu Hoàng nhìn bè ngoài có vẻ chỉ đơn giản là vấn đề nối ngôi, vấn đề kế nghiệp của nhà Trần, nhưng theo Nguyễn Đình Thi, sự kiện đó còn có thể được nhìn nhận ở khía cạnh tranh giành và củng cố quyền lực. Trong lúc tôn thất nhà Lý còn đó, lòng dân vẫn vương vấn chua yên, Trần Thủ Độ còn phải mượn chuyện kỵ tên huý của nhà Trần (Trần Lý) để đổi họ Lý thành họ Nguyễn... thì để Lý Chiêu Hoàng vốn là vua của triều Lý bên cạnh Trần Thánh Tông, đối với Trần Thủ Độ như là một mâm hoạ. Thân vương của Lý Chiêu Hoàng là Lý Huệ Tông đã chẳng vì một lời ám chỉ, răn đe của Trần Thủ Độ "nhỏ cò thì phải nhỏ cả rẽ cái nó đi" mà phải thắt cổ tự vẫn đó sao ?

Có thể nói, bi kịch ở Lý Chiêu Hoàng không chỉ là bi kịch về mặt nhận thức (nhận thức ra quyền năng to lớn của quyền lực đối với con người) mà còn là bi kịch về tình thế lịch sử. Diễn biến tâm lý phức tạp của nhân vật Lý Chiêu Hoàng đã được Nguyễn Đình Thi khai thác ở những vị thế khác nhau. Ở vị thế là một bà hoàng, Chiêu Thánh không khỏi có những lúc tỏ ra hối hận, ăn năn, tiếc nuối và khao khát giành

lại quyền lực cho cá nhân và vương triều. Nhưng ở vị thế là một con người, một phụ nữ mảnh mai yếu đuối, một người vợ, Chiêu Thánh lại cảm thấy quyền lực là một nỗi kinh hãi. Nó không chỉ làm diệu đứng mỗi cá nhân mà còn làm diệu đứng cả triều đại, diệu đứng cả nhân tâm thế sự và diệu đứng cả lịch sử. Khi Chiêu Thánh nói với Trần Thủ Độ : "Việc nước là lớn nhất, nhưng việc người với người cũng không phải là nhỏ hơn", bà đã kết hợp cả hai vị thế làm vua và làm người để khu xử. Có lẽ đó là một trong những tư tưởng quan trọng của vở diễn, một thông điệp mà tác giả Nguyễn Đình Thi và các nghệ sĩ gửi đến công chúng đương đại.

Nhân vật thứ hai Nguyễn Đình Thi dụng công xây dựng với nhiều tâm huyết là nhân vật Trần Cảnh (Trần Thái Tông). Theo Nguyễn Đình Thi cho biết, để hiểu Trần Cảnh ông đã đọc bộ *Khoá hư lục* (do Trần Cảnh viết). Về thời điểm Trần Cảnh bỗng vua lên Yên Tử tham thiền, giữa sử sách và *Khoá hư lục* chênh nhau 1 năm. Chính sử ghi Trần Cảnh bỏ đi sau khi Trần Thủ Độ ép lấy Công chúa Thuận Thiên (vợ của anh trai là Trần Liễu). Trong khi đó, ở *Khoá hư lục*, Trần Cảnh ghi là ông đã bỏ đi từ trước khi sự việc loạn luân đó xảy ra. Nguyễn Đình Thi phỏng đoán có thể vì xấu hổ với việc bị ép lấy chị dâu nên Trần Cảnh đã ghi như vậy. Thế là từ phỏng đoán đến suy ngẫm, sáng tạo, Nguyễn Đình Thi đã khai thác sâu vào tâm lý của nhân vật để "dụng được một hình tượng có bề dày, có chiều sâu xứng đáng với sự thực của nhân vật đó"⁽¹⁾.

Về sự thật lịch sử, cho đến nay kể cả sử sách cũ và các tài liệu nghiên cứu sau này, chưa khẳng định rõ việc Trần Thái Tông bỏ ngôi vua lên Yên Tử là vì đam mê kinh kệ của Phật giáo hay là vì khiếp đảm trước sự tác oai của quyền lực, vì chán việc triều chính, thế sự mà bỏ đi. Nhưng khi viết kịch, Nguyễn Đình Thi nghiêng hẳn sang lý do thứ hai, nghĩa là Trần Thái Tông bỏ tham chính để tham thiền vì hoang mang, chán nản trước nhân tâm thế sự và trước thực tế phi luân do khát vọng về quyền lực sinh ra trong tam cung, lục vien. Trong kịch bản và

(1) Nguyễn Đình Thi, *Tàn mạn về đề tài lịch sử*, Tham luận tại Hội nghị sân khấu về đề tài lịch sử, Hà Nội, 1997.

trên sân khấu, ta thấy một Trần Cảnh thấu đạt nghĩa lý, nhân ái, khoan hoà nhưng lại hơi thụ động, bất lực. Dường như, ông luôn luôn lưỡng lự giữa một bên là quyền uy của Phật pháp với một bên là quyền uy của vương triều. Nhưng hai thứ quyền uy đó chẳng phải lúc nào cũng dung nạp được nhau. Một mặt ông vẫn thương yêu, nuối tiếc Lý Chiêu Hoàng, một mặt khác ông vẫn phải chấp nhận sự sắp đặt của Trần Thủ Độ để lấy công chúa Thuận Thiên. Đó là giải pháp tình thế nhưng cũng đồng thời là giải pháp lịch sử. Với tư cách là một cá nhân có phần đa đoan, yếu đuối, ông không có cách nào hơn là buộc phải quy thuận. Đằng sau Trần Thủ Độ là sức nặng của cả dòng họ, vương triều. Tuân theo ông cũng có nghĩa là tuân theo một chiêu hướng lịch sử đã được định đoạt, tuân theo một guồng máy quyền lực chính trị đang vận hành, bất khả kháng.

Sự kiện Trần Cảnh bỏ lên Yên Tử là đỉnh điểm của những mâu thuẫn giữa anh em, vợ chồng, chú cháu và cũng là đỉnh điểm của sự hoang mang bất lực của ông vua trẻ trước triều chính, trước lẽ người, lẽ đời. Song, cái quyết tâm tìm đến cửa thiền của Trần Cảnh có vẻ như chưa được nung nấu nhiều nên sự ra đi của ông xem ra còn dùng dằng, chưa dứt khoát. Trên lộ trình về Yên Tử, ông và thân vệ của ông vẫn còn muốn lắng nghe tiếng nói của lẽ dân về chính sự, muốn nhìn thấy tận mắt núi, sông, đồng ruộng, làng mạc, giang sơn, xã tắc của mình. Chính những điều tai nghe, mắt thấy từ ông lão lang thang đã giúp cho Trần Cảnh giác ngộ lại về thân phận, về thiên chức, về quyền lợi quốc gia. Sự bất hoà trong hoàng tộc, sự tranh giành quyền bính trong cung vua, phủ chúa không chỉ là chuyện riêng của một dòng họ mà liên quan đến sự thịnh suy của nước Đại Việt, đến an nguy của quốc gia và tráms họ. Cho nên, lên Yên Tử với Trần Cảnh, thực chất cũng mới chỉ là một quyết định với vàng, chóng vánh – kết quả của một phút hoang mang về nhân tình, thế thái và chính sự mà thôi. Khi Trần Thủ Độ đến đón và nhất là khi những tin tức về âm mưu rình rập, đe doạ thôn tính của ngoại bang đối với đất nước được tâu trình, Trần Cảnh quyết định trở về kinh đô, cùng cố triều chính, hoà giải mâu thuẫn trong hoàng tộc, hùng nghiệp nhà Trần thành một triều đại hiển hách có khả năng chiến thắng những thế lực ngoại xâm hùng mạnh nhất trong lịch sử những năm sau đó.

Như trên đã nói, nếu động cơ bỏ ngôi vua lên Yên Tử của Trần Cảnh chưa rõ ràng thì động cơ rời Yên Tử trở về kinh đô của ông lại hết sức rõ ràng. Đó là vì nghiệp lớn của triều đại và non sông. Chính động cơ trở về của ông khiến ta thông cảm hơn với tâm sự bức bối, nặng nề buộc ông phải tìm đến cửa thiền.

Trái với những ấn tượng ban đầu về một thế giới êm ái, u tịch, một cõi tĩnh lặng hư vô của nhà Phật do cái tên *Rừng trúc* gây nên, vở kịch của Nguyễn Đình Thi là một sự kiện lịch sử ba động. Trong khi tái tạo lại sự kiện, ông vừa đứng trên lập trường công dân, vừa đứng trên lập trường nghệ sĩ để thể hiện chính kiến của mình. Trên lập trường công dân, ông khẳng định "việc nước là lớn", nhưng trên lập trường nghệ sĩ, ông xem : "việc người với người không thể nhỏ hơn". Nếu các nhân vật trong kịch chỉ xem việc nước làm trọng, lấy nguyên tắc vì nước để ứng xử trước mọi tình thế thì Nguyễn Đình Thi lúc giống như người quan sát, theo dõi, người đứng ngoài lịch sử để nhắc nhở ; lúc thì như muôn "nhảy xổ" vào lịch sử, đứng trong lịch sử để can gián các nhân vật. Trong kịch của ông, ta luôn nhận thấy một sự cảm khái và thái độ bất nhẫn về thân phận của con người trước quyền lực.

Để kịch bản *Rừng trúc* trở thành vở diễn sân khấu, hai đạo diễn, Nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Đình Nghi và Phạm Thị Thành đã phải đổi mặt với những thách đố lớn. Theo đạo diễn Nguyễn Đình Nghi, thách đố đầu tiên là nhà hát nào dám bỏ tiền dựng vở ? Thách đố thứ hai là diễn viên nào có thể đảm nhận được các vai chính kịch nặng về diễn xuất tám lý kiểu cổ điển như các vai Lý Chiêu Hoàng, Trần Cảnh trong vở này ? Thách đố thứ ba là liệu khán giả có bỏ tiền túi ra mua vé đi xem không ?

Quả thực, đó là những thách đố lớn trong tình hình sân khấu không mấy khả quan như hiện nay. Nhưng theo tôi, mặc dầu các đạo diễn không nói ra, còn một thách đố lớn hơn mà họ phải đổi mặt chính là kịch bản. Trước nó, đạo diễn như đứng trước cửa hang đá trong truyện cổ *Alibaba và 40 tên cướp*, nếu lời chú không chính xác thì kho báu không bao giờ được mở. Trong trường hợp này, lời chú linh diệu nhất mà các đạo diễn có được không chỉ là những bài học có ý nghĩa giáo huấn từ lịch sử mà còn là những xúc cảm đồng điệu về những vấn đề nhân sinh lớn lao, luôn luôn có ý nghĩa trong mọi thời đại.

Nhận thức rõ giá trị văn học và những lớp nghĩa thâm trầm, sâu kín của kịch bản, hai nghệ sĩ Nguyễn Đình Nghi và Phạm Thị Thành chủ trương dàn dựng theo đúng kịch bản, trung thành với tư tưởng nghệ thuật của nhà văn. Nếu như trước đây, khi dựng vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, đạo diễn Nguyễn Đình Nghi đã từng sử dụng thành công nhiều thủ pháp đạo diễn, nhiều lớp diễn, trò diễn (như lớp cô gái cầm chưởng hagnet), thì ở vở *Rừng trúc* lần này, gần như vắng bóng. Các nỗ lực của đạo diễn chủ yếu tập trung vào diễn xuất của diễn viên sao cho bộc lộ được cốt cách, thần thái của các nhân vật. Trong quá trình giải mã, sáng tạo lại tác phẩm theo quy luật của nghệ thuật biểu diễn sân khấu, những ý nghĩa sâu xa, tiềm tàng trong từng lời đối thoại, những tình huống lịch sử đầy kịch tính và những nhân vật lịch sử đầy cá tính đều đã được khắc họa, nhân lên và sân khấu hoá với sức truyền cảm mạnh mẽ. Nguyễn Đình Nghi tâm sự : Với *Rừng trúc*, anh muốn chứng minh rằng kịch bản, dù nặng chất văn học, ít hành động, chậm rãi về tiết tấu vẫn có thể trở thành một vở diễn sân khấu hấp dẫn. Đương nhiên, để làm được việc đó, bên cạnh nỗ lực của các đạo diễn là tài hoa và nỗ lực của các diễn viên nhà hát Tuổi trẻ, trong đó các vai Lý Chiêu Hoàng (Lê Khanh), Trần Thủ Độ (Chí Trung), Trần Cảnh (Anh Tú), Thiên Cực (Lan Hương) là những vai để lại ấn tượng tốt về khả năng diễn xuất, về bản lĩnh và tư chất nghệ sĩ.

*

Từ vở *Rừng trúc* của Nguyễn Đình Thi có thể đặt ra và trao đổi thêm một số vấn đề có ý nghĩa lý luận sáng tác về đề tài lịch sử mà lâu nay giới văn học, sử học và sân khấu vẫn quan tâm.

Trước hết là về thực chất mối quan hệ giữa sự kiện lịch sử với sáng tạo nghệ thuật. Mỗi sự kiện, mỗi giai đoạn và mỗi nhân vật khi đã trở thành lịch sử và đi vào lịch sử thì ngoài ý nghĩa vốn có của bản thân nó, còn có ý nghĩa khách quan do thời đại mang lại. Nói theo cách nói của các nhà kinh điển thì mỗi sự kiện, mỗi giai đoạn, mỗi nhân vật lịch sử, ngoài ý nghĩa *tự nó* còn có ý nghĩa *cho nó*. Nếu như đối với nhà chép sử, mỗi quan tâm hàng đầu là sự đầy đủ, xác thực sao cho mỗi sự kiện, mỗi giai đoạn, mỗi nhân vật *tự nó* nói lên ý nghĩa, thì đối với nhà văn, nhà nghệ sĩ, mỗi quan tâm hàng đầu là sáng tạo ra những ý nghĩa

mới thông qua một cách linh hôi và cảm thụ mới. Tuy nhiên, để có cơ sở sáng tạo thì yêu cầu đầu tiên đối với nhà nghệ sĩ là phải nhận thức đầy đủ về ý nghĩa vốn có của mỗi sự kiện.

Như vậy có nghĩa là đối với mỗi sự kiện, mỗi giai đoạn, mỗi nhân vật lịch sử, công việc của nhà chép sử có lúc đạt đến sự xong xuôi, hoàn tất nhưng đối với nhà văn và nhà nghệ sĩ thì công việc sáng tạo lại vô giới hạn. Nếu như trước mỗi chi tiết lịch sử, mỗi quan tâm thường trực của nhà sử học là minh định đúng – sai, chân – giả thì với nhà nghệ sĩ, mỗi quan tâm hàng đầu dường như lại là những suy tư gợi nên từ chi tiết đó. Cho nên, chuyện đúng, sai chưa phải là chuyện hàng đầu. Lời bài hát trong phim *Tể tướng Lưu gù* của điện ảnh Trung Hoa tuy là dã sử nhưng cũng có thể xem là tuyên ngôn sáng tạo về đề tài lịch sử :

*Ông tôi kể chuyện rất hay
Đó là câu chuyện của ngày hôm qua
Có người tốt, có gian tà
Có điều hay, dở, cùng là thị phi...
Chuyện có thể đúng, có thể sai
Có thể là chuyện do ai đặt điều
Dù sai, đúng được bao nhiêu
Cũng gợi nên được nhiều điều nghĩ suy
Ai ơi nhớ lấy mà ghi.*

Với tuyên ngôn này, người nghệ sĩ có thể tránh được mọi sự xét nét, bắt bẻ từ phía nhà sử học để chuyên tâm hướng về công chúng nghệ thuật, gợi cho họ những điều “nghĩ suy” từ sự kiện và nhân vật lịch sử.

Điều đó lý giải hiện tượng vì sao cùng một sự kiện có thể có rất nhiều nghệ sĩ ở nhiều thời đại và ở nhiều lĩnh vực nghệ thuật khai thác mà giá trị nghệ thuật của mỗi tác phẩm lại không giống nhau. Lịch sử văn hoá nghệ thuật nhân loại và lịch sử văn hoá Việt Nam cho thấy đề tài lịch sử luôn luôn là miền đất hứa để cho mọi thế hệ ở mọi thời đại tham canh. Có thể nói, sáng tạo nghệ thuật về đề tài lịch sử, xét ở một phương diện nào đó là quá trình làm giàu có lịch sử bằng ý nghĩa tinh thần khách quan mà mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật mang đến cho nó.

Trong quá trình sáng tạo, nếu nhà văn, nhà nghệ sĩ chỉ quan tâm đến ý nghĩa của bản thân sự kiện (nghĩa tự nó) thì công việc có phần giống với nhà chép sử. Có khác chăng là ở chỗ nhà văn và nhà nghệ sĩ trình bày lịch sử dưới một hình thức khác, bằng một chất liệu và phương tiện khác. Trong trường hợp này, có thể gọi là trường hợp minh họa lịch sử, hiệu quả nhận thức bị giới hạn rất nhiều so với các công trình sử học, mặc dù có sinh động hơn. Nhà nghệ sĩ thực sự là nghệ sĩ khi sự kiện lịch sử thực chất chỉ là cái nguyên cớ, là cơ sở của moi sáng tạo. Ý nghĩa mới mà sự kiện lịch sử có được bắt nguồn từ những vấn đề lớn mà thời đại đặt ra. Không phải ngẫu nhiên vào cuối những năm 30, đầu những năm 40 của thế kỷ này, trong lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam đã dấy lên một phong trào phục cổ, trong đó *kịch thơ* về đề tài lịch sử và vở kịch nói *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng là những hiện tượng rất đáng chú ý. Và cũng không phải ngẫu nhiên vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 (thế kỷ XX), chuyện thái hậu Dương Vân Nga dâng áo bào cho Lê Hoàn, chuyện Nguyễn phi Ý Lan nhiếp chính, chuyện Nguyễn Trãi bị quản thúc ở Đông Quan, chuyện Trần Thủ Độ xây dựng và củng cố quyền lực triều Trần,... lại trở thành đề tài mẫn cảm, hấp dẫn nghệ sĩ và gây xúc động mạnh cho công chúng thường thức nghệ thuật. Trong vở *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* của Nguyễn Đình Thi được dàn dựng và biểu diễn vào năm 1980 chẳng hạn, tác giả và đạo diễn thực sự là người mượn tư tưởng và nhân cách của Nguyễn Trãi để gắn kết hai thời đại, gắn kết công chúng đương đại với nhân vật lịch sử, gắn kết những vấn đề đạo lý của ngày hôm nay với sự kiện lịch sử của 5 thế kỷ trước.

Trở lại vấn đề thực chất của sáng tạo nghệ thuật về đề tài lịch sử, theo tôi, không phải là minh họa lại lịch sử, không phải truyền đạt lại tri thức lịch sử, cũng không phải là một bài học luân lý đạo đức cũ (vì những cái đó, môn Lịch sử và môn Giáo dục công dân đã làm rồi, nghệ thuật không đặt cho mình nhiệm vụ phải minh họa lại). Thực chất của sáng tạo nghệ thuật về đề tài lịch sử là khai thác lịch sử theo một cách thức tiếp cận mới, một cảm hứng lịch sử – công dân mới trên nguyên tắc vừa tôn trọng sự thật lịch sử, vừa tôn trọng sự thật nghệ thuật.

Tiếp theo là vấn đề nguyên tắc của sáng tạo nghệ thuật về đề tài lịch sử.

Như chúng ta đã biết, sáng tạo về đề tài lịch sử là sáng tạo trên cơ sở của một sự kiện có thật và có sẵn. Do vậy, trong quá trình sáng tạo, nghệ sĩ vừa tự do, vừa không tự do. Cách đây chưa lâu, khi các truyện *Vàng lừa*, *Phẩm tiết* và *Kiếm sắc* của Nguyễn Huy Thiệp được in trên báo đã gây ra phản ứng nhiều chiều trong công chúng. Trong các ý kiến đó, có ý kiến của các nhà sử học chỉ trích, phê phán Nguyễn Huy Thiệp đã xuyên tạc, xúc phạm nhân vật lịch sử. Vấn đề này, theo tôi chỉ có thể được làm sáng tỏ khi biên giới giữa *tự do* và *mất tự do* trong sáng tạo nghệ thuật về đề tài lịch sử được phân định rõ.

Trong suốt cả chiều dài lịch sử mỗi dân tộc, rộng ra là lịch sử nhân loại, có bao nhiêu giai đoạn, bao nhiêu sự kiện, bao nhiêu cá nhân để cho nghệ sĩ tiến hành sự lựa chọn. Ở khâu này, anh ta hoàn toàn tự do. Nghĩa là nghệ sĩ được quyền chọn bất kỳ nhân vật lịch sử nào, sự kiện lịch sử nào và giai đoạn lịch sử nào miễn sao có thể chuyên chở nổi những khát vọng sáng tạo, gửi gắm được những ý tưởng nghệ thuật hằng ấp ú. Nguyễn Huy Thiệp chọn Quang Trung (*Phẩm tiết*), Nguyễn Du (*Vàng lừa*) cũng như Nguyễn Đình Thi chọn Nguyễn Trãi (*Nguyễn Trãi ở Đông Quan*), Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng, Trần Cảnh,... (*Rừng trúc*); Tào Mạt chọn Lý Nhân Tông, Ý Lan (*Bài ca giữ nước*), v.v. Ở công đoạn này, nghệ sĩ hoàn toàn tự do dựa vào cảm hứng lấy từ thời đại và sự am hiểu của mình về lịch sử để tiến hành lựa chọn.

Khi đã chọn được đối tượng, nghệ sĩ không còn tự do hoàn toàn nữa, Anh ta đã bị đối tượng chi phối trở lại. Đó là tính chân thực khách quan lịch sử, là những chế định của đẳng cấp, thời đại lên nhân vật và sự kiện lịch sử mà nhà văn không thể tuỳ tiện. Sự sáng tạo của nghệ sĩ từ khi xác định được đối tượng phải tiến hành theo khuôn phép lịch sử, theo những nguyên tắc lịch sử từ nội dung đến hình thức. Chỉ một vi phạm nhỏ về ngôn ngữ, trang phục, về nghi thức ứng xử,... sẽ làm cho tác phẩm trở nên ngô nghê, kệch cỡm. Một vở kịch, một tiểu thuyết về đề tài lịch sử nhất thiết không được thể hiện bằng khẩu ngữ và văn phong hiện đại. Những nhà văn càng có kiến thức văn rộng, có vốn từ Hán - Việt phong phú, vốn hiểu biết sâu sắc về văn hoá lịch sử bao nhiêu càng có lợi thế để đạt đến thành công trong sáng tạo về đề tài lịch sử bấy nhiêu.

Trong khuôn khổ của những nguyên tắc, nghệ sĩ còn một khoảng tự do rất rộng, đó là tự do khai thác những mối liên hệ giữa thời đại và sự kiện lịch sử. Thực tế nghệ thuật cho thấy, càng phát hiện ra mối liên hệ này sớm bao nhiêu, sâu sắc bao nhiêu càng có cơ sở để đạt đến sự thành công trong sáng tạo bấy nhiêu. Phẩm chất và tư chất nghệ sĩ bộc lộ chủ yếu ở cảm quan lịch sử nhạy bén, ở những phát hiện tinh tế và sâu sắc những liên hệ giữa thời đại và lịch sử, đặc biệt là ở khả năng mang đến cho sự kiện lịch sử những ý nghĩa mới có tính thời sự.

Hãy nhớ lại trường hợp Nguyễn Huy Tưởng sáng tác vở kịch lịch sử *Vũ Như Tô* vào năm 1941. Có lẽ lý do tìm về lịch sử của Nguyễn Huy Tưởng không chỉ là *phong trào văn nghệ phục cổ* đang lôi cuốn nhiều trí thức văn nghệ sĩ lúc đó mà còn là tác động của một cuộc tranh luận tư tưởng giữa hai phái nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh được khởi xướng từ đầu những năm ba mươi (thế kỷ XX) và giác ngộ của bản thân ông về sứ mạng nghệ thuật và thiên chức nghệ sĩ trong cuộc đấu tranh cho lý tưởng mới. Câu chuyện Vũ Như Tô xây Cửu trùng đài trong lịch sử nếu không được Nguyễn Huy Tưởng gắn với thực tiễn đời sống văn chương nghệ thuật, với tư tưởng dân chủ, dân sinh thời kỳ 1932 - 1942 thì cùng lắm cũng chỉ minh họa lại ý tưởng ngông cuồng của một ông vua từng bị lịch sử phê phán nhiều mà thôi. Cùng với thời gian, với sự biến chuyển của lịch sử, ý nghĩa của vở kịch ngày càng được mở rộng, được nhân lên khiến cho nhân vật và sự kiện lịch sử chỉ còn là cái cớ, là điểm xuất phát ban đầu.

Điều kiện để nghệ sĩ đạt được sự tự do tối đa trong sáng tạo về đề tài lịch sử là ngoài việc làm chủ tư liệu lịch sử, ý thức tôn trọng nguyên tắc lịch sử như một tất yếu nghệ thuật, nghệ sĩ đồng thời phải là người mẫn cảm trong việc tìm kiếm các nguyên cớ lịch sử, tìm kiếm các tình huống để gửi gắm những ý tưởng nghệ thuật, tư tưởng của thời đại vào mỗi sự kiện và nhân vật lịch sử được chọn. Như thế cũng có nghĩa là nghệ sĩ đã thực hiện cuộc phiêu lưu vào thế giới nghệ thuật, tạo thêm ý nghĩa cho mỗi tác phẩm của mình.

Song cái giá phải trả cho những cuộc phiêu lưu này là việc tạo ra các tình huống này sinh sự mơ hồ, đa nghĩa xung quanh sự kiện và nhân vật lịch sử mà tác phẩm sử học không được phép tạo ra. Vấn đề

này có liên quan đến việc nghệ sĩ có được quyền thêm thắt, hư cấu về nhân vật lịch sử hay không và liên quan đến bản lĩnh của nghệ sĩ.

Theo tôi, một trong những điểm khác nhau giữa nhà nghệ sĩ và nhà chép sử là ở chỗ, nhà chép sử lấy việc ghi chép, trình bày lịch sử đúng như nó đã xảy ra làm mục đích, còn nghệ sĩ thì ngoài việc thể hiện lịch sử đã xảy ra như thế nào còn phải lấy việc phân tích, khái quát các bài học lịch sử, nêu các tấm gương lịch sử làm mục đích.

Như trên đã nói, vì quan tâm nhiều tới việc sáng tạo ý nghĩa cho nó nên nghệ sĩ không chỉ dừng lại ở những gì lịch sử tự nó đã nói lên rồi. Vì thế, trước lịch sử, nghệ sĩ có quyền năng sáng tạo. Nhưng đó là sự sáng tạo các chi tiết không làm sai lệch, méo mó, biến dạng lịch sử. Có thể xem sự sáng tạo của Nguyễn Đình Thi ở vở *Rừng trúc* là một ví dụ. Dựa vào những chi tiết bỏ ngỏ của lịch sử, ông đã tiến hành sự cá tính hoá một cách triệt để hai nhân vật lịch sử Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh; đồng thời, dựng nên thế giới nội tâm phức tạp và những nghiên ngẫm suy tư mang ý tưởng nhân văn sâu sắc của họ. Đó là những suy tư xuất phát từ sự kiện nhưng ý nghĩa của nó lại vượt lên trên sự kiện, và ra ngoài biên giới thời đại lịch sử.

Đối với đề tài lịch sử, nghệ sĩ chỉ tự do khi tri thức lịch sử đã nhuần nhuyễn, khi ý thức được đầy đủ những giới hạn, những khuôn phép của lịch sử. Đó là điều kiện để chuyển từ địa hạt của *tất yếu* sang địa hạt của *tự do* như luận điểm của C. Mác.

Tạp chí Văn học, số 11 - 1999

21 NĂM - CHẶNG ĐƯỜNG GẬP GHỀNH CỦA RỪNG TRÚC TỪ BẢN THẢO LÊN SÀN DIỄN

NGUYỄN VĂN THÀNH

Kịch bản đầu tiên của Nguyễn Đình Thi là *Con nai đen*, viết một mạch trong 18 ngày, hoàn thành vào cuối tháng 6 - 1961. Sang tháng 11, nhà xuất bản đã cho ra mắt bạn đọc. Qua năm 1962 nó đã được Thế Lữ dàn dựng trên sân khấu, nhưng chỉ ra mắt mấy buổi. Vở thứ hai – *Hoa và Ngần* – đoàn kịch Hà Nội dựng, đạo diễn Dương Ngọc Đức, chỉ xuất hiện duy nhất ở đêm tổng duyệt. Tới *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* viết 1979, năm 1980 hiện diện trên sân khấu với bàn tay đạo diễn của Nguyễn Đình Nghi qua sự thể hiện của các diễn viên sáng giá Nhà hát kịch Trung ương như Trần Tiến, Nguyệt Ánh, được nhìn nhận như một sự kiện sinh hoạt sân khấu lúc đó. Nhưng cũng chỉ sống được 9 đêm rồi phải “xếp lại”. Trong giới sân khấu lúc đó đã này sinh giao thoại vui : “Nếu kịch bản mang tên Nguyễn Đình Thi, lại đạo diễn Nguyễn Đình Nghi thì khâu duyệt vở nhất định sẽ là Nguyễn Đình Chi !”

Tuy số phận của 3 kịch bản này đều “yếu mệnh”, nhưng dấu sao nó cũng đã hiện hình dưới ánh đèn sân khấu, và cũng để lại những dư vang. Riêng kịch bản *Rừng trúc* mới thật long dong trắc trở. Viết xong trước cả *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, ngay tháng áp Tết 1978, Nguyễn Đình Thi ôm bản thảo tới đoàn kịch Trung ương lúc đó đóng trụ sở ở 50 phố Nguyễn Bỉnh Khiêm đọc cho nghệ sĩ Đào Mộng Long, Phạm Thị Thành, Tuệ Minh, cả ba đều xuýt xoa tấm tắc. Đoàn kịch điện ảnh của Tuệ Minh đã làm việc với nhà văn để tiến hành dựng, nhưng không thành.

Đạo diễn Nguyễn Đình Nghi mê *Rừng trúc* ngay từ những ngày ấy, đem nó giới thiệu cho một số đoàn kịch. Đoàn kịch Trung ương, nhà hát cải lương Trung ương, nghệ sĩ Bạch Tuyết ở thành phố Hồ Chí Minh cũng dự định chuyển thể sang kịch hát, rút cục dự định vẫn chỉ là dự định...

Rừng trúc cứ lặng lẽ tồn tại dưới dạng bản thảo đánh máy và truyền tay từ người này đến người khác. Nhà văn Đào Vũ còn giữ được một bản thảo như thế. Gần 10 năm sau, bước vào công cuộc đổi mới, *Rừng trúc* mới được công bố toàn văn trên tờ tạp chí *Tác phẩm mới*, sang đến những năm 90 (thế kỷ XX), đoàn kịch Hà Nội đã đưa nó vào kế hoạch dàn dựng, đạo diễn Nguyễn Đình Nghi đã đổi lần làm việc với đoàn, chuẩn bị thực hiện, nhưng lại phải gác lại bởi những lý do bất khả kháng.

Cho đến 8 - 10 vừa qua, nghĩa là sau 21 năm "sống trong im lặng", *Rừng trúc* mới hiện hình thực sự trên sân khấu Nhà hát Tuổi trẻ, từ giã thế giới chữ nghĩa bước vào thế giới hình sắc, sống cuộc sống tròn đầy của một kịch bản sân khấu. Đạo diễn NSND Nguyễn Đình Nghi vẫn thuỷ chung, đam mê với *Rừng trúc*, như lần gặp gỡ đầu tiên, hơn 20 năm trước, nhưng bây giờ, vào tuổi 71, sức khoẻ suy giảm nhiều, ông đề nghị NSND Phạm Thị Thành cùng cộng tác với mình trong khâu dàn dựng.

Rừng trúc là tinh bí kịch nảy sinh từ mối quan hệ giữa quyền lực và đạo lý làm người, xoay quanh sáu nhân vật lịch sử đời Trần ở thế kỷ XIII. Để đoạt ngai vàng về tay dòng họ mình, triều đại mình nhiều chuẩn tắc luân lý giữa người và người bị vi phạm, dâm đạp, khiến cho mẹ - con, anh - em, chú - cháu trở nên đối đầu thù hận nhau, ngõ không gì có thể giải tỏa được, chỉ đến lúc Tổ quốc bị nạn ngoại xâm đe doạ, vì việc nước mọi người mới thấy cần gác bỏ niềm riêng, vượt lên những ân oán cá nhân để hòa giải khúc mắc hướng tới quyền lợi chung, cao cả hơn...

Vở diễn *Rừng trúc* dẫu qua gần một phần tư thế kỷ mới hoá thân trọn vẹn, thành hình tượng sân khấu. Đối chiếu kịch bản gốc với vở diễn, thấy toàn bộ lời văn của kịch bản nhìn chung vẫn được giữ y nguyên, ngoại trừ vài đoạn đối thoại bị lược bỏ cùng với phân vิ thanh, nhưng tinh thần của tác phẩm vẫn được tôn trọng.

50 diễn viên của nhà hát Tuổi trẻ đã được huy động để cùng tạo dựng thành bộ mặt của *Rừng trúc* trên sân khấu, trong đó có các nghệ sĩ tài danh như NSƯT Lê Khanh trong vai Hoàng hậu bị phế bỏ Chiêu Thánh, Công chúa Thiên Cực, mẹ Chiêu Thánh do NSƯT Lan Hương

dẫn trách, Thuận Thiên do NSƯT Minh Hằng thể hiện, Trần Thủ Độ do NSƯT Chí Trung đóng và các nghệ sĩ Anh Tú trong vai Trần Cảnh, nghệ sĩ Quốc Tuấn – Trần Liễu...

Rừng trúc còn được nhà hát Tuổi trẻ chọn làm tiết mục tham dự Hội diễn sân khấu cuối cùng của thế kỷ khai mạc ngày 12 - 10 tại Nhà hát Lớn Hà Nội. Tác giả Nguyễn Đình Thi trong quá trình dàn tập đã có buổi nói chuyện cởi mở với tập thể nghệ sĩ trẻ về tâm sự nghề nghiệp, những gửi gắm của ông trong kịch bản. Ông cũng chứng kiến buổi diễn tập cuối cùng, trước khi vở diễn hoàn thành đầy đủ các công đoạn, nhưng không có mặt trong đêm tổng duyệt vì bị chảy máu dạ dày phải vào cấp cứu ở bệnh viện Việt - Xô. Trên giường bệnh ông vẫn theo dõi sát sao diễn tiến tiếp tục của *Rừng trúc*, và gần đây nhất khi sức khoẻ đang dần hồi phục, ông quyết định sẽ xin phép bệnh viện, được có mặt trong đêm đưa con tinh thần của mình, trình làng tại Hội diễn.

Báo Tiền phong, số ra ngày 17 - 10 - 1999

RỪNG TRÚC

DỰ CẨM LIỆU CÓ THÀNH HIỆN THỰC ?

SAO MAI

Vậy là sau 21 năm, kịch bản *Rừng trúc*, "đứa con tinh thần" mang nặng đê đau của nhà văn Nguyễn Đình Thi đã được hiện diện trên sân khấu thủ đô, là vở kịch được chọn mở màn cho Hội diễn sân khấu kịch chuyên nghiệp toàn quốc 1999. Người dám "bạo gan" dàn dựng một vở kịch về đề tài lịch sử, giàu chất văn học, dài về lời đối thoại là hai đạo diễn Nguyễn Đình Nghi và Phạm Thị Thành. Vở kịch khắc họa một giai đoạn lịch sử nước ta, dưới sự sắp đặt của Thái sư Trần Thủ Độ và Hoàng hậu Lý Huệ Tông là Trần Thị Dung, vị vua cuối cùng của nhà Lý là Lý Chiêu Hoàng mới lên 7 tuổi đã nhường lại ngôi báu cho chồng mình là Trần Cảnh lúc đó mới lên 8 tuổi, mở đầu cho triều đại nhà Trần. Lý Chiêu Hoàng trở thành Hoàng hậu Chiêu Thánh, sống với vua 11 năm mà không có con. Lo sợ cho ngôi báu của nhà Trần lọt vào tay kẻ khác, Thái sư Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung (lúc này đã là vợ của Trần Thủ Độ - tức công chúa Thiên Cực) lại bàn tính và sắp đặt cho chị gái của Hoàng hậu Chiêu Thánh là Công chúa Thuận Thiên (vợ Trần Liễu - anh cả của Vua) đã có mang được 3 tháng vào thế chân Hoàng hậu... Từ bi kịch của 11 năm về trước, khi vua Lý Huệ Tông bạc nhược, tính tình gàn dở, bị bức tử, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng đến những bi kịch mới đã khiến cho máu thuẫn giữa mẹ - con, vợ - chồng, anh - em, chú,... bùng lên dữ dội. Bên ngoài bờ cõi, giặc Nguyên - Mông đã tràn đến Vân Nam - Trung Quốc và đang ngấp nghé nước ta...

Trước vận mệnh đất nước gặp cơn nguy biến, Thái sư Trần Thủ Độ đã tìm cách đưa được Vua từ Yên Tử trở về, Công chúa Thiên Cực lại hoà giải được 2 anh em nhà Vua. Từ đây, Vua tôi đoàn kết một lòng chuẩn bị bước vào một thời kỳ mới đầy thử thách của lịch sử nước nhà : chống lại giặc Nguyên - Mông và giữ yên bờ cõi cho nước Đại Việt.

Cốt truyện lịch sử với nhiều tình tiết rối rắm nhưng tác giả đã rất khéo léo từ khâu bối cảnh, phân cảnh, buộc và gỡ những "nút thắt" một cách từ tốn và hợp lý. Mở đầu vở diễn, những mâu thuẫn giữa các nhân vật chính của vở kịch đã bắt đầu bùng phát và dần lên tới đỉnh điểm. Khán giả bị cuốn hút bởi những lời thoại mang tính văn học và triết lý sâu sắc về bì kịch của những thân phận người trong triều đại phong kiến xưa. Để giành giật được ngôi báu cho nhà Trần, Công chúa Thiên Cực tức Trần Thị Dung đã cùng với Trần Thủ Độ thực hiện một loạt âm mưu, không từ cả thủ đoạn bắt vua Lý Huệ Tông giàn dở, điên khùng, không đàm đương nổi công việc triều chính phải chết... Lịch sử đã phán xét những hành động, sự việc ở nhiều góc cạnh khác nhau, nhưng Nguyễn Đình Thi có cái nhìn vị tha, đặt tất cả những hành động, sự việc trên trong bối cảnh rối ren của đất nước lúc bấy giờ. Trần Thủ Độ cũng như Công chúa Thiên Cực, cũng như Hoàng hậu Chiêu Thánh và Công chúa Thuận Thiên đều hết lòng lo cho cơ nghiệp nhà Trần và cũng là lo cho sự sống còn của đất nước trước bóng ma ngoại xâm. Trên đỉnh cao của những mâu thuẫn, khi các mối quan hệ lùng nhùng đều đã trở thành những tấn bi kịch dãm lệ, vì "cái bóng lạ ngấp nghé bên hàng rào", các nhân vật đã phải giảm dần cường độ mâu thuẫn, tuy nhiên quá trình "cởi nút" này diễn ra có hơi nhanh khiến cho người xem có cảm giác hơi bị hăng...

Một vở kịch dài 120 phút, giàu chất văn học và rất khó sân khấu hoá, nếu không phải là tay đạo diễn lão luyện và dàn diễn viên lành nghề chắc có lẽ khó có thể làm nên chuyện. Vậy mà trong suốt đêm diễn, khán giả gần như chết lặng trên hàng ghế, nhiều đoạn cả người diễn lẫn người xem cùng tuôn nước mắt. Được biết, đây là vở kịch có thời gian tập dài nhất (hơn 2 tháng) và là vở diễn được đầu tư tới 150 triệu đồng.

Được biết cách đây 5 năm, vở kịch cũng về đề tài lịch sử khác có tên gọi *Vũ Như Tô* của cố nhà văn Nguyễn Huy Tưởng cũng đã được nhà hát kịch Tuổi trẻ dàn dựng và đoạt giải vàng trong Hội diễn sân khấu kịch chuyên nghiệp toàn quốc. Dự cảm về tấm huy chương vàng cho *Rừng trúc* liệu có thành hiện thực ? Ta hãy chờ đón kết quả cuối cùng của hội diễn !

VỀ VỞ GIÁC MƠ VÀ TÁC GIẢ

MARIAN TKATCHEP

Màn hạ. Đó là hối hả một : Người lính, vai chính của vở kịch, đã chiến thắng thân chết và sống sót là nhờ có trí nhớ – ở đời này có một người không hề quên anh, chỉ mong gặp được anh... Nhưng thân chết đã làm anh mất trí nhớ bằng cách đổ vào cốc anh uống một thứ rượu ngọt lâng quên. Khi màn lại mở, người lính bước ra sân khấu, như một người sống trong số những người sống, nhưng lúc đầu người ta sẽ tưởng như đứng trước một người khác, ngay tên anh ta cũng khác : Người Tàn Tật hay là Hiền. Anh ấy quên mất dĩ vãng của mình, nơi sinh của mình và những người thân của mình anh cũng quên nốt. Anh ấy sẽ quên cả Lý, người con gái trẻ mà nhờ tới người đó anh mới sống lại được. Nhưng người ta không chỉ sống được do có những chuyện riêng tư, những chuyện khác với chuyện người khác. Sức mạnh con người còn có ở những ràng buộc giữa mình và nhiều người khác, ở những mối quan hệ bất diệt gắn mình với nhân dân, với cuộc chiến đấu, với những cố gắng và hoài vọng của đồng bào, đồng chủng, trong cái số phận mà mình chia sẻ với tất cả. Và Hiền, con người đã quên cái "hồn đầy sự kiện" kiếp trước của mình, tuy nhiên biết mình là một người lính và biết rằng cái bệnh kinh khủng của mình là hậu quả của những vết thương đã có khi đánh giặc ngoại xâm. Anh cảm thấy mình là một bộ phận của nhân dân đã chiến thắng. Và mọi người đã giúp anh xây dựng được một cái nhà và hết sức dùm bọc anh.

Có thể có những người cho rằng sự phát triển của vai chính và các cá tính như vậy là quá đơn giản, quá thẳng tắp. Nhưng vở *Giác mơ* là một vở theo thể biểu tượng, nói bóng gió, và đây là một thể loại có quy luật riêng của nó, khác với những quy luật của các vở kịch tâm lý phổ biến trong những năm cuối của thế kỷ XX này. Người ta đã thật sự thấy sự đối mặt của những lực lượng và những khái niệm nguyên thuỷ

dưới dạng nguyên chất : Sự sống và cái chết, điều hay và cái dở, sự thật và dối trá, tình yêu và thù hận,... Đề tài về Hiền, về người lính, ở đây vang lên rõ nét và trong suốt lạ kỳ, như một thứ âm vang tinh thần làm cho người ta thấy ngay những cái gì là sai lạc, là dối trá, là ích kỷ. Như vậy là những nhân vật khác tới gặp Hiền và chúng ta thấy ngay cái thực thể tiêu cực, biểu trưng của họ : Anh hay cần nhân tự phụ, anh lái buôn hiện thân của lòng ham hố của cải nâng lên tới mức "tai hoạ phổ cập" (không phải vô tình mà trong lương tâm rối loạn của người lính, anh lái buôn hâu như hòa nhập với thân chết), anh chàng biến bão, một con người ngoi được lên, cực kỳ ích kỷ, đối với anh ta thì ngay đến tình yêu cũng chỉ là một khả năng để ngoi lên. Như để đối kháng với tình yêu bị nhại lại một cách tầm thường, người ta thấy đột nhiên xuất hiện bên bờ sông, ngay gần nhà của người lính, những nhân vật của một truyện cổ tích : công chúa Tiên Dung và người đánh cá nghèo là Chử Đồng Tử. Tâm hồn hai người đầy những tình cảm cao đẹp nên công chúa và người đánh cá đã được lôi đi xa khỏi những kẽ nịnh thâm xảo trá và tham lam để hướng về thế giới văn minh và vô tận của một thiên nhiên đã được trí óc và bàn tay của con người thắp hoả...

Thiên nhiên ! Thiên nhiên có lẽ gần gũi với tâm hồn người Việt Nam hơn là thế giới được đô thị hoá của nền "siêu văn minh". Hãy nhìn xem người lính biết nghe thiên nhiên như thế nào, biết nhận ra ở đó những dấu hiệu của một thời tiết xấu, biết kể ra những thói quen của các loài chim khác thường. Biểu trưng của sự đồng cảm này giữa người lính với thiên nhiên là những cây tre, cây trúc mọc ngay gần nhà người lính, những cây tre, cây trúc mà anh ta không muốn bán cho anh lái buôn sán sổ để nhận lấy dù cả một món tiền khổng lồ. Những cây tre, cây trúc thân vàng óng đang thầm lặng mơ ước rằng, người lính sau cùng sẽ tìm ra người yêu của mình. Vàng, thua bạn đọc, đó là cô ta, người con gái trẻ được người lính cứu thoát khỏi ngọn lửa, đã lớn lên và say mê Hiền. Bạn sẽ nói rằng : "Điều đó chỉ xảy ra trong những câu chuyện thần tiên thôi". Vậy thì tôi xin nhắc lại cho bạn nhớ rằng ở đây chúng ta có một vở kịch thần tiên : trong vở đó, mọi việc đều có thể có, nhất là đúng vào lúc kết thúc hồi một, người lính đã nghe thấy ngôi sao của anh ta tiên đoán rằng, tình yêu sẽ toàn thắng, tình yêu chữa cháy và cứu giúp cho mọi người,... Lý, được gọi là Người Vô Danh

trong hồi thứ hai, tới nhà người lính trong lúc này anh đã vắng, và theo lời những nàng tiên trong truyện của trẻ con, đã dọn dẹp nhà cửa cho anh ta và để lại những món quà. Nhưng cuối cùng thì người lính cũng khám phá ra điều bí mật. Tình yêu, tình yêu thực sự, đó là sự chung thuỷ không bao giờ chấm dứt. Hãy nhớ lại những lời vĩnh biệt người yêu của người lính trong hồi một : Người ta đã thấy ngay có cái gì không ổn. Và tình cảm của cô ta không cưỡng lại được sự thử thách của thời gian, cô ta không biết chờ đợi người đã yêu cô. Bây giờ nhận thấy bức ảnh của mình trong một tờ báo, cô ta tới nhà người lính và nói lên những lời nói muộn màng về sự hối tiếc.

Tình yêu và trí nhớ còn đưa lại cho người lính hai nhân vật nữa là ông già và bà già đang đi tìm người con trai của mình. Hai người có một hy vọng : phải chăng đây là con trai của mình ? Nhưng ông già lại nhận ra đó không phải là con trai của họ, còn bà già, do mắt mù, lại không tin như vậy liền sờ sờ vào mặt người lính và hiểu ra sự nhầm lẫn của mình. Hai người già đã đi khỏi nhưng một điều kỳ lạ mới lại xảy ra. Những ngón tay của bà mẹ mù loà vừa lướt trên da mặt của người lính thì cái đèn tối bao quanh trí nhớ anh ta cũng bắt đầu tiêu tan : quả khứ trờ nên rõ nét hơn trong tâm trí của anh ta. Đúng lúc đó, thân chết tới. Thân chết nói rằng, cuộc sống có lẽ đã trở thành một gánh nặng đối với người lính và có lẽ người lính sắp phải buông súng... Tin tưởng vào điều trái lại, thân chết cố gắng chứng minh cho người lính rằng sự phục hồi trí nhớ là một điều xấu hơn là một điều tốt đối với anh ta. Thân chết nói bóng gió rằng con người ta sung sướng hơn khi không hiểu chút gì cả và không phụ thuộc vào đâu, vào bất cứ kỷ niệm nào. Tuy nhiên, người lính đánh giá rằng ý nghĩa của cuộc sống là phải biết, phải cảm nhận được tất cả những điều gì đến với thế giới con người, chia sẻ những lo âu của con người, những niềm vui của họ. Và thân chết lại phải đi khỏi một lần thứ hai, mà cũng không đạt kết quả gì...

Hồi hai khởi đầu cho ta thấy người lính đang làm những chiếc đèn bằng giấy cho ngày hội trẻ em. Các trẻ em thấy ngay một tiếng nói chung với người lính và đã thân thiện ngay với anh ta. Các em tới thăm anh ta để tâm sự với anh những lo âu nhỏ nhoi của các em, hỏi anh ta về những phong tục của loài chim và cái thế giới mênh mông bí mật.

Và không phải tình cờ mà vở kịch chấm dứt bằng một cảnh về ngày hội trẻ em. Người lính thắp sáng các đèn giấy và mong tặng những đèn đó cho các em, là những người được người lính mời tới. Tất cả nở rộ xung quanh với những màu sắc rực rỡ, người ta nghe thấy một bài hát vui vẻ và êm vang...

Đã tới lúc phải trình bày với các bạn tác giả của vở kịch. Đối với bạn đọc trong nhiều nước, Nguyễn Đình Thi không phải là một người xa lạ. Ở đây, trong *Bông sen*⁽¹⁾ này, nên nhắc lại hoạt động của ông trong Hội những nhà viết văn Á - Phi, mà ông là phó tổng thư ký, mà không quên rằng ông đã được giải quốc tế Bông Sen, Nguyễn Đình Thi sinh năm 1924. Nhưng cũng như rất nhiều đồng bào của ông, nhìn ông, người ta không thể nói được tuổi ông : miệng cười rộng mở với hàm răng trắng, cặp mắt sáng ngời ở đó người ta không thể thấy ngay được hình bóng của một nỗi buồn che giấu khá sâu, và tóc của ông là tóc của một thanh niên hầu như không bị trát. Và khó mà tin được rằng ông đã trải qua thời bí mật và nhà tù của thực dân, và rằng, là một người đại biểu cho tầng lớp trí thức yêu nước, ông đã tham gia Đại hội nổi tiếng những người đại diện quốc dân tại Tân Trào ngay trước Cách mạng tháng Tám 1945, quyết định tổng khởi nghĩa vũ trang. Lúc đó, ông được bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc. Thế rồi, qua những biến đổi cách mạng bão táp, ông là Tổng thư ký của Hội văn hoá cứu quốc, là đại biểu trong Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, tham gia thảo luận trong Ủy ban soạn thảo hiến pháp và Đoàn Chủ tịch của Quốc hội,... Tất cả những việc này đã bị gián đoạn vì cuộc chiến tranh do thực dân Pháp gây ra : bọn thực dân muốn đưa nước Việt Nam trở lại ách nô lệ. Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước đã đứng lên chống bọn xâm lược. Những người bảo vệ Hà Nội, thủ đô, đã chiến đấu để giữ từng đường phố, từng căn nhà, nhưng vì lực lượng không cân bằng cho nên vào đầu năm 1947 các chiến sĩ dũng cảm đã phải rời thành phố. Nguyễn Đình Thi đã trú trong rừng sâu với những cánh quân, sau trở thành nòng cốt của trung đoàn Thủ đô. Đầu năm 1953, ông đã cùng trung đoàn của mình qua những dãy núi khó vượt

(1) Tạp chí của Hội nhà văn Á - Phi (BT).

để mang lại sự viện trợ cho những người yêu nước Lào. Với tư cách là nhà báo, thành viên của các đội tuyên truyền, ông đã tham gia những cuộc chiến đấu trên nhiều mặt trận của miền Bắc Việt Nam. Từ năm 1952, ông là chính ủy của một tiểu đoàn. Tháng 5 năm 1954, quân Pháp đầu hàng tại Điện Biên Phủ. Và hai tháng sau đó, tại Giơnevơ đã ký kết Hiệp định hòa bình tại Đông Dương. Chính vào mùa thu của cái năm thắng lợi này, Nguyễn Đình Thi đã trở lại Hà Nội, cùng với những đơn vị của quân đội nhân dân. Ở đây, cần nhắc lại rằng Hội Văn hoá Việt Nam đã được thành lập ngay từ năm 1948 trong vùng của du kích và Nguyễn Đình Thi đã trở thành ủy viên của Ban lãnh đạo Hội.

Như vậy là hoà bình trở lại miền Bắc Việt Nam vào năm 1954. Người ta dốc sức vào việc xây dựng một cuộc sống mới, đặt nền móng cho một xã hội xã hội chủ nghĩa. Quan hệ giữa con người với nhau thay đổi và người ta chứng kiến sự ra đời của những đức tính chưa bao giờ thấy. Tất nhiên là văn học và nghệ thuật có một vai trò quan trọng trong việc đổi mới đất nước này. Nguyễn Đình Thi tất nhiên lại được thấy đứng trong hàng đầu của cuộc chiến đấu kiến tạo con người kiều mới. Ông trở thành một trong những người có trách nhiệm của Hội Văn nghệ sĩ, lần lượt ra hai tờ tạp chí và một tờ tuần báo văn học. Nhưng điều đáng chú ý nhất là từ năm 1958 cho tới bây giờ, Nguyễn Đình Thi là Tổng thư ký của Hội nhà văn Việt Nam lần đầu tiên được thành lập.

Cùng với những lo toan của thời bình, lại thêm những lo toan của thời chiến : tháng 2 năm 1965, Mỹ vốn từ lâu đã phát động một cuộc chiến tranh chống nhân dân miền Nam Việt Nam để giúp đỡ cho bọn bù nhìn của chúng tại Sài Gòn, nay bắt đầu ném bom miền Bắc. Không khí trụ sở Hội nhà văn tại Hà Nội là không khí của một tờ báo mặt trận. Trong năm cuối cùng của cuộc chiến tranh này, Nguyễn Đình Thi đã đi theo "đường mòn Hồ Chí Minh" dẫn tới miền Nam, rồi lại từ vùng châu thổ sông Cửu Long ra miền Bắc. Ông đi gặp những người bộ đội giải phóng, như vậy là một lần nữa, nhưng theo hướng ngược lại, xuyên qua hầu khắp miền Nam Việt Nam. Phần lớn thì giờ, ông đi bộ. Và như chính ông đã nói, ông đã có thể nhìn thấy sự hình thành một cuộc sống mới, như thấy một con bướm lột bỏ cái vỏ cũ của nó.

Đó là năm thắng lợi thứ hai của ông, năm 1975 lịch sử ... Tiểu thuyết đầu tiên của ông, cuốn *Xung kích* (1951), Nguyễn Đình Thi đã viết trong những tuần lè ngắn ngủi mà ông được nghỉ trên mặt trận. Đó là sự đòi hỏi của thời đại. Cuốn sách này đã mang lại cho ông giải thưởng của Hội Văn hoá. Ngược lại, với một sự tỷ mỷ dài ngày, ông đã viết cuốn tiểu thuyết có hàm ý là cuốn *Võ bờ* (tập đầu năm 1962, tập 2 năm 1970), là một bức tranh thâm kỳ về những thời cách mạng và về bão táp cách mạng. Khi chiến tranh lại bùng lên một lần nữa. Nguyễn Đình Thi viết "theo nhịp điệu của những sự kiện", như người ta thường nói, những tiểu thuyết *Vào lửa* (1966) và *Mặt trận trên cao* (1967). Phải kể riêng tập truyện ngắn *Bên bờ sông Lô* (1957) thuật lại những cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp. Bằng một hình thức trong sáng và điều luyện, với tính trữ tình và tính xác thực về tâm lý, cuốn sách này có thể nói đã bắc một nhịp cầu để Nguyễn Đình Thi bước tới các tác phẩm thơ. Bốn tập thơ của ông : *Người chiến sĩ* (1956), *Bài thơ Hắc Hải* (1959), *Dòng sông trong xanh* (1974), *Tia nắng* (1983) là một hiện tượng đánh dấu cho thi ca Việt Nam hiện đại.

Những bài thơ của Nguyễn Đình Thi không thể lẫn với thơ của bất cứ tác giả nào, nó có nét đặc biệt là tính giản dị và tính âm nhạc tiếp thu từ dân ca, song vẫn rất là hiện đại, nhất là những câu thơ trong những năm gần đây.

Cũng phải nói tới một mặt khác về thiên tư của Nguyễn Đình Thi là soạn nhạc, làm những giai điệu. Người ta phải chịu ơn ông về những bài ca đã vang lên trong cả nước trước cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 và trong việc bảo vệ Hà Nội. Tài năng thi ca và âm nhạc của Nguyễn Đình Thi đã quyết định một phần quan trọng cái đặc sắc của công việc soạn kịch của ông. Và kịch, như chính ông đã thú nhận, điều ông say mê nhất đã từ 30 năm nay. Năm vở kịch của ông đã được xuất bản tại Hà Nội : *Con nai đen* (1961) là một kịch ngắn, *Hoa và Ngắn* (1975), một vở kịch nói về các bác sĩ quân y, *Tiếng sóng* (1985), một vở kịch thâm kỳ về sự chồng chéo của những số phận con người vào các thời kỳ cổ xưa và hiện đại, *Hòn cuội* (1987), một hài kịch thần tiên ; sau cùng *Giấc mơ* (1983), là vở kịch mà các bạn đọc vừa mới thấy. Để kỷ niệm 600 năm ngày sinh của nhà thơ lớn Việt Nam, Nguyễn Trãi, mà nhiều nước có làm kỷ niệm vào năm 1980, Nhà hát Kịch Hà Nội đã cho diễn vở kịch của Nguyễn Đình Thi *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*.

Một vở khác, *Rừng trúc*, thuật lại những sự kiện bí thảm về nội chiến vào thế kỷ XIII tại Việt Nam, và tôi đã có dịp được đọc bản thảo... Bầu trời các vở kịch của Nguyễn Đình Thi rất phong phú về màu sắc và rất nhiều chất thơ. Các nhân vật của ông không đóng kịch, không ! Họ sống cuộc sống của họ, thật đến từng chi tiết nhỏ. Họ lôi kéo chúng ta vào kích cỡ thời gian của họ, làm chúng ta đau đớn, yêu thương, cười đùa, khóc lóc và thù ghét với họ. Dù là kịch lịch sử hay những biểu tượng thần tiên. Nguyễn Đình Thi đã biết kết hợp cái nhìn thực tế với khái niệm thần thoại, quan hệ về thời gian như một loại hình cơ động và vĩnh viễn với ý thức lạ lùng về những mối ràng buộc con người với nhau, trong một nhân loại không thể chia cắt được.

Cái cảm tưởng về sự thống nhất toàn cầu này trong thời nay là mâu chốt đứng trước cái chết nguyên tử đang là trên trái đất, như Nguyễn Đình Thi gần đây đã khẳng định trong bản tham luận của ông tại Diễn đàn Quốc tế Mátxcơva : *Vì một thế giới không có vũ khí nguyên tử, vì sự sống còn của nhân loại*. Ông đã nói về trách nhiệm của các văn nghệ sĩ mà bốn phận là phải chiến đấu cho sự toàn thắng của những lý tưởng hoà bình và công lý, để đi tới một luong tâm và nền đạo đức mới. Và điều đó phải được in sâu, hết sức đầy đủ vào tác phẩm của nhà văn.

Không ai nghi ngờ rằng Nguyễn Thị Đình hoàn toàn có cơ sở để nói lên những lời đó, vì bản thân cuộc đời ông, những cuốn sách, những vở kịch của ông là một ví dụ của sự trung thành với những lý tưởng cao siêu đó, và là sự cố gắng hàng ngày, trước sau như một vì một tương lai rạng rỡ, vì hạnh phúc của mọi người.

Tạp chí *Bông sen*

Số 60 năm 1988

H.K. dịch

MỘT SỐ HÌNH THÁI XUNG ĐỘT TRONG KỊCH CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

LÊ THỊ CHÍNH

Năm 1949, tại Hội nghị tranh luận Văn nghệ Việt Bắc, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã chân thành giải bày : "Thơ là niềm thiết tha nhất, là cái tìm tòi rất khổ của tôi". Gần bốn mươi năm sau, ông lại tâm sự : "Kịch là điều tôi say mê nhất đã từ 30 năm nay"⁽¹⁾ và ngậm ngùi : "Ngẫm lại tôi thấy việc viết kịch còn gặp nhiều khó khăn hơn cả thơ. Mấy vở viết ra đều bị cấm diễn"⁽²⁾.

Đi qua thời gian, càng ngày dư luận càng đi đến thống nhất : trong gia tài văn học rất phong phú của Nguyễn Đình Thi, "thơ và kịch tỏ ra có sức sống hơn cả"⁽³⁾. Nói riêng về kịch, các vở *Con nai đen*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, *Rừng trúc*,... đang được đánh giá là những vở lớn, mang tầm tư tưởng sâu sắc, đã trở thành "những sự kiện trong đời sống sân khấu nước ta mấy chục năm qua"⁽⁴⁾.

Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, kịch Nguyễn Đình Thi chỉ là "thứ kịch để đọc hơn là để diễn". Ngay cả đạo diễn nổi tiếng Nguyễn Đình Nghi – người rất mê dựng kịch Nguyễn Đình Thi cũng nhận xét về *Rừng trúc* : "Vở kịch của anh Thi sáng tác theo phong cách cổ điển. Thường đọc thì rất hay nhưng diễn thì lại khó cho cả đạo diễn và diễn viên"⁽⁵⁾. Mà quả thực, đến thời điểm này, mới chỉ có 4 vở kịch

(1) Marian Tkatchep, Vé vở "Giác mơ" và tác giả, tạp chí *Bóng sen*, số 60 - 1988 (H.K. dịch).

(2) *Đôi nét về cuộc đời và tác phẩm* (Nguyễn Đình Thi trả lời phỏng vấn, Nguyễn Thành Huyền ghi tháng 3 - 1996, in trong *Nhà văn nói về tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2000, tr. 249 - 250).

(3) Chu Văn Sơn, *Trên sóng thời gian*, tạp chí *Văn nghệ quán đội*, tháng 5 - 2003, tr. 104.

(4) Trọng Khôi, *Vinh biệt anh Nguyễn Đình Thi*, *Diễn đàn Văn nghệ*, tháng 5 - 2003, tr. 22.

(5) Phan Trọng Thường, "Rừng trúc" của Nguyễn Đình Thi và một số vấn đề lý luận sáng tác về đề tài lịch sử, *Tạp chí Văn học*, số 11 - 1999.

của Nguyễn Đình Thi được dàn dựng : *Con nai đen, Hòe và Ngán*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan, Rừng trúc*. Và cũng chỉ có *Rừng trúc* là may mắn hơn cả : vở diễn đã đoạt Huy chương vàng tại Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp cuối cùng của thế kỷ XX. Nhưng, từ lúc hoàn thành kịch bản đến khi được hoá thân trọn vẹn trên sân khấu, *Rừng trúc* đã đi qua chặng đường gấp ghênh hai mươi mốt năm (1978 - 1999).

Tuy nhiên, là một trong các thể loại chính của văn học với đầy đủ các đặc trưng riêng trong cấu trúc hình tượng, trong phương thức biểu hiện,... người ta vẫn có thể thưởng thức tác phẩm kịch bằng cách đọc kịch bản văn học. Tiếp xúc với kịch bản văn học, người đọc có dịp nghiên ngẫm, xúc cảm trước nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật tổ chức xung đột, v.v. đồng thời lĩnh hội những tư tưởng thẩm mỹ ẩn tàng trong mỗi lời thoại. Theo Nguyễn Đình Thi, "Kịch giúp ông nói được những điều làm ông suy nghĩ đã mấy chục năm. Ông muốn tìm câu trả lời về ý nghĩa kiếp sống của con người"⁽¹⁾. Chọn hình thái kịch, Nguyễn Đình Thi muốn phản ánh đời sống, muốn thể hiện những suy nghĩ về đời sống dưới dạng những xung đột nhằm làm nổi bật bản chất của hiện thực, của vấn đề.

Đọc kịch Nguyễn Đình Thi, thấy nhà văn không chú tâm khai thác những xung đột mang tính chất thời sự (như xung đột địch - ta, xung đột giai cấp,...) mà hướng tới những vấn đề lớn lao vĩnh cửu hơn. Xung đột thật - giả, xung đột giữa vận nước và số phận con người, xung đột giữa quyền lực và quyền sống tự do của con người, v.v. đã là những cảm hứng lớn cuốn hút sự say mê, sức sáng tạo của nghệ sĩ, và thực sự đã dẫn tới những thành công vượt trội của tác giả ở loại hình nghệ thuật này.

1. Xung đột thật - giả

Trong kịch của Nguyễn Đình Thi, vấn đề thật - giả đi qua hầu hết các tác phẩm của ông, khi hiện ra ở dạng xung đột gay gắt, lúc được diễn tả ở thái độ và cách ứng xử của con người trước sự thật. Vấn đề thật - giả có ý nghĩa khái quát hơn rất nhiều so với vấn đề thiện - ác, xấu - tốt, mặc dù trong thực tế nhiều lúc chúng đi liền với nhau hoặc cái này đồng thời là cái kia.

(1) *Đôi nét về cuộc đời và tác phẩm*, Sđd.

Con nai đen là một trường hợp. Vở kịch khẳng định một điều rất hiển nhiên : Con người thường khao khát muốn biết sự thật, nhưng "nhìn vào sự thật sao mà khó vậy, sao mà nhức nhối đau khổ vậy". Nhà vua (nhân vật trung tâm của tác phẩm), trên đường trở lại rừng quế tìm người con gái chân thật, giản dị năm nào, đã gặp một người hát rong. Ông lão đã biểu nhà vua một pho tượng đá có phép thiêng. Nó sẽ cười khi nghe ai nói một câu không đúng với ý thật trong lòng. Nhà vua sung sướng nghĩ từ đây mình đã có được chiếc chìa khoá để "không còn ai có thể lừa dối ta nữa", bởi nhà vua đang sống giữa bao nhiêu cái giả và cái thật, bị cái giả bao vây bưng bít. Nhưng vua cũng nghĩ : "Năm cái chìa khoá này cũng đáng sợ lắm thay. Lúc nào ta cũng sẽ biết sự thật, sẽ phải nhìn thẳng vào sự thật". Hành trình đến với hạnh phúc đích thực của nhà vua thực sự là một trận tuyến giữa cái thật và cái giả. Mà cuộc chiến mỗi ngày một phức tạp và khó khăn hơn, nhất là khi cái giả đã biến thành cái ác. Ở đây, sự chiến thắng của cái thật đồng nghĩa với sự chiến thắng của cái thiện và cái đẹp.

Kịch *Nguyễn Trãi ở Đống quan* lại đặt vấn đề "Làm thế nào để nhận ra sự thật ?". Con người ta "có khi dám lén vào lừa mà không dám nhìn vào cái thật" (lời Trần Nguyên Hãn). "Nhìn cho thấu một con người không dễ chút nào. Có khi càng lọc lõi khôn ngoan thì hai mắt mình lại tối mờ đi. Có khi cứ ngày thơ trong trẻo mà lại nhìn rõ".

Kịch *Cái bóng trên tường* là câu chuyện về người thật và người giả. Lời nói dối con trè đã dẫn tới nỗi oan khiên thảm khốc của Vũ Nương. Tác giả vở kịch muốn thấp lèn ngọn đèn để mọi người nhìn rõ *Cái bóng trên tường*, nhìn rõ những nguy cơ, những tai họa có thể đến từ bất cứ nguyên do đơn giản nào. Người đàn bà hoá đá cũng thế. Sự thật về vết sẹo trên đầu người đàn bà – sự thật về cuộc đời hai vợ chồng – hai anh em đã dẫn tới một bi kịch định mệnh thảm thương, nghiệt ngã. Nguyễn Đình Thi cho biết "Vở kịch ngắn ấy ông đã mất một năm trời mới viết xong được. Đặt bút xuống, không sao viết nổi, vì đó là một bi kịch quá thương tâm". Bi kịch *Người đàn bà hoá đá* có kém gì đâu so với bi kịch của *Vua Oedip* ? Chỉ có điều, Nguyễn Đình Thi thấy dân gian mình có cách giải quyết dịu dàng hơn, phải lẽ hơn. Ở đây, nỗi đau hoá đá, tình yêu hoá đá để sùng sưng giữa trời, tạc vào vô tận thời gian cái bi kịch khủng khiếp mà con người có thể lâm vào.

Còn bi kịch *Mỵ Nương – Trương Chi* trong vở *Trương Chi* là bi kịch tình yêu đau đớn không phải do phân biệt đẳng cấp sang hèn,

mà là do xung đột giữa điều ta khát khao và điều ta chứng kiến. My Nương – con quan Thừa tướng nghe tiếng hát Trương Chi mà hình dung "Anh ấy có đôi mắt dịu dàng, gương mặt anh ấy sáng láng, thông minh, ít thấy ở đời, anh ấy đẹp lắm"... và cô yêu Trương Chi đến nỗi "ốm mòn, ốm mỏi, héo hắt ruột gan", không gặp được Trương Chi thì cô chỉ "héo đi dần mà chết"... Vậy mà, khi gặp nhau, vì Trương Chi không muốn cô yêu anh như yêu một cái bóng mờ, nên đã cầm cây đèn soi cho My Nương nhìn rõ mặt mình. My Nương nhìn sững rồi quay đi, bụng mất, khóc nức nở : "Tôi... Tôi không thể nào... tôi xin lỗi... xin lỗi...". Tương như không có tình yêu nào tha thiết và mãnh liệt, táo bạo như tình yêu của My Nương, vậy mà nàng vẫn không vượt lên được trước một sự thật : Trương Chi xấu quá. Xem ra, tình yêu không phải lúc nào cũng có thể vượt qua được mọi trở ngại của cuộc sống. Sự thật vốn cay đắng và trái ngang.

Vở *Hòn cuội* xuất hiện lại một lần nữa biểu tượng của "cán cân công lý" nhưng không phải pho tượng đá mà là cây đa – cây đa biết thả những chiếc lá đa lên tai những ai nói dối. Tác phẩm quả là một vở hài kịch đặc sắc và thâm thuý. Nguyễn Đình Thi dùng *cái hài* như một đặc tính vốn có của đời sống. Mọi lúc mọi nơi đâu đâu cũng đầy rẫy những cái có thể gây cười. Bakhtin cho rằng "*văn hoá cười*" là một phương diện cốt yếu của đời sống văn hoá tinh thần nhân loại, và được bộc lộ rõ nhất ở văn học dân gian. Nguyễn Đình Thi đã từ một bài hát hồn nhiên của trẻ thơ "*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa*" và một tích chèo cổ "*Đánh tráo cô dâu*" để xây dựng trong tác phẩm của mình những hình tượng kịch đặc sắc, tạo ra những tiếng cười với sự đan xen của rất nhiều giọng hài ở những cấp độ khác nhau. Vở kịch đã nhẹ nhàng dẫn người đọc tiếp cận chân lý : sự thật vốn giản dị, nhưng sự thật lại khó được tin. Tích xưa "*dối như Cuội*". Nhưng *Cuội* trong kịch của Nguyễn Đình Thi là biểu tượng của sự thật. Mọi người không ai tin nó, nó phải thế : "Nếu tôi nói sai thì tai tôi đã mọc ra lá đa rồi". Và kể từ lúc Cuội "trình các ông các bà, ở chỗ gốc đa này, ai mà nói dối, thì ở tai sẽ mọc ra lá đa...", biết bao nhiêu sự thật đã được bày ra. Mà sự thật khi đã rõ như ban ngày thì "rắc rối... rắc rối quá. Cứ sự nọ sinh sự kia..." chả mấy chốc mà cả làng đánh nhau, chửi chọi à. Thế đấy ! Con người ta ai cũng muốn biết sự thật. Nhưng nếu tất cả mọi sự thật đều được phơi bày thì sẽ ra sao ? Dân gian có câu "*Sự thật mất lòng*" nhưng cuộc đời còn có biết bao những *sự thật chết người*. Khao khát muốn biết

sự thật tự nó đã chứa đựng những mâu thuẫn, những bi kịch,... Vì thế, cuối cùng, một ông già trong làng đã khuyên Cuội : "Đến hôm nay rằm, chú cùng với cây đa này về trên mặt trăng. Như thế, cứ đến trăng sáng, ai người ta cũng nhìn thấy chú với cây đa trên ấy, người ta vẫn nhớ là có những chiếc lá đa mọc ra bên tai người nào nói dối... vậy thôi". Nguyễn Đình Thi đã tìm về cội nguồn đạo lý của cha ông mà đề xuất một cách giải quyết mâu thuẫn thật nhẹ nhàng, hợp lý. Ý nghĩa triết lý của tác phẩm thật thâm trầm. *Hòn cuội* nhắc nhở mọi người phải luôn hướng tới cái thật và cái thiện.

Nhưng *Hòn cuội* còn dẫn ta đến những triết lý sâu xa khác. Một hôm Cuội vào trong chùa, nấp sau lưng Bụt và chứng kiến những cảnh, những người ở chốn linh thiêng này. Cuội đã mượn lời Bụt mà nói với sư ông tham lợi rằng "Ta đã nghe anh cầu ta nhiều lần, hôm nay ta bảo thật anh : Ta có ở chỗ này đâu ? Anh gõ mõ tụng kinh, niệm Bụt. Nhưng Bụt đến thì anh đuổi đi". Sư ông niệm Phật mà trong tâm không có Phật ; muốn tìm đến cõi từ bi mà lòng dạ lại tham lam, độc ác. Triết lý dân gian của vở kịch như thế có thể đọ với *Kinh thánh*, với đạo Gia tô rồi.

Vẫn theo mạch ấy, nghe lời than vãn của một người hành hương : "đã từ lâu quên cả thế nào là mặn, là ngọt, là chua, là cay, quên cả thế nào là cơm nóng canh sốt, có vợ con quần quýt ở bên,... Anh ta cứ thấy hằng tháng, hằng năm, ngày nào cũng mất một cái gì không biết, tìm mãi vẫn không ra, không sống nổi nữa", Cuội đã chỉ cho anh ta thấy "cái anh mất ở trong bát nước ấy. Nó đây ! Nó đang nhìn anh đấy". Phật dạy : "Cái mất lớn nhất là đánh mất chính mình".

Và giọng hài của vở kịch đẩy lên cao trào thành giọng châm biếm đả kích khi nó lật tẩy không khoan nhượng bộ mặt thật của phú ông. Mượn tích chèo cổ *Đánh tráo cô dâu*, con cọp đã được về ở cùng phú ông : "Anh không nhận ra sao ? Ta theo anh đã lâu quá". Và phú ông phải thú nhận : "Nó về đây là đúng rồi ! Tôi lại gặp tôi đây thôi !" Phú ông nhận cái mặt lợn từ tay cọp, úp lên mặt mình mà nói : "Đây là cái mặt thật của tôi, bên cạnh cái mặt cọp, và, hắn muốn đi vào núi kia, ở hang, ở lỗ". *Hòn cuội* là lời xua đuổi dứt khoát cái giả khi cái giả đồng nghĩa với cái xấu, cái ác.

Nhưng không phải lúc nào cái giả cũng hàm nghĩa xấu và lời nói dối nhiều khi cần thiết hoặc rất đáng yêu. Chiếc lá giả do bác Bơ-men tạo ra qua một đêm đậm minh trong mua rét đã đem lại sự sống cho

Giònxi mà nhà văn Mỹ O. Henri kể lại trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* đã làm xúc động hàng triệu trái tim độc giả trên thế giới. Lời nói dối của Vũ Nương khi hằng đêm chỉ cho con cái bóng minh trên tường mà bảo "Cha Đản kia"... chính là biểu hiện của lòng chung thuỷ và nhớ thương chồng tha thiết của nàng. Nguyễn Đình Thi qua các tác phẩm, khi đề cập đến vấn đề thật - giả, ông muốn chia sẻ với người đọc những chiêm nghiệm, những từng trải của mình trước cuộc đời, khi ngâm ngùi xót xa đau đớn, khi lý thú cười vui, khi là một thái độ ứng xử cần thiết. Cách tổ chức xung đột thật - giả trong kịch Nguyễn Đình Thi không mấy khi gay gắt, phản lớn nhẹ nhàng, và nhiều lúc hài hước... nhưng thấm thía, và "hiệu quả thanh lọc" hay "hiệu ứng thẩm mỹ" mà các tác phẩm mang lại chẳng hề nhỏ chút nào.

2. Xung đột giữa vận nước và số phận con người

Bám rất chắc vào đặc trưng cơ bản của thể loại kịch – đó là tình huống và cách tổ chức các xung đột nghệ thuật trong tình huống ấy, các vở kịch về đề tài lịch sử của Nguyễn Đình Thi thường chọn xung đột ở vào các thời điểm nhạy cảm, căng thẳng, mang tính chất tập trung cao độ, buộc con người phải lựa chọn, quyết định. *Rừng trúc* chọn bối cảnh ở thời điểm chuyển giao giữa hai thời đại Lý – Trần, mà bóng quân xâm lược Nguyên thì đã thập thò ngoài ngõ. Kịch *Nguyễn Trãi ở Đông quan* lấy tình huống là thời kỳ quân Minh xâm lược, trước khơi nghĩa Lam Sơn. Tác phẩm phản ánh con đường xã hội và con đường tư tưởng của người trí thức ở vào thời điểm im lặng đầy kịch tính (1407 - 1417) : "Đêm nay đất trời sao mà thăm thẳm. Non sông cách đường nghìn dặm. Sự nghiệp buôn đêm trống ba... Chúng ta lại một phen mất nước nữa hay sao ?...". Trong những tình huống lịch sử căng thẳng ấy, xung đột nghệ thuật diễn ra phức tạp, nhiều chiều, hoặc chịu nhiều áp lực khác nhau. Có xung đột là cuộc đấu tranh giữa những lực lượng đối lập mang tính xã hội, có xung đột bên trong, diễn ra trong nội tâm các nhân vật... *Nguyễn Trãi ở Đông quan* dựng lên hiện tình đất nước những năm giặc Minh tràn sang trong một niềm đau thẳm thẳm : "Cả triều đình bị giết, bị bắt không còn sót một người. Dòng sông Nhị Hà lèn bênh những xác người, cứ xoay tròn một chỗ..., đâu đâu cũng chỉ thấy lờm chờm giáo mác quân cuồng bạo..., chúng xếp thây người làm gò, quấn ruột người vào cây, rán thịt người lấy mỡ bôi trực xe trận, bắt người đi trên cột đồng bắc qua lửa...

Thật đau đớn, nhục nhã cho nước ta, cho dân ta...". Còn ở *Rừng trúc*, cùng với những mâu thuẫn đậm màu sắc bi kịch ngang trái và éo le trong quan hệ giữa những yếu nhân của hai dòng họ – hai vương triều trước chuyển biến của lịch sử, là ý thức "quân Nguyên thế mạnh như dám cháy rừng gấp gió" đã dang "ngấp nghé bên hàng rào nhà mình...". Chon xung đột ở những thời điểm như thế để xây dựng hành động kịch, tác phẩm của Nguyễn Đình Thi đã mang tính xã hội và ý nghĩa chính trị quan trọng. Hãy nghe Nguyễn Trãi (kịch *Nguyễn Trãi ở Đông quan*) bàn về tình thế lịch sử cam go của thời đại mình : "Đời trước nhà Trần đánh Nguyên là lúc thế đang nổi lên, cả nước một lòng. Công việc thời ấy là lấy sức cả nước mà đánh giặc. Còn bây giờ đánh quân Minh là làm sao lấy lại nước từ trong tay giặc. Có khi phải lấy lại từng người ở trong tay nó...".

Xoay quanh trục xung đột cơ bản ấy – xung đột giữa nhân dân ta với giặc xâm lược, giữa dòng họ này với triều đại kia – còn có biết bao những mâu thuẫn khác nảy sinh : xung đột giữa các quan điểm về lối sống, về văn hoá ; xung đột giữa mẹ – con, anh – em, chú – cháu trong cùng một dòng họ ; xung đột giữa các tính cách trong một con người,... Nói cách khác, đó là những xung đột muôn thuở của cuộc sống nhân loại. Và có lẽ, khi chọn xung đột giữa vận nước và số phận con người để dựng vở, Nguyễn Đình Thi không nhầm hướng tới cách giải quyết mâu thuẫn bởi các lực lượng xã hội với những tổn thất to lớn. Nhà văn chủ yếu muốn khám phá và giải quyết những xung đột về tư tưởng, về quan điểm của một tầng lớp nào đó, hoặc những xung đột trong nội tâm con người trước vận mệnh của dân tộc cũng như biết bao vấn đề đặt ra trong hoàn cảnh lịch sử. Từ những bối cảnh ấy, nhà văn nghĩ về lẽ hưng phế của một triều đại, lẽ biến thiên của dòng chảy lịch sử ngàn năm, nghĩ về những lẽ sống lớn để từ đó mà cắt nghĩa nguyên do dẫn tới sức sống bất khuất của *nước chúng ta* hoặc bày tỏ niềm ngưỡng mộ trước những ứng xử đẹp của cá nhân đối với lịch sử, đồng thời cũng cảm khái những hy sinh cao cả, thâm lặng của họ cho quyền lợi chung của Tổ quốc.

Chọn xung đột hết sức căng thẳng và quyết liệt này, Nguyễn Đình Thi cũng có điều kiện để xây dựng những tính cách lịch sử phức tạp, đem đến cho người đọc, người xem những nhận thức, những đánh giá nhiều chiều về các nhân vật lịch sử quan trọng (như Lý Chiêu Hoàng, Trần Thủ Độ, Trần Cảnh,...). Việc đánh giá lịch sử và các nhân vật lịch sử

bao giờ cũng là vấn đề khó. Qua các tác phẩm kịch, Nguyễn Đình Thi còn gửi gắm kín đáo những quan niệm về thế sự mà ông suy nghĩ lâu nay. Nguyễn Đình Thi đã từ vạn nước thế kỷ XX mà nghĩ về lịch sử dân tộc ngàn năm, từ sự trải nghiệm qua những biến cố lớn lao của thời đại này mà suy nghĩ về số phận con người trước những thử thách ác liệt của thời cuộc.

Trong các vở kịch của Nguyễn Đình Thi, xung đột này thường được thể hiện ở sự lựa chọn giữa việc nước và việc người. Trần Thủ Độ quan niệm : "Phải làm thế nào cho được việc nước, đó là cái lẽ của người cầm nắm việc lớn. Đã nắm việc nước, át phải xem bất cứ cái gì khác cũng là nhỏ, chỉ có việc nước là đáng kể thôi...". Và, với *Rừng trúc*, xung quanh cuộc bàn giao quyền lực chính trị đậm màu sắc bi kịch giữa hai vương triều, qua những nhân vật chính yếu của hai thời đại Lý - Trần, Nguyễn Đình Thi đã nói được sâu sắc về *Lẽ phải lớn* của đất nước qua những ứng xử cao cả của những nhân cách lớn. Hãy nghe những lời bi hùng mà thống thiết của Chiêu Thánh – vị vua cuối cùng của triều đại nhà Lý trước vận nước lâm nguy (Chiêu Thánh nói với Thiên Cục) :

– "Ta dù chỉ là giọt máu cuối cùng xa xôi của đức Lý Thái Tổ ta xưa, giọt máu này vẫn long lanh đỏ tươi. Ta đã nghĩ nhiều... Hai đời vua ông cha ta đã có nhiều lầm lỗi, yếu hèn, để cho đến nỗi tráms họ phiêu bạt, núi sông nghiêng ngả... mà cái mồi họa Thát Đát bên phương Bắc cứ ngày một gần. Đến bây giờ thì nó đang lầm le tính chuyện làm cỏ cả nước ta rồi. Ta đã có ý của ta... nhà Lý ta đã đến lúc xong công việc...".

– "Hãy nghe, từ hôm nay Lý Chiêu Hoàng này rời bỏ ngôi báu. Ta cởi bỏ cho các người (Thiên Cục, Trần Thủ Độ) ra khỏi thân phận bọn tiếm quyền mà được chính danh giữ việc nước, thế thì các người hãy ra khỏi cõi tăm tối, quý quyết, mưu mô, giữa thanh thiên bạch nhật hãy hết lòng phò tá người kế nghiệp ta, giữ gìn lấy giang sơn ta trao lại... Bờ cõi này còn chưa vững chắc thì các người phải ăn không ngon, ngủ không yên...".

Rồi Chiêu Hoàng hướng tới Trần Cảnh thiết tha : "Lúc nước nhà có việc lớn, phải có người mang nghĩa lớn mới thu được lòng dân, kêu gọi được tráms họ. Hôm nay mới thật là ngày trước trời đất núi sông, Chiêu Hoàng ta kính mời đức vua mờ nghiệp lớn nhà Trần, nhận lấy công việc đất nước Đại Việt này...".

Lời Chiêu Hoàng vừa tái hiện không khí căng thẳng, thiêng liêng của hoàn cảnh, vừa bộc lộ sâu sắc những giằng xé nội tâm đớn đau, lại cũng là sự cởi nút trang trọng cho một tình thế lịch sử lớn.

Khi việc nước được đặt trong những tình huống thát ngặt như thế, sự lựa chọn ở các số phận trở nên càn não, quyết liệt và đau đớn. Đặt sự lựa chọn trên vào những nhân vật lịch sử quan trọng, Nguyễn Đình Thi đã nói được những vấn đề thật lớn của bất kỳ quốc gia nào. Nhà nghiên cứu Phan Trọng Thưởng đã rất đúng khi nhận xét : "Rừng trúc là một bí kịch lịch sử... bí kịch về quyền lực chính trị của dòng họ và vương triều trước chuyển biến của lịch sử, bí kịch về thân phận con người trước sự vận hành nghiệt ngã của quyền lực..."⁽¹⁾. Ở đây, quan hệ anh em, mẹ con, chú cháu trở nên đối đầu, thù hận tưởng như không cách gì giải quyết nổi. Xung đột kịch chồng chéo, ngang trái, éo le. Bí kịch của Chiêu Thánh làm người xem đậm đà nước mắt. Bên cạnh nàng, "nào mẹ, nào chồng, nào chị"... Vậy mà "là mẹ ta nhưng bà lại là vợ kẻ đã bắt cha ta phải chết. Thế thì ta là con gái đáng thương của bà hay là kẻ thù đáng lo sợ của vợ chồng bà. Bà nhìn thấy ta là con bà hay nhìn thấy ta như cái oán hiện hình, không thể nào tan được... Còn chị, "tội nghiệp cho chị Thuận Thiên... chỉ còn chị với em thôi... nhưng lúc này, biết đâu chị lại chẳng thấy em như cái gai rỗi, một cái gai phải bẻ đi.... Và chàng nữa – Chàng Hai của em ơi ! Xưa kia mỗi lần ta gọi, chàng với quỳ lạy và sợ hãi nói với ta : muôn tâu bệ hạ. Còn bây giờ thì trước mặt chàng ta phải quỳ lạy và nói với chàng : muôn tâu bệ hạ. (Chiêu Thánh cười rũ rượi, cười mãi...). Biết bao dây nợ ghen gốm buộc kéo chàng đi xa dần. Biết bao nỗi đời tàn bạo như đám lửa táp vào cái cây non, đốt thân lá nó quắt đen chết rũ xuống. Tôi chỉ còn mong có đứa con thì nó chưa kịp khóc mấy tiếng đã bỏ đi. Từ lúc ấy, Chiêu Thánh của bệ hạ đã chết rồi...".

Trần Cảnh, khi nghe những lời tâm sự ấy của Chiêu Thánh đã nghẹn ngào thót lên : "Trời ơi ! Vậy mà bấy lâu nay tôi có mắt như mù. Ta thật chưa hiểu gì về những nỗi thâm lặng ở đời". Trước ý đồ của ông chú đầy quyền uy, nhà vua kinh ngạc đến sững sờ : "Ghen gốm, khó thay nỗi làm người... Kiếp làm người nghĩ đáng sợ...". Và sự kiện Trần Cảnh rời cung điện, muôn tìm đến cõi lặng bao la nơi

(1) Phan Trọng Thưởng, "Rừng trúc" của Nguyễn Đình Thi và một số vấn đề lý luận sáng tác về đề tài lịch sử, Sđd.

rừng trúc Yên Tử, theo hâu đúc Phật "Chính là điểm định của những mâu thuẫn giữa anh em, vợ chồng, chú cháu và cũng là điểm định của sự hoang mang bất lực của ông vua trẻ trước triều chính, trước lẽ người, lẽ đời"⁽¹⁾. Nhưng đúng lúc ấy, lịch sử bị đẩy lên tình thế căng thẳng mới khi mối họa ngoại xâm đã đến sát gần. Quan thái sư Trần Thủ Độ đã dũng dạc và dứt khoát bày tỏ thái độ : "Ta trông nom công việc ở triều đình này, không cho ai được phép dùa với việc nước, dù là người nào, ở ngôi cao đến đâu. Ở nơi phải lo đến sự mất cồn của trẫm họ, ta ghét và khinh nhất là sự yếu hèn. Nhà vua không lẽ coi cái nhẹ nhõm của riêng mình còn to hơn công việc cả nước hay sao ? Nếu như vậy, thì ta nói thật, dù là nhà vua, ta cũng có cách khu xử. Tình thế nước nhà bây giờ phải một ông vua hèn thì thật vô phúc quá ! Bọn bên kia nó ẩy mạnh cho một cái là tan hết thôi..". Chiêu Thánh đã trả lời : "Vâng, việc nước là lớn nhất nhưng việc người với người không phải là nhỏ hơn". Lời Chiêu Thánh có lẽ là nỗi trăn trở, băn khoăn lớn nhất của Nguyễn Đình Thi trong suốt cuộc đời sáng tác khi nghĩ về đất nước và con người. Trên lập trường công dân, ông luôn đồng tình với sự lựa chọn "Việc nước là việc lớn" và đó là "lẽ phải lớn" trong quan niệm nhân sinh của bao thế hệ. Nhưng, trên lập trường nghệ sĩ, nhà văn thấy "việc người không phải là nhỏ hơn". Kịch đã giúp ông phát biểu ra chiêm nghiệm sâu sắc ấy khi nghĩ về lịch sử, về nhân thế, về con người, những chiêm nghiệm mà Nguyễn Đình Thi đã rất nhiều lần rơi nước mắt trên những trang truyện và thơ.

Tuy nhiên, khi xảy ra xung đột thì việc nước phải trên hết, việc nước là lớn nhất. Vì nước mất, nhà tan. Chính là Trần Cảnh, trên lộ trình về rừng trúc, tận mắt thấy tai nghe những lời từ ông lão lang thang, đã giác ngộ về bốn phận và thiên chức của mình. Chuyện cung vua phủ chúa không còn là chuyện riêng của một dòng họ mà liên quan đến sự suy thịnh của nước Đại Việt, đến an nguy của quốc gia trẫm họ. Vua Trần Cảnh sau đó đã rời Yên Tử, về Thăng Long, hòa giải với anh, ổn định triều đình, chấn hưng đất nước. Đúng là "Kẻ ở ngôi cao thì đời mình đâu còn của riêng mình nữa". Trong kịch *Nguyễn Trãi ở Đông quan*, trước vận nước lâm nguy, những bậc trí thức lớn như Vũ Mộng Nguyên, Lê Cảnh Tuân cứ khư khư ôm giữ

(1) Phan Trọng Thường, "Rừng trúc" của Nguyễn Đình Thi và một số vấn đề lý luận sáng tác về đề tài lịch sử, Sđd.

chữ "trung", còn Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn dám bỏ nhà Trần, bỏ cả nhà Hồ (mắc vào tội bất trung – tội lớn nhất của đạo Nho) để tìm theo Lê Lợi, lo việc đánh giặc cứu nước, vì sự mất con của dân tộc của đất nước quan trọng hơn rất nhiều so với sự tồn vong của một dòng họ, một triều đại. Rõ ràng vận nước luôn là cơ hội để thử lòng người.

Cách giải quyết những xung đột như trên, nhìn bề ngoài tưởng đơn giản, suôn sẻ, thậm chí có phần khiên cưỡng khi Nguyễn Đình Thi xây dựng các nhân vật lịch sử đều có ý thức trách nhiệm với đất nước và hành động kịch diễn biến theo chiều hướng lạc quan... Song, có lẽ, đặt xung đột kịch vào những người nắm quyền bính quốc gia hoặc những nhân vật lịch sử quan trọng, Nguyễn Đình Thi mong muốn thông qua các nhân vật ấy mà nghĩ về những vấn đề lớn của xã hội, của con người. Và, cuộc đấu tranh giữa lý trí và dục vọng, giữa nguyên tắc quốc gia và quyền lợi cá nhân diễn ra trong đời sống nội tâm và đời sống tinh thần của các nhân vật... mới là đối tượng thẩm mỹ của tác giả. Nguyễn Đình Thi đã qua xung đột giữa những người thân thiết, ruột thịt để nói xung đột trong những tình thế lịch sử, và cách giải quyết tình thế lịch sử lại trên cơ sở giải quyết xung đột giữa các mối quan hệ cá nhân,... Nhà văn quan tâm tới những thương tổn nặng nề của con người trong những tình huống đặc biệt éo le. Để cứu vãn thế nước, Trần Thủ Độ đã vi phạm đạo người, đẩy Trần Liễu và Trần Cảnh, Chiêu Thánh và Thiên Cực vào quan hệ thù địch. Qua các nhân vật của *Rừng trúc*, người đọc nhận ra sự giao tranh giữa mong muốn khẳng định con người cá nhân với con người công dân trong trách nhiệm đối với đất nước... Có lúc Tôi và Ta hoà hợp, nhưng nhiều khi tranh chấp ứa máu...

3. Xung đột giữa quyền lực và quyền sống tự do của con người

Cùng với những trân tr背上, những trải nghiệm sâu sắc về số phận cá nhân trước những thử thách của lịch sử, kịch Nguyễn Đình Thi còn là "sự cảm khái và thái độ bất nhẫn của tác giả về thân phận con người trước quyền lực"⁽¹⁾.

Vấn đề quyền lực và sự chi phối ghê gớm của nó tới nhiêu phương diện của cuộc sống... là vấn đề lớn lao không chỉ của thời nào, không chỉ của quốc gia nào. Sự vận hành nghiệt ngã của

(1) Phan Trọng Thường, "Rừng trúc" của Nguyễn Đình Thi và một số vấn đề lý luận sáng tác về đề tài lịch sử, Sđd.

quyền lực nhiều khi dân con người tới những bi kịch khủng khiếp. Xưa nay người ta đã nói rất nhiều đến vị trí của người được giao quyền lực : vai trò đối với đất nước ; vinh quang và cay đắng ; sự hưởng thụ và sự hy sinh ; mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, quốc gia và tư gia ; mâu thuẫn giữa quyền lực và quyền sống tự do, tự nhiên của con người, v.v. Quyền uy của chế độ phong kiến ở nhiều nước đã từng gây ra biết bao thảm kịch. Nhưng tại sao con người ta vẫn khao khát quyền lực đến thế ? Và vì nó người ta sẵn sàng bằng mọi cách ? Trên thế giới đã có biết bao bi kịch thảm khốc có thật và bao bi kịch đau đớn trong văn ?

Ở một số vở kịch của Nguyễn Đình Thi, xung đột này có khi trùng với xung đột giữa việc nước và việc người. Trong kịch *Rừng trúc*, mong muốn củng cố quyền lực để tạo sức mạnh cho dòng họ, cho vương triều đã vi phạm nghiêm trọng đạo lý làm người. Việc Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung (công chúa Thiên Cực) thẳng tay sắp đặt cho Thuận Thiên (chị ruột của Chiêu Thánh), vợ của Trần Liêu (anh ruột của Trần Cảnh) vào thay vị trí của Chiêu Thánh, làm vợ vua Trần Cảnh, khi Thuận Thiên đã có thai 3 tháng... có thể nói là câu chuyện loạn luân vào loại hiếm có trong lịch sử nhân loại. Sự việc thật quá trái ngang, gây ra nỗi hoang mang, ghê sợ cho biết bao người. Nhưng Trần Cảnh và Thuận Thiên buộc phải quy thuận sự sắp đặt vô luân ấy vì "dằng sau Trần Thủ Độ là sức nặng của vương triều, của dòng họ", "tuân theo nó tức là tuân theo một chiêu hướng lịch sử đã được định đoạt, tuân theo guồng máy lịch sử đang vận hành, bất khả kháng"⁽¹⁾. Còn Chiêu Thánh thì đau đớn và khao khát : "Ù, giá như chàng mãi mãi chỉ là Chàng Hai của tôi nhỉ, giá như không có việc đời gì khác xen vào, để cho thân này chỉ sống mãi vì chàng mà thôi". Rõ ràng, quyền lực đã can thiệp quá thô bạo tới tình mẹ con, anh em, vợ chồng, chú cháu. Quyền lực đã xung đột ghê gớm tới quyền sống của con người. Chiêu Thánh (ném mũ miện xuống đất, chiếc mũ vô tình rơi đúng đầu Thiên Cực đang đi vào) : "Vứt nó đi, vì nó làm cho ta mỗi khi muốn gần chàng, bỗng nhiên lòng ta cứ băng giá dần, mắt ta nhìn chàng cứ xa mãi đi". Quyền lực đã làm mất đi cảm xúc, cảm giác, mất đi hạnh phúc tự nhiên của con người. Trong kịch *Con nai đen*, nhân vật nhà vua đã hỏi pho tượng đá :

(1) Phan Trọng Thường, "Rừng trúc" của Nguyễn Đình Thi và một số vấn đề lý luận sáng tác về đề tài lịch sử, Sđd.

"Tượng thiêng ơi, lúc này người mỉm cười gì vậy ? Chắc người đang cười thầm những nỗi quắn quại của con người. Trong cung điện nguy nga, giữa nơi gấm vóc này, có ai ngờ nhà vua đang thấy mình lạnh lẽo quá... ". Nữ hoàng Cleopat (kịch *Giặc mơ*) thì băn khoăn tự vấn : "Nào ta còn thiếu thứ gì ở trên đời, vậy mà sao tất cả trống rỗng, thiếu một điều gì vậy không biết ?". Mỹ Nương (kịch *Trương Chi*) nói với bà vú : "U xem con quan thừa tướng có khác gì con chim trong chiếc lồng son" và nói với Trương Chi "Nơi vàng son này đối với em đâu có nghĩa lý gì ? Em chỉ sợ anh không yêu em". Công chúa Tiên Dung (kịch *Giặc mơ*) dứt khoát bỏ nơi quyền quý cao sang để làm vợ anh chàng nghèo Chử Đồng Tử, sống hạnh phúc bằng tình yêu tự do và giữa thiên nhiên phóng khoáng, tự tay gây dựng cơ đồ, bởi nàng thấy "những chuỗi hạt châu báu này là dây thừng thắt cổ ta ; những chiếc vòng vàng khoá chặt tay ta".

So với một số bi kịch trên thế giới, cách giải quyết hình thái xung đột này trong kịch của Nguyễn Đình Thi mềm mại hơn, nhân ái hơn. Sự hoà giải giữa Trần Cảnh và Trần Liêu, cách cư xử bi hùng và đau đớn của Chiêu Thánh, hoặc vợ chồng Tiên Dung bay lên trời để tránh xung đột với cha... là những cách ứng xử đã có truyền thống lâu đời của nhân dân ta. Tuy nhiên, có cảm giác, ở một số vở kịch của Nguyễn Đình Thi, cách giải quyết xung đột có vẻ thuận quá, thậm chí có lúc dè dặt. Một cô Thuận Thiên "đặt đầu ngồi đây", một Trần Cảnh dẽ bị quy thuận và nghĩ đơn giản : "Không, ta không dành để cho nàng thiệt thòi như vậy. Việc lập Thuận Thiên làm hoàng hậu là ý quyết của chú Thủ Độ ta, cũng là do lòng khẩn khoản của mẹ nàng lo lắng về sự nối dõi ngôi cao. Việc này đâu phải ta không suy nghĩ nhiều bê, nhưng thuận em, thuận chị, nàng vẫn giữ ngôi hoàng hậu Chiêu Thánh, nào có gì mà phải thay đổi, cũng là ruột thịt chứ đâu xa. Hay là nàng lo về người thứ...". Rồi, mâu thuẫn anh em giữa Trần Liêu và Trần Cảnh – cả vì ngôi báu trong vương quốc, cả vì mất vợ mất con,... Những xung đột ghê gớm như thế thật khó có thể có một kết cục xong xuôi...

Cho nên, khi Lý Chiêu Hoàng, sau những tâm sự đón đầu thống thiết, đã dõng dạc oai nghiêm rời bỏ ngôi báu, chính thức chuyển giao vương triều, chuyển giao lịch sử cho nhà Trần, và quyết định : "Từ nay ta sẽ làm một người dân thường, xa nơi triều chính, lia bỏ cái nơi ba bể, hồn bên giang sê, quán buộc để "trở lại làm một con người, không phải giấu giếm những nỗi niềm thật của mình...", người đọc, người xem thấy đó như là

giải pháp thuộc về mong muốn, mang tính quan niệm, tính tư tưởng của Nguyễn Đình Thi. Với kết cục ấy của một số phận lịch sử, nhà văn khao khát cho con người được thoát ra khỏi những ràng buộc, những chi phối của quyền lực...để sống một cuộc sống bình thường, tự do, tự nhiên của con người... dù vẫn biết điều đó "không phải dễ dàng đâu".

Nguyễn Đình Thi đã từ chuyện xưa, mượn chuyện xưa để gửi gắm những kiến giải, những trải nghiệm sâu sắc của mình. Nói như Giáo sư Hà Minh Đức : "Phản lợn kịch Nguyễn Đình Thi đều khai thác từ những câu chuyện lịch sử, có phần chính sử và nhiều phần mang màu sắc dân gian ". Nhưng "nhà văn không khai thác tỷ mỷ chuyện xưa mà tiếp cận ở hai góc độ : một là ý nghĩa xã hội và ý nghĩa nhân bản của xung đột kịch ; hai là mối quan hệ của cuộc sống hôm nay với vấn đề của ngày hôm qua"... "Có những câu chuyện của ngày xưa nhưng lại kín đáo cho chúng ta biết câu chuyện gần chúng ta lắm lắm". Và màu sắc huyền thoại, màu sắc hư ảo trong rất nhiều tác phẩm như đã nâng những màu thuần, những xung đột, những đau đớn hay là những khát khao trong kịch của Nguyễn Đình Thi lên thành vấn đề của ngàn đời, của muôn thuở cuộc sống con người. Nhà nghiên cứu kịch Tất Thắng nhận xét : cuộc sống khi vào kịch Nguyễn Đình Thi đã được huyền thoại hoá. Nhà văn đã "mượn hình thái kịch để sáng tạo nên cái thế giới của mình, cái thế giới trong đó mỗi con người là thực mà là hư, vừa có thật vừa huyền thoại. Mỗi con người đều phải từ hiện thực mà vươn tới huyền thoại. Hiện thực trong mối quan hệ xã hội, trong tình nhân bản mà huyền thoại trong khát khao, trong tình thân nhân đạo ; hiện thực trong đời thường mà huyền thoại trong thế giới lý tưởng của tác giả "⁽¹⁾. Và ông cho rằng : "Hình thái xung đột quán xuyến trong các vở kịch của Nguyễn Đình Thi là sự diễn tả cuộc sống vừa như ta thấy, vừa như ta tưởng, như ta chứng kiến và như ta ao ước ; như ta trải nghiệm và như ta khát khao..."⁽²⁾.

'Diễn tả cuộc sống ở dạng những màu thuần đầy kịch tính nhu thế, kịch Nguyễn Đình Thi đã thể hiện một thiên hướng khai quát và chiêm nghiệm sâu sắc. Từ những bi kịch cuộc đời cho đến những bi kịch lịch sử lớn, nhà văn đều muốn nhắc con người về "những nguy cơ mà đến Bụt cũng không thể thờ ơ được"(Tất Thắng)⁽³⁾.

Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 9 - 2004

(1), (2), (3) Tạp chí Sàn khấu.

Phân năm

VĨNH BIỆT

NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI

NHỚ LÀM SAO HẾT NỐI, THI ƠI !

TÔ HOÀI

Cuối năm 1946, tôi gặp Nguyễn Đình Thi ở mặt trận Hà Nội khi mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Chúng tôi đương làm báo, Nguyễn Đình Thi làm phóng viên báo Thủ đô và báo Cứu quốc "nhỏ" (Thủ đô) của mặt trận. Tôi vẫn là phóng viên báo Cứu quốc ra hàng ngày của Tổng bộ Việt Minh. Ngày ngày tôi liên lạc với Nguyễn Đình Thi từ huyện lỵ Thanh Oai, tắt đồng Đại Định, Quán Quạ vào các làng đã trở thành tiền tuyến sau lưng Ngã Tư Sở.

Còn nhớ buổi tối chúng tôi ở Ngã Tư Sở ra làng Quang, làng Tó đợi Thép Mới, cũng ở Phú Mỹ, tới một vùng bờ sông Nhuệ dương cực kỳ ngỗn ngang. Đèn Ngã Tư Sở lừa cháy rực trời, đạn moócchiê địch bắn ra suốt sáng. Cả đêm bộ đội và du kích chuyển quân. Người trong nội thành chạy ra khiêng xác theo mọi thứ đồ đạc, ánh đuốc và sáng trăng lạnh lẽo giữa gió rét cắt ruột.

Chúng tôi cũng dồn dập những công việc lấy tin và viết bài khẩn trương cho kịp liên lạc dem về tòa soạn và nhà in. Nhưng đêm ấy chúng tôi trú vào một ổ rơm ven đường cái. Trong ánh nến leo lát, Nguyễn Đình Thi đọc lời và hát cho chúng tôi nghe ca khúc *Người Hà Nội* mà anh đương chũa lại đoạn cuối cho trầm hùng hơn, theo gợi ý của Thép Mới.

Tôi nhớ bài hát *Người Hà Nội* ra đời cũng như tôi thấy được cả đời sáng tác của Nguyễn Đình Thi – trong mọi hoàn cảnh đều tương tự, mặc dầu Nguyễn Đình Thi tài hoa đã viết được hầu hết các thể loại, nhưng khi cầm bút đều được viết ra như khi anh sáng tác *Người Hà Nội*.

Nguyễn Đình Thi nhà thơ, viết lý luận văn học, viết truyện ngắn, truyện dài, viết kịch, tác phẩm thật phong phú và đa dạng.

Đã in sáu tập thơ : *Người chiến sĩ* (1956), *Bài ca Hắc Hải* (1959), *Đồng sóng trong xanh* (1974), *Tia nắng* (1983), *Trong cát bụi* (1992), *Sóng reo* (2002).

Bốn truyện dài, truyện ngắn : *Xung kích* (1951), *Vào lùu* (1966), *Mặt trận trên cao* (1967), *Võ bờ* (tiểu thuyết hai tập), *Bến bờ sông Lô* (tập truyện ngắn).

Hai bài nhạc : *Diệt phát xít* (trước 1951), *Người Hà Nội* (1946).

Bốn tập lý luận văn học : *Máy văn để văn học* (1956 - 1968), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964).

Mười vở kịch : *Con nai đen* (1961), *Hoa và Ngàn* (1975), *Giác mơ* (1983), *Rừng trúc* (1978), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (1979), *Tiếng sóng* (1985), *Người dân bà hoá đá*, *Cái bóng trên tường*, *Trương chi*, *Hòn Cuội* (1983 - 1987).

Cả đời viết, Nguyễn Đình Thi lúc nào cũng như viết ca khúc *Người Hà Nội*, mọi công tác với sự nghiệp sáng tạo đều gắn bó. Các tiểu thuyết *Mặt trận trên cao*, *Xung kích*, *Vào lùu*, *Võ bờ*,... là kết tinh biểu hiện hình ảnh cuộc chiến đấu của quân dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, từ những trận đánh buổi đầu, đến các chiến dịch rồi đến chiến dịch Điện Biên Phủ mà anh trực tiếp tham chiến với tư cách chính trị viên tiêu đoàn.

Tôi đã mượn đọc tập nhật ký, tài liệu vô cùng quý báu về chiến dịch Điện Biên Phủ của anh, mà tôi đã dùng một số đoạn làm ví dụ khi viết về kinh nghiệm sáng tác. Thế mà rồi anh đã để thất lạc cái tập tài liệu giá trị ấy. Tôi cho rằng không phải anh đánh rơi, anh không để lạc, mà tập tài liệu đã sa vào tay một người nào đó chủ tâm săn tài liệu, đã mượn không trả mà anh tốt bụng và lơ đãng, cũng không còn nhớ người ấy là ai nữa !

Thống kê tác phẩm của Nguyễn Đình Thi có thể thấy được như là tự nhiên công cuộc đi và viết, mọi công tác như là cuộc sống vốn có, bắt cứ ở một tâm tư, một tình cảm nào, có khi chỉ mấy câu giàn dí.

Hãy đọc thơ Nguyễn Đình Thi năm 1948 :

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi, đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy.

Và Nguyễn Đình Thi năm 1974 :

*Gặp em trên cao lồng gió
Rừng lá ào ào lá đỏ
....
Chào em, em gái tiên phương
Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.*

Trong khối lượng sáng tác phong phú các thể loại của Nguyễn Đình Thi, tôi chú trọng khu vực sáng tác kịch bản sân khấu. Tôi nghĩ rằng tinh thần và tinh hoa văn học dân tộc anh đã viết trong *Sức sống của dân tộc Việt Nam trong ca dao và cổ tích* (1944). Khi mới cầm bút cũng như học thuyết Mác và triết học phương Tây mà anh đã giới thiệu thời kỳ anh còn là một sinh viên, anh đã đọc, anh đã tham gia hoạt động cứu nước. Ở mỗi vở kịch đều mang triết lý của một nhân vật lịch sử, một truyền thuyết hay huyền thoại, tất cả đều có tình người và tình huống xã hội của một tư tưởng, một triết lý.

Chúng tôi đến chụp ảnh lưu niệm ở ngôi nhà họp Tổ Văn hoá Cứu quốc đầu tiên ở Hà Nội. Ngôi nhà ở góc đường vào Ngũ Xá, giữa phố Phó Đức Chính bây giờ. Có nhiều kỷ niệm, cho đến khi anh Lê Quang Đạo, bí thư Ban cán sự Đảng bộ Hà Nội bị địch vây bắt hụt ở đây.

Chúng tôi lại đến ngôi nhà, nhưng người chụp ảnh thì chẳng còn mấy ai. Chúng tôi kéo lên nhà Tố Hữu, mừng anh mới cho ra tập hồi ký *Nhớ lại một thời*.

Tôi thấy hôm ấy ở nhà Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi uống một cốc vang. Phải kể đến cái năm 1947 ở Xuân Áng trên vùng đồi trung du Phú Thọ, tôi cũng gặp Nguyễn Đình Thi hát bài *Con voi* của Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Đình Thi với Nguyễn Xuân Khoát, hai người cùng làm điệu bộ, cùng hát đi hát lại đến nửa đêm.

Ngót sáu mươi năm sau, hôm nay mới lại thấy anh Nguyễn Đình Thi nhấp mấy hơi rượu. Tôi kể lại chuyện ấy, Nguyễn Đình Thi cười buồn : "Bỏ quá lâu rồi, quên rồi". Ủ, nhớ làm sao hết nổi, Thi ơi !

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

NHỚ ANH NGUYỄN ĐÌNH THI

VŨ GIÁNG HƯƠNG

Mùa thu năm 1948, tôi đã gặp anh khi anh đến Quần Tín, địa điểm của Đoàn Văn hoá kháng chiến Liên khu Bốn. Cha tôi, nhà văn Vũ Ngọc Phan đã viết trong hồi ký *Những năm tháng ấy* như sau :

"Hàng Phương (mẹ tôi) có đóng một quyển vở để là *Vở kỷ niệm về Trường Văn hoá Quần Tín*. Bùi Hiền, Trần Hữu Thung, Xuân Hoàng và mấy bạn trẻ nữa có ghi thơ mình trong vở. Lưu Trọng Lư rẽ vào Quần Tín, Nguyễn Đình Thi ở Việt Bắc về, cũng đều có ghi thơ trong vở. Lưu Trọng Lư ghi bài *Ngò cài đom hoa*, với dòng chữ ở dưới : "Chép tặng anh chị Phan". Nguyễn Đình Thi ghi hai bài *Đường núi* và *Đêm mít tinh* và ghi mấy dòng ở dưới "Chép tặng anh chị Phan, nhớ những quả cam mẩy ngày ấm ở Quần Tín".

Đoạn đầu bài *Đường núi* như sau :

*Chiều nhạt nhạt về nơi nào xu lăm
Ngày ngắt sương mây
Lối mòn không dấu chân
Ta nghe ta hát một mình...*

(1948)

Từ ngày ấy, Nguyễn Đình Thi đã làm những câu thơ không vần, nội dung rất hay. Đến thăm trường Văn hoá, Nguyễn Đình Thi ngồi lên bàn học trò, hát bài *Người Hà Nội* của anh với một giọng hùng mạnh rung chuyển cả bàn ghế, đầy sức hấp dẫn, làm nhiều học sinh say mê, nhất là nữ sinh.

Nguyễn Đình Thi có cái áo nâu rách tay. Anh nhò Hàng Phương và hộ, nhưng sau lại nể không đưa. Cô sai con gái nhỏ đưa mấy câu thơ cho Thi :

*Thi ơi, quần áo rách đâu ?
Đưa tôi vá vú để mau lên đường.
Rách lành dùm bọc ván thương
Chỉ kim kháng chiến chí nhường súng gươm
Ra về y phục tinh túơm
Nhớ chặng Quần Tín một phương xa vời ?*

(Quần Tín, 1948 – Hàng Phương)

Nhận xét về thơ Hàng Phương, Nguyễn Đình Thi có nhiều nhận xét tinh tế và đúng”.

Cha mẹ tôi đã gặp anh, và nghĩ về anh như vậy trong những năm kháng chiến ở Quần Tín – Thanh Hoá. Còn tôi, tôi không phải học sinh lớp Văn hoá kháng chiến, cũng không được nghe anh hát, lúc đó tôi là một cô gái mới lớn, rất nhút nhát, tuy rằng có yêu văn nghệ và biết tiếng nhà văn Nguyễn Đình Thi. Tôi có đưa anh xem bài thơ tôi mới làm, với những lời thơ rất non trẻ. Sau đó, từ Việt Bắc, anh có gửi thư cho tôi nhận xét về thơ và chép cho tôi mấy bài thơ của anh.

Năm tháng qua đi, tôi lên học trường Mỹ thuật kháng chiến Việt Bắc năm 1952, khoá ngắn hạn. Tôi có đến thăm gia đình anh ở một làng nhỏ tỉnh Tuyên Quang. Tôi gặp chị Nga, vợ anh, bà cụ ngoại, anh Lưu Hương, em chị Nga và các cháu, lúc đó còn nhỏ cả. Tôi đã nghỉ lại một đêm, buổi sáng tôi ra đi qua con đường của hổ (Route du Tigre) gần nhà anh, tôi tặng bé Như một cái mũ vải mang theo từ Khu Bốn.

Nhiều năm sau, được biết anh qua tác phẩm thơ nhạc, văn chương. Cha mẹ tôi rất quý anh và ca ngợi anh là một người thông minh, nhiều tài năng, học thức cao. Mẹ tôi làm việc ở Hội Nhà văn, hay nhắc đến anh và đối với tôi, anh Thi là một tấm gương sáng trong lao động nghệ thuật, trong trau dồi kiến thức và là một chiến sĩ văn nghệ cách mạng tiêu biểu.

Sau khi cha tôi mất, tôi soạn những di cảo của người, thấy có bài viết nhận xét, phê bình tập tiểu thuyết *Võ bờ* của anh. Tuy bài đó chưa viết xong, tôi cũng đã sao lại, biếu anh Thi một bản. Anh xem và tôi nhận thấy anh vui khi thấy lại nét chữ cứng cáp, những suy nghĩ của cha tôi viết về tập sách của anh.

Năm 1956, tôi học trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, ở 42 Yết Kiêu. Ngoài việc học vẽ, tôi có tham gia biểu diễn văn nghệ ở trường. Tôi đã diễn nhiều tiết mục, kể cả xiếc cưỡi ngựa gảy đàn, đánh bốc, kịch, v.v. Đội văn nghệ chúng tôi đã chọn diễn vở *Con nai đen* của Nguyễn Đình Thi. Vở diễn có nhiều nội dung tiến bộ và chúng tôi rất thích các nhân vật trong vở kịch cũng như những lời đối thoại rất hay và sâu sắc. Vở kịch đã được trang trí công phu với những vật liệu tự tạo kể cả bảng bìa. Tôi đóng vai Đạo Đức phu nhân, lúc đó người còn gầy, phải buộc thêm vào người một cái gối bông. Đạo diễn là nhà điêu khắc Nguyễn Hải. Anh rất nghiêm, diễn xuất chưa đạt, anh bắt tập đến 11, 12 giờ đêm. Tôi đã làm khán giả cười nhiều về cái vai phu nhân Đạo Đức của mình. Hôm công diễn, anh rất vui và đến chúc mừng chúng tôi. Chúng tôi còn đến diễn một đêm ở Thư viện Trung ương được người xem hoan nghênh. Diễn xong, được ăn cháo gà, hôm sau các thầy ở trường khen chúng tôi "không kém gì văn công Trung ương".

Chồng tôi, anh Lê Cao Đài, sau những năm phục vụ ở chiến trường có viết cuốn hồi ký *Tây Nguyên ngày ấy*. Tôi đã biểu anh quyền sách đó và xin ý kiến anh. Anh có lời khen cuốn sách viết chân thật, nói lên sự gian khổ cũng như nhiệt tình trong công việc phục vụ của các cán bộ quân y.

Trong cuốn *Tây Nguyên ngày ấy*, anh Lê Cao Đài có viết một đoạn như sau :

"1 - 10 - 1968, trong tuần qua, tôi lại bị một cơn sốt kịch liệt ập tới... Hai ngày sau, cơn sốt tăng lên, rét run người rồi nóng vã mồ hôi, rồi lại thấy những ảo ảnh. Trong đầu như máy quay phim, chiếu những đoạn phim đứt quãng, nhưng bao giờ cũng là những hình ảnh của gia đình : Ba mẹ, Hương, Lộc, các anh chị, những ngày nhỏ ở nơi tàn cư, những ngọn cây cao, những đồi thông, những câu thơ tình của Nguyễn Đình Thi :

Anh yêu em như anh yêu đất nước.

Vất vả, đau thương, tươi thắm vô ngần...”.

Thơ Nguyễn Đình Thi đã đi vào tâm hồn người chiến sĩ như vậy đó.

Trong mấy năm gần đây, tôi có làm việc trong Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật, nên có nhiều lần cùng làm việc với anh,

cùng tiếp khách trong nước và nước ngoài và xin ý kiến anh về những công việc sáng tạo văn học – nghệ thuật.

Anh là người am hiểu sâu nhiều chuyên ngành, những ý kiến anh tuy kiên quyết nhưng vẫn khiêm nhường, từ tốn. Anh đã gặp họa sĩ Phạm Tăng ở Pháp về, anh và chị Tuệ Minh có đến nhà chúng tôi ăn cơm tối cùng anh Phạm Tăng. Khi từ Pháp viết thư về, bao giờ Phạm Tăng cũng dành những lời thăm hỏi ân cần và quý trọng với anh Nguyễn Đình Thi.

Anh đã đến khai mạc triển lãm tranh của các họa sĩ Lương Xuân Nhị, Văn Đa, Nguyễn Thụ, Thanh Ngọc và tôi. Anh đã viết về triển lãm *Ký ức chiến tranh* của tôi nhiều ý kiến quý báu. Không ngờ, đó là những dòng chữ cuối cùng của anh viết về một triển lãm tranh.

Tôi đã tặng anh bức tinh vật đẹp nhất của tôi và chị Thanh Ngọc cũng tặng anh một bức tranh phong cảnh nông thôn rất nên thơ.

Mong rằng những bức tranh này sẽ được treo gần bàn thờ anh, để tưởng nhớ một con người cao đẹp, nay đã đi vào cõi vĩnh hằng !

Tôi đã có mặt trong những phút cuối cùng anh sắp ra đi, tôi đã đau xót nhớ đến người bạn đời của tôi mà tôi đã vĩnh biệt năm trước, nay lại đến một người anh kính mến trong làng văn nghệ. Tôi viết một bài thơ nhỏ sau một năm ngày mất của nhà tôi, trong đó có đoạn :

*Trong cơn sốt ở Tây Nguyên ngày ấy,
Anh còn nhớ thơ anh Nguyễn Đình Thi
"Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vất vả, đau thương, tươi thắm vô ngần..."
Ngày 18 đưa anh về cõi Đất
Ngày 18 năm nay, anh Thi từ giã cõi đời
Nhà văn lớn, nhà khoa học.
Có gặp nhau cùng ở một nơi ?
Các anh biết nhau từ biên giới
Trên đường ra trận, tóc còn xanh
Trang viết, bài thơ còn mãi mãi
Chúng tôi đã có một người Anh...*

Có mấy lần, tôi đã nói với anh Thi, tôi đã tìm được gần 200 lá thư của chúng tôi, từ năm 1951 đến những năm ở chiến trường Tây Nguyên, nhật ký về biên giới của anh Đài và nhật ký trong thời kỳ anh nghiên cứu về hậu quả chất độc da cam.

Tôi đã khóc và nói với anh, tôi dự định viết, soạn lại thành một quyển về anh Đài và cuộc đời chúng tôi. Anh nhận lời sẽ xem và cho ý kiến. Cuốn sách đã có tư liệu, mới bắt đầu viết thì anh Thi đã ra đi mãi mãi...

Thương tiếc anh vô cùng, nỗi mất mát này không biết làm sao bù đắp nổi, xin nhớ mãi những lời anh căn dặn và cố gắng tiếp nối con đường anh đã đi.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

VĨNH BIỆT NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI

HỮU THỊNH

Tôi chỉ thực sự được gặp và nghe nhà văn Nguyễn Đình Thi nói chuyện lần đầu tại Hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ II, tháng 7 - 1971. Hội nghị diễn ra tại Hội trường 51 Trần Hưng Đạo - Hà Nội. Hội ấy tôi vừa từ chiến dịch Đường 9 - Nam Lào về, trong lòng xốn xang bao kỷ niệm chiến trường. Trong buổi khai mạc, anh Nguyễn Đình Thi đọc lời chào mừng ngắn. Anh đặc biệt nhắc nhở lớp trẻ trau dồi vốn sống, vốn văn hoá, đặc biệt là văn hoá dân tộc, để có thể đi được xa trên con đường văn hoá. Lớp chúng tôi hồi ấy cũng đã có nhiều người nổi tiếng như : Đỗ Chu, Phạm Tiến Duật, Xuân Quỳnh, Ma Văn Kháng, Nguyễn Gia Nùng, Lý Phương Liên, Nguyễn Đức Mậu,... nhưng nói chung rất rụt rè khi bước vào các tòa soạn báo, nhà xuất bản, Hội Nhà văn. Những lời tâm tình của anh Nguyễn Đình Thi xoá tan nhiều mặc cảm, làm cho không khí Hội nghị đầm ấm ngay từ đầu. Tôi để ý đến cách nói, cách ăn mặc của anh Thi. Hôm ấy anh mặc bộ quần áo kaki màu vàng, áo cộc tay bỏ ngoài quần. Phát biểu xong, mọi thứ giấy tờ anh xếp vào một chiếc lìa mây, gần giống như một người di chèo. Nhã nhặn, lịch duyệt và hào hoa nữa, anh Thi rõ ràng là tâm điểm của Hội nghị rồi. Mãi sau này được làm việc gần anh, được anh dìu dắt, tôi thấy ấn tượng ban đầu với những gì tôi được biết về anh là nhất quán. Anh Nguyễn Đình Thi ít chú ý chăm chút đến việc ăn mặc. Đó cũng là tính cách của những tri thức lớn, lo cái bên trong, cái cốt cách, cái thực chất, không bận tâm đến hình thức bên ngoài.

Anh Nguyễn Đình Thi hay nói vui, anh là người trẻ nhất của lớp nhà văn tiền chiến. Đúng thế thật. Trẻ mà thiên tư phát lộ sớm : mười bảy tuổi viết sách triết học, nghiên cứu văn học dân gian, cùng với bạn đọc của trường Bưởi lập tổ nghiên cứu chủ nghĩa Mác, rồi tìm cách bắt

liên lạc với Việt Minh. Đến khi Hội Văn hoá Cứu quốc thành lập, anh là một trong những người sáng lập và hoạt động rất sôi nổi. Tháng 7 - 1945, anh được đoàn thể cử đi dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, là một trong bốn đại biểu được mời đọc tham luận, được cử vào Ủy ban Dân tộc giải phóng gồm mười lăm người do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Năm 1946, mới hai mươi hai tuổi, anh là đại biểu Quốc hội khoá I thuộc đơn vị bầu cử Hải Phòng. Buổi khai mạc Quốc hội khoá I, anh được cử vào Tiểu ban soạn thảo Hiến pháp đầu tiên, được cử vào Ủy ban Thường trực của Quốc hội. Những trường hợp trưởng thành sớm như thế không riêng anh Thi, mà của cả một thế hệ Cách mạng tháng Tám, vẻ đẹp của thế hệ anh Thi là vẻ đẹp của lý tưởng, là dũng khí chiến đấu cho lý tưởng đã chọn, là sự thuỷ chung, son sắt với cách mạng. Một thế hệ được rèn luyện sớm, nhiều khát vọng, mà trưởng thành cũng sớm. Sau này, trong công việc lãnh đạo văn nghệ, anh Thi gặp không ít khó khăn. Những lúc ấy, tôi thấy anh Thi vẫn là anh Thi của hằng ngày, bình tĩnh xem xét việc nào ra việc nấy. Rảnh rỗi, anh kể : "Căng thẳng, gay gắt sao bằng những năm 1946. Trong Quốc hội, các đảng phái phản động chiếm bốn mươi ghế, ngồi họp mỗi đảng phái ngồi về một phía, đấu tranh căng thẳng trong hội trường ; bên ngoài bọn phản động còn tìm cách ám sát, gây sự, đe doạ, hoạt động mạnh lăm, ngại gì đâu".

Vốn văn hoá, vốn hoạt động chính trị và vốn sống trực tiếp lăn lộn ở chiến trường đã giúp nhà văn Nguyễn Đình Thi phát triển trí năng nhiều mặt của mình và ở nhiều loại hình nghệ thuật, anh đã để lại những tác phẩm xuất sắc. Nguyễn Đình Thi nghiên cứu triết học sớm và sau này, năng lực tư duy lý luận của anh càng phát triển, anh là người rất nhạy cảm với những vấn đề tư tưởng, chính trị, xu thế của đại cuộc, nhưng trong nhạc, trong thơ, trong văn, trong kịch, người ta vẫn nhận ra mạch trữ tình đầm thắm, những rung động tinh tế, những liên tưởng bất ngờ, mạnh bạo của anh. Chất nghệ sĩ của anh không bị tu duy quản lý lấn át, mặc dù anh tham gia lãnh đạo và trực tiếp quản lý văn nghệ khá lâu. Chất nghệ sĩ ấy cũng không bị những thử thách làm cùn nhụt đi, ngược lại những khúc quanh ở đời anh không ít cam go, và nhiều dịp gần anh, nhiều dịp tôi không thấy anh nhận xét về người khác, ở phía sau.

Anh Nguyễn Đình Thi, cũng giống như những nhà văn thuộc thế hệ anh là sản phẩm của một thời đại đẹp, sáng, oai hùng, một thời đại đáng sống và nếu cần sẵn sàng chết vì nó. Trong đội ngũ nhiều tài năng, nhà văn Nguyễn Đình Thi là một người đa tài, một nghệ sĩ tiêu biểu của cách mạng, một nhà văn hoá lớn, một trí thức lớn.

Tôi hằng khâm phục thế hệ anh và anh, là những người được học, được đào tạo từ trường Tây mà sao ý thức dân tộc, tình yêu dân tộc thúc tinh lớn và mãnh liệt đến thế. Yêu dân tộc, yêu nước, lẽ tất nhiên là phải tìm đến với cách mạng.

Những khi có dịp, anh Nguyễn Đình Thi hay nhắc nhở lớp trẻ chúng tôi cố học để nắm cho được lịch sử dân tộc, lịch sử ta, văn hoá ta có những cái hay, đáng tự hào lắm. Những năm ấy, thú thực tôi không hiểu hết anh, nghĩ rằng ở tầm cao của anh, anh phải nói cái gì то tát lắm. Dần dần, tuổi nhiều lên, tôi mới hiểu ý nghĩa những điều anh nói. Biết rằng mấy năm gần đây anh Nguyễn Đình Thi không được khoẻ nhưng hay tin anh vào viện, bị bệnh hiểm nghèo tôi sững sốt không thể tin. Bởi vì, tuổi đã tá mươi, anh vẫn còn cường tráng, suy nghĩ hoàn toàn minh mẫn, sắc sảo và độ nhạy với thời cuộc, với xã hội không giảm sút. Tết Nhâm Ngọ và Tết Quý Mùi vừa qua, tôi đến thăm và đặt bài anh, anh vui vẻ nhận lời và nói rằng chỉ gửi thơ thôi. Bài gửi đến, ít lâu sau anh lại mang bản thảo đến thay, chừa kẽ từ chữ, từng dấu phẩy. Kỳ họp Ban chấp hành Hội Nhà văn vừa qua, sau phần khai mạc, tất cả chúng tôi kéo nhau vào thăm anh tại Bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội. Lúc này sức anh đã giảm nhiều, nói nhỏ, hơi thở nặng nhọc. Anh giơ tay và cố nhắc chân trái lên cao, nói : "Có tiến bộ. Mình có tiến bộ". Rồi anh lại thiếp đi trong giấc ngủ nặng nhọc. Hôm vào Thành phố Hồ Chí Minh công tác, tôi lại tranh thủ vào thăm anh lần nữa trước khi ra sân bay, lúc này anh đã hoàn toàn hôn mê. Tôi lặng ngắm khuôn mặt và mái tóc của anh. Nhịp thở của anh đã chậm và yếu lắm.

Nay anh đã đi xa, để lại một khoảng trống lớn trong nền văn học nghệ thuật nước nhà. Nhưng tôi tin, nhiều tác phẩm của anh sẽ ở lại với chúng ta, trở thành niềm tri kỷ của những người đang tới và sẽ tới.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

NGUYỄN ĐÌNH THI TRẺ MÃI

VŨ TÚ NAM

Tôi kém anh Thi năm tuổi. Từ Cách mạng tháng Tám 1945, khi đó tôi tròn mười sáu, tôi đã cùng các bạn Thanh niên cứu quốc ở quê nhà say mê bài hát *Điệt phát xít*. Rồi mấy năm đầu kháng chiến, bài tiểu luận *Nhận đường* của anh Thi đã cuốn hút tôi. Nói như thế để thấy sự đóng góp của anh Thi – khi đó mới hai mươi tuổi – vào những buổi đầu của cách mạng.

Mùa hè 1950, tôi cùng các anh Lưu Trọng Lư, Hữu Loan cuộc bộ từ Thanh Hoá lên Việt Bắc để họp Hội nghị Văn hoá. Anh Thi đón chúng tôi ở Văn Lãng, chân đèo Khế. Anh bắt tay tôi, cười : "Tú Nam trẻ quá !". Tôi trẻ thật, hai mốt tuổi, mà anh cũng mới chỉ hai mươi sáu thôi chứ mấy.

Chiến dịch Trung Du 1951, tôi có dịp cùng đi với anh Thi, sống chung với bộ đội. Giữa chiến dịch, chúng tôi đã cùng nhau thăm các trại tù binh Pháp, thăm thương binh ta ở trạm xá tiền phương. Cùng ăn cơm nắm, cá mắm của bộ đội pháo binh, cùng ngủ giữa đồng khô mưa bụi, với một ngọn đèn dầu leo lét, ghi chép và chuyện trò. Anh đã hút thuốc và tâm sự nhiều về gia đình.

Sau chiến dịch, một buổi sáng gặp anh Thi ở gần Hợp Thành, anh kéo tôi ngồi bên vệ cỏ, hào hứng đọc cho nghe mấy chương *Xung kích* anh mới viết xong. Rồi anh lui cui đi thăm mộ cô Nghĩa, em vợ anh, đã chết vì sốt rét ác tính.

Tôi còn có dịp gặp anh Thi ở đồi Hoàng Ngân, nơi cơ quan Phụ nữ Trung ương đóng, anh thỉnh thoảng đến để ngồi viết cho yên tĩnh.

Tết năm 1953, anh Thi đang ở Cục Tuyên huấn quân đội với chúng tôi, thì có điện : "Chị mất. Anh về ngay". Đó là chị Nga, người vợ đầu của anh, chết vì bệnh lao.

Năm 1959, tôi chuyển ngành từ bộ đội ra làm báo *Văn học* của Hội Nhà văn. Tình cờ gia đình tôi được về ở căn phòng cũ của anh Thi tại 65 Nguyễn Thái Học, Hà Nội. Và tôi được cùng làm việc với anh : anh là chủ nhiệm, tôi là thư ký tòa soạn báo. May mắn làm báo *Văn học* là những ngày tháng vui vẻ, đầm ấm, bên cạnh các anh Bùi Hiển, Tế Hanh, Nguyễn Xuân Sanh, Mạnh Phú Tư, Chế Lan Viên,... Có thể nói các nhà văn chủ chốt của Hội đều bắt tay vào làm báo.

Cho đến Đại hội Nhà văn lần thứ tư 1989, anh Nguyễn Đình Thi đã làm Tổng thư ký Hội liên ba khoá, xuyên suốt một thời gian dài ; anh đã cùng các anh chị trong Ban Chấp hành hoàn thành những nhiệm vụ to lớn, trong đó phải kể đến việc tổ chức cho các nhà văn di thực tế ở miền Bắc và vào chiến trường miền Nam, với những thành tựu đáng kể về sáng tác.

Tại Đại hội này, ngồi trên Đoàn chủ tịch, anh Thi luôn bị chèn ép, và một số đại biểu quá khích đã ra sức rìa rói anh. Tôi vẫn thấy anh cười cười, cố gắng nhẫn nhịn.

Anh Thi là như thế. Trong cuộc đời sáng tác anh đã gặp không ít vấp váp : *Thơ không văn*, *Con nai đen*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*... Anh vẫn bền gan chịu đựng và tiếp tục say sưa viết.

Anh đã bàn giao cho tôi trách nhiệm Tổng thư ký ở một thời điểm khó khăn. Tôi đã cố gắng cùng các anh chị trong Ban chấp hành mới làm tròn nhiệm vụ.

Cách đây không lâu, anh Thi mang tập thơ *Sóng reo* mới xuất bản đến tặng vợ chồng tôi. Rồi anh phải vào bệnh viện.

Hôm đến thăm anh, anh nói có nỗi hạch ở cổ, còn phải xét nghiệm. Và chân trái, tay trái của anh đã bị liệt. Chúng tôi hy vọng sức khỏe anh sẽ được phục hồi.

Ngồi nhìn anh năm tóc bạc, lông mày bạc, da tái xám, tôi nhớ đến Nguyễn Đình Thi trên năm mươi năm trước. Dáng đi lùi cuộn, nét chữ liêu xiêu, ai cũng bảo tướng anh khổ. Một con người tài hoa mà lận đận !

Rồi tất cả sẽ qua đi. Sẽ còn lại mãi những bài thơ, bài hát của anh, những trang văn của anh đã làm say đắm lòng người. Nguyễn Đình Thi mãi còn trong tâm trí nhiều thế hệ.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp.
NXB Hội Nhà văn, 2004

NGUYỄN ĐÌNH THI – TÀI NĂNG QUÝ HIẾM CỦA VĂN NGHỆ VIỆT NAM

ANH ĐỨC

Tôi biết đến tên tuổi nhà văn Nguyễn Đình Thi nhiều năm trước khi tôi được gặp anh. Biết từ thuở anh viết những khảo luận triết học về Kant, về Nietzsche, nghe các bài hát *Diệt phát xít* và *Người Hà Nội*. Thế rồi vào khoảng năm 1950, đọc tạp chí *Văn nghệ* từ Việt Bắc gởi vào, tôi thấy có cuộc tranh luận về thơ không vẫn xảy ra ở chiến khu Việt Bắc mà người chủ xướng thơ không vẫn ấy là Nguyễn Đình Thi cùng với Văn Cao và vài người khác. Ngay khi ấy trong tâm tưởng của tôi, Nguyễn Đình Thi là một tài năng văn nghệ thuộc lớp hiện đại, mới mẻ, có tri thức. Tôi thầm phục tiểu luận *Nhận đường* và hổ hởi đọc *Xung kích* của anh. Cho tới lúc tập kết ra Bắc, tôi gặp anh vào đầu năm 1957, trong ngày đại hội thành lập Hội Nhà văn Việt Nam diễn ra tại Câu lạc bộ Đoàn kết, qua cung cách và bản báo cáo mà anh trình bày, tôi biết rằng con người này chắc chắn sẽ là người lãnh đạo chủ chốt Hội Nhà văn Việt Nam trong nhiều năm tới.

Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá lớn, một nghệ sĩ đa tài, ai cũng khẳng định như thế. Và tôi cũng nghĩ thế. Trong hàng ngũ văn nghệ, một người như anh là quý hiếm. Anh viết tiểu luận, viết tiểu thuyết, viết kịch và soạn nhạc. Trong các lĩnh vực này, ở đâu anh cũng gặt hái được thành công, tuy mức độ thành công ở từng lĩnh vực có khác nhau. Tôi cho rằng anh gặt hái được những nhành lúa trĩu hạt ở thơ, dù rằng số lượng thơ anh không nhiều, nhưng rõ ràng thơ anh tạo nên ấn tượng đẹp đẽ, thiết tha về đất nước, về Việt Bắc, về Hà Nội, về mùa thu, về rừng lá đỏ,... Thơ Nguyễn Đình Thi có lúc có vần, có lúc chẳng có vần, câu cùng chữ gieo xuống cứ như không mà tạo hình và gợi cảm lạ lùng, lại có khi buông lỏng thật tuyệt, như câu : "Người ra đi đâu không ngoảnh lại - Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy". Nhạc của anh cũng vậy, đạt dào và tha thiết. Tuy là người sáng tác nhạc không chuyên nhưng anh đã làm nên hai bài bất hủ, bài *Người Hà Nội* như là một khúc trường ca, một loại tiểu giao hưởng. Và một bài in đậm dấu ấn lịch sử, là bài *Diệt phát xít*.

Vừa là người sáng tạo, Nguyễn Đình Thi còn lãnh trách nhiệm là Tổng thư ký Hội Nhà văn suốt hơn ba mươi năm, một công việc rất bận bịu vì không phải khi nào cũng xuôi chèo mát mái. Thế nhưng anh đã hoàn tất trách nhiệm của mình một cách khá toàn vẹn. Vì từ năm 1957 tôi về công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam cho tới khi trở về Nam nên tôi biết khá rõ. Nguyễn Đình Thi còn rất có tài trong công việc đối ngoại, làm báo và biên soạn. Còn nhớ vào khoảng 1959 – 1960, tạp chí *Châu Âu* ở bên Pháp đề nghị ra một đặc san về văn học Việt Nam, giao cho Hội lo toàn bộ nội dung, kể cả minh họa và vinhetta. Anh Nguyễn Đình Thi là người chủ biên, tập hợp bài vở, làm nên một tờ đặc san rất hay, mở đầu bằng bài tuỳ bút *Từ thung lũng đau thương đến cách đồng vui* của nhà thơ Chế Lan Viên.

Năm 1962, tôi được phân công về Nam. Ngày hôm trước Ban Tổ chức nói chuyện ấy với tôi, hôm sau anh Thi gặp tôi với tư cách thủ trưởng cơ quan Hội. Anh nói : "Bùi Đức Ái về Nam bây giờ rất có lợi cho sáng tác. Ái cố gắng đi đến nơi về đến chốn, thâm nhập thực tế trở lại và công việc trên hết là viết. Chuyện Ái đi phải giữ kín, trong cơ quan chỉ có tôi biết...".

Tôi trở về Nam, sống và viết ở chiến trường, tới sau năm 1975 mới gặp lại anh Thi, cùng anh và các anh khác tham gia Ban Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam suốt trong mấy khoá liền. Tôi rất mừng vì khi gặp lại thấy anh vẫn còn trẻ, khoẻ và sáng tác đều. Trên dưới mươi năm nay, tôi lại cùng làm việc chung với anh trong Đoàn Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam mà anh là Chủ tịch. Thình lình hồi năm ngoái tôi ra Hà Nội họp. Sáng ấy lê ra anh đến chủ trì cuộc họp thì nghe báo tin anh ốm phải vào bệnh viện. Ngỡ đâu anh chỉ ốm nhẹ, nào ngờ sau đó bệnh anh tiếp tục diễn biến và vào đầu năm nay thì trở nên trầm trọng. Mười hôm trước khi anh mất, Ban chấp hành Hội Nhà văn chúng tôi đang họp thì tạm dừng lại để vào bệnh viện Hữu Nghị thăm anh. Khi ấy anh còn tỉnh, còn nhận ra tôi, động đậy đưa tay ra bắt. Tôi cầm bàn tay vẫn còn rất ấm áp của anh, nhưng đau đớn nhận biết rằng con người tài hoa này đang sắp sửa rời xa...

Nhà văn Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá lối lạc, một tài năng quý hiếm của văn nghệ Việt Nam đặc biệt ở thời kỳ kháng chiến cứu nước vĩ đại. Sự ra đi của anh khiến cho tôi nghĩ có thể từ nay trở đi khó mà xuất hiện lại một tài năng tương tự.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp.

NXB Hội Nhà văn, 2004

NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI VỚI CON NAI ĐEN

NGUYỄN QUANG SÁNG

Nhạc của anh tôi có nghe : *Điệt phát xít*, *Người Hà Nội* tôi nghe từ thuở nhỏ. Bây giờ, lâu lâu nghe lại vẫn thấy hay và nhớ một thời sôi nổi những ngày đầu đi theo Cách mạng giải phóng dân tộc. Văn và thơ của anh tôi cũng được đọc, anh đã để lại trong tôi những câu văn, câu thơ đậm đàm và ngọt ngào. Nhưng ấn tượng sâu sắc nhất của anh đối với tôi lại là kịch. Anh có mười vở trong tuyển tập kịch của mình : *Con nai đen*, *Hoa và Ngàn*, *Giấc mơ*, *Rừng trúc*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, *Tiếng sóng*, *Người đàn bà hoá đá*, *Cái bóng trên tường*, *Trương Chi*, *Hòn cuối*. Tôi hiểu ít nhiều tâm trạng của anh, những điều thầm kín của anh qua tình huống kịch, qua thoại của nhân vật mang tính cách khác nhau. Qua thoại của nhân vật, hình như tôi nghe được tiếng nói của anh. Năm mươi tám tuổi, anh Nguyễn Đình Thi đã viết sách triết học (viết về triết học duy lý của Kang và Décac). Từ đó kịch của anh mang nhiều tính triết học.

Kịch của anh kén đạo diễn, kén diễn viên và kén cả khán giả. Kịch của anh không được dàn dựng rộng rãi trên sân khấu cả nước, do đó mọi người ít biết đến kịch của anh. Tôi thích kịch của anh, tôi đọc hết tuyển tập kịch của anh nhưng xem thì chỉ xem có một lần vở *Con nai đen*. Kịch *Con nai đen* phỏng theo một tích cổ của nước Ý. Anh viết từ năm 1960 - 1961. Diễn rồi sửa, sửa rồi ngâm nghĩ sửa tiếp, bản sửa cuối cùng vào năm 1983, thật công phu ! Tôi xin tóm tắt đôi câu về vở *Con nai đen*. Thuở xa xưa ấy của nước Ý có một nhà vua trẻ thật hiền đức. Nhà vua đi săn bị lạc rừng trong mưa dòng. Nhà vua được một người con gái đi chặt củi hái măng đưa đến bên dòng suối, nàng là Quế Nga. Từ đó nhà vua từ chối tất cả những nàng tiều thư vàng ngọc

chỉ mong nhà vua để ý cho vào cung hầu hạ. Nhà vua trở lại rừng tìm Quế Nga. Cảnh này có lão hát rong, tên quận công và con nai đen. Con nai đen, bốn chân nó lướt như chặng chạm đến mặt đất, đòn sừng nó long lanh tựa đòn kiếm bạc,... Dân trong rừng Quế ai ai cũng yêu quý con nai đen, cả nhà vua cũng vậy. Quận công là một tên gian tà, có phép thuật. Hắn thường hay hát :

*Mèo mẹ ăn thịt mèo con
Ông già thèm bế gái non
Con chó đi hai chân chống ngược
Này cô nàng ta bắt cô nàng
Hà hà ta bắt cô nàng.*

Để chiếm đoạt nàng Quế Nga, tên quận công đã giết con nai đen. Biết nhà vua nhẫn từ muốn cứu con nai đen, hắn lừa nhà vua. Nghe lời giả nhẫn giả nghĩa của hắn, nhà vua sẵn sàng để hôn mình nhập vào con nai đen, con nai đen được sống và nhà vua sẵn sàng mất năm năm tuổi thọ. Sau khi hôn nhà vua nhập vào con nai đen thì lập tức hắn đưa hôn mình vào nhà vua. Xác là xác vua nhưng hôn là hôn của hắn, con nai là xác còn hôn là hôn của nhà vua.

Kịch qua vài tình huống, hôn vua trở về vua, còn tên quận công thì hôn xác lìa cõi trần. Nàng Quế Nga sau bao ngày nghi ngờ lận đận, nàng lại trở về với nhà vua.

Tôi nhớ từ năm 1962 đến tháng 4 - 1975, có thể nói đó là thời kỳ vàng son của kịch nói Hà Nội. Nhà hát lớn Hà Nội luôn có những vở kịch mới. Kịch nước ngoài có *Câu chuyện Iéccút*, *Đồng hồ chuông điện Kremli* của Liên Xô, *Đứng gác dưới ánh đèn néon* của Trung Quốc, *Hòn đảo thần Vệ nữ* của Hy Lạp,... Kịch trong nước có *Con nai đen* của Nguyễn Đình Thi.

Nhà tôi ở số 2 Cổ Tần nhìn xéo qua Nhà hát Lớn. Từ trên cửa sổ nhìn xuống, khi Hà Nội lên đèn, tôi thấy khán giả lũ lượt vào cửa Nhà hát, còn nghèo nhưng người nào ăn mặc cũng tươm tất, áo quần theo mỗi mùa khác nhau. Khán giả đến xem *Con nai đen* cũng lũ lượt không kém gì so với những vở kịch nổi tiếng của nước ngoài.

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, tôi với anh cùng ở Quảng Bá, trại sáng tác của Hội Nhà văn Việt Nam. Năm ấy, Quảng Bá cách Hồ Hoàn Kiếm không quá mươi cây số mà như làng què yên tĩnh. Trại có

nhiều phòng, mỗi người một phòng riêng để sáng tác. Trong hội trường có cây đàn piano. Phòng anh đối diện với phòng tôi, cách một cái sân nhà nhiều hoa. Anh sống với bà mẹ và Như, con út của anh.

Tôi không ngờ anh Thi sống kham khổ quá đến như thế, mỗi sáng ăn một chén cơm nguội với cái gì đó mặn mặn, vừa lùa vừa húp, vậy thôi.

Và đêm đêm, anh ngồi bên piano dạo bài sô nát *Ánh trăng* của Beethoven. Người nghệ sĩ kham khổ đang mơ đến ánh trăng tuyệt vời của trần gian. Tiếng đàn của anh khiến tôi thao thức. Tôi nhớ câu thoại của lão hát rong trong *Con nai đen* khi nàng Quế Nga kinh ngạc trước sự thay đổi của nhà vua, lúc nhà vua chỉ là cái xác mà hồn là hồn của tên quân công gian tà :

"Lão khuyên hoàng hậu nhắm mắt lại xem. Thường thì rõ mọi sự vật thì ta phải mở mắt nhìn cho tinh, nhưng nhiều khi muốn nhìn rõ một con người thì ta phải nhắm mắt lại. Có thể ta mới quên được cái hình ngoài nhiều khi nó đánh lừa ta và hai con mắt trí tuệ của ta mới được mở ra để soi vào đến tận bên trong tâm hồn, nơi đó ta mới thấy được sự thật".

Lời thoại ấy theo suốt đời tôi, giúp cho tôi cái nhìn về con người. Cảm ơn Anh !

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,

NXB Hội Nhà văn, 2004

NGUYỄN ĐÌNH THI NGƯỜI TRẺ MÃI KHÔNG GIÀ

ĐẶNG NHẬT MINH

Có một người tuổi dã giàn tám mươi nhưng khi gặp mọi người đều gọi bằng anh, đó là anh Nguyễn Đình Thi. Bởi vì trong mắt họ anh mãi mãi là một chàng trai của "Hà Nội vùng đứng lên" một mùa thu năm nào.

Đối với tôi, anh Nguyễn Đình Thi không chỉ là một nhà văn (mặc dầu hồi học phổ thông tôi đã mê mải đọc *Xung kích*, thuộc lòng những bài thơ và say sưa hát những ca khúc của anh). Tên tuổi anh gắn liền với một lớp người trai trẻ của một thời, với bầu máu nóng sục sôi chảy trong huyết quản, có kiến thức văn hoá uyên bác, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn, đầy hào hùng, hào hoa và lãng mạn. Có thể nói, đối với nhiều người trong giới trẻ thành thị, những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đình Thi là một thần tượng như Che Ghevara của Cuba trong những thập kỷ sáu mươi (thế kỷ XX) đối với thanh niên châu Mỹ Latinh.

Tôi đã gặp thần tượng của mình lần đầu vào năm 1951 khi đang học tại Trường Thiếu nhi Việt Nam bên Quế Lâm, Trung Quốc. Đến nay, trong ký ức tôi vẫn nhớ như in hình ảnh của một thanh niên tuấn tú hầm ẽn mà ngài, đầu đội mũ calô, mặc áo trán thù với những ô trán quà trám, thắt lưng da to bản, chân đi giày da cao cổ. Cái dáng vẻ vừa hiên ngang vừa khiêm nhường, đầy hào hùng và lãng mạn ấy đã hút hồn tôi cho đến tận bây giờ. Thú thực sau này khi bắt tay vào làm phim *Hà Nội – mùa đông 46* hình ảnh ấy vẫn theo tôi suốt trong những ngày làm phim và trong đầu tôi lúc nào cũng thì thầm hai câu thơ của anh :

*Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy...*

Hồi đó ở Trường Thiếu nhi Việt Nam, học sinh chúng tôi học giảng văn theo giáo trình do các thầy cô (thuộc tầng lớp tiểu tư sản đi theo kháng chiến) tự biên soạn lấy. Đó là những áng văn thơ cho đến nay vẫn còn rung động trái tim chúng tôi mỗi khi nhắc đến. Trước tiên phải kể đến những câu thơ bắt hụt của Nguyễn Đình Thi trong bài *Đất nước*:

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát
Những nẻo đường bút ngát
Những dòng sông đỗ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.*

Rồi :

*Bao giờ về bên kia sông Đuống
Ta lại tìm em
Em mặc áo trắng, em thắt lụa hồng
Em đi trẩy hội non sông
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh...*

của Hoàng Cầm, hay :

*Đôi mắt người Sơn Tây
U uẩn chiêu lưu lạc
Buồn viễn xứ khôn nguôi*

của Quang Dũng cùng những tuỳ bút hào sảng trữ tình của Thép Mới và cả của nhà văn Nga Ilya Erenbourg viết trong chiến tranh Vệ quốc ở Liên Xô do Thép Mới dịch sang tiếng Việt.

Văn chương hồi đó chưa biết lên gân và lòng yêu nước của chúng tôi được hun đúc từ những áng văn thơ ấy, nó thấm vào máu thịt để rồi lắng lại như một chất keo gắn liền cuộc đời chúng tôi với số phận đất nước.

Nguyễn Đình Thi không những là một nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nhà soạn kịch mà còn là một nhà điện ảnh. Cùng với các đạo diễn

Phạm Văn Khoa, Mai Lộc, anh đã từng sát cánh cùng nhà quay phim Roman Kermen từ những ngày đầu để làm nên bộ phim tài liệu mà dài đầu tiên của điện ảnh Việt Nam : *Việt Nam trên đường thắng lợi*.

Ngày 2 - 9 - 1955, khi đang học tiếng Nga ở Mátxcơva, tôi may mắn được dự buổi chiếu ra mắt bộ phim trên. Trước hàng nghìn cử tọa tại Cung Hữu Nghị Mátxcơva, Roman Karmen đã kể về những ngày làm phim của mình ở Việt Nam, rồi trân trọng giới thiệu Nguyễn Đình Thi như một nhà văn, một sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, với những lời lẽ ưu ái nhất. Khi Nguyễn Đình Thi phát biểu xong, dột nhiên Karmen xông lên micro : Xin lỗi, tôi quên giới thiệu anh Nguyễn Đình Thi còn là một nhạc sĩ nữa, rồi yêu cầu anh hát một bài. Cả cử tọa vỗ tay tán thành. Im lặng một lúc, Nguyễn Đình Thi cất lên tiếng hát : *Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây. Đây làng hồn núi sông ngàn năm...* Cả hội trường im phăng phắc, còn tôi không sao cầm được những giọt nước mắt. Anh chỉ hát nửa bài rồi thôi (chắc vì sợ quá dài) nhưng chàng ấy cũng đủ làm cho cả hội trường như vỡ tung ra bởi những tràng vỗ tay không ngớt.

Sau đó là buổi chiếu phim. Tôi nhận ra phần thuyết minh trong phim do anh viết rồi tự đọc lấy. Có thể nói đây là mẫu mực của cách viết thuyết minh cho phim tài liệu vừa dung dị, chân thật, mang tính văn hoá cao. Giọng đọc của anh cũng ấm áp lạ thường, đầy cảm xúc. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi nhìn thấy trên phim một trường đoạn dài quay tại phòng bào chế Penicilline ở Việt Bắc, có hình ảnh cha tôi, mẹ tôi, dì tôi cùng các y tá đang làm việc bên những ống nghiệm, kính hiển vi,... Tất cả đều mặc áo blouse trắng. Thú thật trong đời tôi chưa bao giờ được xem một phim tài liệu nào ấn tượng đến thế.

Vậy mà không ngờ không lâu sau tôi được sống gần huyền thoại của mình trong cùng một không gian của sân 51 Trần Hưng Đạo khi tôi làm Tổng thư ký Hội Điện ảnh Việt Nam và anh Nguyễn Đình Thi làm Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật, cấp trên trực tiếp của tôi. Lúc này anh đã trên bảy mươi tuổi, đi đứng chậm chạp, thường xuyên phải ra vào bệnh viện. Quả không ai chống lại được với sức mạnh của thời gian cho dù là vĩ nhân hay thiên tài. Nhưng không hiểu sao trong cái dáng đi chậm chạp, trong giọng nói mệt mỏi của anh ở

những cuộc họp của Đoàn Chủ tịch Liên hiệp Văn học nghệ thuật tôi vẫn nhận ra không gì che lấp được, một con người trẻ tài hoa đầy quyền rũ của một thời.

Hôm truy diệu nhà văn Nguyễn Đình Thi, sau khi đi một vòng quanh linh cữu anh, tôi đến chia buồn cùng nữ đạo diễn Tuệ Minh, người đồng nghiệp của tôi đã từng gắn bó với anh Nguyễn Đình Thi trong nhiều năm cuối đời. Chỉ Tuệ Minh nói thầm vào tai tôi : "Khi còn sống Anh Thi hay nhắc đến kỷ niệm về bác Ngữ...", tôi chợt nhớ có lần anh nói với tôi một cách tình cờ : "Tôi có nhiều kỷ niệm với ông cụ lăm...". Bỗng dì sau đó tôi cũng quên không hỏi anh xem những kỷ niệm ấy là những kỷ niệm gì, bây giờ cảm thấy ân hận. Tôi chắc hai người quen nhau từ đạo anh Thi cùng Karsten quay phim trên Việt Bắc, để rồi sau đó trở thành những người bạn và sau khi về tiếp quản Thủ đô hẳn họ còn nhiều dịp gặp nhau. Bây giờ thì họ sẽ gặp nhau ở cõi vĩnh hằng... để trò chuyện, để ôn lại những kỷ niệm cũ, để rồi...

*Dêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những huối ngày xưa vọng nói về.*

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

BÀI THƠ KHÔNG NÓI CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI VÀ MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

ĐẶNG THANH LÊ

Cũng như với tất cả mọi người, tôi biết Nguyễn Đình Thi qua hai bản nhạc nổi tiếng *Diệt phát xít* và *Người Hà Nội*, qua hàng loạt bài thơ nói về đất nước, quê hương, về cuộc sống và tình yêu... và qua những thi tứ tuyệt vời :

... *Hà Nội tươi thắm sống vui phố hè,*
Bối hồi chàng trai những đôi mắt nào...

(Người Hà Nội)

Những đêm dài hành quân nung nấu,
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu....

(Đất nước)

Tôi có thể biết về một Nguyễn Đình Thi nghiên cứu triết học, văn hoá và văn học. Nhưng tôi cũng còn được biết một Nguyễn Đình Thi họa sĩ qua bức phác họa chân dung vợ anh, chị Bùi Nữ Trâm Nguyệt Nga, người mẹ của Nguyễn Bùi Trọng Lẽ, Nguyễn Đình Chính và Nguyễn Thuỳ Như. Đó cũng là người chị gái của Bùi Nữ Nghĩa, bạn thân thiết của tôi đồng thời, theo tôi nghĩ, là hình bóng "prototype" bài thơ *Không nói* của Nguyễn Đình Thi.

Trong nghiên cứu lịch sử văn học hiện đại, trường phái Lanson đề ra phương hướng nhấn mạnh đến việc tìm hiểu tiêu sử tác giả, cụ thể là các yếu tố về nòi giống, địa điểm, thời điểm lịch sử và khảo sát văn bản để phân tích tác phẩm. Phương pháp của Lanson đã có một "sinh mệnh khoa học – nghệ thuật" phát triển lâu dài và đã khẳng định những "giá trị cổ điển" có ý nghĩa phương pháp luận của nó. Cho đến hôm nay, con đường tiếp cận tác phẩm, tác giả, trường phái, thời kỳ

văn học,... đã rộng mở, phong phú, đa dạng. Nhưng bước phát triển mới mẻ, hiện đại của hôm nay không đồng nghĩa với việc "xoá sổ" hoàn toàn những phương pháp truyền thống. Có thể nêu ý kiến nhà ngôn ngữ học và thi pháp học R. Jakobson như là một dân chứng tiêu biểu. Trong bài viết *Những vấn đề nghiên cứu văn học và ngôn ngữ học*, R. Jakobson đã hai lần nhấn mạnh đến mối quan hệ "lịch sử văn học (hay nghệ thuật) gắn bó mật thiết với hàng loạt những lĩnh vực lịch sử khác, mỗi lĩnh vực đó chứa đựng một chuỗi phức tạp các quy luật cấu trúc riêng biệt"⁽¹⁾. Đồng thời, khi đi vào lĩnh vực nghiên cứu tác phẩm thơ, R. Jakobson đã phê phán *khuynh hướng cung nhảc* của "sơ đồ lưỡng hợp" hiện thực tâm lý – hir cấu thơ ca với "mối quan hệ nhân quả máy móc" giữa thơ ca tình dục và tình dục của nhà thơ. Tác giả đã nêu lên và đi sâu phân tích sự khác biệt giữa một bài thơ trữ tình và tập nhật ký của nhà thơ Macha, người mở đầu cho quá trình hiện đại hóa văn học Tiệp Khắc. Đi tìm mối quan hệ giữa tiểu sử và sáng tác của nhà thơ, Jakobson đã nhắc đến "nguyên mẫu" đã tạo nên nguồn cảm hứng của bài thơ *Anh nhớ mãi phút giây huyền diệu* của Pouchkine và phát hiện : "Lúc tuổi già của mình, Tolstoi đã phản nộ vì người phụ nữ được ngợi ca trong bài thơ cao quý này chính là nhân vật người ta đã tìm thấy lại trong một bức thư hơi chót nhả của Pouchkine viết cho một người bạn : ngày hôm nay, nhờ trời, tôi đã sở hữu được Anna Mikhailovna". (Jakobson chú thích thêm : lối diễn đạt trong bản gốc còn "triệt để" hơn nhiều)⁽²⁾.

Như vậy tìm về hình bóng nguyên mẫu bài thơ *Không nói* với những nghịch lý trong tính cách và số phận "nhân vật" là một con đường cho phép chúng ta tiếp cận cảm hứng sáng tác đa dạng, sinh động của Nguyễn Đình Thi.

Về một nghịch lý trong tình bạn

Có lẽ trong cuộc đời, tôi đã có hạnh phúc được "cung bằng hữu" tốt đẹp. "Quý đạo bạn thân" của tôi cũng nằm trong quy luật chung : những "típ" đồng điệu tính cách và những "típ" cá tính khác biệt, có khi là đối lập. Bùi Nữ Nghĩa là bạn thân thuộc loại thứ hai của tôi.

(1) R. Jakobson, *Những vấn đề thi pháp* (Questión de poetique). Bản dịch tiếng Pháp, NXB Seuil – Paris, 1973, tr. 56.

(2) R. Jakobson, *Thơ là gì*, Sđd, tr. 118.

Vào những năm 1945, 1946, nhi đồng và thiếu niên Hà Nội đã có những sinh hoạt tập thể nào nức vượt ra ngoài phạm vi gia đình và học đường. Chúng tôi được tập hợp trong các tổ chức Nhi đồng cứu quốc (NĐCQ) và Thiếu niên tiền phong (TNTP). Tôi tham gia đội thiếu nữ tiền phong thuộc Đội TNTP Trung ương (sau này được gọi là hai trung đội thiếu nữ tiền phong Lê Hồng Phong và Phạm Hồng Thái và một trung đội nam thiếu niên tiền phong Nguyễn Huệ, trong đó thiếu tướng nhà văn Hồ Phương là đội viên). Tổ chức NĐCQ và TNTP đã đem lại cho chúng tôi cuộc sống vô cùng sôi nổi tươi đẹp của một thời niên thiếu. Chúng tôi được tập hát, tập múa, đi cắm trại, đi cổ động bầu cử Quốc hội đầu tiên, đi cổ động Tuần lễ vàng... Hai trung đội chúng tôi còn có đồng phục khá sáng sủa : quần áo và mũ calô màu cỏ úa, áo sơ mi trắng. Khi chúng tôi đi diễu hành, chiếc huy hiệu có sao vàng trên mũ và phù hiệu TNTP trên vai làm bừng sáng đội hình. Có một lần đi qua phố Tràng Tiền gặp một đoàn thuỷ binh Pháp đang dừng tại đây, tôi đã nghe một trong những thuỷ binh đó kêu lên : *Ah ! Voici les aviatrices d' Annam* (Ôi ! Đây là những nữ phi công Việt Nam). Và chính ở bộ đồng phục này thì Nghĩa khác hẳn chúng tôi. Quần áo của Nghĩa may bằng loại kaki thông thường, áo cũng có vẻ "sang" hơn. Đặc biệt, Nghĩa có một cái xanh tuya cực élégante (sang trọng) : nó to bản gấp đôi của chúng tôi và bằng thứ da như của giấy peaudedaim (giấy da hoẵng) màu xanh lam xám chứ không phải bằng da nhẵn bình thường. Nghĩa còn là một trong những người ít ỏi đã uốn tóc theo *húp quăn kiểu Anh*. Hồi đó, phần lớn chúng tôi cắt tóc ngắn xoã vai hoặc cạo đuôi ngựa. Nếu nói về dáng, về dung nhan thì cũng có một số bạn khác cũng xinh như Nghĩa nhưng vì bộ đồng phục đó nên trông Nghĩa nổi bật hẳn lên. Cùng xấp xỉ một lứa tuổi, trong khi chúng tôi còn đang ở giai đoạn cuối cùng của "cái tuổi lộc ngọc" thì dường như Nghĩa đã trở thành một thiếu nữ. Quần áo là phẳng phiu, đầu tóc chải mượt, nón nơng chậm rãi, dịu dàng. Và đôi mắt nhiều khi đã mơ màng như một số chị lớn... Có thể nói Nghĩa đã đi vào thế giới của những tâm tưởng nửa trẻ thơ nửa trưởng thành...

Nghĩa hay đến nhà rủ tôi đi họp hoặc đem theo cháu Nguyễn Bùi Trọng Lê đến chơi vào những hôm không có buổi họp. Tôi khen cháu Nghĩa xinh, Nghĩa liền khoe với tôi : "Chị Thi tú đẹp lắm ! Anh Thi vẽ chị

trên một cái quạt. Đẹp lắm !". Và một hôm, Nghĩa rủ tôi đến nhà chơi để xem cái quạt ! Hôm đó là lần đầu tiên và lần duy nhất tôi nhìn thấy người vợ đầu của anh Thi. Trong ký ức của tôi, chị mặc một bộ quần áo trong nhà màu vàng nhạt (hồi đó gọi là màu hoàng yến hoặc màu mỡ gà), tóc búi, khuôn mặt tròn (khác Nghĩa có khuôn mặt thanh và mũi rất thẳng), mắt to, đường nét dịu dàng. Ảnh tượng mơ hồ của tôi là chị không thuộc mẫu người phụ nữ "vui vẻ trẻ trung", có phong cách bạo dạn "hơi Tây" của những người bạn của chị cả tôi. Có thể vì chị Thi thuộc một thế hệ những cô gái "trưởng rủ màn che" và không theo học lên bậc cao "Tây học" hồi ấy. Tôi có nhìn qua bức quạt vẽ chân dung chị treo trên tường và cảm thấy không để tại đó nhưng niềm ngưỡng mộ của Nghĩa đối với vẻ đẹp của người chị và bức phác họa chân dung của người anh rể là điều tôi thường hay nhớ lại trong thời gian tôi chia tay Nghĩa và bạn bè đi tản cư về Thanh Hoá.

Về nghịch lý tính cách – số phận của những cô bé thiếu nữ tiền phong chúng tôi

Như đã nói ở trên, Nghĩa thuộc "típ" sớm "người lớn" trong nhân cách, tuy cũng hay dỗi như "lũ con gái" chúng tôi nhưng không "hết toáng lên" khi trò chuyện và dường như chưa bao giờ tôi thấy Nghĩa "gặp đôi người lại mà cười" như đa số chúng tôi khi chế giễu cười đùa nhau. Tuy nhiên, Nghĩa đi sinh hoạt đội đều và cũng như tất cả, thích tiêu đội của mình được nổi bật.

Những trung đội chúng tôi được chia thành các tiểu đội trưởng (lựa chọn ở những người sinh khoảng năm 1930). Tôi thuộc loại hai (sinh năm 1932) – chỉ được "đè bạt" làm tiểu đội phó. Tiểu đội trưởng là Trần Thị Thực Nga, cũng thuộc "típ" thiếu nữ "người lớn" : chín chắn, điềm đạm. Có những sinh hoạt như đi cắm trại ở ngoại thành, đi giao lưu với thiếu nữ tiền phong thị xã Phúc Yên,... thì gia đình không cho Nga đi. Những lúc đó, tôi được "nắm quyền chỉ huy" tiểu đội. Tất cả đội viên đều mong tiểu đội được giải nhất nhì trong cuộc thi lều trại – tóm lại là mọi người đều hăng hái. Tôi cũng vào loại "có khả năng tổ chức" nên lều trại của chúng tôi có thể xếp vào loại đẹp nhất. Cũng do một điều kiện mà các tiểu đội khác không thể có : Nghĩa hứa và đã đem đi một cái "tente" loại sang, nói theo ngôn từ bây giờ là "xịn" :

vì bạt dây và mội màu gì đó rất đẹp. Khi Ban phụ trách đến, chúng tôi trình diễn nghi thức cũng rất "oách" : tiểu đội phó hô đồng dạc, các đội viên rầm rắp đúng tiêu chuẩn các động tác – hát to và đều. Nhưng đến khi tuyên bố khen thưởng, toàn tiểu đội của tôi bị cú "sốc" rất mạnh : chúng tôi không được xếp vào loại nhất, nhì, ba ! Hình như có được "khen một mạt" là lều trại đẹp. Ấy là do tiểu đội của tôi và người chỉ huy của nó chỉ lo hình thức trình diễn (lều đẹp – nghi thức chuẩn) mà không lo đến "phản hồi" tức là sự đoàn kết – yếu tố cơ bản của tinh thần đồng đội. "Lũ chúng tôi" đã được giáo dục và thực sự đã có ý thức và tình cảm tập thể nhưng chúng tôi "là thiếu nữ nhóc con" mà khuyết điểm dễ mắc nhất là hay "òn thót đưa chuyện" và hay hờn dỗi. Như đã nói ở trên, Nghĩa đòn dáng, "điệu" và "hay dỗi". Trong tiểu đội có Hoà, một cô bé tóc xoã, mắt trong và môi mỏng "hay hớt" và cũng "hay hờn". Hoà giản dị, bình dân và thường không thích thói "tiểu thư cảnh vẻ" của Nghĩa. Thường chỉ gặp nhau có thì, có buổi, nay ở bên nhau cả một ngày cắm trại – ấy là cảnh khoé, mát mẻ xảy ra. Dụng xong lều trại, hai chị hai nơi, kẻ xịu mặt, người dân dân nước mắt... Chả hiểu ai "ton hót" mà Ban phụ trách biết được. Cũng có thể là dư âm dư ảnh đã hiển hiện trên vẻ mặt khi toàn tiểu đội thực hiện nghi thức. Và như để chứng minh sự chính xác của việc xếp loại, lúc nhỏ lều hạ trại, chúng tôi chỉ chiết hai kẻ tội phạm và lại cãi nhau inh ỏi !

Như vậy, tôi thân với Nghĩa trước hết có thể vì những điểm khác nhau. Ở đây lại cũng xuất hiện sự đa dạng của cuộc đời. Đội thiếu niên tiên phong của chúng tôi rất đa dạng về tính cách. Trong thái độ đối với công việc tập thể, một số bạn trong đó có Kim Thanh, Tâm Kính, Kim Tuyến,... thuộc loại nhiệt tình, nhanh nhẹn, chủ động tham gia. Còn Nghĩa thuộc loại e dè, thụ động hơn. Cho nên sau này, khi đang đi học tại vùng tàn cư Thanh Hoá, tôi hết sức ngạc nhiên khi nghe tin Nghĩa đã trở thành một liên lạc viên quân đội, đã trèo đèo, lội suối, đã chịu đựng những cơn sốt rét rùng... Và tôi có thể tưởng tượng được hình bóng mảnh mai yếu ớt của Nghĩa trên đường đi công tác :

Dừng chân trong mưa bay

Ướt đậm mái tóc...

... Em

Bóng nhỏ

Đường láy

Hồi đó, khi Hà Nội bắt đầu chuẩn bị cho cuộc chiến, tuyệt đại đa số nam nữ thiếu niên tiền phong chúng tôi đều mơ ước được ở lại "chiến đấu"... Cuộc sống tự do, tươi đẹp sau biển cõi trọng đại "Một mùa thu năm qua cách mạng tiến ra" và những hành khúc cách mạng của Lưu Hữu Phước, của Văn Cao, của Nguyễn Đình Thi... lôi cuốn chúng tôi. Bây giờ nhớ lại có những lời ca hồi đó còn khá nhiều màu sắc "đại ngôn tráng ngữ", lăng mạn vô bờ bến... như hai đoạn trong bài *Không quân Việt Nam* của Văn Cao :

... Giờ đoàn người tung vược qua biên giới quyết chiến thắng
Di không ai tìm xác rơi (?)
... Tu là đoàn chim bay trên cao xanh
Khi nhìn qua khói những kinh thành tan (!)

Vì được coi là "Đội xung kích", chúng tôi những tƣờng minh sẽ trở thành "chiến sĩ". Vào một buổi tối mùa đông, chúng tôi được Thành đoàn Hà Nội triệu tập đến một ngôi nhà, theo tôi nhớ thuộc phố Bà Triệu. Có cả nam lẫn nữ nhưng tôi chỉ còn nhớ tên những bạn : Trần Thục Nga, Đặng Thị Hạnh (là những người chín chắn, chắc chắn), Tâm Kính, Kim Thanh và tôi (loại hăng hái nhiệt tình) trong Đội. Một anh thanh niên có gương mặt kiểu chiến sĩ anh hùng "lạnh lùng vung gươm ra sa trường" (trước Cách mạng tháng Tám, nữ học sinh Hà Nội thích cái fleg – phớt dời của bọn con trai và từ sau Cách mạng, thì tiến hơn một bước, thích cái vẻ "lạnh như tien" của họ) là chúng tôi vừa phục vụ sơ. Sau những lời mờ đàu, anh nói chúng tôi được đứng dưới cờ nghe đọc năm lời thề, sau khi anh đọc một câu, chúng tôi giơ tay xin thề. Tôi chỉ nhớ hai câu đầu vì đó cũng là hai câu ấn tượng nhất.

1. Sẵn sàng lìa bỏ gia đình

2. Đợi giờ xung phong giết giặc !

Nhưng chung cục thật là "thảm kịch" : trừ một vài người, còn tuyệt đại đa số thiếu nữ tiền phong, theo chủ trương của lãnh đạo, bị gia đình "tóm" đi tản cư về hậu phương an toàn và vào học tại các trường trung học ở các tỉnh. Chúng tôi vô cùng tuyệt vọng. Có lẽ hầu hết đã sướt muướt khóc khi phải đi tản cư với gia đình, không thể nào có được viễn ảnh huy hoàng "đợi giờ xung phong giết giặc"... Riêng tôi, tôi đã có tiến hành "đấu tranh nội bộ" trong gia đình (có nghĩa là "trứng chọi

dá" bởi cái tuổi mười bốn của tôi phải chơi lại số tuổi của bố mẹ cộng với số tuổi của các chú bác, anh chị trong nhà). Năm đó, ba tôi được phân ngôi nhà là nhà cũ của Hiệu trưởng trường Hàng Bài ở 32 Lý Thường Kiệt. Theo dõi, nghe ngóng, tôi được biết bố mẹ tôi rất đồng ý với một vị "huynh trưởng" trong họ, có nghĩa là trừ chị cả tôi, tất cả "trẻ con" sẽ bị tóm cổ đi vào Thanh Hoá. Tôi làm đầu trò chỉ huy em gái thứ tư lấy những tờ giấy cắt nhỏ và dài ghi câu "Đả đảo Nguyễn Văn A. can thiệp vào nội bộ nhà 32 Lý Thường Kiệt". Câu này có nguồn gốc "cầm hứng" từ những biểu ngữ dán la liệt ở thân cây, tường đá, đường phố hồi đó : "Đả đảo phái bộ Anh can thiệp vào nội bộ miền Nam". Buổi chiều, vị huynh trưởng đó đến và động tố nổ ra. Là sĩ quan quân đội nhưng cũng chỉ mới trong ngoài ba mươi tuổi, vốn bản chất nhiệt tình, và có thể vì "quyền huynh" bị xúc phạm, lại con nhà võ, anh đỗ bùng cả mặt và mắng : "Là Lê đó phải không ? Anh bắn đi đó !". Số ít, tức nhiều, tôi oà khóc và bỏ chạy ra sân ! Chấm dứt giấc mộng anh hùng từ đó !

Tóm lại, đại đa số những thiếu nữ tiền phong thuộc "Đội xung kích" thì đi tản cư, còn cô tiểu thư "điệu rơi điệu rụng" hăng háng lại trở thành nữ liên lạc viên quân đội. Cô là em và là đồng chí nhỏ của anh rể và anh trai và những người chiến sĩ vệ quốc quân khác... Sau này, hai con trai và con dâu con rể của anh Thi cũng đều đứng trong quân ngũ. Có thể gọi đây là một gia đình văn nghệ sĩ – quân nhân. Còn trong tôi, hình ảnh "Em – Bóng nhỏ - Đường láy..." dường như vẫn mãi mãi khắc bộ đồng phục và chiếc mũ calô sang trọng của Hà Nội một mùa thu xưa...

Sau hoà bình lập lại, có thời gian gia đình tôi là hàng xóm của Nguyễn Bùi Trọng Lê. Bà ngoại của Lê thỉnh thoảng về chơi thăm cháu ở đó. Khi biết tôi là bạn cũ của Nghĩa, cụ đã kể với tôi với nỗi niềm xót thương cô con gái nhỏ : nó đi công tác, có những lần lên cơn sốt ác liệt – óm liệt giường – khoẻ, lại đi công tác. Tôi nghiệp, nó chăm lo, gom góp từng cái áo, cái quần được phát, từng mảnh vải dù đem về may mặc cho các cháu... Và tôi chợt hiểu, tự chiêu sâu của tâm hồn, người bạn "tiểu thư Hà Nội" của tôi cũng mang trong tâm hồn lý tưởng và nhiệt tình cách mạng của một thời, khi cuộc sống mới đã giúp chúng tôi cảm xúc mãnh liệt với hai câu thơ của Tố Hữu – mặc dù lúc ấy chúng tôi chỉ là những cô bé mười bốn, mười lăm :

... Từ áy trong tôi hùng náng hạ
Mặt trời chán lý chói qua tim...

Trở về với hình bóng người bạn của một thời niên thiếu, dường như tôi đã cảm nhận thiết tha và sâu sắc hơn về hình tượng một nhân chứng lịch sử bé nhỏ và nên thơ trong mối quan hệ với một thời đại sử thi hoành tráng... Bởi có thể đi tìm căn nguyên của những nghịch lý qua những hình tượng nghệ thuật về đất nước và những con người của "một thời để nhớ". Lúc đó, dù còn là những công dân niên thiếu, trong đó có những thiếu nữ đã từng "sống trong nhung lụa", chúng tôi đã cảm nhận bằng tất cả cảm hứng của tâm hồn những thông điệp thẩm mỹ của nhiều nhà văn nghệ sĩ thời đại trong đó có Nguyễn Đình Thi. Bằng trí tuệ, tâm hồn và rất mực tài hoa, anh đã khắc họa trước mắt chúng ta sự tương phản giữa đêm đen và ban mai :

... Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Đây thép gai đâm nát trời chiều
... Sáng mát trong như sáng năm xưa.

"Thi trung hữu hoạ" là thơ của anh :

Chiều mờ dấu hút
Em
Bóng nhỏ
Đường lầy.

Đó là bức tranh của một cuộc sinh ly "Trong chặng nói có bao nhiêu biệt lệ" (Nguyễn Công Trứ). Trên nền không gian xa mờ và thời gian huyền ảo, dường như hình bóng nhỏ bé ấy vẫn nổi bật, nó xoáy sâu vào tâm can con người nhiều nỗi niềm thương cảm. Và bức chân dung (có thể là bức họa duy nhất của đời anh) tôi thoáng thấy năm xưa, đã vẽ ra trước mắt chúng tôi về những tình cảm riêng tư sâu sắc và trung hậu của anh... Prototype Bùi Nữ Nghĩa là một thời và là của riêng bạn, có thiếu nữ Hà Nội thể hiện được những nghịch lý của cuộc đời.

Trong lời đề từ bài viết đã nói trên, R. Jakobson đã trích dẫn ý kiến của một nhà thơ và một nhà phê bình văn học đề cập đến "thơ đích thực" chứa đựng "những tương phản" trong đó ẩn giấu "những tương đồng sâu kín" và "sự hài hoà này sinh từ những sự tương phản, tất cả thế giới đều được tạo thành bởi những yếu tố đối lập". Từ đó tác giả

Thơ là gì nhán mạnh đến sự cần thiết quan tâm đến "những khái niệm biện chứng", đến ý nghĩa giá trị nghệ thuật của "tính luồng hợp hai mặt" trong cảm hứng sáng tác của nhà thơ... Bởi đó chính là chân lý, là quy luật khi chúng ta nhận thức rằng trong cuộc sống – theo quan niệm và cách diễn đạt của M.B. Khrápchenkô – quy luật nhiều khi xuất hiện dưới "hình thức nghịch lý"⁽¹⁾.

Và có thể nói tình yêu là một trong những *vương quốc* phong phú phức tạp nhất thể hiện nghịch lí của cuộc đời. Ai có thể dám chắc trái tim con người – trong những khoảnh khắc nào đó đã không rơi vào "loạn nhịp". Nói như một người bạn thuở thiếu thời của ba tôi, ông Phan Nhuận, một Việt kiều nổi tiếng ở Pari : "Mất chục năm nay, tôi nghiệm ra rằng : cái verbe "aimer" (động từ "yêu") ấy khó chia lăm"⁽²⁾. Và Nguyễn Đình Thi trước khi từ giã cõi đời cũng đã viết nên những câu thơ thể hiện khí chất trầm tư sâu sắc của anh :

... Không dám nói mình đã biết yêu
Không dám nói mình đã biết sống.

Anh đã rất chân thành và khiêm tốn, nhưng chúng ta có thể khẳng định anh đã sống một cuộc đời vô cùng sinh động dẹp đẽ.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

(1) M.B. Khrápchenkô, *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Bản dịch của Lê Sơn, NXB Tác phẩm mới, H., 1978, tr. 181.

(2) Đặng Thai Mai, *Hồi ký*, NXB Tác phẩm mới, H., 1989, tr. 244.

TƯỞNG NHỚ NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI

HÀ MINH ĐỨC

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Đình Thi nổi lên với tư cách một nhà văn cách mạng, sung sức, giàu hoài bão và năng lực sáng tạo. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, Nguyễn Đình Thi cùng với một thế hệ những nhà văn cách mạng như Tô Hoài, Nam Cao, Trần Đăng hăng hái "nhận đường", cầm súng, cầm bút chiến đấu. "Văn nghệ phụng sự chiến đấu nhưng chính chiến đấu đem đến cho văn nghệ một sức sống mới, sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta" (Nguyễn Đình Thi). Sau chiến dịch Thu đông Việt Bắc, Nguyễn Đình Thi có những bài thơ hay giàu cảm xúc về đất nước và người chiến sĩ. Tập thơ *Người chiến sĩ* ngoài giá trị về nội dung còn mở ra một quan niệm, một cách biểu hiện mới của thơ. Nguyễn Đình Thi tôn trọng nhưng không lệ thuộc vào truyền thống. Cuộc tranh luận về thơ Nguyễn Đình Thi ở Việt Bắc đã nói lên tinh thần tìm tòi và đổi mới của Nguyễn Đình Thi trong thơ. Đi chiến dịch Trung du, ông viết *Xung kích*, những trang văn xuôi buổi đầu của nền văn xuôi cách mạng mang nội dung và giọng điệu mới. Nguyễn Đình Thi là một nhà văn nhạy cảm và luôn có mặt trong dòng thời cuộc của dân tộc. Những năm chống Mỹ cứu nước, ông lại đến với chiến trường. *Vào lửa, Mặt trận trên cao* là những trang viết nóng hổi hơi lửa thời sự trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc. Và xa hơn, tác giả lại đến với chiến trường xa, đi dọc Trường Sơn rồi đến với những miền quê Nam Bộ, *Buổi chiều Vầm Cỏ, Lá đỏ Trường Sơn*,... là những cảm nhận chân thực và hình ảnh cụ thể của cuộc sống ở chiến trường. Lúc này chiến tranh đang ở vào những ngày ác liệt nhất. Cuộc sống của con người cũng như thiên nhiên đang bị huỷ diệt. Sự tương phản giữa cái thiện và cái ác căng lên qua các câu thơ. Đến với cuộc đời thực ông khao khát trong văn chương sự kết hợp giữa cái thực và mơ ước. Tác giả luôn nghĩ đến cái đích đi tới của mỗi cảnh đời, mỗi nhân vật.

Cảm hứng tượng lai in đậm qua trang viết. Gắn bó với cuộc đời mới, với quần chúng lao động, tâm hồn người nghệ sĩ cởi mở, lạc quan, dễ chia sẻ với mọi người.

Nguyễn Đình Thi là một nhân cách có bản lĩnh văn hoá. Đến với triết học phương Tây từ khi còn trên ghế nhà trường, Nguyễn Đình Thi hiểu rõ những trào lưu tư tưởng với những đối cực và màu sắc khác nhau. Trong nhiều tác phẩm văn chương ông lấy gốc văn hoá làm điểm xuất phát, những vấn đề văn hoá là trung tâm luận bàn, những giá trị văn hoá làm chuẩn mực đánh giá. Chính ưu điểm đó góp phần xác định tiếng nói riêng của Nguyễn Đình Thi trong sáng tạo văn nghệ. Với định hướng tìm tòi sáng tạo trên, Nguyễn Đình Thi luôn đề cao giá trị nhân bản của văn chương. Có sự gắn bó tự bên trong giữa lý tưởng và hành vi cách mạng với chủ nghĩa nhân đạo, mỗi tác phẩm trong thời kỳ hiện đại với những biến động và xung đột về tư tưởng phải dựa vào chuẩn mực lớn về tính dân tộc và chủ nghĩa nhân đạo. Khai thác đề tài lịch sử, đề tài trước cách mạng, Nguyễn Đình Thi cũng đã viết với tinh thần trên. Bộ tiểu thuyết *Võ bờ khai quát* được lịch sử trong những tháng năm nhiều gian truân thử thách. Số phận các nhân vật ở nông thôn, thành thị liên kết với nhau vì mục đích chung cứu nước, cứu nhà. Chất sử thi thấm đượm trong nhiều cảnh ngộ và cuộc đời gân guốc.

Hơn nửa thế kỷ qua ông đã đóng góp nhiều tác phẩm có giá trị, từ thơ ca, lý luận, văn xuôi, âm nhạc cho nền văn nghệ dân tộc. Có một phong cách và giọng điệu Nguyễn Đình Thi qua văn chương. Ông là nhà văn của thời cuộc, luôn có mặt và nhiệt tình tham gia vào những sự kiện chính trị của đất nước. Ông cũng là người viết say mê khám phá những giá trị tinh thần ổn định, bền vững của dân tộc.

Hai công việc đó không phải bao giờ cũng kết hợp thuận chiều. Ông đã vượt lên những trở ngại, chủ động trong sáng tạo và đạt hiệu quả. Ông ra đi để lại bao tiếc thương cho gia đình, bạn bè. Cuộc đời nào khép lại cũng có phần dang dở của những dự định, những công việc chưa xong. Như một dự báo, trong bài thơ *Gửi các bạn mai sau* viết vào dịp đầu xuân, Nguyễn Đình Thi đã chán thành tâm sự với thế hệ mai sau và cũng chính là lời tự bạch :

*Các bạn sẽ đến mai sau
Mong hiểu cho chúng tôi
Rất nhiều công việc chưa làm kịp
Và cũng nhiều điều chưa nói kịp
Chúng tôi đã vất và suýt đói...*

Sự vất và gian nan không phải riêng ai mà là của một thời đại, một dân tộc đặt trên vai mỗi người trong trách nhiệm cứu nước, giữ nước, để đạt được ước mơ cao đẹp nhất và cũng bình dị nhất là tự do cho mỗi cuộc đời. Cũng bình dị như quan niệm của Ông về hạnh phúc "Hạnh phúc chúng ta là không nô lệ – Phải không em là sống có tình thương". Ông muốn nói cái cốt lõi của vấn đề, của một thời điểm lịch sử mà bên trong không khỏi có âm hưởng xót xa. Với riêng mình, sinh thời Ông vẫn mơ ước viết và phải viết xong cuốn tiểu thuyết về chiến dịch Điện Biên Phủ, chiến thắng lớn của dân tộc mà Ông đã vinh dự có mặt. Năm tháng qua đi và Ông chưa thể làm xong. Một ước mơ nữa mà Ông thường luận bàn với bạn bè là tìm tòi những giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc Việt Nam ẩn sâu qua những câu chuyện dân gian, thần tích, câu ca, lễ hội, danh lam thắng cảnh. Ông đã làm được một phần công việc và tất cả còn ở phía trước. Mọi người sẽ tiếp tục công việc của Ông và luôn nhớ mãi lời thơ chân tình của Ông, tiếng nói của một thế hệ có nhiều đóng góp :

*Một đời khi nhìn xanh tươi non nước
Các bạn sẽ nhớ đến chúng tôi.*

*Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004*

NGUYỄN ĐÌNH THI VÀ LỜI VĨNH BIỆT MÙA THU

ĐẶNG ANH ĐÀO

Đối với tôi, ấn tượng về Nguyễn Đình Thi gần như không phải là về một nhà văn, càng không phải là Võ bờ. Nguyễn Đình Thi với tôi, trước hết là những mảnh vở lấp lánh của ký ức về tuổi thơ, về Cách mạng tháng Tám, về nắng thu vàng và những cơn mưa rào đột ngột chỉ có vào những năm 1945 – 1946 ở Hà Nội.

Tôi hát bài *Diệt phát xít* khi đường phố Hà Nội tràn ngập những lá cờ đỏ sao vàng, cờ to, cờ nhỏ cầm tay trong các đoàn biểu tình, mít tinh. Tôi gào lên : "Việt Nam ! Ôi đất Việt yêu dấu ngàn năm" bởi vì khúc hát ấy được phóng to hết cỡ qua lồng ngực của đoàn người sôi sục, cùng với những cái loa phát thanh mới xuất hiện sau cách mạng. Bao giờ cũng thế, sau bài *Diệt phát xít*, lập tức bài tiếp liền theo là *Bao chiến sĩ anh hùng*. Rất lâu sau này tôi mới để ý đến tên và tác giả của bài hát, bài trước là của Nguyễn Đình Thi, bài sau là bài *Chiến sĩ* của Văn Cao. Còn bây giờ, tôi hát như một cuộn băng, một *xiđi*, bài nọ liền bài kia. Và rất ngạc nhiên khi biết hai bài ấy là của hai tác giả khác nhau ! Để rồi cho tới bây giờ, phải lục mãi trí nhớ mới moi ra tên những bài hát ấy. Âu đó cũng là hạnh phúc của Nguyễn Đình Thi, của Văn Cao : ca khúc của họ là cả một thời đại. Người ta từng phát hiện ra rằng, không gì đánh thức dậy ký ức mãnh liệt hơn là một câu hát, một mùi hương. Những bài hát trên khiến tôi thể nghiệm điều đó sâu sắc hơn ai hết.

Trong ngôi nhà số 32 Lý Thường Kiệt mà tôi từng nhắc đến nhiều lần, trên buynarò của ba tôi – ba tôi là một người lợn xộn hiếm thấy – vương vãi đầy những cuốn sách của Nguyễn Tuân bằng giấy lụa gió mới tặng năm 1945, tiểu thuyết Pháp giấy thơm phức, những bản nhạc in hai tên : Nhạc Lưu Hữu Phước – lời Huỳnh Văn Tiêng. Đó là những

bài tương đối cổ điển mới in lại trong những ngày cách mạng. Có lẽ vậy, nền giấy in rất sang, tên bản nhạc in chữ dát kim nhũ lấp lánh. Có những bản còn tươi ròng không khí cách mạng, mới ra lò, những bản nhạc như *Điệt phát xít* thì in trên một nền giấy khiêm tốn hơn. Đây là vào mùa thu của những năm 1945, 1946.

Vậy mà theo một mẫu hồi ký của Nguyễn Đình Thi viết, nhân dịp kỷ niệm mươi năm ba tôi mất, thì vào năm 1943, lúc mới mươi chín tuổi, Nguyễn Đình Thi "một buổi chiều (đã) tìm đến căn nhà ở phố nhỏ yên tĩnh, bên ven phía bắc hồ Trúc Bạch". Với tôi, thật đáng tiếc. Bây giờ tôi còn nhớ như in ngôi nhà 54A, ngõ Chúc Lạc của ba tôi lúc ấy, nhớ cả những ô cửa kính ánh sáng chiếu vào lấp lánh như kính vạn hoa, vậy mà bây giờ tôi không hề biết rằng Nguyễn Đình Thi (lúc ấy đã xuất bản cuốn *Triết học Descartes*) đã tới nhà mình một chiều nào đó. Nhưng ký ức của nhà văn ngẫu nhiên đã ghi lại một nét rất nhỏ về ngôi nhà, nhưng thật trùng hợp với ký ức của tôi, một đứa trẻ chín tuổi. Ông đã ghi lại sau này, vào năm 1992 : "Ngày nay, gần 50 năm đã qua, nghĩ lại về cuộc gặp ấy, tôi chỉ còn nhớ được phảng phất như có một vệt nắng vàng nhạt qua cửa sổ, cùng nghe những lời từ tốn điểm nhiều nụ cười của anh Mai hôm ấy, khi anh trao đổi nhận xét với tôi về một số sách báo đương thời"... Sau cách mạng, cũng như nhiều văn nghệ sĩ khác, gương mặt trẻ trung và tươi cười của họ xuất hiện ở ngôi nhà phố Lý Thường Kiệt của ba tôi. Hồi ôi, một đứa trẻ như tôi bấy giờ thiếu gì chuyện vui, để quan tâm tới họ ?

Thế mà vào những ngày sau Cách mạng tháng Tám 1945, mới hai mốt tuổi, Nguyễn Đình Thi đã là một nhân vật đầy sức cuốn hút của cách mạng. Chị Hạnh, chị thứ hai của tôi, gần đây còn ghi lại một hình ảnh có một không hai của Nguyễn Đình Thi vào ngày kỷ niệm một năm Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 19 - 8 - 1946. Hôm ấy nắng rực rỡ, trời đang trong xanh, đột nhiên mưa rào ập xuống. Nguyễn Đình Thi trên chiếc xe Jeep chạy xuyên qua đám người biểu tình tuần hành, Mặc cho mưa rơi. Còn tôi, tôi ghép lại thành hình ảnh của tôi. Lúc ấy, có một công thức – đó là bao giờ mít tinh xong, thì cũng có tuyên bố "Mít tinh biến thành biểu tình tuần hành". Vậy là cuộc vui còn kéo dài ! Mặc cho mưa ập xuống, bọn nhi đồng chúng tôi

chỉ có cái mũ ca lô vải, cũng chạy trong hàng ngũ hô khẩu hiệu và gào lên những bài hành khúc. Hồi ấy khí hậu tốt hơn bây giờ, không có cái kiểu mưa rào mà nóng hầm hập. Chúng tôi chẳng ai bị ốm vì dầm mưa sau một ngày nắng... Hắn là Nguyễn Đình Thi là một trong những người cầm chịch đứng trên ô tô giờ năm đầm hô "Cách mạng thành công !" và bắt nhịp cho các bài hát. Lúc bấy giờ *Tiến quân ca* chưa thành bài quốc ca bắt mọi người đứng nghiêm.

Tôi đã được nhìn thấy Nguyễn Đình Thi cận cảnh và phóng to, vào một ngày nào đó sau Cách mạng tháng Tám. Một đứa trẻ như tôi đâu có quan tâm rằng anh là một nhân vật nổi bật của cuộc cách mạng trẻ trung, và tất nhiên không thể dự đoán được rằng anh sẽ là một tên tuổi của văn chương. Ấy vậy mà tôi vẫn nhớ lần gặp ấy. Bấy giờ tôi thích vẽ. Có thể coi máu hoạ sĩ (bất thành) đã khiến tôi từ bé rất thích cái đẹp và hay để ý đến người đẹp. Không hiểu sao hôm ấy tôi lọt vào ngôi ở giảng đường Đại học Y (nay là phố Lê Thái Tổ) nghe diễn thuyết ! Diễn già : một thanh niên cao lớn hơn tầm thước của đàn ông Việt Nam thông thường, râu quai nón, hàm én, mày ngài, răng bồng lấp lánh một nụ cười và nhất là đôi mắt... Đôi mắt đen xanh và sáng màu của những đêm đẹp trời có sao báo hiệu ngày mai sẽ nắng. Diễn già nói những lời bốc lửa bằng một giọng trầm và ấm lạ thường. Trong lúc hăng say, mái tóc đen xoà xuống trán, anh lại hất lên bằng một cử chỉ rất điệu, (như chị Hạnh đã nhận xét). Song với tôi, không có hề gì. Mái tóc ấy giúp tôi hiểu thêm những câu thơ của Aragon trong bài *Cuộc đời này sẽ trôi qua*, bài thơ mà tôi sẽ (đã) dịch, hơn năm mươi năm sau :

Khi còn trẻ người ta nói với tôi rằng rồi đây sẽ tới ngày các thiên thần chiến thắng.

*A tôi đã tin, tôi đã tin biết mấy rồi nay tôi bỗng hoá già mua
Thời tuổi trẻ của con người giống như mái tóc xoã rơi
bao giờ cũng che lấp mắt....*

Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Nguyễn Đình Thi lại đến với tôi qua những bài thơ. Giản dị, nhưng có một cái gì là lạ. Tôi nhớ có ba lần ba tôi đã cho tôi xem một bài thơ viết tay (trong một cuốn sổ). Và như thường lệ đối với bài hát, đối với thơ tôi cũng không nhớ

tên bài, nhưng nhớ nhất vẫn là những câu đầu. Giờ đây, tôi chép lại bằng ký ức. Tôi nhớ lời bố trí những dòng chữ đen trên giấy trắng khá đặc đáo đối với thời ấy :

*Em
Bóng nhỏ
Đường dây*

và cả những câu sau (vẫn chép lại bằng ký ức, có thể có chỗ sai ?):

*Chúng ta như hai vì sao
Hai đầu chân trời láp lánh
Trong không gian mênh mông xa nhau
Chiều chiều sáng lên ánh sáng
Không tắt bao giờ.*

Có những nhà phê bình có thể tìm thấy ở đây hơi hướng của màu sắc "lãng mạn cách mạng" trong khuôn khổ của "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa". Còn tôi, nó lại gắn với những ấn tượng riêng tư. Bởi hai bài thơ ở cuốn sổ mà tôi đã được đọc, có một tựa đề. Tên bài thơ tôi đã quên mất nhưng câu ghi nhỏ dưới tên bài thơ thì lại nhớ : "Tặng N". Các chị tôi chơi với người con gái tên N. ấy, vì năm 1945 chị ấy cùng ở một đội Thiếu niên tiền phong. Chị N. hay bế đứa cháu nhỏ gọi bằng dù đến nhà tôi chơi, tên cháu là Nguyễn Bùi Trọng Lễ. Chị N. bấy giờ độ mười lăm mươi sáu, tóc để búp Ángle, mặt dài và thanh. Nghe đâu chị ấy chết vì một cơn sốt rét rừng, những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp và bài thơ kia để khóc người thiếu nữ chết giữa tuổi hoa.

Nguyễn Đình Thi, với tôi, là nhạc, là thơ là văn xuôi. Mỗi lần nhớ Hà Nội trong những ngày tan cư chống thực dân Pháp, và sau này trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, dắt chiếc xe đạp lọc cọc đi dạy học ở nơi sơ tán, bỏ lại ngôi nhà và có khi là cả ba đứa con trong nom nhau, trong lòng tôi lại vang lên buôn bã :

*Người ra đi dấu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy...*

Văn là mùa thu ! Buồn, nhưng rồi có những buổi sáng phải ở xa nhà, trong bom đạn, nghe thấy tiếng nhạc, tiếng của dài Hà Nội từ từ dâng lên một cảm giác trong sáng lảng lặng :

Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây !...

Sau này, tôi còn rất nhiều lần được nghe Nguyễn Đình Thi nói chuyện hoặc gặp lại ông ở ngôi nhà cuối cùng của ba tôi, phố Nguyễn Huy Tự. Song với tôi, Nguyễn Đình Thi, ấn tượng còn lại mãi mãi vẫn là ánh sáng của tuổi thơ, của Cách mạng. Những gì tiếp sau đó dường như không bồi thêm một cái gì mới.

Tháng Chạp năm 2002, ông đến dự lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà văn Đặng Thai Mai. Ông lại nhắc tới kỷ niệm gặp gỡ ba tôi khi mới mười chín tuổi, nhắc tới nụ cười của ba tôi. Giọng nói vẫn trầm và ấm, giản dị mà cảm động. Duy ánh nắng mùa thu rực rỡ trong ánh mắt đen này đã bạc đi. Còn đâu người thanh niên hai mươi tuổi mùa thu ấy ? Ai chống lại được sức mạnh của thời gian ?

Nguyễn Đình Thi mất vì một căn bệnh giống của ba tôi. Vài hôm nay, trong cái nắng hầm hập của mùa hè Hà Nội, tự nhiên lại có những buổi trời gió, mưa rào loáng thoảng. Và rồi đây, mùa thu sẽ tới nhưng Nguyễn Đình Thi đã vĩnh biệt mùa thu. Sẽ chỉ còn mùa thu vĩnh viễn của đất trời, của những bài thơ, những khúc hát chói nắng và sầm sập như trời đổ mưa của mùa thu Hà Nội, của Nguyễn Đình Thi.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

NGUYỄN ĐÌNH THI – TỪ PHÍA THƠ

VŨ QUÂN PHƯƠNG

Mấy hôm ông chuyển bệnh. Các thày thuốc đưa ông trở lại phòng cấp cứu hồi sức. Vợ, các con dâu rể, các cháu và bạn bè luôn túc trực bên ông. Giờ đây, vòng trong, vợ ông – nghệ sĩ Tuệ Minh, các con cháu nội ngoại, vòng ngoài, tôi thấy nhạc sĩ Trần Hoàn, họa sĩ Giáng Hương, những người làm việc bên ông trong ban lãnh đạo Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật. Tôi đến chiều nay thăm ông, ai ngờ...

Vợ con ông đang lay gọi. Ông vẫn nằm lặng lẽ, mi mắt khép hờ. Nhạc sĩ Trần Hoàn cho biết lúc nãy ông có hé mắt nhìn rồi lại khép. Trên máy ghi điện tim các ngọn sóng đuôi dần... đuôi dần... rồi tắt. Một tiếng thét gào lên, nghẹn nắc : *Bố ơi !* Mọi người muôn oà khóc. Nhưng con trai ông, anh Lê, người vừa gào gọi ông tuyệt vọng, đã bình tĩnh khuyên gia đình đừng khóc, đừng ai khóc ! Không ai khóc thành tiếng, nước mắt lặng lẽ úa trên gương mặt. Ông Thi nằm, gương mặt thư giãn, bà Tuệ Minh ngồi yên vuốt mái tóc ông, giọng bà thanh nhẹ từ tốn dang trò chuyện cùng ông : "Anh đi thanh thản nhé. Em biết anh thanh thản...". Nghe bà nói, lòng tôi lắng lại. Cách đây dăm tháng tôi đã nhận ra sự thanh thản đó của lòng ông, trong tập thơ mới ông vừa tặng :

*Tôi nhìn nơi bên kia giấc ngủ
Cõi đêm không bờ bến không tên
Mỗi bước vẫn băng khuất mỗi bước
Ánh sao bay mỉm nụ cười hiền.*

Bài thơ viết từ năm 1992, hình như từ tuổi bảy mươi (1994), Nguyễn Đình Thi ngẫm nghĩ nhiều đến một con đò đang đợi nơi sông lau sậy vắng. Nhưng ông lái đò còn đi đâu vì thấy ông khách quái giang còn say đắm với bờ bến bên này :

*Mặt đất cưa quây xanh non
Chiếc nón lá ướt loáng
Cô gái nghiêng vai gánh trên đê
Một gánh hồng vàng tím đượm mưa phùn.*

Cả tập *Sóng reo* (NXB Hội Nhà văn, 2001) trong treo một nỗi yêu đời xa vắng, thanh khiết, thâm thia, xúc động. Tôi lắng nghe trong cuộc "tổng kiểm kê" trong tâm hồn nhà thơ, nhà lý luận, nhà hoạt động chính trị Nguyễn Đình Thi, chân thành, lưu luyến. Đời người chỉ một lần mang cảm xúc ấy. Ký gửi vào thơ thư trăng trôi, như trao kinh nghiệm sống gọn chắc và vang động đến thế này là tác giả đã chín lăm với điều mình muốn giải bày. Tôi đề nghị Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội, nhân dịp xét giải Thăng Long trao giải cho tập thơ này, như cho cả một đời đóng góp của Nguyễn Đình Thi với Hà Nội. Nhưng đáng tiếc, ban làm giải lại muốn chờ đợi một tập thơ khác ông viết về đề tài Hà Nội nhiều hơn.

Họ biết đâu Hà Nội đã tan vào tâm hồn ông rồi và thàn xác ông cũng sắp thăm vào đất dai Hà Nội. Tôi dành viết bài giới thiệu tập thơ, may sao, ông Tổng biên tập báo Văn nghệ vốn là một nhà thơ tinh tế đã cho đăng. Con mắt tinh đời của Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam đã xét các đặc cách tặng giải thường đặc biệt cho tập thơ.

Nguyễn Đình Thi là tên thật. Ông sinh năm 1924 ở Lào. Quê gốc : Làng Vũ Thạch, Hà Nội. Năm 1931 theo gia đình về nước. Nguyễn Đình Thi học ở Hà Nội, Hải Phòng. Năm 1941, bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1943, tham gia Hội Văn hoá cứu quốc. Cách mạng thành công, ông là đại biểu Quốc hội và trở thành một trong những người lãnh đạo chủ chốt các hội văn học nghệ thuật từ đó cho đến nay. Bên cạnh công việc của người quản lý, Nguyễn Đình Thi không bao giờ rời công việc sáng tác. Tài năng phát triển sớm và đa diện. Khi là học sinh tú tài đã viết tiểu luận triết học, hai mươi tuổi soạn nhạc và có các tiểu luận văn chương. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông cũng có những thành công tiêu biểu.

Riêng với thơ, lĩnh vực ông để nhiều tâm huyết, ông đã tạo một phong cách hoàn toàn mới mẻ, vừa kế thừa tinh hoa cổ điển của cha ông, phát huy phẩm chất lâng mạn của thơ mới, vừa tạo một tư duy thơ hiện đại đậm chất trí tuệ và giàu nội tâm. Đến nay công chúng yêu thơ đã nhận ra và yêu mến cái vị riêng của thơ Nguyễn Đình Thi. Nhưng cách đây hơn năm mươi năm, những bài thơ của Nguyễn Đình Thi đã thành đề tài phê phán trong giới văn nghệ. Ông bị phê thiêу tính đại chúng, công nông binh khó hiểu.

Ngày nay những quan niệm đơn giản về chức năng xã hội của thơ không còn tồn tại, trí tuệ công nông binh nâng cao, phương hướng thơ

thiên về tâm trạng, lắng nghe những diễn biến trong lòng người, Nguyễn Đình Thi càng bộc lộ ưu thế. Ưu thế trong cảm xúc và cả trong phẩm chất trí tuệ. Bài thơ ít câu, câu thơ ít chữ nhưng lại nhiều vang động và ấn tượng. Bài thơ *Mưa xuân* viết ở chân Đèo Khế (10 - 2 - 1949), bốn đoạn, hai mươi câu (5, 5, 4, 6). Mỗi đoạn một cảnh. Mỗi cảnh chỉ một vài nét. Thoáng. Cháy phá mà gợi : hương vị cao rộng lảng漫 của mùa xuân, của lòng người, của vùng núi Việt Bắc những năm đầu kháng chiến. Con người như một yếu tố cấu thành vẻ đẹp tạo vật. Nét đẹp nhất, có "nội dung" nhất là vệt đất vườn lấm trên áo người phụ nữ Thổ trong vườn rau. Đây là ngôn ngữ mùa xuân của con người nói với tạo vật. Cảnh cảm nhận chất thơ của đời nhạy và tinh. Nhiều khi hình ảnh như những biểu tượng, bởi sức hàm chứa nhân văn và triết học. Nhiều bài thơ Nguyễn Đình Thi không liên nhau về mạch câu, mạch truyện, nhưng lại liên kết nhau nhờ một không gian tâm trạng. Có thể nói dề tài thơ Nguyễn Đình Thi là những tâm trạng. Bài thơ *Đất nước* là một ví dụ.

Thơ Nguyễn Đình Thi giàu nghĩ ngợi. Nghĩ nhiều nên nói ít và do nói ít nên người đọc phải nhìn. Nhưng nghĩ trong thơ không phải là cái nghĩ nhăn trán giải đố :

*Mỗi vết bùn chúng ta mang trên mặt
Trong mắt người yêu đọng thành nước mắt*

Người đọc không phải là tam đoạn luận mà tự cảm được ý nghĩ ấy. Có lẽ vì giàu nghĩ ngợi, nên nhà phê bình chê thơ Nguyễn Đình Thi khô khan. Đây là cách chê thiên về suy luận, mà tiền đề của nó là coi trí tuệ và tình cảm, khi ở trình độ sâu sắc thì không phải là những phạm trù loại nhau, mà cộng hưởng. Đại giác thì đại mông. Nguyễn Đình Thi có nhiều bài thơ đa cảm, dễ nhận ra như bài *Về nhà* hoặc kín đáo hơn như bài *Cách mạng*. Tỷ mỷ hơn có thể nói thơ ông có cả những tế bào cảm giác :

*Anh ôm chặt thân em mềm mại
Trong phút giây từ biệt chiều nay.*

Ở bài *Không nói*, cái ánh lửa nhà ai lọt qua phên liếp rơi lên hai con người xa nhà không lán che mưa, không chỗ ngồi trò chuyện là một chi tiết nhỏ nhưng đầy ắp cảm giác và chất chứa một cảm xúc, lại nhiều chiều. Tác giả đã lắng nghe mình để có chất thơ này. Bài *Lá đỏ* sau này reo vui hơn nhưng cũng kết tinh từ sự lắng nghe đó. Lắng nghe

mình để bắt lấy cảm giác, tình cảm đại diện cho cả một thời, một thuở. Trí tuệ trong thơ Nguyễn Đình Thi ít tư biện duy lý chính là nhờ sự nhập cuộc sâu đậm ấy. Trí tuệ mà chân tình làm vậy, lý tưởng mà hồn nhiên là vậy. Những chỗ còn non nép, hăng sướng của thơ ông cũng nên dò từ nguyên nhân sâu xa ấy. Thơ Nguyễn Đình Thi thật lầm, và khi giả là dở ngay.

Nguyễn Đình Thi không bận lầm đến vần trong thơ. Ông cảm thấy nó *nhân tạo* quá. Ông muốn vần điệu của thơ tự hình thành trong quá trình chiêm linh chất thơ. Nhà thơ lắng nghe tâm hồn mình lên nhạc điệu thay bằng dùng bằng trắc. Đây cũng là một chỗ tình diệu của thơ. Những nhà thơ thạo nghề, sành vần điệu như một thói quen dễ chè cách viết này, coi như thơ đánh mất một lợi thế bám vào trí nhớ người đọc. Nhưng nếu mất vần mà thơ vẫn bám vào trí nhớ thiên hạ thì chất thơ ấy thật sự là chân chất, là vàng mười chứ sao ? Còn không vần điệu vì không làm chủ được vần điệu lại là chuyện khác. Bài *Mưa xuân*, bài *Không nói*, bài *Lá đỏ*... nhạc điệu bên trong rất hay, nó là những nốt tâm trạng. Chỗ này là ưu thế của hình thức mới so với hình thức cổ điển. Các thể thơ bằng bặt rất khó diễn đạt nhịp điệu nội tâm này, trừ bậc thầy Nguyễn Du "Đi về này những lối này năm xưa".

Tôi ít có dịp gặp ông, chỉ chuyện trò khi có việc liên quan đến thơ ông. Tôi ít được nghe ông tâm sự việc đời, nhưng tâm sự thơ thì có. Khi nói về bài *Đất nước*, bài thơ được dúc kết lại từ hai bài thơ khác, trong ba câu mở đầu :

*Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cỏm mới
Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em.*

Câu thứ ba sau khi sửa không còn nữa, hồi kháng chiến ở Việt Bắc ông hơi ngại cái hình ảnh đài các ấy. Nhưng với Hà Nội 1986 thì ông lại tiếc, tiếc cái chất hào hoa sang trọng vốn có ở Hà Nội. Tâm sự thơ của ông gắn với các bài thơ, các chặng sáng tác của đời ông và cho ta hiểu thêm những giai đoạn của nền văn học mới. Ông như một nguồn tích chứa, một nhân chứng cho những sự kiện, những biến động của văn học từ 1945, của Hội Nhà văn Việt Nam và các tổ chức tiền thân của nó. Vắng ông, gia đình văn học thấy trống vắng đi nhiều lắm.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

NGUYỄN ĐÌNH THI – NGƯỜI KHÁCH CỦA ĐỜI NGƯỜI CHỦ CỦA VĂN CHƯƠNG

PHẠM TIẾN DUẬT

Ngày 23 tháng Giêng năm 1975, tại địa phận Bình trạm 37, cửa ngõ đi vào Nam Bộ, đoàn công tác của Hội Nhà văn Việt Nam do nhà văn Nguyễn Đình Thi làm đoàn trưởng, trên đường vào Bộ Tư lệnh B2 đã bị một trận bom ném trúng đội hình. Chiếc xe U - oát mới tinh do Hội Nhà văn Liên Xô vừa tặng bị bom tan tành. May mà không có ai việc gì. Sáng hôm sau anh Nguyễn Đình Thi bảo nhà thơ Tế Hanh, nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định, đồng chí lái xe tên là Trí và tôi rằng, tất cả chúng tôi có chung với nhau ngày sinh lần thứ hai. Tôi còn nhớ đoàn công tác của anh Thi lần ấy được Bộ Tổng tham mưu đặt mã số là A.218P. Thế là bộ đội coi trọng anh Thi lắm, coi anh như cấp tướng mới đặt tên đoàn như vậy. Đó không phải là lần đầu tiên ra trận của anh Nguyễn Đình Thi. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, anh đã nhiều lần di chiến dịch. Mấy năm đầu của cuộc chiến tranh phá hoại, anh Thi cũng được biệt phái sang quân đội. Gắn bó với quân đội như vậy nhưng chưa bao giờ anh Nguyễn Đình Thi có quân hàm. Anh chỉ luôn là vị khách sang trọng của quân đội và những người chiến sĩ.

Mà có riêng gì với bộ đội đâu, tôi ngẫm nghĩ, suốt cả cuộc đời từ lúc trẻ đến lúc nhắm mắt xuối tay, anh Nguyễn Đình Thi tồn tại như một vị khách sang trọng của cuộc đời này. Nhưng sinh thời, vị khách sang trọng của đời là Nguyễn Đình Thi lại luôn luôn làm chủ trên mọi hoạt động sống và hoạt động văn học nghệ thuật. Hai ca khúc sống mãi với thời gian là *Diệt phát xít* và *Người Hà Nội* chỉ ngẫu nhiên ra đời trong hoàn cảnh sáng tác, còn là sự tất nhiên phải bật ra từ tài năng của một tâm hồn làm chủ giang sơn, làm chủ một công cuộc lớn. Sau bài diễn văn anh đăng đàn ở Nhà hát lớn có tên là *Dòng máu Việt Nam chảy trong ca dao*, giặc Pháp bắt anh và giam ở nhà pha Hoà Lò.

Đây là một dịp may vì anh được giam cùng với một nhà cách mạng, đồng chí Trần Đăng Ninh (sau này là Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Quân đội nhân dân Việt Nam). Chính đồng chí Trần Đăng Ninh đã giác ngộ cách mạng cho anh thanh niên trẻ Nguyễn Đình Thi và là người trực tiếp gợi ý Nguyễn Đình Thi viết *Diệt phát xít*. Anh Trần Đăng Ninh bảo : "Tôi nghe nói nhà cậu ở Hải Phòng có bán đàn ghita. Chắc cậu có biết nhạc. Hãy sáng tác về diệt phát xít dạy cho tù nhân hát, để họ cứ ô ô hát bài hát Nhật nghe khó chịu lắm". Anh Thi đã kể với tôi như vậy. Anh còn kể với tôi về hoàn cảnh ra đời bài ca hoành tráng *Người Hà Nội*. Năm 1946 ấy, Nguyễn Đình Thi cùng Như Phong, Thép Mới và Văn Cao làm báo *Cứu quốc Hà Nội*. Cuộc kháng chiến bùng nổ. Cả tòa soạn chuyển về Thanh Oai – Hà Đông. Trên một cây đàn piano do đàn nội thành tản cư chờ ra (cây đàn bị cắm hai phím, anh Thi kể), nhìn Hà Nội đang tự bốc cháy, Nguyễn Đình Thi đã gò từng dòng đầu tiên : "Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây, đây lảng hòn núi sóng...". Cây đàn ấy để ở ngoài vườn. Người chủ của cây đàn định vứt đàn đi, không ngờ có một tài năng lớn đã đặt ngón tay lên đó.

Phải có tâm hồn và bản lĩnh chủ nhân mạnh mẽ lắm mới có thể viết ra những dòng gan ruột như Nguyễn Đình Thi đã viết. Cho đến bây giờ và mai này, bài thơ *Lá đỏ* của anh qua âm nhạc Hoàng Hiệp sẽ còn được bao người yêu thích. Sáng tác ấy đã ra đời trong chuyến vượt Trường Sơn 1974 - 1975. Suốt cả ngày hôm ấy anh đã tràn trọt, nghĩ suy khi nhìn hàng nghìn cô gái làm đường vất vả. Anh bảo tôi : "Những người làm đường kia lớn hơn những gì mà ta vẫn nghĩ về họ". Và chiếc lá sắng lè đầu mùa khô đỏ như máu ngầu nhiên rơi xuống trước mặt anh ta và anh nhặt lấy, gấp vào sổ tay để hôm đó anh biến thành thơ. Sáng hôm sau, qua đường dây giao liên anh gửi bài thơ *Lá đỏ* kèm theo chiếc lá sắng lè kia ra Hà Nội. Tôi biết địa chỉ anh gửi, một người anh tin yêu mà hình như không đáng tin yêu như vậy. Người hiểu lẽ phải lớn thường hay mắc phải sai lầm nhỏ, tôi nghĩ.

Một lẽ phải quan trọng mà Nguyễn Đình Thi khám phá là lẽ phải về văn học, nghệ thuật. Anh là người tìm thấy những điểm dị biệt và những điểm tương đồng của tất cả các thể loại văn học và nghệ thuật. Anh phát hiện ra rằng, cái *u buồn* luôn có thể chuyển hoá thành cái

hùng tráng. Giống như cung mì thứ trong âm nhạc. Giống như dàn kèn đồng. Một bản giao hưởng lúc buồn nhất phải dùng đến bộ đồng mà lúc hùng tráng cũng vậy. Ấy là có lần tâm sự, anh nói thế. Có thể cái *u buồn* và cái *hùng tráng* luôn tồn tại trong nghệ thuật Nguyễn Đình Thi, từ tiểu thuyết *Võ bờ đến kinh Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, từ *Người Hà Nội* đến bài thơ *Đất nước*. Và một phẩm chất khác của Nguyễn Đình Thi là phẩm chất *lãng mạn*. Tài liệu sáng tạo của anh là giọt sương, là ngôi sao, là ánh nắng. Anh không phải là nhà văn hiện thực mà là nhà văn của hiện - thực - lãng mạn - được - chung - cát. Cho nên anh tả cảnh bộ đội đánh đòn trong *Xung kích không hay bằng cô Phượng trước gương soi* trong *Võ bờ*. Ấy là nói về sáng tác, chứ ở kênh tiếp nhận Nguyễn Đình Thi dồn lấy cái hay từ mọi phía, bắt cứ từ trường phái nào : cổ hay kim, trong nước hay nước ngoài. Chính bởi vậy mà nhiều nhà văn hàng đầu ở các nước bạn bè từ Ximònốp, Gamzatốp đến Đimirôva đều coi anh như một người bạn lớn. Và cũng chính vì sự tiếp nhận cái mới ở mọi khu vực khác nhau, Nguyễn Đình Thi đã có những bứt phá trong nghệ thuật mà tôi thầm nghĩ, ngành lịch sử văn học rồi sẽ phải ghi nhận : Nguyễn Đình Thi có công đầu trong việc làm thơ không văn ở Việt Nam. Trước tập *Người chiến sĩ*, thơ ca Việt Nam chỉ có thơ ổn định và thơ chuyển thể mà thôi.

Bằng qua hai thế kỷ, với hơn sáu mươi năm cầm bút, sự nghiệp văn học nghệ thuật mà Nguyễn Đình Thi để lại là một kho tàng đa dạng, từ thơ ca đến âm nhạc, từ tiểu thuyết đến kịch, từ tác phẩm triết học đến lý luận văn nghệ và ở lĩnh vực nào anh cũng để lại dấu ấn, trong đó nhiều tác phẩm đã trở thành tác phẩm tiêu biểu cho văn nghệ cách mạng, văn nghệ kháng chiến. Giải thưởng Hồ Chí Minh – giải thưởng cao nhất của Nhà nước trao tặng Nguyễn Đình Thi đã khẳng định những đóng góp to lớn của Nguyễn Đình Thi cho văn học nghệ thuật suốt cả chặng đường dài.

Với kiến thức uyên bác và một trường thẩm mỹ sâu rộng ấy, trên nửa thế kỷ qua, Nguyễn Đình Thi còn là một nhà văn hoá lớn và là nhà hoạt động xã hội xuất sắc. Tham gia Quốc hội ngay từ khoá đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà, Nguyễn Đình Thi là thành viên của Ban soạn thảo Hiến pháp, nền móng đầu tiên của một trật tự hoàn toàn

mới của Nhà nước non trẻ. Kể từ đó, Nguyễn Đình Thi đã tham gia góp vào bao việc lớn về văn hoá và xã hội với tất cả nhiệt tâm của một người cộng sản.

Hoạt động xã hội và văn hoá sôi nổi thế mà, khi trở về căn phòng riêng sao anh thầm lặng và ưu tư thế. Anh là người cả nghĩ, còn là người cả nể. Việc bằng lòng cũng ừ mà việc không bằng lòng cũng ừ. Việc quanh mình không nhu ý thì chỉ ngồi buồn chán không nói. Trước một nỗi buồn nhỏ thì có thể gác sang một bên, nhưng trước những nỗi buồn lớn ở đời làm sao không ưu tư ? Chỉ năm sau anh đã tròn tám mươi tuổi mà trông anh vẫn trẻ, vẫn đẹp. Chẳng ai ngờ anh lâm bệnh hiểm nghèo đến không thể nào níu kéo anh được. Mong anh yên nghỉ an nhàn nơi cõi ấy, bởi người nghe, người đọc, thế hệ công dân hôm nay và mai sau của nước Việt Nam ngàn lần yêu quý của chúng ta mãi lắng nghe anh, yêu quý anh, trân trọng anh.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp.
NXB Hội Nhà văn, 2004

ẤN TƯỢNG VỀ MỘT BẢN LĨNH VĂN HÓA

BẰNG VIỆT

Tôi biết anh Nguyễn Đình Thi từ năm 1966, khi bắt đầu đến dự những buổi sinh hoạt của Hội Nhà văn Việt Nam. Những năm đó, Hội Nhà văn luôn có những chuyến họp mặt tiễn biệt các nhà văn, nhà thơ của nhiều lứa tuổi đi vào chiến trường. Có người trở lại, có người không bao giờ trở lại. Tôi không nhớ kỹ, vì sao hồi đó, anh em chúng tôi đều còn rất trẻ, chưa được kết nạp Hội Nhà văn, mà vẫn được mời đến sinh hoạt Hội. Mà đến đó, chúng tôi không hề bị ghê lạnh, coi thường, trái lại, được các anh lớn hỏi han ân cần, trao đổi thân tình và rất bình đẳng. Hồi đó gương mặt gây ấn tượng nhất đối với lớp trẻ chúng tôi chính là Nguyễn Đình Thi. Gương mặt rám nắng, đôi mắt nheo nheo thông minh, cao và thanh mảnh, trông anh trẻ hơn rất nhiều so với tuổi, đến nỗi, trò chuyện với anh, ai cũng cảm thấy ngạc nhiên là anh đã kịp làm nhiều việc đến thế, sống qua nhiều thử thách đến thế, thậm chí đảm đương nhiều trọng trách lâu thế, mà trong vóc dáng như thư sinh !

Khi anh nói chuyện, mới bộc lộ sự cuốn hút thực sự. Anh không nói to, không vung chân vung tay, mà tập trung vào sự diễn tả, tìm cho đúng ý mình và đã nói là tự nó tuôn chảy thành mạch, rất kết dính và lò gích, rất phóng khoáng mà lại chặt chẽ. Thực sự, anh có tài hùng biện bẩm sinh ! Các anh lớn nghe quen rồi, tới lúc anh Thi bị cuốn vào chính những dòng chảy ngôn từ và hình ảnh say mê của mình, lại máy nhau, cười vui "Nhập đồng rồi đây !". Có khi thế thật ! Khi nhập đồng gương mặt anh tái đi, mắt mở to linh lợi và giọng nói thật sự lôi cuốn, sôi nổi.

Tôi đã có lần nghe anh diễn thuyết bằng tiếng Pháp, cũng nói không văn bản, và cũng "nhập đồng". Đây là ở một cuộc họp mặt các nhà văn Á Phi và bài phát biểu của anh thực sự đã làm cù toạ xúc động. Một lần khác, nhà văn Nga Vitali Ozerov cũng có nhận xét đầy cảm phục khi anh Thi phát biểu về văn học Xô viết đã len lỏi đến tận chiến hào của từng chiến sĩ Việt Nam bên bom đạn. Anh nói : "Tôi đã

từng thấy có những cuốn tiểu thuyết của Sôlôkhốp nát nhau trong chiến hào, những bài thơ của Ximônôp được chép kín đặc số tay những người lính xung kích, và quyển *Khoảng trời Ban tích* thì được các phi công đem theo lên máy bay Mích khi chuẩn bị giáp lá cà với Thần sấm, Con ma Mỹ...".

Cách nói giàu hình ảnh, giản dị nhưng đầy thuyết phục của anh Thi đã làm anh nổi tiếng cả trong văn học, cả trên diễn đàn trong nước và quốc tế. Anh Thi luôn trân trọng sự chân thực của từng câu chữ. Câu chữ của anh cô đúc, đến mức bị tước đi rất nhiều màu sắc, sắc thái trang trí, chỉ còn lại cốt lõi, đến mức có nhiều người tưởng anh nghèo chữ, quay đi trở lại những từ mòn, cũ. Có người còn cho là văn anh chưa thoát khỏi ảnh hưởng của trường ốc, sách vở. Thực ra thì không phải. Anh muốn trả sự vật về đúng bản chất của nó, gọi sự vật chỉ bằng tên thông thường của nó. Còn giá trị nghệ thuật, sự thăng hoa trong cảm xúc, anh nghĩ là nó phải ở chỗ khác, phải ở bên trong của không khí diễn tả, bên trong của cảm xúc nén chặt và nổ bùng, không cần phải làm xiếc bằng ngôn ngữ. Kỹ thuật tu từ của anh rất cao, nhưng anh không lạm dụng. Anh thường nói : "Cái mộc của thơ Đường là cái mộc" chất người "dẩy, có khi cả đời không với tới đâu!".

Thơ của anh có sự bùng nổ từ rất sớm. Năm 1949, đã có cả một cuộc thảo luận không ngã ngũ về thơ anh. Nay giờ nhìn lại, chúng ta thấy, vấn đề không đơn giản chỉ là thơ có văn hay không văn, cái chính là cách cảm, cách tiếp nhận thực tế vào trong thơ, và, chừng mực nào đó, có cả những yếu tố siêu thực, những phức tạp của cảm xúc. Ngày nay, nếu viết như thế cũng chưa gây ôn ào gì lắm, nhưng đó là bối cảnh của nửa thế kỷ trước, và, đó là những mầm mống của sự cách tân.

Anh Thi đi nhiều, sống nhiều, yêu nhiều, đau khổ cũng nhiều. Tất cả những điều đó làm nên sự diêm tĩnh từng trải và vững chãi trong anh. Nhưng tới chót cùng, anh vẫn còn nguyên cái "gót chân Asin" yếu đuối rất nghệ sĩ, cái yếu đuối cũng làm anh bị thiệt thòi nhiều trong đời. Anh cũng hiểu sâu xa điều đó. Với tư cách là người quản lý Hội Nhà văn, anh thường đăm chiêu kể về số phận của Lão Xá, của Đinh Linh ở Trung Quốc, hoặc số phận của Fadéep, Babel,... ở Liên Xô. Anh biết giới hạn những gì làm được và chưa làm được của bản thân

mình cũng như của Hội Nhà văn những năm ấy ! Tôi vẫn nhớ có lần anh em đời hỏi phải được đổi xứ thế này thế nọ, phải được ưu đãi, coi trọng thế này thế nọ...

Anh Thi cười không thành tiếng và chỉ nói một câu nhỏ nhẹ : "Hội nhà văn chúng mình thì là cấp gì. Đâu như cũng chỉ được xếp ngang một vụ nào đó của Bộ, thế thôi !". Hội Nhà văn những năm ấy quả cũng rất nghèo và rất khó khăn, nhưng anh em sống với nhau tình nghĩa. Các anh Trần Dần, Phùng Quán,... tuy có thời mắc khuyết điểm, nhưng theo tôi nhớ, thì vẫn được ăn lương Hội mãi cho đến cuối đời.

Anh Thi luôn nhớ về cội nguồn. Mới rồi, có dịp lên Thái Nguyên, Tuyên Quang, tôi có trở lại thăm những khu di tích cũ từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp và được biết, anh Thi đã lên đó không lâu, thăm lại nơi Hội Văn nghệ Việt Nam đã từng đóng quân thời còn ở Việt Bắc. Anh đã từng nói : Chính tại nơi đây, các anh Nam Cao, Tô Ngọc Vân đã rời gia đình văn nghệ để vào các cuộc chiến đấu và không bao giờ trở về ! Theo ý nguyện của anh, Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật đã mua lại khu đất, đặt tạm một tấm bia làm chứng tích và hy vọng sẽ mua tiếp một hai nhà sàn, phục chế lại trụ sở ở chiến khu xưa... Tiếc thay, việc ấy vẫn chưa làm kịp và anh đã ra đi. Anh Thi cả đời không chịu viết hồi ký ! Có lần tôi hỏi, anh chỉ cười nhẹ nhàng : "Bây giờ có cái mới viết hồi ký để vẽ vời công tích hoặc tự thanh minh các lỗi lầm cũ... Tôi thấy chưa cần thiết phải viết... Cũng còn lại một số sổ tay ghi chép, nhưng bè b晏 quá, chưa biết bắt đầu từ đâu !".

Vậy mà anh đã ra đi, dù có vẻ như chưa hề chuẩn bị, và chưa hề nghĩ là còn bao nhiêu việc không bao giờ kịp làm nữa. Nhưng vẫn giống như một kẻ sĩ của mọi thời, anh không oán trách gì số phận. Anh bình thản chịu đựng, lặng lẽ giấu cợt mình, đến tuổi này mà sao còn bối rối thế, còn hậu đậu thế ! Anh có những nỗi buồn, nỗi đau nhân tình thế thái, nhưng tất cả đều lặn vào trong, điêm tĩnh đến mức như không có gì ! Biết làm sao được, đến lúc thời khắc đã điểm rồi ! Xin vĩnh biệt anh, và ghi nhận những gì anh đã cống hiến cho Đời ! Cũng xin vĩnh biệt anh, và ghi nhận cả những gì anh chưa thể nói, chưa kịp làm cho Đời và đã đem theo cõi vĩnh hằng !

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp.

NXB Hội Nhà văn, 2004

VĨNH BIỆT NGƯỜI ĐA TÀI THẾ KỶ

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Tôi có may mắn được tiếp xúc với cả ba "nghệ sĩ đa tài" của ta, đó là Văn Cao, Trịnh Công Sơn và Nguyễn Đình Thi, những con người mà tài năng "cầm, kỳ, thi, họa" đều rất rực rỡ, nhưng Văn Cao và Trịnh Công Sơn thì rất dễ thân gần, còn Nguyễn Đình Thi thì luôn có một khoảng cách. Mặc dù từ sau kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tôi chơi với con trai ông là nhà văn Nguyễn Đình Chính rồi giới thiệu con gái ông với anh bạn lính của tôi là nhà văn Đào Thắng, qua lại nhà ông cũng nhiều và cũng nhiều lần trò chuyện cùng ông, nhưng đối với ông, tôi vẫn có cảm giác là "kính nhi viễn chí". Bởi tôi luôn nghĩ rằng, Nguyễn Đình Thi là một "người khổng lồ" của văn nghệ, ông không chỉ là một nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ,... đầy tài năng mà còn là một nhà lãnh đạo, một "ông quan" chót vót trên chức vụ cao nhất của Hội Nhà văn ngót ba chục năm liền. Tuy vậy, những lần trò chuyện cùng ông, tôi rất cảm phục thái độ lịch lâm, trí uyên bác và một tình cảm đặc biệt ưu ái. Ông thường nhắc chúng tôi nên học một ngoại ngữ, bởi theo ông, có ngoại ngữ thì sẽ đọc thế giới bằng một tư duy khác, rất thú vị. Tôi còn nhớ lần đọc cho ông nghe bài thơ mới có câu : "Nhìn mặt trời chợt nhớ tuổi ba mươi - bóng đổ xuống chân mình - cái bóng thời tuổi trẻ" được ông khen và khích lệ, nhưng ông nói rằng, nếu Tạo biết tiếng Pháp thì chắc Tạo sẽ thấy rằng từ lâu, Rimbo cũng đã có một bài thơ về cái bóng trưa như thế. Tôi rất muốn biết bài thơ đó của Rimbo, nhưng hơn hai mươi năm trôi qua, vẫn chỉ là một ước muốn.

Cũng từ những lần tiếp xúc như vậy mà tôi biết Nguyễn Đình Thi đã viết sách triết học từ năm mươi tám tuổi (viết về triết học duy lý của Kang và Đécác). Và cũng vào dịp đó, sau khi nghe bài *Tiến quân ca* của Văn Cao vừa viết xong mùa đông 1944, Nguyễn Đình Thi đã "thi đua" với Văn Cao sáng tác một bài hát hào hùng như thế. Thế là bài

Diệt phát xít ra đời. Cả hai bài hát ấy đều được hát vang trong cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 lịch sử và đều được đề cử để chọn Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946. Tuy bài *Diệt phát xít* không được chọn làm Quốc ca, nhưng từ bấy đến nay nó trở thành nhạc hiệu của Đài Tiếng nói Việt Nam. Mỗi khi nghe bài hát ấy, con người Việt Nam như sực sôi lên một tinh thần yêu nước không gì ngăn cản được.

*Mau mau mau ! Vai kẽ vai !
Không phân già, trẻ, trai, hay gái
Vác súng gươm, ta đi lên
Ta tiến lên ta diệt quân thù
Việt Nam ! Việt Nam ! Việt Nam !
Ôi đất Việt yêu dấu ngàn năm !
Việt Nam ! Việt Nam muôn năm...*

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Nguyễn Đình Thi lại cho ra đời một bản trường ca bằng âm thanh bất hủ, đây là bài *Người Hà Nội*. Theo ông kể thì chính ông đã chứng kiến cuộc chiến đấu vô cùng oanh liệt của Trung đoàn Thủ đô và nhân dân Hà Nội bảo vệ "trái tim" của nước Việt Nam mới. Cái cảm xúc mãnh liệt ấy đã theo ông trên đường lên chiến khu Việt Bắc, và thật may mắn một chiêu dừng chân vớ được chiếc đàn dương cầm của một người tản cư bỏ lại dọc đường, thế là những giai điệu đầu tiên đã vang lên :

*Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây
Đây lắng hồn sông núi ngàn năm
Đây Đông Đô, Đây Thăng Long ! Đây Hà Nội !
Hà Nội mến yêu
Hà Nội cháy, khói lửa ngập trời
Hà Nội vùng đứng lên
Sông Hồng reo
Hà Nội vùng đứng lên...*

Tôi đã kinh ngạc về tài năng âm nhạc với một tâm hồn đạt đàu và hoành tráng của ông khi nghe bài hát này. Người Hà Nội đã mở ra một tâm hồn mới cho âm nhạc Việt Nam kháng chiến. Và có lẽ cũng vì sự thành công đặc biệt của nó mà kích động Văn Cao âm thầm "thi đua"

với Nguyễn Đình Thi để năm sau (1948) cho ra đời trường ca *Sông Lô* đồ sộ cùng với *Du kích sông Thao* vạm vỡ của Đỗ Nhuận. Ba dòng sông âm thanh áy (sông Hồng, sông Lô và sông Thao) là ba đỉnh tam giác không gì thay thế được của âm nhạc Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp hào hùng và oanh liệt, nó là những tượng đài âm thanh vững chắc trong lịch sử dân tộc. Tôi đã nghe nhiều ca sĩ hát trường ca, nhưng ở Hà Nội có hai người hát mà bao giờ cũng làm tôi xúc động khó tả, đó là nhà thơ Trịnh Thanh Sơn hát *Sông Lô* và nhà văn Hoà Vang hát *Người Hà Nội*. Mới đây trong bữa tiệc sinh nhật Nguyễn Đình Chính, nhà văn Hoà Vang đã hát vang *Người Hà Nội* cho Nguyễn Đình Thi nghe qua điện thoại khi ông đang ốm, nằm ở nhà riêng. Liều thuốc tinh thần áy quái làm cho ông đỡ bệnh.

Có lần tôi hỏi về những bài hát khác của ông, nhưng ông chỉ mỉm cười và thú nhận rằng ông có viết một số bài hát khác nhưng thấy nó chẳng là gì so với hai bài đã quá nổi tiếng kia, nên ông không công bố. Nhưng ông có hai bài thơ được phổ nhạc và trở thành hai bài hát nổi tiếng, đấy là bài *Nhớ* và bài *Lá đỏ*. Có thể nói *Nhớ* là một trong những bài thơ tình hay nhất của thơ thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây là bài thơ ông viết tặng Madolen Riphô, người nữ phóng viên Pháp mà Nadim Hitmet đã giới thiệu cho ông tại Liên hoan Thanh niên sinh viên thế giới Berlin, sau khi vợ ông qua đời để lại ba đứa con côi (1951). Bài thơ trở thành một bản tình ca qua âm nhạc của Hoàng Văn :

*Ngôi sao nhớ ai mà sao láp lánh
Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây
Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh
Sưởi ấm lòng chiến sĩ giữa ngàn cây.*

*Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần
Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước
Mỗi tối anh nằm, mỗi bữa anh ăn.*

*Ngôi sao trong đêm không bao giờ tắt
Chúng ta yêu nhau chiến đấu suốt đời
Ngọn lửa trong rừng bập bùng đỏ rực
Chúng ta yêu nhau kiêu hãnh làm người.*

Còn *Lá đỏ* là bài thơ ông viết trong một chuyến đi vào chiến trường Khu Bốn. Hình ảnh "em gái tiên phương" vai áo bạc choàng súng trường giữa Trường Sơn bụi nhòe trời lửa, cánh rừng ào ào lá đỏ đã tạc vào ông một hình tượng độc đáo và mang tính khái quát cao. Khi được Hoàng Hiệp phổ nhạc và nghệ sĩ Quốc Hương hát qua Đài Tiếng nói Việt Nam, thì hình ảnh ấy thực sự xúc động lòng người. Và quả nhiên nó đã được hát vang giữa Sài Gòn ngày giải phóng :

*Chào em, em gái tiên phương
Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn !*

Bấy giờ những giai điệu của ông vẫn vang lên cùng với thơ văn ông trong cuộc sống vì dân vì nước, vì một nền văn nghệ cách mạng mà ông trọn đời dâng hiến. Từ già cỗi đời vào tuổi tám mươi, Nguyễn Đình Thi đã đi qua một thế kỷ đầy phong ba bão táp cùng dân tộc và cũng đầy vinh quang. Thế mà trong câu chuyện với tôi gần đây ở 51 Trần Hưng Đạo ông vẫn còn thật nhiều băn khoăn dang dở những ý định viết một cuốn tiểu thuyết lớn về Điện Biên Phủ thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Và ông bỗng trầm buồn nói rằng, công việc quản lý suốt đời đã cướp mất nhiều dự định sáng tác tâm huyết của ông. Âu cũng là luật trời đã định vậy.

Vĩnh biệt ông, tôi bỗng thấy ông hiện lên trước mắt mình thật lớn, như một ngọn núi mỉm cười, như một dòng sông đạt dào sóng đờ, chảy về phía chân trời, càng xa càng trong xanh.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp,
NXB Hội Nhà văn, 2004

NGUYỄN ĐÌNH THI – NGƯỜI NGHỆ SĨ, CHIẾN SĨ TRÊN MẶT TRẬN VĂN HÓA TỰ TƯỞNG

TRỊNH ĐÌNH KHÔI

Nói về Nguyễn Đình Thi, người ta nghĩ ngay đó là một con người đa tài và đào hoa. Ông đào hoa trong văn chương nghệ thuật và cả trong đời thường. Người ta gọi ông là nhà văn hoá, nhà hoạt động xã hội, người quản lý và trên các lĩnh vực thơ, văn, nhạc sĩ hay kịch tác gia đều được cả. Ở lĩnh vực nào ông cũng có đóng góp độc đáo. Nguyễn Đình Thi và những nghệ sĩ – chiến sĩ cùng thế hệ với ông trước hết là sản phẩm của tinh thần Việt Nam, văn hoá Việt Nam được nở rộ trong thời đại cách mạng. Thời mà đất nước Việt Nam "Rũ bùn đứng dậy sáng loà". Thời mà các thế hệ sẵn sàng sống và chết vì lý tưởng giống như đã có thời của cha ông thuở trước. Nguyễn Đình Thi và bạn bè ông cũng như những lớp văn nghệ sĩ sau ông tiêu biểu cho vai trò nghệ sĩ – chiến sĩ mà Bác Hồ đã khuyên dạy : "Nay ở trong thơ nên có thép - Nhà thơ cũng phải biết xung phong". Nhiều nhà văn nghệ đã vác súng và vác bút ra chiến trường. Hai thứ vũ khí đều nặng. Nguyễn Đình Thi đã từng làm chính trị viên phó tiểu đoàn ở Đại đoàn quân Tiên phong (308). Trước khi cầm súng ông đã cầm bút chiến đấu trên mặt trận văn hoá tư tưởng. Mười bảy, mười tám tuổi ông đã viết sách triết học, đề cao những tư tưởng tiến bộ trong Kāng, trong Nitsor, trong Aritstöt, Đécác, Anhxtanh,... Ông có thể thành nhà triết học nếu ông muốn, nhưng hình như tài năng thiên bẩm đã dự báo và yêu cầu thời đại đòi hỏi ở ông và những trí thức thời bấy giờ không thể hàn lâm khi dân tộc còn đối nghịch trong rơm rạ và cảnh đồng quê còn chảy máu. Nguyễn Đình Thi viết *Nhận đường* khẳng định trách nhiệm nghệ sĩ – chiến sĩ và chỉ rằng "Văn nghệ phụng sự chiến đấu nhưng chính

kháng chiến đã đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sát lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta". Thực tế thành tích phục vụ cách mạng và dân tộc, thành tựu văn nghệ mấy chục năm qua đã chứng minh nhận định của ông. Ông đã ngôn đi với hành, bằng việc cùng với anh em văn nghệ sĩ đi kháng chiến ra mặt trận. Ở Hà Nội rồi đường số 5, Việt Bắc, Đông Bắc, trung du, Sầm Nưa, Điện Biên Phủ,... con đường chiến dịch tiếp tục cho đến 1975. Ông đã hút chết ở chiến trường vài lần. Nhưng hình như căn số văn hoá tư tưởng của ông còn nặng, làm sao mà rũ áo ra đi như Trần Đăng, Thám Tâm hay Nam Cao, Tô Ngọc Vân,... được, chỉ mất vài người thôi đã đau lòng văn nghệ lắm rồi. Sau Diệt phát xít, Người Hà Nội, Đất nước, Xung kích, Người chiến sĩ còn phải làm gì nữa chứ. Số mệnh của trời, của người, hồn phách của ngàn xưa của thời đại đã giao cho văn nghệ phải hiện hình hoá nó bằng sự thăng hoa tinh thần. Vì thế những bản nhạc, bài thơ, trang văn, vở kịch đều mang hồn non nước, đậm đà tình quê hương, nghĩa đồng bào. Từ Võ bờ I, Võ bờ II, Vào lửa, Mặt trận trên cao... trong văn, Đồng sông trong xanh, Tia nắng, Sóng reo trong thơ, đến Con nai đen, Hoa và Ngàn, Rừng trúc, Nguyễn Trãi ở Đông Quan,... trong kịch, đều có ý thức rõ về tư tưởng nghệ thuật phục vụ Tổ quốc và dân tộc, đem chất liệu phong phú của đời sống thực tế kết hợp hài hoà với những giá trị tinh thần truyền thống hoặc cách tân qua chỗ đứng và cách nhìn đầy tính văn hoá và chính trị của nhà văn. Có lẽ nhờ bản lĩnh văn hoá và chính trị vững vàng mà Nguyễn Đình Thi chủ động trong thi pháp và xác tín về tư tưởng. Thời gian càng ngày càng chứng minh tấm lòng son của người nghệ sĩ với cách mạng dân tộc.

Nguyễn Đình Thi là người trung thành với tính lý tưởng của văn nghệ và luôn hướng ứng những định hướng lớn về văn nghệ của Đảng trong quá trình sáng tác. Ông hài hoà các mối quan hệ giữa chính trị với văn nghệ của Đảng trong quá trình sáng tác. Ông hài hoà các mối quan hệ giữa chính trị với văn nghệ, không thiên tả, thiên hữu. Năm chắc mục tiêu bản chất và chức năng xã hội của văn hoá. Tin vào khả năng cải tạo xã hội của văn hoá và sự tồn tại văn hoá của con người không tách rời tồn tại xã hội và tự nhiên. Hơn thế, ông là người thấm nhuần tư tưởng dân tộc trong văn hoá và quan niệm văn nghệ chỉ hoà vào quốc tế khi nó sâu sắc tinh thần dân tộc. Ông tiếp thu cái mới cái hay

của văn hoá nhân loại trên tinh thần dân tộc nên thơ ông, nhạc ông có xu hướng đổi mới rất sớm. Chúng ta ghi nhận những đổi mới phương pháp thi ca và cả văn xuôi của Nguyễn Đình Thi ngay từ những buổi đầu. Tư tưởng phải đi đôi với nghệ thuật và nói cho cùng không có nghệ thuật thì văn nghệ cũng không phải là văn nghệ và không thể chuyển tải đến bạn đọc, đối tượng mà cách mạng cần tác động. Niềm tin của nhà thơ vào lý tưởng dù có vĩ đại cao siêu đến mấy cũng chỉ là tư tưởng của nhà thơ, của nhà tư tưởng. Nguyễn Đình Thi có nghệ thuật nói và nghệ thuật viết sang trọng, văn hoá, dịu dàng mà mạnh mẽ, giản dị mà sâu sắc. Ông là một thi sĩ giàu chất lâng mạn. Nhưng những nhà văn lớn có mấy khi không lâng mạn. Lâng mạn mà hiện thực. Đời sống của người chiến sĩ là một kho những điều lâng mạn. Cuộc chiến thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ của chúng ta là một hiện thực đầy tính lâng mạn mà trong tưởng tượng nhiều nhà nghệ thuật không hình dung ra được. Những bài thơ, bài nhạc, trang văn của Nguyễn Đình Thi và các nhà văn thế hệ chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ là hành trang tinh thần, là hình thức tư tưởng kỳ diệu để người lính vin vào đó chiến đấu và chiến thắng. Tác phẩm đạt tới nghệ thuật đã mang trong nó một sự thật sâu xa của hiện thực và tâm trạng con người. Không phải chỉ văn nghệ mới đi giữa hiện thực tiến về ước mơ. Từ trong lõi cốt sâu xa đó là mục tiêu của công tác văn hoá tư tưởng. Văn hoá của công tác tư tưởng hay công tác tư tưởng của văn hoá chính là vậy. Thẩm mỹ hoá lý tưởng của con người một trong những nhiệm vụ của văn nghệ: Nguyễn Đình Thi đã tìm tòi điều này trong hệ thống tác phẩm và sự nghiệp văn chương của mình. Nguyễn Đình Thi là điển hình của một thứ văn nghệ kiên trì lý tưởng độc lập tự do Tổ quốc, công bằng dân chủ cho con người nhưng vẫn giữ được cá tính và tài năng riêng của mình. Vì thế ông mới sáng tạo được lâu dài và có nhiều thành công khi bước vào bất cứ thể loại nào. Không thiếu những thí dụ về sự ngộ nhận lầm tưởng khi nhận đường, nên có người đã là kè xa lạ của chính mình hoặc của lý tưởng độc lập dân tộc, trong bước đường nghệ thuật của mình. Không có đâu đòi hỏi sự hoà hợp chuyển hoá giữa chủ quan, khách quan, giữa lâng mạn và hiện thực, giữ tư tưởng và nghệ thuật bằng văn nghệ. Mục tiêu cuối cùng của mọi phương pháp văn là chân – thiện – mỹ, phẩm chất bất di bất dịch của

văn nghệ. Có lẽ xu hướng hội nhập quốc tế trong văn hóa, văn học Việt Nam đã có từ trước, sau cuộc Cách mạng tháng Tám. Chính nó đã tạo ra một nền văn học đa dạng, phong phú, hiện đại mà thấm đậm tính dân tộc, Nguyễn Đình Thi là một ví dụ. Một lớp nhà thơ, nhà văn ảnh hưởng Đường thi, Tống từ. Lý Bạch, Đỗ Phủ như Nguyễn Du, Nguyễn Trãi,... chuyên tiếp Tân Đà, một phần Nguyễn Bính rồi đến lớp thơ mới, văn mới ảnh hưởng của Hugo, Caludel, Flaubert, Gide. Verlaine,... với Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi,... trong thơ, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Nhất Linh, Nam Cao,... trong văn. Điều đó quyết định sự phát triển của văn học Việt Nam hiện đại giải thích những bước đi vượt thời gian của văn nghệ cách mạng mà Nguyễn Đình Thi là một trong những người tiên phong. Ông tiếp thu tinh thần khoa học, chủ nghĩa nhân văn và thể hiện bằng ngôn ngữ từ mới trong đó có cấu trúc và ký hiệu văn chương. Về mặt nội dung tư tưởng, Nguyễn Đình Thi nhạy cảm với ý thức tư tưởng, xu thế thời đại nhưng không thể để chủ nghĩa duy lý lấn át sự tinh tế, chất trữ tình đầm thắm. Đó là tiếng hát ca đầy nhân hậu và tình người, khiết cho tác phẩm của ông ở lĩnh vực nào cũng tạo được sự giao cảm, đồng điệu của công chúng. Có lẽ không có người Hà Nội nào không nghe qua : "Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây, đây lăng hòn núi sông ngàn năm", những câu chữ sang trọng lăng đọng hồn người, nghe rung rưng. Nét hùng tráng và cả sự u buồn luôn song hành chuyển hoá trong thơ, nhạc của Nguyễn Đình Thi, cũng như chất tư tưởng luôn tồn tại trong nghệ thuật thi ca của ông.

Nguyễn Đình Thi và những tác giả văn học cùng thế hệ ông đã nối liền văn hóa quá khứ với văn hóa hiện tại và chuẩn bị cho tương lai, nên lớp đàn em sau ông trong thế hệ chống Mỹ cứu nước đã có nhiều đóng góp xuất sắc cho văn nghệ. Cái thuở ban đầu dân quốc ấy vượt hẳn lên về vẻ đẹp lý tưởng và hình như mãi mãi không phai mờ những gương mặt tinh thần thời đại, dấu họ có đi xa. Nguyễn Đình Thi cũng như một số người chỉ ghé qua văn nghệ đôi chút thôi đã để lại những tác phẩm để đời, nhiều tác phẩm sống mãi cùng năm tháng. Thật là lùng như chuyện trời cho ; thật ngẫu nhiên khi Nguyễn Đình Thi ngồi bên cây đàn piano thiếu phím trong vườn hoang nhìn lửa khói ngút trời Hà Nội, đã rung trong hồn mình một nết rung tha thiết, tự hào, để có

được một *Người Hà Nội*, tượng đài âm nhạc về thủ đô. Cũng như sau này trên đường Trường Sơn ào ào lá đổ ở rừng sảng lè đã cho ra đời *Lá đổ*. Nguyễn Đình Thi tiêu biểu cho vẻ đẹp của một thế hệ trưởng thành cùng với cách mạng và sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà non trẻ, những người đã đem hết tài năng ra phụng sự Tổ quốc, đã tạo nên những dấu mốc văn nghệ của thời đại mình. Sau này, cả khi gặp rủi ro trong văn chương, Nguyễn Đình Thi vẫn là người biết nhẫn chịu, chấp nhận với một thái độ nhã nhặn, lịch thiệp. Ông tin ở thời gian và công chúng của mình, họ sẽ định giá đúng về ông. Rất may là hàng vạn, hàng triệu trái tim người Việt đều rung động, đồng cảm với thơ, văn, nhạc, kịch của ông. Nguyễn Đình Thi ngày càng lớn hơn qua sự bình giá của công chúng và thời gian.

Những đóng góp của Nguyễn Đình Thi cho văn nghệ, đặc biệt là những trang lý luận, những ý kiến nhận xét đã giúp cho công tác tư tưởng của Đảng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Kiến thức sâu rộng, kinh nghiệm văn hoá trong quá trình hoạt động xã hội đã xếp ông vào hàng những nhà văn hoá trên thế giới hết sức mến mộ. Nhiều nhà văn, nhà báo, các trí thức lớn coi ông là bạn bè. Trong một thời gian khá dài ông là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của Hội Nhà văn Việt Nam. Ngoài sáng tác của mình, ông còn chăm lo cho sự phát triển chung của nền văn hoá. Ông chú ý đến việc bồi dưỡng tài năng, đặc biệt là lớp trẻ. Có lẽ sự lo lắng của ông là vấn đề nhân tài. Ở lĩnh vực này hơn ở đâu hết cần tài năng. Với thái độ ái tài, liên tài, ông luôn gần gũi những người có khả năng, động viên anh em đi và viết. Công việc quản lý của ông thường hướng về nhiệm vụ này. Nguyễn Đình Thi là người có trái tim nhân ái rộng mở, dễ rung động trước cái đẹp, cái tốt, nhưng trong giao tiếp lại khiêm nhường, nhã nhặn. Người đàn ông dịu dàng đôi khi lại hào sảng đã gây ấn tượng cho biết bao thế hệ. Khi nói về tư tưởng, ông sâu sắc khái quát, khi đọc thơ, bình thơ, lại nhỏ nhẹ, cảm xúc mới lạ khi tiếp thu. Thơ, nhạc cũng như văn, kịch của ông đều tìm được cách đi vào trái tim bạn đọc.

Tám mươi tuổi tính cả tuổi mụ cho, đó là bất tuân đại khánh, vậy mà khi nghe tin ông ra đi nhiều người còn thảng thốt tiếc nuối như còn quá sớm. Nguyễn Đình Thi đã dự cảm được điều này. Trong tập *Sóng reo*,

tập thơ cuối cùng của Nguyễn Đình Thi, một tập thơ sâu sắc về tư tưởng, đa dạng về nghệ thuật, trong đó có nhiều lần ông nói về sự ra đi. Một con người thành đạt trong nghệ thuật nhưng không thật xuôi chèo mát mái trong riêng tư nên cũng không thiếu những phút trống trải ưu tư. Dẫu sao cái nhìn của ông vẫn minh triết, vị tha. Mười tám tháng tư, người tài hoa dứt áo ra đi. Ông đã nói lời vĩnh biệt bằng lời cầu xin mà không to tiếng cổ vũ đời mình :

Thôi xin tha cho mọi lỗi lầm

Quên cho những lỗi lầm khoác lác.

Nhận cả lỗi không có hoặc có mà đã được quên đi, được tha thứ. Đó chỉ có thể là một nhân cách lớn. Một công thân của cách mạng, một nhà thơ, nhà tư tưởng không nhắc gì đến công lao đóng góp của mình mà chỉ xin được bỏ qua lầm lỗi. Những câu thơ đọc nghe vừa xót xa, vừa kính trọng. Con chim lìa đàn còn để lại tiếng kêu tha thiết gửi vào núi sông non nước. Đó là thơ, là nhạc của ông. Nguyễn Đình Thi một đời sáng tạo, một đời ngôn hành không ngoi nghỉ cho sự nghiệp cách mạng, cho dân tộc, cho đất nước. Phản hưu hạn thể xác của ông đã trả về đất mẹ, nhưng còn đó tinh anh vô hạn sống mãi với đời.

Nguyễn Đình Thi – Cuộc đời và sự nghiệp.

NXB Hội Nhà văn, 2004

CỐT CÁCH VĂN HÓA TRONG SÁNG TẠO CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

NGUYỄN VĂN THÀNH

Nhà văn Nguyễn Đình Thi đã vĩnh viễn ra đi vào hồi 16 giờ 45 phút ngày 18 - 4 - 2003 vừa qua, sau một thời gian vật vã trên giường bệnh. Nhưng phần tinh tuý trong sự nghiệp văn học – nghệ thuật mà ông để lại chắc chắn sẽ còn được nhắc nhở và tỏa sáng với thời gian.

Vốn quê gốc ở làng Vũ Thạch (Hà Nội), nhưng lại cất tiếng khóc chào đời vào năm 1924 tại thành phố Luông Pra Băng (Lào), bảy tuổi, Nguyễn Đình Thi theo gia đình về nước. Ngay khi theo học ở trường Bưởi (1941), ông đã giác ngộ cách mạng để rồi vào Đại học Luật trở thành nòng cốt trung kiên của phong trào sinh viên yêu nước và sớm gia nhập Hội văn hoá cứu quốc (1943). Cũng trong thời gian này, chàng thanh niên tú hưu, tài hoa ấy nổi tiếng với một loạt khảo luận triết học – lĩnh vực còn rất mới mẻ trong sinh hoạt học thuật ở nước ta – mà nhà xuất bản Tân Việt ấn hành như : *Triết học nhập môn*, *Siêu hình học*, *Triết học Aristote* (Ghi bút danh Nguyễn Anh Nghĩa), *Triết học Descartes*, *Triết học Kant*, *Triết học Nietzsche*,... Nguyễn Đình Thi tự xếp những tác phẩm của mình vào loại sách khảo cứu, một hình thức trước thuật mà theo ông "người viết văn khảo cứu không thể đứng ngoài những sách vỏ mình đem phân tích mà ngay từ khi phân tích, cũng đã cần có phê bình"⁽¹⁾. Điều đó cho thấy, Nguyễn Đình Thi không chỉ coi khảo cứu đơn thuần là công việc biên soạn, lược thuật một số trào lưu tư tưởng phương Tây, mà còn có ý thức và tham vọng thông qua giới thiệu các học thuyết đó bày tỏ suy nghĩ riêng của mình. Nhà văn Tô Hoài, người cùng thời với Nguyễn Đình Thi, sau này nhớ lại những tác phẩm đó cũng có nhận xét tương tự, khi cho rằng tác giả

(1) Xem lời nói đầu *Triết học Descartes*, NXB Tân Việt, 1943, tr. 10.

của những tập "Lược sử triết học" này đã "khéo đưa vào đôi ba ý kiến tiến bộ chủ quan của mình"⁽¹⁾.

Mở đầu sự nghiệp sáng tạo bằng loạt công trình khảo cứu triết học, nhưng rất nhanh sau đó Nguyễn Đình Thi rời bỏ nghiên cứu tư tưởng mà ông đã tiến hành một cách nghiêm túc, đầy triển vọng để chuyển sang hoạt động văn hoá nghệ thuật. Song ở địa hạt này, con người ưa suy tư, thao thức này cũng không dừng chân hẳn ở một thể loại nào mà vẫn tiếp tục cuộc phiêu lưu tinh thần, mê mải tìm kiếm những chân trời mới, những giới hạn mới. Nguyễn Đình Thi được biết đến như một nghệ sĩ đa tài. Ông đã thử sức trên nhiều lĩnh vực sáng tạo khác nhau, từ suy tư triết học đến âm nhạc, từ văn xuôi chính luận đến thơ ca, từ những trang truyện ngắn, tiểu thuyết đến kịch bản sân khấu mà ở đâu ông cũng để lại những dấu ấn đậm nét.

Thế giới nghệ thuật mà ông tạo nên trong sáng tác của mình trải rộng ra ở nhiều phạm vi khác nhau của hiện thực ; từ quá khứ lịch sử dân tộc xa xưa, dưới các triều đại Lý, Trần, Lê đến phong trào vận động cách mạng giai đoạn tiền khởi nghĩa và cả những năm tháng hào hùng không thể nào quên của hai cuộc kháng chiến cứu nước ; từ những danh nhân, chính khách, tướng lĩnh tên tuổi đến những người bình thường ; từ những vấn đề lớn lao liên quan đến vận mệnh quốc gia dân tộc hoặc động chạm đến hướng đi, lẽ sống của cả một lớp người trước ngã ba thời cuộc đến những trăn trở, day dứt trong tâm trạng từng cá nhân ; từ tình cảm công dân như lòng yêu quê hương, đất nước, thái độ tôn kính lanh tụ, tình đồng chí, đến những biến thái phức tạp, tình tế ám chứa nhiều uẩn khúc, nghịch lý của tình yêu đôi lứa, của khát vọng vượt lên những mài mốt, thua thiệt, hay nỗi cô đơn để tự hoàn thiện mình,... Ngôn ngữ nghệ thuật của Nguyễn Đình Thi ghi dấu một hành trình tìm tòi, đổi mới không ngừng nhằm nâng cao khả năng và hiệu quả tác động, truyền dẫn của tác phẩm nghệ thuật đối với công chúng. Nếu Nguyễn Đình Thi từ rất sớm đã đem vào sinh hoạt âm nhạc sự kết hợp hài hòa chất hành khúc với tiết tấu dồn dập, nhịp điệu mạnh mẽ với âm hưởng trữ tình đằm thắm qua những ca khúc còn vang vọng mãi với thời gian như *Điệt phát xít*, *Người Hà Nội*,... thì giữa khói lửa kháng chiến, ông vẫn đau đáu khát vọng cách tân thơ ca, đưa câu thơ với số từ ngữ hạn định lại bị bó buộc bằng niêm luật, vẫn điệu ngặt

(1) Tô Hoài, *Hồi ký*, NXB Hội nhà văn, 1997, tr. 288.

nghec đến với câu thơ tự do, phóng khoáng, dài ngắn, buông ngắt tuỳ theo tâm trạng, xúc cảm hay ý tưởng chợt đến cuốn đi, xích gần lời thơ với khẩu ngữ hàng ngày, nhưng không còn vẻ xô bồ tự nhiên mà đã trải qua sự chắt lọc, lắng sâu để dòng thơ từ đơn nghĩa vươn tới sự đa nghĩa, kích thích liên tưởng, cộng đồng sáng tạo. Từ những bài thơ còn mang tính chất thử nghiệm táo bạo như *Đêm mít tinh* (1947), *Đường núi* (1947), *Không nói* (1948), v.v. làm bùng nổ một cuộc tranh luận sôi nổi về thơ đi tới những thành công đột xuất với những bài thơ thực sự là những áng thơ hay của nền thơ kháng chiến như *Nhớ* (1954), *Đất nước* (1948 - 1955). Có lúc thơ Nguyễn Đình Thi ngân vang hào sảng như nói tiếng ngợi ca, cổ vũ (*Bài thơ Hắc Hải*, 1959) hoặc trở nên trầm lắng, ôn tồn, diễm đạm của hình thức tự cảm, tư vấn, chiêm nghiệm về lẽ đời, về tình đời, trong những bài thơ viết vào giai đoạn cuối đời :

*Rồi hôm nào hông gió bay
Cái bóng ngoài kia đến đợi
Anh giật mình đứng dậy
Đến giờ rồi hôm nay
Trên tay cóc nhỏ không đây
Uống chúc bạn bè ở lại
Thôi xin tha cho mọi lỗi lầm
Quên cho những dối lừa khoác lác
Mong anh em hiểu đừng cười
Tôi giở lại đáy chìa khoá...*

Qua mỗi chặng đường thơ từ chiến tranh sang cuộc sống thời bình, Nguyễn Đình Thi đều đặt cho ra đời những tập thơ mới, thể hiện suy nghĩ và xúc cảm của mình trước tác động của thời cuộc. Từ tập thơ *Người chiến sĩ* xuất bản năm 1956, bao gồm chủ yếu những bài thơ viết trong khói lửa kháng chiến chống Pháp qua *Dòng sông trong xanh* (1974) quy tụ những bài thơ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến *Tia nắng* (1983), *Trong cát bụi* (1992), và *Sóng reo* (2002), tập thơ nào của ông cũng có thể rút ra đỏi bài thơ hay, mang dấu ấn của một thời như *Chia tay trong đêm Hà Nội* (1967), có bài gợi cảm hứng cho nhạc sĩ phổ thành ca khúc, nhanh chóng được đồng đảo công chúng ưa thích như *Lá đỏ* (1974), v.v. Hoặc ít ra cũng có thể lấy ra được những dòng thơ hay, chỉ đọc một lần là ngân vang mãi trong trí nhớ. Đó gần như là những câu thơ ngọt chắt lọc của cả một đời cầm bút.

Đã có nhiều nhà thơ viết rất hay về vẻ đẹp đất nước, quê hương, Nguyễn Đình Thi cũng góp thêm vào đây những vần thơ đạt dào mà sâu lắng bằng giọng điệu riêng của mình :

*Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường hút ngát
Những dòng sông đỏ nồng phù sa.
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.*

(Đất nước)

Những vần thơ đây chất tạo hình mà ở đó cảm xúc như nén chặt lại với xa xót, nghẹn ngào, sôi sục :

*Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều.*

(Đất nước)

Tình yêu Tổ quốc, tình yêu con người và tình yêu đôi lứa là những cảm hứng lớn, thường trực trong thơ Nguyễn Đình Thi. Ở trạng thái tâm hồn tinh tế và phúc tạp này Nguyễn Đình Thi cũng để lại những câu thơ xuất sắc. Có khi là một sự kết hợp giữa cái tôi với thế giới cộng đồng, giữa tình yêu đôi lứa với ý thức trách nhiệm của người công dân :

*Ngôi sao nhớ ai mà sao láp lánh
Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây
Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh
Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây
Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần...*

(Nhớ)

*Em đứng bên đường như quê hương
Vui áo bạc quàng súng trường*

(Lá đât)

*Anh nắm cánh tay em và đứng lại
Ôi anh không còn biết đang ở đâu
Em*
Anh ôm chặt em và ôm cả khâu súng trường bên vai em
(*Chia tay trong đêm Hà Nội*)

Nhưng cũng có lúc tình yêu thốt lên bằng tiếng nói đơn cõi của chính nó :

*Họ đi giữa trời đầy sao
Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì, họ chỉ thấy nhau.*

Hoặc lặng lẽ xa vắng :

Cỏ mòn thơm mãi chân em...

Thơ ca là bộ phận quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp trước tác của Nguyễn Đình Thi, nơi đây dường như bộc lộ rõ nét tài năng và diện mạo, cốt cách tâm hồn của tác giả khiến cho một số nhà phê bình tỏ ra băn khoăn tại sao nhà văn không thâm canh hơn nữa trong vùng đất sở trường này, thậm chí còn giả định, giá chuyên tâm với thơ ca, sự nghiệp của Nguyễn Đình Thi đã có thể có một tầm vóc khác ! ?

Ngược lại cũng có ý kiến cho rằng dù dàn trải ra nhiều thể loại nhưng giữa những tác phẩm khác nhau ấy vẫn gắn kết lại với nhau từ bên trong để bổ sung và tôn nhau lên, cùng chung đúc tạo thành thế giới nghệ thuật duy nhất của Nguyễn Đình Thi với một chiêu kích tổng hợp vượt khỏi tầm mức mà từng tác phẩm đứng riêng rẽ không sao đạt được. Đó là hai hướng tiếp cận sáng tác của Nguyễn Đình Thi mà mỗi cách đều có ưu thế riêng, giới hạn riêng. Nhưng chính sự phản ứng trong thái độ tiếp nhận này lại chứng tỏ một thực tế khác là thế giới nghệ thuật của Nguyễn Đình Thi gợi mở nhiều con đường cảm thụ khác nhau. Trong chiêu hướng này, sự nghiệp sáng tạo của người nghệ sĩ dường như mới mang chứa tính đa chiêu kích vốn là thuộc tính, là phẩm tính nghệ thuật đích thực... và quá trình tiếp nhận tác phẩm nghệ thuật vì thế sẽ không khép kín, ngưng đọng mà luôn luôn mời gọi, những cách thể chiếm lĩnh, lý giải cộng cảm khác nhau. Tuỳ theo góc nhìn, tầm nhìn, vốn trải nghiệm của người đọc, của nhà phê bình...

Bên cạnh những giá trị đặc sắc trong thơ ca, bước vào hoạt động sân khấu, Nguyễn Đình Thi cũng mang lại cho hình thức văn học này những cống hiến đáng ghi nhận. Về số lượng, kịch bản của Nguyễn Đình Thi chưa thật dồi dào, đến nay mới thấy công bố chín tác phẩm. Nhưng phải nhận rằng kịch bản nào cũng được viết với một bút pháp độc đáo và táo bạo, thực sự là một sự tìm tòi nhằm cách tân phương pháp biên kịch nhằm mở rộng sức chứa, dung lượng chuyển tải cũng như nâng cao chất văn học, tính khái quát và chiều sâu triết lý của thể loại kịch, một hình thức văn học vốn rất "bướng bỉnh", rất khó chế ngự với bất kỳ cây bút viết văn nào muốn sử dụng nó.

Kịch Nguyễn Đình Thi mờ ra ba dạng để cặp khắc nhau từ những tác phẩm khởi nguồn cảm hứng ở kho tàng huyền thoại, cổ tích dân gian như *Con nai đen* (1961), *Người đàn bà hoá đá* (1980), *Cái bóng trên tường* (1983), *Hòn cuội* (1983 - 1986) qua các sáng tác trở về khai thác chất liệu trong quá khứ lịch sử dân tộc như *Rừng trúc* (1978), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (1979), đến những tích truyện của cuộc sống đương đại từ chiến tranh sang hoà bình như *Hoa và Ngần* (1975), *Giấc mơ* (1979), *Tiếng sóng* (1985) nhưng vẫn thống nhất ở cung cách diễn tả, trình bày, triển khai mâu thuẫn, hành động kịch ở chiều hướng đi sâu vào nội tâm nhân vật, vào âm hưởng của các sự biến kịch dội vào tâm trạng, tư tưởng của nhân vật buộc nó phải tỏ ra thái độ và hành động như thế nào. Không gian thời gian sân khấu theo dòng xúc cảm và ý thức của nhân vật cũng di chuyển linh hoạt. Cái hư và cái thực trong kịch Nguyễn Đình Thi đan xen vào với nhau, tạo cơ hội cho nhà văn khám phá chiều sâu tâm tưởng, thậm chí chạm đến cả những vùng mờ tối của giấc mơ, của thế giới mơ hồ trong tiềm thức,... Một số kịch bản của Nguyễn Đình Thi hiện diện trên sàn diễn đã ghi dấu những đóng góp lớn cho sân khấu Việt Nam hiện đại như *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*, *Rừng trúc*...

Theo cảm nhận chủ quan, tôi cho rằng thơ và kịch là hai lĩnh vực sáng tạo thành công nhất của Nguyễn Đình Thi.

Tuy nhiên ở các phương diện khác ông cũng có những đóng góp đáng kể vào sinh hoạt văn học đất nước ta, các công trình lý luận phê bình hay văn xuôi chính luận của ông như : *Máy văn để văn học*

(1956, tái bản 1958), *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn học hiện nay* (1957), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964) cho thấy mặt mạnh của một nhà văn viết lý luận, phê bình văn học với nhiều ý kiến sâu sắc, tinh tế, uyên bác mà đầy sức thuyết phục của những cảm nhận đúc rút mang tính nghiệm sinh. Những bài viết của ông về đặc trưng thẩm mỹ thể loại của thơ và các tiểu thuyết thật đặc sắc và gợi mở, là những dấu ấn quan trọng của ý thức văn nghệ Việt Nam. Tuỳ bút *Nhận đường* là một tác phẩm văn xuôi chính luận những năm đầu kháng chiến.

Nguyễn Đình Thi có những đóng góp không nhỏ vào thành tựu chung của tiểu thuyết hiện đại Việt Nam bằng một loạt tác phẩm văn xuôi. Từ những truyện mang tính phóng sự ghi nhanh, gắng gỏi theo sát diễn biến của thời sự chiến tranh với *Xung kích* (1951), *Thu đông năm nay* (1954), *Vào lửa* (1966), *Mặt trận trên cao* (1967) đến những trang văn đi sâu vào thế giới phức tạp của tâm trạng con người trong bối cảnh chiến tranh trong tập truyện ngắn *Bên bờ sông Lô* (1957), hoặc mang khát vọng vươn tới khái quát cả một phạm vi đời sống rộng lớn từ đô thị tới nông thôn, để có thể đạt tới tính chất tổng hợp, thâu tóm quá trình vận động của lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc từ bị áp bức di tới quật khởi thông qua sự thăng trầm của những thàn phận người đại diện cho một số tầng lớp xã hội trước sự va đập xô đẩy của các biến cố xã hội đang ở vào thời khắc khủng hoảng, nung nấu những thay đổi đột biến ở bộ tiểu thuyết dài hơi *Võ bờ* (tập I công bố 1962, tập II công bố 1970).

Có thể ở người nghệ sĩ này, tiềm năng sáng tạo cùng với tri thức uyên bác lẫn sự từng trải lịch lâm trường đời, vì những nguyên do nào đấy thuộc về khách quan hoặc chủ quan chưa được huy động tối đa, chưa được quy tụ, kết tinh một cách riết r้าo, triệt để nhằm biến nhiều ý tưởng mới ở dạng dự đồ, phác thảo, đang ấp ủ, đang thai nghén định hình, thành tác phẩm như ước muốn của chính Nguyễn Đình Thi, cũng như niềm mong đợi của đồng nghiệp và kỳ vọng của công chúng, nhưng toàn bộ những gì đã công bố cũng dù để đưa Nguyễn Đình Thi vào đội ngũ những nhà văn hàng đầu của nước ta ở thế kỷ XX. Giải thưởng Hồ Chí Minh cao quý đợt I thể hiện sự ghi nhận ấy...

Thời gian tiếp tục kiểm nghiệm và đánh giá lại những giá trị nhu nó vẫn thường làm. Có điều sự nghiệp của Nguyễn Đình Thi vẫn nổi bật ở cốt cách văn hoá, tâm trí thức nhà văn đã đem vào văn học, khiến cho những tác phẩm mang tên ông, dù dưới hình thức thể loại nào, dù đề cập đến phạm vi hiện thực nào cũng mang được tầm nhìn xa rộng, bao quát cả một chiều thời gian lịch sử dài để soi rọi, lý giải và làm sáng tỏ các nội dung mà nhà văn quan tâm nhất là mô tả và cắt nghĩa diện mạo và phẩm chất của con người Việt Nam mới trong thời đại Hồ Chí Minh đã đi từ bóng tối vươn ra ánh sáng, đã "rũ bùn đứng dậy sáng loà" như thế nào.

Cuộc đời và sự nghiệp sáng tạo của Nguyễn Đình Thi nổi bật bài học lớn về sự gắn bó máu thịt của người nghệ sĩ với đất nước, với cách mạng, với thời đại. Nhà văn Nguyễn Đình Thi hơn ai hết ý thức sâu sắc sứ mệnh to lớn của nhà văn cùng vai trò quan trọng của văn học trong xã hội. Ông hiểu một cách thấm thía rằng, nhà văn trước tiên phải nhận thức đúng đắn được bản chất của hiện thực, phải sáng suốt trong khi nhận đường, rồi sau đó lại phải không ngừng phấn đấu sáng tạo nên những tác phẩm tác động tích cực vào sự phát triển của đời sống.

Tạp chí *Văn học nghệ thuật*, số 5 - 2003

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
<i>Lời giới thiệu</i>	<i>Hà Minh Đức</i> 5
<i>Sơ lược tiểu sử và danh mục tác phẩm của Nguyễn Đình Thi</i>	15
<i>Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Hà Minh Đức</i> 17

Phần một NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI

<i>Lời tặng Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Uédégo Xinvecte</i> 41
<i>Nhà văn Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Chu Nga</i> 43
<i>Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Phan Cự Đệ</i> 52
<i>Ngôi nhà của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Đinh Quang Tấn</i> 74

Phần hai TRUYỆN, TIỂU THUYẾT CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI

<i>Một vài cảm tưởng sau khi đọc truyện</i>	
<i>Bến bờ sông Lô của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Nguyễn Khai</i> 81
<i>Đọc những tiểu thuyết viết về quân đội của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Nguyễn Xuân Nam</i> 85
<i>Vào lửa, tập truyện đầu tiên về cao xạ pháo</i>	<i>Hà Minh Đức</i> 98
<i>Máy suy nghĩ nhân đọc Vào lửa của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Thành Duy</i> 104
<i>Hai cuốn tiểu thuyết chống Mỹ của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Trịnh Xuân An</i> 114
<i>Võ bờ (quyển I) của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Vũ Ngọc Phan</i> 123
<i>Võ bờ, một thành công mới của Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Hà Minh Đức</i> 131

Về tiểu thuyết <i>Võ bờ</i> của Nguyễn Đình Thi	<i>Đỗ Mười</i>	139
<i>Võ bờ</i> , một bước tiến mới của nền tiểu thuyết Việt Nam	<i>Tịnh Sơn</i>	141
<i>Võ bờ</i> của Nguyễn Đình Thi	<i>Nguyễn Phan Ngọc</i>	154
Xung quanh vấn đề <i>Võ bờ</i>	<i>Phong Lê</i>	165
<i>Võ bờ</i> và nghệ thuật tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi	<i>Nguyễn Văn Hạnh</i>	180
Tiểu thuyết <i>Võ bờ</i> của Nguyễn Đình Thi	<i>Phan Cự Đệ</i>	188
Thêm một vài khía cạnh trong việc đánh giá tiểu thuyết <i>Võ bờ</i>	<i>Khái Vinh</i>	201

Phân ba THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

Tranh luận về thơ Nguyễn Đình Thi		213
Thơ Nguyễn Đình Thi	<i>Nguyễn Xuân Nam</i>	228
Nguyễn Đình Thi - Nhà thơ hiện đại	<i>Hoàng Cát</i>	246
Từ <i>Không nói đến Lá đỏ</i> - một nét Nguyễn Đình Thi	<i>Triệu Dương</i>	249
Cảm nghĩ về bài <i>Lá đỏ</i>	<i>Phạm Hồ</i>	253
Những chặng đường thơ Nguyễn Đình Thi	<i>Hà Minh Đức</i>	256
Nguyễn Đình Thi từ quan niệm đến thơ	<i>Mai Hương</i>	264
Thơ Nguyễn Đình Thi	<i>Tôn Phương Lan</i>	278
<i>Đất nước</i>	<i>Vũ Quần Phương</i>	288
<i>Đất nước</i> của Nguyễn Đình Thi	<i>Hà Minh Đức</i>	293
Cội tích mịch trong thơ Nguyễn Đình Thi	<i>Đỗ Minh Tuấn</i>	301
Một vài đặc điểm về ngôn ngữ thơ Nguyễn Đình Thi	<i>Lê Thị Chính</i>	307

Phản bối

LÝ LUẬN PHÈ BÌNH VÀ KỊCH NGUYỄN ĐÌNH THI

Nhận đọc <i>Mấy vấn đề văn học và Một số vấn đề dấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay</i> của Nguyễn Đình Thi	<i>Lê Anh Trà</i>	319
Cây bút lý luận phê bình Nguyễn Đình Thi	<i>Lê Đình Kỳ</i>	334
Nguyễn Đình Thi và việc viết tiểu thuyết	<i>Vũ Đức Phúc</i>	341
Đọc hai vở kịch ngắn của Nguyễn Đình Thi	<i>Huy Cận</i>	349

<i>Thế giới kịch Nguyễn Đình Thi</i>	<i>Tát Thắng</i>	351
<i>Rừng trúc</i> của Nguyễn Đình Thi và một số vấn đề lý luận sáng tác về đề tài lịch sử	<i>Phan Trọng Thường</i>	360
21 năm - chặng đường gập ghềnh của <i>Rừng trúc</i> từ bản thảo lên sàn diễn	<i>Nguyễn Văn Thành</i>	373
<i>Rừng trúc</i> dự cảm liệu có thành hiện thực ?	<i>Sao Mai</i>	376
Về vở <i>Giác mơ</i> và tác giả	<i>Marian Tkatchep</i>	378
Một số hình thái xung đột trong kịch của Nguyễn Đình Thi	<i>Lê Thị Chính</i>	385

Phần năm

VĨNH BIỆT NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH THI

Nhớ làm sao hối nỗi, Thi ơi	<i>Tô Hoài</i>	401
Nhớ anh Nguyễn Đình Thi	<i>Vũ Giáng Hương</i>	404
Vĩnh biệt nhà văn Nguyễn Đình Thi	<i>Hữu Thỉnh</i>	409
Nguyễn Đình Thi trẻ mãi	<i>Vũ Tú Nam</i>	412
Nguyễn Đình Thi - Tài năng quý hiếm của văn nghệ Việt Nam	<i>Anh Đức</i>	414
Nhà văn Nguyễn Đình Thi với <i>Con nai đen</i>	<i>Nguyễn Quang Sáng</i>	416
Nguyễn Đình Thi người trẻ mãi không già	<i>Đặng Nhật Minh</i>	419
Bài thơ <i>Không nói</i> của Nguyễn Đình Thi và một thời để nhớ	<i>Đặng Thanh Lê</i>	423
Tưởng nhớ nhà văn Nguyễn Đình Thi	<i>Hà Minh Đức</i>	432
Nguyễn Đình Thi và lời vĩnh biệt mùa thu	<i>Đặng Anh Dao</i>	435
Nguyễn Đình Thi - Từ phía thơ	<i>Vũ Quán Phương</i>	440
Nguyễn Đình Thi - Người khách của đời người chủ của văn chương	<i>Phạm Tiến Duật</i>	444
Ấn tượng về một bản lĩnh văn hoá	<i>Bằng Việt</i>	448
Vĩnh biệt người đa tài thế kỷ	<i>Nguyễn Trọng Tạo</i>	451
Nguyễn Đình Thi - người nghệ sĩ, chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng	<i>Trịnh Đình Khôi</i>	455
Cốt cách văn hoá trong sáng tạo của Nguyễn Đình Thi	<i>Nguyễn Văn Thành</i>	461

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bàn thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại TP. Hà Nội

NGUYỄN XUÂN HOÀ

Biên tập nội dung :

HOÀNG PHÙNG

Biên tập tái bản :

GIANG KHẮC BÌNH

Trình bày bìa :

PHẠM NGỌC TỐI

Sửa bản in :

PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)

Tổng phát hành :

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

NGUYỄN ĐÌNH THI

Về tác giả và tác phẩm

Mã số: 8V341T7-NĐN

In 1.000 quyển khổ 16 x 24 cm, tại Công ty In Bình Định, 114 Tầng Bạt Hổ,
TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Số in: 75. Số XB: 08-2007/CXB/303-2078/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2007.



Nguyễn Đình Thi

VỀ TÁC GIA VÀ TÁC PHẨM



8 934980 753408



Giá: 113.000 đ